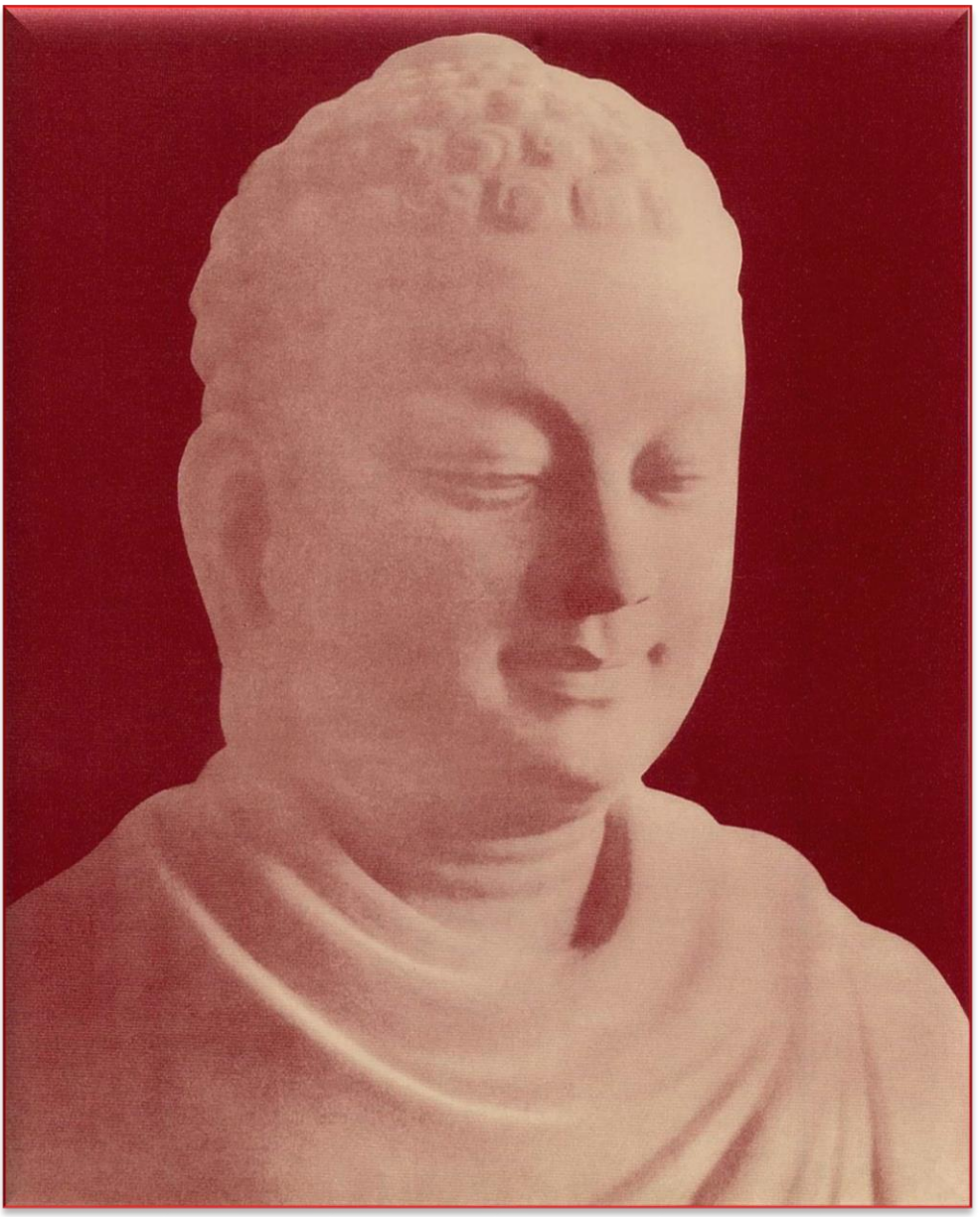

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 27

BỘ BÁT NHÃ

X

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 27

BỘ BÁT NHÃ
X

SỐ 220

(QUYỂN 451→500)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ BÁT NHÃ 10 – T027

SỐ 220 1
KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 1
QUYỂN 451 2
Phẩm 56: Mộng hành 2
Phẩm 57: Nguyện hạnh 5
Phẩm 58: Căng-già Thiên 15
QUYỂN 452 18
Phẩm 59: Tập cận 18
Phẩm 60: Tăng thượng mạn (1) 30
QUYỂN 453 35
Phẩm 60: Tăng thượng mạn (2) 35
QUYỂN 454 51
Phẩm 60: Tăng thượng mạn (3) 51
Phẩm 61: Đồng học (1) 65
QUYỂN 455 71
Phẩm 61: Đồng học (2) 71
Phẩm 62: Đồng tánh (1) 79
QUYỂN 456 87
Phẩm 62: Đồng tánh (2) 87
Phẩm 63: Không phân biệt 90
Phẩm 64: Kiên cố, Chẳng kiên cố (1) 100
QUYỂN 457 104
Phẩm 64: Kiên cố, Chẳng kiên cố (2) 104
Phẩm 65: Thật ngữ (1) 116
QUYỂN 458 121
Phẩm 65: Thật ngữ (2) 121
Phẩm 66: Vô tận 131
QUYỂN 459 137
Phẩm 67: Tương Nhiếp 137
QUYỂN 460 153
Phẩm 68: Xảo tiện (1) 153
QUYỂN 461 170
Phẩm 68: Xảo tiện (2) 170
QUYỂN 462 187
Phẩm 68: Xảo tiện (3) 187
QUYỂN 463 207

Phẩm 68: Xảo tiện (4) 207
Phẩm 69: Ví dụ cây 211
QUYỂN 464 224
Phẩm 70: Bồ-tát hạnh 224
Phẩm 71: Thân cây 229
Phẩm 72: Học tất cả (1) 234
QUYỂN 465 242
Phẩm 72: Học tất cả (2) 242
Phẩm 73: Tuần tự (1) 257
QUYỂN 466 262
Phẩm 73: Tuần tự (2) 262
Phẩm 74: Không tướng (1) 273
QUYỂN 467 280
Phẩm 74: Không tướng (2) 280
Phẩm 75: Không Tạp (1) 291
QUYỂN 468 297
Phẩm 75: Không Tạp (2) 297
Phẩm 76: Các đức tướng (1) 308
QUYỂN 469 314
Phẩm 76: Các đức tướng (2) 314
QUYỂN 470 332
Phẩm 76: Các đức tướng (3) 332
QUYỂN 471 352
Phẩm 76: Các đức tướng (4) 352
Phẩm 77: Thiện đạt (1) 359
QUYỂN 472 371
PHẨM 77: Thiện đạt (2) 371
QUYỂN 473 390
Phẩm 77: Thiện đạt (3) 390
Phẩm 78: Thật tế (1) 393
QUYỂN 474 408
Phẩm 78: Thật tế (2) 408
Phẩm 79: Không khiếm khuyết (1) 421
QUYỂN 475 426
Phẩm 79: Không khiếm khuyết (2) 426
QUYỂN 476 443
Phẩm 80: Đạo Sĩ 443
QUYỂN 477 461
Phẩm 81: Chánh định 461

Phẩm 82: Phật Pháp 473
QUYỂN 478 480
Phẩm 83: Vô sự 480
Phẩm 84: Thật thuyết 487
Phẩm 85: Không tánh 499
QUYỂN 479 502
Phẩm 1: Duyên khởi 502
Phẩm 2: Xá-lợi tử (1) 509
QUYỂN 480 521
Phẩm 2: Xá-lợi tử (2) 521
QUYỂN 481 539
Phẩm 2: Xá-lợi tử (3) 539
QUYỂN 482 556
Phẩm 2: Xá-lợi tử (4) 556
Phẩm 3: Thiện Hiện (1) 566
QUYỂN 483 573
Phẩm 3: Thiện Hiện (2) 573
QUYỂN 484 593
Phẩm 3: Thiện Hiện (3) 593
QUYỂN 485 612
P Phẩm 3: Thiện Hiện (4) 612
QUYỂN 486 633
Phẩm 3: Thiện Hiện (5) 633
QUYỂN 487 653
Phẩm 3: Thiện Hiện (6) 653
QUYỂN 488 670
Phẩm 3: Thiện Hiện (7) 670
QUYỂN 489 689
Phẩm 3: Thiện Hiện (8) 689
QUYỂN 490 706
Phẩm 3: Thiện Hiện (9) 706
QUYỂN 491 722
Phẩm 3: Thiện Hiện (10) 722
QUYỂN 492 740
Phẩm 3: Thiện Hiện (11) 740
QUYỂN 493 760
Phẩm 3: Thiện Hiện (12) 760
QUYỂN 494 776
Phẩm 3: Thiện Hiện (13) 776

QUYỂN 495 792
Phẩm 3: Thiện Hiện (14) 792
QUYỂN 496 809
Phẩm 3: Thiện Hiện (15) 809
QUYỂN 497 828
Phẩm 3: Thiện Hiện (16) 828
QUYỂN 498 847
Phẩm 3: Thiện Hiện (17) 847
Phẩm 4: Thiên Đế (1) 860
QUYỂN 499 864
Phẩm 4: Thiên Đế (2) 864
QUYỂN 500 883
Phẩm 4: Thiên Đế (3) 883
Phẩm 5: Hiện Bảo tháp (1) 893

-oOo-

SỐ 220

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN 451→500

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 451

Phẩm 56: Mộng hành

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nếu ở trong mộng, Đại Bồ-tát thực hành ba môn Tam-ma-địa này thì có ích lợi gì đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

Thiện Hiện thưa:

–Nếu vào ban ngày Đại Bồ-tát thực hành ba môn Tam-ma-địa này có lợi ích đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì trong mộng thực hành việc ấy cũng có lợi ích. Vì sao vậy? Này Xá-lợi Tử, ngày và đêm đều giống nhau. Nếu vào ban ngày, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đã được gọi là tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa thì ở trong mộng Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng được gọi là tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, ba môn Tam-ma-địa có lợi ích đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng giống như vậy.

Khi ấy Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Các bậc Đại Bồ-tát tạo nghiệp ở trong mộng có tăng thêm lợi ích hay tổn giảm không?

Phật nói:

–Pháp hữu vi hư vọng không thật cũng như sự tạo tác trong mộng, tại sao nói nghiệp kia có lợi ích hay tổn giảm? Vì sao vậy? Chẳng những các nghiệp đã tạo trong mộng có sự tăng giảm, mà đến khi tỉnh, nhớ tưởng phân biệt các việc đã tạo trong mộng vẫn có sự lợi ích hoặc tổn giảm.

Thiện Hiện đáp:

–Có người ban ngày giết người rồi ban đêm nằm mộng nhớ tưởng phân biệt lấy làm vui sướng, lại có người nằm mộng thấy mình giết người khác, đến lúc thức họ rất vui mừng, ông hiểu sao về hai nghiệp như vậy?

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nếu không có nhân duyên thì sự suy nghĩ và nghiệp đều không sinh được, cần phải có nhân duyên sự suy nghĩ và nghiệp mới phát sinh. Trong mộng sự suy nghĩ và nghiệp duyên theo vật gì để phát sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Hoặc mộng hoặc tỉnh, nếu không có vật để duyên theo thì sự suy nghĩ và nghiệp không sinh, phải có chỗ để duyên theo thì sự suy nghĩ và nghiệp mới phát sinh. Vì sao vậy? Này Xá-lợi Tử, cần có tuệ giác chuyển ở trong pháp thấy, nghe, hay biết, do đó mới sinh ra nhiễm hoặc tịnh. Nếu không có các pháp thấy, nghe, hay biết, không có tuệ giác chuyển các pháp thì cũng không có nhiễm tịnh. Do đó nên biết lúc mộng hoặc tỉnh cần phải có nhân duyên thì sự suy nghĩ và nghiệp mới sinh, nếu không có nhân duyên thì ý nghĩ và nghiệp không sinh.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Phật nói ý nghĩ và nghiệp đều lìa tự tánh, làm sao nói phải có nhân duyên chúng mới phát sinh được?

Thiện Hiện đáp:

–Tuy ý nghĩ, nghiệp và các nhân duyên đều có tự tánh là không nhưng do tâm ta chấp tướng, phân biệt nên nói ý nghĩ và nghiệp có nhân duyên sinh, nếu không có nhân duyên thì ý nghĩ và nghiệp không phát sinh.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nếu ở trong mộng, Đại Bồ-tát tuy tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa rồi đem căn lành ấy cho khắp các hữu tình một cách bình đẳng để cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột thì Đại Bồ-tát ấy có thật sự hồi hướng để cầu quả vị Giác ngộ cao tột không?

Thiện Hiện đáp:

–Bồ-tát Từ Thị từ lâu đã được thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột, chỉ còn một đời sẽ được làm Phật; Ngài có thể trả lời tất cả các lời vấn nạn, hội chúng nên thưa hỏi Ngài, nhất định Bổ xứ Từ Tôn sẽ đáp cho nghe.

Theo lời Thiện Hiện, Xá-lợi Tử cung kính thưa hỏi Bồ-tát Từ Thị.

Lúc ấy, Bồ-tát Từ Thị bảo Xá-lợi Tử:

–Những gì gọi là Từ Thị có thể đáp? Là sắc chăng? Là thọ, tưởng, hành, thức chăng? Là không sắc chăng? Là không thọ, tưởng, hành, thức chăng? Vả lại sắc không thể đáp; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể

đáp; không sắc không thể đáp; không thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể đáp. Vì sao vậy? Này Xá-lợi Tử, ta không thấy có pháp nào có thể đáp, ta không thấy có pháp được đáp, nơi đáp và lúc đáp. Do đó, ta cũng không thấy việc đáp. Ta không thấy pháp nào có thể ghi nhớ, ta không thấy pháp được ghi nhớ, nơi ghi nhớ và lúc ghi nhớ. Do đó ta cũng không thấy việc ghi nhớ. Vì sao vậy? Bởi vì bản tánh của tất cả các pháp đều là không, không sở hữu, không hai, không khác, tìm kiếm rốt cùng cũng không được gì.

Cụ thọ Xá-lợi Tử lại hỏi Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Có phải pháp Ngài chứng được là như điều Ngài đã nói không?

Đại Bồ-tát Từ Thị đáp:

–Pháp tôi chứng được không giống như điều tôi đã nói. Vì sao vậy? Này Xá-lợi Tử, đó là vì pháp tôi đã chứng là điều không thể nói được.

Khi ấy, Xá-lợi Tử suy nghĩ: "Bồ-tát Từ Thị có trí tuệ sâu rộng, từ lâu đã tu tất cả các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa một cách viên mãn, dùng vô sở đắc làm phương tiện và có thể đối đáp như vậy đối với các vấn nạn."

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Ý ông nghĩ sao? Nhờ pháp này ông chứng quả A-la-hán, ông có thể nói về tánh của pháp đó không?

Xá-lợi Tử đáp:

–Không, bạch Đức Thế Tôn.

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Cũng như vậy, không thể nói về tánh của pháp mà Đại Bồ-tát chứng được khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa. Đại Bồ-tát đó không nghĩ rằng: "Nhờ pháp này mà ta đã được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột", cũng không nghĩ rằng: "Nhờ pháp này, ta sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột." Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không có do dự: "Ta có đắc được quả vị Giác ngộ cao tột hay không", mà chỉ nghĩ rằng: "Ta nhất định sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột."

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, khi nghe pháp thậm thâm, tâm họ không kinh sợ, không chìm đắm, không buồn rầu, hối hận, tự biết mình chắc chắn sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột mà mình mong cầu và làm lợi lạc hữu tình cho đến tận đời vị lai.

-oOo-

Phẩm 57: Nguyện hạnh

Bấy giờ Phật bảo Cụ thọ Thiện Hiện:

–Có Đại Bồ-tát tu hạnh Bố thí ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình bị đói khát bức bách, áo quần rách nát, thiếu thốn đồ dùng để nằm, của cải mà họ mong cầu đều không được như ý. Sau khi thấy việc đó vị ấy suy nghĩ: "Ta phải làm sao để cứu vớt các loài hữu tình này, làm cho họ lìa bỏ xan tham và không còn thiếu thốn." Sau khi suy nghĩ vị ấy nguyện rằng: "Ta phải siêng năng tu hạnh Bố thí ba-la-mật-đa, không có luyến tiếc, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho mau được viên mãn và nhanh chóng chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật ta không có các loài hữu tình thiếu thốn của cải như vậy. Như chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên vương cho đến cõi trời Tha hóa tự tại hưởng thọ đủ loại đồ đạc và thú vui vi diệu, các loài hữu tình trong cõi Phật của ta cũng hưởng thọ và dùng đủ loại đồ đạc và thú vui vi diệu." Này Thiện Hiện, do hạnh Bố thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này sớm được viên mãn và mau chóng chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình phiền não bùng cháy, giết hại lẫn nhau, chấp chặt tà kiến. Do đó tuổi thọ ngắn, nhiều bệnh, dung nhan tiều tụy, không có oai đức của cải thiếu thốn, sinh trong nhà hèn hạ, thân thể khuyết tật, làm nhiều việc hèn mọn, dơ bẩn. Sau khi thấy việc đó vị ấy suy nghĩ: "Ta phải làm gì để cứu giúp các loài hữu tình này, làm cho họ xa lìa quả báo của các nghiệp ác." Sau khi suy nghĩ vị ấy nguyện rằng: "Ta sẽ siêng năng không hối tiếc tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, khiến cho mau chóng viên mãn và chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Nguyện cho trong cõi Phật ta không có các loài hữu tình chịu quả báo của các nghiệp ác như vậy, tất cả hữu tình đều thực hành mười nẻo nghiệp thiện, hưởng quả báo thù thắng như là sống lâu..." Này Thiện Hiện, do Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chóng chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình giận dữ lẫn nhau, miệng phóng giáo mác hủy mạ lăng nhục và dùng dao gậy tàn hại lẫn nhau cho đến khi chấm dứt thân mạng họ vẫn không xả bỏ ác tâm. Sau khi thấy việc này, vị ấy suy nghĩ: "Ta phải

làm sao để cứu giúp các loài hữu tình này giúp họ xa lìa các việc ác như vậy.” Sau khi tư duy vị ấy nguyện rằng: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hạnh An nhẫn ba-la-mật-đa đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, khiến cho mau được viên mãn và chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho cõi Phật ta có được các loài hữu tình không có các nghiệp ác và phiền não như vậy, tất cả hữu tình lần lượt coi nhau như cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, quyến thuộc không chống trái nhau.” Này Thiện Hiện, nhờ tu hạnh An nhẫn ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chóng chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình giải đãi biếng nhác, không siêng năng tinh tấn, xả bỏ ba thừa, lại không thể tu nghiệp thiện cõi người, cõi trời. Sau khi thấy việc này vị ấy suy nghĩ: “Ta phải làm sao để cứu giúp các loài hữu tình này, giúp họ lìa bỏ sự biếng nhác giải đãi.” Sau khi tư duy, vị ấy nguyện rằng: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, khiến cho mau chóng viên mãn và sớm chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật ta không có các loài hữu tình biếng nhác, giải đãi như vậy, tất cả hữu tình đều dũng mãnh tinh tấn, siêng tu nẻo thiện và tu nhân ba thừa, được sinh trong trời, người và mau chóng được giải thoát.” Này Thiện Hiện, nhờ tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa này mà Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình bị năm uẩn che lấp làm mất vô lượng, vô biên các thiền định. Sau khi thấy các việc này vị ấy tư duy: “Ta phải làm sao để cứu giúp các loài hữu tình này, làm họ xa lìa các sự ngăn che và loạn động.” Sau khi tư duy, vị ấy nguyện rằng: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hạnh Tĩnh lự ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, khiến cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột; nguyện cho trong cõi Phật ta không có các loài hữu tình bị ngăn che và tán loạn như vậy, tất cả các hữu tình đều tự do ra vào các loại thiền định vi diệu thù thắng.” Này Thiện Hiện, do tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa này mà Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình ngu si, có cái thức tâm ác độc, làm mất chánh kiến ở thế gian

và xuất thế gian, cho rằng không có nghiệp thiện ác và quả báo của nghiệp, chấp đoạn, chấp thường, chấp một chấp khác, chấp đủ loại tà pháp giống hoặc khác nhau. Sau khi thấy việc đó vị ấy tư duy: "Ta phải làm sao để cứu giúp các loài hữu tình này, làm cho họ xa lìa ác kiến và tà chấp." Sau khi tư duy vị ấy nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, khiến cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật của ta không có các loài hữu tình có ác tuệ và tà chấp như vậy, tất cả hữu tình đều thành tựu chánh kiến và được trang nghiêm đầy đủ các loại trí tuệ vi diệu." Này Thiện Hiện, nhờ tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu tập đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình gồm ba nhóm khác nhau nên mới suy nghĩ: "Ta phải làm sao để cứu giúp các loài hữu tình giúp họ lìa bỏ nhóm tà định và bất định." Sau khi tư duy vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, khiến cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật ta không có danh từ tà định và bất định, tất cả hữu tình đều trụ chánh định." Này Thiện Hiện, nhờ tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và có thể nhanh chóng chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình đọa vào ba đường ác chịu các khổ não dữ dội. Sau khi thấy việc này vị ấy mới suy nghĩ: "Tôi phải làm sao để cứu giúp cho họ vĩnh viễn xa lìa nỗi khổ trong ba đường ác." Sau khi suy nghĩ, vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, khiến cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật của ta không có tên ba đường ác, tất cả các hữu tình đều thuộc về đường lành." Này Thiện Hiện, nhờ sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và có thể mau chóng chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình do nghiệp chướng ác nên phải ở nơi đất cao thấp không bằng phẳng có nhiều gò đồi, ngòi rãnh, hầm hố, cỏ hôi, gốc cây trơ

trụi, gai độc lởm chởm, bất tịnh đầy khắp. Thấy việc này rồi vị ấy suy nghĩ: "Ta phải làm sao để giúp các loài hữu tình làm cho họ diệt trừ vĩnh viễn các nghiệp chướng ác, được sống ở nơi đất bằng phẳng như lòng bàn tay không có các loại cỏ hôi và gốc cây trơ trụi." Sau khi tư duy, vị ấy nguyện rằng: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu sáu pháp Ba-la-mật-đa đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho cõi Phật ta không có các nghiệp, uế tạp như vậy, đất đai nơi đó bằng phẳng trang nghiêm có nhiều hoa quả rất đáng ưa thích." Này Thiện Hiện, nhờ sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và có thể mau chóng chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa thấy các hữu tình vì phước đức ít nên ở chỗ đất đai không có ngọc báu chỉ có những loại đất đá, ngói, gạch. Thấy việc này rồi, vị ấy suy nghĩ: "Ta phải làm sao để cứu giúp các loài hữu tình nhiều tội, ít phước như vậy, giúp cho họ được ở nơi giàu có nhiều châu báu." Sau khi suy nghĩ, vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật ta không có các loài hữu tình nhiều tội ít phước như vậy, có mặt đất lót cát vàng, chỗ nào cũng có phệ-lưu-ly và nhiều loại ngọc quý lạ, các hữu tình hưởng thọ những thứ đó không sinh đắm nhiễm." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và có thể mau chóng chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình hễ có được vật gì đều sinh tham đắm gây ra đủ loại nghiệp ác. Sau khi thấy việc đó, họ suy nghĩ: "Ta phải làm gì để cứu giúp các loài hữu tình đang bị lệ thuộc vào nhiều thứ như vậy, giúp họ vĩnh viễn lìa khỏi nghiệp ác tham đắm." Sau khi tư duy, vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật ta không có các loài hữu tình bị lệ thuộc vào nhiều thứ như vậy, tất cả hữu tình đều không bị lệ thuộc, đắm say sắc, thanh..." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát này sớm được viên mãn và có thể mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu tập đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình có bốn sắc loại quý, tiện khác nhau là Sát-đế-lợi, Bà-la-môn... Thấy việc này rồi họ liền suy nghĩ: "Ta phải làm gì để cứu vớt các loài hữu tình giúp họ không còn có sự quý, tiện khác nhau như vậy." Sau khi tư duy họ phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật của ta không có bốn sắc loại quý tiện khác nhau như vậy, tất cả hữu tình đều cùng một sắc loại đều thuộc về dòng họ tôn quý." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và có thể mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình có dòng họ thượng, trung, hạ khác nhau nên suy nghĩ: "Ta phải làm sao để cứu giúp các loài hữu tình, làm cho không còn các gia tộc thượng, trung, hạ khác nhau như vậy nữa." Sau khi suy nghĩ vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho cõi Phật ta không có các gia tộc thuộc hạng thượng, trung, hạ khác nhau như vậy, mà tất cả hữu tình đều thuộc thượng phẩm." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này nên Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình có hình sắc đẹp đẽ, xấu xí khác nhau nên liền suy nghĩ: "Ta phải làm gì để cứu vớt các loài hữu tình làm cho họ không còn có hình sắc đẹp xấu khác nhau." Sau khi tư duy, vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật của ta không có các loài hữu tình mang hình sắc đẹp xấu khác nhau như vậy mà tất cả hữu tình đều có sắc vàng ròng, xinh đẹp lạ thường mọi người đều thích nhìn, thuần thục nhan sắc thanh tịnh viên mãn bậc nhất." Này Thiện Hiện, nhờ sáu pháp Ba-la-mật-đa đó mà Đại Bồ-tát sớm được viên mãn, mau chóng chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình bị lệ thuộc chúa tể, không được tự do làm bất cứ việc

gì. Thấy việc đó rồi họ liền suy nghĩ: "Ta phải làm sao để cứu vớt các loài hữu tình giúp cho họ được tự tại." Sau khi tư duy vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho ở cõi Phật ta, các loài hữu tình không bị lệ thuộc người chủ và được tự do làm mọi việc cho đến không thấy hình ảnh của chúa tể, không nghe danh từ chúa tể, chỉ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng pháp thống nhiếp mọi người và được gọi là vua pháp." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa đó, Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình ở trong những đường khác nhau như là địa ngục... nên liền suy nghĩ: "Ta phải làm sao để cứu vớt các loài hữu tình, làm cho họ không còn các đường thiện ác khác nhau nữa." Sau khi suy nghĩ vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật ta không có các đường thiện ác khác nhau cho đến không có danh từ địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tố-lạc, người, trời, tất cả hữu tình đều giống nhau và đều tu một nghiệp là hòa hợp tu hành Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; an trụ vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tu tất cả hạnh Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật." Này Thiện Hiện, nhờ sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình gồm bốn loại khác nhau là sinh từ thai, trứng, nơi ẩm ướt và hóa sinh. Sau khi thấy việc này vị ấy suy nghĩ: "Ta phải làm gì để cứu vớt

họ làm cho không còn bốn loại được sinh bằng những cách khác nhau như thế.” Sau khi đã suy nghĩ, vị ấy phát nguyện: “Ta sẽ siêng năng không chút luyến tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật ta không có bốn loại được sinh bằng cách khác nhau như vậy mà tất cả các loài hữu tình đều được hóa sinh.” Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa đó, Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình không có trí tuệ của năm Thần thông không tự do làm mọi việc nên liền tư duy: “Ta phải làm gì để cứu giúp cho họ có được trí tuệ của năm Thần thông.” Sau khi tư duy, vị ấy phát nguyện: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho chúng sinh trong cõi Phật ta đều có trí tuệ của năm Thần thông và đều được tự tại.” Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu tập đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa thấy các hữu tình ăn thức ăn từng miếng, thân thể có các thứ đại tiểu tiện lợi, máu mủ hôi hám rất đáng nhàm chán, lìa bỏ. Khi thấy việc này vị ấy tư duy: “Ta phải làm sao để cứu vớt các loài hữu tình ăn thức ăn từng miếng, làm cho thân chúng không còn có sự đại tiểu tiện dơ bẩn.” Sau khi tư duy, vị ấy phát nguyện: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho các loài hữu tình trong cõi Phật ta đều chỉ hưởng thọ thức ăn Pháp hỷ vi diệu, tất cả đều giống như cõi trời Cực quang tịnh, không có sự dơ bẩn ở trong lẫn ngoài thân thể.” Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình thân không có ánh sáng, làm bất cứ việc gì cũng cần phải có ánh sáng bên ngoài chiếu soi. Khi thấy việc này, vị ấy tư duy: “Ta phải

làm sao để cứu vớt các loài hữu tình này làm cho chúng lìa khỏi thân thể không có ánh sáng như vậy.” Sau khi tư duy, họ phát nguyện: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho họ sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho thân của các loài hữu tình ở cõi Phật ta có đầy đủ ánh sáng, không phải nhờ ánh sáng bên ngoài chiếu soi.” Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa thấy nơi các hữu tình ở có ngày, đêm, có tháng, nửa tháng, thời tiết, năm tháng thay đổi không thường. Khi thấy việc này vị ấy suy nghĩ: “Ta phải làm sao để cứu vớt các loài hữu tình, làm cho nơi ở của chúng không có ngày đêm và sự thay đổi của thời tiết.” Sau khi suy nghĩ họ phát nguyện rằng: “Ta phải siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho trong cõi Phật ta không có danh từ ngày, đêm, tháng, nửa tháng, thời tiết...” Này Thiện Hiện, nhờ sáu pháp Ba-la-mật-đa đó mà Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình có tuổi thọ ngắn ngủi vị ấy liền suy nghĩ: “Ta phải làm sao để giúp các loài hữu tình này thoát khỏi tuổi thọ ngắn ngủi như vậy.” Sau khi tư duy, vị này phát nguyện: “Ta sẽ siêng năng không hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho các loài hữu tình ở trong cõi Phật ta có tuổi thọ dài khó có thể biết được là bao nhiêu kiếp.” Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này mà Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa thấy các hữu tình thân không có tướng tốt nên liền suy nghĩ: “Ta phải làm sao để cứu giúp làm cho các loài hữu tình có được tướng tốt.” Sau khi tư duy họ mới phát nguyện: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho thân của các loài hữu tình trong cõi Phật ta được trang

nghiêm bằng tướng tốt tròn đầy, khi thấy họ các hữu tình đều sinh khởi thú vui trong sạch vi diệu.” Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy những hữu tình lìa các căn lành liền suy nghĩ: “Ta phải làm sao để giúp cho các loài hữu tình này có đầy đủ căn lành.” Sau khi đã tư duy, vị ấy phát nguyện rằng: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho tất cả các loài trong cõi Phật ta đều thuần thục căn lành thù thắng, vi diệu; nhờ căn lành này, họ có thể sắm sửa đủ loại lễ vật thượng diệu để cúng dường chư Phật. Nhờ phước lực này, khi sinh ở nơi nào họ cũng có thể cúng dường chư Phật Thế Tôn.” Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình mang đủ các thứ bệnh trong thân tâm; thân có bốn thứ bệnh là bệnh gió, nóng, đàm và bệnh hỗn tạp; tâm cũng có bốn loại bệnh là bệnh tham, sân, si, mạn. Sau khi thấy việc này, họ suy nghĩ: “Ta phải làm sao để cứu giúp các hữu tình có thân tâm bị bệnh khổ như thế.” Sau khi tư duy vị ấy phát nguyện: “Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho thân tâm của các loài hữu tình trong cõi Phật ta được trong sạch, không có các bệnh khổ cho đến không có tên các thứ bệnh của thân tâm.” Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình có nhiều loại ý muốn, ưa thích ba thừa khác nhau. Sau khi thấy việc này họ suy nghĩ: “Ta sẽ phải làm sao để cứu vớt các loài hữu tình làm cho họ xả bỏ ý thích Nhị thừa và chỉ hướng đến Vô thượng Đại thừa.” Sau khi tư duy vị ấy phát nguyện: “Ta sẽ siêng năng không hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện

cho các loài hữu tình ở trong cõi Phật ta chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng muốn quả Thanh văn, Độc giác cho đến không có danh từ Nhị thừa." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình phát sinh tăng thượng mạn, chưa được nói là được, chưa chứng nói đã chứng. Sau khi thấy việc này, họ suy nghĩ: "Ta phải làm sao để cứu vớt các loài hữu tình giúp họ xả bỏ kết sử tăng thượng mạn." Sau khi suy nghĩ vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho cõi Phật ta không có người tăng thượng mạn như vậy, tất cả hữu tình đều lìa tăng thượng mạn." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau được trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác với ánh sáng, tuổi thọ và số đệ tử đều có giới hạn. Thấy việc này rồi họ suy nghĩ: "Ta phải làm sao để ánh sáng, tuổi thọ và số lượng đệ tử đều không có giới hạn." Sau khi tư duy vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, làm cho lúc bấy giờ ánh sáng, tuổi thọ và số lượng đệ tử của ta đều không có giới hạn." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này mà Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sống ở vùng đất có giới hạn liền suy nghĩ: "Ta phải làm gì để nơi ta cư trú có diện tích vô lượng." Sau khi tư duy, vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho đại thiên thế giới ở mười phương nhiều như số cát sông Hằng hợp thành một cõi, ta ở trong đó thuyết pháp giáo hóa vô lượng, vô số, vô biên hữu tình." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát đó sớm được viên mãn và mau chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình ở lâu dài trong sinh tử và có vô số các cõi hữu

tình. Thấy việc này rồi, vị này suy nghĩ: "Bờ mé sinh tử giống như hư không, các cõi hữu tình cũng như hư không, tuy không thật có các hữu tình lưu chuyển trong sinh tử và được giải thoát nhưng các hữu tình vọng chấp là có nên bị luân hồi sinh tử, chịu khổ vô biên, ta phải làm sao để cứu giúp họ." Sau khi tư duy vị ấy phát nguyện: "Ta sẽ siêng năng không chút hối tiếc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, để sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp Vô thượng cho các hữu tình giúp họ thoát khỏi nỗi khổ sinh tử nặng nề, làm cho họ chứng đắc và biết được sinh tử và giải thoát đều không sở hữu, rốt ráo là không." Này Thiện Hiện, nhờ tu sáu pháp Ba-la-mật-đa này Đại Bồ-tát sớm được viên mãn và mau chứng trí Nhất thiết trí.

-oOo-

Phẩm 58: Căng-già Thiên

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên nữ tên Căng-già Thiên, từ tòa đứng dậy đảnh lễ Phật, che vai trái, quỳ gối phải sát đất rồi chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn, con sẽ tu đầy đủ các hạnh Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, tịnh độ được con trang nghiêm cũng giống như cõi Phật mà hôm nay Đức Thế Tôn đã nói cho đại chúng nghe trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, ở đó tất cả các thứ đều viên mãn."

Sau khi nói lời này, Căng-già Thiên liền đem đủ loại hoa vàng hoa bạc, các loại hoa mọc trên cạn hoặc dưới nước, đồ trang sức và một bộ Thiên y màu vàng kim hết lòng cung kính rải và dâng lên Phật. Nhờ thần lực của Phật, các thứ đó bay lên không trung, xoay quanh bên phải, hóa thành đài báu có bốn trụ và bốn góc ở trên đảnh Phật. Đài ấy được trang trí xinh đẹp, rất đáng ưa thích. Khi ấy, Thiên nữ đem căn lành này cho khắp các hữu tình một cách bình đẳng để cùng nhau hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Biết Thiên nữ kia có chí nguyện sâu rộng Đức Thế Tôn liền mỉm cười. Theo pháp của chư Phật, khi các Ngài mỉm cười thì có ánh sáng đủ màu sắc từ mặt chiếu ra. Nay Đức Phật cũng vậy, từ mặt Ngài phóng ra đủ loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím, xanh biếc, xanh lục chiếu

khắp mười phương vô lượng, vô biên thế giới chư Phật, rồi trở lại cõi này, hiện đại thần biến nhiễu quanh Phật ba vòng rồi vào trong đảnh Phật.

Sau khi thấy việc đó, A-nan-đà từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, che vai trái quỳ gối phải sát đất, chắp tay cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, vì lý do gì mà Ngài mỉm cười, các Đức Phật mỉm cười đều có nguyên nhân.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Khánh Hỷ rằng:

–Vào đời vị lai, Thiên nữ này sẽ thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở một kiếp có tên là Tinh dụ và Phật hiệu là Kim Hoa. Này Khánh Hỷ, ông nên biết, Đây là lần cuối cùng Thiên nữ này mang thân nữ, sau khi bỏ thân này, Thiên nữ đó liền mang thân nam và không trở lại làm nữ cho đến tận đời vị lai. Sau khi xả bỏ thân này, vị ấy sẽ sinh ở cõi nước của Đức Bất Động Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở phương Đông rất đáng ưa thích. Ở cõi Phật ấy, vị ấy siêng tu phạm hạnh và liền có hiệu là Kim Hoa. Vị ấy tu các hạnh của Đại Bồ-tát.

Này Khánh Hỷ, ông nên biết Bồ-tát Kim Hoa từ thế giới Phật Bất Động qua đời rồi lại sinh phương khác, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, sinh ở nơi nào và ở đời nào cũng thường được gặp Phật. Như Chuyển luân vương từ cung điện này đến cung điện khác vui chơi hưởng lạc, suốt đời chân không đạp đất. Cũng như vậy, Bồ-tát Kim Hoa từ cõi Phật này đến cõi Phật khác đời đời thường được gặp Phật thường nghe chánh pháp tu hạnh Bồ-tát.

Bấy giờ, Khánh Hỷ thầm nghĩ: "Lúc Bồ-tát Kim Hoa thành Phật, vị ấy cũng sẽ diễn giảng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không biết số lượng Đại Bồ-tát trong hội ấy có nhiều bằng số Bồ-tát trong hội Phật hiện nay không?"

Biết được ý nghĩ ấy, Phật bảo Khánh Hỷ:

–Đúng như ông nghĩ, sau này lúc Bồ-tát Kim Hoa làm Phật, vị ấy cũng diễn giảng cho chúng hội nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và vô số Đại Bồ-tát trong hội ấy cũng giống như số Bồ-tát trong hội Phật hiện nay. Này Khánh Hỷ, ông nên biết, lúc Bồ-tát Kim Hoa làm Phật, số đệ tử xuất gia rất nhiều không thể tính hết, nghĩa là không thể dùng số một trăm, một ngàn hay một trăm ngàn để đếm, chỉ có thể nói tổng số chúng đệ tử là vô lượng, vô biên, trăm ngàn, trăm ức, muôn ức.

Này Khánh Hỷ, ông nên biết lúc Bồ-tát Kim Hoa làm Phật cõi ấy

không có nhiều thứ tội lỗi như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói.

Khánh Hỷ lại bạch Phật:

–Trước đây, thiện nữ này đã phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, trồng các căn lành và hồi hướng phát nguyện với vị Phật nào mà nay được gặp Phật, cung kính, cúng dường Phật và được thọ ký không thoái chuyển.

Phật bảo:

–Này Khánh Hỷ, do trước đây Thiên nữ đã phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột trồng các căn lành và hồi hướng phát nguyện với Phật Nhiên Đăng nên nay gặp ta, cung kính cúng dường ta và được thọ ký không thoái chuyển.

Này Khánh Hỷ, ông nên biết, trong quá khứ Ta đã dùng năm cành hoa để dâng cúng Phật Nhiên Đăng và hồi hướng phát nguyện với Ngài, biết căn lành của Ta đã thành thục nên Đức Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho Ta: "Đời vị lai ông sẽ làm Phật có hiệu là Năng Tịch, ở cõi nước có tên là Kham nhẫn và ở kiếp có hiệu là Hiền." Khi ấy, nghe Phật thọ ký đại Bồ-đề cho Ta, Thiên nữ vui mừng tột độ, dùng hoa vàng dâng rải lên Phật và liền phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, trồng các căn lành, hồi hướng phát nguyện.

Cầu xin sau này, lúc Bồ-tát ấy làm Phật tôi sẽ được thọ ký như Đức Phật hiện tại thọ ký đại Bồ-đề cho vị ấy. Vì vậy nay Ta thọ ký cho cô ta.

Nghe Phật nói, Khánh Hỷ vui mừng tột độ lại bạch với Phật:

–Để cầu quả vị Giác ngộ cao tột, từ lâu Thiên nữ này đã trồng cội phước đức và nay được thành thục. Vì vậy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã thọ ký cho cô ấy.

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Đúng vậy, như ông đã nói, để cầu quả vị Giác ngộ cao tột, từ lâu Thiên nữ Căng-già đã trồng các cội phước đức và nay đã thành thục. Vì thế Ta thọ ký cho cô ấy không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột như cô ấy đã mong cầu.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 452

Phẩm 59: Tập cận

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế các bậc Đại Bồ-tát phải làm sao để thân cận pháp Không? Làm sao để vào Tam-ma-địa Không? Làm sao để thân cận Vô tướng? Làm sao để vào Tam-ma-địa Vô tướng? Làm sao thân cận Vô nguyện? Làm sao vào Tam-ma-địa Vô nguyện? Làm sao thân cận bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo? Làm sao tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo? Làm sao thân cận mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng? Làm sao tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, các Đại Bồ-tát nên quán sắc là không, nên quán thọ, tưởng, hành, thức là không; nên quán nhãn xứ cho đến ý xứ là không, nên quán sắc xứ cho đến pháp xứ là không; nên quán nhãn giới cho đến ý giới là không; nên quán sắc giới cho đến pháp giới là không; nên quán nhãn thức giới cho đến ý thức giới là không; nên quán nhãn xúc cho đến ý xúc là không; nên quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều là không; nên quán địa giới cho đến thức giới là không; nên quán vô minh cho đến lão tử là không; nên quán Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; nên quán pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; nên quán chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; nên quán Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là không; nên quán bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; nên quán tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ là không; nên quán bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là không; nên quán pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là không; nên quán ba thừa và

mười địa Bồ-tát là không; nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; nên quán năm loại mắt, sáu phép thần thông là không; nên quán mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; nên quán ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật là không; nên quán pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không; nên quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; nên quán quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề là không; nên quán tất cả hạnh của Đại Bồ-tát là không; nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không; nên quán các pháp hữu lậu, vô lậu là không; nên quán pháp thế gian, xuất thế gian là không; nên quán pháp hữu vi, vô vi là không; nên quán pháp quá khứ, vị lai, hiện tại là không; nên quán pháp thiện, ác, vô ký là không; nên quán pháp cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc là không.

Này Thiện Hiện, lúc quán như vậy Đại Bồ-tát đó không được để cho tâm rối loạn, nếu tâm không rối loạn thì không thấy có pháp nào, nếu không thấy pháp thì không có chứng đắc. Vì sao vậy?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này khéo học tự tướng các pháp đều là không, không pháp nào có thể tăng, không pháp nào có thể giảm, vì vậy đối với các pháp không thể thấy và không thể chứng. Vì sao vậy?

Này Thiện Hiện, ở trong Thắng nghĩa đế, tất cả các pháp chủ thể chứng, đối tượng chứng, nơi chứng, lúc chứng, nguyên nhân chứng ngộ, hoặc hợp hoặc tan đều không thể thấy, chẳng thể nắm bắt được.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, như Ngài đã nói, các Đại Bồ-tát nên quán các pháp là không và không cầu chứng đắc. Vì sao các Đại Bồ-tát nên quán các pháp là không và không cầu chứng đắc?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, khi các Đại Bồ-tát quán các pháp là không, trước tiên phải nghĩ rằng: "Ta nên quán tướng của các pháp đều là không, không nên cầu chứng đắc. Vì sự học hỏi, ta quán các pháp là không, không phải vì sự chứng ngộ mà ta quán các pháp là không. Nay là lúc học, chẳng phải lúc chứng."

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này chưa vào định vị nên phải buộc tâm vào đối tượng, lúc đã vào định thì họ không cần buộc tâm vào cảnh nữa.

Này Thiện Hiện, vào lúc như vậy, Đại Bồ-tát không thoái lui việc

Bố thí ba-la-mật-đa không chứng lậu tận, cho đến không thoái lui Bát-nhã ba-la-mật-đa không chứng lậu tận; không thoái lui pháp không bên trong không chứng lậu tận, cho đến không thoái lui pháp không không tánh tự tánh không chứng lậu tận; không thoái lui chân như không chứng lậu tận, cho đến không thoái lui cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, không chứng lậu tận; không thoái lui Thánh đế khổ không chứng lậu tận; không thoái lui Thánh đế tập, diệt, đạo không chứng lậu tận; không thoái lui bốn Tĩnh lự không chứng lậu tận, không thoái lui bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không chứng lậu tận; không thoái lui tám Giải thoát, không chứng lậu tận, không thoái lui tám Thắng xứ chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không chứng lậu tận; không thoái lui bốn Niệm trụ không chứng lậu tận, cho đến không thoái lui tám chi Thánh đạo không chứng lậu tận; không thoái lui pháp môn giải thoát Không, không chứng lậu tận, không thoái lui pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, không chứng lậu tận; không thoái lui ba thừa và mười địa Bồ-tát không chứng lậu tận; không thoái lui tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không chứng lậu tận; không thoái lui năm loại mắt, sáu phép thần thông không chứng lậu tận, không thoái lui mười lực của Phật không chứng lậu tận, cho đến không thoái lui mười tám pháp Phật bất cộng không chứng lậu tận; không thoái lui tướng hảo, không chứng lậu tận, không thoái lui pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không chứng lậu tận; không thoái lui trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không chứng lậu tận; không thoái lui việc làm của Đại Bồ-tát không chứng lậu tận, không thoái lui quả vị Giác ngộ cao tột không chứng lậu tận. Vì sao vậy?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát đó thuần thục trí tuệ vi diệu to lớn như thế, khéo trụ vào pháp không và tất cả các pháp phần Bồ-đề. Vị ấy thường nghĩ: "Lúc này nên học chớ không phải lúc chứng đắc." Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thường nghĩ như vầy: "Đối với Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, lúc này ta nên học chớ không nên chứng đắc. Đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, lúc này ta nên học chớ không nên chứng đắc. Đối với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, lúc này ta nên học chớ không nên chứng đắc. Đối với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo lúc này ta nên học không nên chứng đắc. Đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với tám Giải thoát cho

đến mười Biến xứ lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với ba thừa và mười địa Bồ-tát, lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với tướng hảo lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với tất cả hạnh của Đại Bồ-tát lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật lúc này ta nên học chẳng nên chứng đắc. Hôm nay, vì học trí Nhất thiết nên ta học quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề một cách khéo léo mà không cần chứng đắc.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên thân cận pháp không, nên an trụ ở pháp không, nên tu hành pháp Không Tam-ma-địa và không nên chứng đắc đối với thật tế; nên thân cận vô tướng, nên an trụ nơi vô tướng, nên tu hành Vô tướng Tam-ma-địa và chẳng nên chứng đắc đối với thật tế; nên thân cận vô nguyện, nên an trụ vô nguyện, nên tu hành Vô nguyện Tam-ma-địa và chẳng nên chứng đắc đối với thật tế; nên đến gần bốn Niệm trụ, nên an trụ ở bốn Niệm trụ, nên tu hành bốn Niệm trụ và chẳng nên chứng đắc đối với thật tế; nên thân cận bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, nên an trụ nơi bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, nên tu hành bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo và chẳng nên chứng đắc đối với thật tế; như vậy cho tới nên thân cận mười lực của Phật, nên nương tựa mười lực của Phật, nên tu hành mười lực của Phật và không chứng đắc đối với thật tế; nên thân cận bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, nên nương tựa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, nên tu hành bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà không nên chứng đắc đối với thật tế.

Này Thiện Hiện, tuy thân cận Không, Vô tướng, Vô nguyện, an trụ nơi pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, tu hành Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng Đại Bồ-tát này chẳng chứng đắc quả Dự lưu cho

đến Độc giác Bồ-đề. Dù thân cận bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, an trụ vào bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo nhưng vị ấy chẳng chứng quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề. Do đó, vị ấy không vướng vào quả Thanh văn và Độc giác mà mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, như có tráng sĩ hình dáng đoan nghiêm, oai phong lẫm liệt mạnh mẽ vô cùng, làm cho ai thấy cũng vui mừng; vị ấy có đầy đủ các việc thù thắng, quyến thuộc thanh tịnh, học thông thạo các binh pháp, cầm khí giới, gậy gộc rất vững chắc, rành rẽ tất cả sáu mươi bốn nghề, mười tám minh và tất cả các kỹ thuật, mọi người đều kính phục và ngưỡng mộ vị ấy. Vì giỏi nhiều việc nên vị ấy bỏ công ít mà được lợi nhiều. Do đó vị ấy luôn luôn được mọi người cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen. Lúc đó vị ấy càng thêm vui mừng gấp bội và làm cho những người thân cũng vui mừng yên ổn. Vì có lý do, người đó phải dẫn cha mẹ, vợ con quyến thuộc đi tới nơi khác, phải đi qua đồng trống nguy hiểm có nhiều ác thú, giặc cướp, kẻ thù, rình rập và những việc đáng sợ khác làm cho quyến thuộc của họ từ lớn đến nhỏ đều kinh sợ. Ỷ mình có nhiều tài nghệ, oai đức và sức mạnh, với thân tâm thư thái, người ấy an ủi cha mẹ và quyến thuộc rằng: chớ có lo sợ, con sẽ không để cho ai chịu khổ cả. Lúc ấy, người đó dùng tài nghệ khéo léo đưa quyến thuộc đến nơi an ổn, thoát khỏi tai nạn nguy hiểm và vui mừng hưởng lạc. Vì sao ở giữa đồng trống mà tráng sĩ ấy không sợ bị thú dữ và giặc thù làm hại? Bởi vì nhờ vào oai đức, sức mạnh và đầy đủ các tài nghệ nên vị ấy không sợ gì cả. Này Thiện Hiện, ông phải biết các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Vì thương xót các hữu tình phải chịu nỗi khổ sinh tử nên Đại Bồ-tát phát nguyện hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, kết duyên rộng khắp với tất cả hữu tình, phát tâm cùng họ thực hành bốn Vô lượng, trụ vào bốn Vô lượng, mạnh mẽ tu tập Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa làm cho mau được viên mãn. Ở vị trí chưa viên mãn đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa này, vì muốn tu học trí Nhất thiết trí, Đại Bồ-tát đó không chứng lậu tận. Tuy trụ ở pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng vị ấy không thay đổi theo thế lực đó, cũng không bị chướng ngại đó dẫn dắt cướp đoạt, cũng không mong chứng đắc đối với cửa giải thoát. Do không chứng đắc nên họ không bị vướng vào quả Thanh văn, Độc giác và chắc chắn hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, như cánh chim vững mạnh bay liệng trên không, tự

do bay lượn thật lâu vẫn không rơi xuống, tuy nương hư không để bay nhưng nó không chiếm lấy hư không và cũng chẳng bị hư không làm trở ngại. Này Thiện Hiện, ông nên biết, các bậc Đại Bồ-tát cũng vậy, tuy thường gần gũi an trụ, tu hành ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng họ không chứng đắc các pháp ấy. Do không chứng đắc nên họ không đọa vào Thanh văn và Độc giác. Khi tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và vô lượng, vô biên Phật pháp khác, nếu chưa được viên mãn thì họ quyết chẳng nương vào ba Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện để chứng lậu tận.

Này Thiện Hiện, như có tráng sĩ rất giỏi việc bắn tên, vì muốn trổ tài của mình, người ấy ngước lên bắn vào hư không, để mũi tên đó ở mãi trên hư không, không rơi xuống đất, người ấy lại đem mũi tên sau bắn vào đuôi mũi tên trước, cứ như vậy sau một thời gian dài các mũi tên nương vào nhau không bị rơi xuống đất. Nếu muốn những mũi tên ấy rơi xuống, người đó chỉ việc ngừng bắn thì các mũi tên liền lập tức rơi xuống. Này Thiện Hiện, ông nên biết, các bậc Đại Bồ-tát cũng giống như vậy. Họ nhờ phương tiện thiện xảo hộ trì để thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho đến khi thuần thục quả vị Giác ngộ cao tột. Khi thực hành căn lành chưa được thành thục thì họ quyết không chứng thật tế ở giữa đường vì chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột... Khi đã thành thục tất cả căn lành, bấy giờ Bồ-tát mới chứng thật tế và liền được quả vị Giác ngộ cao tột. Vì thế này Thiện Hiện, khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên quan sát thật kỹ thật tướng của các pháp như đã nói trước.

Khi ấy Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, các bậc Đại Bồ-tát thật là hiếm có, có thể làm được những việc khó làm, tuy học các pháp thật tế của chân như, pháp giới, pháp tánh, tuy học các pháp rốt ráo đều không cho đến tự tướng không, tuy học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, tuy học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, tuy học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng giữa đường họ không bị vướng vào quả Thanh văn và Độc giác, không đánh mất quả vị Giác ngộ cao tột.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, vì đã thề không xả bỏ hữu tình nên các Đại Bồ-tát phát nguyện: "Nếu các hữu tình chưa được giải thoát, ta quyết chẳng bỏ các giới hạnh đã phát khởi."

Này Thiện Hiện, do nguyện lực thù thắng các bậc Đại Bồ-tát thường suy nghĩ: "Nếu các hữu tình chưa được giải thoát, ta quyết chẳng bỏ rơi họ. Nhờ phát sinh tâm rộng lớn như vậy nên chắc chắn họ không bị thoái lui giữa đường." Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát thường suy nghĩ: "Ta không nên xả bỏ tất cả hữu tình mà phải làm cho tất cả đều được giải thoát." Nhưng các hữu tình thực hành pháp bất chánh, để cứu độ họ ta phải thường xuyên chỉ dẫn cho họ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện và tuy nhiều lần chỉ dẫn nhưng ta không nắm giữ sự chứng đắc. Này Thiện Hiện, nhờ thuần thục sức phương tiện khéo léo nên tuy nhiều lần hiện ra ba pháp môn giải thoát nhưng Đại Bồ-tát không chứng thật tế ở giữa chừng, nếu như chưa được trí Nhất thiết trí. Đến khi được quả vị Giác ngộ cao tột vị ấy mới nắm giữ sự chứng đắc.

Lại nữa này Thiện Hiện, chỗ thâm sâu mà Đại Bồ-tát muốn quán sát là muốn quán sát pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn chẳng đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vị ấy cũng thích quán sát bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện và thấy tất cả đều không có tự tướng.

Này Thiện Hiện, sau khi quán như vậy rồi, Đại Bồ-tát suy nghĩ: "Do sức lôi cuốn của bạn ác, đã từ lâu các loài hữu tình phát sinh ý chấp tướng về ngã, chấp tướng về hữu tình cho đến chấp tướng về cái biết, cái thấy. Do sự chấp tướng này và cho việc làm của mình đều có chỗ sở đắc, nên họ luân hồi sinh tử chịu đủ loại khổ. Để đoạn trừ tướng chấp như vậy của hữu tình, ta phải hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp vi diệu sâu xa cho họ nghe để giúp họ trừ bỏ tướng chấp và thoát khỏi nỗi khổ sinh tử." Này Thiện Hiện, lúc ấy, tuy học pháp môn giải thoát Không nhưng Đại Bồ-tát này không dựa vào đó để chứng thật tế, tuy học pháp

môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện nhưng vị ấy không dựa vào đó để chứng thật tế. Do không nắm giữ sự chứng đắc đối với thật tế nên họ không bị vướng vào quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và Độc giác Bồ-đề. Này Thiện Hiện, do nhờ nghĩ và thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thành tựu căn lành không chứng thật tế, tuy không lấy thật tế làm chỗ chứng đắc nhưng Đại Bồ-tát đó không thoái thất bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng không thoái thất bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; cũng không thoái thất tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; cũng không lui mất pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, không lui mất pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không lui mất chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không lui mất Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng không lui mất Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng không lui mất tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng không lui mất năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng không lui mất mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng không thoái thất pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng không lui mất trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không lui mất vô lượng, vô biên các pháp khác của Phật.

Này Thiện Hiện, lúc ấy, Đại Bồ-tát đó thuần thục tất cả các pháp phần Bồ-đề cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột và các công đức của họ không bị giảm bớt. Này Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhờ được phương tiện thiện xảo hộ trì nên pháp lành tăng thêm trong từng niệm, các căn bén nhạy hơn hẳn tất cả Thanh văn, Độc giác.

Lại nữa này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường nghĩ rằng: "Đã từ lâu, do bị lệ thuộc vào bạn ác, các loài hữu tình thường làm theo ba cách với bốn loại điên đảo. Đó là thường tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Hoặc là lạc tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Hoặc là ngã tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Hoặc là tịnh tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Vì các hữu tình này, ta nên hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, tu các hạnh của Đại Bồ-tát. Khi đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, ta sẽ thuyết pháp không điên đảo cho các hữu tình nghe như là thuyết pháp sinh tử, vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh, chỉ có Niết-bàn là vi diệu, là vắng lặng, là đầy đủ các công đức chân thật Thường, Lạc, Ngã, Tịnh." Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát thuần thục tâm

niệm đó, là nhờ có phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, hộ trì, trong khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì nếu đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và vô lượng, vô biên Phật pháp khác mà chưa được viên mãn hoàn toàn thì Đại Bồ-tát đó không thể chứng nhập vào định thù thắng của Như Lai. Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát lúc ấy tuy đang tu học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ra vào tự tại nhưng Đại Bồ-tát đó vẫn chưa vội chứng đắc đối với thật tế cho đến quả vị Giác ngộ cao tột. Vì nếu thực hành công đức chưa được viên mãn hoàn toàn thì vị ấy không chứng đắc thật tế và các công đức khác. Đến khi đắc được quả vị Giác ngộ cao tột, vị ấy mới có thể chứng đắc thật tế này... Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát lúc ấy, tuy tu hành chưa viên mãn các công đức khác nhưng Đại Bồ-tát đó đã tu tập viên mãn pháp môn Tam-ma-địa Vô nguyện.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nào thường nghĩ rằng: suốt thời gian dài, vì bị lệ thuộc vào bạn ác nên các loài hữu tình làm việc gì cũng cho là có sở đắc, chấp có mình hoặc có hữu tình cho đến chấp có người thấy người biết; hoặc chấp có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc chấp có nhãn xứ cho đến ý xứ; hoặc chấp có sắc xứ cho đến pháp xứ; hoặc chấp có nhãn giới cho đến ý giới; hoặc chấp có sắc giới cho đến pháp giới; hoặc chấp có nhãn thức giới cho đến ý thức giới; hoặc chấp có nhãn xúc cho đến ý xúc; hoặc chấp có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc chấp có địa giới cho đến thức giới; hoặc chấp có vô minh cho đến lão tử; hoặc chấp có mười nghiệp đạo lành, hoặc chấp có bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Nhiếp sự. Vì các hữu tình này, ta sẽ hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, tu các hạnh của Đại Bồ-tát. Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột ta sẽ làm cho các loài hữu tình vĩnh viễn trừ bỏ các việc chấp trước đó. Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát thuần thục được tâm niệm này là nhờ phương tiện thiện xảo hộ trì khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì nếu đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và vô lượng, vô biên Phật pháp khác mà chưa được viên mãn hoàn toàn thì Đại Bồ-tát đó không thể chứng nhập vào định thù thắng của Như Lai. Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát lúc ấy tuy học và ra vào tự tại pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng Đại Bồ-tát đó chưa vội chứng đắc thật tế

cho đến quả vị Giác ngộ cao tột. Vì nếu thực hành công đức chưa được viên mãn hoàn toàn thì vị ấy không chứng đắc thật tế và các công đức khác. Đến khi đắc được quả vị Giác ngộ cao tột vị ấy mới có thể chứng đắc thật tế này. Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát lúc ấy tuy tu tập các công đức khác chưa được viên mãn nhưng Đại Bồ-tát này đã tu tập viên mãn đối với pháp môn Tam-ma-địa Không.

Lại nữa này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường nghĩ rằng, suốt thời gian dài vì bị lệ thuộc vào bạn ác nên các loài hữu tình thường chấp chặt các tướng, đó là chấp tướng nam, tướng nữ, hoặc chấp tướng sắc, tướng âm thanh, hoặc chấp tướng hương, tướng vị, hoặc chấp tướng xúc chạm, hoặc chấp tướng pháp, hoặc chấp các tướng khác ở trong đó. Vì các loài hữu tình này ta sẽ hướng về quả vị Giác ngộ cao tột tu các hạnh của Đại Bồ-tát. Lúc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột ta sẽ làm cho các loài hữu tình vĩnh viễn đoạn trừ sự chấp trước các tướng như vậy. Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát thuần thục được tâm niệm này là nhờ phương tiện thiện xảo hộ trì khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và vô lượng, vô biên Phật pháp khác mà chưa được viên mãn hoàn toàn thì Đại Bồ-tát đó không thể chứng nhập vào định thù thắng của Như Lai. Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát lúc ấy tuy học và ra vào tự tại pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng Đại Bồ-tát đó chưa vội chứng đắc thật tế cho đến quả vị Giác ngộ cao tột. Vì nếu thực hành công đức chưa được viên mãn hoàn toàn thì vị ấy không chứng đắc thật tế và các công đức khác. Đến khi đắc được quả vị Giác ngộ cao tột vị ấy mới chứng đắc thật tế này. Này Thiện Hiện, lúc ấy tuy tu tập các công đức khác chưa được viên mãn nhưng Đại Bồ-tát này đã tu tập viên mãn đối với pháp môn Tam-ma-địa Vô tướng.

Lại nữa này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào đã khéo tu học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; đã khéo an trụ vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đã khéo an trụ vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đã khéo an trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; đã khéo tu học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đã khéo tu học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đã khéo tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đã khéo tu học tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; đã khéo tu

học việc làm của mười địa; đã khéo tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đã khéo tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông; đã khéo tu học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đã khéo tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đã khéo tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; đã khéo tu học tất cả các hạnh của bậc Đại Bồ-tát, đã khéo tu học quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, thì này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy thuần thục công đức, trí tuệ như thế, chắc chắn vị ấy sẽ không phát sinh ý tưởng vui thích hoặc nói có vui thích đối với sinh tử, hoặc là an trụ chấp trước đối với ba cõi.

Lại nữa này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào đã khéo tu hành pháp phần Bồ-đề, tất cả các pháp của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Đại Bồ-tát thì nên hỏi thử vị ấy rằng: "Nếu muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì Đại Bồ-tát phải làm sao để tu học pháp phần Bồ-đề mà không chứng đắc thật tế của không, vô tướng, vô nguyện, không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không tánh, nhờ không chứng pháp ấy nên không đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề mà siêng năng tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thường không chấp trước điều gì."

Này Thiện Hiện, khi được hỏi như vậy, nếu Đại Bồ-tát ấy đáp rằng: "Nếu muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột, các bậc Đại Bồ-tát chỉ cần tư duy về thật tế của không, vô tướng, vô nguyện, không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không tánh và tất cả các pháp phần Bồ-đề khác chớ không cần tu học," thì này Thiện Hiện, ông nên biết, Đại Bồ-tát đó chưa được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, bởi vì Đại Bồ-tát này chưa được khai thị, thọ ký, không thể phân biệt rõ ràng pháp tướng tu học của bậc Đại Bồ-tát đang trụ ở địa vị không thoái chuyển.

Này Thiện Hiện, khi được hỏi như vậy nếu Đại Bồ-tát ấy đáp rằng: "Nếu muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột thì Đại Bồ-tát phải tư duy chân chánh về thật tế của không, vô tướng, vô nguyện, không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không tánh và tất cả các pháp phần Bồ-đề khác và cũng nên phương tiện, khéo léo tu học mà không chứng đắc như đã nói ở trước, thì này Thiện Hiện, ông nên biết, Đại Bồ-tát này đã được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, đó là vì Đại Bồ-tát này đã được khai thị, thọ ký, hiểu rõ việc và tu học pháp tướng của bậc Đại Bồ-tát trụ ở địa vị không thoái chuyển.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chưa được khai thị, thọ ký và hiểu rõ pháp tướng tu học của bậc Đại Bồ-tát trụ ở địa vị không thoái chuyển thì nên biết Đại Bồ-tát ấy chưa khéo tu học sáu pháp Ba-la-mật-đa và tất cả các pháp phần Bồ-đề, chưa nhập vào bậc Bạc, chưa được như các bậc Đại Bồ-tát khác đã ở địa vị không thoái chuyển, những vị đã được khai thị, thọ ký, hiểu rõ và an trụ vào tướng không thoái chuyển.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào đã được khai thị, thọ ký và hiểu rõ pháp tướng tu học của bậc Đại Bồ-tát trụ ở địa vị không thoái chuyển thì nên biết Đại Bồ-tát ấy đã khéo tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa và tất cả các pháp phần Bồ-đề khác, đã nhập vào bậc Bạc, đã giống như các bậc Đại Bồ-tát khác đã ở địa vị không thoái chuyển, những vị đã được khai thị, thọ ký, hiểu rõ và an trụ vào tướng không thoái chuyển.

Khi ấy Thiện Hiện thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, có Đại Bồ-tát nào chưa đạt được không thoái chuyển mà có thể đáp như thật như vậy được không?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tuy chưa được không thoái chuyển nhưng có thể đáp như thật về việc đó. Này Thiện Hiện, tuy chưa được không thoái chuyển nhưng Đại Bồ-tát này có thể tu học và đã thành thục sáu pháp Ba-la-mật-đa và tất cả các pháp phần Bồ-đề khác. Vị ấy có tuệ giác bén nhạy, có thể đáp như thật về những điều đã được nghe hoặc chưa nghe như là Đại Bồ-tát ở địa vị không thoái chuyển.

Lúc đó, Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, có nhiều Đại Bồ-tát tu hành quả vị Giác ngộ cao tột nhưng ít có thể đáp như thật như bậc Đại Bồ-tát ở địa vị không thoái chuyển là bậc đã khéo tu tập. Bởi vì họ chưa khéo tu tập mà đã an trụ.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, ít có Đại Bồ-tát được thọ ký không thoái chuyển và có trí tuệ vi diệu như vậy. Nếu có người nào được thọ ký như vậy thì đều có thể đáp như thật về việc này. Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể đáp như thật về việc đó thì nên biết vị ấy có căn lành sáng suốt, trí tuệ sâu rộng, Trời, Người, A-tố-lạc... không thể sai khiến.

-oOo-

Phẩm 60: Tăng thượng mạn (1)

Khi đó Phật dạy Cụ thọ Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát nào cho đến trong mộng cũng không thích khen ngợi quả Thanh văn và Độc giác, cũng không sinh tâm thích khen ngợi các pháp trong ba cõi, thường quán các pháp như mộng, như tiếng vang, như hình ảnh, như huyễn hóa, như bóng nắng, như bóng râm, như việc biến hóa, như thành Càn-thát-bà, tuy quán sát như vậy nhưng không chịu chứng thật tế thì nên biết Bồ-tát ấy có tướng không thoái chuyển.

Lại nữa này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nằm mộng thấy Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có vô số trăm ngàn ức, muôn ức chúng đệ tử cung kính vây quanh để nghe thuyết pháp, nghe xong họ hiểu rõ ý nghĩa; đã hiểu rõ ý nghĩa rồi, họ tinh tấn tu hành pháp tùy, pháp hành, hòa kính hành và tùy pháp hành, thì nên biết Bồ-tát đó có tướng không thoái chuyển.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nằm mộng thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp viên mãn trang nghiêm, thường có ánh sáng rộng một tầm soi sáng chung quanh. Ngài cùng với vô số chúng đệ tử vọt lên hư không, hiện đại thần thông thuyết trình điều cốt yếu của chánh pháp, dạy họ làm Phật sự, làm cho họ đến vô số cõi Phật ở phương khác để làm Phật sự thì nên biết Đại Bồ-tát đó có tướng không thoái chuyển.

Này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nằm mộng thấy giặc dữ phá hoại thành phố, xóm làng; hoặc thấy lửa hừng hực đốt cháy xóm làng; hoặc thấy sư tử, cọp, sói, thú dữ rắn độc, rít độc muốn đến làm hại thân mình; hoặc thấy kẻ thù muốn chặt đầu mình hoặc thấy cha mẹ, anh, chị, em, vợ con, bạn thân sắp chết; hoặc thấy thân mình bị lạnh, nóng đói, khát và các việc khổ khác bức bách, khi thấy những việc đáng sợ như vậy vị ấy không kinh sợ cũng không buồn rầu áo não. Khi tỉnh mộng vị ấy tư duy: "Ba cõi không thật như những việc được thấy trong mộng, lúc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột ta sẽ nói cho các hữu tình biết tất cả các pháp trong ba cõi đều hư dối như cảnh ở trong mộng, làm cho các hữu tình không sinh chấp trước thì nên biết Bồ-tát đó có tướng không thoái chuyển."

Lại nữa này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào cho đến trong mộng thấy có cõi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, các loài hữu tình liền nghĩ rằng: "Ta sẽ siêng năng tu Bồ-tát hạnh để mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, ở trong cõi Phật ta sẽ không có tên các đường ác như địa ngục, súc sinh, ngạ

quỷ...” Khi đã tỉnh mộng vị ấy cũng nghĩ như vậy. Này Thiện Hiện, ông nên biết, sau này khi Đại Bồ-tát ấy thành Phật, trong cõi Phật ấy chắc chắn sẽ không có đường ác. Vì sao vậy? Bởi vì hoặc mộng hoặc tỉnh, các pháp là không hai, không khác. Nên biết Bồ-tát ấy có tướng không thoái chuyển.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu ở trong mộng Đại Bồ-tát thấy lửa thiêu đốt các loài hữu tình ở trong địa ngục, hoặc thấy lửa thiêu thành ấp, xóm làng liền phát thệ nguyện: “Nếu ta đã được thọ ký không thoái chuyển sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì nguyện cho lửa lớn này lập tức dập tắt và trở thành mát mẻ.” Nếu ở trong mộng, sau khi phát lời nguyện này, Đại Bồ-tát ấy thấy lửa liền tắt hết thì nên biết vị ấy đã được thọ ký không thoái chuyển. Nếu Đại Bồ-tát này đã phát nguyện rồi mà lửa thấy trong mộng không lập tức tiêu diệt thì nên biết vị ấy chưa được thọ ký không thoái chuyển.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu lúc thức Đại Bồ-tát thấy lửa lớn thình lình phát sinh đốt các thành ấp hoặc đốt xóm làng liền nghĩ rằng: “Lúc nằm mộng hoặc lúc thức ta đã từng thấy mình có tướng không thoái chuyển, không biết là thật hay giả. Nếu điều tôi thấy là có thật thì nguyện cho lửa lớn này lập tức bị tiêu diệt và trở thành mát mẻ.” Nếu lúc Bồ-tát này lập thệ nguyện, phát ra lời chắc thật mà lửa lớn liền lập tức tiêu diệt thì nên biết vị ấy đã được thọ ký không thoái chuyển. Nếu Bồ-tát này lập thệ nguyện, phát ra lời chắc thật mà lửa lớn không lập tức tiêu diệt thì nên biết vị ấy chưa được thọ ký không thoái chuyển.

Này Thiện Hiện, nếu lúc thức Đại Bồ-tát thấy lửa thiêu đốt thành ấp hoặc xóm làng liền nghĩ rằng: “Ở trong mộng hoặc lúc thức ta đã từng thấy mình có tướng không thoái chuyển. Nếu điều ta thấy là có thật, chắc chắn sẽ đạt được quả vị Giác ngộ cao tột thì nguyện cho lửa lớn này lập tức tiêu diệt và trở nên mát mẻ.” Sau khi Đại Bồ-tát này đã lập thệ nguyện và phát ra lời chắc thật mà lửa lớn này không lập tức tiêu diệt lại thiêu một nhà, vượt qua một nhà, lại thiêu một nhà, hoặc đốt một xóm, vượt qua một xóm, lại đốt một xóm, lần lượt như thế, lửa ấy mới tắt thì Đại Bồ-tát ấy nên tự biết rõ rằng: chắc chắn mình đã được thọ ký không thoái chuyển. Còn chúng sinh bị thiêu là do hữu tình ấy tạo ra nghiệp phá hoại chánh pháp ngày càng nhiều. Do nghiệp ấy, trước tiên họ bị đọa vào đường ác, chịu quả khổ chánh báo trong vô số kiếp, nay sinh làm người lại chịu quả khổ còn sót lại, hoặc do nghiệp này họ phải đọa vào đường

ác trải qua vô số kiếp chịu quả khổ chánh báo, nay ở trong cõi người trước tiên hiện ra tai họa nhỏ.

Lại nữa này Thiện Hiện, dựa vào các nhân duyên đã nói ở trước, ta biết được ai là Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Ngoài ra còn có các tướng trạng khác được thuần thục thì ta biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển, ta sẽ phân biệt giải bày cho ông nghe. Ông hãy chú ý lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Thiện Hiện đáp:

–Xin Ngài dạy cho con nghe!

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thấy có người nam hoặc người nữ đang bị phi nhân làm mê hoặc, chịu các khổ não không thể thoát được, liền nghĩ rằng: "Nếu Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết ta đã có được ý muốn thanh tịnh nên thọ ký cho ta không thoái chuyển quả vị Giác ngộ cao tột; nếu từ lâu ta đã phát sinh ý nghĩ trong sạch cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, lìa xa ý mong cầu quả Thanh văn, Độc giác, không đem ý nghĩ của Thanh văn, Độc giác để cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột; nếu về sau chắc chắn ta chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột ta sẽ làm lợi ích an lạc cho các loài hữu tình suốt đời vị lai; nếu khắp các thế giới ở mười phương trong hiện tại thật có vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang thuyết pháp vi diệu làm lợi lạc hữu tình, các Bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có điều gì là không thấy, không có điều gì là không biết, không có điều gì không hiểu, không có điều gì không chứng ngộ, các Ngài hiện đang thấy, biết và hiểu ý thích khác nhau của tất cả hữu tình, xin rủ lòng soi xét tâm niệm và lời nói chắc thật của con; nếu con thật sự có thể tu Bồ-tát hạnh, chắc chắn đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, trở thành người cứu vớt nỗi khổ sinh tử của hữu tình thì nguyện cho người nam hoặc người nữ này không bị phi nhân làm não loạn và phi nhân đó theo lời con bỏ đi ngay lập tức." Lúc Đại Bồ-tát nói lời này, nếu phi nhân kia không bỏ đi thì nên biết vị ấy chưa được thọ ký không thoái chuyển. Lúc Đại Bồ-tát nói lời này nếu phi nhân kia bỏ đi ngay lập tức thì nên biết vị ấy đã được thọ ký không thoái chuyển.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát chưa khéo tu học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; chưa khéo an trụ vào pháp không

bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chưa khéo an trụ vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chưa khéo an trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; chưa khéo tu học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; chưa khéo tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chưa khéo tu học tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chưa khéo tu học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; chưa khéo tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chưa vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát; chưa tu tập đầy đủ tất cả các pháp của Phật, xa lìa phương tiện thiện xảo của Bồ-tát; chưa khỏi bị ác ma làm rối loạn, chưa có thể hiểu biết các việc ma; không tự lường xét căn lành của mình nhiều hay ít, lại bắt chước các vị Bồ-tát phát lời chắc thật, nên liền bị ác ma lừa dối. Khi thấy có người nam hoặc người nữ đang bị phi nhân làm mê hoặc chịu các khổ não không thể thoát được, Đại Bồ-tát này liền khinh suất phát lời thành thật: "Nếu ta đã được chư Phật trong quá khứ thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột thì hãy khiến cho người nam hoặc người nữ này không bị phi nhân làm rối loạn và phi nhân đó theo lời tôi lập tức bỏ đi." Khi Đại Bồ-tát ấy nói xong lời này, lúc đó để lừa dối người ấy, ác ma liền xua đuổi phi nhân đi nơi khác. Vì sao vậy? Bởi vì ác ma có thế lực lớn hơn thế lực của phi nhân kia, cho nên khi nghe ác ma dạy phi nhân liền lập tức bỏ đi. Sau khi thấy việc này, Đại Bồ-tát đó vui mừng hớn hở nghĩ rằng: "Hôm nay phi nhân đã bỏ đi là nhờ oai lực của ta, vì sao vậy? Bởi vì phi nhân theo lời phát nguyện của ta liền thả người nam người nữ này chớ không có lý do nào khác."

Vì không thể hiểu biết việc làm của ác ma và cho là nhờ sức mình nên Đại Bồ-tát đó vui mừng một cách hư dối, ỷ vào việc đó coi khinh các Bồ-tát khác, tự nói: Ta đã được chư Phật quá khứ thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột, các thệ nguyện đã phát ra đều không uổng phí. Các ông chưa được chư Phật thọ ký không nên bắt chước ta phát ra lời nói chắc thật, giả sử các ông có cầu mong điều gì thì chắc chắn không có kết quả. Vì dựa vào chút ít tài năng hư dối, Đại Bồ-tát đó khinh chê chửa mắng các Bồ-tát, vì sinh ra nhiều thứ tăng thượng mạn đối với các công đức nên vị ấy xa lìa quả vị Giác ngộ cao tột, không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Do không có sức phương tiện khéo léo, do sinh nhiều loại tăng thượng mạn, do khinh chê mắng chửi các Bồ-tát, nên dù siêng năng tinh tấn, Bồ-tát đó vẫn đọa vào địa vị Thanh văn, Độc giác. Do ít phước đức nên khi Bồ-tát ấy tạo nghiệp lành phát ra lời nói chắc thật thì cũng đều bị

phát sinh ma sự. Đại Bồ-tát này không thể gần gũi cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen các bậc thiện tri thức, không thể thưa hỏi về tướng mạo của Bồ-tát không thoái chuyển, không thể thưa hỏi về việc làm của các quân ma độc ác. Do đó họ bị ma trói buộc ngày càng chặt hơn. Vì sao vậy? Bởi vì đã từ lâu, Đại Bồ-tát này chưa tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến vì xa lìa phương tiện thiện xảo nên vị ấy bị ác ma lừa dối. Vì thế này Thiện Hiện các Đại Bồ-tát cần phải hiểu rõ các việc của ác ma không nên phát sinh tâm tăng thượng mạn một cách hư dối làm lui mất Phật quả Vô thượng mà mình mong cầu.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 453

Phẩm 60: Tăng thượng mạn (2)

Lại nữa này Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát vì tu hành chưa lâu về Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến xa lìa phương tiện thiện xảo nên bị ác ma lừa dối, khuyến dụ? Các Đại Bồ-tát cần phải biết rõ việc ấy. Đó là có ác ma, vì muốn lừa dối nên tìm cách hóa ra đủ loại hình dạng, đến trước Đại Bồ-tát và nói rằng:

–Lành thay, người nam kia! Ông có biết không? Chư Phật quá khứ đã từng thọ ký Bồ-đề cho ông, chắc chắn ông sẽ đạt được quả vị Giác ngộ cao tột không còn thoái lui nữa. Tên họ khác nhau của cha mẹ, anh chị em, bạn bè quyến thuộc của ngươi cho đến bảy đời ta đều biết rõ. Ngươi sinh tại phương đó, nước đó, thành đó, làng đó, xóm đó vào năm đó, tháng đó, ngày đó, giờ đó, thuộc sao đó, thuộc thời vua đó. Nếu thấy Bồ-tát có bẩm tánh mềm yếu, các căn ám độn, ác ma liền dối trá nói rằng: "Bẩm tánh và các căn của ngươi ở đời trước cũng từng như thế." Nếu thấy Bồ-tát có bẩm tánh cứng rắn và các căn nhạy bén, ác ma liền dối trá nói rằng: "Bẩm tánh và các căn của ngươi ở đời trước cũng đã từng như vậy." Nếu Bồ-tát thấy đó sống ở nơi thanh vắng hoặc thường khất thực hoặc chỉ nhận thức ăn một lần, hoặc chỉ ăn một bữa trong ngày, hoặc chỉ ăn trong một bát, hoặc ở nơi gò mả, hoặc ở nơi đất trống, hoặc ở dưới gốc cây, hoặc mặc y phấn tảo, hoặc chỉ giữ ba y, hoặc thường ngồi không nằm, hoặc dùng tọa cụ cũ, hoặc ít muốn, hoặc biết đủ, hoặc thích hạnh xa lìa, hoặc đầy đủ chánh niệm, hoặc thích định vắng lặng, hoặc đầy đủ trí tuệ vi diệu, hoặc coi thường lợi dưỡng, hoặc xem nhẹ tiếng khen, hoặc thích tiết kiệm không xoa dầu nơi chân, hoặc ít ngủ nghỉ, hoặc lìa trạo cử, hoặc thích nói lời êm dịu, hoặc thích ít nói. Sau khi thấy các việc làm của Bồ-tát này, ác ma liền dối trá nói rằng: "Ở đời trước của ngươi cũng đã từng như vậy. Vì sao vậy? Ngày nay ngươi thuần thục các công đức khác nhau như vậy,

thế gian đều thấy, chắc chắn là đời trước người cũng có các loại công đức khác nhau như vậy. Ngươi nên vui mừng chớ có tự khinh."

Nghe ác ma ấy nói về công đức ở đời quá khứ và vị lai và nói về tên họ khác nhau của bản thân, bạn bè của họ, lại ca ngợi các căn lành thù thắng, Đại Bồ-tát ấy vui mừng cực độ và sinh tăng thượng mạn, lấn lướt, chửi mắng khinh chê các Bồ-tát khác.

Biết họ ám độn, phát sinh tăng thượng mạn lấn lướt khinh chê người khác, ác ma lại bảo họ rằng: "Chắc chắn ông sẽ được thuần thục công đức thù thắng, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ đã thọ ký cho ông. Ông nhất định sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột không còn thoái lui trở lại nữa vì đã có tướng lành hiện ra như thế."

Lúc ấy, để làm loạn tâm người kia, ác ma biến hóa giả làm hình tượng Bí-sô, hoặc giả làm hình tượng cư sĩ, hoặc giả làm hình tượng cha mẹ, bạn bè, nhân phi nhân... hiện ra trước mặt lớn tiếng nói rằng:

–Lành thay, này Đại sĩ! Ông đã thuần thục công đức như thế. Chư Phật quá khứ đã thọ ký đại Bồ-đề cho ông từ lâu rồi. Ông đã không còn bị thoái lui đối với quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao vậy? Bởi vì ông có đầy đủ các tướng công đức thù thắng của Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Ông phải tự tôn trọng chớ có nghi ngờ.

Lúc Bồ-tát nghe lời nói đó xong, tâm tăng thượng mạn của Bồ-tát ấy càng thêm chắc chắn.

Này Thiện Hiện, như Ta đã nói, các tướng trạng hoạt động mà Đại Bồ-tát thật sự đạt được không thoái chuyển có được, thì Đại Bồ-tát này đều không có.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, Đại Bồ-tát này bị ma khống chế và làm rối loạn không được tự tại. Vì sao vậy? Bởi vị họ chưa thật sự có được các tướng trạng hoạt động của Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Chỉ nghe ác ma giả vờ nói đến đức độ và tên họ của mình, người ấy liền sinh tăng thượng mạn, lấn lướt, khinh khi, chửi mắng các Bồ-tát khác.

Vì vậy, này Thiện Hiện, nếu muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, Đại Bồ-tát cần hiểu biết rõ các việc của ác ma, đừng để bị ma lừa dối mà sinh tâm kiêu mạn.

Vì vậy, này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát bị ma khống chế và làm rối loạn, chỉ nghe hư danh mà sinh kiêu mạn. Vì sao vậy? Bởi vì trước đây Đại Bồ-tát đó chưa tu học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-

đa; chưa an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chưa an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chưa an trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; chưa tu học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; chưa tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chưa tu học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; chưa tu học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; chưa tu học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; chưa tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chưa tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông; chưa tu học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chưa tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chưa tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chưa tu học tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; chưa tu học quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, vì lý do đó họ làm cho ma được tiện lợi.

Đại Bồ-tát này không thể biết rõ hành tướng của bốn ma, vì lý do này họ làm cho ma được tiện lợi. Đại Bồ-tát không biết rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không biết rõ nhãn xứ cho đến ý xứ; không biết rõ sắc xứ cho đến pháp xứ; không biết rõ nhãn giới cho đến ý giới; không biết rõ sắc giới cho đến pháp giới; không biết rõ nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không biết rõ nhãn xúc cho đến ý xúc; không biết rõ các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không biết rõ địa giới cho đến thức giới; không biết rõ vô minh cho đến lão tử; không biết rõ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không biết rõ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không biết rõ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không biết rõ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không biết rõ bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không biết rõ bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không biết rõ tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không biết rõ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không biết rõ bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không biết rõ tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không biết rõ năm loại mắt, sáu phép thần thông; không biết rõ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không biết rõ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không biết rõ quả Dự lưu cho đến quả Độc giác; không biết rõ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không biết rõ thật tướng, tên gọi của các pháp hữu tình là không

tướng. Vì lý do đó mà ma được tiện lợi, mà tìm cách hóa ra đủ loại hình tượng, nói với Đại Bồ-tát này rằng: "Hạnh nguyện tu hành của ông đã viên mãn, ông sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Lúc ông đã thành Phật sẽ được công đức thù thắng và danh hiệu tôn quý như vậy."

Bởi vì ác ma kia biết Bồ-tát này từ lâu đã ước nguyện rằng: "Khi con thành Phật sẽ được công đức và danh hiệu như vậy", nên ma theo ý muốn kia mà thọ ký như vậy.

Lúc đó, vì xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nên khi nghe ma thọ ký, Bồ-tát ấy nghĩ rằng: "Lạ thay người nào báo trước là ta sẽ được thành Phật với công đức và danh hiệu tương ưng với điều ta nghĩ và ước nguyện từ lâu. Do đó biết được chư Phật quá khứ đã thọ ký đại Bồ-đề cho ta. Chắc chắn ta sẽ đạt được quả vị Giác ngộ cao tột không còn thoái lui nữa. Lúc thành Phật nhất định ta sẽ được danh hiệu tôn quý và công đức như vậy." Bồ-tát ấy bị ác ma, hoặc quyến thuộc của ma, hoặc Sa-môn... do ma sai khiến đến thọ ký rằng: "Tương lai ông sẽ thành Phật có danh hiệu như vậy", như vậy, nên vị ấy càng tăng thêm kiêu mạn và nghĩ rằng: "Đời vị lai chắc chắn sẽ thành Phật, đạt được công đức và danh hiệu như vậy, các Bồ-tát đều không bằng ta."

Này Thiện Hiện ông nên biết, như điều Ta đã nói. Các tướng trạng hành động của Đại Bồ-tát không thoái chuyển, Đại Bồ-tát này đều chưa thuần thục. Chỉ vì nghe ma giả vờ nói mình sẽ được thành Phật mà vị ấy liền sinh kiêu mạn, coi khinh, hủy báng các Bồ-tát khác. Này Thiện Hiện, ông nên biết. Do phát sinh kiêu mạn, khinh chê hủy báng các Bồ-tát khác nên Đại Bồ-tát đó đã xa lìa quả vị Giác ngộ cao tột. Này Thiện Hiện, ông nên biết, vì xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, lìa bỏ bạn lành, thường bị lệ thuộc bạn ác nên Đại Bồ-tát đó sẽ bị đọa vào địa vị Thanh văn, hoặc Độc giác.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, nếu ngay đời này, Đại Bồ-tát đó trở lại giữ chánh niệm, hết lòng ăn năn hối cải, xả bỏ tâm kiêu mạn, thường thân cận bạn lành, thì dù phải trôi lăn sinh tử suốt một thời gian dài nhưng sau đó, vị ấy nương vào phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dần dần tu học sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, nếu ngay trong đời này, Đại Bồ-tát đó không có chánh niệm, không thể ăn năn hối cải, không xả bỏ tâm kiêu mạn, không thích gần gũi bạn lành, thì chắc chắn sau một thời gian dài trôi lăn

trong sinh tử, dù tinh tấn tu các nghiệp lành, vị ấy vẫn bị rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác.

Ví dụ có một Bí-sô cầu quả Thanh văn, nếu phạm một trong bốn trọng tội thì người đó liền chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là hàng Thích tử. Trong đời hiện tại chắc chắn người đó không thể đạt được bốn quả Sa-môn. Bồ-tát vọng chấp vào hư danh cũng giống như vậy. Chỉ nghe ma giả vờ nói mình sẽ thành Phật, họ liền phát sinh tâm ngạo mạn, khinh chê hủy báng các Đại Bồ-tát khác. Nên biết tội này lớn hơn bốn trọng tội mà Bí-sô phạm gấp vô lượng lần. Không bàn đến bốn trọng tội mà Bí-sô phạm, so với năm tội vô gián, tội của Bồ-tát cũng gấp vô số lần. Vì sao vậy? Bởi vì thật sự Đại Bồ-tát chưa thuần thục công đức thù thắng, chỉ nghe ác ma thọ ký cho mình thành Phật một cách hư dối, người ấy liền kiêu mạn khinh chê Bồ-tát khác. Do đó, tội này hơn năm tội vô gián. Vì vậy nên biết nếu muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, Đại Bồ-tát này phải hiểu rõ việc làm vi tế của ma, như là việc báo trước danh hiệu một cách hư dối... và phải siêng năng cầu quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát tu hạnh xa lìa, nghĩa là ở ẩn nơi núi rừng, đầm vắng, đồng trống, ở nơi vắng vẻ, yên tịnh ngồi yên lặng tư duy. Lúc ấy có ác ma đến chỗ người ấy, cung kính khen ngợi, nói rằng:

–Lành thay, Đại sĩ có thể tu hạnh xa lìa chân chánh như vậy. Hạnh xa lìa này được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đồng khen ngợi. Thiên đế Thích, chư Thiên, Thần tiên đều ủng hộ, cúng dường, tôn trọng người có hạnh này. Ông phải thường ở đây đừng có đi nơi khác.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, Ta không khen ngợi các Bồ-tát ở nơi vắng vẻ, yên tịnh như đồng trống, rừng núi, ngồi yên tư duy để tu hạnh xa lìa như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, các Đại Bồ-tát nên tu những hạnh nào khác ngoài hạnh xa lìa mà Phật lại không khen ngợi những vị ở nơi vắng vẻ như núi rừng, đồng trống, không dùng ngọa cụ tốt đẹp, ngồi yên tư duy mà xa lìa công đức?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hoặc ở nơi núi rừng, đầm vắng, đồng trống, những nơi vắng vẻ, hoặc dẫu ở thành ấp, xóm làng, kinh đô, những nơi ồn ào phức tạp đi nữa nhưng có thể xa lìa nghiệp ác phiền não

và sự mong cầu quả Thanh văn, Độc giác, siêng năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa và các công đức thù thắng khác mới được gọi là Bồ-tát thực hành hạnh xa lìa chân thật. Hạnh xa lìa này được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đồng khen ngợi, được chư Phật Thế Tôn thừa nhận cho phép các Bồ-tát thường tu học. Hoặc ngày, hoặc đêm nên tư duy chân chánh, siêng năng tu học các pháp xa lìa này, đó gọi là Bồ-tát tu hạnh xa lìa. Hạnh xa lìa này không xen lẫn ý mong cầu quả Thanh văn, Độc giác và tất cả nghiệp ác phiền não. Nó lìa tất cả sự ồn ào tạp nhiễm nên hoàn toàn trong sạch, làm cho các Bồ-tát mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột và thường không ngừng làm lợi lạc hữu tình. Việc mà ác ma khen ngợi như ở núi rừng, đầm vắng, đồng hoang, không dùng ngọa cụ mới, ngồi yên, tư duy ở nơi vắng vẻ chẳng phải là hạnh xa lìa chân thật của Bồ-tát. Vì sao vậy? Bởi vì hạnh xa lìa kia còn có sự ồn ào tạp nhiễm, nghĩa là hạnh đó còn xen lẫn với nghiệp ác phiền não hoặc sự mong cầu quả Thanh văn, Độc giác, chẳng thể siêng năng, tin nhận tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa nên không thể viên mãn trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, có Đại Bồ-tát tuy thích tu hạnh xa lìa mà ma khen ngợi lại sinh tâm kiêu mạn, tâm không trong sạch, khinh chê chửi mắng các Đại Bồ-tát khác. Đó là các Đại Bồ-tát tuy sống ở thành ấp, xóm làng, kinh đô nhưng tâm trong sạch, không xen lẫn các loại nghiệp ác phiền não và sự mong cầu quả Thanh văn, Độc giác; siêng năng tu học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; siêng năng an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; siêng năng an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; siêng năng an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; siêng năng tu học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; siêng năng tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, năm Thần thông và các công đức thế gian; siêng năng tu học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; siêng năng tu học mười địa của Bồ-tát; siêng năng tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; siêng năng tu học năm loại mắt; sáu phép thần thông; siêng năng tu học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; siêng năng tu học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; siêng năng tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; siêng năng tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; trang nghiêm cõi Phật, giáo hóa hữu tình, tuy ở nơi ồn ào mà tâm họ thường vắng lặng và thường tu hạnh xa lìa chân thật. Đối với các Đại Bồ-tát thật sự trong sạch như vậy mà người kia thường

sinh tâm ngạo mạn khinh chê chửi mắng, phỉ báng, lấn lướt. Này Thiện Hiện, ông nên biết, Vị Đại Bồ-tát này xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, tuy ở trong đồng vắng rộng cả trăm do-tuần, trong đó tuyệt đối không có các loại thú dữ, rắn rít, đạo tặc, chỉ có Quỷ thần, La-sát dạo ở trong ấy, còn người kia tuy ở nơi vắng vẻ như vậy suốt một năm, năm năm hoặc mười năm, hoặc cho đến trăm, ngàn, ức hoặc lâu hơn nữa, tu hạnh xa lìa nhưng không hiểu rõ hạnh xa lìa chân chánh. Nghĩa là các Đại Bồ-tát tuy ở nơi ồn ào mà tâm vắng lặng, xa lìa các loại ác nghiệp phiền não và sự mong cầu Thanh văn, Độc giác, hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, tuy Đại Bồ-tát ở nơi vắng vẻ trong một thời gian dài nhưng còn xen lẫn ý mong cầu quả vị Thanh văn, Độc giác và rất say đắm hai địa vị đó. Họ căn cứ vào giáo pháp thuộc hai địa vị đó để tu hạnh xa lìa và đắm nhiễm nặng nề vào hạnh đó. Này Thiện Hiện, ông nên biết, tuy tu hạnh xa lìa như vậy nhưng người ấy không, thuận hợp với tâm Như Lai.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, các hạnh xa lìa chân thật của Đại Bồ-tát mà Ta khen ngợi, Đại Bồ-tát đều chưa thuần thục. Vị ấy đối với hạnh xa lìa thù thắng chân thật cũng chẳng có hành tướng tương tợ. Vì sao vậy? Bởi vì người ấy không ưa thích hạnh xa lìa chân thật của Bồ-tát, mà chỉ thích hạnh xa lìa rỗng không của Thanh văn, Độc giác.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, khi Đại Bồ-tát này tu hạnh xa lìa không thật sự thù thắng, ma đến ở trên không trung, vui mừng khen ngợi rằng:

–Lành thay, lành thay, này Đại sĩ! Ông có thể siêng năng tu hạnh xa lìa chân thật. Hạnh xa lìa này được tất cả các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng khen ngợi. Ông phải siêng năng tu học hạnh này để mau chứng trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, các Bồ-tát này say đắm hạnh xa lìa mà Nhị thừa tu tập, khinh chê hủy báng các Bí-sô thực hành theo Bồ-tát thừa, tuy ở nơi ồn ào nhưng tâm thường vắng lặng và nói rằng: "Những Bí-sô ấy không thể tu hạnh xa lìa, bởi vì thân họ ở nơi ồn ào, tâm họ không được vắng lặng và hoàn toàn không có pháp điều phục."

Này Thiện Hiện, ông nên biết, Bồ-tát này khinh chê chửi mắng các bậc Bồ-tát tu hạnh xa lìa chân thật mà Phật khen ngợi. Họ cho rằng các vị ấy ở nơi ồn ào, tâm không vắng lặng, không thể siêng tu xa lìa chân thật

và cho rằng: Các Bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không khen ngợi các vị Đại Bồ-tát sống ở nơi ồn ào phức tạp, chỉ tôn trọng ngợi khen các Bồ-tát sống ở nơi không ồn ào phức tạp và giữ tâm vắng lặng.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, đối với những người đáng được thân cận, cung kính, cúng dường giống như chư Phật, Bồ-tát ấy đã không thân cận, cung kính, cúng dường lại còn khinh chê, chửi mắng. Đối với những hạng người này không nên thân cận, cung kính, cúng dường như là bạn ác thì người ấy lại thân cận, cung kính, cúng dường như là phụng sự Đức Phật.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, vì Bồ-tát này xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo nên vọng sinh đủ loại phân biệt, chấp trước. Vì sao vậy? Bởi vì người ấy nghĩ rằng: "Pháp ta đang tu học là hạnh xa lìa chân thật cho nên được chư Thiên khen ngợi, ủng hộ. Những người sống ở thành ấp thì thân, tâm rối loạn làm sao có ai giúp đỡ, cung kính khen ngợi được!" Vì lý do đó, Bồ-tát này rất kiêu mạn, khinh chê, chửi mắng các vị Đại Bồ-tát khác làm nghiệp ác, phiền não ngày càng tăng thêm.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, đối với các Bồ-tát khác, Bồ-tát ấy là hạng Chiên-đà-la làm nhiễm ô các vị Đại Bồ-tát khác. Tuy có tướng mạo giống như các Đại Bồ-tát khác nhưng thật ra họ là tên giặc lớn trong trời, người lừa dối Trời, Người, A-tố-lạc... Tuy thân mặc pháp y của Sa-môn nhưng tâm họ thường ôm lòng ham muốn của quân trộm cướp. Những ai hướng đến Bồ-tát thừa thì không nên thân cận, cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen người ác như thế. Vì sao vậy? Ông nên biết người đó ôm lòng tăng thượng mạn, bên ngoài giống như Bồ-tát nhưng bên trong thì chất chứa nhiều phiền não. Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thật sự không xả bỏ trí Nhất thiết trí, không xả bỏ quả vị Giác ngộ cao tột, thâm tâm mong cầu trí Nhất thiết trí, muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, làm lợi lạc tất cả hữu tình thì không nên thân cận, cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen người ác như vậy.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, các Đại Bồ-tát phải thường tinh tấn với sự nghiệp tu tập của chính mình, xa lìa sinh tử, không đắm chìm trong ba cõi. Đối với hạng Chiên-đà-la xấu xa kia, Đại Bồ-tát phải thường phát sinh Từ, Bi, Hỷ, Xả và nghĩ như vầy: "Ta không nên làm phát sinh lầm lỗi như người ác kia đã làm; giả sử bị thất niệm và chợt phát sinh lầm lỗi như người kia thì ta phải lập tức tỉnh giác và làm ma chóng diệt trừ lỗi lầm đó." Vì vậy, Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột phải hiểu biết rõ ràng các việc của ác ma, phải siêng năng tinh tấn diệt trừ, xa lìa các

lỗi lầm mà Bồ-tát kia đã mắc phải và siêng năng cầu quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có ý tăng thượng muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên thường thân cận, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen các vị thiện tri thức chân chánh.

Khi ấy, Thiện Hiện liền bạch Phật:

–Những ai là thiện tri thức chân chánh của Đại Bồ-tát?"

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là bậc Thiện tri thức chân chánh của các vị Đại Bồ-tát. Tất cả vị Đại Bồ-tát cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Các vị Thanh văn và Thiện sĩ nào có thể tuyên bày, khai thị, phân biệt rõ ràng cho Đại Bồ-tát về pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với ý nghĩ của nó và làm cho dễ hiểu thì cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát.

Lại nữa này Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là thiện tri thức chân chánh của các vị Bồ-tát. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Tất cả các hạnh Đại Bồ-tát cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Dứt trừ xa lìa tất cả sự tương tục của tập khí cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Các pháp duyên tánh cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Các chi duyên khởi cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-

tát. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng là thiện tri thức chân chánh của Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, đối với các vị Đại Bồ-tát, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát.

Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Tất cả hạnh của Đại Bồ-tát cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Dứt trừ vĩnh viễn các tập khí tương tục cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Các pháp duyên tánh và các chi duyên khởi cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng là thầy, là người hướng dẫn, là ánh sáng, là đuốc, là đèn chiếu soi, là sự liễu giải, là sự giác ngộ, là trí tuệ, là sự cứu giúp hộ trì, là nhà cửa, là đảo, là cồn bãi, là nơi quay về, là cha mẹ đối với các vị Bồ-tát. Vì sao vậy? Bởi vì tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều lấy Bố thí ba-la-mật-đa cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn làm thầy, làm người hướng dẫn, làm ánh sáng, là đuốc, làm đèn chiếu soi, làm sự liễu giải, làm sự giác ngộ, làm trí tuệ, làm sự cứu giúp hộ trì, làm nhà cửa, làm

đảo, làm cồn bãi, làm nơi quy thú, làm cha mẹ. Vì sao thế? Này Thiện Hiện, tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều từ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà sinh ra.

Vậy nên Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có ý nghĩ tăng thượng muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột, giáo hóa hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, thì nên học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; nên học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; nên học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; nên học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; nên học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; nên học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; nên học năm loại mắt, sáu phép thần thông; nên học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; nên học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; nên học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; nên học tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; nên học quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; nên học dứt trừ xa lìa tất cả tập khí tương tục; nên học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; nên học các pháp duyên tánh và các chi duyên khởi; nên học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; nên học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này đã học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn lại nên đem bốn Nhiếp sự thu nhiếp các hữu tình. Bốn việc đó là: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự.

Này Thiện Hiện, do quán sát ý nghĩa này nên Ta nói rằng: Việc Bố thí ba-la-mật-đa cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là thầy, là người hướng dẫn cho đến là cha mẹ của các vị Đại Bồ-tát. Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn không làm theo lời người khác, không sống dựa theo lời người khác, muốn dứt trừ sự nghi ngờ của tất cả hữu tình, muốn làm mãn nguyện tất cả hữu tình, muốn trang nghiêm cõi Phật, muốn giáo hóa hữu tình thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, đó là vì trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có nói rộng các pháp mà các vị Đại Bồ-tát nên học. Tất cả các vị Đại Bồ-tát cần phải siêng năng tu học các pháp ở trong ấy.

Khi ấy, Thiện Hiện thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa lấy gì làm tướng?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa lấy hư không, sự không chấp trước và không tướng làm tướng. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, vì ở trong tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, các pháp, các tướng đều không chỗ có và chẳng thể nắm bắt được.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Có lý do gì có thể nói là Bát-nhã ba-la-mật-đa có diệu tướng và các pháp cũng có tướng như vậy?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói. Do có lý do nên có thể nói tướng vi diệu của Bát-nhã ba-la-mật-đa và tướng vi diệu của các pháp là một. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa lấy sự xa lìa làm tướng. Các pháp cũng lấy sự xa lìa làm tướng. Bát-nhã ba-la-mật-đa lấy tánh không làm tướng. Các pháp cũng lấy tánh không làm tướng. Do đó có thể nói các pháp cũng có diệu tướng giống như diệu tướng mà Bát-nhã ba-la-mật-đa có, bởi vì các pháp đều có tự tánh là không và xa lìa các tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nếu tất cả các pháp đều có tự tánh là không và xa lìa các tướng thì tất cả pháp, mỗi một pháp đều không, cũng vậy tất cả pháp, mỗi một pháp đều xa lìa các tướng. Vậy tại sao hữu tình bày ra có sự nhiễm tịnh, bởi vì chẳng phải pháp tánh không có sự nhiễm tịnh, cũng chẳng phải pháp xa lìa có nhiễm, có tịnh, chẳng phải pháp tánh không có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng phải pháp xa lìa có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng phải trong tánh không có pháp có thể được, cũng chẳng phải trong sự xa lìa có pháp có thể được, chẳng phải trong tánh không có Đại Bồ-tát chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng phải trong sự xa lìa có Đại Bồ-tát chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Bạch Thế Tôn, làm sao con có thể hiểu được ý nghĩa sâu xa mà Phật đã dạy?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Từ lâu hữu tình có ngã và ngã sở, có tâm chấp ngã và ngã sở không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy bạch Thế Tôn, đã từ lâu hữu tình có ngã, ngã sở và tâm chấp chặt ngã, ngã sở.

Phật dạy:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Chỗ chấp ngã và ngã sở của hữu tình có phải không thật và xa lìa không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy thưa Thế Tôn, chỗ chấp ngã và ngã sở của hữu tình đều không thật và xa lìa.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Có phải do chấp ngã và ngã sở mà hữu tình trôi lăn trong sinh tử chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy bạch Thế Tôn, do chấp ngã và ngã sở mà các loài hữu tình trôi lăn trong sinh tử.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, hữu tình này trôi lăn trong sinh tử là do có tạp nhiễm. Do có hữu tình nên có ra sự nhiễm ô. Nếu các hữu tình không có tâm chấp trước ngã và ngã sở thì không có sự nhiễm ô. Nếu không có sự nhiễm ô thì không có trôi lăn trong sinh tử. Việc trôi lăn sinh tử đã không thực có được thì nên biết hữu tình xa lìa tạp nhiễm, do không có tạp nhiễm nên hiện ra hữu tình. Vì vậy này Thiện Hiện, nên biết hữu tình có tự tánh là không và xa lìa các tướng nhưng có thể tạo ra có nhiễm, có tịnh.

Khi ấy Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy cùng tất cả các pháp không và xa lìa các tướng thì Đại Bồ-tát ấy không thực hành sắc, cũng không thực hành thọ, tưởng, hành, thức. Không thực hành nhãn xứ, cũng không thực hành nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Không thực hành sắc xứ cũng không thực hành thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Không thực hành nhãn giới, cũng không thực hành nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Không thực hành sắc giới cũng không thực hành thanh, hương, vị, xúc, pháp giới. Không thực hành nhãn thức giới, cũng không thực hành nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới. Không thực hành nhãn xúc, cũng không thực hành nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Không thực hành các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng không thực hành các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra. Không thực hành địa giới, cũng không thực hành thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Không thực hành nhân duyên, cũng không thực hành đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên. Không

thực hành vô minh, cũng không thực hành hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Không thực hành Bố thí ba-la-mật-đa, cũng không thực hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không thực hành pháp không bên trong, cũng không thực hành pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn chẳng đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Không thực hành chân như, cũng không thực hành pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh không thay đổi, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Không thực hành Thánh đế khổ, cũng không thực hành Thánh đế tập, diệt, đạo. Không thực hành bốn Niệm trụ, cũng không thực hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Không thực hành bốn Tĩnh lự, cũng không thực hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Không thực hành tám Giải thoát, cũng không thực hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Không thực hành pháp môn giải thoát Không, cũng không thực hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Không thực hành bậc Tịnh quán, cũng không thực hành bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai. Không thực hành bậc Cực hỷ, cũng không thực hành bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Không thực hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng không thực hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Không thực hành năm loại mắt, cũng không thực hành sáu phép thần thông. Không thực hành mười lực của Phật, cũng không thực hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Không thực hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Không thực hành quả Dự lưu, cũng không thực hành quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề. Không thực hành trí Nhất thiết, cũng không thực hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao vậy? Bởi vì đối với các pháp này, năng hành, sở hành, nguyên do hành, lúc thực hành, nơi thực hành đều chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào có thể thực hành như vậy thì không bị

tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... hàng phục mà ngược lại có thể chế ngự chúng. Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào có thể thực hành như vậy thì không bị tất cả Thanh văn, Độc giác hàng phục mà có thể chế ngự lại họ. Vì sao vậy? Bởi vì Bồ-tát này đã an trụ vào địa vị không gì có thể khiến họ hàng phục, nghĩa là địa vị Ly sinh của Bồ-tát.

Bạch Đức Thế Tôn, Đại Bồ-tát này thường trụ ở ý nghĩ về trí Nhất thiết trí không thể khuất phục.

Bạch Thế Tôn, lúc Đại Bồ-tát này thực hành như vậy thì được ở gần trí Nhất thiết trí và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Phật dạy:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói. Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa và tất cả pháp không, xa lìa các tướng thì Đại Bồ-tát ấy không thực hành sắc, cũng không thực hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến không thực hành trí Nhất thiết, cũng không thực hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Đối với các pháp này hành, sở hành, nguyên nhân thực hành, lúc thực hành, nơi thực hành đều chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát nào có thể thực hành như vậy thì không bị tất cả thế gian Trời, Người, A-tố-lạc làm cho họ hàng phục và cũng không bị Thanh văn, Độc giác làm cho họ hàng phục, mà ngược lại Bồ-tát ấy có thể làm cho những người kia hàng phục mình. Đại Bồ-tát này đã an trụ vào địa vị không ai có thể làm cho họ hàng phục đó là địa vị Ly sinh của Bồ-tát. Vị ấy thường trụ ở trí Nhất thiết trí và ý nghĩ không thể khuất phục. Nhờ vậy, vị ấy ở gần trí Nhất thiết trí và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 454

Phẩm 60: Tăng thượng mạn (3)

Lại nữa Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Giả sử ở châu Nam thiệm-bộ này, các loài hữu tình đều được thân người. Sau khi được thân người, họ phát tâm tu học các hạnh của Bồ-tát và đều chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Có các thiện nam, thiện nữ trọn đời đem các vật dụng thượng hạng, đáng giá của thế gian cúng dường, cung kính tôn trọng, ngợi khen các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy, lại đem căn lành đã tích tụ được cho khắp các hữu tình một cách bình đẳng để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột thì nhờ nhân duyên này mà các thiện nam, thiện nữ đó được phước nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu ở giữa đại chúng, thiện nam, thiện nữ nào tuyên thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, hướng dẫn, kiến lập, phân biệt, khai thị làm cho những người kia dễ hiểu và có sự tác ý tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì nhờ nhân duyên này, thiện nam, thiện nữ đó thu hoạch được công đức nhiều hơn công đức trước vô số lần.

Lại nữa Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Giả sử các loài hữu tình ở thế giới ba lần ngàn đều được thân người, sau khi được thân người, họ phát tâm tu học các hạnh của Bồ-tát và đều chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Có các thiện nam, thiện nữ suốt đời đem đầy đủ các vật dụng thượng hạng cúng dường, tôn trọng ngợi khen các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy. Họ lại đem căn lành của sự tu tập cho các hữu tình một cách bình đẳng để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Do nhân duyên đó, thiện nam, thiện nữ này được phước nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu ở giữa đại chúng, thiện nam, thiện nữ nào tuyên thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, hướng dẫn, kiến lập, phân biệt, khai thị làm cho họ dễ hiểu và có sự tác ý tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì nhờ nhân duyên đó thiện nam, thiện nữ này được công đức lớn hơn công đức trước vô số lần.

Lại nữa Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Giả sử ở châu Nam thiệm-bộ, các loài hữu tình chẳng trước, chẳng sau đều được thân người, có thiện nam, thiện nữ khéo léo dạy hướng dẫn làm cho họ sống theo mười nghiệp lành, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, hoặc bốn Định vô sắc, hoặc năm Thần thông, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột rồi đem căn lành dạy đạo hướng dẫn này cho các hữu tình một cách bình đẳng để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột thì nhờ nhân duyên này, thiện nam, thiện nữ đó được phước có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ nào tuyên thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa ở giữa đại chúng, hướng dẫn, kiến lập, phân biệt, khai thị làm cho họ dễ hiểu và có sự tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí thì nhờ nhân duyên đó, thiện nam, thiện nữ này có được công đức lớn hơn công đức trước vô số lần.

Lại nữa Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Giả sử các loài hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, đều đồng thời được thân người. Có thiện nam, thiện nữ tìm cách hướng dẫn làm cho họ an trú vào mười nghiệp lành, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, hoặc bốn Định vô sắc, hoặc năm Thần thông, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột, họ lại đem căn lành dạy đạo hướng dẫn này cho các hữu tình một cách bình đẳng để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột thì nhờ nhân duyên đó, thiện nam, thiện nữ được phước có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ nào giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này ở giữa đại chúng, vạch bày, kiến lập, phân biệt, khai thị làm cho họ dễ hiểu và có sự tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí thì nhờ nhân duyên này, thiện nam, thiện nữ đó được công đức lớn hơn công đức trước vô số lần.

Thiện Hiện, ông nên biết, nhờ sự tinh tấn đối với pháp này mà Đại Bồ-tát đó được oai lực tăng thượng, đến được bờ bên kia và làm ruộng phước cho các hữu tình. Vì sao vậy? Bởi vì Đại Bồ-tát này siêng năng thực hành chánh pháp nên được oai lực tăng thượng, tất cả hữu tình không thể sánh kịp chỉ trừ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thấy các hữu tình không được lợi ích, vui vẻ liền phát tâm đại Từ, đó chẳng phải là việc mà các Thanh văn, Độc giác có được, thấy các hữu tình khổ não họ liền phát sinh tâm đại Bi, đó chẳng phải là việc các Thanh văn, Độc giác có được, thấy các hữu tình lợi lạc họ sinh tâm đại Hỷ, đó chẳng phải là việc các Thanh văn, Độc giác có được, thấy các hữu tình lìa tánh, lìa tướng, họ liền sinh tâm đại Xả, đó chẳng phải là việc các Thanh văn, Độc giác có được.

Này Thiện Hiện, tuy phát sinh đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả một cách bình đẳng đối với các hữu tình nhưng Đại Bồ-tát này không chấp trước bất cứ điều gì không giống như phàm phu, Thanh văn, Độc giác có đạt được điều gì liền sinh tâm chấp trước. Thiện Hiện, tuy Đại Bồ-tát này sinh khởi tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả một cách bình đẳng đối với các hữu tình nhưng vị ấy không thường chung trụ với tâm buông bỏ và luôn làm lợi ích giáo hóa cho các hữu tình không tạm bỏ.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được ánh sáng lớn; nghĩa là được ánh sáng lớn Bố thí ba-la-mật-đa, được ánh sáng lớn Tịnh giới ba-la-mật-đa, được ánh sáng lớn An nhẫn ba-la-mật-đa, được ánh sáng lớn Tinh tấn ba-la-mật-đa, được ánh sáng lớn Tĩnh lự ba-la-mật-đa, được ánh sáng lớn Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Thiện Hiện, tuy chưa chứng đắc trí Nhất thiết trí nhưng Đại Bồ-tát này đã được không thoái chuyển đối với quả vị Giác ngộ cao tột, đã sang bờ kia và làm ruộng phước của các hữu tình, có thể thọ nhận tất cả y phục, đồ ăn, thức uống, giường nằm, ghế, thuốc men và các thứ cần dùng. Thiện Hiện, do thường có sự tác ý tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa nên Đại Bồ-tát đó có thể báo đáp hoàn toàn ân của thí chủ, cũng có thể thân cận với

trí Nhất thiết trí.

Thế nên Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn không phải hưởng thọ một cách hư dối đồ cúng dường của vua, đại thần và các hữu tình khác, muốn chỉ cho hữu tình con đường thật sự trong sạch, muốn làm ngọn đèn lớn chiếu soi cho các hữu tình, muốn giải thoát hữu tình khỏi lao ngục ba cõi, muốn bố thí cho hữu tình Pháp nhãn thanh tịnh, muốn vớt hữu tình ra khỏi biển sinh tử, muốn làm hòn đảo lớn cho các hữu tình, muốn ban cho hữu tình sự an lạc rốt ráo thì phải thường an trú vào ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường an trú vào ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nói điều gì cũng là pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, sau khi đã nói pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, họ lại tư duy đúng lý về pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này thường an trú vào ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, không để cho các ý nghĩ khác tạm thời phát sinh xen lẫn vào.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này an trú vào ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa không có lúc nào tạm lìa bỏ. Giống như có người trước chưa từng có bảo châu mạt-ni, về sau nhận được nên rất vui mừng, vì cất giấu không cẩn thận nên bị mất trở lại. Người ấy rất buồn rầu thường than thở tiếc rẻ và luôn luôn có ý nghĩ làm cách gì để có được hạt châu ấy trở lại. Do ý nghĩ đó, tâm trí người ấy lúc nào cũng nghĩ đến bảo châu. Cũng như vậy, các Đại Bồ-tát phải thường an trú vào ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu lìa ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa với trí Nhất thiết trí. Vì vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải thường an trú vào ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, bởi vì nếu thường an trú vào ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không bị đánh mất ý nghĩ tương ưng với trí Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tất cả ý nghĩ đều có tự tánh là không, tự tánh của tất cả các ý nghĩ đều chia lìa, các pháp cũng như vậy. Ở trong tất cả các pháp có tự tánh là không, tự tánh chia lìa, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc trí Nhất thiết trí, hoặc các ý nghĩ đều chẳng thể nắm bắt được. Tại sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác lại khuyên các vị Đại Bồ-tát không lìa ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không lìa ý nghĩ tương ưng với trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào biết tất cả các pháp đều có tự tánh là không và có tự tánh chia lìa. Tánh không và tánh chia lìa này chẳng phải do Thanh văn làm ra, chẳng phải do Độc giác tạo ra, chẳng phải do Bồ-tát tạo ra, chẳng phải do Như Lai tạo ra, chẳng phải do bất cứ ai tạo ra. Nhưng tất cả các pháp, pháp định, pháp trụ, pháp tánh, pháp giới, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, cảnh giới hư không, chân như, thật tế, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều thường trụ như vậy. Là Đại Bồ-tát tức là không lìa ý nghĩ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng là không lìa ý nghĩ tương ưng với trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Bởi vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, trí Nhất thiết trí và các ý nghĩ đều có tự tánh là không và có tự tánh là chia lìa. Tự tánh không và chia lìa này không tăng, không giảm, có thể thông đạt được gọi là không chia lìa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng có tự tánh là không và tự tánh chia lìa thì vì sao sau khi tu chứng tánh bình đẳng của Bát-nhã ba-la-mật-đa rồi thì các vị Đại Bồ-tát mới đạt được quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc các vị Đại Bồ-tát tu chứng tánh bình đẳng của Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng phải các pháp Phật có tăng, có giảm, cũng chẳng phải các pháp, pháp định, pháp trụ, pháp tánh, pháp giới, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, cảnh giới hư không, chân như, thật tế, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, có tăng có giảm. Vì sao? Đó là vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chẳng một, chẳng hai, chẳng ba, chẳng bốn cũng chẳng nhiều.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghe nói đến Bát-nhã ba-la-mật-đa này mà không kinh sợ, hoang mang, thoái lui cũng chẳng sinh nghi ngờ thì Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đã được rốt ráo, đã an trú vào địa vị không thoái chuyển của Bồ-tát, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột và làm cho tất cả các hữu tình được lợi ích lớn.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chính Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là không, chẳng có tánh chẳng tự tại, tánh chẳng bền chắc có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không.

–Này Thiện Hiện, chẳng được.

–Bạch Thế Tôn, lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chân không chẳng có, tánh chẳng tự tại, tánh chẳng bền chắc, có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, chẳng thể được.

–Bạch Thế Tôn, chính Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính tánh không thì có thể thực hành pháp không được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa tánh không thì có pháp nào có thể thực hành pháp không được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính nhãn xứ cho đến ý xứ có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa nhãn xứ cho đến ý xứ có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính sắc xứ cho đến pháp xứ có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa sắc xứ cho đến pháp xứ có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính nhãn giới cho đến ý giới có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa nhãn giới cho đến ý giới có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính sắc giới cho đến pháp giới có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa sắc giới cho đến pháp giới có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính nhãn thức giới cho đến ý thức giới có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa nhãn giới cho đến ý thức giới có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính nhãn xúc cho đến ý xúc có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa nhãn xúc cho đến ý xúc có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính địa giới cho đến thức giới có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa địa giới cho đến thức giới có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính nhân duyên cho đến tăng thượng duyên có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa nhân duyên cho đến tăng thượng duyên có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính vô minh cho đến lão tử, có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa vô minh cho đến lão tử có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính năm loại mắt, sáu phép thần thông có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa năm loại mắt, sáu phép thần thông có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính chân không, chẳng có tánh không tự tại, tánh không chắc thật của sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa chân không, chẳng có tánh không tự tại, tánh không chắc thật của sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, chính không, chẳng có tánh không tự tại, tánh không

chắc thật của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa không, chẳng có tánh không tự tại, tánh không chắc thật của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, với chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn của sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn của sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, như vậy cho đến với chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, lìa trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có pháp nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không?

–Này Thiện Hiện, không được.

–Bạch Thế Tôn, nếu với các pháp như thế đều không thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vậy thì các Đại Bồ-tát làm sao có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Ông thấy có pháp nào có thể thực hành

Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không thấy.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Ông có thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là chỗ thực hành của Đại Bồ-tát không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không thấy.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Pháp mà ông không thấy có phải là pháp có thể thực hành không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không được.

Phật hỏi:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Pháp không thể thấy có sinh diệt không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không có.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, pháp tánh của các pháp như ông đã thấy tức là Vô sinh pháp nhẫn của các vị Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát nào thuần thục Vô sinh pháp nhẫn này liền được chư Phật thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột.

Đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng vô lượng, vô biên công đức thù thắng, Đại Bồ-tát này được gọi là người có thể tinh tấn thực hành như thật. Nếu ai có thể tinh tấn tu hành như vậy mà không đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, trí Nhất thiết tướng, đại trí, diệu trí thì không có chuyện đó. Vì sao vậy? Đó là do Đại Bồ-tát này đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn cho đến quả vị Giác ngộ cao tột và thường không bị thoái lui, đối với pháp đã đạt được.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Có phải nhờ tánh không sinh của các pháp mà Đại Bồ-tát được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột không?

Phật dạy:

–Không phải, này Thiện Hiện.

–Bạch Thế Tôn, có phải nhờ tánh sinh của tất cả các pháp mà Đại Bồ-tát được thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột không?

–Không phải, này Thiện Hiện.

–Bạch Thế Tôn, có phải nhờ tánh sinh và không sinh của tất cả các pháp mà Đại Bồ-tát được thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không?

–Không phải, này Thiện Hiện.

–Bạch Thế Tôn, có phải nhờ tánh chẳng sinh, chẳng không sinh của tất cả các pháp mà Đại Bồ-tát được Phật thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không?

–Không phải, này Thiện Hiện.

–Bạch Thế Tôn, vậy thì bằng cách nào các Đại Bồ-tát được Phật thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Ông thấy có pháp nào có thể được Phật thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không có. Con không thấy có pháp có thể được Phật thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột, cũng không thấy có pháp nào có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; người chứng, nơi chứng, lúc chứng và lý do chứng đều chẳng thể nắm bắt được.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói! Đối với tất cả các pháp vô sở đắc, Đại Bồ-tát không thể nghĩ như vậy: "Ta sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, ta sẽ dùng pháp này vào lúc đó, nơi đó để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột."

Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, đó là vì các vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, không có tất cả sự phân biệt như vậy. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, bởi vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này xa lìa tất cả sự phân biệt. Nếu ai phát sinh đủ loại phân biệt như vậy thì chẳng phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

Phẩm 61: Đồng học (1)

Khi ấy, Thiên đế Thích bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa này rất sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, không thể suy nghĩ, vượt khỏi cảnh giới suy nghĩ, là chỗ chứng đắc của người có trí tuệ sáng suốt, vi diệu, hoàn toàn xa lìa các tướng phân biệt.

Bạch Thế Tôn, đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, thiện nam, thiện nữ nào thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng thông suốt hoàn toàn, tư duy như lý, tu hành theo giáo lý, nói cho người khác nghe một cách chân chánh cho đến quả vị Giác ngộ cao tột, không có xen lẫn các tâm và tâm sở khác thì thiện nam, thiện nữ đó không chỉ thuần thục chút ít căn lành mà còn có thể thuần thục việc này ở trong đó phải không?

Khi ấy, Phật bảo Thiên đế Thích rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Này Kiều-thi-ca, đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thường thích lắng nghe, giữ gìn, đọc tụng, thông suốt hoàn toàn, tư duy đúng lý, tu hành theo giáo lý, nói cho người khác nghe một cách chính xác để hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, không xen lẫn các tâm và tâm sở khác thì các thiện nam, thiện nữ này chắc chắn thuần thục căn lành rộng lớn và có thể thuần thục việc này ở trong đó.

Này Kiều-thi-ca, giả sử có thiện nam, thiện nữ có thể khuyết khích các loài hữu tình ở châu Nam thiệm-bộ này cho đến thế giới ba lần ngàn đều thực hành mười nghiệp lành, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, hoặc bốn Định vô sắc, hoặc năm Thần thông thì được vô lượng công đức. Có thiện nam, thiện nữ nào đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, thông suốt hoàn toàn, tư duy đúng lý, tu hành theo giáo lý, nói cho người khác nghe một cách chính xác thì công đức mà thiện nam, thiện nữ này đạt được hơn công đức nói ở trước trăm ngàn cho đến vô số lần.

Lúc đó, trong chúng có một Bí-sô hỏi Thiên đế Thích rằng:

–Này Kiều-thi-ca, đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, thiện nam, thiện nữ nào thường chú ý không tán loạn, ưa thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, thông suốt hoàn toàn, tư duy đúng lý tu hành theo giáo lý, nói cho người khác nghe một cách chính xác để hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột không có xen lẫn tâm và tâm sở khác thì công đức mà thiện nam,

thiện nữ đó thu được có hơn hẳn vô lượng công đức mà các loài hữu tình ở cõi châu Thiệm-bộ này cho đến thế giới ba lần ngàn có được nhờ cùng nhau thực hành mười nghiệp lành, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, hoặc bốn Định vô sắc, hoặc năm Thần thông... không?

Thiên đế Thích đáp:

–Những thiện nam, thiện nữ đó mới vừa phát sinh tâm niệm tương ưng trí Nhất thiết tướng đã thu được công đức lớn hơn công đức mà tất cả các loài hữu tình ở khắp châu Thiệm-bộ cho đến thế giới ba lần ngàn có được nhờ cùng nhau thực hành mười nghiệp lành, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, hoặc bốn Định vô sắc, hoặc năm Thần thông... vô số công đức gấp trăm ngàn lần, huống gì lại có thể đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này giữ tâm không loạn, thường thích lắng nghe thọ trì, đọc tụng, thông suốt hoàn toàn, tư duy đúng lý, tu hành theo giáo pháp, nói cho người khác nghe một cách chính xác để hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột không xen lẫn tâm và tâm sở khác thì công đức thu được không thể so lường.

Này Bí-sô, ông nên biết, công đức trí tuệ của thiện nam, thiện nữ chẳng những hơn hẳn công đức mà các loài hữu tình ở châu Thiệm-bộ cho đến thế giới ba lần ngàn có được nhờ cùng nhau thực hành mười nghiệp lành, bốn Tĩnh lự... vô lượng mà còn hơn cả công đức mà Trời, Người, A-tố-lạc có được. Vì sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ này mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột làm lợi ích vô lượng hữu tình.

Bí-sô nên biết, Công đức trí tuệ của thiện nam, thiện nữ này chẳng những hơn công đức mà Trời, Người, A-tố-lạc ở thế gian có được mà còn hơn công đức của tất cả các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác. Vì sao vậy? Bởi vì thiện nam, thiện nữ này mau chóng chứng quả vị Giác ngộ cao tột làm lợi ích vô lượng hữu tình.

Bí-sô nên biết, công đức trí tuệ của thiện nam, thiện nữ này chẳng những hơn công đức của tất cả các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác mà còn hơn cả công đức của tất cả Đại Bồ-tát xa lìa phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa, tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa; an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi

Thánh đạo; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tu hành phép quán thuận nghịch mười hai duyên khởi; đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, tu tập các hạnh của Đại Bồ-tát và tu quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ này mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột làm lợi ích vô lượng hữu tình.

Bí-sô nên biết, công đức, trí tuệ của thiện nam, thiện nữ này cũng hơn hẳn công đức của tất cả Đại Bồ-tát xa lìa phương tiện thiện xảo khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Bởi vì thiện nam, thiện nữ này mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột làm lợi ích cho vô lượng hữu tình.

Bí-sô nên biết, thiện nam, thiện nữ này chính là Đại Bồ-tát. Nhờ tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đúng như đã nói nên Đại Bồ-tát này không bị tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn làm cho phải hàng phục. Vị ấy có thể nối liền chủng tánh trí Nhất thiết trí không cho dứt đoạn, thường không xa lìa chư Phật, Bồ-tát và những bạn lành thù thắng chân thật. Không bao lâu nữa, vị ấy sẽ ngồi trên tòa Bồ-đề vi diệu, làm cho tất cả quyến thuộc của ác ma phải hàng phục, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, vớt các hữu tình ra khỏi sinh, già, bệnh, chết làm cho được hoàn toàn an vui, vắng lặng.

Bí-sô nên biết, nhờ tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa đúng như đã nói, Đại Bồ-tát này thường học pháp mà Đại Bồ-tát nên học, không học pháp mà Thanh văn, Độc giác học.

Bí-sô nên biết, do Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thường học các pháp mà Đại Bồ-tát nên học cho nên bốn Thiên vương hộ thế thống lãnh Thiên chúng của mình đến chỗ vị ấy, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và nói rằng: "Lành thay, hãy mau tinh tấn học các pháp mà Đại Bồ-tát nên học, đừng học các pháp mà Thanh văn, Độc giác học. Nếu học như vậy Ngài sẽ sớm an tọa trên tòa Bồ-đề vi diệu và chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Như trước đây Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ nhận bốn bát của bốn Thiên vương đã dâng, Ngài cũng nên nhận như vậy. Như xưa, bốn Đại thiên vương hộ thế đã dâng lên bốn bát, chúng tôi cũng sẽ dâng như vậy."

Bí-sô nên biết, do Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thường học pháp mà Đại Bồ-tát nên học, nên Thiên đế chúng tôi thống lãnh Thiên chúng của mình đến chỗ vị ấy để cúng dường, cung kính tôn trọng, ngợi khen và nói rằng: "Lành thay, Đại sĩ! Hãy mau tinh tấn tu các pháp mà Đại Bồ-tát nên học, đừng học các pháp mà Thanh văn và Độc giác học; nếu học như vậy Ngài sẽ mau an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển vận bánh xe vi diệu cứu độ các hữu tình."

Bí-sô nên biết, nhờ Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy và thường học các pháp Đại Bồ-tát cần học nên Thiên tử Diệu Thời Phận thống lãnh Thiên chúng Thời phận đến chỗ vị ấy để cúng dường, cung kính tôn trọng, ngợi khen và nói rằng: "Lành thay, Đại sĩ! Hãy mau tinh tấn tu các pháp mà Đại Bồ-tát nên học, đừng học các pháp mà Thanh văn và Độc giác học, nếu học như vậy sẽ mau an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, vận chuyển bánh xe diệu pháp và cứu độ các hữu tình."

Bí-sô nên biết, do Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và thường học các pháp Đại Bồ-tát học, nên Thiên tử Diệu Hỷ Túc thống lãnh Thiên chúng Hỷ túc đến chỗ vị ấy để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và nói rằng: "Lành thay, Đại sĩ! Hãy mau siêng năng học mà Đại Bồ-tát cần học, đừng học các pháp mà Thanh văn và Độc giác học, ai học như vậy thì sẽ sớm an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển vận bánh xe diệu pháp, cứu độ các hữu tình."

Bí-sô nên biết, do Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và thường học các pháp Đại Bồ-tát cần học, nên Thiên tử Lạc Biến Hóa thống lãnh Thiên chúng Lạc biến hóa đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và nói rằng: "Lành thay, Đại sĩ! Hãy mau siêng năng học các pháp mà Đại Bồ-tát cần học, đừng học các pháp mà Thanh văn và Độc giác học, ai học như vậy thì sẽ sớm an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển vận bánh xe diệu pháp cứu độ các hữu tình."

Bí-sô nên biết, do tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và thường học các pháp mà Đại Bồ-tát cần học, nên Thiên tử Diệu Tự Tại thống lãnh Thiên chúng Tha hóa tự tại đến chỗ vị ấy để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và nói rằng: "Lành thay, Đại sĩ! Hãy mau siêng năng học các pháp mà Đại Bồ-tát cần học, đừng học các pháp mà Thanh văn và Độc giác học. Ai học như vậy thì sẽ sớm an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu chứng đắc quả

vị Giác ngộ cao tột, chuyển vận bánh xe diệu pháp cứu độ các hữu tình."

Bí-sô nên biết, do tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và thường học các pháp mà Đại Bồ-tát cần học, nên Đại phạm Thiên vương ở thế giới Ta-bà dẫn Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Phạm hội thiên đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và nói rằng: "Lành thay, Đại sĩ! Hãy mau siêng năng học các pháp mà Đại Bồ-tát cần học, đừng học các pháp mà Thanh văn và Độc giác học. Ai học như vậy thì sẽ sớm an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Tôi sẽ đến dưới cội Bồ-đề, ân cần thỉnh Ngài chuyển vận Pháp luân vô thượng làm lợi ích vô số hữu tình."

Bí-sô nên biết, do tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và thường học các pháp mà Đại Bồ-tát cần học nên trời Cực quang tịnh cùng với Thiên chúng cõi Quang thiên, Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên đến chỗ vị ấy để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen; trời Biến tịnh cùng với Thiên chúng cõi Tịnh thiên, Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính tôn trọng ngợi khen; trời Quảng quả cùng với Thiên chúng cõi Quảng thiên, Thiểu quảng thiên, Vô lượng quảng thiên đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính tôn trọng, ngợi khen; trời Sắc cứu cánh cùng với Thiên chúng trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến đến chỗ vị ấy cúng dường cúng kính, tôn trọng, ngợi khen và đều nói rằng: "Lành thay, Đại sĩ! Hãy mau siêng năng học các pháp mà Đại Bồ-tát cần học, đừng học các pháp mà Thanh văn, Độc giác học. Nếu học như vậy thì sẽ sớm an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển vận bánh xe diệu pháp cứu độ các hữu tình."

Bí-sô nên biết, nhờ Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đúng như đã nói nên được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác các vị Đại Bồ-tát, các vị Trời, Rồng, A-tố-lạc thường theo hộ niệm; vì thế tất cả các hiểm nạn, nguy ách ở thế gian và sự buồn khổ nơi thân tâm đều không thể làm hại được Bồ-tát này.

Bí-sô nên biết, do Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đúng như đã nói nên các thứ bệnh do bốn đại chống trái nhau tạo ra ở thế gian đều không thể làm não hại. Đó là những thứ bệnh như bệnh mắt, bệnh lưỡi, bệnh thân, bệnh xương cốt, tất cả bốn trăm lẽ bốn loại bệnh như vậy đều không có ở trong thân chỉ trừ khi có nghiệp chuyển thành quả báo nhẹ.

Bí-sô nên biết, nhờ tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đúng như đã

nói nên Đại Bồ-tát ấy thu được vô lượng, vô biên công đức trong đời hiện tại và vị lai, các Đức Phật Thế Tôn có thể thấy, biết, giác ngộ việc ấy.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 455

Phẩm 61: Đồng học (2)

Bấy giờ, Cụ thọ Khánh Hỷ thầm nghĩ: "Nay Thiên đế Thích nhờ sự biện tài của mình, mà đã giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, khen ngợi công đức thù thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế hay là nhờ sức oai thần của Như Lai?"

Thiên đế Thích liền biết tâm niệm của Khánh Hỷ mới thưa rằng:

–Đại đức, việc tôi giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, việc tôi khen ngợi công đức thù thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa đều nhờ sức oai thần của Như Lai.

Khi ấy, Thế Tôn bảo Khánh Hỷ:

–Đúng vậy, đúng vậy, nay Thiên đế Thích giảng nói, khen ngợi công đức thù thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nên biết việc đó đều nhờ sức oai thần của Như Lai, chẳng phải là sự biện tài của ông ấy. Vì sao vậy? Đó là vì công đức thù thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhất định chẳng phải là pháp mà tất cả thế gian Trời, Người, A-tố-lạc..., có thể biết được, nói được. Khánh Hỷ nên biết, khi Đại Bồ-tát nào học tập, suy nghĩ tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa tất cả ác ma trong thế giới ba lần ngàn đều sinh nghi ngờ và nghĩ rằng: "Không biết Đại Bồ-tát này làm vậy là để chứng đắc thật tế, lui lại giữ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề hay để hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột."

Lại nữa Khánh Hỷ, nếu Đại Bồ-tát không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa thì các ác ma rất khổ não, thân tâm đau đớn như bị trúng tên độc.

Lại nữa Khánh Hỷ, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì các ác ma đến chỗ vị ấy hóa ra đủ loại việc đáng sợ, vì muốn làm thân tâm Bồ-tát kinh sợ, mê muội đánh mất tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, có ý thoái lui đối với việc tu hành cho đến phát sinh một ý niệm rối loạn gây chướng ngại sự chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Đó là ước

nguyện thâm hiểm của ác ma ấy.

Bấy giờ, Khánh Hỷ liền bạch Phật rằng:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các vị Đại Bồ-tát đều bị ác ma làm não loạn hay là có người bị não loạn, có người không bị não loạn.

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chẳng phải các vị Đại Bồ-tát đều bị ác ma làm não loạn mà là có người bị não loạn, có người không bị não loạn.

Cụ thọ Khánh Hỷ lại bạch Phật:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, những vị Đại Bồ-tát nào bị ma não loạn, những vị Đại Bồ-tát nào không bị ma não loạn?

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Đại Bồ-tát nào vào đời trước, khi nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, không tin hiểu, khinh chê, hủy báng thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát ấy bị ma làm não loạn. Đại Bồ-tát nào vào đời trước, lúc nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này tin hiểu, khen ngợi, không hủy báng thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào vào đời trước, khi nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này liền nghi ngờ do dự là có hay không, là thật hay giả thì khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát này bị ác ma làm não loạn. Đại Bồ-tát nào vào đời trước, nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này không sinh nghi ngờ, do dự và tin chắc là có thật thì khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào xa lìa thiện tri thức, bị lệ thuộc vào bạn ác, không được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, do không nghe nên không thể hiểu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, vì không hiểu rõ nên không thể tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, vì không tu tập nên không thể thưa hỏi về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do không thưa hỏi nên không thể thực hành như pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do không thực hành như pháp nên không thể chứng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát này bị ác ma làm não loạn. Đại Bồ-tát nào gần gũi bạn lành, không bị lệ thuộc vào bạn ác, được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, nhờ được nghe nên liền hiểu rõ Bát-nhã

ba-la-mật-đa sâu xa, do hiểu rõ nên liền có thể tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ tu tập nên có thể thưa hỏi về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ thưa hỏi nên có thể thực hành như pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, vì thực hành như pháp nên liền có thể chứng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Này Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, khen ngợi và lệ thuộc vào pháp không chân chánh, vi diệu thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát bị ác ma làm não loạn. Đại Bồ-tát nào gần gũi Bát-nhã ba-la-mật-đa, không khen ngợi, không lệ thuộc vào pháp chẳng chân chánh, vi diệu thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, khinh chê hủy báng pháp chân chánh vi diệu, lúc ấy ác ma liền nghĩ rằng: "Nay ta làm bạn với Bồ-tát này. Vì người ấy hủy báng pháp chân chánh vi diệu nên liền có vô số chúng sinh trụ nơi Bồ-tát thừa cũng hủy báng pháp chân chánh vi diệu. Vì lý do này ta nguyện làm viên mãn." Giả sử các chúng sinh thuộc Bồ-tát thừa này siêng năng tu tập các pháp lành nhưng rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác, đồng thời làm cho người khác bị rơi theo thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát ấy bị ác ma làm não loạn.

Đại Bồ-tát nào gần gũi Bát-nhã ba-la-mật-đa, khen ngợi tin nhận pháp chân chánh vi diệu, lại làm cho vô số chúng sinh trụ nơi Bồ-tát thừa cũng khen ngợi tin tưởng pháp chân chánh vi diệu, vì thế ác ma buồn rầu kinh sợ. Giả sử các chúng sinh thuộc Bồ-tát thừa này không siêng năng tu các pháp lành mà cũng quyết định không làm cho mình và người khác trở lại địa vị Thanh văn, Độc giác và chắc chắn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, lúc nghe giảng kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nói rằng: "Bát-nhã ba-la-mật-đa này, nghĩa lý sâu xa, khó thấy, khó hiểu, vậy giảng nói, lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tư duy, siêng năng tu tập, biên chép truyền bá kinh này để làm gì? Ta còn không thể hiểu thấu đáo kinh này huống gì những người phước mỏng trí cạn." Khi nghe người ấy nói, vô số chúng sinh đang theo Bồ-tát thừa đều kinh sợ, liền thoái lui tâm Vô thượng Chánh đẳng giác rơi vào địa vị Nhị thừa thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát này bị ác ma làm não loạn.

Khi nghe giảng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nói rằng: "Bát-nhã ba-la-mật-đa này có ý nghĩa sâu xa, khó thấy, khó hiểu, nếu không giảng bày, lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tư duy, siêng năng tu tập, biên chép, truyền bá mà có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột thì không có việc ấy." Lúc ấy có vô số chúng sinh đang theo Bồ-tát thừa. Nghe lời người ấy nói, họ rất vui mừng và thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thông suốt hoàn toàn, tư duy đúng lý, siêng năng tu hành, giảng nói cho người khác nghe, biên chép, truyền bá để hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào ỷ vào công đức thiện căn của mình khinh chê các vị Bồ-tát khác và nói rằng: "Ta có thể tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa còn các ông không thể; ta có thể an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh còn các ông không thể; ta có thể an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn còn các ông không thể; ta có thể an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo còn các ông không thể; ta có thể tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo còn các ông không thể; ta có thể tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc còn các ông không thể; ta có thể tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ còn các ông không thể; ta có thể tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện còn các ông không thể; ta có thể tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân còn các ông không thể; ta có thể tu hành bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai còn các ông không thể; ta có thể tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông còn các ông không thể; ta có thể tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng còn các ông không thể; ta có thể tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả còn các ông không thể; ta có thể tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng còn các ông không thể; ta có thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật còn các ông không thể; ta có thể quán các chi duyên khởi theo chiều thuận nghịch còn các ông không thể; ta có thể quán tự tướng, cộng tướng còn các ông không thể; ta có thể tu tập tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa còn các ông không thể; ta có thể tu tập tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật còn các ông không thể." Khi ấy ác ma vui mừng tột độ nói rằng: "Đại Bồ-tát này là bạn của ta, chưa biết lúc nào mới thoát khỏi sinh tử luân hồi." Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa,

Đại Bồ-tát này bị ác ma làm não loạn.

Đại Bồ-tát nào không ỷ vào công đức thiện căn của mình, không khinh chê các Đại Bồ-tát khác, tuy thường siêng năng tu các pháp lành nhưng không chấp trước vào tướng các pháp lành, thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào ỷ tên họ mình được mọi người biết nên khinh chê các Bồ-tát tu thiện khác, thường ca ngợi đức hạnh của mình và chê bai lỗi lầm của người khác, thật không có hành vi, tướng trạng của Đại Bồ-tát không thoái chuyển mà cho là thật có, phát sinh các phiền não, khen mình chê người nói rằng: "Các ông không có danh hiệu của Bồ-tát, chỉ riêng tôi có danh hiệu của Bồ-tát." Do tâm tăng thượng mạn, vị ấy khinh chê, hủy báng các vị Đại Bồ-tát khác.

Sau khi thấy việc ấy, ác ma liền nghĩ rằng: "Bồ-tát này làm cho cung điện trong nước ta không bị trống không, làm tăng thêm cõi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ." Khi ấy, ác ma dùng thần lực, giúp cho người ấy tăng thêm oai thế, tài năng. Do đó nhiều người tin tưởng lời nói của người ấy. Vì vậy người ấy khuyến khích họ cùng phát sinh ác kiến. Sau khi có cùng ác kiến rồi họ liền theo người ấy học tà pháp. Sau khi họ học tà pháp, phiền não càng tăng thêm. Do tâm điên đảo, các nghiệp phát sinh từ thân, khẩu, ý của họ đều có thể chiêu cảm quả khổ suy tổn không đáng ưa thích. Vì lý do này cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh được tăng thêm, cung điện, cõi nước của ma đầy dẫy. Do đó ác ma vui mừng tột độ và làm mọi việc mọi cách tự tại như ý. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này bị ác ma làm não loạn.

Đại Bồ-tát không ỷ mình có danh tiếng hư vọng nên không khinh chê các Bồ-tát tu thiện khác, không phát sinh tăng thượng mạn đối với các công đức của mình thường không tự khen mình cũng chẳng chê người khác và có thể biết rõ các việc của ác ma thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát đó không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào chê bai, hủy báng, đấu tranh với người cầu Thanh văn, Độc giác thừa, làm cho ác ma thấy việc đó liền nghĩ rằng: "Nay Đại Bồ-tát này xa lìa quả vị Giác ngộ cao tột, gần gũi cảnh giới địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Vì sao vậy? Bởi vì chê bai hủy báng, đấu tranh lẫn nhau chẳng phải là đạo Bồ-đề, chỉ là những con đường hiểm ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh." Sau khi nghĩ xong, ác ma vui mừng cực độ, làm

cho oai lực của Bồ-tát này tăng thêm, khiến cho vô số người tăng thêm nghiệp ác thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát này ác ma làm não loạn.

Đại Bồ-tát nào không chê bai, hủy báng, đấu tranh với người cầu Thanh văn, Độc giác, tìm cách dẫn dắt làm cho họ hướng về Đại thừa, hoặc làm cho họ siêng năng tu pháp lành của thừa mình, thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát đó không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào đấu tranh, chê bai bài báng lẫn nhau cùng với Bồ-tát cầu quả vị Giác ngộ cao tột nhẫn nhục, nhu hòa. Thấy việc này ác ma liền nghĩ rằng: "Hai Bồ-tát này đều xa lìa trí Nhất thiết trí mà họ mong cầu, đều gần các đường hiểm ác địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tố-lạc... Vì sao vậy? Bởi vì việc đấu tranh, chê bai hủy báng lẫn nhau chẳng phải là đạo Bồ-đề mà chỉ là con đường hiểm ác hướng đến địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tố-lạc..." Sau khi nghĩ điều này, ác ma vui mừng tột độ, làm tăng thêm oai đức của họ, khiến cho hai nhóm đó đấu tranh không dứt thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát này bị ác ma làm não loạn.

Đại Bồ-tát nào không cùng với các Bồ-tát cầu quả vị Giác ngộ cao tột đấu tranh, phỉ báng, khinh chê lẫn nhau mà chỉ khuyên răn thúc đẩy lẫn nhau tu hạnh thù thắng để mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào chưa được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột lại sinh tâm giận hờn, đấu tranh, khinh chê nhục mạ, phỉ báng các Đại Bồ-tát đã được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột. Tùy theo Đại Bồ-tát này đã phát sinh bao nhiêu tâm niệm không tốt đẹp thì bị mất bấy nhiêu kiếp đã từng tu các hạnh thù thắng, trải qua bấy nhiêu thời gian xa lìa bạn lành, lại nhận lấy bấy nhiêu sự trói buộc sinh tử. Nếu không xả bỏ tâm đại Bồ-đề trải qua bấy nhiêu kiếp mặc áo giáp nhẫn nại, siêng năng tu thắng hạnh không ngừng nghỉ thì sau đó mới bù đắp lại công đức đã bị mất.

Bấy giờ, Khánh Hỷ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy phát sinh tâm ác, mắc tội khổ sinh tử phải trôi lăn suốt bấy nhiêu kiếp hay ở giữa chừng cũng có thể ra khỏi? Đại Bồ-tát này đã từng thoái lui thắng hạnh, cần phải siêng năng bao nhiêu kiếp sau đó mới phục hồi lại công đức hay ở giữa chừng cũng có thể phục hồi được?

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Ta vì Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn mà nói có xuất tội và bù đắp lại pháp lành. Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát nào chưa được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột lại sinh giận hờn, đấu tranh, khinh chê, nhục mạ, hủy báng, về sau không có hổ thẹn ôm lòng ác không bỏ, không chịu phát lồ sám hối đúng pháp thì Ta nói các hạng ấy ở giữa chừng không thể hết tội và không phục hồi pháp lành lại được. Người ấy phải lưu chuyển sinh tử trong bấy nhiêu kiếp, xa lìa bạn lành, bị khổ não trói buộc. Nếu không xả bỏ tâm đại Bồ-đề trải qua bấy nhiêu kiếp mặc áo giáp nhẫn nại, siêng năng tu thắng hạnh không có gián đoạn thì sau đó mới có thể phục hồi lại công đức đã mất.

Nếu Đại Bồ-tát chưa được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột lại sinh giận hờn, đấu tranh, khinh chê, nhục mạ, hủy báng các vị Đại Bồ-tát đã được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột; về sau người ấy hổ thẹn, không còn bị lệ thuộc vào việc ác, tìm cách phát lồ, sám hối như pháp và nghĩ rằng: "Ta đã được thân người là thứ khó được, vì sao lại phát sinh tội ác như vậy làm mất đi lợi ích lớn. Ta cần phải làm lợi ích cho tất cả hữu tình cớ sao lại làm tổn hại họ. Ta cần phải cung kính tất cả hữu tình như bề tôi thờ chủ cớ sao lại kiêu mạn nhục mạ, khinh chê lấn lướt họ. Ta cần phải chịu đựng cho tất cả hữu tình đánh đập, quở trách cớ sao lại dùng thân miệng bạo ác để báo đáp họ. Ta cần phải hòa giải tất cả hữu tình giúp họ thương yêu kính trọng lẫn nhau cớ sao lại nói lời bạo ác, tranh đấu với họ. Ta phải chịu đựng cho tất cả hữu tình giẫm đạp trong một thời gian dài giống như đường sá, hoặc như cầu cống cớ sao lại lấn lướt, nhục mạ họ. Ta cầu quả vị Giác ngộ cao tột vì muốn cứu vớt hữu tình ra khỏi nỗi khổ sinh tử, giúp họ đạt được Niết-bàn hoàn toàn an lạc cớ sao lại làm họ thêm đau khổ. Từ nay về sau ta phải như người ngu, như câm, như điếc, như đui, không sinh tâm phân biệt đối với các hữu tình. Giả sử bị chém đứt đầu, chân, tay, cánh tay, bị móc mắt, xẻo tai, cắt mũi, hớt lưỡi và tất cả các phần khác của thân thể ta quyết không gây ác đối với các hữu tình. Nếu ta gây ác thì liền hư mất tâm Vô thượng Chánh đẳng giác đã phát sinh, làm chướng ngại trí Nhất thiết trí mà ta mong cầu, không thể làm cho hữu tình được lợi ích, an lạc." Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát này theo Ta có thể hết tội và phục hồi công đức ở giữa chừng chẳng cần phải trải qua bấy nhiêu kiếp trôi lăn sinh tử. Người ấy không bị ác ma làm não loạn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Khánh Hỷ, các thiện nam, thiện nữ sống theo Bồ-tát thừa không nên giao thiệp với người cầu quả Thanh văn, Độc giác. Giả sử giao thiệp với họ thì không được cùng với họ ở chung, giả sử ở chung với họ thì không nên cùng họ luận bàn, quyết định. Vì sao vậy? Nếu luận bàn, quyết định với họ thì hoặc là ta sẽ sinh tâm giận dữ, hoặc là nói lời thô ác. Nhưng đối với các hữu tình, các Bồ-tát không nên tức giận hoặc nói lời thô ác. Giả sử bị cắt chặt đầu, chân và các phần của thân ta cũng không nên nổi giận và nói lời hung ác. Vì sao vậy? Bởi vì các Đại Bồ-tát nên nghĩ rằng: "Ta cầu quả vị Giác ngộ cao tột là để cứu hữu tình thoát khỏi nỗi khổ sinh tử làm cho họ được hoàn toàn lợi ích an lạc chớ đâu phải để tạo việc ác đối với họ."

Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát nào giận dữ, nói lời thô ác đối với các hữu tình liền chướng ngại quả vị Giác ngộ cao tột và phá hoại vô số pháp hành của Bồ-tát. Vì vậy, Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì không nên giận dữ và nói lời thô ác đối với các hữu tình.

Cụ thọ Khánh Hỷ thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, các vị Đại Bồ-tát cùng với các Đại Bồ-tát sống chung thế nào?

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Các vị Đại Bồ-tát phải coi các vị Đại Bồ-tát sống chung với mình giống như Đại sư. Vì sao vậy? Khi chăm sóc lẫn nhau các Bồ-tát này nên nghĩ rằng: "Họ đều là thiện tri thức chân chánh của ta, làm bạn với ta, cùng ta đi chung một thuyền, cùng học một nơi, một lúc và một pháp, lý do học cũng giống nhau. Như người kia nên học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, ta cũng nên học; như người kia nên học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, ta cũng nên học; như người kia nên học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, ta cũng nên học; như người kia nên học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, ta cũng nên học; như người kia nên học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, ta cũng nên học; như người kia nên học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, ta cũng nên học; như người kia nên học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, ta cũng nên học; như người kia nên học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, ta cũng nên học; như người kia nên học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, ta cũng nên học; như người kia nên học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, ta cũng nên học; như người kia nên học năm loại mắt, sáu phép thần thông, ta cũng nên học; như

người kia nên học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, ta cũng nên học; như người kia nên học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, ta cũng nên học; như người kia nên học đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, ta cũng nên học; như người kia nên học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, ta cũng nên học."

Bồ-tát này cũng nên nghĩ rằng: "Các Bồ-tát ấy nói đạo đại Bồ-đề cho chúng ta nghe tức là bạn lành của ta, cũng là Đạo sư của ta. Nếu Đại Bồ-tát ấy ở trong ý nghĩ tạp nhiễm, xa lìa ý nghĩa tương ưng với trí Nhất thiết trí, ta sẽ không cùng họ học thứ đó. Nếu Đại Bồ-tát ấy xa lìa ý nghĩa tạp nhiễm, không lìa ý nghĩa tương ưng trí Nhất thiết trí, ta sẽ cùng họ học ở trong đó."

Khánh Hỷ nên biết, nếu Đại Bồ-tát có thể học như vậy thì tư lương Bồ-đề mau chóng được viên mãn. Lúc học như vậy, Đại Bồ-tát được gọi là đồng học với các vị Đại Bồ-tát.

-oOo-

Phẩm 62: Đồng tánh (1)

Khi ấy Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là đồng tánh của Đại Bồ-tát do các Đại Bồ-tát học ở trong đó nên gọi là đồng học?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Pháp không bên trong là đồng tánh của Đại Bồ-tát, pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là đồng tánh của Đại Bồ-tát, vì các Đại Bồ-tát học ở trong đó nên gọi là đồng học. Do sự đồng học này nên họ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc, tánh không của sắc; thọ, tưởng, hành, thức, tánh không của thọ, tưởng, hành, thức là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Nhãn xứ, tánh không của nhãn xứ cho đến ý xứ, tánh không của ý xứ là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Sắc xứ, tánh không của sắc xứ cho đến pháp xứ, tánh không của pháp xứ là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Nhãn giới, tánh không của nhãn giới cho đến ý giới, tánh không của ý giới là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Sắc giới, tánh không của sắc giới cho đến pháp giới, tánh không của pháp giới là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Nhãn thức giới, tánh không của nhãn thức giới cho đến ý thức giới, tánh không của ý thức giới là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Nhãn xúc, tánh không của nhãn xúc cho đến ý xúc, tánh không của ý

xúc là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, tánh không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, tánh không của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Địa giới, tánh không của địa giới cho đến thức giới, tánh không của thức giới là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Vô minh, tánh không của vô minh cho đến lão tử, tánh không của lão tử là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Bố thí ba-la-mật-đa, tánh không của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tánh không Bát-nhã ba-la-mật-đa là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Pháp không bên trong, tánh không của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, tánh không của pháp không không tánh tự tánh là đồng tánh của Đại Bồ-tát.

Chân như, tánh không của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, tánh không của cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Thánh đế khổ, tánh không của Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo, tánh không của Thánh đế tập, diệt, đạo là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Bốn Niệm trụ, tánh không của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, tánh không của tám chi Thánh đạo là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Bốn Tĩnh lự, tánh không của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tánh không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Tám Giải thoát, tánh không của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, tánh không của mười Biến xứ là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Pháp môn giải thoát Không, tánh không của pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, tánh không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Bậc Tịnh quán, tánh không của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, tánh không của bậc Như Lai là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Bậc Cực hỷ, tánh không của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, tánh không của bậc Pháp vân là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tánh không của tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa, tánh không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Năm loại mắt, tánh không của năm loại mắt; sáu phép thần thông, tánh không của sáu phép thần thông là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Mười lực của Như Lai, tánh không của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tánh không của mười tám pháp Phật bất cộng là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Pháp không quên mất, tánh không của pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả, tánh không của

tánh luôn luôn xả là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Trí Nhất thiết, tánh không của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, tánh không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Quả Dự lưu, tánh không của quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, tánh không của Độc giác Bồ-đề là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Tất cả hạnh của Đại Bồ-tát, tánh không của tất cả hạnh của Đại Bồ-tát là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, tánh không của quả vị Giác ngộ cao tột của Phật là đồng tánh của Đại Bồ-tát. Do Đại Bồ-tát trụ ở trong đó để học, nên gọi là đồng học. Do sự đồng học này họ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát vì sắc chấm dứt nên học, vì thọ, tưởng, hành, thức chấm dứt nên học là học trí Nhất thiết trí phải không? Vì lìa sắc nên học, vì lìa thọ, tưởng, hành, thức nên học là trí Nhất thiết trí phải không? Vì sắc diệt nên học, vì thọ, tưởng, hành, thức diệt nên học là học trí Nhất thiết trí phải không? Vì sắc không sinh nên học, vì thọ, tưởng, hành, thức không sinh nên học là học trí Nhất thiết trí phải không?

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát làm như vậy cho đến vì tất cả hạnh của Đại Bồ-tát chấm dứt nên học, vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chấm dứt nên học là học trí Nhất thiết trí phải không? Vì tất cả hạnh của Đại Bồ-tát lìa nên học, vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật lìa nên học là học trí Nhất thiết trí phải không? Vì tất cả hạnh của Đại Bồ-tát diệt nên học, vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật diệt nên học là học trí Nhất thiết trí phải không? Vì tất cả hạnh của Đại Bồ-tát không sinh nên học, vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không sinh nên học là học trí Nhất thiết trí phải không?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Như lời ông đã nói, Đại Bồ-tát nào vì sắc chấm dứt, xa lìa, diệt và không sinh nên học là học trí Nhất thiết trí phải không? Vì thọ, tưởng, hành, thức chấm dứt, xa lìa, diệt, không sinh nên học là học trí Nhất thiết trí phải không? Như vậy cho đến vì tất cả hạnh của Đại Bồ-tát chấm dứt, xa lìa, diệt, không sinh nên học là học trí Nhất thiết trí phải không? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chấm dứt, xa lìa, diệt, không sinh nên học là học trí Nhất thiết trí phải không?

Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Chân như của sắc có chấm dứt, xa

lìa, tiêu diệt, đoạn trừ không? Chân như của thọ, tưởng, hành, thức có chấm dứt, xa lìa, tiêu diệt, đoạn trừ không? Như vậy cho đến chân như của tất cả hạnh Đại Bồ-tát có chấm dứt, xa lìa, tiêu diệt, đoạn trừ không? Chân như quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có chấm dứt, xa lìa, tiêu diệt, đoạn trừ không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không có! Bạch Thiện Thệ, không có!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát nào học như vậy đối với chân như là học trí Nhất thiết trí. Thiện Hiện nên biết, chân như không thể chấm dứt, không thể xa lìa, không thể tiêu diệt, không thể đoạn trừ, không thể chứng đắc, Đại Bồ-tát nào học như vậy đối với chân như là học trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc Đại Bồ-tát nào học như vậy là học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, là học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, là học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, là học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, là học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, là học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, là học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, là học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, là học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, là học năm loại mắt, sáu phép thần thông, là học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, là học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, là học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, là học tất cả hạnh của Đại Bồ-tát, là học quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thì nên biết đó là học trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc Đại Bồ-tát nào học như vậy cho đến học tất cả sự rốt ráo ở bờ kia thì tất cả Thiên, Ma và các ngoại đạo không có năng lực hàng phục và vị ấy mau đến địa vị không thoái chuyển của Bồ-tát. Chỗ hành dụng của vị ấy ứng hợp với chỗ mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tổ phụ đã hành dụng ở đó có thể hộ trì Chánh pháp chứ không bị vạn duyên xoay chuyển trở lại, có thể làm việc tác pháp ứng hợp với chỗ thành thục tất cả hữu tình, khéo léo trang nghiêm cõi Phật của mình; đó là khéo léo tu học đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả và vô số Phật pháp khác.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học như thế là học ba lần chuyển vận

mười hai hành tướng của bánh xe pháp vô lượng, là học cách an tâm trăm ngàn, trăm ức, muôn ức chúng sinh làm cho họ nhập Niết-bàn ở cõi Vô dư y Niết-bàn, là học diệu hạnh Phật chủng thường còn là học mở cửa cam lồ của chư Phật, là học an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình giúp họ đứng vững nơi pháp Tam thừa, là học thị hiện cho tất cả hữu tình thấy cảnh giới vô vi chân thật hoàn toàn vắng lặng, đó là tu học trí Nhất thiết trí. Đối với việc học như thế thì các hữu tình căn tánh chậm lụt không thể học được. Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn cứu vớt tất cả hữu tình ra khỏi nỗi khổ lớn sinh tử thì nên học như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học như vậy thì quyết định không đọa vào cảnh giới địa ngục, bàng sinh, diệm-ma, ngạ quỷ, chắc chắn không sinh biên địa hạ tiện, chắc chắn không sinh vào nhà Chiên-đà-la, nhà đồ tể và những nhà bần cùng hạ tiện không tuân theo giới luật, quyết không đui, điếc, câm, ngọng, cùi tay, què chân, các căn và tay chân bị tàn tật, thiếu hụt, lưng gù, điên cuồng, ung thư, hủi lát, bệnh trĩ, ghẻ dữ... không có quá cao hoặc thấp cũng không đen cháy, không bị các thứ bệnh ghẻ dơ bẩn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học như vậy đời đời thường có đầy đủ quyến thuộc, hình dạng xinh đẹp, nói năng oai nghiêm, được mọi người kính yêu, nơi mà họ sinh không có các việc giết hại sinh mạng cho đến tà kiến, trọn không nắm giữ tà pháp hư dối, không dùng tà pháp để tự nuôi sống, cũng không nhận các hữu tình phá giới, ác kiến hủy báng làm bạn thân.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học như thế thì chẳng sinh vào cõi trời Trường thọ là nơi chìm đắm trong các thú vui và ít có trí tuệ. Vì sao vậy? Đó là vì Đại Bồ-tát này thuần thục thế lực phương tiện thiện xảo; do thế lực phương tiện thiện xảo này họ có thể nhập vào các Tĩnh lự, Vô lượng, Định vô sắc nhưng không theo thế lực ấy thọ sinh vào các cõi đó. Do được Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa giữ gìn nên họ thành tựu năng lực phương tiện thiện xảo như vậy, tuy thường đạt được các tầng định nhưng ra vào tự tại và không theo thế lực của các tầng định ấy mà sinh vào cõi trời Trường thọ, phế bỏ việc tu tập các diệu hạnh thù thắng của Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học như vậy thì đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả và mười tám pháp Phật bất cộng, vô lượng, vô biên diệu pháp của chư Phật đều được thanh tịnh. Nhớ thanh tịnh, họ không bị dừng lại ở địa vị Thanh văn, Độc giác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu bản tánh tất cả các pháp là thanh tịnh thì các vị Đại Bồ-tát vì sao lại được thanh tịnh đối với diệu pháp của Phật?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói. Tự tánh các pháp xưa nay vốn thanh tịnh. Ở trong tất cả các pháp vốn có thanh tịnh, các vị Đại Bồ-tát siêng năng tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thông suốt như thật, không chìm đắm, không ngăn ngại, xa lìa tất cả phiền não đắm nhiễm cho nên nói Bồ-tát lại được thanh tịnh.

Lại nữa Thiện Hiện, tuy bản tánh tất cả các pháp là thanh tịnh nhưng kẻ phàm phu ngu si không biết, không hiểu. Vì muốn làm cho họ hiểu biết giác ngộ, nên Đại Bồ-tát này tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông tu hành mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Đối với tất cả các pháp có bản tánh thanh tịnh, Đại Bồ-tát này học như vậy nên được thanh tịnh đối với mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng và vô lượng, vô biên các Phật pháp khác, không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác, có thể thông suốt hoàn toàn tâm hạnh khác nhau của các hữu tình, dùng phương tiện thiện xảo giúp cho các hữu tình chứng ngộ được bản tánh các pháp vốn thanh tịnh và chứng đắc được Niết-bàn hoàn toàn an lạc.

Thiện Hiện nên biết, giống như trên mặt đất chỉ có ít chỗ sinh ra vàng bạc, châu báu, mà có nhiều chỗ sinh ra đá, cát, ngói, gạch, các hữu tình cũng như vậy, ít người có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nghĩa là các Bồ-tát tu theo Đại thừa, phần lớn đều học pháp Thanh văn, Độc giác là người cầu tự lợi thuộc thừa trung và hạ.

Thiện Hiện nên biết, giống như trong cõi người, ít người có thể tu nghiệp Chuyển luân vương, phần lớn đều thực hành nghiệp làm vua nước

nhỏ, các loài hữu tình cũng như vậy, ít người có thể tu đạo trí Nhất thiết trí, phần nhiều đều thực hành đạo Thanh văn, Độc giác.

Thiện Hiện nên biết, trong số các Bồ-tát cầu mong hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, chỉ có ít người chứng quả vị Giác ngộ cao tột còn phần lớn đều rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác.

Thiện Hiện nên biết, chúng sinh nào trụ nơi Bồ-tát thừa, nếu không xa lìa phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì chắc chắn đạt được địa vị không thoái chuyển, nếu ai xa lìa phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì chắc chắn sẽ bị thoái chuyển quả vị Giác ngộ cao tột. Vì vậy, Đại Bồ-tát nào muốn đạt được địa vị không thoái chuyển, muốn gia nhập vào trong số Bồ-tát không thoái chuyển nên siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không được ngừng nghỉ.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu học phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy thì trọn đời không phát sinh tâm hành keo kiệt, phá giới, giận hờn, giải đãi, tán loạn, ác tuệ; cũng không phát sinh tâm hành tham dục, giận dữ, ngu si, kiêu mạn; cũng không phát sinh tâm hành phóng dật, nhầm lẫn và các tội lỗi khác; không phát sinh tâm hành chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước nhãn xứ cho đến ý xứ; không phát sinh tâm hành chấp trước sắc xứ cho đến pháp xứ; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước nhãn giới cho đến ý giới; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước sắc giới cho đến pháp giới; không phát sinh tâm hành chấp trước nhãn thức giới cho đến ý thức giới; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc; không phát sinh tâm hành chấp trước các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước địa giới cho đến thức giới; không phát sinh tâm hành chấp trước vô minh cho đến lão tử; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không phát sinh tâm hành chấp trước pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không phát sinh tâm hành chấp trước Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không phát sinh tâm hành chấp trước tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không phát sinh tâm hành chấp trước pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng không phát sinh tâm

hành chấp trước bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không phát sinh tâm hành chấp trước bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước năm loại mắt, sáu phép thần thông; không phát sinh tâm hành chấp trước mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không phát sinh tâm hành chấp trước pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không phát sinh tâm hành chấp trước trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không phát sinh tâm hành chấp trước tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; cũng không phát sinh tâm hành chấp trước quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Vì sao vậy? Đó là vì Đại Bồ-tát này thực hành phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy có pháp nào là pháp có thể nắm bắt được. Do không có chỗ được nên họ không phát sinh tâm hành chấp trước các pháp như sắc...

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 456

Phẩm 62: Đồng tánh (2)

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì nhờ các oai đức của phương tiện thiện xảo nên nắm giữ tất cả Ba-la-mật-đa, tăng trưởng tất cả Ba-la-mật-đa, dẫn dắt tất cả Ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, đó là vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chứa đựng tất cả Ba-la-mật-đa, này Thiện Hiện, giống như Tát-ca-da kiến (thân kiến) có thể bao hàm sáu mươi hai tà kiến, cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa bao hàm tất cả Ba-la-mật-đa. Này Thiện Hiện, giống như tất cả người chết, do mạng căn diệt nên các căn cũng diệt theo, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng như vậy, năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... đều tùy theo đó. Nếu không có Bát-nhã ba-la-mật-đa thì cũng không có tất cả Ba-la-mật-đa.

Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn đến bờ kia rốt ráo của tất cả Ba-la-mật-đa thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì trở thành người tôn quý thù thắng nhất đối với các hữu tình. Vì sao vậy? Bởi vì Đại Bồ-tát này đã có thể tu học pháp cao siêu hơn hết.

Lại nữa Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Các loài hữu tình ở thế giới ba lần ngàn có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, các loài hữu tình ở châu Thiệm-bộ còn rất nhiều, huống gì còn các loài hữu tình ở thế giới ba lần ngàn sao lại không nhiều!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói! Thiện Hiện, giả sử các loài hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đồng thời đều được thân người. Sau khi được thân người, họ đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và tu hành các hạnh của Đại Bồ-tát cùng một lượt. Sau khi tu hành viên mãn, họ đều chứng quả vị Giác ngộ cao tột cùng một lúc. Có Đại Bồ-tát trọn đời đem

các thứ vòng hoa xinh đẹp bậc nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan báu, dù lọng, âm nhạc, đèn sáng, nhà cửa, giường nằm, đồ ăn uống, thuốc trị bệnh để cúng dường, cung kính tôn trọng, ngợi khen các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác này, thì theo ý ông nhờ nhân duyên đó, Đại Bồ-tát này được phước có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát nào thường thích lắng nghe thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, hoàn toàn thông suốt tư duy như lý, tu hành theo lời dạy, biên chép, truyền bá thì thu được phước đức nhiều hơn phước đức nói trên vô lượng lần. Vì sao vậy? Đó là vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có đầy đủ ý nghĩa và công dụng to lớn có thể giúp các vị Đại Bồ-tát sớm đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn đứng đầu tất cả hữu tình, muốn làm lợi ích tất cả hữu tình, muốn cứu giúp những người không có ai cứu giúp, làm nơi nương tựa cho những người không có nương tựa, làm nơi hướng đến cho những người không nơi hướng đến, làm mắt cho những người mù, làm ánh sáng cho những người không có ánh sáng, chỉ đường chánh cho những người lạc đường, làm cho những người chưa đạt Niết-bàn đạt được Niết-bàn, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, muốn đi vào cảnh giới Như Lai đã đi, muốn dạo chơi ở nơi Phật dạo chơi, muốn rống tiếng sư tử rống của Như Lai, muốn đánh trống Pháp vô thượng của chư Phật, muốn gióng chuông Pháp vô thượng của chư Phật, muốn thổi ốc Pháp vô thượng của chư Phật, muốn lên Pháp tòa vô thượng của chư Phật, muốn tuyên bày nghĩa Pháp vô thượng của chư Phật, muốn phá tan lưới nghi của tất cả hữu tình, muốn vào cảnh giới cam lồ của chư Phật, muốn hưởng thọ pháp lạc vi diệu của chư Phật, muốn chứng công đức thù thắng của Như Lai, thì hãy học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì không có công đức thiện căn nào mà không nắm giữ được, không có công đức thiện căn nào mà chẳng đạt được. Vì sao vậy? Đó là vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là nơi của tất cả công đức thiện căn nương tựa.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này sao có thể nắm giữ và chứng đắc công đức thiện căn của tất cả Thanh văn và Độc giác được?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát này cũng có thể nắm giữ và chứng đắc tất cả công đức thiện căn Thanh văn, Độc giác nhưng không an trụ, không vướng mắc ở trong đó. Sau khi đã dùng trí thù thắng để quan sát chân chánh họ vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác, nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Không có công đức thiện căn nào mà các Đại Bồ-tát này không nắm giữ, chứng đắc được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này thì ở gần trí Nhất thiết trí và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đều là ruộng phước chân thật của tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... vượt lên trên phước điền của thế gian, Sa-môn, Phạm chí, Thanh văn, Độc giác và mau chứng được trí Nhất thiết trí, sinh ở đâu cũng không bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, nên biết vị ấy đã được không thoái chuyển đối với trí Nhất thiết trí, có thể hiểu biết chân chánh đối với tất cả các pháp, xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, gần gũi quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ như vầy: "Đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa, đây là lúc tu, đây là nơi tu, ta có thể tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, ta nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, xả bỏ những pháp cần bỏ, chắc chắn sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì Đại Bồ-tát này chẳng thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thể hiểu Bát-nhã ba-la-mật-đa." Vì sao vậy? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có nghĩ như vầy: "Ta là Bát-nhã ba-la-mật-đa, đây là lúc tu, đây là nơi tu, đây là người tu, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa là chỗ các pháp, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa là chỗ soi rõ các pháp, đây là quả vị Giác ngộ cao tột mà Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng đắc." Nếu biết như thế là thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ như vầy: "Đây chẳng phải là Bát-nhã ba-la-mật-đa, đây chẳng phải là lúc tu, đây chẳng phải là chỗ tu, chẳng phải người tu, chẳng phải nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà xa lìa tất cả các pháp nên xả bỏ, chẳng phải nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà chắc chắn chứng

được trí Nhất thiết trí.” Vì sao vậy? Bởi vì tất cả các pháp đều đứng vững ở chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, mọi thứ ở trong đó đều không sai khác. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thực hành như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

Phẩm 63: Không phân biệt

Khi ấy, Thiên đế Thích thầm nghĩ: “Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa; an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tu hành tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; tu hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật còn vượt lên trên tất cả hữu tình, huống gì là chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu các hữu tình nghe nói tên của trí Nhất thiết trí liền tin hiểu còn được tự lợi ích trong loài người và được thọ mạng, tên tuổi vượt hẳn thế gian, huống nữa là phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, hoặc thường lắng nghe kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa này. Nếu các hữu tình có thể phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, lắng nghe kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì thu được công đức mà các hữu tình khác đều mong muốn và đều không thể sánh kịp.”

Sau khi suy nghĩ, Thiên đế Thích liền rải hoa hương vị diệu của cõi trời dâng cúng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Đại Bồ-tát. Sau khi rải hoa vị ấy thệ nguyện rằng: “Nếu các thiện nam, thiện nữ theo Bồ-tát thừa, mong đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột thì xin đem công đức thiện căn mà con đã tích tụ được giúp cho người kia mau được viên mãn Vô thượng Phật pháp, trí Nhất thiết trí mà họ mong cầu sớm được viên mãn; xin đem

công đức thiện căn mà con đã tích tụ giúp cho sở cầu tự nhiên của nhân pháp được pháp vô lậu chân chánh và mau chóng được viên mãn sở cầu; xin đem công đức thiện căn mà con đã tích tụ giúp cho sở cầu mà người kia muốn nghe pháp sớm được viên mãn; xin đem công đức thiện căn mà con đã tích tụ được giúp cho người cầu Thanh văn, Độc giác thừa cũng mau chóng đạt được ước nguyện."

Sau khi nguyện xong, vị ấy liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu các thiện nam, thiện nữ thuộc Bồ-tát thừa đã phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, con cũng trọn đời không sinh ý niệm khác làm cho người kia thoái lui tâm đại Bồ-đề, con cũng không sinh một ý niệm khác làm cho các vị Đại Bồ-tát nhàm chán lìa bỏ quả vị Giác ngộ cao tột, thoái bước xuống địa vị Thanh văn, Độc giác.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát đã sinh tâm ưa thích quả vị Giác ngộ cao tột, con nguyện tâm ấy tăng lên gấp bội và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho các Đại Bồ-tát kia, sau khi đã thấy đủ loại khổ trong sinh tử, vì muốn lợi lạc thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... nên họ phát sinh nhiều đại nguyện kiên cố: "Tôi đã tự vượt biển lớn sinh tử cũng phải siêng năng giúp người chưa vượt qua được vượt qua; ta đã tự mở dây trói sinh tử, cũng phải siêng năng mở trói cho những người chưa được mở; ta đã tự an ổn đối với các nỗi sợ hãi sinh tử, cũng phải siêng năng làm cho người chưa an ổn; ta đã tự chứng đắc Niết-bàn rốt ráo cũng phải siêng năng làm cho những người chưa chứng đắc cùng chứng đắc."

Bạch Thế Tôn, thiện nam, thiện nữ nào phát tâm tùy hỷ đối với căn lành, công đức của Đại Bồ-tát mới phát tâm thì được bao nhiêu phước đức? Phát tâm tùy hỷ đối với căn lành công đức của Bồ-tát đã phát tâm từ lâu thì được bao nhiêu phước đức? Phát tâm tùy hỷ đối với căn lành công đức của Đại Bồ-tát phát tâm ở địa vị không thoái chuyển thì được bao nhiêu phước đức? Phát tâm tùy hỷ đối với căn lành công đức của Bồ-tát bị ràng buộc trong một đời thì được bao nhiêu phước đức?

Bấy giờ Phật bảo Thiên đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca, giới hạn của bốn đại châu thiên hạ còn có thể biết được nhưng phước đức được sinh ra do tâm tùy hỷ của thiện nam, thiện nữ này thì không thể lường. Kiều-thi-ca, cho đến giới hạn của thế giới ba lần ngàn cũng có thể biết được nhưng phước đức sinh ra do tâm tùy hỷ của thiện nam, thiện nữ này thì không thể lường biết được.

Kiều-thi-ca, giả sử thế giới ba lần ngàn là một biển lớn, có người lấy một sợi lông tước ra thành một trăm sợi nhỏ đem đầu của một sợi nhỏ chấm vào nước biển lớn kia và lấy đó làm một đơn vị còn có thể biết được số giọt nước trong biển tính theo đơn vị ấy, nhưng phước đức do tâm tùy hỷ sinh ra của thiện nam, thiện nữ này thì không thể lường được.

Khi ấy, Đế Thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu hữu tình nào không tùy hỷ với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát thì nên biết họ đều bị ma ám. Bạch Thế Tôn, nếu hữu tình nào không tùy hỷ với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát thì nên biết họ đều là bè đảng của ác ma. Bạch Thế Tôn, nếu các hữu tình không tùy hỷ với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát thì nên biết họ đều từ cõi ma chết đi và sinh đến cõi này. Vì sao vậy? Đó là nếu Đại Bồ-tát mong đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột tu các hạnh của Đại Bồ-tát, nếu các hữu tình tùy hỷ hồi hướng đối với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát ấy thì đều có thể phá hoại tất cả cung điện và quyến thuộc của ma quân.

Bạch Thế Tôn, nếu các hữu tình trong thâm tâm kính mến Phật, Pháp, Tăng bảo, sinh ra ở nơi nào cũng thường muốn gặp Phật, thường muốn nghe pháp, thường thích gặp chúng Tăng thì nên tùy hỷ với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát, sau khi tùy hỷ nên hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột không nên sinh ý tưởng sai khác. Nếu được như thế thì sẽ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, làm lợi ích hữu tình, phá chúng ma quân.

Bấy giờ Phật bảo Thiên đế Thích:

–Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Này Kiều-thi-ca, đối với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát, nếu ở trong thâm tâm các hữu tình tùy hỷ và hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột thì các hữu tình này sẽ mau viên mãn các hạnh của Đại Bồ-tát và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Đối với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát, nếu ở trong thâm tâm các hữu tình tùy hỷ và hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột thì các hữu tình này có oai đức lớn, thường hay phụng sự tất cả các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và Thiện tri thức, thường nghe kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và biết rõ nghĩa lý.

Kiều-thi-ca, các hữu tình này thuần thục công đức thiện căn tùy hỷ và hồi hướng như vậy nên sinh ở chỗ nào cũng thường được tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, không thấy sắc xấu, không nghe tiếng dữ, không bị ngửi mùi hôi thối, không nếm vị dở, không tiếp xúc với những xúc chạm khó chịu, không

nghĩ pháp ác, thường không xa lìa chư Phật Thế Tôn, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, gần gũi chư Phật trồng các căn lành, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Vì sao vậy?

Này Kiều-thi-ca, đó là vì các hữu tình này trong thâm tâm có thể tùy hỷ đối với vô số công đức thiện căn của Đại Bồ-tát mới phát tâm hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; trong thâm tâm có thể tùy hỷ đối với vô số công đức thiện căn của Đại Bồ-tát đã chứng Sơ địa cho đến Thập địa để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; trong thâm tâm có thể tùy hỷ đối với vô số công đức thiện căn của Đại Bồ-tát còn bị ràng buộc trong một đời để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Do đó căn lành của các hữu tình này ngày càng tăng và họ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Sau khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột, họ có thể làm lợi ích vô lượng, vô số, vô biên các hữu tình cho đến đời vị lai, giúp họ nhập cảnh giới Vô dư y Niết-bàn.

Do đó, này Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ thuộc Bồ-tát thừa nên tùy hỷ đối với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát mới phát tâm, đối với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát đã phát tâm từ lâu, đối với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát không thoái chuyển và đối với công đức thiện căn của Đại Bồ-tát còn bị ràng buộc trong một đời để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lúc sinh tùy hỷ và hồi hướng, không nên chấp trước sự tùy hỷ hồi hướng ở ngay tâm hoặc lìa tâm, không nên chấp trước sự tu hành ở ngay tâm hoặc lìa tâm, nếu ai có thể không chấp trước như vậy khi tùy hỷ, hồi hướng và tu các hạnh của Đại Bồ-tát thì mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, có thể làm lợi ích an lạc cho các hữu tình cho đến tận đời vị lai, giúp họ đều an trú vào Niết-bàn rốt ráo.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy, các pháp như huyễn cho đến các pháp giống như sự ảo hóa, làm sao Đại Bồ-tát có thể dùng tâm như huyễn để chứng quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông nghĩ sao? Ông có thấy tâm như huyễn của Đại Bồ-tát không?

Thiện Hiện đáp:

–Không thấy, bạch Thế Tôn! Con không thấy huyễn hóa, cũng không thấy có tâm như huyễn.

Phật dạy:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Nếu ở nơi không có huyễn hóa, không có tâm như huyễn, ông có thấy tâm này có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột không?

Thiện Hiện đáp:

–Không thấy, bạch Thế Tôn! Con hoàn toàn không thấy nơi nào có huyễn hóa, không có tâm như huyễn mà lại có tâm có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông nghĩ sao? Nếu ở nơi lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, ông thấy có pháp nào có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột không?

Thiện Hiện đáp:

–Không có, bạch Thế Tôn! Con hoàn toàn không thấy nơi nào lìa huyễn hóa, lìa tâm như huyễn lại có pháp nào có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Bạch Thế Tôn, con không thấy chỗ lìa tâm pháp, mà nói những gì là pháp có, là pháp không, bởi vì tất cả pháp hoàn toàn xa lìa. Nếu tất cả các pháp đều hoàn toàn xa lìa thì không thể tạo ra pháp này là có, pháp kia là không. Nếu pháp không thể tạo ra là có, là không, thì không thể nói là có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Bởi vì chẳng phải pháp không sở hữu có thể chứng Bồ-đề. Vì sao vậy? Bởi vì tất cả các pháp đều có tánh không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, đó là vì Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa hoàn toàn xa lìa; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh hoàn toàn xa lìa; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoàn toàn xa lìa; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo hoàn toàn xa lìa; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoàn toàn xa lìa; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoàn toàn xa lìa; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ hoàn toàn xa lìa; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện hoàn toàn xa lìa; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân hoàn toàn xa lìa; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoàn toàn xa lìa; năm loại mắt, sáu phép thần thông hoàn toàn xa lìa; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoàn toàn xa lìa; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả hoàn toàn xa lìa; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoàn toàn xa lìa; tất cả các hạnh của Bồ-tát hoàn toàn xa lìa; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoàn toàn xa lìa; trí Nhất thiết trí hoàn toàn xa lìa. Bạch Thế Tôn, nếu là pháp hoàn toàn xa lìa thì

không nên tu cũng không lìa bỏ. Pháp ấy, cũng không thể có chỗ làm phát sinh. Do Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa hoàn toàn xa lìa, vì vậy cũng không thể có chỗ phát sinh đối với pháp.

Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đã hoàn toàn xa lìa thì vì sao lại nói: "Các vị Đại Bồ-tát dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột." Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng hoàn toàn xa lìa thì vì sao pháp xa lìa lại có thể chứng đắc pháp xa lìa. Vì vậy, đúng ra không nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột có phải không?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Lành thay, lành thay! Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Vì sao vậy? Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa hoàn toàn xa lìa, như vậy cho đến tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát hoàn toàn xa lìa, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoàn toàn xa lìa, trí Nhất thiết trí cũng hoàn toàn xa lìa.

Thiện Hiện, do Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa hoàn toàn xa lìa cho nên có thể nói Đại Bồ-tát chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột hoàn toàn xa lìa. Như vậy cho đến trí Nhất thiết trí cũng hoàn toàn xa lìa nên có thể nói Đại Bồ-tát chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột hoàn toàn xa lìa.

Thiện Hiện, nếu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải hoàn toàn xa lìa thì chẳng phải là Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến trí Nhất thiết chẳng phải hoàn toàn xa lìa thì chẳng phải là trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, do Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa hoàn toàn xa lìa nên được gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa, như vậy cho đến do trí Nhất thiết trí hoàn toàn xa lìa nên được gọi là trí Nhất thiết trí.

Vì vậy, Thiện Hiện, chẳng phải các vị Đại Bồ-tát không dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, tuy pháp xa lìa chẳng có thể chứng đắc pháp xa lìa nhưng chẳng phải không cần dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Vì vậy, các Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì phải thường siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, pháp mà Đại Bồ-tát thực hành đều có ý nghĩa sâu xa phải không?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp mà Đại Bồ-tát thực hành đều có ý nghĩa rất sâu xa, khó thấy, khó hiểu, chẳng phải là nơi có thể suy nghĩ, nằm ngoài cảnh giới có thể suy nghĩ là sự chứng đắc kín đáo vi diệu bên trong của người trí không thể bày tỏ.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát có thể làm việc khó làm; tuy thực hành pháp có ý nghĩa sâu xa như vậy nhưng họ có thể không cần chứng đắc pháp của Thanh văn, Độc giác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Theo con hiểu thì điều Phật nói có nghĩa là việc làm của các vị Đại Bồ-tát không khó, không nên nói họ có thể làm việc khó làm. Vì sao vậy? Bởi vì nghĩa của pháp mà các Đại Bồ-tát chứng được đều chẳng thể nắm bắt được, việc có thể chứng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được, pháp được chứng đắc, người chứng, nơi chứng và lúc chứng cũng chẳng thể nắm bắt được. Bạch Thế Tôn, các vị Đại Bồ-tát quán sát các pháp là chẳng thể nắm bắt được thì có nghĩa của pháp gì có thể là sở chứng, có Bát-nhã ba-la-mật-đa nào có thể là năng chứng và có những pháp gì có thể tạo ra pháp được chứng, người chứng, nơi chứng, lúc chứng. Vậy thì làm sao có thể nắm được do đâu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Quả vị Giác ngộ cao tột còn không thể chứng được huống nữa là chứng đắc pháp của Thanh văn, Độc giác. Bạch Thế Tôn, nếu thực hành như vậy thì gọi là sự hành dụng vô sở đắc của Bồ-tát. Đại Bồ-tát nào có thể hành dụng với tinh thần vô sở đắc này thì không bị chướng ngại đối với tất cả các pháp. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói pháp này, Đại Bồ-tát nào không kinh sợ, run rẩy, không buồn rầu, hối hận, không hoang mang, thoái lui thì đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, lúc thực hành như vậy, Đại Bồ-tát này không thấy các tướng, không thấy mình làm, không thấy không làm, không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa là pháp mình thực hành, không thấy quả vị Giác ngộ cao tột là chỗ chứng đắc của mình, cũng không thấy lúc chứng, nơi chứng.

Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát này không nghĩ rằng: “Ta cách xa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta ở gần

quả vị Giác ngộ cao tột.” Bạch Thế Tôn, giống như hư không, không có nghĩ rằng: “Ta cách pháp ấy hoặc gần, hoặc xa.” Vì sao vậy? Bởi vì hư không, không chuyển động cũng không sai biệt, không phân biệt, các Bồ-tát cũng giống như vậy, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, họ không nghĩ rằng ta cách xa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta gần quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao vậy? Bởi vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có phân biệt đối với tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn, giống như người làm ảo thuật không nghĩ rằng: “Vật ảo thuật, người làm ảo thuật và người xem cách mình gần hay xa.” Vì sao vậy? Bởi vì người do làm ảo thuật hóa ra thì người ấy không có phân biệt, cũng như vậy các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nghĩ rằng: “Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta gần quả vị Giác ngộ cao tột.” Vì sao vậy? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không phân biệt đối với tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn, giống như bóng, ảnh không nghĩ rằng ta cách vật chính nơi ta y cứ xa hay gần. Vì sao vậy? Bởi vì ảnh được hiện ra không có phân biệt; cũng vậy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các vị Đại Bồ-tát không nghĩ rằng: “Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác.” Vì sao vậy? Bởi vì Bát-nhã ba-la-mật-đa không sinh phân biệt đối với tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì không có sự thương ghét. Vì sao vậy? Bởi vì Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc thương hoặc ghét và tự tánh của cảnh thương ghét đều chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, giống như các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không thương không ghét tất cả các pháp; cũng như vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng không thương, không ghét tất cả các pháp. Vì sao vậy? Bởi vì chư Phật và Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dứt trừ sự thương ghét.

Bạch Thế Tôn, giống như các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã đoạn trừ hoàn toàn tất cả sự phân biệt, các loại phân biệt và sự phân biệt trùm khắp; cũng vậy Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng hoàn toàn xa lìa tất cả sự phân biệt, các loại phân biệt và sự phân biệt trùm khắp. Vì sao vậy? Bởi vì chư Phật và vị Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có phân biệt đối với tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn, như chư Phật không có nghĩ rằng: “Ta xa lìa địa vị

Thanh văn, Độc giác, ta ở gần quả vị Giác ngộ cao tột"; cũng vậy, các vị Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nghĩ rằng: "Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta ở gần quả vị Giác ngộ cao tột." Vì sao vậy? Bởi vì chư Phật và các vị Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có phân biệt đối với tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn, như chỗ biến hóa của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không nghĩ rằng: "Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta ở gần quả vị Giác ngộ cao tột." Vì sao vậy? Bởi vì tất cả các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chỗ biến hóa ra đều không có tâm phân biệt; cũng vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nghĩ rằng: "Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta gần quả vị Giác ngộ cao tột." Vì sao vậy? Bởi vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có phân biệt đối với tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn, giống như vì muốn làm việc gì, chư Phật biến hóa ra người huyễn để khiến làm việc ấy, người được hóa ra đó không nghĩ rằng: "Ta có thể làm được công việc như vậy." Vì sao vậy? Bởi vì những người được biến hóa ra không có phân biệt. Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa lại cũng như vậy, do có việc cần làm nên siêng năng tu tập, sau khi đã tu tập, tuy có thể thuần thục công việc nhưng không có sự phân biệt đối với chỗ làm ra. Vì sao vậy? Đó là vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vốn không có phân biệt đối với pháp.

Bạch Thế Tôn, giống như người thợ khéo hoặc các học trò của ông ấy, vì có công việc nên họ tạo ra các máy móc hoặc nữ, hoặc nam, hoặc voi, hoặc ngựa. Các máy móc này tuy có chỗ làm ra nhưng chúng không có sự phân biệt. Vì sao vậy? Bởi vì pháp máy móc này vốn không phân biệt. Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng như vậy, do có công việc nên mới thành lập. Sau khi đã thành lập tuy đã hoàn thành nhưng hoàn toàn không phân biệt đối với hoạt động và lời nói. Vì sao vậy? Đó là vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vốn là pháp không phân biệt.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất hỏi Thiện Hiện:

–Chỉ có Bát-nhã ba-la-mật-đa không có phân biệt hay Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa cũng không phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

–Chẳng phải chỉ có Bát-nhã ba-la-mật-đa không phân biệt mà Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa cũng không phân biệt.

Xá-lợi Tử nói:

–Chỉ có sáu pháp Ba-la-mật-đa là không có phân biệt, hay là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phân biệt, nhãn xứ cho đến ý xứ, cũng không phân biệt sắc xứ cho đến pháp xứ cũng không phân biệt; nhãn giới cho đến ý giới cũng không phân biệt; sắc giới cho đến pháp giới cũng không phân biệt; nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng không phân biệt; nhãn xúc cho đến ý xúc cũng không phân biệt, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng không phân biệt; địa giới cho đến thức giới cũng không phân biệt; vô minh cho đến lão tử cũng không phân biệt; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng không phân biệt; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng không phân biệt; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng không phân biệt; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng không phân biệt; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng không phân biệt; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng không phân biệt; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không phân biệt; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cũng không phân biệt; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng không phân biệt; năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng không phân biệt; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng không phân biệt; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng không phân biệt; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng không phân biệt; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cũng không phân biệt; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát cũng không phân biệt; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng không phân biệt; thế cảnh giới hữu vi cũng không phân biệt, cảnh giới vô vi cũng không phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

–Chẳng phải chỉ có sáu pháp Ba-la-mật-đa không có phân biệt, mà sắc cũng không có phân biệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng không có phân biệt cho đến thế cảnh giới hữu vi cũng không phân biệt, cảnh giới vô vi cũng không phân biệt.

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu tất cả các pháp đều không phân biệt thì vì sao có sự phân chia năm đường khác nhau là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người và trời, vì sao lại phân biệt các bậc Thánh khác nhau là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, Như Lai?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Do nhân duyên điên đảo phiền não, nên hữu tình phát sinh các nghiệp nơi thân, miệng, ý và do đó đưa đến quả báo. Mặt khác dục vọng là do các nghiệp căn bản của quả Dị thục và dựa vào đó mà có sự phân chia năm đường khác nhau là cảnh giới địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trời, người được tạo ra.

Lại có chỗ nói rằng: Vì sao phân biệt các bậc Thánh khác nhau, thì này Xá-lợi Tử, đó là do không phân biệt nên tạo ra Dự lưu và quả Dự lưu, do không phân biệt nên tạo ra Nhất lai và quả Nhất lai, do không phân biệt nên tạo ra Bất hoàn và quả Bất hoàn, do không phân biệt nên tạo ra A-la-hán và quả A-la-hán, do không phân biệt nên tạo ra Độc giác và quả vị Độc giác Bồ-đề, do không phân biệt nên tạo ra Đại Bồ-tát và hạnh Đại Bồ-tát, do không phân biệt nên tạo ra Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, do không phân biệt và đoạn trừ phân biệt nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ mới có thể tạo ra các sự sai biệt khác nhau. Cũng do không phân biệt, do đoạn trừ phân biệt nên các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đời vị lai có thể tạo ra các sự sai biệt khác nhau. Do không phân biệt, đoạn trừ phân biệt nên các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đời hiện tại ở mười phương thế giới mới có thể nói pháp tạo ra các sự sai biệt khác nhau.

Này Xá-lợi Tử, vì lý do đó nên biết các pháp đều không phân biệt. Do không phân biệt nên chân như, pháp giới, nói rộng cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều là định lượng.

Xá-lợi Tử, các vị Đại Bồ-tát nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có phân biệt như vậy. Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có sự phân biệt thì Đại Bồ-tát đó liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột vi diệu không có sự phân biệt, giác ngộ tánh không phân biệt của tất cả các pháp và làm lợi ích cho hữu tình đến tận đời vị lai.

-oOo-

Phẩm 64: Kiên cố, Chẳng kiên cố (1)

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Các vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa là thực hành pháp kiên cố hay thực hành pháp chẳng kiên cố?

Thiện Hiện đáp:

–Các vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa là thực hành pháp chẳng kiên cố, không thực hành pháp kiên cố. Vì sao vậy? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là pháp bền chắc; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là pháp bền chắc; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là pháp bền chắc; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chẳng phải là pháp bền chắc; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là pháp bền chắc; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là pháp bền chắc; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ chẳng phải là pháp bền chắc; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là pháp bền chắc; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là pháp bền chắc; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là pháp bền chắc; năm loại mắt, sáu phép thần thông chẳng phải là pháp bền chắc; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là pháp bền chắc; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả chẳng phải là pháp bền chắc; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là pháp bền chắc; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát chẳng phải là pháp bền chắc; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là pháp bền chắc; trí Nhất thiết trí chẳng phải là pháp bền chắc. Vì sao vậy? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không thấy có sự chẳng bền chắc nào có thể nắm bắt được huống gì thấy có sự bền chắc có thể nắm bắt. Như vậy cho đến lúc thực hành trí Nhất thiết trí, đối với trí Nhất thiết trí còn không thấy sự chẳng bền chắc có thể nắm bắt được, huống gì thấy có sự bền chắc có thể nắm bắt.

Khi ấy, có vô lượng chư Thiên ở cõi Dục và cõi Sắc đều nghĩ rằng: "Các thiện nam, thiện nữ thuộc Bồ-tát thừa có thể phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột thực hành theo nghĩa lý mà Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đã nói, không chứng đắc pháp tánh bình đẳng của thật tế, không dừng lại ở địa vị Thanh văn, Độc giác. Vì vậy các thiện nam, thiện nữ này thật là hiếm có, làm được việc khó làm, đáng được lễ lạy."

Biết ý nghĩ của chư Thiên, Thiện Hiện liền bảo họ rằng:

–Thiện nam, thiện nữ này không chứng đắc pháp tánh bình đẳng của thật tế, không dừng lại ở địa vị Thanh văn, Độc giác thì chẳng phải rất hiếm có, cũng chưa phải là khó làm. Đại Bồ-tát nào biết tất cả các pháp và các hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được nhưng vẫn phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, mặc áo giáp tinh tấn, nguyện độ vô lượng, vô biên hữu tình,

giúp họ nhập vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn thì Đại Bồ-tát này mới thật hiếm có, có thể làm việc khó làm.

Chư Thiên nên biết, Đại Bồ-tát nào tuy biết hữu tình đều không sở hữu nhưng vẫn phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột mặc áo giáp tinh tấn, vì muốn giáo hóa các loài hữu tình như muốn điều phục hư không. Vì sao vậy? Đó là vì hư không xa lìa nên tất cả hữu tình cũng xa lìa, do hư không là không, nên biết được các hữu tình cũng là không, do hư không chẳng chắc thật, nên biết các hữu tình chẳng chắc thật, do hư không không sở hữu, nên biết các hữu tình cũng không sở hữu. Do đó Đại Bồ-tát này mới thật hiếm có, có thể làm được việc khó làm.

Chư Thiên nên biết, Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại Bi vì muốn điều phục tất cả hữu tình, nhưng các hữu tình đều không sở hữu, giống như có người mặc áo giáp đánh nhau với hư không.

Chư Thiên nên biết, vì muốn làm lợi lạc tất cả hữu tình, Đại Bồ-tát này mặc áo giáp đại Bi nhưng các hữu tình và áo giáp đại Bi đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao vậy? Vì hữu tình đều xa lìa, nên biết được áo giáp đại Bi cũng xa lìa, vì hữu tình là không, nên biết áo giáp đại Bi cũng là không, vì hữu tình không chắc thật, nên biết áo giáp đại Bi cũng không chắc thật, vì hữu tình không sở hữu, nên biết áo giáp đại Bi cũng không sở hữu.

Chư Thiên nên biết, Việc Đại Bồ-tát này giáo hóa, làm lợi lạc hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao vậy? Do hữu tình là lìa, là không, là chẳng chắc thật và không sở hữu, nên biết sự lợi hại của giáo hóa hữu tình cũng là lìa, là không, là chẳng chắc thật và không sở hữu. Chư Thiên nên biết, Đại Bồ-tát này cũng không sở hữu. Vì sao vậy? Do hữu tình là lìa, là không, chẳng chắc thật, không sở hữu, nên biết được Bồ-tát cũng là xa lìa, là không, chẳng chắc thật, không sở hữu.

Chư Thiên nên biết, Đại Bồ-tát nào nghe việc như vậy mà không kinh sợ, run rẩy, không buồn rầu, không hối hận hoang mang, không thoái lui thì nên biết đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao vậy? Bởi vì các sắc lìa tức là hữu tình lìa; thọ, tưởng, hành, thức lìa tức là hữu tình lìa; nhãn xứ cho đến ý xứ lìa tức là hữu tình lìa; sắc xứ cho đến pháp xứ lìa tức là hữu tình lìa; nhãn giới cho đến ý giới lìa tức là hữu tình lìa; sắc giới cho đến pháp giới lìa tức là hữu tình lìa; nhãn thức giới cho đến ý thức giới lìa tức là hữu tình lìa; nhãn xúc cho đến ý xúc lìa tức là hữu tình lìa; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra lìa tức là hữu tình lìa; địa giới cho đến thức giới lìa tức là hữu

tình lìa; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên lìa tức là hữu tình lìa; vô minh cho đến lão tử lìa tức là hữu tình lìa; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa lìa tức là hữu tình lìa; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh lìa tức là hữu tình lìa; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn lìa tức là hữu tình lìa; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo lìa tức là hữu tình lìa; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo lìa tức hữu tình lìa; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc lìa tức hữu tình lìa; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ lìa tức hữu tình lìa; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện lìa tức hữu tình lìa; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai lìa tức hữu tình lìa; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân lìa tức hữu tình lìa; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa lìa tức hữu tình lìa; năm loại mắt, sáu phép thần thông lìa tức hữu tình lìa; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng lìa tức hữu tình lìa; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp lìa tức hữu tình lìa; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả lìa tức hữu tình lìa; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng lìa tức là hữu tình lìa; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề lìa tức là hữu tình lìa; tất cả các hạnh Bồ-tát lìa tức là hữu tình lìa; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật lìa tức là hữu tình lìa; trí Nhất thiết trí lìa tức hữu tình lìa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 457

Phẩm 64: Kiên cố, Chẳng kiên cố (2)

Chư Thiên nên biết, sắc xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; thọ, tưởng, hành, thức xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến sắc xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; thọ, tưởng, hành, thức xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, nhãn xứ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến nhãn xứ xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, sắc xứ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến sắc xứ xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, nhãn giới xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến nhãn giới xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, sắc giới xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; thanh, hương, vị, xúc, pháp giới xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến sắc giới xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; thanh, hương, vị, xúc, pháp giới xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, nhãn thức giới xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa

cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến nhãn thức giới xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, nhãn xúc xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến nhãn xúc xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, địa giới xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; thủy, hỏa, phong, không, thức giới xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến địa giới xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; thủy, hỏa, phong, không, thức giới xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, nhân duyên xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến nhân duyên xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, vô minh xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; hành cho đến lão tử xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến vô minh xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; hành cho đến lão tử xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, Bố thí ba-la-mật-đa xa lìa tức là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh xa lìa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa tức là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh xa lìa. Như vậy cho đến Bố thí ba-la-mật-đa xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn,

Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, pháp không bên trong xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến pháp không bên trong xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, chân như xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến chân như xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, Thánh đế khổ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; Thánh đế tập, diệt, đạo xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy Thánh đế khổ xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; Thánh đế tập, diệt, đạo xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, bốn Niệm trụ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến bốn Niệm trụ xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, bốn Tĩnh lự xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc xa lìa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến bốn Tĩnh lự xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, tám Giải thoát xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến tám Giải thoát xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, pháp môn giải thoát Không xa lìa tức là Bố thí

ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến pháp môn giải thoát Không xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, bậc Tịnh quán xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến bậc Tịnh quán xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, bậc Cực hỷ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến bậc Cực hỷ xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, tất cả pháp môn Đà-la-ni xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; tất cả pháp môn Tam-ma-địa xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến tất cả pháp môn Đà-la-ni xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; tất cả pháp môn Tam-ma-địa xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, năm loại mắt xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; sáu phép thần thông xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến năm loại mắt xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; sáu phép thần thông xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, mười lực của Như Lai xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến mười lực của Như Lai xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, ba mươi hai tướng Đại sĩ xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; tám mươi vẻ đẹp xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến ba mươi hai tướng xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; tám mươi vẻ đẹp xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, pháp không quên mất xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; tánh luôn luôn xả xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến pháp không quên mất xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; tánh luôn luôn xả xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, trí Nhất thiết xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến trí Nhất thiết xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, quả Dự lưu xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa; quả Nhất lai cho đến quả Độc giác Bồ-đề xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến quả Dự lưu xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa; quả Nhất lai cho đến Độc giác Bồ-đề xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, các hạnh của Đại Bồ-tát xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến các hạnh của Đại Bồ-tát xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật xa lìa tức là trí Nhất thiết trí xa lìa.

Chư Thiên nên biết, trí Nhất thiết trí xa lìa tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa. Như vậy cho đến trí Nhất thiết trí xa lìa tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật xa lìa.

Chư Thiên nên biết, Đại Bồ-tát nào nghe nói các pháp đều xa lìa mà không kinh sợ, run rẩy, không buồn rầu, hối hận, không hoang mang, không thoái lui thì nên biết đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Thiện Hiện:

–Do đâu mà các Đại Bồ-tát không bị hoang mang, không bị thoái lui đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, do tất cả các pháp đều chẳng phải, đều xa lìa, đều vắng lặng, đều không sở hữu, không sinh diệt nên các vị Đại Bồ-tát không bị hoang mang, không bị thoái lui đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì các lý do như vậy nên các vị Đại Bồ-tát không bị hoang mang, không bị thoái lui đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Bởi vì các Đại Bồ-tát đối với tất cả các pháp hoặc là pháp gây hoang mang thoái lui, hoặc là pháp bị hoang mang thoái lui, hoặc là lúc hoang mang thoái lui, hoặc nơi hoang mang thoái lui, hoặc người hoang mang thoái lui, hoặc lý do hoang mang thoái lui đều chẳng thể nắm bắt được, vì tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát nghe nói như vậy mà không kinh sợ, run rẩy, không lo buồn, hối hận, không hoang mang thoái lui thì nên biết đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao vậy? Bởi vì Đại Bồ-tát này quán tất cả các pháp đều không thể nắm bắt và không thể tạo dựng, không thấy đâu là pháp gây hoang mang, thoái lui, đâu là pháp bị hoang mang thoái lui, đâu là lúc hoang mang thoái lui, đâu là nơi hoang mang thoái lui, đâu là người hoang mang thoái lui. Vì lý do này, khi nghe nói như vậy, các vị Đại Bồ-tát không kinh sợ, run rẩy, không lo buồn, hối hận, không hoang mang thoái lui.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì thường được chư Thiên, Đế Thích, Đại phạm Thiên vương, chúa tể của các chúng sinh đều cùng nhau kính lễ.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì chẳng những thường được chư Thiên, Đế Thích, Đại phạm Thiên vương, chúa tể của các chúng sinh đều cùng nhau kính lễ mà còn hơn thế nữa, trời Cực quang tịnh, hoặc trời Biến tịnh, hoặc trời Quảng quả, hoặc trời Tịnh cư và chư Thiên khác thường cùng nhau kính lễ vị ấy. Đại Bồ-tát này cũng được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp ở mười phương vô lượng, vô số, vô biên thế giới luôn luôn cùng nhau hộ niệm.

Thiện Hiện nên biết, do Đại Bồ-tát này có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên khiến cho Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa mau được viên mãn; cũng làm cho pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh mau được viên mãn; cũng làm cho chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mau được viên mãn; cũng làm cho Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo mau được viên mãn; cũng làm bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo mau được viên mãn; cũng làm cho bốn Tĩnh

lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mau được viên mãn; cũng làm cho tám Giải thoát, mười Biến xứ mau được viên mãn; cũng làm cho pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện mau được viên mãn; cũng làm cho bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân mau được viên mãn; cũng làm cho tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa mau được viên mãn; cũng làm cho năm loại mắt cho đến sáu phép thần thông mau được viên mãn; cũng làm cho mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mau được viên mãn; cũng làm cho pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả mau được viên mãn; cũng làm cho trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mau được viên mãn; cũng làm cho tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát mau được viên mãn; cũng làm cho quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật mau được viên mãn; cũng làm cho trí Nhất thiết trí mau được viên mãn.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này thì thường được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các vị Đại Bồ-tát cùng nhau hộ niệm và có thể mau chóng viên mãn tất cả công đức. Đại Bồ-tát này sẽ biết đi nơi chư Phật cần đi và tu hành đúng theo các hạnh mà chư Phật đã thực hành, Đại Bồ-tát này giống như Phật Thế Tôn.

Thiện Hiện nên biết, tâm của Đại Bồ-tát này rất kiên cố. Giả sử tất cả hữu tình ở các thế giới chư Phật khắp mười phương nhiều như số cát sông Hằng đều là ác ma, mỗi mỗi ác ma lại hóa ra vô số ác ma; các ác ma này đều có vô lượng, vô biên thần lực và tất cả thần lực của ác ma này cũng không thể làm chướng ngại việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và việc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột của Đại Bồ-tát ấy.

Vì sao vậy? Bởi vì Đại Bồ-tát này đã được phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa, thông đạt sự chẳng thể nắm bắt được của tất cả các pháp.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thuần thục hai pháp thì tất cả ác ma không thể làm chướng ngại việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và việc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Hai pháp đó là: Một là quán các pháp đều hoàn toàn không; hai là không xả bỏ tất cả hữu tình.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thuần thục hai pháp thì tất cả ác ma không thể làm chướng ngại việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và việc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Một là có thể làm được tất cả như lời nói. Hai là thường được chư Phật hộ niệm.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này thì các Thiên, Thần thường đến lễ lạy, thân cận, cúng dường, thưa hỏi, khuyến khích và nói rằng: “Lành thay Đại sĩ, muốn chứng quả vị

Giác ngộ cao tột thì phải siêng năng trú ở pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao vậy? Đại sĩ, Đại Bồ-tát nào siêng năng trú nơi pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện thì làm nơi trông cậy cho tất cả hữu tình không chỗ trông cậy, làm nơi quay về nương tựa cho tất cả hữu tình không nơi quay về nương tựa, hay cứu giúp người không được ai cứu giúp, làm nơi hướng đến cho người không nơi hướng đến, làm hải đảo cho người không có hải đảo, làm nhà cửa cho người không có nhà cửa, làm ánh sáng cho người bị tối tăm, làm tai mắt cho người đui điếc. Vì sao vậy? Đại sĩ, việc trú ở pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện như vậy tức là an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Người nào có thể an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột."

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này thì liền được vô lượng, vô số, vô biên các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong đời hiện tại ở mười phương, lúc nói chánh pháp ở giữa đại chúng tự nhiên vui mừng, ca ngợi, nêu tên, họ và công đức của Đại Bồ-tát này, đó là công đức vi diệu của việc an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện nên biết, giống như hôm nay, Ta vì đại chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, ở trước đại chúng tự nhiên hoan hỷ ca ngợi tán thán tên họ và công đức của các Đại Bồ-tát như Đại Bồ-tát Bảo Tràng, Đại Bồ-tát Đảnh Kế, cùng danh tánh và công đức của các Đại Bồ-tát tu hành phạm hạnh và an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa nơi cõi của Phật Bất Động ở hiện tại, đó là công đức vi diệu của việc an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở các thế giới chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở phương Đông cũng vì đại chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Ở nơi đó cũng có các Đại Bồ-tát tu phạm hạnh thanh tịnh, an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa. Các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy đều ở trước đại chúng, tự nhiên hoan hỷ ca ngợi tán thán tên họ và công đức của các Đại Bồ-tát ấy. Đó là công đức vi diệu của việc an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở các thế giới chư Phật nhiều như số cát sông Hằng thuộc phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, phương trên và phương dưới đều vì đại chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Ở nơi ấy cũng có các Đại Bồ-tát tu phạm hạnh thanh tịnh, an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa. Các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều ở trước đại chúng, tự nhiên

hoan hỷ, ca ngợi tán dương tên họ và công đức của các Đại Bồ-tát ấy, đó là công đức vi diệu của việc an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện nên biết, có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dần dần viên mãn đại Bồ-đề đạo, dần dần viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho đến sẽ đạt được trí Nhất thiết trí, cũng được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở các thế giới chư Phật nhiều như số cát sông Hằng thuộc mười phương ở trước đại chúng tự nhiên hoan hỷ ca ngợi tán thán tên họ và công đức của các Đại Bồ-tát này, đó là công đức vi diệu của việc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao vậy? Thiện Hiện, bởi vì Đại Bồ-tát này có thể làm việc khó làm, không đoạn mất giống Phật, làm lợi ích hữu tình.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc các vị Như Lai nói chánh pháp ở trước đại chúng, những Đại Bồ-tát nào được các Ngài tự nhiên hoan hỷ ca ngợi tán thán danh tánh và công đức, đó là những vị đã đạt được địa vị không thoái chuyển hay những vị chưa đạt được.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Có Đại Bồ-tát trụ nơi địa vị không thoái chuyển, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên vui mừng, ca ngợi, tán thán danh tánh và các công đức của họ lúc các Ngài nói chánh pháp ở trước đại chúng. Lại có Đại Bồ-tát tuy chưa được thọ ký nhưng thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì cũng được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên vui mừng, ca ngợi tán thán danh tánh và các công đức của họ, lúc các Ngài nói chánh pháp ở trước đại chúng.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Điều Ngài vừa nói là chỉ những Bồ-tát nào?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Có Đại Bồ-tát học theo những việc của Phật Bất Động đã làm khi Ngài còn là Bồ-tát và đã được an trú vào địa vị không thoái chuyển thì được các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên ca ngợi tán thán danh tánh và các công đức lúc các Ngài nói chánh pháp ở trước đại chúng. Lại có Đại Bồ-tát học theo các việc làm của Đại Bồ-tát Bảo Tràng, Đại Bồ-tát Đảnh Kế, Đại Bồ-tát này tuy chưa được thọ ký nhưng nhờ siêng năng thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nên cũng được các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên vui mừng, ca ngợi tán thán danh tánh và các công đức

lúc các Ngài nói chánh pháp ở trước đại chúng.

Lại nữa Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy tin hiểu sâu sắc đối với tánh không sinh của tất cả các pháp nhưng chưa chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc tính rốt ráo không của tất cả các pháp nhưng chưa chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với hoàn toàn vắng lặng của tất cả các pháp nhưng chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với tánh xa lìa của tất cả các pháp nhưng cũng chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với tánh hư vọng của tất cả các pháp nhưng chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với tánh của tất cả các pháp đều là không nhưng cũng chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với tánh không sở hữu của tất cả các pháp nhưng cũng chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với tánh tự tại của tất cả các pháp nhưng chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với tánh không chắc thật của tất cả các pháp nhưng chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Thì này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát ấy cũng được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên hoan hỷ ca ngợi, tán thán danh tánh và các công đức lúc các ngài nói chánh pháp trước đại chúng.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên hoan hỷ ca ngợi, tán thán danh tánh và các công đức khi các ngài nói chánh pháp trước đại chúng thì Đại Bồ-tát đó vượt khỏi địa vị Thanh văn, Độc giác và chắc chắn đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa được các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên hoan hỷ ca ngợi, tán thán danh tánh và các công đức khi các Ngài nói chánh pháp trước đại chúng thì Đại Bồ-tát đó chắc chắn sẽ an trú ở địa vị không thoái chuyển. Sau khi đã an trú ở địa vị đó họ sẽ mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ nào thuộc Bồ-tát thừa nghe nói các nghĩa lý Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nghi, không ngờ, không mê, không muội mà chỉ nghĩ rằng: "Như điều Phật dạy thì lý đạo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tất nhiên là không sai quấy." Nhờ sinh lòng tin trong sạch khi nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thiện nam, thiện nữ ấy dần dần sẽ được nghe giảng rộng về Bát-nhã ba-la-mật-đa ở chỗ Phật Bất Động và các chỗ vị Đại Bồ-tát và tin hiểu sâu sắc đối với nghĩa lý của nó.

Sau khi đã tin hiểu, họ sẽ được trụ ở địa vị không thoái chuyển. Sau khi đã an trú ở địa vị đó họ sẽ mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, các thiện nam, thiện nữ nào thuộc Bồ-tát thừa nghe nói các nghĩa lý Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nghi, không ngờ, không mê, không lầm, tin hiểu sâu sắc, không sinh phỉ báng, còn đạt được vô số căn lành vi diệu huống gì có thể thọ trì đọc tụng thông suốt, chánh niệm tư duy theo lý chân như, an trú vào chân như siêng năng tu học thì thiện nam, thiện nữ này sẽ mau an trú vào địa vị không thoái chuyển và mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật tánh của các pháp trọn chẳng thể nắm bắt được thì vì sao có thể nói các Đại Bồ-tát an trú chân như siêng năng tu học sẽ mau an trú vào địa vị không thoái chuyển, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, như việc Phật hóa hiện an trú vào chân như tu hạnh Bồ-tát thì sẽ mau an trú vào địa vị không thoái chuyển, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình; cũng giống như vậy các Đại Bồ-tát an trú vào chân như tu hạnh Bồ-tát thì sẽ mau an trú vào địa vị không thoái chuyển, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình.”

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, việc hóa hiện của Như Lai đều không sở hữu, pháp lìa chân như cũng chẳng thể nắm bắt được, vậy ai trụ ở chân như, tu Bồ-tát hạnh, ai sẽ an trú vào địa vị không thoái chuyển, ai chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, ai chuyển pháp luân nói những pháp gì, cứu độ những chúng sinh nào? Bạch Thế Tôn, chân như còn chẳng thể nắm bắt được huống gì là việc an trụ chân như tu Bồ-tát hạnh thì sẽ mau an trú ở địa vị không thoái chuyển, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình thì làm sao có được?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói! Việc hóa hiện của Như Lai đều không sở hữu, pháp lìa chân như cũng chẳng thể nắm bắt được. Ai trụ chân như, tu Bồ-tát hạnh; ai sẽ an trú vào địa vị không thoái chuyển, ai chứng quả vị Giác ngộ cao tột, ai chuyển pháp luân nói

những pháp gì và độ chúng sinh nào? Thiện Hiện, chân như còn chẳng thể nắm bắt được huống gì là việc an trú vào chân như tu Bồ-tát hạnh để mau an trú vào địa vị không thoái chuyển, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình thì làm sao có được. Vì sao vậy?

Thiện Hiện, dù chư Phật ra đời hay không ra đời thì các pháp vẫn như vậy, không lìa chân như, nói rộng cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Thiện Hiện, chắc chắn không có việc an trú chân như tu Bồ-tát hạnh nói rộng cho đến độ các hữu tình. Vì sao vậy?

Thiện Hiện, chân như các pháp không sinh, không diệt cũng không tồn tại một phần nhỏ nào khác có chẳng thể nắm bắt được. Này Thiện Hiện, nếu các pháp không sinh, không diệt cũng không tồn tại một phần nhỏ nào khác có thể nắm bắt được, vậy thì ai trụ trong đó tu Bồ-tát hạnh, ai sẽ an trú ở địa vị không thoái chuyển, ai chứng quả vị Giác ngộ cao tột, ai chuyển pháp luân nói những pháp gì, cứu độ chúng sinh nào. Ở trong đó tất cả đều không sở hữu. Sự việc như vậy chắc chắn là không thật có. Chỉ vì dựa vào thế tục mà giả bày ra là có.

Khi ấy, Thiên đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa này rất sâu xa, khó tin, khó hiểu. Các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy biết các pháp đều chẳng thể nắm bắt được nhưng vẫn cầu quả vị Giác ngộ cao tột và muốn giảng bày chánh pháp cho các hữu tình là việc rất khó làm. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, chắc chắn không có việc an trú chân như tu Bồ-tát hạnh chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột và nói chánh pháp cho các hữu tình nhưng các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán tất cả các pháp đều không sở hữu, không kinh sợ, run rẩy, nghi ngờ, ngăn trệ, hoang mang, thoái lui, cũng không mê muội, buồn bực đối với pháp tánh sâu xa, các việc như vậy rất là hiếm có.

Bấy giờ, Thiện Hiện bảo Đế Thích:

–Kiều-thi-ca, như lời ông nói! Các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán tất cả các pháp đều không sở hữu, không kinh sợ, run rẩy, nghi ngờ, ngăn trệ, hoang mang, thoái lui, cũng không mê muội, buồn bực đối với pháp tánh sâu xa, các việc như vậy rất là hiếm có. Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán thấy bản tánh các pháp đều là không, ở trong pháp không này mọi thứ đều không sở hữu, vậy thì

ai là người có thể kinh sợ cho đến mê man buồn bực. Vì vậy, việc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không kinh sợ, run rẩy, nghi ngờ, ngăn trệ, hoang mang, không thoái lui, không mê muội, buồn rầu đối với pháp tánh sâu xa, các việc như vậy rất là hiếm có.

Lúc đó, Thiên đế Thích bạch Thiện Hiện:

–Theo lời Đại đức nói tất cả đều dựa vào pháp không vì vậy lời nói thường không ngăn ngại. Giống như dùng tên bắn vào hư không, hoặc xa hoặc gần đều không ngăn ngại; lời Đại đức nói cũng giống như vậy, ai có thể ở trong đó mà dám chống đối.

-oOo-

Phẩm 65: Thật ngữ (1)

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tôi nói như vậy, khen như vậy, thọ ký như vậy, là thuận với thật ngữ, pháp ngữ của Thế Tôn, đối với pháp, tùy thuận theo pháp có phải là thọ ký chân chánh không?

Lúc ấy, Phật bảo:

–Kiều-thi-ca, ông nói như vậy, khen như vậy, thọ ký như vậy, thật là thuận với thật ngữ, pháp ngữ của Thế Tôn, đối với pháp, tùy thuận theo pháp là thật sự thọ ký chân chánh.

Lúc ấy, Thiên đế Thích lại bạch Phật:

–Thật hiếm có thưa Thế Tôn, Đại đức Thiện Hiện có nói điều gì cũng dựa vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, dựa vào bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng dựa vào bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, dựa vào tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng dựa vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; dựa vào Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng dựa vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng dựa vào địa vị Đại Bồ-tát; dựa vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng dựa vào năm loại mắt, sáu phép thần thông; dựa vào mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng dựa vào pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; dựa vào trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng dựa vào tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; dựa vào quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên đế Thích:

–Kiều-thi-ca, Cụ thọ Thiện Hiện trụ ở pháp không, quán Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa làm sao có thể nắm bắt; quán bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người tu tập bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo làm sao có thể nắm bắt; quán bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc làm sao có thể nắm bắt; quán tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ làm sao có thể nắm bắt; quán Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người trụ nơi Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo làm sao có thể nắm bắt; quán pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người trụ ở pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh làm sao có thể nắm bắt; quán chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người trụ ở chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn làm sao có thể nắm bắt; quán pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện làm sao có thể nắm bắt; quán bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người tu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân làm sao có thể nắm bắt; quán tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa làm sao có thể nắm bắt; quán năm loại mắt, sáu phép thần thông còn chẳng thể nắm bắt được, huống là người làm phát sinh năm loại mắt, sáu phép thần thông làm sao có thể nắm bắt; quán mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người làm phát sinh mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng làm sao có thể nắm bắt; quán pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người phát sinh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả làm sao có thể nắm bắt; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người phát sinh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm sao có thể nắm bắt; quán tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người có thể thực hành các hạnh của Đại Bồ-tát làm sao có thể nắm bắt; quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột của

chư Phật làm sao có thể nắm bắt; quán trí Nhất thiết trí còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người có thể đạt được trí Nhất thiết trí làm sao có thể nắm bắt; quán bánh xe chánh pháp còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người có thể vận chuyển bánh xe chánh pháp làm sao có thể nắm bắt; quán ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người dùng tướng hảo này để trang nghiêm thân làm sao có thể nắm bắt; quán pháp không sinh, không diệt còn chẳng thể nắm bắt được huống gì người có thể chứng pháp không sinh, không diệt làm sao có thể nắm bắt. Vì sao vậy?

Kiều-thi-ca, đối với tất cả các pháp, Cụ thọ Thiện Hiện trú ở chỗ xa lìa trú, trú ở chỗ vắng lặng trú, trú ở chỗ không sở hữu trú, trú ở chỗ vô sở đắc trú, trú ở chỗ chân không trú, trú ở chỗ vô tướng trú, trú ở chỗ vô nguyện trú. Kiều-thi-ca, đối với tất cả các pháp, Cụ thọ Thiện Hiện trụ ở những nơi rất thù thắng như vậy. Kiều-thi-ca, việc trụ ở nơi rất thù thắng của Thiện Hiện so với chỗ trụ của Đại Bồ-tát đã thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn cho đến không bằng một phần rất nhỏ. Vì sao vậy?

Kiều-thi-ca, trừ chỗ trụ của Như Lai, chỗ trụ vào việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là vô thượng, là không gì sánh bằng. Vì sao vậy?

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát nào muốn đứng trên tất cả hữu tình thì nên đứng ở chỗ thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao vậy?

Kiều-thi-ca, các vị Đại Bồ-tát trú ở chỗ này hơn hẳn địa vị Thanh văn, Độc giác, chứng nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, có thể mau viên mãn tất cả Phật pháp, vĩnh viễn đoạn trừ sự nối tiếp của tập khí phiền não, có thể mau chứng đắc trí Nhất thiết trí, được gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thường làm lợi lạc tất cả hữu tình.

Bấy giờ trong chúng có vô lượng, vô số trời Ba mươi ba nghe lời Phật dạy sinh vui mừng cực độ. Mỗi vị cầm hoa thơm vi diệu ở cõi trời, rải dâng lên Như Lai và các Bí-sô.

Lúc ấy, sáu trăm Bí-sô ở trong chúng từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật, che kín vai trái, quỳ gối phải sát đất, khom người cung kính, chắp tay hướng Phật chiêm ngưỡng dung nhan của Đức Thế Tôn không chớp mắt. Nhờ thần lực của Phật, trong lòng bàn tay của mỗi vị tự nhiên tràn đầy hoa thơm vi diệu. Các vị Bí-sô vui mừng tột độ vì gặp việc chưa

từng có. Họ đều đem hoa này rải lên dâng Phật và các Bồ-tát.

Sau khi rải hoa, họ đều phát nguyện rằng: "Chúng con xin nhờ căn lành thù thắng này để được thường an trú vào việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là chỗ mà Thanh văn, Độc giác, không thể trú được và mau đạt được quả vị Giác ngộ cao tột vượt hẳn địa vị Thanh văn, Độc giác."

Bấy giờ, biết ý tăng thượng muốn đạt đến đại Bồ-đề quyết không thoái lui của các Bí-sô, Đức Thế Tôn liền mỉm cười. Như thường pháp của chư Phật, từ miệng Ngài phóng ra đủ loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím, bích, lục, vàng, bạc, pha lê, chiếu khắp thế giới ba lần ngàn. Ánh sáng đó thu dần và nhiễu quanh thân Phật ba vòng rồi chui vào trên đảnh.

Sau khi thấy điềm lành này, Khánh Hỷ vui mừng tột độ rời khỏi chỗ ngồi đảnh lễ Phật và chắp tay thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười; chư Phật mỉm cười chẳng phải là không có lý do, cúi xin Như Lai thương xót nói cho con biết.

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Trong kiếp Tinh dụ ở đời vị lai, các Bí-sô này sẽ được làm Phật có cùng hiệu là Tán Hoa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn Bạc-già-phạm. Họ có chỗ tuổi thọ, chỗ ở, quốc độ và các đệ tử Bí-sô tất cả đều giống nhau. Các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác này từ lúc mới sinh đi xuất gia cho đến sau khi thành Phật dù ở chỗ nào, dù ngày hay đêm cũng thường có mưa hoa thơm vi diệu năm màu. Vì lý do này Ta mỉm cười.

Vì vậy, này Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào muốn trú ở nơi tối thắng thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào muốn đứng ở chỗ của Như Lai thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì thiện nam, thiện nữ ấy vào đời trước, hoặc từ trong loài người qua đời mà sinh trở lại nơi đây, hoặc từ cõi trời, Đổ-sử-đa qua đời, sinh vào loài người. Vào đời trước, hoặc ở trong loài người, hoặc ở trên trời, do đã từng nghe giảng rộng Bát-nhã ba-la-mật-đa nên vào đời này người ấy có thể siêng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khánh Hỷ nên biết, Như Lai thấy thiện nam, thiện nữ nào có thể siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không đoái hoài thân mạng, tài sản thì đúng là Đại Bồ-tát.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 458

Phẩm 65: Thật ngữ (2)

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào ưa thích lắng nghe lời dạy Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, nghe xong thọ trì, đọc tụng thông suốt, siêng năng tu học, tu duy đúng lý, giải bày khai thị, dạy bảo, truyền trao cho các thiện nam, thiện nữ thuộc Bồ-tát thừa thì nên biết người ấy đã từng gần gũi chư Phật trong quá khứ, được nghe nói về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, nghe xong thọ trì, đọc tụng thông suốt, siêng năng tu học, tư duy đúng lý và cũng đã từng giải bày, khai thị, dạy bảo, truyền trao cho người khác.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ này đã từng trồng các căn lành ở vô số cõi Phật trong quá khứ cho nên đời này có thể làm được việc này. Thiện nam, thiện nữ này nên nghĩ rằng: "Trước đây ta không theo Thanh văn, Độc giác nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này mà chắc chắn là đã theo Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác để nghe dạy Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy; trước đây ta không trồng căn lành đối với Thanh văn, Độc giác mà chắc chắn lành là trồng các căn lành đối với Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nhờ nhân duyên đó, ngày nay ta được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, ưa thích, thọ trì, đọc tụng thông suốt, siêng năng tu học, suy nghĩ đúng lý, giảng rộng cho mọi người không có mệt mỏi nhàm chán."

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào ưa thích lắng nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nghe xong thọ trì, đọc tụng thông suốt, siêng năng tu học, tư duy đúng lý, hoặc nghĩa, hoặc văn, hoặc pháp, hoặc ý, hoặc giới luật họ đều có thể thông đạt thì thiện nam, thiện nữ này hiện đang thấy tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào nghe dạy nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa liền sinh lòng tin hiểu trong sạch, không hủy báng, không bị ngăn trở, phá hoại, thì các thiện nam, thiện nữ này đã từng

cúng dường vô lượng chư Phật, phát nguyện rộng lớn, trồng các căn lành ở chỗ Đức Phật và cũng được vô lượng thiện tri thức chân chánh hộ trì.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào có thể trồng các căn lành vào ruộng phước thù thắng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuy chắc chắn sẽ đạt được hoặc quả Thanh văn, hoặc quả Độc giác, hoặc quả Như Lai nhưng muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì cần phải thông suốt nghĩa lý Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm cho được viên mãn.

Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát nào khéo thông suốt nghĩa lý Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa làm cho được viên mãn như vậy cho đến tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, làm cho được viên mãn thì sẽ không có việc Đại Bồ-tát này trụ ở địa vị Thanh văn hoặc Độc giác mà không chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Vì vậy Đại Bồ-tát nào muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột thì phải khéo thông đạt nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa làm cho được viên mãn như vậy cho đến tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm cho được viên mãn.

Vì thế, này Khánh Hỷ, Ta đem Bát-nhã ba-la-mật-đa giao phó cho ông, ông nên thọ trì đọc tụng thông suốt chính xác, đừng để quên mất.

Khánh Hỷ nên biết, trừ kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, nếu thọ trì các kinh khác mà ta đã dạy, giả sử có quên mất thì tội ấy còn nhẹ nhưng đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa này, nếu không thọ trì trọn vẹn cho đến quên mất một câu thì tội ấy rất nặng.

Khánh Hỷ nên biết, đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, người nào có thể thọ trì cho đến một câu không để quên mất thì được vô

lượng phước. Còn nếu đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, người nào không thọ trì trọn vẹn cho đến quên mất một câu thì mắc tội rất nặng ngang với phước nói trên. Vì thế, này Khánh Hỷ, Ta đem kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa ân cần giao phó cho ông. Ông phải thọ trì, đọc tụng cho thông suốt và chính xác, tư duy đúng lý và giảng rộng cho người khác nghe, phân biệt, khai thị giúp cho người nghe hoàn toàn hiểu rõ ý nghĩa của nó và người đó lại có thể diễn giải đúng lý cho người khác nghe.

Khánh Hỷ nên biết, đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng hoàn toàn thông suốt, tư duy như lý, giảng rộng cho người khác nghe thì chính là thọ trì nắm giữ quả vị Giác ngộ cao tột mà tất cả các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại, vị lai đã chứng đắc.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào phát sinh tâm thanh tịnh, hiện đến chỗ Ta muốn dùng đủ loại vòng hoa vi diệu, hương xoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan báu, dù lọng, âm nhạc, đèn sáng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi không nhàm chán, mệt mỏi thì đối với kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa người ấy phải hết lòng lắng nghe thọ trì, đọc tụng, hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý, giảng rộng cho người khác, hoặc lại biên chép, trang điểm bằng châu báu, dùng đủ loại vòng hoa vi diệu, hương xoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan báu, dù lọng, âm nhạc, đèn sáng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi không được biếng nhác.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chính là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen Ta, cũng là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp ở mười phương thế giới và cũng là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật ở quá khứ, vị lai.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, phát sinh lòng tin trong sạch, cung kính ưa thích thì chính là đem lòng tin trong sạch cung kính, ưa thích quả vị Giác ngộ cao tột mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc.

Khánh Hỷ, nếu người cung kính ưa thích Ta, không xả bỏ Ta thì phải mạnh mẽ gấp bội trong việc cung kính, ưa thích không xả bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến một câu cũng đừng để quên mất.

Khánh Hỷ, Ta nói lý do giao phó Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy có vô lượng lý do nhưng Ta chỉ nói tóm gọn. Như Ta là Đại Sư của các ông, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng là Đại sư của các ông. Trời, người, các ông kính trọng Ta thì cũng phải kính trọng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Vì vậy, này Khánh Hỷ, Ta dùng vô số phương tiện thiện xảo giao phó kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho ông, ông phải thọ trì đừng để quên mất. Nay ở trước Trời, Người, A-tố-lạc và vô số đại chúng Ta đem Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này giao phó cho ông.

Khánh Hỷ, nay Ta nói thật với ông, các hữu tình có lòng tin trong sạch muốn không xả bỏ Phật, không xả Pháp, không xả bỏ Tăng lại muốn không xả bỏ quả vị Giác ngộ cao tột mà chư Phật đời quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc thì cần phải không xả bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Đó chính là pháp chư Phật chúng tôi dạy dỗ truyền trao cho các đệ tử.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ ưa thích lắng nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thọ trì, đọc tụng, hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý, đem vô lượng pháp môn giảng rộng cho người khác, phân biệt, khai thị, vạch bày, an lập giúp họ hiểu rõ và siêng năng tu học thì thiện nam, thiện nữ này mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột và gần được viên mãn trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Khánh Hỷ, quả vị Giác ngộ cao tột mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng đắc đều dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này mà được sinh ra.

Khánh Hỷ nên biết, chư Phật đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này để sinh ra quả vị Giác ngộ cao tột. Vì thế, này Khánh Hỷ, Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì cần phải siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này. Vì sao vậy?

Khánh Hỷ, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là mẹ của các Đại Bồ-tát vì nó sinh ra các vị Đại Bồ-tát.

Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát nào siêng năng tu học Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thì mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì thế, này Khánh Hỷ, Ta đem sáu pháp Ba-la-mật-đa giao phó cho ông, ông phải thọ trì cho đúng để quên mất. Vì sao vậy? Vì sáu pháp Ba-la-mật-đa này là kho pháp vô tận của các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tất cả Phật pháp đều sinh ra từ nơi đó.

Khánh Hỷ nên biết, pháp yếu mà chư Phật đời hiện tại, quá khứ, vị lai đã nói đều được lưu xuất từ kho pháp vô tận là sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Khánh Hỷ nên biết, chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều nương vào kho pháp vô tận là sáu pháp Ba-la-mật-đa để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Khánh Hỷ nên biết, chư Phật và chúng Thanh văn đời hiện tại, quá khứ, vị lai đều dựa vào kho pháp vô tận là sáu pháp Ba-la-mật-đa siêng năng tu học để nhập Niết-bàn vào cõi Vô dư y Niết-bàn.

Lại nữa Khánh Hỷ, giả sử các ông nói pháp Thanh văn cho các chúng sinh thuộc Thanh văn thừa và nhờ pháp này tất cả hữu tình ở thế giới ba lần ngàn đều chứng quả A-la-hán thì vẫn chưa phải vì Ta mà làm những việc đệ tử Phật cần làm. Nếu các ông có thể giảng nói một câu pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các chúng sinh thuộc Bồ-tát thừa nghe, thì mới chính là vì Ta mà làm công việc người đệ tử Phật cần làm và Ta rất tùy hỷ đối với việc này hơn là việc các ông giáo hóa tất cả hữu tình trong thế giới ba lần ngàn để cho họ đều đắc quả A-la-hán.

Lại nữa Khánh Hỷ, giả sử tất cả hữu tình ở thế giới ba lần ngàn nhờ người khác chỉ dạy nên đồng thời đều được thân người và đều chứng đắc quả A-la-hán. Theo ý ông thì tất cả phước có được nhờ bố thí, nhờ trì giới và nhờ tu tập của tất cả các vị A-la-hán đó có nhiều không?

Khánh Hỷ thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phước nghiệp ấy là vô lượng, vô số.

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Nếu có đệ tử Thanh văn nào có thể vì Đại Bồ-tát giảng nói pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa trải qua một ngày một đêm thì thu được lượng phước đức nhiều hơn phước kia rất nhiều.

Khánh Hỷ nên biết, không cần đến một ngày một đêm chỉ cần một ngày, lại không cần đến một ngày, chỉ cần nửa ngày, lại không cần đến nửa ngày, chỉ cần một giờ, lại không cần đến một giờ, chỉ cần một bữa ăn, lại không cần đến một bữa ăn, chỉ cần trong chốc lát, lại không cần đến trong chốc lát, chỉ cần trong khoảnh khắc, lại không cần đến trong khoảng khắc, chỉ cần trong nháy mắt Thanh văn nào có thể giảng nói pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát nghe, thì tu được một lượng phước đức lớn hơn phước đức trước rất nhiều. Vì sao vậy? Vì phước đức mà Thanh văn này thu được hơn hẳn công đức của tất cả Thanh văn, Độc giác.

Lại nữa Khánh Hỷ, nếu Đại Bồ-tát giảng nói pháp Thanh văn cho các chúng sinh thuộc Thanh văn thừa, giả sử nhờ pháp này, tất cả hữu tình trong

thế giới ba lần ngàn đều chứng đắc quả A-la-hán đều đầy đủ các loại công đức thù thắng, thì theo ý ông nhờ nhân duyên này Đại Bồ-tát đó thu được nhiều phước đức không?

Khánh Hỷ thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phước đức mà Đại Bồ-tát này thu được là vô lượng, vô biên.

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Đại Bồ-tát nào giảng nói pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho các thiện nam, thiện nữ thuộc Thanh văn thừa, Độc giác thừa, hoặc Vô thượng thừa suốt một ngày đêm thì thu được phước đức hơn phước nói ở trước rất nhiều.

Khánh Hỷ nên biết, không cần đến một ngày đêm, chỉ cần một ngày, không cần đến một ngày, chỉ cần nửa ngày, lại không cần đến nửa ngày, chỉ cần một giờ, lại không cần đến một giờ, chỉ cần trong khoảng một bữa ăn, lại không cần đến khoảng thời gian một bữa ăn, chỉ cần trong chốc lát, lại không cần đến trong chốc lát, chỉ cần trong khoảnh khắc, lại không cần đến trong khoảng khắc, chỉ cần trong nháy mắt, Đại Bồ-tát có thể giảng nói pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho các thiện nam, thiện nữ thuộc ba thừa thì thu được phước đức hơn phước đức trước vô số lần. Vì sao vậy? Vì pháp thí tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa hơn hẳn tất cả pháp thí tương ưng với Thanh văn, Độc giác và các công đức của Nhị thừa. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này tự cầu quả vị Giác ngộ cao tột cũng đem pháp tương ưng với Đại thừa để khai thị dạy dỗ và khích lệ giúp các hữu tình không còn thoái lui đối với quả vị Giác ngộ cao tột.

Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát này tự tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng dạy người khác tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; tự tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng dạy người khác tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tự an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng dạy người khác an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; tự an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng dạy người khác an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; tự an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, cũng dạy người khác an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tự tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng dạy người khác tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tự tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, cũng dạy người khác tu

tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tự tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng dạy người khác tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tự tu Bồ-đề địa, cũng dạy người khác tu Bồ-đề địa; tự tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng dạy người khác tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tự tu năm loại mắt, sáu phép thần thông, cũng dạy người khác tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; tự tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng dạy người khác tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tự tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cũng dạy người khác tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; tự tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, cũng dạy người khác tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tự tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng dạy người khác tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tự tu tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, cũng dạy người khác tu tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; tự tu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, cũng dạy người khác tu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; tự tu trí Nhất thiết trí, cũng dạy người khác tu trí Nhất thiết trí, vì vậy căn lành tăng trưởng và không thể có việc người ấy bị thoái chuyển đối với quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ với bốn chúng vây quanh, Như Lai khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật-đa và giao phó cho Khánh Hỷ. Sau khi đã giao phó và ra lệnh cho Khánh Hỷ thọ trì, Ngài lại hiện năng lực thần thông ở trước tất cả Trời, Rồng, Dược-xoa, nói rộng cho đến đại chúng Nhân phi nhân làm cho họ đều thấy Như Lai Bất Động với các Thanh văn, Bồ-tát vây quanh cả trước lẫn sau đang giảng nói diệu pháp để dạy đại chúng và thấy tướng trang nghiêm của cõi ấy. Chúng Thanh văn Tăng ở cõi ấy đều là A-la-hán đã hết lậu hoặc, không còn phiền não, thật sự tự tại, tâm hoàn toàn giải thoát, giống như ngựa hay đã được điều phục, hoặc như rồng lớn đã làm việc cần làm, đã hoàn tất việc cần hoàn tất, bỏ các gánh nặng đạt được tự lợi, dứt sạch các kết sử, biết đúng và giải thoát, hết lòng tự chủ rốt ráo bậc nhất. Chúng Bồ-tát Tăng ở cõi ấy đều được mọi người ngưỡng vọng và biết đến, đạt được Đà-la-ni và có công đức trí tuệ biện tài vô ngại, giống như biển lớn. Sau đó Thế Tôn thu thần lực lại làm cho Trời, Rồng, Dược-xoa, nói rộng cho đến Nhân phi nhân ở chúng hội này không còn thấy Như Lai Bất Động, Thanh văn, Bồ-tát và đại chúng khác cùng với tướng trang nghiêm của cõi Phật ấy. Chúng hội và cõi nước trang nghiêm của Đức Phật ấy đều

chẳng phải là đối tượng của nhãn căn ở cõi này. Vì sao vậy? Vì Phật thu thần lực nên không còn duyên để thấy diệu cảnh ấy nữa.

Khi ấy, Phật bảo Cụ thọ Khánh Hỷ:

–Ông có còn thấy cõi nước và chúng hội của Bất Động Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không?

Khánh Hỷ đáp:

–Con không còn thấy, bởi vì việc ấy chẳng phải là đối tượng của con mắt này.

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Giống như cõi nước và chúng hội của Như Lai kia chẳng phải là cảnh giới mà con mắt ở cõi này có thể thấy được, nên biết rằng các pháp cũng lại như vậy, chúng chẳng phải là cảnh giới mà nhãn căn có thể thấy được. Pháp chẳng thể thực hành pháp; pháp chẳng thấy pháp; pháp chẳng biết pháp; pháp không thể chứng đắc pháp.

Khánh Hỷ nên biết, tánh của tất cả các pháp đều không thể thực hành, không thể thấy, không thể biết, không thể chứng, không lay động, không tạo tác. Vì sao vậy? Bởi vì tất cả các pháp đều như hư không, không có tác dụng, người nhận và vật được nhận đều có tánh xa lìa. Do tất cả các pháp đều không thể nghĩ bàn, người nghĩ bàn và vật được nghĩ bàn đều có tánh xa lìa, vì tất cả các pháp đều như huyễn là do các duyên hòa hợp giả có, vì tất cả các pháp không có người tạo ra và thọ nhận, vọng hiện ra dường như là có mà không chắc thật.

Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát nào có thể thực hành như vậy, có thể thấy như vậy, có thể biết như vậy, có thể chứng như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa và cũng không chấp trước tướng các pháp này.

Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát nào có học như vậy là học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khánh Hỷ nên biết, Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc tất cả Bát-nhã ba-la-mật-đa, muốn mau được viên mãn thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Trong các môn học, môn học này là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là không gì trên, là không gì bằng, là không gì sánh bằng, làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, làm nơi trông cậy cho tất cả hữu tình không nơi trông cậy, là nơi quay về nương tựa cho tất cả hữu tình không nơi nương tựa, là nơi hướng đến cho những người không chỗ hướng đến, là nhà cửa cho người không nhà cửa, là nơi cứu giúp cho những người không ai cứu giúp. Chư Phật Thế Tôn

luôn khai mở, ca ngợi việc tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa này.

Khánh Hỷ nên biết, nếu các Đại Bồ-tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác an trú trong pháp học này thì có thể dùng ngón tay phải, hoặc ngón chân phải nhấc thế giới ba lần ngàn đặt ở phương khác, hoặc đem về chỗ cũ mà các hữu tình ở trong đó không hay, không biết, không bị tổn hại, không run rẩy. Vì sao vậy? Bởi vì oai lực công đức của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không thể nghĩ bàn. Chư Phật và các chúng Đại Bồ-tát trong quá khứ, hiện tại, vị lai nhờ học Bát-nhã ba-la-mật-đa đạt được hiểu biết vô ngại.

Vì vậy, này Khánh Hỷ, trong các môn học Ta nói môn học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là không gì trên, là không gì bằng, là không gì sánh bằng.

Khánh Hỷ nên biết, các hữu tình nào muốn nắm bắt số lượng và bờ mé của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì cũng như người ngu muốn nắm lấy số lượng và bờ mé hư không. Vì sao vậy? Bởi vì công đức của Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô lượng, vô biên.

Khánh Hỷ nên biết, Ta quyết không nói công đức thù thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa như danh, thân... là có hạn lượng bờ mé. Vì sao vậy? Vì tất cả danh từ, câu nói, văn tự là pháp có hạn lượng còn công đức của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chẳng phải là pháp có hạn lượng chẳng phải danh từ, câu nói, văn tự có thể đo lường công đức thù thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng phải công đức thù thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa là thứ được pháp kia đo lường.

Khi ấy, Khánh Hỷ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là vô lượng.

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Vì tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là vô tận nên Ta nói là vô lượng, vì tánh xa lìa nên Ta nói là vô lượng, vì tánh tịch tĩnh nên Ta nói là vô lượng, vì đúng thật tế nên nói là vô lượng, vì như hư không nên nói là vô lượng.

Khánh Hỷ nên biết, tất cả chư Phật Thế Tôn ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều học Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn viên mãn, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, giảng giải khai thị cho các hữu tình nhưng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này vẫn vô cùng tận. Vì sao vậy? Bởi vì Bát-nhã ba-la-

mật-đa sâu xa cũng giống như hư không, là vô tận. Hữu tình nào muốn biết tường tận về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tức là muốn biết tường tận về bờ mé của hư không. Khánh Hỷ nên biết. Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải đã cùng tận; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; năm loại mắt, sáu phép thần thông chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ tường tận; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; trí Nhất thiết trí chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận. Vì sao vậy? Vì những pháp này không sinh, không diệt cũng không đứng yên, không dời đổi thì làm sao có sự tạo ra và có sự cùng tận.

Bấy giờ, từ mặt Thế Tôn xuất hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp

khuôn mặt. Sau khi hiện tướng lưỡi, Thế Tôn thu tướng lưỡi trở lại và bảo Khánh Hỷ:

–Nếu người nào có tướng lưỡi như vậy thì có nói lời hư dối không?

Khánh Hỷ đáp:

–Không, thưa Thế Tôn!

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Từ nay trở đi ông phải vì bốn chúng giảng rộng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, phân biệt, khai thị tạo dựng, an lập giúp họ dễ hiểu.

Khánh Hỷ nên biết, trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này có giảng rộng tất cả các pháp phần Bồ-đề và các pháp tướng. Vì vậy tất cả các chúng sinh cầu Thanh văn thừa, tất cả chúng sinh cầu Độc giác thừa và tất cả chúng sinh cầu Vô thượng đều dựa vào pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được dạy để thường xuyên tu học, đừng sinh nhàm chán, mệt mỏi. Ai thường siêng năng tu học như vậy thì sẽ mau chóng đắc pháp mà mình mong cầu.

Lại nữa Khánh Hỷ, Bát-nhã ba-la-mật-đa là pháp có thể ngộ nhập tất cả pháp tướng, có thể ngộ nhập tất cả văn tự, có thể ngộ nhập tất cả pháp môn Đà-la-ni. Các Đại Bồ-tát thường xuyên tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni này. Đại Bồ-tát nào thọ trì tất cả pháp môn Đà-la-ni này thì có thể mau chứng đắc tất cả biện tài và sự hiểu biết vô ngại.

Khánh Hỷ nên biết, kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này chính là kho pháp vô tận của chư Phật Thế Tôn đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì vậy Ta phải bảo ông một cách rõ ràng: "Người nào thọ trì, đọc tụng, hoàn toàn thông suốt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này và tư duy đúng lý tức là thọ trì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ở quá khứ, vị lai, hiện tại."

Khánh Hỷ nên biết, Ta nói Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là đôi chân vững chắc có thể đi trên đường giác ngộ, cũng là đại Đà-la-ni của Phật pháp vô thượng. Nếu các ông có thể thọ trì Đà-la-ni và Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này tức là tổng trì tất cả Phật pháp làm cho không quên mất và làm lợi ích cho các hữu tình đến tận đời vị lai.

-oOo-

Phẩm 66: Vô tận

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện nghĩ như vầy: "Bát-nhã ba-la-mật-đa này rất là sâu xa, quả vị Giác ngộ cao tột chư Phật cũng rất sâu xa, ta sẽ hỏi

Phật về hai nghĩa sâu xa.” Sau khi nghĩ xong vị ấy liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chính là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chính là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Như vậy Bát-nhã ba-la-mật-đa và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều rất sâu xa, vô cùng tận. Vì sao nói hai pháp này là vô tận?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều như hư không vô cùng tận cho nên nói là vô tận.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Đại Bồ-tát phải làm sao để phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Phật nói:

–Các Đại Bồ-tát nên quán sắc là vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên quán thọ, tưởng, hành, thức vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán nhãn xứ cho đến ý xứ đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán sắc xứ cho đến pháp xứ đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán nhãn giới cho đến ý giới đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán sắc giới cho đến pháp giới đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán nhãn xúc cho đến ý xúc đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán địa giới cho đến thức giới đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán vô minh cho đến lão tử đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán pháp môn giải thoát Không,

Vô tướng, Vô nguyện, đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán năm loại mắt, sáu phép thần thông đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán Dự lưu cho đến quả Độc giác Bồ-đề đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán trí Nhất thiết trí cũng vô tận để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên quán sắc vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên quán thọ, tưởng, hành, thức vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa, như vậy cho đến quán trí Nhất thiết trí vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên quán vô minh duyên hành vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán hành duyên thức vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán thức duyên danh sắc vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán danh sắc duyên lục xứ vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán lục xứ duyên xúc vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán xúc duyên thọ vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán thọ duyên ái vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán ái duyên thủ vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán thủ duyên hữu vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán hữu duyên sinh vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán sinh duyên lão

tử, lo buồn thở than, khổ não đều vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát quán sát mười hai duyên khởi như vậy thì xa lìa hai bên và Đại Bồ-tát khác không thể có sự diệu quán như vậy.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát ngồi tòa Kim cang ở dưới cây Bồ-đề, quán sát như thật về mười hai duyên khởi, giống như hư không không thể chấm dứt liền có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng hạnh vô tận như hư không làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán như thật về mười hai duyên khởi thì không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, hữu tình nào trụ ở Bồ-tát thừa mà bị thoái lui đối với quả vị Giác ngộ cao tột là đều do không nương nơi tác ý thiện xảo làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa, do người ấy không hiểu rõ Đại Bồ-tát làm sao để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ta có thể dùng hạnh vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa và quán sát như thật về mười hai duyên khởi.

Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ nào thoái lui đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều do xa lìa việc làm phát sinh phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát nào không bị thoái lui đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều là nhờ làm phát sinh phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Do nương theo phương tiện thiện xảo là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do dùng hạnh vô tận như hư không để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do quán như thật về mười hai duyên khởi nên Đại Bồ-tát này sớm có thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, lúc quán sát các pháp duyên khởi như vậy, các Đại Bồ-tát không thấy có pháp nào không do nhân mà sinh, không thấy có pháp nào không do nhân mà diệt, không thấy có pháp nào không có tánh tướng thường còn không sinh, không diệt, không thấy có pháp nào có ngã và hữu tình, nói rộng cho đến cái biết, cái thấy, không thấy có pháp nào thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, có ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, vắng lặng hoặc không vắng lặng, xa lìa hoặc không xa lìa.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên quán sát pháp duyên khởi như vậy để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát quán sát như thật pháp duyên khởi để tu

hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì Đại Bồ-tát đó không thấy sắc là thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, vắng lặng hoặc không vắng lặng, xa lìa hoặc không xa lìa; cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức là thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, vắng lặng hoặc không vắng lặng, xa lìa hoặc không xa lìa. Như vậy cho đến cũng không thấy trí Nhất thiết trí là thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, vắng lặng hoặc không vắng lặng, xa lìa hoặc không xa lìa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì tuy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng vị ấy không thấy có việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thấy có pháp có thể thấy việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thấy có sự không thấy như vậy. Tuy thực hành Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa nhưng không thấy có việc thực hành Tĩnh lự cho đến Bố thí ba-la-mật-đa, cũng lại không thấy có pháp có thể thấy việc thực hành Tĩnh lự cho đến Bố thí ba-la-mật-đa, cũng không thấy có việc không thấy như vậy. Như vậy cho đến tuy tu trí Nhất thiết trí nhưng không thấy có việc trí Nhất thiết trí, cũng lại không thấy có pháp có thể thấy việc tu trí Nhất thiết trí, cũng không thấy có việc không thấy như vậy, cũng lại không thấy có pháp nào có thể đoạn trừ sự tương tục của tất cả tập khí phiền não.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy sự sở đắc đối với tất cả các pháp làm phương tiện để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì ác ma rất buồn rầu phiền não nên oán hận, đau khổ như bị tên bắn vào tim. Giống như có người vì cha mẹ bị chết nên thân tâm đau đớn, ác mà cũng vậy.

Lúc đó, Thiện Hiện thưa:

–Chỉ có một ác ma thấy các Đại Bồ-tát lấy sự sở đắc đối với tất cả các pháp làm phương tiện để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà rất buồn rầu, bị phiền não, oán hận, đau khổ như bị tên bắn vào tim hay tất cả ác ma ở khắp thế giới ba lần ngàn cũng đều như vậy?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Tất cả ác ma ở khắp thế giới ba lần ngàn đều như vậy, đều không thể ngồi yên ổn ở tòa ngồi của mình.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường an trú vào việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vi diệu. Đại Bồ-tát nào có thể an trú như vậy thì thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc không thể tìm được chỗ yếu của họ, cũng không

thể làm não loạn chướng ngại họ.

Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn đạt được quả vị Giác ngộ cao tột thì phải siêng năng an trú vào việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vi diệu.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nào có thể an trú vào việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vi diệu thì có thể viên mãn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào có thể tu hành chánh pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa liền có thể tu đầy đủ viên mãn tất cả Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể tu hành chân chánh Bát-nhã ba-la-mật-đa liền có thể tu tập viên mãn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát nào tu hành đúng đắn Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí mà thực hành Bố thí, lại đem công đức Bố thí này cho các hữu tình rồi hồi hướng về trí Nhất thiết trí thì đó là Đại Bồ-tát có thể tu hành chân chánh Bát-nhã ba-la-mật-đa, tu hành viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát nào tu hành đúng đắn Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí để thực hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, lại đem công đức của việc giữ Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí thì đó là Đại Bồ-tát có thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu hành viên mãn Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Như vậy, Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể tu hành chân chánh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa liền có thể tu viên mãn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 459

Phẩm 67: Tương Nhiếp

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát an trú vào pháp Bố thí ba-la-mật-đa mà gồm cả Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tâm không tham đắm không keo kiệt để tu hạnh bố thí rồi đem phước bố thí này cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí; đối với các hữu tình, họ trụ ở thân, ngữ, ý nghiệp Từ bi, lìa bỏ các tội ác, thì này Thiện Hiện đó là Đại Bồ-tát an trú vào pháp Bố thí ba-la-mật-đa mà gồm cả Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tâm không tham đắm, keo kiệt để tu hạnh bố thí rồi đem phước bố thí này cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Nếu bị người thọ nhận sự bố thí đó và các hữu tình ác khác chửi mắng, làm hại, lăng nhục một cách phi lý, Bồ-tát này không thay đổi tâm, không giận hờn, không dùng thân miệng để làm hại báo thù mà chỉ sinh tâm Từ bi thương xót và dùng lời thân ái để tạ lỗi một cách hổ thẹn, từ tốn, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào pháp Bố thí ba-la-mật-đa mà gồm cả pháp An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tâm không tham đắm, keo kiệt để tu hành bố thí rồi đem phước bố thí này cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Giả sử bị người nhận sự bố thí đó và các hữu tình ác khác mắng chửi, làm hại, lăng nhục một cách phi lý, Bồ-tát này liền nghĩ rằng: Các hữu tình gây ra các loại nghiệp như vậy thì trở lại tự nhận lấy các loại quả báo như vậy, ta không nên chấp vào việc làm của họ mà phế bỏ việc tu tập của mình.” Vị ấy lại nghĩ tiếp: “đối với họ và các hữu

tình khác, ta nên tăng thêm tâm xả bỏ và tâm bố thí, không có hối tiếc.” Sau khi suy nghĩ, vị ấy phát sinh thân tâm tinh tấn càng dũng mãnh và làm việc bố thí nhiều hơn nữa. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào Bố thí ba-la-mật-đa mà gồm cả Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tâm không tham đắm, không keo kiệt để tu hạnh bố thí rồi đem phước bố thí này cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Đối với người nhận và các cảnh giới khác, họ giữ tâm không tán loạn, không cầu các dục lạc ở ba cõi, không cầu quả Nhị thừa, chỉ cầu quả Phật. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào Bố thí ba-la-mật-đa mà gồm cả Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tâm không tham lam keo kiệt tu hạnh bố thí, rồi đem phước bố thí này cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, họ quán thấy người nhận, người bố thí và vật được bố thí đều là huyễn sự, không thấy việc bố thí này có ích lợi hay tổn hại đối với các hữu tình và đạt được thắng nghĩa không của tất cả các pháp thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào Bố thí ba-la-mật-đa mà gồm cả Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát an trú vào Tịnh giới ba-la-mật-đa mà gồm cả việc Bố thí, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Này Thiện hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào Tịnh giới ba-la-mật-đa, tạo ba loại phước nghiệp nơi thân, miệng, ý. Nhờ phước nghiệp này họ lìa bỏ việc giết hại sinh mạng cho đến tà kiến, không cầu quả Thanh văn, Độc giác, chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Bấy giờ, Bồ-tát an trú vào tịnh giới, thực hành việc bố thí một cách rộng rãi tùy theo các hữu tình cần vật gì họ đều bố thí đầy đủ, lại đem căn lành bố thí này cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, không cầu quả Thanh văn, Độc giác. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tịnh giới ba-la-mật-đa mà gồm cả việc Bố thí ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào Tịnh giới ba-la-mật-đa, nếu các hữu tình đua nhau đến chặt cắt chân tay và thân thể của vị ấy mang đi nhưng Bồ-tát không sinh một niệm giận hờn đối với họ mà chỉ nghĩ rằng: “Nay ta đạt được lợi ích rộng lớn là xả bỏ thân hôi hám dơ bẩn mong manh

và được thân kim cang trong sạch của Phật.” Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tịnh giới ba-la-mật-đa gồm cả An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào Tịnh giới ba-la-mật-đa, thân tâm tinh tấn, không gián đoạn, mặc áo giáp đại Bi, phát nguyện rộng lớn: “Tất cả hữu tình chìm đắm, hung ác đáng sợ, khó thoát ra khỏi biển khổ sinh tử, ta phải vớt họ đặt vào cảnh giới bất tử. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tịnh giới ba-la-mật-đa gồm cả Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tịnh giới ba-la-mật-đa, tuy nhập vào bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc diệt tận định nhưng không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác, cũng không chứng thật tế. Nương theo năng lực bản nguyện họ nghĩ rằng: “Tất cả hữu tình chìm đắm, hung ác đáng sợ, khó ra khỏi biển khổ sinh tử, nay ta đã an trú ở phương tiện tịnh giới, làm phát sinh thiền định trong sạch, cần phải vớt họ đặt vào nơi bất tử.” Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào Tịnh giới ba-la-mật-đa gồm cả Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào Tịnh giới ba-la-mật-đa, không thấy có pháp nào là thiện hoặc ác, là hữu ký hoặc vô ký, là hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hữu vi hoặc vô vi, đọa hữu số hoặc đọa vô số, đọa hữu tướng hoặc đọa vô tướng, chỉ quán các pháp không lìa chân như nói rộng cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Chân như này cũng chẳng thể nắm bắt được. Do phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa này họ không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác mà chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào Tịnh giới ba-la-mật-đa gồm cả Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa gồm cả Bố thí, Tịnh giới, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa, trong khoảnh thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa ở tòa Bồ-đề vi diệu, trong khoảng thời gian đó giả sử có các loài hữu tình chửi mắng, làm hại lăng nhục một cách phi lý cho đến cắt chặt tay chân vị ấy đem đi. Khi ấy Bồ-tát này hoàn toàn không sân hận, chỉ nghĩ rằng: “Các hữu tình này thật đáng thương xót, bị bệnh quỷ phiền não quấy nhiễu thân tâm, không được tự tại, không nơi nương tựa không người giúp đỡ, bị

nghèo, khổ bức ép, ta phải bố thí cho họ đồ ăn uống, y phục và các loại của cải đồ đạc khác tùy theo ý thích và nhu cầu của họ để họ không còn thiếu thốn.” Vị ấy lại đem căn lành của việc bố thí này, lấy vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai ý nghĩ: “Ai hồi hướng và hồi hướng chỗ nào?” Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa gồm cả Bố thí ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa, trong khoảng thế gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa ở tòa Bồ-đề vi diệu, nếu vì lý do rất khẩn cấp để cứu mạng mình, vị ấy cũng quyết không làm tổn hại các hữu tình cho đến không phát sinh các tà kiến ác. Lúc tu tịnh giới, Bồ-tát này không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác, lại đem căn lành tịnh giới này, dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: “Ai hồi hướng và hồi hướng chỗ nào?” Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa gồm cả Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa phát sinh sự tinh tấn, dũng mãnh, tăng thượng, thường nghĩ rằng: “Nếu một hữu tình ở cách xa một do-tuần hoặc ở cách xa mười, hoặc một trăm cho đến vô lượng do-tuần, hoặc ở cách xa một thế giới, hoặc mười hoặc một trăm cho đến vô lượng thế giới mà có thể độ được thì ta sẽ đến đó tìm cách dạy họ thọ trì hoặc tám học xứ, hoặc năm giới, hoặc mười giới hoặc giới Cụ túc, hoặc làm cho an trú vào Tịnh quán, Chủng tánh thứ tám, quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, hoặc làm cho an trú vào các địa vị của Bồ-tát cho đến quả vị Giác ngộ cao tột còn không mệt nhọc huống gì là dạy vô lượng, vô số, vô biên hữu tình giúp họ đạt được lợi ích, an lạc mà ta lại mỏi mệt sao?” Vị ấy lại đem căn lành của sự tinh tấn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện để cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai ý nghĩ: “Ai hồi hướng và hồi hướng chỗ nào?” Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa gồm cả Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa, nhiếp tâm không loạn, lìa bỏ pháp dục, ác, bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc nhập Sơ thiền, nói rộng cho đến nhập vào Diệt thọ tưởng định. ở trong các định này, họ tập hợp tất cả tâm, tâm sở pháp và các căn lành được sinh ra, dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình và cùng nhau

hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa gồm cả Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa, trụ trong các pháp để lần lượt quán khắp các pháp, tuy dùng hành tướng xa lìa, hoặc hành tướng vắng lặng, hoặc hành tướng vô tận, hoặc hành tướng vĩnh diệt để quán tất cả các pháp nhưng có thể không chứng đắc đối với sự tịch tĩnh cho đến có thể ngồi tòa Bồ-đề vi diệu, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, từ tòa này khởi diệu dụng chuyển pháp luân vi diệu, làm lợi ích an lạc các hữu tình, lại đem căn lành và trí tuệ vi diệu này, dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?"

Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào An nhẫn ba-la-mật-đa gồm cả Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa gồm cả Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa, thân tâm tinh tấn, chưa từng lười biếng, cầu các pháp lành cũng không mệt mỏi, thường nghĩ rằng: "Chắc chắn ta sẽ đạt được trí Nhất thiết trí." Vì muốn làm lợi lạc tất cả hữu tình, Đại Bồ-tát này thường phát thệ nguyện: "Nếu có một hữu tình ở cách xa một do-tuần hoặc mười do-tuần, hoặc một trăm cho đến vô lượng do-tuần, hoặc cách một thế giới, hoặc mười hoặc một trăm cho đến vô lượng thế giới mà đáng được độ ta sẽ đến đó tìm cách dạy bảo giúp họ trụ vào Thanh văn thừa, hoặc trụ Độc giác thừa, hoặc trụ Vô thượng thừa hoặc thực hành mười nghiệp lành. Như vậy, ta đem tài sản và Phật pháp cho họ đầy đủ để tìm cách nhiếp phục họ." Vị ấy lại đem căn lành của việc bố thí này, lấy vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú vào Tinh tấn ba-la-mật-đa gồm cả Bố thí ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trụ Tinh tấn ba-la-mật-đa, trong thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi Bồ-đề vi diệu, vị ấy tự mình

lìa bỏ việc giết hại sinh mạng cũng khuyên răn mọi người lìa bỏ việc giết hại sinh mạng, tùy thuận ca ngợi việc lìa bỏ sự giết hại thân mạng hoan hỷ, tán thán người lìa bỏ việc giết hại thân mạng, như vậy cho đến tự mình lìa bỏ tà kiến, cũng khuyên răn người khác lìa bỏ tà kiến, tùy thuận, ca ngợi pháp lìa bỏ tà kiến, hoan hỷ, tán thán người lìa bỏ tà kiến. Lúc thực hành Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát ấy không cầu quả báo thuộc ba cõi và quả Nhị thừa, với phương tiện vô sở đắc vị ấy đem phước đức mà mình có cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa gồm cả Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú vào Tinh tấn ba-la-mật-đa, trong thế gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an trú ở tòa Bồ-đề vi diệu, bị các hàng người và phi nhân đua nhau đến não hại hoặc lại chặt, đâm, cắt chân tay tùy ý mang đi, lúc ấy Bồ-tát không nghĩ rằng: "Ai chặt đâm ta, ai cắt ta, ai đem đi", mà chỉ nghĩ: "Nay ta có được lợi ích lớn là để làm lợi ích cho ta các hữu tình kia đã đến chặt cắt các bộ phận của thân thể ta, nhưng chỉ vì các hữu tình mà ta đã nhận thân này vì vậy họ tự đến lấy vật của họ chính là làm thành tựu công việc của ta." Bồ-tát tư duy sâu sắc về thật tướng của các pháp để tu an nhẫn. Lúc thực hành An nhẫn ba-la-mật-đa này, vị ấy không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác mà chỉ dùng vô sở đắc làm phương tiện, đem phước đức cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng, vị ấy không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa gồm cả An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa, siêng năng tu tập các định là lìa pháp dục, ác, bất thiện, có tầm, có tứ, ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ thiền, nói rộng cho đến nhập vào tầng Thiền thứ tư, phát sinh ý tưởng ban vui cho các hữu tình, nhập vào Từ vô lượng nói rộng cho đến nhập vào Xả vô lượng, phát sinh ý nghĩ nhàm chán tướng thô của các sắc nên tác ý nhập vào định Không vô biên xứ nói rộng cho đến nhập vào định Diệt thọ tưởng. Tuy tu pháp tĩnh lự nhập vào các định Vô lượng, Vô sắc và Diệt thọ tưởng nhưng Đại Bồ-tát này không nhận lấy quả Dị thục của nó và chỉ sinh vào nơi có các hữu tình mà vị ấy có thể giáo hóa và làm lợi ích cho họ. Sau khi đã sinh vào nơi đó, vị ấy dùng nhiếp sự, để nhiếp hóa họ, tìm cách trấn an làm cho họ siêng năng tu học Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này dựa vào các tĩnh lự để làm phát sinh thần thông

thù thắng, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn và thưa hỏi tánh tướng của các pháp sâu xa, siêng năng tạo ra căn lành thù thắng. Với phương tiện vô sở đắc, vị ấy đem căn lành này cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng, không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa gồm cả Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa không thấy hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không thấy hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không thấy danh, sự, tánh, tướng của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không thấy danh, sự, tánh, tướng của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không thấy danh, sự, tánh, tướng của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không thấy danh, sự, tánh, tướng của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không thấy danh, sự, tánh, tướng của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không thấy danh, sự, tánh, tướng của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không thấy danh, sự, tánh, tướng của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không thấy danh, sự, tánh, tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không thấy danh, sự, tánh, tướng của năm loại mắt, sáu phép thần thông; không thấy danh, sự, tánh, tướng của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không thấy danh, sự, tánh, tướng của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không thấy danh, sự, tánh, tướng của pháp, không quên mất và tánh luôn luôn xả; không thấy danh, sự, tánh, tướng của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không thấy danh, sự, tánh, tướng của quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề không thấy danh, sự, tánh, tướng của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, không thấy danh, sự, tánh, tướng của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, không thấy danh, sự, tánh, tướng của trí Nhất thiết trí, như vậy cho đến không thấy danh sự, tánh tướng của tất cả các pháp, không phát sinh nhớ nghĩ đối với các pháp và không chấp trước, có thể làm đúng như lời nói. Vị ấy lại đem căn lành tích tụ được và dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình, rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa để thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa gồm cả Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, đem của cải và Phật pháp bố thí cho các hữu tình lìa pháp dục, ác, bất thiện, có tầm, có tứ, ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ thiền nói rộng cho đến nhập vào Tứ thiền, phát sinh ý nghĩ ban vui cho các hữu tình, nhập Từ vô lượng nói rộng cho đến nhập vào Xả vô lượng, sinh tâm nhàm chán đối với tướng thô của các sắc, nhập định Không vô biên xứ nói rộng cho đến nhập định Diệt thọ tưởng. Đại Bồ-tát này an trú vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, dùng tâm không tán loạn nói chánh pháp cho các hữu tình, thực hành việc bố thí của cải và Phật pháp. Đại Bồ-tát này thường tự thực hành việc bố thí của cải và Phật pháp, cũng thường khuyến khích người khác thực hành việc bố thí tài sản và Phật pháp thường tùy thuận ca ngợi pháp thực hành bố thí tài sản và Phật pháp, thường hoan hỷ tán thán người thực hành bố thí tài sản và Phật pháp. Với căn lành này, vị ấy không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác, chỉ dùng vô sở đắc làm phương tiện để cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Lúc hồi hướng, vị ấy không có hai ý nghĩ: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa gồm cả Bố thí ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, thọ trì tịnh giới, thường không phát sinh các loại tâm đi chung với tham, sân, si, hại, keo kiệt tật đố và tâm hủy phạm tịnh giới, chỉ thường phát sinh tác ý đi chung với trí Nhất thiết trí. Với căn lành tịnh giới này, họ không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác, chỉ lấy vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Lúc hồi hướng, vị ấy không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa gồm cả Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu hành an nhẫn, quán sắc như chùm bọt nước, quán thọ như bong bóng nước, quán tưởng như quáng nắng, quán hành như bẹ chuối, quán thức như huyễn hóa. Lúc quán như vậy, ý tưởng về năm thủ uẩn không chắc thật thường hiện ở trước mặt. Vị ấy lại nghĩ các pháp đều không chẳng phải là ta và vật của ta, ai có thể cắt chặt, ai bị cắt chặt, ai có thể chửi mắng, ai bị chửi mắng, ai ở trong pháp không mà phát sinh sân hận, sắc là sắc của ai, thọ là thọ của ai, tưởng là tưởng của ai, hành là hành của ai, thức là thức của

ai. Bồ-tát này an trú vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, quán sát kỹ các pháp thì có thể đầy đủ an nhẫn. Vị ấy lại đem căn lành đã tích tụ này, lấy vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng vị ấy không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa gồm cả An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, siêng năng tinh tấn lìa bỏ pháp dục, ác, bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ thiền và hoàn toàn an trụ trong đó, tịch tĩnh tầm tứ, bên trong hoàn toàn thanh tịnh hướng đến nhất tâm không tầm không tứ, định sinh hỷ lạc nhập vào tầng Thiền thứ hai và hoàn toàn an trụ trong đó, lìa hỷ trụ vào xả, chánh niệm tỉnh giác, toàn thân cảm thọ Thánh lạc, ở trong đó có thể nói có thể xả, đầy đủ niệm diệu lạc và an trú hoàn toàn trong tầng Thiền thứ ba, dứt vui, dứt khổ, vui buồn trước đây đều lặng mất, không còn khổ vui, xả niệm thanh tịnh an trú hoàn toàn vào tầng Thiền thứ tư. Như vậy Bồ-tát này, tu tất cả các loại định giải thoát đẳng trì, đẳng chí và không nắm giữ tướng của nó khi ở trong định, phát sinh các loại Thần cảnh trí thông (Thần túc thông), có thể làm vô số các việc đại thần biến, hoặc lại phát sinh Thiên nhĩ trí thông, siêu phàm thanh tịnh rõ ràng hơn hẳn trời, người, có thể nghe đúng như thật các loại âm thanh của các loài hữu tình phi tình ở mười phương thế giới, hoặc lại phát sinh Tha tâm trí thông có thể biết như thật tâm và tâm sở pháp của các hữu tình ở mười phương thế giới, hoặc lại phát sinh Túc trụ trí thông, có thể biết như thật về các việc đời trước của những hữu tình ở mười phương thế giới, hoặc lại phát sinh Thiên nhãn trí thông, sáng suốt, trong sạch hơn mắt của trời, người, có thể thấy biết như thật về hình sắc và nghiệp quả của các loài hữu tình ở mười phương thế giới. Đại Bồ-tát này an trú vào năm Thần thông thù thắng này đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa của pháp, trồng vô số căn lành vi diệu, làm đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, siêng năng tu các thắng hạnh của Bồ-tát. Với căn lành này, vị ấy không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác, chỉ dùng vô sở đắc làm phương tiện, cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa gồm cả Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, quán sắc,

thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được; quán nhãn xứ cho đến ý xứ chẳng thể nắm bắt được; quán sắc xứ cho đến pháp xứ chẳng thể nắm bắt được; quán nhãn giới cho đến ý giới chẳng thể nắm bắt được; quán sắc giới cho đến pháp giới chẳng thể nắm bắt được, quán nhãn thức giới cho đến ý thức giới chẳng thể nắm bắt được; quán nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng thể nắm bắt được; quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được; quán địa giới cho đến thức giới chẳng thể nắm bắt được; quán nhân duyên cho đến tăng thượng duyên chẳng thể nắm bắt được; quán vô minh cho đến lão tử chẳng thể nắm bắt được; quán Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được; quán pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được; quán chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng thể nắm bắt được; quán Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chẳng thể nắm bắt được; quán bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được; quán bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được; quán tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ chẳng thể nắm bắt được; quán pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được; quán bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai chẳng thể nắm bắt được; quán bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân chẳng thể nắm bắt được; quán tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thể nắm bắt được; quán năm loại mắt, sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được; quán mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thể nắm bắt được; quán ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ chẳng thể nắm bắt được; quán pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả chẳng thể nắm bắt được; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được; quán quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề chẳng thể nắm bắt được; quán tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được; quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được; quán trí Nhất thiết trí chẳng thể nắm bắt được; quán cảnh giới hữu vi chẳng thể nắm bắt được; quán cảnh giới vô vi chẳng thể nắm bắt được; do Đại Bồ-tát này quán tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được nên không làm, do không làm nên không tạo dựng, do không tạo dựng nên không sinh, do không sinh nên không diệt, do không diệt nên không chấp giữ, do không chấp giữ nên hoàn toàn thanh tịnh thường trụ không thay đổi. Vì sao vậy? Bởi vì Phật xuất thế hay không xuất thế thì tất cả các pháp đều an trú vào pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, không sinh, không diệt, thường không biến đổi. Đại Bồ-tát này tâm thường

không loạn động, thường an trú vào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, quán sát như thật thấy tánh các pháp đều không sở hữu. Vị ấy lại đem căn lành tích tụ được, dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng, không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa gồm cả Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát an trú vào Bát-nhã ba-la-mật-đa gồm cả Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán tất cả các pháp là không và không sở hữu.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán tất cả các pháp là không, không sở hữu?

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa quán thấy pháp không bên trong và tánh pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài và tánh của pháp không bên ngoài chẳng thể nắm bắt được; pháp không cả trong ngoài và tánh pháp không cả trong ngoài chẳng thể nắm bắt được; pháp không không và tánh pháp không không chẳng thể nắm bắt được; pháp không lớn và tánh pháp không lớn chẳng thể nắm bắt được; pháp không thắng nghĩa và tánh pháp không thắng nghĩa chẳng thể nắm bắt được; pháp không hữu vi và tánh pháp không hữu vi chẳng thể nắm bắt được; pháp không vô vi và tánh pháp không vô vi chẳng thể nắm bắt được pháp không rốt ráo và tánh pháp không rốt ráo chẳng thể nắm bắt được; pháp không không biên giới và tánh pháp không không biên giới chẳng thể nắm bắt được; pháp không tản mạn chẳng đổi khác và tánh pháp không tản mạn chẳng đổi khác chẳng thể nắm bắt được; pháp không bản tánh và tánh pháp không bản tánh chẳng thể nắm bắt được; pháp không tự tướng cộng tướng và tánh pháp không tự tướng cộng tướng chẳng thể nắm bắt được; pháp không nơi tất cả pháp và tánh pháp không nơi tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát nay an trú vào mười bốn pháp không như vậy không chấp nhận: sắc là không hoặc chẳng không; không chấp nhận thọ, tưởng, hành, thức là không hoặc chẳng không; không chấp nhận nhãn xứ cho đến ý xứ là không hoặc chẳng không; không chấp nhận sắc xứ cho đến pháp xứ là không hoặc chẳng không; không chấp nhận nhãn giới cho đến ý giới là không hoặc chẳng không; không chấp nhận sắc

giới cho đến pháp giới là không hoặc chẳng không; không chấp nhận nhãn thức giới cho đến ý thức giới là không hoặc chẳng không; không chấp nhận nhãn xúc cho đến ý xúc là không hoặc chẳng không; không chấp nhận các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không hoặc chẳng không; không chấp nhận địa giới cho đến thức giới là không hoặc chẳng không; không chấp nhận nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là không hoặc chẳng không; không chấp nhận vô minh cho đến lão tử là không hoặc chẳng không; không chấp nhận Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không hoặc chẳng không; không chấp nhận pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là không hoặc chẳng không; không chấp nhận chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không hoặc chẳng không; không chấp nhận Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là không hoặc chẳng không; không chấp nhận bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là không hoặc chẳng không; không chấp nhận bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không hoặc chẳng không; không chấp nhận tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ là không hoặc chẳng không; không chấp nhận pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là không hoặc chẳng không; không chấp nhận bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là không hoặc chẳng không; không chấp nhận bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là không hoặc chẳng không; không chấp nhận tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không hoặc chẳng không; không chấp nhận năm loại mắt, sáu phép thần thông là không hoặc chẳng không; không chấp nhận mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không hoặc chẳng không; không chấp nhận ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ là không hoặc chẳng không; không chấp nhận pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không hoặc chẳng không; không chấp nhận trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không hoặc chẳng không; không chấp nhận quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề là không hoặc chẳng không; không chấp nhận tất cả các hạnh của bậc Đại Bồ-tát là không hoặc chẳng không; không chấp nhận quả vị Giác ngộ cao tột của Phật là không hoặc chẳng không; không chấp nhận cảnh giới hữu vi là không hoặc chẳng không; không chấp nhận cảnh giới vô vi là không hoặc chẳng không. Đại Bồ-tát này an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán tất cả đồ ăn, uống và các vật dụng khác mà mình đã bố thí cho các hữu tình đều là không, quán người thí, người nhận, vật thí và phước đức của việc bố thí đều là không. Lúc ấy, nhờ Bồ-tát an trú trong phép quán không nên tâm tham đắm, keo kiệt không có cơ hội phát sinh. Vì sao vậy?

Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa trên tòa Bồ-đề vi diệu thì sự phân biệt này đều không thể phát sinh, giống như các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không bao giờ phát sinh tâm tham lam và keo kiệt, Đại Bồ-tát này cũng như vậy, nhờ thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên tâm tham lam keo kiệt không bao giờ phát sinh. Nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa là thầy của các vị Đại Bồ-tát, có thể giúp cho các Đại Bồ-tát không phát sinh vọng tưởng phân biệt, không đắm nhiễm vào việc làm bố thí, Đại Bồ-tát này đem căn lành đó, dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa gồm cả Bố thí ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, thọ trì tịnh giới thì tất cả tâm cầu Thanh văn, Độc giác không bao giờ phát sinh được. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này quán địa vị của các Thanh văn, Độc giác đều chẳng thể nắm bắt được; tâm hồi hướng kia cũng chẳng thể nắm bắt được; luật nghi nơi thân, miệng để hồi hướng địa vị ấy cũng chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát này an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong khoảng thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu lìa bỏ việc giết hại sinh mạng, cũng khuyên răn người khác lìa bỏ việc giết hại sinh mạng, tùy thuận ca ngợi pháp lìa bỏ việc giết hại sinh mạng, hoan hỷ ngợi khen người lìa bỏ việc giết hại sinh mạng, như vậy cho đến tự lìa bỏ tà kiến cũng khuyên răn người khác lìa bỏ tà kiến, tùy thuận ca ngợi pháp lìa bỏ tà kiến hoan hỷ ngợi khen người lìa bỏ tà kiến. Với căn lành nhờ tịnh giới này sinh ra, Đại Bồ-tát này không cầu quả báo ở trong ba cõi và pháp Nhị thừa, mà chỉ dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai ý nghĩ là ai hồi hướng và hồi hướng cho ai.

Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa gồm cả Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa phát sinh tâm nhẫn nhục tùy thuận. Sau khi đạt được sự nhẫn nhục này họ thường nghĩ rằng: "Trong tất cả các pháp không có một pháp nào là phát sinh hoặc tiêu diệt, hoặc sinh, hoặc già, hoặc bệnh, hoặc chết, hoặc người chửi mắng, hoặc người bị chửi, hoặc người hủy báng, hoặc người bị hủy báng, hoặc người cắt, chặt, đâm, đánh, trói, não hại, hoặc người bị cắt, chặt, đâm, đánh, trói,

não hại, tánh tướng của tất cả các pháp như vậy đều không, không nên ở trong pháp không mà sinh vọng tưởng phân biệt.” Do Đại Bồ-tát này đạt được sự nhẫn nhục ấy nên trong khoảng thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, giả sử tất cả hữu tình đều đến chửi mắng, phỉ báng, lăng nhục, dùng các loại dao gậy, gạch ngói, đá để làm hại, đánh đập cắt chặt đâm chém cho đến mổ xẻ các bộ phận trong thân thể thì lúc ấy tâm Bồ-tát cũng không biến đổi. Vị ấy chỉ nghĩ rằng: “Thật là kỳ lạ, trong các pháp tánh hoàn toàn không có việc chửi mắng, phỉ báng, lăng nhục, làm hại nhưng các hữu tình vọng tưởng phân biệt chấp là thật có nên phát sinh đủ loại nghiệp ác phiền não, phải chịu các nỗi khổ kịch liệt trong hiện tại và vị lai.” Đại Bồ-tát ấy đem căn lành này dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: “Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?” Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa gồm cả An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói chánh pháp cho các hữu tình giúp họ trụ vào Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, giúp họ trú vào bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoặc giúp họ chứng đắc quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, hoặc giúp họ chứng đắc Độc giác Bồ-đề, hoặc giúp chứng đắc trí Nhất thiết trí. Tuy làm việc đó nhưng Đại Bồ-tát này không trụ ở cảnh giới hữu vi, không trụ ở cảnh giới vô vi, lại đem căn lành đã tích tụ được, dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: “Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?” Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa gồm cả Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, trừ đẳng trì của Phật còn tất cả các đẳng trì của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát vị ấy đều có thể tùy ý ra vào một cách tự tại. Đại Bồ-tát này an trú vào đẳng trì tự tại của Bồ-tát có thể tự do ra vào thuận nghịch đối với tám Giải thoát. Những gì là tám? Một là tự có sắc, quán sát các sắc giải thoát. Hai là bên trong không có sắc, quán tưởng các sắc bên ngoài giải thoát. Ba là hiểu rõ sự thanh tịnh của thân tác chứng giải thoát. Bốn là vượt qua tất cả tưởng về sắc, diệt trừ tất cả tưởng hữu đối, không tư duy về các loại tưởng, nhập vào vô biên không, Không vô biên xứ giải thoát. Năm là vượt qua tất cả Không vô biên xứ nhập vào vô biên thức, Thức vô biên xứ giải thoát. Sáu là vượt

qua tất cả Thức vô biên xứ nhập vào vô sở hữu, Vô sở hữu xứ giải thoát. Bảy là vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ nhập vào phi hữu tưởng phi vô tưởng, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát. Tám là vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập vào diệt tưởng thọ định, Diệt tưởng thọ giải thoát.

Đại Bồ-tát này lại có thể tự tại vào ra theo chiều thuận nghịch đối với chín Định thứ đệ. Những gì là chín? Đó là bốn Tĩnh lự, bốn Định vô sắc và Diệt tưởng thọ định. Sau khi đã hoàn toàn thành thục trong việc ra vào thuận nghịch đối với tám Giải thoát và chín Định thứ đệ, Đại Bồ-tát này có thể nhập vào định Sư tử phấn tấn. Thế nào là định Sư tử phấn tấn? Thiện Hiện, đó là Bồ-tát lìa pháp dục, ác, bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ thiền lần lượt cho đến vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập vào định Diệt tưởng thọ, lại từ định Diệt tưởng thọ nhập trở lại định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, lần lượt cho đến nhập vào Sơ thiền. Đó là định Sư tử phấn tấn. Thiện Hiện, sau khi đã hoàn toàn thành thục đối với định Sư tử phấn tấn này. Đại Bồ-tát lại nhập vào định siêu việt của Bồ-tát. Thế nào là định siêu việt của Bồ-tát? Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát lìa pháp dâm dục, bất thiện có tầm có tứ, sinh hỷ lạc nhờ xả ly nhập vào Sơ thiền, từ Sơ thiền lần lượt cho đến nhập vào định Diệt tưởng thọ, từ định Diệt tưởng thọ nhập trở lại Sơ thiền, từ Sơ thiền nhập vào định Diệt tưởng thọ; từ định Diệt tưởng thọ nhập trở vào Nhị thiền từ Nhị thiền nhập vào định Diệt tưởng thọ; từ định Diệt tưởng thọ nhập trở vào Tam thiền, từ Tam thiền nhập vào định Diệt tưởng thọ; từ định Diệt tưởng thọ nhập trở vào Tứ thiền, từ Tứ thiền nhập vào định Diệt tưởng thọ; từ định Diệt tưởng thọ nhập trở vào định Không vô biên xứ, từ định Không vô biên xứ nhập vào định Diệt tưởng thọ; từ định Diệt tưởng thọ nhập trở vào định Thức vô biên xứ, từ định Thức vô biên xứ nhập vào định Diệt tưởng thọ; từ định Diệt tưởng thọ nhập trở vào định Vô sở hữu xứ, từ định Vô sở hữu xứ nhập vào định Diệt tưởng thọ; từ định Diệt tưởng thọ nhập trở vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ định Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập vào định Diệt tưởng thọ; từ định Diệt tưởng thọ nhập trở vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ định Phi tưởng phi phi tưởng xứ rơi vào tâm bất định; từ tâm bất định nhập trở lại diệt tưởng thọ định, từ định Diệt tưởng thọ trụ vào tâm bất định; từ tâm bất định nhập vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ định Phi tưởng phi phi tưởng xứ trụ vào tâm bất định; từ tâm bất định nhập vào định Vô sở hữu xứ, từ định Vô sở hữu xứ trụ vào tâm bất định; từ tâm bất định nhập vào định Thức vô biên xứ, từ định Thức vô biên xứ trụ vào tâm bất định;

từ tâm bất định nhập vào định Không vô biên xứ, từ định Không vô biên xứ nhập vào tâm bất định; từ tâm bất định nhập vào Tứ thiền, từ Tứ thiền trụ vào tâm bất định; từ tâm bất định nhập vào Tam thiền, từ Tam thiền trụ vào tâm bất định; từ tâm bất định nhập vào Nhị thiền, từ Nhị thiền nhập vào tâm bất định; từ tâm bất định trụ vào Sơ thiền, từ Sơ thiền trụ vào tâm bất định. Đó là định siêu việt của Bồ-tát. Đại Bồ-tát nào an trú vào định siêu việt này thì chứng đắc thật tánh bình đẳng của tất cả các pháp, vị ấy lại đem căn lành tích tụ được dùng vô sở đắc làm phương tiện cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí, lúc hồi hướng không có hai ý nghĩ: "Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?" Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa gồm cả Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 460

Phẩm 68: Xảo tiện (1)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát thành tựu năng lực phương tiện thiện xảo như vậy thì đã phát Bồ-đề tâm trải qua thời gian bao lâu?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát này đã phát Bồ-đề tâm trải qua vô số trăm ngàn, trăm ức, muôn ức kiếp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào thành tựu năng lực phương tiện thiện xảo như vậy thì đã từng thân cận cúng dường bao nhiêu Đức Phật?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát này đã từng thân cận cúng dường hằng hà sa số chư Phật.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát thành tựu năng lực phương tiện thiện xảo như vậy thì đã trồng những căn lành thù thắng nào?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Từ khi Đại Bồ-tát này phát Bồ-đề tâm đến nay, không có căn lành nào do Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tạo ra mà vị ấy không siêng năng tu học cho viên mãn. Nhờ vậy, vị ấy đã thành tựu năng lực phương tiện khéo léo này.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào thuần thục năng lực phương tiện thiện xảo như vậy thì thật là hiếm có phải không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Đại Bồ-tát này thật là hiếm có! Thiện Hiện nên biết, như mặt trời, mặt trăng quay quanh

và chiếu khắp bốn đại châu thế giới làm các sự nghiệp, tất cả các loài hữu tình và phi tình ở trong đó nương theo năng lực chuyển hóa của ánh sáng ấy mà thành tựu mọi việc của mình; cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật-đa chiếu soi khắp năm pháp Ba-la-mật-đa làm các sự nghiệp, năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... nương theo năng lực chuyển hiện của Bát-nhã ba-la-mật-đa mà đều thành tựu mọi việc của mình.

Thiện Hiện nên biết, như Chuyển luân vương nếu không có bảy báu thì không gọi là Chuyển luân vương, phải có bảy báu mới gọi là Luân vương, năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... cũng lại như vậy, nếu lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không được gọi là Ba-la-mật-đa, không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa mới được gọi là Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, giống như người nữ xinh đẹp, giàu có nếu không được người chồng mạnh khoẻ bảo vệ thì sẽ bị kẻ ác lăng nhục còn nếu được người chồng khoẻ mạnh bảo vệ thì không bị kẻ ác lăng nhục. Năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí cũng lại như vậy, nếu không được năng lực của Bát-nhã ba-la-mật-đa bảo vệ thì dễ bị Thiên ma và quyến thuộc của chúng ngăn cản phá hoại, nếu có năng lực Bát-nhã ba-la-mật-đa bảo vệ thì tất cả Thiên ma và quyến thuộc của chúng không thể ngăn cản phá hoại.

Thiện Hiện nên biết, giống như tướng quân mạnh thông thạo binh pháp khéo trang bị các loại áo giáp và vũ khí bền chắc, nên quân địch ở nước lân cận không thể làm hại. Năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... cũng lại như vậy, nhờ không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa nên Thiên ma và quyến thuộc của chúng, những người tăng thượng mạn cho đến Bồ-tát, Chiên-đà-la… đều không thể phá hoại.

Thiện Hiện nên biết, như các vua nhỏ ở châu Thiệm-bộ tùy thời mà triều cống phục dịch Chuyển luân thánh vương và nương theo Luân vương ấy để đến nơi tốt đẹp. Cũng lại như vậy, năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... theo hỗ trợ Bát-nhã ba-la-mật-đa và nhờ năng lực Bát-nhã ba-la-mật-đa dẫn dắt mà chúng mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện nên biết, như các dòng sông ở phía Đông châu Thiệm-bộ đều chảy vào sông lớn Căng-già và theo sông Căng-già chảy vào biển lớn, cũng như vậy, năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... đều được Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dẫn dắt mới có thể đạt được trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện nên biết, như tay phải của người có thể làm mọi việc, cũng vậy Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể tạo ra tất cả pháp lành thù thắng.

Thiện Hiện nên biết, như tay trái của người làm việc không được tiện lợi, cũng vậy, năm pháp Ba-la-mật-đa trước không thể làm phát sinh các pháp lành thù thắng.

Thiện Hiện nên biết, giống như các dòng sông dù lớn hay nhỏ hễ chảy vào biển thì đều có vị mặn; cũng vậy năm pháp Ba-la-mật-đa trước phải nhập vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mới có thể đến bờ kia.

Thiện Hiện nên biết, giống như Chuyển luân vương muốn đến chỗ nào thì có bốn đạo quân đi theo sau và bánh xe báu đi trước, vua và bốn loại quân muốn ăn uống thì bánh xe báu liền dừng. Sau khi đã ăn uống, vua muốn đi, bánh xe liền đi trước. Bánh xe ấy đi hay dừng là tùy theo ý muốn của vua. Khi đã đến nơi thì nó không còn đi trước nữa. Cũng như vậy, năm pháp Ba-la-mật-đa và các pháp lành muốn đến quả vị Giác ngộ cao tột thì phải nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa đi trước dẫn đường cùng tiến và dừng, không được rời bỏ nhau, nếu đến quả vị Giác ngộ cao tột thì Bát-nhã ba-la-mật-đa không còn đi trước nữa.

Thiện Hiện nên biết, giống như Chuyển luân vương muốn đến nơi nào thì có bốn loại quân, bảy báu đi theo ở phía trước và sau. Bấy giờ tuy bánh xe báu đi đầu nhưng nó không phân biệt tướng trước sau. Cũng vậy năm pháp Ba-la-mật-đa trước và các pháp lành muốn đến quả vị Giác ngộ cao tột phải nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa đi trước dẫn đường, nhưng Bát-nhã ba-la-mật-đa này không nghĩ rằng: "Ta đi đầu dẫn đường cho năm pháp Ba-la-mật-đa trước, chúng đều đi theo ta." Năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... không nghĩ rằng: "Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa ở trước chúng ta và chúng ta theo pháp ấy." Vì sao vậy? Vì tự tánh của sáu pháp Ba-la-mật-đa này và tất cả pháp đều tinh mật, không gì có thể tạo ra, không có chủ tể hư vọng không thật, trống rỗng, không sở hữu, tướng không tự tại, giống như sóng nắng, như bóng trong gương, như ảnh, như trăng dưới nước, như việc huyễn, như giấc mộng... ở trong đó không có phân biệt và tác dụng của tự thể chân thật.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tự tánh của tất cả các pháp đều không, không có tướng và dụng chân thật thì vì sao các Đại Bồ-tát tu hạnh Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cầu chứng quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa này, các Đại Bồ-tát thường nghĩ rằng: "Các hữu tình ở thế gian tâm thường điên đảo, chìm đắm trong sinh tử không thể tự thoát, nếu ta không tu hạnh thù thắng, thiện xảo thì không thể cứu vớt họ ra khỏi nỗi khổ sinh tử. Nay ta phải vì các loài hữu tình mà siêng tu hạnh thù thắng khéo léo là Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, hướng đến việc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột giải thoát các hữu tình ra khỏi biển lớn sinh tử. Sau khi nghĩ như vậy, Đại Bồ-tát này bố thí tất cả các vật ở trong lẫn ngoài cho các hữu tình. Sau khi đã bố thí vị ấy lại nghĩ: đối với bên trong lẫn bên ngoài ta đều không có bố thí gì cả. Vì sao vậy? Các vật ở trong ngoài này đều không có tự tánh, không thể xả thí, chẳng phải chỉ thuộc về ta." Do quán sát như vậy, Đại Bồ-tát này tu hành Bố thí ba-la-mật-đa sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Vì muốn giải thoát các hữu tình ra khỏi biển khổ sinh tử, Đại Bồ-tát này trọn không phạm giới. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này thường nghĩ rằng: "Vì muốn giải thoát tất cả hữu tình ra khỏi nỗi khổ sinh tử, cầu đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột, ta quyết định không nên giết hại sinh mạng cho đến tà kiến, cũng quyết định không nên cầu cảnh dục vi diệu, cầu sự giàu có vui vẻ của cõi trời, cầu làm Đế Thích, Ma vương, Phạm vương, cũng nhất định không nên cầu làm Thanh văn, Độc giác mà chỉ tự giải thoát." Nhờ quán sát như vậy nên Đại Bồ-tát này tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa mau được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Vì muốn cứu các hữu tình thoát khỏi nỗi khổ sinh tử, Đại Bồ-tát này không bao giờ phát sinh tâm sân hận. Giả sử thường bị hủy báng lăng nhục, quở mắng chua cay đau đớn thấu tim, tủy vị mà cũng không bao giờ phát sinh một niệm sân hận; giả sử thường bị các vật như dao gậy, ngói, đá, đất cục... đánh đập thân thể cắt, chặt, đâm chém mổ xẻ các bộ phận vị ấy cũng không phát sinh một tâm niệm ác. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này quán tất cả âm thanh như tiếng vang, sắc như chùm bọt nước, không nên vọng khởi sân hận đối với chúng làm hư hoại các phẩm chất tốt. Nhờ quán sát như vậy, Đại Bồ-tát này tu hạnh An nhẫn ba-la-mật-đa sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Vì muốn giải thoát nỗi khổ sinh tử cho các hữu tình, Đại Bồ-tát này siêng năng cầu tất cả các pháp lành thù thắng. Trong thời gian từ lúc phát tâm cho đến khi đạt quả vị Giác ngộ cao tột vị ấy thường không biếng nhác.

Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này thường suy nghĩ rằng: "Nếu ta giải đãi thì không thể cứu vớt tất cả hữu tình giúp họ vĩnh viễn lìa khỏi nỗi khổ lớn sinh tử, cũng không thể đạt được trí Nhất thiết trí." Do quán sát như vậy, Đại Bồ-tát này tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Vì muốn cứu các hữu tình thoát khỏi khổ sinh tử, Đại Bồ-tát này tu các định thù thắng cho đến khi đạt được quả vị Giác ngộ cao tột vị ấy không bao giờ phát sinh tâm loạn tưởng tương ưng với tham, sân, si. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này thường nghĩ rằng: "Nếu ta phát sinh tâm loạn tưởng tương ưng với tham, sân, si... thì không thể thuần thục việc lợi lạc người khác, cũng không thể chứng Phật quả mà ta mong cầu." Do quán sát như vậy, Đại Bồ-tát này tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa sớm được viên mãn và mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Để cứu hữu tình thoát khỏi khổ sinh tử, Đại Bồ-tát này không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến khi đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, vị ấy luôn siêng năng tu học trí tuệ thù thắng vi diệu của thế gian và xuất thế gian. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này thường nghĩ rằng: "Nếu lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa thì ta không thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, cũng không thể đạt được trí Nhất thiết trí." Do quán sát như vậy, Đại Bồ-tát này tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa mau được viên mãn và mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, vì lý do đó, tuy tất cả các pháp không có tướng dụng chân thật tự tánh đều rỗng không nhưng các Đại Bồ-tát siêng năng tu sáu pháp Ba-la-mật-đa không biếng nhác giải đãi để cầu chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp Ba-la-mật-đa có tánh không sai khác đều là chỗ Bát-nhã ba-la-mật-đa dung nhiếp, đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu tập được thành tựu, lẽ ra nên hợp thành một Ba-la-mật-đa là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao lại có thể nói đối với năm pháp Ba-la-mật-đa thì Bát-nhã ba-la-mật-đa là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là không gì trên, là không gì bằng, là không gì sánh bằng?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Sáu pháp Ba-la-mật-đa này có tánh không sai khác, đều được Bát-nhã ba-la-mật-đa nắm giữ nếu không có Bát-nhã ba-la-mật-đa thì năm pháp Ba-la-mật-đa

như Bố thí... không được gọi là Ba-la-mật-đa, phải nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa năm pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... mới được gọi là Ba-la-mật-đa. Vì vậy năm pháp Ba-la-mật-đa trước thuộc vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, do đó chỉ có một Ba-la-mật-đa được gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cho nên tất cả Ba-la-mật-đa có tánh không sai khác.

Thiện Hiện nên biết, như loài hữu tình tuy có các loại sắc thân khác nhau nhưng nếu có loài nào ở gần núi Tu-di thì đều có cùng một màu sắc, cũng vậy năm pháp Ba-la-mật-đa tuy có các phẩm loại khác nhau nhưng đều thuộc vào Bát-nhã ba-la-mật-đa nắm giữ, đều dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu thành tựu, đều nhập vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể bày ra danh tánh riêng khác.

Lại nữa, các Ba-la-mật-đa như Bố thí... nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mới được nhập vào trí Nhất thiết trí, mới được gọi là đến bờ bên kia. Do đó sáu pháp Ba-la-mật-đa đều đồng một vị, tánh không sai khác, không thể bày ra đây là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Sáu pháp Ba-la-mật-đa này đều cùng hướng đến trí Nhất thiết trí, đều đến bờ kia, tánh không sai khác. Vì lý do này sáu pháp như Bố thí... không thể bày ra là có danh, tánh khác nhau.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu theo thật nghĩa thì Ba-la-mật-đa và tất cả các pháp đều không có đây kia, hơn kém khác nhau, vì sao lại nói đối với năm pháp Ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là không gì trên, là không gì bằng, là không gì sánh bằng?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Nếu theo thật nghĩa thì Ba-la-mật-đa và tất cả các pháp đều không có đây kia, hơn kém khác nhau, chỉ y theo thế tục mà nói có tác dụng, nói có đây kia hơn kém khác nhau, bày ra Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là vì muốn độ thoát các loài hữu tình ra khỏi tác dụng thế tục và sinh, già, bệnh, chết, nhưng sinh, già, bệnh, chết của hữu tình đều chẳng thật có, chỉ là giả tạo. Vì sao vậy? Do hữu tình là không, nên biết các pháp cũng không sở hữu. Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thông đạt tất cả các pháp đều không sở hữu, có thể vớt hữu tình ra khỏi tác dụng thế tục và sinh, già, bệnh, chết. Do vậy nên nói: "Đối với năm pháp Ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa là

hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là không gì trên, là không gì bằng, là không gì sánh bằng."

Thiện Hiện nên biết, giống như so với phái nữ của loài người, nữ báu của vua Chuyển luân vương là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là không gì trên, là không gì bằng, là không gì sánh bằng; cũng vậy, đối với Bố thí ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là không gì trên, là không gì bằng, là không gì sánh bằng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài thường ca ngợi Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa so với các Ba-la-mật-đa là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là ở trên, là không gì trên, là không gì bằng, là không gì sánh bằng?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, do Bát-nhã ba-la-mật-đa này dùng vô sở đắc làm phương tiện, có thể nắm giữ tất cả pháp lành hòa hợp nhập vào trí Nhất thiết trí, an trú bất động nên ta thường ca ngợi Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa có nắm giữ, có xả bỏ đối với các thiện pháp không?

Phật nói:

–Không, Bát-nhã ba-la-mật-đa không có nắm giữ, hoặc xả bỏ đối với các pháp. Vì sao vậy? Vì tất cả các pháp đều không thể nắm giữ và không thể xả bỏ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nắm giữ, không xả bỏ đối với những pháp gì?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa không nắm giữ, không xả bỏ đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không nắm giữ, không xả bỏ đối với nhãn xứ cho đến ý xứ; không nắm giữ, không xả bỏ đối với sắc xứ cho đến pháp xứ; không nắm giữ, không xả bỏ đối với nhãn giới cho đến ý giới; không nắm giữ, không xả bỏ đối với sắc giới cho đến pháp giới; không nắm giữ, không xả bỏ đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không nắm

giữ, không xả bỏ đối với nhãn xúc cho đến ý xúc; không nắm giữ, không xả bỏ đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không nắm giữ, không xả bỏ đối với địa giới cho đến thức giới; không nắm giữ, không xả bỏ đối với nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không nắm giữ, không xả bỏ đối với vô minh cho đến lão tử; không nắm giữ, không xả bỏ đối với Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nắm giữ, không xả bỏ đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không nắm giữ, không xả bỏ đối với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không nắm giữ, không xả bỏ đối với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không nắm giữ, không xả bỏ đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không nắm giữ, không xả bỏ đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không nắm giữ, không xả bỏ đối với tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không nắm giữ, không xả bỏ đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không nắm giữ, không xả bỏ đối với bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không nắm giữ, không xả bỏ đối với bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không nắm giữ, không xả bỏ đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không nắm giữ, không xả bỏ đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông; không nắm giữ, không xả bỏ đối với mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không nắm giữ, không xả bỏ đối với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không nắm giữ, không xả bỏ đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không nắm giữ, không xả bỏ đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không nắm giữ, không xả bỏ đối với quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không nắm giữ, không xả bỏ đối với tất cả các hạnh của Bồ-tát; không nắm giữ, không xả bỏ đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; không nắm giữ, không xả bỏ đối với trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Bát-nhã ba-la-mật-đa không nắm giữ, không xả bỏ đối với sắc cho đến không nắm giữ, không xả bỏ đối với trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không tư duy về sắc cho nên không nắm giữ, không xả bỏ đối với sắc cho đến không tư duy về trí Nhất thiết trí nên không nắm giữ, không xả bỏ đối với trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Bát-nhã ba-la-mật-đa không tư duy về sắc cho đến không tư duy về trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, do Bát-nhã ba-la-mật-đa này không tư duy tất cả tướng của sắc cũng không tư duy tất cả sở duyên của sắc cho nên không tư duy về sắc cho đến không tư duy về tất cả tướng của trí Nhất thiết trí, không tư duy về tất cả sở duyên của trí Nhất thiết trí cho nên không tư duy về trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không tư duy về sắc cho đến không tư duy về trí Nhất thiết trí thì làm sao để phát triển các căn lành đã trồng; nếu không làm phát triển các căn lành đã trồng thì làm sao viên mãn Ba-la-mật-đa, nếu không viên mãn Ba-la-mật-đa thì làm sao chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột mà mình mong cầu?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát không tư duy về sắc cho đến không tư duy về trí Nhất thiết trí thì Đại Bồ-tát liền có thể phát triển căn lành đã gieo trồng. Do căn lành đã trồng được phát triển nên liền có thể viên mãn Ba-la-mật-đa, nhờ Ba-la-mật-đa được viên mãn nên liền có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột mà mình mong cầu. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát không tư duy về sắc cho đến không tư duy về trí Nhất thiết trí mới có thể tu tập trọn vẹn các hạnh của Đại Bồ-tát và chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải không tư duy về sắc cho đến không tư duy về trí Nhất thiết trí mới có thể tu tập đầy đủ các hạnh của Đại Bồ-tát và chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, nếu các Đại Bồ-tát tư duy về sắc cho đến tư duy về trí Nhất thiết trí thì chấp giữ sắc tướng; do chấp giữ sắc tướng nên họ liền đắm trước Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đắm trước Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới thì không thể tu đầy đủ các hạnh của Đại Bồ-tát và không thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu Đại Bồ-tát không tư duy về sắc cho đến không tư duy về trí Nhất thiết trí thì liền được vô sở đắc, do vô sở đắc nên họ không đắm nhiễm Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu

không đắm nhiễm Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới mới có thể tu tập đầy đủ các hạnh của Đại Bồ-tát và chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn tu hành đầy đủ các hạnh của Đại Bồ-tát, muốn mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột mà mình mong cầu thì phải siêng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên tư duy, chấp trước các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Đại Bồ-tát nào siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì phải trụ nơi nào?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì không nên trụ vào sắc cho đến không nên trụ vào trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Vì sao Đại Bồ-tát nào siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không nên trụ vào sắc cho đến không nên trụ vào trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do không chấp trước đối với các pháp nên không được trụ vào sắc cho đến không được trụ vào trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Thiện Hiện, Đại Bồ-tát không thấy có pháp nào mà ta có thể phát sinh chấp trước và an trú trong đó. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này dùng sự không chấp trước và không an trú làm phương tiện để siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ như vầy: "Nếu có thể không chấp trước vật gì, không an trú vào đâu và siêng năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tôi có thể không chấp trước vật gì để tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tôi có thể không chấp trước việc gì để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế là tôi đã hành Bát-nhã ba-la-mật-đa." Thiện Hiện, do suy nghĩ như vậy và nắm giữ tướng chấp trước nên Đại Bồ-tát này xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa thì cũng xa lìa Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; cũng xa lìa pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng xa lìa chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng xa lìa Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, cũng xa lìa

bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng xa lìa bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng xa lìa tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng xa lìa ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng xa lìa bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng xa lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng xa lìa năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng xa lìa mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng xa lìa pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng xa lìa trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng xa lìa tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; cũng xa lìa quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, cũng xa lìa trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Đó là vì: Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có chấp trước đối với tất cả các pháp, chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có sự chấp trước và có tánh chấp trước. Vì sao vậy? Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa hoàn toàn không có tự tánh, không thể có việc chấp trước đối với các pháp.

Vì vậy này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào phát sinh ý tưởng như vầy: "Đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa, ta hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không chấp trước đối với tất cả các pháp và Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa."

Lại nữa Thiện Hiện, lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào phát sinh ý tưởng như vầy: "Đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa, ta thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là thực hành toàn bộ thật tướng của các pháp." Do tưởng như vậy, Đại Bồ-tát này liền bị thoái lui đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu bị thoái lui đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì bị thoái lui tất cả bạch pháp thù thắng. Vì sao vậy? Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là gốc rễ của tất cả các loại bạch pháp nếu thoái thất Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là thoái thất tất cả bạch pháp.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ như vầy: "Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa bao gồm Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa cho đến bao gồm trí Nhất thiết trí", thì Đại Bồ-tát này thoái thất đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu thoái thất Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không thể nắm giữ Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa cho đến không thể nắm giữ trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Thiện Hiện, chẳng phải lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa mà có thể nắm giữ hết pháp phần Bồ-đề và có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ như vầy: "An trú Bát-nhã

ba-la-mật-đa thì chắc chắn liền được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột", Đại Bồ-tát này bị thoái thất Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu thoái thất Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không được thọ ký đối với quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, chẳng phải lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa mà có thể được thọ ký đối với quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ như vầy: "An trú Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể phát sinh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa, như vậy cho đến có thể làm phát sinh đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả", thì Đại Bồ-tát này liền thoái thất Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu thoái thất Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không thể làm phát sinh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa, như vậy cho đến không thể làm phát sinh đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả. Vì sao vậy? Thiện Hiện, chẳng phải lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa mà có thể làm phát sinh pháp an trú thù thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ như vầy: "Đức Phật biết các pháp không có tướng cầm nắm và tự chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, sau khi đã đắc quả Bồ-đề, Ngài vì hữu tình mà giảng nói, khai thị thật tướng các pháp cho các hữu tình nghe thì Đại Bồ-tát này liền thoái thất Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao vậy? Thiện Hiện, Như Lai không biết, không giác ngộ, không giảng nói, không khai thị các pháp. Vì sao vậy? Thật tánh các pháp không thể hiểu biết giác ngộ và không thể tạo ra thì làm sao có việc hiểu biết, giác ngộ, giảng nói chỉ bày tất cả các pháp. Nếu nói thật có việc hiểu biết, giác ngộ, giảng nói, khai thị tất cả các pháp thì thật là phi lý.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa phải làm sao để được xa lìa những lỗi lầm này?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nghĩ như vầy, tất cả các pháp đều không sở hữu, không thể nắm giữ. Nếu pháp đã không sở hữu không thể nắm giữ thì không có người có thể chứng Đẳng giác ngay hiện tại, cũng không có người có thể giảng nói, khai thị. Nếu thực hành như vậy là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa và được xa lìa các lỗi lầm. Đại Bồ-tát nào chấp trước pháp không sở hữu, không thể nắm giữ thì xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có chấp trước và nắm giữ các pháp, nếu chấp trước và nắm giữ các pháp thì xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa là xa lìa hay không xa lìa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa? Cho đến Bố thí ba-la-mật-đa là xa lìa hay không xa lìa đối với Bố thí ba-la-mật-đa? Như vậy cho đến trí Nhất thiết trí là xa lìa hay không xa lìa đối với trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc xa lìa hoặc không xa lìa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì vì sao Đại Bồ-tát có thể không chấp trước để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến nếu Bố thí ba-la-mật-đa hoặc xa lìa hoặc không xa lìa đối với Bố thí ba-la-mật-đa thì vì sao Đại Bồ-tát có thể không chấp trước để làm phát sinh Bố thí ba-la-mật-đa; như vậy cho đến nếu trí Nhất thiết trí hoặc xa lìa hoặc không xa lìa đối với trí Nhất thiết trí thì vì sao Đại Bồ-tát có thể không chấp trước để làm phát sinh trí Nhất thiết trí.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng xa lìa, chẳng không xa lìa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết trí chẳng xa lìa, chẳng không xa lìa đối với trí Nhất thiết trí. Vì vậy Đại Bồ-tát có thể không chấp trước để làm phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến làm phát sinh trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Chẳng phải chính tự tánh chẳng phải lìa tự tánh mà có thể an trú và dẫn phát tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không chấp trước sắc, không cho rằng đây là sắc này, đây là sắc kia, cũng không chấp trước đây là thọ, tưởng, hành, thức, không cho rằng đây là thọ, tưởng, hành, thức này, đây là thọ, tưởng, hành, thức kia, như vậy cho đến không chấp trước trí Nhất thiết trí, không cho rằng đây là trí Nhất thiết trí này, trí Nhất thiết trí kia.

Thiện Hiện, do Đại Bồ-tát này không chấp trước đối với tất cả các pháp nên liền phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa cho đến làm phát sinh trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có sự chấp trước đối với các pháp cho rằng đây là pháp này, đây là pháp kia thì không thể tùy ý phát sinh công đức an trú thù thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không quán sắc là thường hoặc vô thường, lạc hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, vắng lặng hoặc không vắng lặng, xa lìa hoặc không xa lìa, cũng không quán thọ, tưởng, hành, thức là thường hoặc vô thường, là lạc hoặc khổ, là ngã hoặc vô ngã, là tịnh hoặc bất tịnh, là vắng lặng hoặc

không vắng lặng, là xa lìa hoặc không xa lìa cho đến không quán trí Nhất thiết trí là thường hoặc vô thường, là lạc hoặc khổ, là ngã hoặc vô ngã, là tịnh hoặc bất tịnh, là vắng lặng hoặc không vắng lặng, là xa lìa hoặc không xa lìa. Do không quán sát đối với tất cả các pháp như vậy nên Đại Bồ-tát này liền có thể phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa như vậy cho đến có thể phát sinh trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà quán sát các pháp là thường hoặc vô thường, lạc hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, vắng lặng hoặc không vắng lặng, xa lìa hoặc không xa lìa thì không thể tùy ý phát sinh công đức an trú thù thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là tu hành Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; cũng là an trú pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng là an trú chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng là an trú Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng là tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng là tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng là tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng là tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng là tu hành mười địa của Bồ-tát; cũng là tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng là tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng là tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng là tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng là tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng là tu hành tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; cũng là tu hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; cũng là tu hành trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đi ở nơi nào thì tất cả các Ba-la-mật-đa và tất cả pháp phần Bồ-đề đều đi theo; Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đến đâu thì tất cả Ba-la-mật-đa và tất cả pháp phần Bồ-đề khác đều theo đến đó.

Thiện Hiện, giống như vua Chuyển luân đi ở chỗ nào thì bốn loại quân mạnh đều đi theo, vua Chuyển luân đến chỗ nào thì bốn loại quân mạnh đều đến đó; cũng vậy Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đi theo đường nào và đến đâu thì tất cả Ba-la-mật-đa và tất cả các pháp phần Bồ-đề đều đi theo đến chỗ rốt ráo là trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, như người đánh xe giỏi, điều khiển xe tứ mã tránh đường hiểm, đi vào đường chính và có thể đến nơi cần đến theo ý muốn; cũng vậy,

Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa khéo điều khiển tất cả Ba-la-mật-đa và tất cả các pháp phần Bồ-đề tránh xa đường hiểm sinh tử và Niết-bàn, đi theo đường chánh tự lợi, lợi tha để đạt đến trí Nhất thiết trí mà mình mong cầu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là đường, thế nào là chẳng phải đường của các Đại Bồ-tát?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đường hữu tình, đường Thanh văn, đường Độc giác chẳng phải là đường đi của các Đại Bồ-tát bởi vì nương theo đó thì không thể đạt đến trí Nhất thiết trí. Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa làm phát sinh sáu pháp Ba-la-mật-đa là đường của các Đại Bồ-tát bởi vì nương vào đó thì chắc chắn có thể đạt đến trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa xuất hiện ở thế gian có thể làm được việc lớn, đó là thị hiện tướng đạo và chẳng phải đạo giúp cho các Đại Bồ-tát biết đó là đạo hay chẳng phải đạo và có thể sớm chứng đắc trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa xuất hiện ở thế gian có thể làm được việc lớn là chỉ bày tướng đạo hoặc chẳng phải đạo cho các Đại Bồ-tát giúp các Đại Bồ-tát biết đó là đạo hay chẳng phải đạo và có thể mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất hiện ở thế gian có thể làm được việc lớn là độ thoát vô lượng, vô biên hữu tình giúp họ an lạc, lợi ích thù thắng.

Thiện Hiện nên biết, tuy làm vô số việc lợi ích an vui cho người nhưng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không chấp trước việc này.

Lại nữa Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tuy có thể thị hiện việc làm của sắc nhưng không chấp trước việc đó, tuy có thể thị hiện việc làm của thọ, tưởng, hành, thức nhưng không chấp trước việc đó. Như vậy cho đến tuy có thể thị hiện việc làm của trí Nhất thiết trí nhưng không chấp trước việc đó, tuy có thể thị hiện việc làm của Thanh văn, Độc giác nhưng không chấp trước việc đó.

Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tuy có thể dẫn dắt tất cả Đại Bồ-tát, giúp họ đạt quả vị Giác ngộ cao tột, xa lìa địa vị Thanh văn, Độc

giác nhưng không sinh, không diệt đối với các pháp vì lấy tánh pháp trụ làm định lượng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa không sinh, không diệt đối với các pháp vậy tại sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa Đại Bồ-tát phải vì các hữu tình mà thực hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì muốn đạt được trí Nhất thiết trí mà các Đại Bồ-tát phải thực hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát đó đem căn lành này cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Hồi hướng về trí Nhất thiết trí như vậy chính là tu sáu pháp Ba-la-mật-đa mau được viên mãn, cũng là tu Từ, Bi, Hỷ, Xả của Bồ-tát mau được viên mãn cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, vị ấy thường không xa lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa này. Ai không xa lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa này thì không xa lìa trí Nhất thiết trí.

Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn mau chứng đắc trí Nhất thiết trí thì phải tinh tấn tu học sáu pháp Ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát nào siêng năng tu học, hành trì sáu pháp Ba-la-mật-đa này thì tất cả căn lành mau được viên mãn và có thể mau chứng đắc trí Nhất thiết trí. Vì vậy, này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải thường tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, chớ có lìa bỏ nhau.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát phải làm sao để có thể thường tương ưng với sáu pháp Ba-la-mật-đa, không lìa bỏ nhau?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán sát như thật sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng, quán sát như thật thọ, tưởng, hành, thức chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng cho đến quán sát như thật trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng chẳng phải không tương ưng thì Đại Bồ-tát này có thể thường tương ưng với sáu pháp Ba-la-mật-đa, không lìa bỏ nhau.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường nghĩ rằng: “Ta không nên trụ vào sắc, cũng không nên trụ vào chẳng phải sắc; ta không nên trụ vào

thọ, tưởng, hành, thức, cũng không nên trụ vào chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức cho đến ta không nên trụ ở trí Nhất thiết trí cũng không nên trụ nơi chẳng phải trí Nhất thiết trí.” Vì sao vậy? Vì sắc chẳng phải là năng trụ, chẳng phải sở trụ, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là năng trụ chẳng phải là sở trụ, như vậy cho đến trí Nhất thiết trí cũng chẳng phải năng trụ, chẳng phải sở trụ. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ như vậy thì có thể thường tương ưng với sáu pháp Ba-la-mật-đa không lìa bỏ nhau.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể dùng phương tiện vô trụ này tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa thì Đại Bồ-tát ấy mau có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, giống như có người muốn ăn trái xoài hoặc quả mãng cầu thì trước tiên phải đem hột của nó trồng nơi đất màu mỡ, tùy thời tưới nước, bón phân giữ gìn chăm sóc. Dần dần nó sinh ra mầm, thân, nhánh, lá, trải qua thời gian liền có hoa quả và khi quả đã chín thì hái ăn. Này Thiện Hiện, cũng như vậy, Đại Bồ-tát nào muốn đạt được quả vị Giác ngộ cao tột thì trước tiên phải học sáu pháp Ba-la-mật-đa, lại dùng việc Bố thí, hoặc Ái ngữ, hoặc Lợi hành, hoặc Đồng sự để bảo bọc hữu tình. Sau khi đã bảo bọc họ rồi lại dạy họ an trú vào Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Sau khi đã giúp họ an trú lại giúp họ giải thoát tất cả sinh, già, bệnh, chết và chứng đắc sự an lạc thường trụ rốt ráo. Bồ-tát nào làm như vậy sẽ đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển Pháp luân vi diệu, độ vô số chúng sinh.

Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn tự hiểu rõ các pháp không cần nương nhờ và các duyên bên ngoài, muốn có thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, muốn làm nghiêm tịnh cõi Phật một cách hoàn hảo, muốn mau an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, muốn làm hàng phục tất cả ma quân, muốn mau chứng đắc trí Nhất thiết trí, muốn chuyển Pháp luân giải thoát các hữu tình ra khỏi sinh, già, bệnh, chết và đạt được sự an lạc thường trú, rốt ráo thì nên học sáu pháp Ba-la-mật-đa, dùng phương tiện bốn Nhiếp pháp để bảo bọc hữu tình. Sau khi đã bảo bọc nên giúp họ an trú vào Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khi siêng năng tu học như vậy Bồ-tát thường siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 461

Phẩm 68: Xảo tiện (2)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Phật nói Đại Bồ-tát phải thường siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa phải không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Ta nói Đại Bồ-tát phải thường siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn được hoàn toàn tự tại đối với các pháp thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đầy đủ mọi năng lực lớn làm cho các Đại Bồ-tát được tự tại đối với tất cả các pháp.

Thiện Hiện nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là cửa ngõ mà các pháp lành hướng đến, giống như biển lớn là nơi mà tất cả các dòng nước hướng đến. Vì vậy này Thiện Hiện, hoặc hữu tình thuộc Thanh văn thừa, hoặc hữu tình thuộc Độc giác thừa, hoặc hữu tình thuộc Bồ-tát thừa đều nên siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này.

Thiện Hiện, lúc siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa này, các Đại Bồ-tát phải thường tu học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa; phải thường an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; phải thường an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; thường an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; thường tu học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng thường tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; thường tu học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; thường tu học ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; thường tu học địa vị của Đại Bồ-tát; thường tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; thường tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông; thường tu học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; thường tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn

xả; thường tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; thường tu học tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; thường tu học quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; thường tu học trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, giống như người bắn giỏi lại có áo mũ chắc chắn và cung tên như ý thì chẳng sợ kẻ thù; cũng vậy, các Đại Bồ-tát nào nắm giữ phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa và đầy đủ các công đức thì tất cả ma quân ngoại đạo dị học chẳng thể làm khuất phục. Vì vậy, Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn mau chứng đắc trí Nhất thiết trí thì phải siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể thường siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì liền được chư Phật Thế Tôn ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới khắp mười phương cùng nhau hộ niệm thường xuyên.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát thường siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa liền được chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới khắp mười phương cùng nhau thường xuyên hộ niệm?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể thường siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tu hành trí Nhất thiết trí, do đó chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới khắp mười phương thường cùng nhau hộ niệm.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Vì sao Đại Bồ-tát này tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tu hành trí Nhất thiết trí liền được chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới khắp mười phương thường cùng nhau hộ niệm?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này quán Bố thí ba-la-mật-đa là chẳng thể nắm bắt được cho đến lúc tu hành trí Nhất thiết trí vị ấy quán trí Nhất thiết trí là chẳng thể nắm bắt được nên được chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới khắp mười phương thường cùng nhau hộ niệm.

Lại nữa Thiện Hiện, chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới khắp mười phương, do thực tướng của sắc chẳng thể nắm bắt được nên thường cùng nhau hộ niệm Đại Bồ-tát này, do thực tướng của thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được nên thường cùng nhau hộ niệm Đại Bồ-tát này

cho đến do thực tướng của trí Nhất thiết trí chẳng thể nắm bắt được nên thường cùng nhau hộ niệm Đại Bồ-tát này.

Lại nữa này Thiện Hiện, chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới khắp mười phương không phải do sắc nên cùng nhau hộ niệm Đại Bồ-tát này, không phải do thọ, tưởng, hành, thức nên cùng nhau hộ niệm Đại Bồ-tát này cho đến không phải do trí Nhất thiết trí nên cùng nhau hộ niệm Đại Bồ-tát này.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Các Đại Bồ-tát tuy học nhiều thứ nhưng không có chỗ nào để học?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Các Đại Bồ-tát tuy học nhiều thứ nhưng không có chỗ nào để học. Vì sao vậy? Vì thật ra không có pháp nào có thể làm cho Bồ-tát tu học ở trong đó.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ngài đã vì các Đại Bồ-tát mà giảng tóm lược hoặc giảng rộng pháp tương ưng với sáu pháp Ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát nào muốn mau chứng đắc trí Nhất thiết trí thì đối với pháp tương ưng với sáu pháp Ba-la-mật-đa này hoặc được tóm lược hoặc được giảng rộng đều nên lắng nghe, thọ trì, đọc tụng hoàn toàn thông suốt, sau khi đã thông suốt, phải tư duy đúng lý, sau khi đã tư duy đúng lý phải quán sát kỹ càng, đúng đắn, sau khi đã quán sát đúng đắn rồi, phải làm cho tâm và tâm sở không bị lay động bởi các cảnh mà nó duyên theo?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Lại nữa Thiện Hiện, lúc các Đại Bồ-tát siêng năng tu tập giáo pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa mà chư Phật Thế Tôn đã giảng thì phải biết rõ như thật tướng rộng hẹp của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, Đại Bồ-tát phải làm sao để biết rõ như thật tướng rộng hẹp của tất cả các pháp?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào biết rõ như thật tướng chân như của sắc, biết rõ như thật tướng chân như của thọ, tưởng, hành, thức; biết rõ như thật tướng chân như của nhãn xứ cho đến tướng chân như của ý

xứ; biết rõ như thật tướng chân như của sắc xứ cho đến tướng chân như của pháp xứ, biết rõ như thật tướng chân như của nhãn giới cho đến tướng chân như của ý giới; biết rõ như thật tướng chân như của sắc giới cho đến tướng chân như của pháp giới; biết rõ như thật tướng chân như của nhãn thức giới cho đến tướng chân như của ý thức giới; biết rõ như thật tướng chân như của nhãn xúc cho đến tướng chân như của ý xúc; biết rõ như thật tướng chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tướng chân như của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; biết rõ như thật tướng chân như của địa giới cho đến tướng chân như của thức giới; biết rõ như thật tướng chân như của nhân duyên cho đến tướng chân như của tăng thượng duyên; biết rõ như thật tướng chân như của vô minh cho đến tướng chân như của lão tử; biết rõ như thật tướng chân như của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tướng chân như của Bát-nhã ba-la-mật-đa; biết rõ như thật tướng chân như của pháp không bên trong cho đến tướng chân như của pháp không không tánh tự tánh; biết rõ như thật tướng chân như của Thánh đế khổ cho đến tướng chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; biết rõ như thật tướng chân như của bốn Niệm trụ cho đến tướng chân như của tám chi Thánh đạo; biết rõ như thật tướng chân như của bốn Tĩnh lự cho đến tướng chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; biết rõ như thật tướng chân như của tám Giải thoát cho đến tướng chân như của mười Biến xứ; biết rõ như thật tướng chân như của pháp môn giải thoát Không cho đến tướng chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; biết rõ như thật tướng chân như của bậc Tịnh quán cho đến tướng chân như của bậc Như Lai; biết rõ như thật tướng chân như của bậc Cực hỷ cho đến tướng chân như của bậc Pháp vân; biết rõ như thật tướng chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni và tướng chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; biết rõ như thật tướng chân như của năm loại mắt, tướng chân như của sáu phép thần thông; biết rõ như thật tướng chân như của mười lực của Như Lai và tướng chân như của mười tám pháp Phật bất cộng; biết rõ như thật tướng chân như của ba mươi hai tướng tốt và tướng chân như của tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; biết rõ như thật tướng chân như của pháp không quên mất, tướng chân như của tánh luôn luôn xả; biết rõ như thật tướng chân như của trí Nhất thiết, tướng chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; biết rõ như thật tướng chân như của quả Dự

lưu cho đến tướng chân như của quả Độc giác Bồ-đề; biết rõ như thật tướng chân như của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và tướng chân như của quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; biết rõ như thật tướng chân như của trí Nhất thiết trí, thì Đại Bồ-tát này biết rõ như thật tướng rộng hẹp của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là tướng chân như của sắc, thế nào là tướng chân như của thọ, tưởng, hành, thức cho đến thế nào là tướng chân như của trí Nhất thiết trí mà các Đại Bồ-tát biết rõ như thật và học những pháp đó thì có thể biết rõ như thật tướng rộng hẹp của các pháp?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, chân như của sắc không sinh, không diệt cũng không trụ, không khác nhưng có thể phô bày, đó gọi là tướng chân như của sắc. Chân như của thọ, tưởng, hành, thức không sinh, không diệt cũng không trụ không khác mà có thể phô bày, gọi là tướng chân như của thọ, tưởng, hành, thức cho đến chân như của trí Nhất thiết trí không sinh, không diệt cũng không trụ không khác mà có thể phô bày, gọi là tướng chân như của trí Nhất thiết trí. Các Đại Bồ-tát nào biết rõ như thật và học các pháp đó thì sẽ biết rõ như thật tướng rộng hẹp của tất cả các pháp.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào biết rõ như thật tướng thật tế của sắc, tướng thật tế của thọ, tưởng, hành, thức cho đến biết rõ như thật tướng thật tế của trí Nhất thiết trí thì Đại Bồ-tát đó biết rõ như thật tướng rộng hẹp của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là tướng thật tế của sắc, thế nào là tướng thật tế của thọ, tưởng, hành, thức cho đến thế nào là tướng thật tế của trí Nhất thiết trí mà các Đại Bồ-tát biết rõ như thật và học những pháp đó thì biết rõ như thật tướng rộng hẹp của tất cả các pháp?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, không có bờ mé của sắc là tướng thật tế của sắc, không có bờ mé của thọ, tưởng, hành, thức là tướng thật tế của thọ, tưởng, hành, thức cho đến không có bờ mé trí của trí Nhất thiết là tướng thật tế của trí Nhất thiết trí. Các Đại Bồ-tát biết rõ như thật và học các pháp đó thì biết rõ như thật tướng rộng hẹp của tất cả các pháp.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào biết rõ như thật tướng pháp giới

của sắc, tướng pháp giới của thọ, tưởng, hành, thức cho đến biết rõ như thật tướng pháp giới của trí Nhất thiết trí thì Đại Bồ-tát ấy biết rõ như thật tướng rộng hẹp của tất cả các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là tướng pháp giới của sắc tướng pháp giới của thọ, tưởng, hành, thức cho đến thế nào là tướng pháp giới của trí Nhất thiết trí mà các Đại Bồ-tát biết rõ như thật và học ở trong đó thì biết rõ như thật tướng rộng hẹp của các pháp?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, sắc như hư không, không ngăn, không ngại, không sinh, không diệt, không gián đoạn, không liên tục, mà có thể phô bày là tướng pháp giới của sắc; thọ, tưởng, hành, thức như hư không, không ngăn, không ngại, không sinh, không diệt, không gián đoạn, không liên tục mà có thể phô bày là tướng pháp giới của thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết trí như hư không không ngăn, không ngại, không sinh, không diệt, không gián đoạn, không liên tục mà có thể phô bày là tướng pháp giới của trí Nhất thiết trí. Các Đại Bồ-tát biết rõ như thật và học ở trong đó thì biết rõ như thật tướng rộng hẹp của tất cả các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát phải làm sao để biết tướng rộng hẹp của tất cả các pháp?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào biết rõ như thật tất cả các pháp không hợp, không tan, thì Đại Bồ-tát này biết tướng rộng hẹp của tất cả các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, những pháp nào là pháp không hợp, không tan?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, sắc không hợp, không tan, thọ, tưởng, hành, thức không hợp, không tan; nhãn xứ cho đến ý xứ không hợp, không tan; sắc xứ cho đến pháp xứ không hợp, không tan; nhãn giới cho đến ý giới không hợp, không tan; sắc giới cho đến pháp giới không hợp, không tan; nhãn thức giới cho đến ý thức giới không hợp, không tan; nhãn xúc cho đến ý xúc không hợp, không tan; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không hợp, không tan; địa giới cho đến

thức giới không hợp, không tan; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không hợp, không tan; vô minh cho đến lão tử không hợp, không tan; tham dục, sân nhuế, ngu si không hợp, không tan; Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới không hợp, không tan; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không hợp, không tan; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không hợp, không tan; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không hợp, không tan; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không hợp, không tan; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không hợp, không tan; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không hợp, không tan; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ không hợp, không tan; ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không hợp, không tan; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không hợp, không tan; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không hợp, không tan; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không hợp, không tan; năm loại mắt, sáu phép thần thông không hợp, không tan; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không hợp, không tan; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ không hợp, không tan; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không hợp, không tan; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hợp, không tan; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề không hợp, không tan; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát không hợp, không tan; quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không hợp, không tan; trí Nhất thiết trí không hợp, không tan; cảnh giới hữu vi không hợp, không tan; cảnh giới vô vi không hợp, không tan. Vì sao vậy? Các pháp như vậy đều không có tự tánh nếu không có tự tánh thì không sở hữu. Nếu không sở hữu thì không thể nói là có hợp có tan. Các Đại Bồ-tát biết rõ như vậy đối với tất cả các pháp thì có thể biết rõ tướng rộng hẹp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, như vậy gọi là tóm lược tất cả Ba-la-mật-đa. Nếu các Đại Bồ-tát học ở trong đó thì có thể làm được nhiều việc. Bạch Thế Tôn, pháp Ba-la-mật-đa tóm lược này từ Đại Bồ-tát mới phát tâm cho đến Đại Bồ-tát thuộc địa thứ mười đều phải thường tu học pháp ấy. Bạch Thế Tôn, Bồ-tát nào học pháp Ba-la-mật-đa tóm lược này thì có thể biết như thật tướng rộng hẹp của tất cả các pháp?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói. Thiện Hiện nên biết, pháp môn Ba-la-mật-đa tóm lược này các Đại Bồ-tát lợi căn mới

thể nhập còn Bồ-tát độn căn không thể nhập, người lợi căn mới thể nhập, người không lợi căn chẳng thể nhập, người siêng năng tinh tấn mới thể nhập, người lười biếng không thể nhập, người đầy đủ chánh niệm mới thể nhập, người không đầy đủ chánh niệm chẳng thể nhập, người đầy đủ trí tuệ vi diệu mới thể nhập, người không có trí tuệ chẳng thể nhập.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn trú ở địa vị không thoái chuyển thì phải siêng năng tìm cách nhập vào pháp môn này cho đến Đại Bồ-tát nào muốn trụ vào địa Thứ mười thì phải siêng năng tìm cách nhập vào pháp môn này cho đến Đại Bồ-tát nào muốn đạt được trí Nhất thiết trí thì phải tìm cách nhập vào pháp môn này.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học theo ý chỉ của Bát-nhã ba-la-mật-đa này thì Đại Bồ-tát đó liền có thể theo học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng có thể theo học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng có thể theo học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng có thể theo học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng có thể theo học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng có thể theo học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng có thể theo học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng có thể theo học ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng có thể theo học các địa của Bồ-tát; cũng có thể theo học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể theo học năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có thể theo học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể theo học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể theo học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng có thể theo học tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; cũng có thể theo học quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; cũng có thể theo học trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nương tựa đúng như ý chỉ của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mà học thì Đại Bồ-tát này ngày càng đến gần trí Nhất thiết trí mình mong cầu. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học theo ý chỉ của Bát-nhã ba-la-mật-đa này thì tất cả nghiệp chướng và ma sự của Đại Bồ-tát ấy vừa phát sinh liền bị tiêu diệt. Vì vậy, Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn mau diệt trừ tất cả nghiệp chướng và các ma sự, muốn giữ gìn đúng đắn sức phương tiện thiện xảo, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào hành Bát-nhã ba-la-mật-đa này,

tu Bát-nhã ba-la-mật-đa này, tập Bát-nhã ba-la-mật-đa này thì liền được chư Phật Thế Tôn hiện đang thuyết pháp ở vô số thế giới khắp mười phương cùng nhau hộ niệm. Vì sao vậy? Thiện Hiện, chư Phật ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà xuất hiện. Vì vậy này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì phải nghĩ như vầy: "Ta cũng sẽ chứng đắc các pháp mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chứng đắc."

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Ai siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì có thể mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Vì vậy, này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát không nên xả bỏ tác ý tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và việc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thật sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa này trong khoảng thời gian khảy móng tay thì thu được rất nhiều phước đức. Giả sử có người giáo hóa tất cả hữu tình ở thế giới ba lần ngàn làm cho đều an trú vào Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã hoặc làm cho an trú vào giải thoát và giải thoát tri kiến hoặc làm cho an trú vào quả Dự lưu cho đến quả Độc giác Bồ-đề, thì người này tuy được vô lượng phước đức nhưng phước ấy vẫn không bằng phước đức mà người thật sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa trong khoảng thời gian khảy móng tay có được. Vì sao vậy? Này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa này có thể sinh tất cả Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể sinh tất cả giải thoát và giải thoát tri kiến, có thể tất cả quả Dự lưu cho đến quả Độc giác Bồ-đề. Chư Phật Thế Tôn ở vô số thế gian khắp mười phương trong hiện tại đều nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mà được xuất hiện. Chư Phật đời quá khứ, vị lai cũng vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể không xa lìa tác ý tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này và tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa trong chốc lát hoặc một buổi, hoặc một ngày, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng, hoặc một mùa, hoặc một năm hoặc một trăm năm, hoặc lâu hơn nữa thì Đại Bồ-tát ấy thu được rất nhiều phước đức. Phước đức này hơn cả phước đức có được nhờ giáo hóa tất cả hữu tình ở hằng hà sa số thế giới khắp mười phương, giúp họ đều an trú vào Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã hoặc giúp họ an trú vào giải thoát và giải thoát tri kiến, hoặc giúp an trú vào quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa này sinh ra chư Phật Thế Tôn ở đời quá khứ, hiện

tại và vị lai, thật sự phô bày Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các hữu tình, phô bày như thật giải thoát và giải thoát tri kiến, phô bày như thật quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, phô bày như thật quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật vì vậy phước đức này hơn hẳn phước đức kia.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào theo ý chỉ của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa trụ thì nên biết Đại Bồ-tát này không còn thoái chuyển trở lại, thường được chư Phật hộ niệm, thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, đã gần gũi cúng dường vô lượng, trăm ngàn, trăm ức, muôn ức Đức Phật, đã trồng vô số căn lành vi diệu nơi các Đức Phật, đã được vô số thiện tri thức chân chánh dạy dỗ, đã tu tập Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa trong một thời gian dài; từ lâu đã an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; từ lâu đã an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; từ lâu đã an trú Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; từ lâu đã tu tập bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; từ lâu đã tu tập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; từ lâu đã tu tập tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; từ lâu đã tu tập ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; từ lâu đã tu tập các địa của Bồ-tát; từ lâu đã tu tập tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; từ lâu đã tu tập năm loại mắt, sáu phép thần thông; từ lâu đã tu tập mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; từ lâu đã tu tập trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; từ lâu đã tu tập tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; từ lâu đã tu tập quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; từ lâu đã tu tập trí Nhất thiết trí. Nên biết, Đại Bồ-tát này trụ ở Đồng chân địa, tất cả ước nguyện đều được đầy đủ, thường gặp chư Phật không tạm lìa bỏ, thường không xa lìa các căn lành, thường có thể đem lại sự thành tựu cho các hữu tình đã được giáo hóa, thường có thể trang nghiêm cõi Phật mà mình ở, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi các Đức Phật Thế Tôn, lắng nghe, ghi nhớ, tu hành pháp Vô thượng thừa. Nên biết Đại Bồ-tát này đã đạt được biện tài không gián đoạn, không chấm dứt, đã đắc pháp Đà-la-ni vi diệu, thành tựu sắc thân vi diệu tối thượng, đã được chư Phật thọ ký viên mãn, tùy theo sự ưa thích để độ các hữu tình, thu nhận các hữu tình đã được tự tại. Nên biết Đại Bồ-tát này khéo nhập vào sở duyên khéo nhập hành tướng, khéo nhập pháp có chữ, khéo nhập pháp không chữ, khéo nhập lời nói, khéo nhập không lời nói, khéo nhập một ngôn ngữ,

khéo nhập hai ngôn ngữ, khéo nhập nhiều ngôn ngữ, khéo nhập ngôn ngữ nữ, khéo nhập ngôn ngữ nam, khéo nhập ngôn ngữ chẳng nữ chẳng nam, khéo nhập ngôn ngữ thời quá khứ, khéo nhập ngôn ngữ thời vị lai, khéo nhập ngôn ngữ thời hiện tại, khéo nhập các nghĩa, khéo nhập các văn; khéo nhập sắc, khéo nhập thọ, khéo nhập tưởng, khéo nhập hành, khéo nhập thức; khéo nhập uẩn, khéo nhập xứ, khéo nhập giới; khéo nhập duyên khởi, khéo nhập chi nhánh của duyên khởi; khéo nhập thế gian, khéo nhập Niết-bàn; khéo nhập pháp tướng, khéo nhập tướng hữu vi, khéo nhập tướng vô vi, khéo nhập tướng hữu vi, vô vi, khéo nhập hành tướng, khéo nhập phi hành tướng, khéo nhập tướng tướng, khéo nhập tướng phi tướng; khéo nhập hữu tánh, khéo nhập phi hữu tánh, khéo nhập tánh mình, khéo nhập tánh người; khéo nhập hợp, khéo nhập ly, khéo nhập hợp ly, khéo nhập tương ưng; khéo nhập chân như, khéo nhập tánh không hư vọng, khéo nhập tánh không biến đổi, khéo nhập pháp tánh, khéo nhập pháp giới, khéo nhập pháp định, khéo nhập pháp trụ, khéo nhập duyên tánh, khéo nhập phi duyên tánh; khéo nhập các Thánh đế, khéo nhập bốn Tĩnh lự, khéo nhập bốn Vô lượng, khéo nhập bốn Định vô sắc; khéo nhập sáu pháp Ba-la-mật-đa; khéo nhập bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; khéo nhập tám thế gian cho đến mười Biến xứ; khéo nhập tất cả pháp môn Đà-la-ni, khéo nhập tất cả pháp môn Tam-ma-địa; khéo nhập ba pháp môn giải thoát; khéo nhập tất cả tánh không, khéo nhập năm loại mắt, khéo nhập sáu phép thần thông; khéo nhập mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; khéo nhập pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; khéo nhập trí Nhất thiết, khéo nhập trí Đạo tướng, khéo nhập trí Nhất thiết tướng; khéo nhập cảnh giới hữu vi, khéo nhập cảnh giới vô vi; khéo nhập giới, khéo nhập phi giới; khéo nhập tác ý của sắc cho đến tác ý của thức; khéo nhập tác ý của nhãn xứ cho đến tác ý của ý xứ; khéo nhập tác ý của sắc xứ cho đến tác ý của pháp xứ; khéo nhập tác ý của nhãn giới cho đến tác ý của ý giới; khéo nhập tác ý của sắc giới cho đến tác ý của pháp giới; khéo nhập tác ý của nhãn thức giới cho đến tác ý của ý thức giới; khéo nhập tác ý của nhãn xúc cho đến tác ý của ý xúc; khéo nhập tác ý của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tác ý của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; khéo nhập tác ý của địa giới cho đến tác ý của thức giới; khéo nhập tác ý của nhân duyên cho đến tác ý của tăng thượng duyên; khéo nhập tác ý về vô minh cho đến tác ý về lão tử; khéo nhập tác ý về Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tác ý về Bát-nhã ba-la-mật-đa; khéo nhập tác ý về pháp không

bên trong cho đến tác ý về pháp không không tánh tự tánh; khéo nhập tác ý về chân như cho đến tác ý về cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; khéo nhập tác ý về Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; khéo nhập tác ý về bốn Niệm trụ, khéo nhập tác ý về tám chi Thánh đạo, khéo nhập tác ý về bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; khéo nhập tác ý về tám Giải thoát cho đến tác ý về mười Biến xứ; khéo nhập tác ý về pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; khéo nhập tác ý về bậc Tịnh quán cho đến tác ý về bậc Như Lai; khéo nhập tác ý về bậc Cực hỷ cho đến tác ý về bậc Pháp vân; khéo nhập tác ý về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; khéo nhập tác ý về năm loại mắt, sáu phép thần thông; khéo nhập tác ý về mười lực của Như Lai cho đến tác ý về mười tám pháp Phật bất cộng; khéo nhập tác ý về ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; khéo nhập tác ý về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; khéo nhập tác ý về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; khéo nhập tác ý về quả Dự lưu cho đến tác ý về quả Độc giác Bồ-đề; khéo nhập tác ý về tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; khéo nhập tác ý về quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; khéo nhập tác ý về trí Nhất thiết trí; khéo nhập tác ý về sắc và tướng không của sắc; khéo nhập tác ý về thọ, tưởng, hành, thức và tướng không của thọ, tưởng, hành, thức, như vậy cho đến khéo nhập vào trí Nhất thiết trí và tướng không của trí Nhất thiết trí; khéo nhập đạo khinh an, khéo nhập đạo chẳng khinh an, khéo nhập sinh, khéo nhập diệt, khéo nhập trụ và biến đổi; khéo nhập chánh kiến, khéo nhập tà kiến, khéo nhập kiến, khéo nhập phi kiến; khéo nhập tham, sân, si, khéo nhập không tham, không sân, không si, khéo nhập tất cả kết sử trói buộc như kiến chấp, triền cái, tùy miên khéo nhập sự dứt trừ tất cả kết sử trói buộc như kiến chấp, triền cái, tùy miên; khéo nhập danh, khéo nhập sắc, khéo nhập danh sắc; khéo nhập sở duyên duyên, khéo nhập tăng thượng duyên, khéo nhập nhân duyên, khéo nhập đẳng vô gián duyên; khéo nhập hành, khéo nhập tướng, khéo nhập nhân, khéo nhập quả, khéo nhập khổ, tập, diệt, đạo; khéo nhập địa ngục và đường địa ngục, khéo nhập bàng sinh và đường bàng sinh, khéo nhập ngạ quỷ và đường ngạ quỷ, khéo nhập cõi người và đường dẫn đến cõi người, khéo nhập cõi trời và đường dẫn đến cõi trời; khéo nhập Dự lưu, quả Dự lưu và đường dẫn đến quả Dự lưu, khéo nhập Nhất lai, quả Nhất lai và đường dẫn đến quả Nhất lai, khéo nhập Bất hoàn, quả Bất hoàn và đường dẫn đến quả Bất hoàn, khéo nhập A-la-hán, quả A-la-hán và đường dẫn đến quả A-la-hán, khéo nhập Độc giác, Độc giác Bồ-đề và đường dẫn

đến Độc giác Bồ-đề; khéo nhập tất cả Đại Bồ-tát và tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; khéo nhập tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; khéo nhập tất cả trí Nhất thiết và đường dẫn đến trí Nhất thiết, khéo nhập trí Đạo tướng và đường dẫn đến trí Đạo tướng, khéo nhập trí Nhất thiết tướng và đường dẫn đến trí Nhất thiết tướng; khéo nhập căn, khéo nhập căn viên mãn, khéo nhập căn hơn kém, khéo nhập trí tuệ, khéo nhập tuệ nhanh nhẹn, khéo nhập tuệ bén nhạy, khéo nhập tuệ may mắn, khéo nhập tuệ có lực, khéo nhập tuệ thông đạt, khéo nhập tuệ rộng rãi, khéo nhập tuệ sâu xa, khéo nhập tuệ to lớn, khéo nhập tuệ không gì bằng, khéo nhập tuệ chân thật, khéo nhập tuệ trân bảo; khéo nhập đời quá khứ, khéo nhập đời vị lai, khéo nhập đời hiện tại, khéo nhập phương tiện, khéo nhập nguyện của hữu tình, khéo nhập ý muốn, khéo nhập ý muốn tăng thượng; khéo nhập tướng văn, nghĩa, khéo nhập các Thánh pháp, khéo nhập phương tiện an lập ba thừa. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì được các loại lợi ích thù thắng như vậy.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát làm sao để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, làm sao để dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, làm sao để tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên quán sắc cho đến thức là điêu tàn, là hư hoại, là ly tán, là không tự tại, là không chắc thật, là tánh hư ngụy để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, còn điều ông hỏi là các Đại Bồ-tát nên làm sao để dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì trả lời là các Đại Bồ-tát nên dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như dẫn dắt hư không, còn về việc ông hỏi các Đại Bồ-tát làm sao để tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì trả lời là các Đại Bồ-tát nên trừ bỏ các pháp để tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát nên trải qua thời gian bao lâu để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát nên trụ ở những tâm không gián đoạn nào để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, các Đại Bồ-tát không cho các tác ý khác phát sinh mà chỉ an trú vào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này cho đến có thể làm cho tâm và tâm sở pháp không bị lay động đối với cảnh mới được gọi là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí phải không?

–Không phải, này Thiện Hiện!

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dẫn dắt Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí phải không?

–Không phải, này Thiện Hiện!

–Bạch Thế Tôn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, các Đại Bồ-tát vừa hành, vừa không hành, vừa dẫn dắt, vừa không dẫn dắt, vừa tu, vừa không tu, sẽ được trí Nhất thiết trí phải không?

–Không phải, này Thiện Hiện!

–Bạch Thế Tôn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát không hành, chẳng không hành, không dẫn dắt, chẳng không dẫn dắt, không tu, chẳng không tu thì sẽ đạt được trí Nhất thiết trí phải không?

–Không phải, này Thiện Hiện!

–Bạch Thế Tôn, vậy thì các Đại Bồ-tát phải làm sao để đạt được trí Nhất thiết trí.

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải như chân như để chứng đắc trí Nhất thiết trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là chân như.

–Thiện Hiện, như thật tế.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là thật tế.

–Thiện Hiện, như pháp giới.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp giới.

–Thiện Hiện, như cảnh giới của cái ngã, cảnh giới hữu tình, cảnh giới dòng sinh mạng, cảnh giới sự sinh khởi, cảnh giới sự nuôi dưỡng, cảnh giới sĩ phu, cảnh giới chủ thể luân hồi.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là cảnh giới của cái ngã cho đến cảnh giới của chủ thể luân hồi?

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Hoặc cái ngã, hoặc hữu tình, hoặc dòng sinh mạng, hoặc sinh khởi, hoặc nuôi dưỡng, hoặc sự tạo tác, hoặc chủ thể luân hồi là những thứ ta có thể nắm bắt được không?

–Không được, thưa Thế Tôn!

–Thiện Hiện, hoặc cái ngã cho đến chủ thể luân hồi đã chẳng thể nắm bắt được thì làm sao ta có thể tạo ra cảnh giới của cái ngã cho đến cảnh giới của chủ thể luân hồi.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào không tạo ra Bát-nhã ba-la-mật-đa, không tạo ra trí Nhất thiết trí, không tạo ra tất cả các pháp thì Đại Bồ-tát đó nhất định sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Chỉ có Bát-nhã ba-la-mật-đa là chẳng thể tạo ra hay Tĩnh lự ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa cũng không thể tạo ra?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, chẳng những Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể tạo ra mà Tĩnh lự ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa cũng không thể tạo ra. Hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ-đề, hoặc pháp Như Lai cũng không thể tạo ra.

Thiện Hiện, tóm lại mà nói, tất cả các pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi đều không thể tạo ra.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu tất cả các pháp đều không thể tạo ra vì sao lại có thể tạo ra địa

ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, người, trời, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai và tất cả các pháp?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Sự tạo ra hữu tình và các pháp có thật sự nắm bắt được không?

Thiện Hiện đáp:

–Không được, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, nếu sự tạo ra hữu tình và pháp thật sự chẳng thể nắm bắt được thì làm sao ta có thể tạo ra địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, người, trời, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai và tất cả các pháp.

Này Thiện Hiện, lúc hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên học tất cả pháp đều không thể tạo ra để hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lẽ nào các Đại Bồ-tát không nên học đối với sắc, không nên học đối với thọ, tưởng, hành, thức, như vậy cho đến không nên học đối với trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát nên học không tăng, không giảm đối với sắc nên học không tăng, không giảm đối với thọ, tưởng, hành, thức, như vậy cho đến nên học không tăng, không giảm đối với trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát phải làm sao lấy pháp không tăng, không giảm để học đối với sắc, làm sao lấy pháp không tăng, không giảm để học đối với thọ, tưởng, hành, thức như vậy cho đến làm sao lấy pháp không tăng, không giảm để học đối với trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng chẳng sinh, chẳng diệt để học đối với sắc, dùng chẳng sinh, chẳng diệt để học đối với thọ, tưởng, hành, thức, như vậy cho đến dùng chẳng

sinh, chẳng diệt để học đối với trí Nhất thiết trí.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát phải không khởi niệm, không làm các hạnh hoặc tu, hoặc xả bỏ để học đối với sắc, phải không khởi niệm, không làm các hạnh hoặc tu, hoặc xả bỏ để học đối với thọ, tưởng, hành, thức, như vậy cho đến không khởi niệm, không làm các hạnh hoặc tu hoặc xả bỏ để học đối với trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát phải làm gì để không khởi niệm, không làm các hạnh hoặc tu hoặc điều khiển để học đối với sắc, phải làm gì để không phát sinh, không làm các hạnh hoặc tu, hoặc điều khiển để học đối với thọ, tưởng, hành, thức, như vậy cho đến phải làm gì để không phát sinh, không làm các hạnh hoặc tu hoặc điều khiển để học đối với trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát phải quán tự tướng của tất cả các pháp đều không để không phát sinh, không làm các việc hoặc tu hoặc xả bỏ mà học đối với sắc, nên quán tự tướng của tất cả các pháp đều không để không phát sinh, không làm các việc hoặc tu hoặc xả bỏ mà học đối với thọ, tưởng, hành, thức như vậy cho đến nên quán tự tướng của tất cả các pháp là không, không phát sinh, không làm các hạnh hoặc tu hoặc xả bỏ mà học đối với trí Nhất thiết trí.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 462

Phẩm 68: Xảo tiện (3)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát phải làm sao để quán tự tướng tất cả các pháp đều không?

Phật nói:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát nên quán sắc dựa vào không sắc, nên quán thọ, tưởng, hành, thức dựa vào không thọ, tưởng, hành, thức; nên quán nhãn xứ dựa vào không nhãn xứ, nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ dựa vào không nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; nên quán sắc xứ dựa vào không sắc xứ, nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ dựa vào không thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; nên quán nhãn giới dựa vào không nhãn giới, nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới dựa vào không nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; nên quán sắc giới dựa vào không sắc giới, nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới dựa vào không thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; nên quán nhãn thức giới dựa vào không nhãn thức giới, nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới dựa vào không nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; nên quán nhãn xúc dựa vào không nhãn xúc, nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc dựa vào không nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; nên quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra dựa vào không các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; nên quán các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc duyên sinh ra dựa vào không các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc duyên sinh ra; nên quán địa giới dựa vào không địa giới, nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới dựa vào không thủy, hỏa, phong, không, thức giới; nên quán nhân duyên dựa vào không nhân duyên, nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên dựa vào không đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; nên quán

vô minh dựa vào không vô minh, nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử dựa vào không hành cho đến lão tử; nên quán Bố thí ba-la-mật-đa dựa vào không Bố thí ba-la-mật-đa, nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa dựa vào không Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên quán pháp không bên trong dựa vào không pháp không bên trong, nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn chẳng đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh dựa vào không pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; nên quán chân như dựa vào không chân như, nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn dựa vào không pháp giới cho đến không cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; nên quán Thánh đế khổ dựa vào không Thánh đế khổ, nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo dựa vào không Thánh đế tập, diệt, đạo; nên quán bốn Niệm trụ dựa vào không bốn Niệm trụ, nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo dựa vào không bốn Chánh đoạn cho đến không tám chi Thánh đạo; nên quán bốn Tĩnh lự dựa vào không bốn Tĩnh lự, nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc dựa vào không bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; nên quán tám Giải thoát dựa vào không tám Giải thoát, nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ dựa vào không tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; nên quán pháp môn giải thoát Không dựa vào không của pháp môn giải thoát Không, nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện dựa vào không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; nên quán bậc Tịnh quán dựa vào không bậc Tịnh quán, nên quán bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai dựa vào không bậc Chủng tánh cho đến không của bậc Như Lai; nên quán bậc Cực hỷ dựa vào không của bậc Cực hỷ, nên quán bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc

Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân dựa vào không của bậc Ly cấu cho đến không của bậc Pháp vân; nên quán tất cả pháp Đà-la-ni dựa vào không tất cả pháp Đà-la-ni, nên quán tất cả pháp Tam-ma-địa dựa vào không tất cả pháp Tam-ma-địa; nên quán năm loại mắt dựa vào không năm loại mắt, nên quán sáu phép thần thông dựa vào không sáu phép thần thông; nên quán mười lực của Như Lai dựa vào không mười lực của Như Lai, nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng dựa vào không bốn điều không sợ cho đến không mười tám pháp Phật bất cộng; nên quán ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại sĩ dựa vào không ba mươi hai tướng tốt, nên quán tám mươi vẻ đẹp dựa vào không tám mươi vẻ đẹp; nên quán pháp không quên mất dựa vào không pháp không quên mất, nên quán tánh luôn luôn xả dựa vào không tánh luôn luôn xả; nên quán trí Nhất thiết dựa vào không trí Nhất thiết, nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng dựa vào không trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; nên quán quả Dự lưu dựa vào không quả Dự lưu, nên quán quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề dựa vào không quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề; nên quán tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát dựa vào không tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của Phật dựa vào không quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; nên quán trí Nhất thiết trí dựa vào không trí Nhất thiết trí.

Như vậy Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên quán tự tướng của tất cả các pháp đều không.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Nếu sắc dựa vào không sắc, thọ, tưởng, hành, thức dựa vào không thọ, tưởng, hành, thức như vậy cho đến trí Nhất thiết trí dựa vào không trí Nhất thiết trí thì làm sao Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát hoàn toàn không sở hành là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Vì sao các Đại Bồ-tát hoàn toàn không sở hành là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, do Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được, hành cũng chẳng thể nắm bắt được, hoặc người thực hành, hoặc lý do thực hành, lúc thực hành, nơi thực hành đều chẳng thể nắm bắt được; vì thế này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hoàn toàn không sở hành là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa bởi vì ở trong đó tất cả hý luận đều chẳng thể nắm bắt được.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát hoàn toàn không có sở hành là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì các Đại Bồ-tát mới phát tâm làm sao để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, từ lúc mới phát tâm các Đại Bồ-tát phải thường học vô sở đắc đối với tất cả các pháp, sau khi đã học như vậy, phải dùng vô sở đắc làm phương tiện, phải tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; phải trụ ở pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; phải trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; phải trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; phải tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; phải tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; phải tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; phải tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; phải tu địa vị Đại Bồ-tát; phải tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; phải tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; phải tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; phải tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; phải tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; phải tu tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; phải tu quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; phải tu trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là có sở đắc, sao gọi là không sở đắc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các pháp có hai gọi là có sở đắc, các pháp không hai gọi là không sở đắc.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Vì sao có hai gọi là có sở đắc và vì sao không hai gọi là không sở đắc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nhãn căn và sắc trần là hai cho đến ý căn và pháp trần là hai, hữu sắc, vô sắc là hai, hữu kiến, vô kiến là hai, hữu đối, vô đối là hai, hữu lậu, vô lậu là hai, hữu vi, vô vi là hai, thế gian, xuất thế gian là hai, sinh tử và Niết-bàn là hai, pháp phàm phu và phàm phu là hai, pháp Dự lưu và Dự lưu là hai, cho đến pháp Độc giác Bồ-đề và Độc giác là hai, hạnh Đại Bồ-tát và Đại Bồ-tát là hai, quả vị Giác ngộ cao tột của Phật và Phật là hai, tất cả các pháp có hý luận như vậy đều là hai. Các pháp có hai đều có sở đắc.

Thiện Hiện, chẳng phải nhãn, chẳng phải sắc là không hai cho đến chẳng phải ý, chẳng phải pháp là không hai, như vậy cho đến chẳng quả vị Giác ngộ cao tột của Phật và chẳng Phật là không hai. Tất cả các pháp lìa hý luận như vậy đều gọi là không hai. Các pháp không hai đều không sở đắc.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, vì có sở đắc nên không sở đắc hay vì không sở đắc nên không sở đắc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, chẳng phải vì có sở đắc nên không sở đắc, cũng chẳng phải vì không sở đắc nên không sở đắc nhưng có sở đắc không sở đắc đều có tánh bình đẳng gọi là vô sở đắc. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cần phải siêng tu học đối với tánh bình đẳng có sở đắc, không sở đắc. Thiện Hiện, lúc các Đại Bồ-tát học như vậy thì gọi là học Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở đắc.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu Đại Bồ-tát không vướng mắc có sở đắc, không vướng mắc không sở đắc thì làm sao Đại Bồ-tát này có thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đi từ địa này đến địa khác và dần dần viên mãn; nếu không từ địa này đến địa khác dần dần được viên mãn thì làm sao có thể đạt được trí Nhất thiết trí?

Phật nói:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát chẳng trú nơi có sở đắc để có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa từ địa này đến địa khác dần dần viên mãn và đạt được trí Nhất thiết trí, chẳng trú nơi vô sở đắc để có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đi từ địa này đến địa khác dần dần được viên mãn và đạt được trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy?

Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vô sở đắc, trí Nhất thiết trí cũng vô sở đắc, người hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô sở đắc, vô sở đắc này cũng vô sở đắc. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chẳng thể nắm bắt được, trí Nhất thiết trí cũng chẳng thể nắm bắt được, người hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng chẳng thể nắm bắt được thì vì sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thường ưa chọn lựa đối với tất cả các pháp, cho rằng đây là sắc, đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là nhãn xứ cho đến ý xứ; đây là sắc xứ cho đến pháp xứ; đây là nhãn giới cho đến ý giới; đây là sắc giới cho đến pháp giới; đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới; đây là nhãn xúc cho đến ý xúc; đây là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; đây là địa giới cho đến thức giới; đây là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đây là vô minh cho đến lão tử; đây là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; đây là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đây là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đây là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; đây là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đây là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đây là tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; đây là ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đây là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; đây là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; đây là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đây là năm loại mắt, sáu phép thần thông; đây là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đây là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; đây là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đây là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; đây là quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; đây là tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; đây là quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; đây là trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tuy thường thích chọn lựa đối với các pháp nhưng không nắm bắt sắc, cũng không nắm bắt thọ, tưởng, hành, thức cho đến cũng không nắm bắt trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu các Đại Bồ-

tát không nắm bắt sắc, không nắm bắt thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nắm bắt trí Nhất thiết trí thì làm sao có thể viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm sao có thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, nếu không thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thì làm sao có thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm sao có thể trang nghiêm cõi Phật, nếu không trang nghiêm cõi Phật làm sao có thể đạt được trí Nhất thiết trí, nếu không thể đạt được trí Nhất thiết trí làm sao có thể vận chuyển bánh xe chánh pháp, làm các Phật sự, nếu không thể chuyển bánh xe chánh pháp, làm các Phật sự thì làm sao có thể giải thoát vô lượng, vô số, trăm ngàn, trăm ức hữu tình ra khỏi sinh, già, bệnh, chết làm cho đạt được Niết-bàn an lạc rốt ráo?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát không vì sắc mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không vì thọ, tưởng, hành, thức mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến cũng không vì trí Nhất thiết trí mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát vì việc gì mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát không vì việc gì cả nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao vậy? Thiện Hiện, tất cả các pháp đều không là, không làm; Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng không là, không làm; trí Nhất thiết trí cũng không là, không làm; các Đại Bồ-tát cũng không là, không làm. Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng không là, không làm để làm phương tiện thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp đều không là, không làm thì không nên bày ra ba thừa khác nhau là Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Vô thượng thừa chăng?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, chẳng phải pháp không là, không làm có thể tạo ra được, mà phải là pháp có là, có làm mới có thể tạo ra được. Vì sao vậy? Thiện Hiện, có những kẻ phàm phu ngu si, không học, chấp trước sắc, chấp

trước thọ, tưởng, hành, thức cho đến chấp trước trí Nhất thiết trí. Do chấp trước nên niệm sắc, nắm bắt sắc, niệm thọ, tưởng, hành, thức, nắm bắt thọ, tưởng, hành, thức cho đến niệm trí Nhất thiết trí, nắm bắt trí Nhất thiết trí. Do niệm và nắm bắt, họ suy nghĩ như vầy: "Ta nhất định sẽ đạt được trí Nhất thiết trí, giải thoát các hữu tình ra khỏi sinh, già, bệnh, chết, làm cho họ đạt được Niết-bàn hoàn toàn an lạc."

Thiện Hiện, các phàm phu ngu si không học, do điên đảo nên suy nghĩ như vậy tức là hủy báng Phật. Vì sao vậy? Thiện Hiện, Phật dùng năm loại mắt tìm sắc chẳng thể nắm bắt được, tìm thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được; cho đến tìm trí Nhất thiết trí chẳng thể nắm bắt được, tìm các hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt được. Các phàm phu ngu si không học, đui mù không có mắt tuệ, chấp trước các pháp mà sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí, giải thoát các hữu tình ra khỏi sinh, già, bệnh, chết, làm họ đạt được Niết-bàn hoàn toàn an lạc thì thật là vô lý.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng năm loại mắt thanh tịnh để tìm sắc chẳng thể nắm bắt được, tìm thọ, tưởng, hành, thức không thể được; cho đến tìm trí Nhất thiết trí chẳng thể nắm bắt được, tìm các hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt được nên không chứng đắc trí Nhất thiết trí, không giải thoát các hữu tình ra khỏi sinh, già, bệnh, chết, không giúp họ đạt được Niết-bàn hoàn toàn an lạc, thì vì sao Thế Tôn tự mình có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí, an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau là nhóm chánh tánh định, nhóm tà tánh định và nhóm bất định?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Ta chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, dùng năm loại mắt thanh tịnh quan sát như thật thấy rằng chắc chắn không có hữu tình nào có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí, an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau, nhưng các hữu tình ngu si điên đảo, đối với pháp chẳng thật lại tưởng là pháp chân thật, đối với hữu tình chẳng thật mà lại tưởng là hữu tình thật. Để trừ bỏ sự chấp trước hư dối của họ ta phải nương theo thế tục mà nói chớ không phải nương theo thắng nghĩa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì trụ vào thắng nghĩa mà Như Lai chứng đắc trí Nhất thiết trí phải không?

Phật bảo:

–Không phải.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, vì trụ vào điên đảo mà Như Lai chứng đắc trí Nhất thiết phải không?

Phật nói:

–Không phải.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, nếu Như Lai không trụ vào thắng nghĩa để chứng đắc trí Nhất thiết trí cũng không trụ vào điên đảo để chứng đắc trí Nhất thiết trí thì sẽ không có Như Lai mà cũng không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy:

–Không phải vậy, Thiện Hiện nên biết, tuy ta chứng đắc trí Nhất thiết trí nhưng không trụ vào đâu cả, nghĩa là không trụ vào cảnh giới hữu vi, cũng không trụ vào cảnh giới vô vi.

Thiện Hiện, giống như người do Như Lai biến hóa ra tuy không trụ vào cảnh giới hữu vi, cũng không trụ vào cảnh giới vô vi nhưng có tới, lui, đi, đứng, nằm ngồi. Thiện Hiện, việc biến hóa này thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc trụ vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc trụ vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc tu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc tu mười lực của Như Lai cho đến tám pháp bất cộng của Phật; hoặc tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc tu tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; hoặc tu quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; hoặc chứng trí Nhất thiết trí; hoặc Chuyển pháp luân làm các Phật sự. Việc biến hóa này lại chuyển hóa làm vô lượng hữu tình an lập thành ba nhóm khác nhau ở trong đó. Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Việc biến hóa của các vị Như Lai ấy có phải là thật có tới lui, đi đứng, nằm, ngồi cho đến thật có an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau không.

Thiện Hiện đáp:

–Không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Như Lai cũng vậy biết tất cả các pháp đều như biến hóa nói tất cả các pháp cũng như biến hóa tuy có chỗ làm nhưng không chân thật, tuy độ hữu tình nhưng không chỗ độ, như người được biến hóa độ hữu tình biến hóa. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa phải như người được Như Lai biến hóa ra tuy có hành động nhưng không chấp trước.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu tất cả các pháp đều như biến hóa, Như Lai cũng thế, vậy thì Như Lai với người biến hóa có gì sai khác?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, Như Lai với người được biến hóa kia và tất cả pháp thật không sai biệt. Vì sao vậy? Thiện Hiện, tất cả sự nghiệp mà Như Lai làm, người được biến hóa cũng đều có thể làm. Các việc mà người ấy làm, Như Lai cũng có thể làm. Vì vậy, Như Lai cùng với người được biến hóa và tất cả các pháp đều không sai biệt.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu không có người do Phật biến hóa ra, một mình Như Lai có thể làm các việc còn nếu không có Như Lai, một mình người do Như Lai hóa ra có thể làm được các việc không?

Phật nói:

–Có thể làm được.

Thiện Hiện hỏi:

–Bạch Thế Tôn, việc này như thế nào?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tên Thiện Tịch Tuệ đã độ hết những người đáng độ nhưng lúc ấy không có vị Bồ-tát nào kham nhận sự thọ ký của Phật. Ngài liền hóa ra một vị Phật cho trụ ở thế gian còn tự mình nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn, suốt nửa kiếp, vị Hóa Phật kia làm các Phật sự. Sau hơn nửa kiếp, vị ấy thọ ký đại Bồ-đề cho một Bồ-tát rồi thị hiện nhập Niết-bàn. Khi ấy các Trời, Người, A-tố-lạc... đều cho rằng nay Phật ấy đã nhập Niết-bàn nhưng thân của hóa Phật thật không có sinh diệt. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên tin hiểu tất cả pháp đều như biến hóa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu thân Như Lai với người biến hóa không có sai biệt thì làm sao có thể làm ruộng phước thanh tịnh chân chánh cho người thí chủ ở thế gian. Nếu các hữu tình vì muốn đạt Niết-bàn nên cúng dường, cung kính đối với Như Lai thì được phước vô tận cho đến cuối cùng nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn. Như vậy nếu có người vì muốn đạt Niết-bàn nên cúng dường, cung kính người được Phật biến hóa ra thì phước thu được cũng phải vô tận cho đến cuối cùng nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, như thân Như Lai do pháp tánh nên có thể làm ruộng phước trong sạch cho Trời, Người, A-tố-lạc... Người được Phật hóa ra cũng như vậy, do pháp tánh nên có thể làm ruộng phước trong sạch của Trời, Người, A-tố-lạc... Như thân Như Lai nhận sự cúng dường, cung kính của các thí chủ thì làm cho thí chủ ấy vượt khỏi sinh tử, được phước vô tận, người do Phật biến hóa ra cũng như vậy, nhận sự cúng dường, cung kính của các thí chủ cũng làm cho thí chủ thoát khỏi sinh tử, được phước vô lượng. Thiện Hiện nên biết, hãy đặt công đức thu được do cúng dường, cung kính Như Lai và người do Như Lai biến hóa qua một bên, nếu thiện nam, thiện nữ nào phát sinh lòng Từ bi, kính trọng tư duy nhớ nghĩ về Như Lai thì thiện nam, thiện nữ này được căn lành vô tận cho đến cuối cùng vượt khỏi bờ khổ. Thiện Hiện nên biết, lại đặt công đức thu được nhờ phát sinh lòng Từ bi kính trọng, tư duy nhớ nghĩ về Phật qua một bên, nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem chỉ một cánh hoa rải trên không trung để cúng dường Phật, thì thiện nam, thiện nữ này được căn lành vô tận cho đến cuối cùng vượt khỏi bờ khổ.

Thiện Hiện nên biết, hãy gác lại công đức thu được nhờ rải một cánh hoa trên không trung để cúng dường Phật, nếu thiện nam, thiện nữ nào chỉ cần một lần xưng niệm Nam-mô Phật-đà Bậc Đại Điều Ngự thì thiện nam, thiện nữ này được căn lành vô tận cho đến cuối cùng vượt khỏi bờ khổ.

Như vậy này Thiện Hiện, cúng dường, cung kính đối với ruộng phước lớn của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì thu được công đức lớn khó lường như vậy.

Do đó, này Thiện Hiện, ông nên biết Như Lai cùng với Phật biến hóa đều là ruộng phước thanh tịnh, chân thật cho thí chủ không sai khác bởi vì đều làm định lượng cho pháp tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên dùng pháp tánh của các pháp như vậy làm định lượng để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tuy đã tìm cách khéo léo nhập vào pháp tánh của các pháp rồi nhưng họ không phá hoại pháp tánh của các pháp nghĩa là không phân biệt đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa; đây là pháp tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa, đây là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, đây là pháp tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đây là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, đây là pháp tánh của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đây là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, đây là pháp tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; đây là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đây là pháp tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đây là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, đây là pháp tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đây là tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, đây là pháp tánh của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; đây là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, đây là pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đây là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, đây là pháp tánh của bậc Cực hỷ đến bậc Pháp vân; đây là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, đây là pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đây là năm loại mắt, sáu phép thần thông, đây là pháp tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông; đây là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, đây là pháp tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đây là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, đây là pháp tánh của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; đây là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, đây là pháp tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đây là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, đây là pháp tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; đây là quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, đây là pháp tánh của quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; đây là tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, đây là pháp tánh của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; đây là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, đây là pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; đây là trí Nhất thiết trí, đây là pháp tánh của trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên phân biệt pháp tánh sai khác của các pháp như vậy mà phá hoại pháp tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Nếu các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên phân biệt pháp tánh của các pháp mà phá hoại pháp tánh thì vì sao Thế Tôn tự nói pháp tánh khác nhau của các pháp làm phá hoại pháp tánh. Nghĩa là Thế Tôn nói đây là sắc, đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là nhãn xứ cho đến ý xứ; đây là sắc xứ cho đến pháp xứ; đây là nhãn giới cho đến ý giới; đây là sắc giới cho đến pháp giới; đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới; đây là nhãn xúc cho đến ý xúc; đây là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; đây là địa giới cho đến thức giới; đây là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đây là vô minh cho đến lão tử; đây là pháp bên trong, đây là pháp bên ngoài; đây là thiện pháp, đây là phi pháp; đây là pháp hữu ký, đây là pháp vô ký; đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu; đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian; đây là pháp chung, đây là pháp riêng; đây là pháp hữu tránh, đây là pháp vô tránh; đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi. Bạch Thế Tôn, Ngài đã nói đủ loại pháp khác nhau như vậy, không lẽ Ngài tự phá hoại pháp tánh.

Phật nói:

–Thiện Hiện, Ta không tự phá hoại pháp tánh của các pháp mà chỉ dùng phương tiện danh tướng giả nói để giúp các hữu tình ngộ nhập pháp tánh bình đẳng của các pháp, ra khỏi sinh tử và chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, này Thiện Hiện, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tuy nói đủ loại danh tướng của các pháp nhưng không hề phá hoại thật tánh của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Phật chỉ dùng danh tướng giả nói pháp tánh của các pháp để giúp các hữu tình, có phương tiện ngộ nhập pháp tánh bình đẳng, ra khỏi sinh tử, chứng đắc Niết-bàn thì vì sao đối với pháp không danh tướng, Phật dùng danh tướng để nói mà bảo là không hư hoại?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Ta tùy thuận theo thế tục mà giả lập danh tướng của tất cả các pháp, vì các hữu tình, Ta phương tiện giảng nói nhưng không chấp trước nên không có pháp nào bị phá hoại.

Thiện Hiện, như các người ngu nghe nói khổ… thì chấp trước danh tướng mà không hiểu là tạm nói. Như Lai và đệ tử Phật nghe nói khổ chẳng chấp trước danh tướng, vì họ biết như thật đó là lời nói tùy thuận theo thế tục chớ không có danh tướng chân thật của các pháp. Thiện Hiện,

nếu các bậc Thánh chấp trước danh ở nơi danh, chấp trước tướng nơi tướng thì họ cũng phải chấp trước không nơi không, chấp trước vô tướng nơi vô tướng, chấp trước vô nguyện nơi vô nguyện, chấp trước chân như nơi chân như, chấp trước pháp giới nơi pháp giới, chấp trước thật tế nơi thật tế, chấp trước vô vi nơi vô vi. Thiện Hiện, tất cả các pháp này chỉ có giả danh, chỉ có giả tướng mà không chân thật. Bậc Thánh không chấp trước các pháp có danh tướng giả như vậy.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát trụ vào tất cả pháp bảo có danh tướng giả để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không chấp trước ở trong đó.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu tất cả pháp chỉ có danh tướng thì vì việc gì mà các Đại Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, siêng năng cực khổ hành Bồ-tát hạnh, nghĩa là lao khổ tu hạnh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu hành ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tu hành tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; tu hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; tu hành trí Nhất thiết trí đều được viên mãn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, do tất cả các pháp chỉ có danh tướng. Danh tướng như vậy chỉ là giả lập chứ tánh của danh tướng vốn là không, vậy mà các loài hữu tình điên đảo chấp trước nên trôi lăn sinh tử không chứng Niết-bàn. Vì vậy các Đại Bồ-tát thương xót họ nên phát tâm Bồ-đề, chịu lao khổ hành Bồ-tát hạnh, dần dần chứng đắc trí Nhất thiết trí. Đã tự chứng đắc trí Nhất thiết trí, các vị ấy lại chuyển bánh xe chánh pháp dùng pháp ba thừa làm phương tiện để cứu vớt các hữu tình ra khỏi sinh tử và nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn nhưng các danh tướng không sinh, không diệt, cũng không đứng yên hoặc thay đổi, không thể tạo tác hay nắm bắt.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ngài nói trí Nhất thiết trí là trí Nhất thiết trí phải không?

Phật nói:

–Thiện Hiện, Ta nói trí Nhất thiết trí là trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Như Lai đã từng lược nói trí Nhất thiết trí có ba loại là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, tướng của ba loại trí này ra sao và có gì khác nhau không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, trí Nhất thiết là trí chung của Thanh văn và Độc giác, trí Đạo tướng là trí chung của Đại Bồ-tát, trí Nhất thiết tướng là diệu trí riêng của các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao trí Nhất thiết là trí chung của Thanh văn, Độc giác?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, trí Nhất thiết có nghĩa là biết rõ các pháp môn sai khác về năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, Thanh văn, Độc giác cũng có thể biết rõ pháp môn sai khác nhưng không thể biết tướng tất cả đạo và tất cả các tướng của tất cả pháp nên trí Nhất thiết là trí chung của Thanh văn và Độc giác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao trí Đạo tướng là trí chung của Đại Bồ-tát?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải học để biết khắp tất cả tướng của đạo, nghĩa là tướng của đạo Thanh văn, tướng của đạo Độc giác, tướng của đạo Bồ-tát và tướng của đạo Như Lai. Đối với các đạo này, các Đại Bồ-tát phải thường tu học làm cho mau viên mãn, tuy làm cho đạo này làm được việc nên làm nhưng không làm cho nó chứng đắc và trụ vào thật tế nên trí Đạo tướng là tướng chung của Đại Bồ-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát đã tu Như Lai đạo được viên mãn rồi lẽ nào cũng không chứng đắc và trụ vào thật tế?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật và tu đại nguyện nếu chưa được viên mãn thì vẫn chưa thể chứng đắc và an trụ đối với thật tế, nếu đã viên mãn mới có thể chứng đắc và an trụ vào thật tế.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát trụ nơi đạo để chứng thật tế phải không?

Phật nói:

–Không phải.

Thiện Hiện lại nói:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát trụ nơi phi đạo chứng thật tế phải không?

Phật nói:

–Không phải.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát trụ nơi đạo phi đạo chứng thật tế phải không?

Phật nói:

–Không phải.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát trụ nơi chẳng phải đạo, chẳng phải phi đạo chứng thật tế phải không?

Phật bảo:

–Không phải.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu vậy Đại Bồ-tát trụ ở đâu để chứng trụ thật tế vậy?

Phật nói:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Ông nhờ trụ nơi đạo mà dứt hết các lậu hoặc tâm được giải thoát phải không?

–Không phải, thưa Thế Tôn!

–Thiện Hiện, ông nhờ trụ phi đạo mà dứt hết các lậu hoặc, tâm được

giải thoát phải không?

–Không phải, thưa Thế Tôn!

–Thiện Hiện, ông nhờ trụ vào đạo, phi đạo mà dứt hết các lậu hoặc, tâm được giải thoát phải không?

–Không phải, thưa Thế Tôn!

–Thiện Hiện, ông nhờ trụ nơi chẳng đạo chẳng phi đạo mà dứt hết lậu hoặc tâm được giải thoát phải không?

–Không phải, thưa Thế Tôn!

Phật nói:

–Thiện Hiện, nhờ trụ vào đâu mà ông dứt hết các lậu hoặc tâm được vĩnh viễn giải thoát.

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải con có trụ nên dứt hết các lậu tâm được giải thoát vĩnh viễn mà là con dứt hết các lậu hoặc tâm được giải thoát hoàn toàn không trụ vào đâu cả.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, cũng như vậy, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa hoàn toàn không chỗ trụ khi chứng đắc và an trụ vào thật tế.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao trí Nhất thiết tướng gọi là trí Nhất thiết tướng vậy?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Biết tất cả pháp đều đồng một tướng là tướng vắng lặng cho nên gọi là trí Nhất thiết tướng.

Lại nữa Thiện Hiện, các hành trạng tướng có thể biểu thị các pháp, Như Lai có thể hiểu biết tất cả như thật cho nên gọi là trí Nhất thiết tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, hoặc trí Nhất thiết, hoặc trí Đạo tướng, hoặc trí Nhất thiết tướng, ba trí như vậy dứt các phiền não có sai khác không? dứt có còn sót hoặc không còn sót hay không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, chẳng phải việc dứt các phiền não có sự khác nhau nhưng các vị Như Lai đã vĩnh viễn dứt trừ sự tương tục của tất cả tập khí phiền não còn Thanh văn, Độc giác thì chưa vĩnh viễn dứt trừ sự tương tục

của tập khí.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, các phiền não đã đoạn thì được vô vi phải không?

Phật nói:

–Đúng vậy.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, Thanh văn, Độc giác không được vô vi có dứt hết phiền não không?

Phật nói:

–Chẳng dứt.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, trong pháp vô vi có sự sai biệt không?

Phật nói:

–Không có.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu pháp vô vi không có sai biệt vậy vì sao Phật nói tập khí tương tục của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều đã vĩnh viễn đoạn trừ còn tập khí tương tục của Thanh văn, Độc giác vẫn chưa được đoạn trừ vĩnh viễn?

Phật nói:

–Tập khí tương tục thật ra chẳng phải phiền não nhưng các Thanh văn và các Độc giác đã dứt phiền não chỉ còn một phần nhỏ tương tợ như tham, sân, si phát động nơi thân ngữ nên nói là tập khí tương tục. Tập khí tương tục này ở phàm phu ngu si thì có thể phát sinh việc không lợi ích còn ở Thanh văn, Độc giác thì nó không thể làm phát sinh việc không lợi ích, tất cả tập khí tương tục như vậy, chứ Phật Thế Tôn hoàn toàn không có.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, đạo với Niết-bàn đều không tự tánh, vì sao Phật nói đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là A-la-hán, đây là Độc giác, đây là Bồ-tát, đây là Như Lai.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc A-la-hán, hoặc Độc giác, hoặc Bồ-tát hoặc Như Lai tất cả đều từ vô vi hiển hiện ra.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, trong vô vi có thật có nghĩa Dự lưu cho đến Như Lai khác nhau không?

Phật nói:

–Không có!

Thiện Hiện lại nói:

–Nếu vậy tại sao Phật nói Dự lưu cho đến Như Lai tất cả đều từ vô vi hiện ra.

Phật nói:

–Thiện Hiện, Ta y theo thế tục mà hiển bày có Dự lưu... hiện ra sai khác chớ không dựa vào thắng nghĩa, chẳng phải ở trong thắng nghĩa mà có sự hiển bày. Vì sao vậy? Chẳng phải trong vô vi mà có cách nói năng, hoặc tuệ phân biệt, hoặc cả hai thứ nhưng do thế tục nói các pháp có chấm dứt nên y theo đó nói giai đoạn sau của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp, tự tướng đều không thì giai đoạn trước còn không có huống gì giai đoạn sau làm sao có, nay vì sao lại bày ra có giai đoạn sau vậy?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Tự tướng của các pháp sở hữu đều là không, giai đoạn trước còn không có, làm sao có giai đoạn sau, giai đoạn sau mà thật có thì thật phi lý. Nhưng các hữu tình không thể thấu rõ tự tướng của các pháp sở hữu đều không, để làm lợi ích cho họ nên Ta phương tiện giải nói đây là giai đoạn trước, đây là giai đoạn sau. Nhưng ở trong tự tướng không của tất cả các pháp giai đoạn trước, giai đoạn sau đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thấu rõ tự tướng của tất cả các pháp là không rồi thì nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát thấu rõ tự tướng tất cả các pháp đều không rồi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chấp trước đối với các pháp nghĩa là không chấp trước các pháp khác nhau hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thiện, hoặc ác, hoặc hữu ký, hoặc vô ký, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, cũng không chấp trước hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc Phật Như Lai, chỉ y theo ngôn ngữ của thế gian mà giả lập, không y theo

thắng nghĩa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 463

Phẩm 68: Xảo tiện (4)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Như Lai thường nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Do nhân duyên gì mà Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đến bờ bên kia rốt ráo của tất cả các pháp nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai có thể đến được bờ bên kia nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa phân tích các pháp nhỏ hơn cực vi, hoàn toàn không thấy một vật nhỏ nào thật sự có thể nắm bắt được nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa bao hàm chân như, pháp giới, pháp tánh nói rộng cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không có pháp nhỏ nào hoặc hợp hoặc tan, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có thấy, hoặc không thấy, hoặc hữu đối, hoặc vô đối nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng nên gọi là không tướng.

Lại nữa Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể sinh ra tất cả thiện pháp vi diệu, có thể phát sinh tất cả trí tuệ biện tài, có thể đưa đến tất cả an lạc thế gian và xuất thế gian, có thể thông đạt nghĩa lý sâu xa của tất cả các pháp, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có lý đạo chắc thật,

không thể lay động, hư hoại; nếu Đại Bồ-tát này hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì tất cả các ma và quyến thuộc của ma, Thanh văn, Độc giác, ngoại đạo, Phạm chí, bạn ác, kẻ thù đều không thể phá hoại. Vì sao vậy? Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nói tự tướng của tất cả các pháp đều là không, các ác ma... đều chẳng thể nắm bắt được nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải thật sự làm theo nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa này nghĩa là quán thấy tự tướng tất cả các pháp đều không nên tất cả ác duyên không thể lay động, phá hoại. Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nào muốn thực hành theo nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa thì phải thực hành nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã, nghĩa tịch tĩnh, nghĩa xa lìa, phải thực hành nghĩa tuệ khổ, tập, diệt, đạo, phải thực hành nghĩa trí của khổ, tập, diệt, đạo, phải thực hành nghĩa Pháp trí, Loại trí, Tha tâm trí, phải thực hành nghĩa Thế tục trí, Thắng nghĩa trí, phải thực hành nghĩa Tận trí, Vô sinh trí, phải thực hành nghĩa Tận sở hữu trí, Như sở hữu trí.

Thiện Hiện, để hành nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ở trong nghĩa lý sâu xa vi diệu của Bát-nhã ba-la-mật-đa này, nghĩa và chẳng phải nghĩa đều chẳng thể nắm bắt được vì sao để hành nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, để hành nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát phải nghĩ rằng: "Ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của tham, ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của sân, ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của si, ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của tà kiến, ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của tà định, ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của tất cả kiến thủ." Vì sao vậy? Chân như, thật tế của tham dục, sân hận, ngu si, tà kiến, tà định cho đến tất cả kiến thủ không phải là nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa đối với các pháp.

Lại nữa Thiện Hiện, để thực hành theo nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát phải nghĩ như vầy: "Ta không nên thực hành

nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của sắc; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của thọ, tưởng, hành, thức; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của nhãn xứ cho đến ý xứ; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của sắc xứ cho đến pháp xứ; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của nhãn giới cho đến ý giới; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của sắc giới cho đến pháp giới; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của nhãn thức giới cho đến ý thức giới; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của nhãn xúc cho đến ý xúc; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của địa giới cho đến thức giới; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của vô minh cho đến lão tử; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, ; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của năm loại mắt, sáu phép thần thông; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng

phải nghĩa của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; ta không nên thực hành nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa của trí Nhất thiết trí.” Vì sao vậy? Thiện Hiện, khi đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, Như Lai tìm nghĩa và chẳng phải nghĩa của tất cả các pháp đều không thể được. Thiện Hiện nên biết, dù Như Lai có ra đời hay không ra đời thì pháp tánh, pháp trụ, pháp định, pháp nhĩ của pháp đều thường trụ không có pháp nào là nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa đối với pháp. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên lìa tất cả sự chấp trước nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa để thực hành nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tại sao Bát-nhã ba-la-mật-đa không phải là nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa đối với các pháp?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, vì muốn chứng đắc pháp vô vi nên Bát-nhã ba-la-mật-đa không là nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa đối với các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, há không phải tất cả Hiền thánh đều lấy pháp vô vi làm thắng nghĩa sao?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Tất cả Hiền thánh đều dùng pháp vô vi làm thắng nghĩa, nhưng pháp vô vi không tăng ích, không tổn giảm đối với các pháp.

Thiện Hiện, giống như hư không, chân như, pháp giới không tăng ích, không tổn giảm đối với các pháp, cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà các Đại Bồ-tát thực hành cũng không tăng ích, hoặc tổn giảm đối với các pháp. Vì thế Bát-nhã ba-la-mật-đa không phải là nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa đối với các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, có phải các Đại Bồ-tát cần học Bát-nhã ba-la-mật-đa vô vi mới có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí sao?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Các Đại Bồ-tát cần phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mới có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí vì dùng pháp không hai làm phương tiện.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, có phải dùng pháp không hai để chứng đắc pháp không hai không?

Phật dạy:

–Không phải.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, có phải dùng pháp đối đãi để chứng đắc pháp không hai không?

Phật dạy:

–Không phải.

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu không thể dùng pháp đối đãi và pháp không hai để chứng đắc pháp không hai thì các Đại Bồ-tát phải làm sao để chứng đắc trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, pháp đối đãi và pháp không hai đều chẳng thể nắm bắt được cho nên không thể dùng pháp đối đãi hoặc pháp không hai để chứng đắc trí Nhất thiết trí nhưng pháp không sở đắc có thể chứng đắc không sở đắc. Vì sao vậy? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và trí Nhất thiết trí đều chẳng thể nắm bắt được.

-oOo-

Phẩm 69: Ví dụ cây

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa rất là sâu xa như thế, các Đại Bồ-tát có thể làm việc khó làm là không nắm bắt các hữu tình, cũng không nắm bắt sự tạo tác của các hữu tình nhưng vì hữu tình, họ cầu mong sớm chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thế Tôn, giống như có người muốn trồng cây ở hư không nơi không sắc, không thấy, không đối tượng, không nơi nương tựa thì rất khó, cũng

vậy việc các Đại Bồ-tát không nắm bắt hữu tình và sự tạo tác của họ mà vì hữu tình, vị ấy cầu chứng đắc trí Nhất thiết trí thì là việc rất khó.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Bát-nhã ba-la-mật-đa rất sâu xa; các Đại Bồ-tát có thể làm việc khó làm là không nắm bắt hữu tình và sự tạo tác của họ mà vì hữu tình cầu mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện nên biết, tuy các Đại Bồ-tát không thấy có hữu tình thật cũng không thấy sự tạo tác của họ nhưng hữu tình ngu si điên đảo chấp là có thật, chìm đắm trong sinh tử, chịu khổ không dứt cho nên vị ấy cầu sớm chứng đắc trí Nhất thiết trí để cứu vớt họ, dùng phương tiện thiện xảo để cứu độ họ. Giống như có người trồng cây nơi đất tốt, tuy người ấy không biết người thọ dụng, gốc, thân, nhánh, lá, hoa, quả của cây này nhưng sau khi đã trồng cây người ấy tùy thời tưới nước, gia công chăm sóc, cây này dần dần lớn lên, gốc, thân, cành, lá, hoa, quả sum suê, nhiều người nhờ dùng sản phẩm của cây đó mà được lành bệnh, yên vui; cũng vậy, tuy không thấy có quả báo, hữu tình nhưng vì các hữu tình, các Đại Bồ-tát cầu mau chứng đắc trí Nhất thiết trí, lần lượt tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô số pháp phần Bồ-đề khác. Sau khi tu các pháp ấy đã viên mãn, họ liền chứng đắc trí Nhất thiết trí làm cho các hữu tình thọ dụng quả báo, nhánh lá, hoa quả đều được lợi ích.

Thiện Hiện nên biết, lợi ích cành, lá là các hữu tình dựa vào Bồ-tát này được thoát khỏi đường ác, lợi ích nơi hoa là nhờ dựa vào Bồ-tát này, các hữu tình được sinh vào dòng dõi lớn Sát-đế-lợi hoặc sinh vào dòng dõi lớn Bà-la-môn, hoặc sinh vào dòng dõi lớn Trưởng giả, hoặc sinh vào dòng dõi lớn Cư sĩ, hoặc sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương cho đến hoặc sinh vào cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng; Lợi ích nơi quả là Đại Bồ-tát này tự chứng quả vị Giác ngộ cao tột làm cho các hữu tình hoặc trụ quả Dự lưu, hoặc trụ quả Nhất lai, hoặc trụ quả Bất hoàn hoặc trụ quả A-la-hán hoặc trụ Độc giác Bồ-đề hoặc trụ quả vị Giác ngộ cao tột. Các hữu tình này siêng tu các pháp lành, nương theo đạo ba thừa lần lượt chứng đắc Niết-bàn ba thừa. Như vậy gọi là lợi ích của quả báo.

Thiện Hiện, tuy làm việc lợi ích lớn như vậy nhưng các Đại Bồ-tát hoàn toàn không thấy thật có hữu tình nào đạt được Niết-bàn, chỉ thấy vọng tưởng và các khổ lặng dứt. Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nắm bắt hữu tình và sự tạo tác của

họ nhưng vì trừ diệt ngã chấp điên đảo của họ nên Bồ-tát cầu mau chứng đắc trí Nhất thiết trí. Vì vậy, đó là việc khó làm.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, nên biết các Đại Bồ-tát cũng như Phật. Vì sao vậy? Vì dựa vào các Đại Bồ-tát ta liền có thể vĩnh viễn đoạn trừ tất cả địa ngục, bàng sinh, quỷ giới và cũng có thể vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tai nạn, nghèo thiếu, thấp kém và các khổ ở ba cõi.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Nên biết các Đại Bồ-tát cũng như Phật. Nếu không có các Bồ-tát ở thế gian thì không có tất cả Như Lai ở ba đời cũng không có Độc giác và Thanh văn, cũng không thể vĩnh viễn đoạn trừ tất cả địa ngục, bàng sinh, quỷ giới và tai nạn, nghèo thiếu thấp kém cùng các khổ trong ba cõi. Vì thế, Thiện Hiện, việc ông nói các Đại Bồ-tát giống như Phật thật là đúng.

Lại nữa Thiện Hiện, nên biết các Đại Bồ-tát tức là Như Lai. Vì sao vậy? Thiện Hiện, nếu do chân như này tạo ra Như Lai tức là do chân như này tạo ra Độc giác, cũng do chân như này tạo ra Thanh văn, cũng do chân như này tạo ra Hiền thánh; cũng do chân như này tạo ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức; cũng do chân như này tạo ra nhãn xứ cho đến ý xứ; cũng do chân như này tạo ra sắc xứ cho đến pháp xứ; cũng do chân như này tạo ra nhãn giới cho đến ý giới; cũng do chân như này tạo ra sắc giới cho đến pháp giới; cũng do chân như này tạo ra nhãn thức giới cho đến ý thức giới; cũng do chân như này tạo ra nhãn xúc cho đến ý xúc; cũng do chân như này tạo ra các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; cũng do chân như này tạo ra địa giới cho đến thức giới; cũng do chân như này tạo ra nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; cũng do chân như này tạo ra vô minh cho đến lão tử; cũng do chân như này tạo ra Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng do chân như này tạo ra pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng do chân như này tạo ra Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng do chân như này tạo ra bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng do chân như này tạo ra bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng do chân như này tạo ra tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng do chân như này tạo ra ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng do chân như này tạo ra bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; cũng do chân như này tạo ra bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng do chân như này tạo ra tất cả

pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng do chân như này tạo ra năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng do chân như này tạo ra mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng do chân như này tạo ra ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật; cũng do chân như này tạo ra pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng do chân như này tạo ra trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng do chân như này tạo ra tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; cũng do chân như này tạo ra quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; cũng do chân như này tạo ra trí Nhất thiết trí; cũng do chân như này tạo ra cảnh giới hữu vi; cũng do chân như này tạo ra cảnh giới vô vi; cũng do chân như này tạo ra tất cả các pháp; cũng do chân như này tạo ra tất cả hữu tình; cũng do chân như này tạo ra tất cả Đại Bồ-tát. Như vậy này Thiện Hiện, hoặc chân như của Như Lai, hoặc chân như của Độc giác, hoặc chân như của Thanh văn, hoặc chân như của tất cả Hiền thánh, hoặc chân như của tất cả các pháp như sắc..., hoặc chân như của tất cả hữu tình, hoặc chân như của tất cả Đại Bồ-tát, tất cả chân như này thật ra đều không khác nhau; do không khác nên gọi là chân như. Các Đại Bồ-tát tu học viên mãn đối với chân như này liền có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí. Do đã chứng đắc trí Nhất thiết trí nên họ được gọi là Như Lai. Do đó nên biết các Đại Bồ-tát tức là Như Lai vì tất cả các pháp, tất cả hữu tình đều lấy chân như làm định lượng. Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Ai học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tức là học chân như của tất cả các pháp. Ai học chân như của tất cả pháp thì được tự tại đối với chân như tất cả pháp. Nếu được tự tại đối với chân như của tất cả pháp thì được trí phân biệt căn cơ hơn kém của tất cả hữu tình. Nếu đạt được trí phân biệt căn cơ hơn kém của tất cả hữu tình thì có thể biết hết sự hiểu biết sai khác của tất cả hữu tình, nếu có thể biết hết sự hiểu biết sai khác của tất cả hữu tình thì biết nghiệp và quả báo của tất cả hữu tình, nếu biết nghiệp và quả báo của tất cả hữu tình thì trí nguyện viên mãn, nếu trí nguyện viên mãn thì có thể tịnh tu diệu trí ba đời, nếu có thể tịnh tu diệu trí ba đời thì có thể viên mãn trí Nhất thiết trí. Nếu có thể viên mãn trí Nhất thiết trí thì có thể làm đúng theo hạnh Bồ-tát, nếu có thể làm đúng theo hạnh Bồ-tát thì có thể thường dùng tài thí, pháp thí làm lợi ích hữu tình; nếu có thể dùng tài thí, pháp thí làm lợi ích hữu tình thì có thể thật sự đem lại sự thành tựu cho hữu tình, nếu có thể thật sự đem lại sự thành tựu cho hữu tình thì có thể thật sự làm nghiêm tịnh cõi Phật, nếu có thể thật sự làm nghiêm tịnh cõi Phật thì có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí, nếu có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí thì có thể thật sự chuyển

pháp luân vi diệu, nếu có thể thật sự chuyển pháp luân vi diệu thì có thể giúp hữu tình đứng vững nơi đạo ba thừa, nếu có thể giúp hữu tình đứng vững nơi đạo ba thừa thì có thể giúp cho hữu tình nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thấy vô lượng công đức tự lợi lợi tha như vậy, muốn làm cho tâm đại Bồ-đề đã phát trở nên kiên cố không thoái chuyển thì nên siêng năng tu hành phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào có thể phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách đúng đắn thì thế gian Trời, Người, A-tố-lạc... đều nên cung kính lễ lạy.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Đại Bồ-tát nào phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách đúng đắn thì thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... đều nên cung kính, lễ lạy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu vì làm lợi ích cho tất cả hữu tình, các Đại Bồ-tát vừa phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột thì được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, giả sử tất cả hữu tình đầy khắp tiểu thiên thế giới đều đến địa vị Thanh văn, Độc giác thì theo ý ông phước đức của các hữu tình này có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều, phước đức mà họ thu được là vô lượng, vô biên.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, phước mà các hữu tình ấy thu được so với phước của một Đại Bồ-tát thu được nhờ mới phát tâm quả vị Giác ngộ cao tột để làm lợi ích tất cả hữu tình mà ông vừa hỏi thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, trăm ức, muôn ức. Vì sao vậy? Thanh văn, Độc giác đều dựa vào Đại Bồ-tát mà có, không phải Đại Bồ-tát dựa vào các Thanh văn, Độc giác mà có.

Lại nữa Thiện Hiện, hãy gác lại phước đức mà tất cả hữu tình đầy tiểu thiên thế giới hoặc trung thiên thế giới thu được nhờ đều đạt đến địa vị

Thanh văn hoặc Độc giác, giả sử tất cả hữu tình ở thế giới ba lần ngàn đều đạt đến địa vị Thanh văn, Độc giác thì theo ý ông phước đức các hữu tình này thu được có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Phước đức mà họ thu được là vô lượng, vô biên.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, phước mà các hữu tình ấy thu được so với phước của một Đại Bồ-tát thu được nhờ mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột để làm lợi ích tất cả hữu tình mà ông đã hỏi thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, một phần trăm ức, muôn ức. Vì sao vậy? Vì Thanh văn, Độc giác đều dựa vào Đại Bồ-tát mà có, chẳng phải Đại Bồ-tát dựa vào Thanh văn, Độc giác mà có.

Lại nữa Thiện Hiện, hãy gác lại phước mà tất cả hữu tình đầy khắp thế giới ba lần ngàn có được nhờ đạt đến địa vị Thanh văn hoặc Độc giác, giả sử tất cả hữu tình đầy khắp thế giới ba lần ngàn đều trụ ở bậc Tịnh quán thì theo ý ông phước đức của các hữu tình này có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Phước đức người ấy thu được là vô lượng, vô biên.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lượng phước mà các hữu tình ấy thu được so với phước của một Đại Bồ-tát thu được nhờ mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột để làm lợi ích tất cả hữu tình mà ông đã hỏi thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, trăm ức, muôn ức. Vì sao vậy? Thanh văn, Độc giác đều dựa vào Đại Bồ-tát mà có, chẳng phải Đại Bồ-tát dựa vào Thanh văn, Độc giác mà có.

Lại nữa Thiện Hiện, hãy gác lại phước đức mà tất cả hữu tình khắp thế giới ba lần ngàn có được nhờ đều trụ vào bậc Tịnh quán, giả sử tất cả hữu tình đầy khắp thế giới ba lần ngàn đều trụ vào bậc Chủng tánh, hoặc bậc Đệ bát, hoặc bậc Cụ kiến, hoặc bậc Bạc, hoặc bậc Ly dục, hoặc bậc Dĩ biện và giả sử tất cả hữu tình khắp thế giới ba lần ngàn đều trụ vào địa vị Độc giác thì theo ý ông phước đức các hữu tình này thu được có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Phước mà họ thu được là vô lượng, vô biên.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lượng phước mà các hữu tình ấy thu được so với phước của một Đại Bồ-tát thu được nhờ mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột để làm lợi ích tất cả hữu tình mà ông đã hỏi thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, trăm ức, muôn ức. Vì sao vậy? Thanh văn, Độc giác đều dựa vào Đại Bồ-tát mà có, chẳng phải Đại Bồ-tát dựa vào Thanh văn mà có.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử tất cả hữu tình đầy khắp thế giới ba lần ngàn đều mới phát tâm để làm lợi ích tất cả hữu tình, lượng phước các Đại Bồ-tát này thu được so với lượng phước của một Đại Bồ-tát đã nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thu được thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, trăm ức, muôn ức.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử tất cả hữu tình đầy khắp thế giới ba lần ngàn đều nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, lượng phước mà các Đại Bồ-tát này thu được so với phước mà một Đại Bồ-tát hành Bồ-đề hướng thu được thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, trăm ức, muôn ức.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử tất cả hữu tình đầy khắp thế giới ba lần ngàn đều hành Bồ-đề hướng, lượng phước mà các Đại Bồ-tát này thu được so với phước của một vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có được thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, trăm ức, muôn ức.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột tư duy những gì?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này thường chỉ tư duy về trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Trí Nhất thiết trí lấy gì làm tánh, lấy gì làm sở duyên, lấy gì làm tăng thượng, lấy gì làm hành tướng và lấy gì làm tướng?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, trí Nhất thiết trí lấy không tánh làm tánh bởi vì nó không tướng, không nhân, không chỗ cảnh giác, không sinh không hiện. Còn vấn

đề ông hỏi: "Trí Nhất thiết trí lấy gì làm sở duyên, lấy gì làm tăng thượng, lấy gì làm hành tướng và lấy gì làm tướng", thì trả lời là: "Trí Nhất thiết trí lấy không tánh làm sở duyên, chánh niệm làm tăng thượng, tịch tĩnh làm hành tướng, pháp giới làm tướng."

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Chỉ có trí Nhất thiết trí lấy không tánh làm tánh hay sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lấy không tánh làm tánh, nhãn xứ cho đến ý xứ cũng lấy không tánh làm tánh; sắc xứ cho đến pháp xứ cũng lấy không tánh làm tánh; nhãn giới cho đến ý giới cũng lấy không tánh làm tánh; sắc giới cho đến pháp giới cũng lấy không tánh làm tánh; nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng lấy không tánh làm tánh; nhãn xúc cho đến ý xúc cũng lấy không tánh làm tánh; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng lấy không tánh làm tánh; địa giới cho đến thức giới cũng lấy không tánh làm tánh; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng lấy không tánh làm tánh; vô minh cho đến lão tử cũng lấy không tánh làm tánh; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng lấy không tánh làm tánh; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng lấy không tánh làm tánh; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng lấy không tánh làm tánh; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng lấy không tánh làm tánh; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng lấy không tánh làm tánh; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng lấy không tánh làm tánh; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng lấy không tánh làm tánh; ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng lấy không tánh làm tánh; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cũng lấy không tánh làm tánh; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng lấy không tánh làm tánh; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng lấy không tánh làm tánh; năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng lấy không tánh làm tánh; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng lấy không tánh làm tánh; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ cũng lấy không tánh làm tánh; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng lấy không tánh làm tánh; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng lấy không tánh làm tánh; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cũng lấy không tánh làm tánh, tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát cũng lấy không tánh làm tánh; quả vị Giác ngộ cao tột của Phật cũng lấy không tánh làm tánh, cảnh giới hữu vi cũng lấy không tánh làm tánh; cảnh giới vô vi cũng lấy không tánh làm tánh.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, chẳng phải chỉ có trí Nhất thiết trí lấy không tánh làm tánh mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lấy không tánh làm tánh như vậy cho đến cảnh giới hữu vi cảnh giới vô vi cũng lấy không tánh làm tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao trí Nhất thiết trí lấy không tánh làm tánh, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lấy không tánh làm tánh, như vậy cho đến cảnh giới hữu vi cảnh giới vô vi cũng lấy không tánh làm tánh?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, tự tánh của trí Nhất thiết trí là không. Pháp nào có tự tánh là không thì pháp đó lấy không tánh làm tánh. Tự tánh của sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng là không, pháp nào có tự tánh không thì pháp đó lấy không tánh làm tánh như vậy cho đến tự tánh của cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi cũng là không, pháp nào có tự tánh không thì pháp ấy lấy không tánh làm tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tại sao tự tánh của trí Nhất thiết trí là không, tự tánh của sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không như vậy cho đến tự tánh của cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi cũng là không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, trí Nhất thiết trí không có tự tánh hòa hợp, pháp nào không có tự tánh hòa hợp thì pháp ấy lấy không tánh làm tánh, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có tánh hòa hợp, pháp nào không có tánh hòa hợp thì pháp ấy lấy không tánh làm tánh, như vậy cho đến cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi cũng không có tự tánh hòa hợp, pháp nào không có tự tánh hòa hợp thì pháp ấy lấy không tánh làm tánh. Thiện Hiện, vì lý do này, các Đại Bồ-tát nên biết, tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả pháp đều lấy Không, Vô tướng, Vô nguyện làm tự tánh, Thiện Hiện, vì lý do đó các Đại Bồ-tát nên biết tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả pháp đều lấy chân như, thật tế, pháp giới làm tự tánh, Thiện Hiện, vì lý do đó các Đại Bồ-tát nên biết tất cả pháp đều lấy không tánh làm tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều không tánh thì các Đại Bồ-tát

mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể trụ vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể trụ vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành Đại Bồ-tát địa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành năm loại mắt, sáu phép thần thông, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì có thể thực hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thành tựu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, đem lại sự thành tựu cho

hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; phải thành tựu những phương tiện thiện xảo gì để có thể thực hành trí Nhất thiết trí, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, tuy biết tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tánh nhưng thường siêng năng đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, tuy thường siêng năng đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật nhưng thường biết rõ tất cả hữu tình và các cõi Phật đều lấy không tánh làm tánh.

Thiện Hiện, tuy thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa học đạo Bồ-đề nhưng Đại Bồ-tát này biết Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và đạo Bồ-đề đều lấy không tánh làm tánh, như vậy cho đến tuy thực hành trí Nhất thiết trí học đạo Bồ-đề nhưng vị ấy biết trí Nhất thiết trí và đạo Bồ-đề đều lấy không tánh làm tánh.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa học đạo Bồ-đề như vậy, nói rộng cho đến tu hành trí Nhất thiết trí học đạo Bồ-đề như vầy, nếu chưa thành tựu mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và vô lượng, vô biên Phật pháp khác thì đều gọi là học đạo Bồ-đề chưa được viên mãn; nếu học đạo này đã được viên mãn thì nhờ tương ưng với Bát-nhã trong một sát-na liền có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí. Khi ấy sự nối tiếp của tập khí phiền não vi tế đều vĩnh viễn không sinh nghĩa là dứt trừ sạch và được gọi là Phật. Vị ấy lại dùng Phật nhãn sáng suốt không chướng ngại quán sát khắp các pháp ở mười phương ba đời thì chẳng thể nắm bắt được pháp không huống gì là nắm bắt pháp có.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tin hiểu tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tánh.

Thiện Hiện, đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, nghĩa là thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được không huống gì nắm bắt được có.

Thiện Hiện, lúc tu hành Bố thí ba-la-mật-đa đối với pháp bố thí, người bố thí, người nhận, vật bố thí, quả báo của bố thí và tâm Bồ-đề, Đại Bồ-tát này không thấy không huống gì là thấy có, như vậy cho đến lúc

chứng đắc trí Nhất thiết trí, đối với trí Nhất thiết trí, hoặc người chứng, hoặc pháp được chứng, hoặc lý do chứng đắc, hoặc lúc chứng đắc, nơi chứng đắc vị ấy không thấy không huống gì là thấy có. Vì sao vậy?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này thường nghĩ rằng: "Các pháp đều lấy không tánh làm tánh. Như vậy không tánh chẳng phải do Phật làm, chẳng phải do Bồ-tát làm, chẳng phải do Độc giác làm, chẳng phải do Thanh văn làm, chẳng phải do bất cứ ai làm, bởi vì tất cả các pháp đều không có người tạo tác do xa lìa người tạo tác."

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, há chẳng phải các pháp và tánh các pháp xa lìa sao?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, các pháp và tánh các pháp là xa lìa.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp xa lìa pháp tánh thì vì sao pháp xa lìa có thể biết pháp xa lìa là có hoặc không. Bạch Thế Tôn, pháp có không thể biết pháp không, pháp không không thể biết pháp có, pháp có không thể biết pháp có, pháp không không thể biết pháp không. Bạch Thế Tôn, như vậy tất cả pháp đều lấy không biết làm tánh thì vì sao Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, hiện bày đủ thứ ở trong các pháp như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức hoặc có, hoặc không; nhãn xứ cho đến ý xứ hoặc có, hoặc không; sắc xứ cho đến pháp xứ hoặc có, hoặc không; nhãn giới cho đến ý giới hoặc có, hoặc không; sắc giới cho đến pháp giới hoặc có, hoặc không; nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoặc có, hoặc không; nhãn xúc cho đến ý xúc hoặc có, hoặc không; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc có, hoặc không; địa giới cho đến thức giới hoặc có, hoặc không; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên hoặc có, hoặc không; vô minh cho đến lão tử hoặc có, hoặc không; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc có, hoặc không; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc có, hoặc không; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc có, hoặc không; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo hoặc có, hoặc không; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoặc có, hoặc không; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc có, hoặc không; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ hoặc có, hoặc không; ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện hoặc có, hoặc không; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai hoặc có, hoặc không; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân hoặc có, hoặc không; tất cả

pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc có, hoặc không; năm loại mắt, sáu phép thần thông hoặc có, hoặc không; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc có, hoặc không; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật hoặc có, hoặc không; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả hoặc có, hoặc không; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc có, hoặc không; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề hoặc có, hoặc không; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát hoặc có, hoặc không; quả vị Giác ngộ cao tột của Phật hoặc có, hoặc không; trí Nhất thiết trí hoặc có, hoặc không; cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi hoặc có, hoặc không?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tùy theo thế tục nên hiển bày các pháp hoặc có, hoặc không không phải tùy theo thắng nghĩa.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, thế tục và thắng nghĩa có khác nhau không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, chẳng khác, không phải ngoài thế tục mà có thắng nghĩa. Vì sao vậy? Chân như của thế tục tức là thắng nghĩa. Các loài hữu tình điên đảo vọng chấp, không thấy, không biết đối với chân như này, để làm lợi ích cho họ, các Đại Bồ-tát tùy theo tướng thế tục hiển bày các pháp hoặc có, hoặc không, chẳng phải tùy theo thắng nghĩa.

Lại nữa Thiện Hiện, vô số hữu tình phát sinh ý tưởng thật có hoặc thật không đối với các pháp như uẩn... không biết rõ các pháp chẳng có, chẳng không, để làm lợi ích cho họ, các Đại Bồ-tát hiển bày uẩn... hoặc có, hoặc không giúp cho các hữu tình nhờ đó thấu rõ các pháp như uẩn... chẳng có chẳng không chứ chẳng phải muốn làm cho họ chấp tướng thật có không. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên siêng năng xa lìa việc chấp có và không để hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 464

Phẩm 70: Bồ-tát hạnh

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ngài đã dạy Bồ-tát phải thực hành Bồ-tát hạnh. Vậy pháp gì gọi là Bồ-tát hạnh?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, hạnh Bồ-tát là việc làm của Bồ-tát nghĩa là vì quả vị Giác ngộ cao tột, Bồ-tát phải đi trong sinh tử nên gọi là Bồ-tát hạnh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát phải hành Bồ-tát hạnh ở đâu?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải hành Bồ-tát hạnh nơi không sắc, thọ, tưởng, hành, thức; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không nhãn xứ cho đến ý xứ; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không sắc xứ cho đến pháp xứ; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không nhãn giới cho đến ý giới; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không sắc giới cho đến pháp giới; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không nhãn thức giới cho đến ý thức giới; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không nhãn xúc cho đến ý xúc; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến không các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không địa giới cho đến thức giới; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; phải hành Bồ-tát hạnh nơi không vô minh cho đến lão tử; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào bốn Tĩnh lự, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào bốn Vô lượng, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào bốn Định vô sắc; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào tám Giải thoát, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào tám Thắng xứ, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào chín Định thứ đệ, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào mười Biến xứ; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào ba pháp môn giải thoát; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào mười địa; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào tất cả pháp

môn Đà-la-ni, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào tất cả pháp môn Tam-ma-địa; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào năm loại mắt, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào sáu phép thần thông; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào mười lực của Như Lai, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào bốn điều không sợ; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào mười tám pháp Phật bất cộng; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào việc làm nghiêm tịnh cõi Phật, phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình; phải hành Bồ-tát hạnh dựa vào việc phát sinh văn tự Đà-la-ni, phải thực hành Bồ-tát hạnh dựa vào việc ngộ nhập văn tự Đà-la-ni, phải thực hành Bồ-tát hạnh dựa vào việc ngộ nhập không văn tự Đà-la-ni; phải thực hành Bồ-tát hạnh dựa vào việc làm phát sinh biện tài vô ngại; phải thực hành Bồ-tát hạnh dựa vào cảnh giới hữu vi, phải thực hành Bồ-tát hạnh dựa vào cảnh giới vô vi.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lúc tu hành Bồ-tát hạnh như thế thì cũng giống như quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, không phân biệt hai tướng đối với các pháp. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào lúc hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì gọi là vì quả vị Giác ngộ cao tột nên tu Bồ-tát hạnh. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể tu Bồ-tát hạnh như vậy thì mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ngài đã nói về Phật-đà. Phật-đà ấy dựa vào nghĩa gì để gọi là Phật-đà?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, dựa vào nghĩa giác ngộ, nghĩa chân thật, nghĩa Thế Tôn nên gọi là Phật-đà.

Lại nữa Thiện Hiện, ở trong các thật pháp mà thị hiện Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là Phật-đà; lại nữa Thiện Hiện, thông đạt thật pháp nên gọi là Phật-đà; lại nữa Thiện Hiện, đối với tất cả pháp như tánh sở hữu, chấm dứt tánh sở hữu, giác ngộ sự điên đảo nên gọi là Phật-đà.

Lại nữa Thiện Hiện, vì trí chuyển vô ngại biến khắp ba đời cùng pháp vô vi nên gọi là Phật-đà. Lại nữa Thiện Hiện, mở ra sự giác ngộ như thật cho tất cả hữu tình, giúp họ xa lìa điên đảo nên gọi là Phật-đà.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như Ngài đã nói về Bồ-đề. Bồ-đề ấy nương vào nghĩa gì mà gọi là Bồ-đề?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Bồ-đề là nghĩa không, là nghĩa chân như, là nghĩa thật tế, là nghĩa pháp tánh, là nghĩa pháp giới. Lại nữa Thiện Hiện, giả lập danh tướng, bày ra nói năng để làm cho giác ngộ sự thắng diệu tối thượng nên gọi là Bồ-đề.

Lại nữa Thiện Hiện, nghĩa không thể phá hoại là nghĩa Bồ-đề, nghĩa không phân biệt là nghĩa Bồ-đề. Lại nữa Thiện Hiện, là chân chánh, là thật, chẳng hư dối, chẳng đổi thay nên gọi là Bồ-đề. Lại nữa Thiện Hiện, chỉ là danh tướng giả, không thật có để có thể nắm bắt được nên gọi là Bồ-đề.

Lại nữa Thiện Hiện, vì chư Phật có tánh giác biến khắp thanh tịnh nên gọi là Bồ-đề. Lại nữa Thiện Hiện, nương vào đó mà chư Phật hiện chứng Chánh đẳng Chánh giác đối với tất cả pháp, tất cả các loại tướng nên gọi là Bồ-đề.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì Bồ-đề mà các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết trí thì làm lợi, làm hại, làm tăng, làm giảm, làm sinh, làm diệt, làm nhiễm, làm tịnh đối với những pháp nào?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, vì Bồ-đề các Đại Bồ-tát tu sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết trí thì không lợi, không hại, không tăng, không giảm, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh đối với tất cả các pháp. Vì sao vậy? Vì Bồ-đề, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa lấy tất cả pháp hoàn toàn không sở duyên làm phương tiện, không làm lợi hại, không làm tăng giảm, không làm sinh diệt, không làm nhiễm tịnh đối với các pháp ở ngay trong hiện tại.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu vì Bồ-đề nên lúc tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết trí, Đại Bồ-tát nào lấy tất cả pháp hoàn toàn không sở duyên làm phương tiện, không làm lợi hại, không làm tăng giảm, không làm sinh diệt, không làm nhiễm tịnh đối với các pháp ngay trong hiện tại thì Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa làm sao hộ trì Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; làm sao hộ trì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; làm sao hộ trì chân như

cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; làm sao hộ trì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; làm sao hộ trì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; làm sao hộ trì bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; làm sao hộ trì tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; làm sao hộ trì ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; làm sao hộ trì các địa của Bồ-tát; làm sao hộ trì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; làm sao hộ trì năm loại mắt, sáu phép thần thông; làm sao hộ trì mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; làm sao hộ trì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; làm sao hộ trì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; làm sao vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác, nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, dần dần chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát không kẹt ở hai bên nên nắm giữ, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến không kẹt ở hai bên cho nên lần lượt chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu các Đại Bồ-tát không kẹt ở hai bên nên nắm giữ, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến không vướng ở hai bên nên tuần tự chứng đắc trí Nhất thiết trí thì vì sao từ lúc mới phát tâm trở về sau Đại Bồ-tát thường tăng thêm tất cả pháp lành?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thấy có hai mà thực hành thì tất cả các pháp lành không thể tăng thêm. Vì sao vậy? Phàm phu ngu si đều nương vào pháp đối đãi nên các pháp lành đã phát sinh không thể tăng thêm. Đại Bồ-tát nào do không thấy hai nên thực hành thì lúc mới phát tâm cho đến về sau thường tăng thêm tất cả thiện pháp.

Vì thế, này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát có căn lành kiên cố nên thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... không thể hủy hoại làm rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác, các loại pháp ác của thế gian không thể khống chế làm cho lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết trí các pháp lành đã có không được tăng thêm.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không hai.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, vì căn lành nên các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa phải không?

Phật bảo:

–Không phải. Các Đại Bồ-tát không phải vì thiện căn nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng không phải vì không thiện căn nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao vậy? Vì pháp của các Đại Bồ-tát là như vậy, nếu chưa thân cận chư Phật Thế Tôn, hoặc các thiện căn chưa hoàn toàn viên mãn, hoặc chưa được bạn lành thường xuyên hộ trì thì quyết không thể đạt được trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát thân cận chư Phật, viên mãn căn lành, thường được bạn lành bảo bọc thì có thể mau chứng đắc trí Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, từ lúc mới phát tâm, các Đại Bồ-tát thân cận Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nghe giảng chánh pháp là Khế kinh cho đến Luận nghị, nghe xong thọ trì, ôn tập thường xuyên làm cho hoàn toàn thông suốt. Sau khi đã hoàn toàn thông suốt, vị ấy tư duy quán sát, sau khi đã quán sát vị ấy thấy rõ nghĩa lý sâu sắc, thấy nghĩa lý rồi, lại hoàn toàn thông đạt. Sau khi đã hoàn toàn thông đạt, vị ấy đạt được Đà-la-ni, phát sinh biện tài vô ngại cho đến chứng đắc trí Nhất thiết trí. Dù sinh ở đâu, vị ấy cũng không quên mất nghĩa lý của giáo pháp chân chánh mình đã được nghe và hành trì và vị ấy trồng nhiều căn lành ở chỗ chư Phật. Nhờ năng lực của căn lành bảo bọc nên vị ấy không đọa vào cảnh giới ác và nạn xứ. Nhờ được căn lành che chở nên vị ấy thường được vui vẻ thanh tịnh. Nhờ năng lực vui vẻ thanh tịnh bảo bọc nên vị ấy thường không điên đảo, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Lại nhờ căn lành bảo bọc nên vị ấy thường không xa lìa bạn lành thanh tịnh, chân chánh là các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, các Đại Bồ-tát các Thanh văn, Độc giác và những người thường ca ngợi Phật, Pháp, Tăng khác.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thân cận chư Phật viên mãn căn lành được bạn lành chân chánh hộ trì thường xuyên thì có thể mau chứng đắc trí Nhất thiết trí. Vì vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa muốn mau chứng đắc trí Nhất thiết trí thì phải siêng năng gần gũi chư Phật, giữ gìn cho các căn lành đã trồng được viên mãn và thờ phụng bạn lành đừng sinh nhàm chán.

-oOo-

Phẩm 71: Thân cây

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào không thân cận chư Phật, không viên mãn căn lành, không noi gương bạn lành thì lẽ nào không đạt được trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ai không thể thân cận chư Phật, viên mãn căn lành, noi gương bạn lành còn không được gọi là Đại Bồ-tát huống chi là chứng đắc trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy?

Có Đại Bồ-tát gần gũi chư Phật, trồng các căn lành, noi gương bạn lành còn không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí huống gì người không thân cận chư Phật, không viên mãn căn lành, không noi theo bạn lành mà có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí hay sao? Người ấy mà có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí thì thật phi lý. Vì vậy, Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn được gọi là Đại Bồ-tát, muốn mau chứng đắc trí Nhất thiết trí thì phải thân cận chư Phật Thế Tôn, viên mãn căn lành, noi theo bạn lành, đừng sinh nhàm chán.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có Đại Bồ-tát tuy thân cận chư Phật, trồng các căn lành, thừa sự thiện hữu mà không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát ấy xa lìa phương tiện thiện xảo nên tuy thân cận chư Phật, trồng các căn lành, noi theo bạn lành mà không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí nghĩa là Đại Bồ-tát ấy không theo chư Phật và các bạn lành để nghe nói phương tiện thiện xảo thù thắng nên tuy thân cận chư Phật, trồng các căn lành, noi theo bạn lành mà không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì gọi là phương tiện thiện xảo mà các Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy để làm mọi việc ở các cõi thì chắc chắn có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm tu hành Bố thí ba-

la-mật-đa, bằng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí hoặc cúng dường chư Phật hoặc cúng dường Bồ-tát, hoặc cúng dường Độc giác, hoặc cúng dường Thanh văn hoặc cúng dường các Sa-môn, Phạm chí khác, hoặc bố thí cho những người tu phạm hạnh theo ngoại đạo, hoặc bố thí cho người nghèo khó, người đi đường người khổ hạnh và người đến xin, hoặc bố thí cho tất cả các hàng người và phi nhân... Đại Bồ-tát này thành tựu tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí như vậy, tuy thực hành bố thí nhưng không có tưởng bố thí, không tưởng người nhận cũng không có tưởng tất cả ngã và ngã sở. Vì sao vậy?

Đại Bồ-tát này quán sát tự tướng tất cả pháp đều là không, không thật, không thành, không chuyển đổi, không tiêu diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy nên thường tăng trưởng giác phần căn lành. Do căn lành thường tăng thêm nên vị ấy có thể thực hành Bố thí ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy thực hành bố thí nhưng không mong cầu quả báo của việc bố thí nghĩa là không hồi hướng đến cảnh giới đáng yêu và sinh nơi thù thắng, chỉ vì cứu giúp những người không ai cứu giúp và muốn giải thoát những người chưa được giải thoát, nên tu hành Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí để thọ trì tịnh giới, tâm thường không khởi tham, sân, si... và bị tùy miên ràng buộc, cũng không phát sinh các pháp bất thiện khác có thể làm chướng ngại Bồ-đề như là keo kiệt, ác giới, giận hờn, giải đãi, tâm hèn hạ, tâm tán loạn, các mạn ác tuệ là quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng trưởng mạn, ty mạn, tà mạn và tác ý tương ưng với Thanh văn, Độc giác. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này quán tự tướng của tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển đổi, không tiêu diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thường tăng trưởng giác phần căn lành. Nhờ căn lành này thường tăng trưởng nên có thể thực hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy thực hành tịnh giới nhưng vị ấy không mong cầu quả báo của việc giữ giới, cũng không hồi hướng đến cảnh giới đáng yêu và sinh nơi thù thắng; chỉ vì cứu giúp những người không ai cứu giúp và muốn giải thoát những

người chưa được giải thoát nên vị ấy tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí làm phương tiện để tu học an nhẫn cho đến để bảo vệ mạng mình, Đại Bồ-tát này cũng không phát sinh một niệm giận hờn, một lời nói ác hay một tâm oán hận báo thù. Giả sử có người muốn đến hại mạng mình, cướp đoạt của cải, xâm chiếm vợ con, nhà cửa, vu khống mạ nhục, chia rẽ, khinh khi, hoặc đánh hoặc đâm, hoặc cắt hoặc chặt và gây ra đủ thứ việc tai hại khác thì vị ấy hoàn toàn không giận hờn hữu tình đó, chỉ cầu mong làm cho người kia được lợi ích an lạc. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này quán tự tướng tất cả các pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy nên thường tăng trưởng giác phần căn lành. Do căn lành này thường tăng trưởng nên vị ấy có thể thực hành An nhẫn ba-la-mật-đa đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy thực hành an nhẫn nhưng vị ấy không mong cầu quả báo của việc an nhẫn nghĩa là không hồi hướng đến cảnh giới đáng yêu và nơi sinh thù thắng, chỉ vì cứu giúp những người không ai cứu giúp và muốn giải thoát những người chưa được giải thoát nên vị ấy tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí làm phương tiện, phát sinh siêng năng dũng mãnh một cách chân chánh không khiếp sợ, xa lìa tâm giải đãi, hèn yếu. Vì cầu Bồ-đề, vị ấy không sợ các khổ, không phế bỏ việc tu tập các pháp lành, vì sao vậy? Đại Bồ-tát này quán tự tướng tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thường tăng thêm giác phần căn lành. Nhờ căn lành này thường tăng thêm nên vị ấy có thể thực hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy hành tinh tấn nhưng vị ấy không mong cầu quả báo của việc tinh tấn nghĩa là không hồi hướng đến cảnh giới đáng yêu và nơi sinh thù thắng, chỉ vì cứu giúp những người không được ai cứu giúp và giải thoát những người chưa giải thoát nên vị ấy tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm tu hành

Tĩnh lự ba-la-mật-đa, dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí để tu học các định. Khi mắt thấy các sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm giác sự xúc chạm, ý phân biệt các pháp, Đại Bồ-tát này không nắm giữ các tướng không theo đuổi âm thanh sắc tướng tốt đẹp tức là giữ gìn các căn ngay nơi đối tượng ấy, không sống phóng dật, không làm phát sinh các pháp ác, bất thiện, tham ái và các lậu phiền não thế gian, chuyên tu niệm định để giữ gìn các căn. Đại Bồ-tát này hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc nói năng, hoặc im lặng thường không xa lìa định thù thắng, xa lìa các pháp dơ bẩn, thân tâm yên tịnh, không trái oai nghi phép tắc, hành động đều đoan chánh, tâm thường ổn định không sinh phân biệt. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này quán tự tướng tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy thường tăng thêm giác phần căn lành. Nhờ căn lành này thường tăng thêm, vị ấy có thể thực hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy thực hành tĩnh lự nhưng vị ấy không mong cầu quả báo của thiền định, nghĩa là không hồi hướng đến cảnh giới đáng yêu và nơi sinh tốt đẹp, chỉ vì cứu giúp những người không ai cứu giúp và muốn giải thoát người chưa được giải thoát nên vị ấy tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí tu học diệu tuệ. Đại Bồ-tát này lìa các ác tuệ, tâm không bị người khác làm phát sinh sự chấp ngã và ngã sở, xa lìa tất cả cái thấy của ngã, cái thấy của hữu tình cho đến cái thấy của người biết, cái thấy của người thấy, cái thấy có hoặc không có và các cảnh giới ác kiến, xa lìa sự kiêu mạn, không có phân biệt, làm phát sinh đủ loại căn lành thù thắng. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này quán tự tướng tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy thường tăng trưởng giác phần căn lành. Do căn lành này thường tăng trưởng, vị ấy có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy thực hành Bát-nhã nhưng vị ấy không mong cầu quả báo sở đắc của trí tuệ, nghĩa là không hồi hướng đến cảnh giới đáng yêu và nơi sinh thù thắng. Chỉ vì cứu giúp

những người không ai cứu và muốn giải thoát cho những người chưa được giải thoát nên vị ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí nhập vào bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Tuy nhập xuất tự tại đối với Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc nhưng Đại Bồ-tát ấy không nắm giữ quả Dị thục của nó. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo tối thắng, quán tự tướng của các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc đều là không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt nhập các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thường tăng thêm giác phần căn lành, do căn lành này thường tăng thêm nên vị ấy có thể thực hành Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc. Nhờ thực hành Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc họ liền có thể tự tại, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí làm phương tiện, tu học tất cả pháp phần Bồ-đề thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy. Tuy thực hành pháp đoạn trừ phiền não nhờ Kiến đạo hoặc Tu đạo nhưng vị ấy không nắm giữ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và Độc giác Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này quán tướng của tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng thường tăng thêm giác phần căn lành, do căn lành này thường tăng thêm nên có thể thực hành tất cả các pháp phần Bồ-đề, vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác... nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Đó là Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát. Nhờ pháp nhẫn này vị ấy thường có thể tự tại, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí làm phương tiện thì tuy có thể tự tại vào ra thuận nghịch đối với tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ... nhưng có thể thành tựu phương tiện thiện xảo, không nắm giữ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này quán tự tướng của tất cả các pháp

đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập các pháp tướng, biết tất cả pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, thường tăng thêm giác phần căn lành, nhờ căn lành này thường tăng thêm, vị ấy liền có thể tự tại, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc và nhập vào địa vị không thoái chuyển của Bồ-tát và được thọ ký thành tựu pháp nhẫn.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, tinh tấn tu hành mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, vô lượng, vô biên công đức của chư Phật cho đến chưa hoàn toàn đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật thì vẫn chưa chứng đắc trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này quán tự tướng tất cả các pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp không tạo tác, không năng lực, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ-tát này thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng thường tăng thêm giác phần căn lành. Nhờ căn lành này thường tăng thêm, vị ấy liền được viên mãn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, dần dần chứng đắc trí Nhất thiết trí. Thiện Hiện, như vậy gọi là phương tiện thiện xảo. Đại Bồ-tát nào thành tựu phương tiện thiện xảo này thì có làm việc gì cũng chắc chắn có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí. Phương tiện thiện xảo thù thắng như vậy đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa nên được thành tựu. Vì vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và có làm điều gì cũng chẳng mong cầu quả báo. Ai có thể siêng năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì có thể mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

-oOo-

Phẩm 72: Học tất cả (1)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát thành tựu trí tuệ thù thắng như vậy, tuy có thể thọ nhận và thực hành pháp sâu xa trong sạch nhưng không nắm giữ quả báo thù thắng.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Các Đại Bồ-tát thành tựu trí tuệ thù thắng như vậy, tuy có thể thọ nhận và thực hành pháp sâu xa thanh tịnh nhưng không nắm giữ quả báo thù thắng. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này không lay động đối với tự tánh của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát này có thể không lay động đối với tự tánh của pháp gì?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này có thể không lay động đối với tự tánh của không tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát này có thể không lay động đối với tự tánh của không tánh nào?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này có thể không lay động đối với tự tánh của sắc, có thể không lay động đối với tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức; có thể không lay động đối với tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ; có thể không lay động đối với tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ; có thể không lay động đối với tự tánh của nhãn giới cho đến ý giới; có thể không lay động đối với tự tánh của sắc giới cho đến pháp giới; có thể không lay động đối với tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới; có thể không lay động đối với tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc; có thể không lay động đối với tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; có thể không lay động đối với tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; có thể không lay động đối với tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; có thể không lay động đối với tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; có thể không lay động đối với tự tánh của ba pháp môn giải thoát; có thể không lay động đối với tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; có thể không lay động đối với tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Như vậy cho đến có thể không lay động đối với tự tánh của trí Nhất thiết trí, có thể không lay động đối với tự tánh của tất cả cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi. Vì sao vậy? Bởi vì các pháp như vậy tức là không tánh, các Đại Bồ-tát không bị lay động đối với tự tánh không tánh này vì không tánh không thể chứng ngộ không

tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, pháp có tánh có thể chứng ngộ pháp có tánh được không?

Phật dạy:

–Không được.

–Bạch Thế Tôn, pháp không tánh có thể chứng ngộ pháp có tánh được không?

–Không được.

–Bạch Thế Tôn, pháp có tánh có thể chứng ngộ pháp không tánh được không?

–Không được.

–Bạch Thế Tôn, pháp không tánh có thể chứng ngộ pháp không tánh được không?

–Không được.

–Bạch Thế Tôn, nếu vậy thì đúng ra pháp có tánh không thể hiện quán pháp có tánh, pháp không tánh không thể hiện quán pháp có tánh, pháp có tánh không thể hiện quán pháp không tánh, pháp không tánh không thể hiện quán pháp không tánh, thế thì chẳng lẽ Thế Tôn không có chứng đắc và không hiện quán sao?

–Này Thiện Hiện, Thế Tôn chỉ có chứng đắc và có hiện quán nhưng lìa Tứ cú.

–Bạch Thế Tôn, làm sao lìa Tứ cú mà có chứng đắc, có hiện quán.

–Thiện Hiện, hoặc chứng đắc, hoặc quán sát chẳng có chẳng không, dứt hết các hý luận. Vì vậy ta nói có chứng đắc, có hiện quán nhưng lìa Tứ cú.

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát lấy gì làm hý luận?

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát quán sắc cho đến thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc sạch hoặc dơ, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán nhãn xứ cho đến ý xứ hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán sắc xứ cho đến pháp xứ hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc

khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán nhãn giới cho đến ý giới hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán sắc giới cho đến pháp giới hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán nhãn xúc cho đến ý xúc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán địa giới cho đến thức giới hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán nhân duyên cho đến tăng thượng duyên hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán vô minh cho đến lão tử hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc

vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán năm loại mắt, sáu phép thần thông hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui

hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận; quán trí Nhất thiết trí hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đó là hý luận.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng Thánh đế khổ ta phải biết khắp, Thánh đế tập này ta phải vĩnh viễn đoạn trừ, Thánh đế diệt ta phải chứng, Thánh đế đạo ta phải tu tập, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải tu tập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải tu tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải vượt khỏi quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải trụ vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải trụ vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, đó là hý luận; hoặc

nghĩ rằng phải viên mãn mười địa Bồ-tát, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải sinh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải làm phát sinh năm loại mắt, sáu phép thần thông, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải phát sinh mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải viên mãn ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải làm phát sinh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải làm phát sinh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng phải thực hành tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng ta phải đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng ta phải chứng đắc trí Nhất thiết trí, đó là hý luận; hoặc nghĩ rằng ta phải vĩnh viễn đoạn trừ tất cả sự tương tục của tập khí phiền não, đó là hý luận. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy đủ loại phân biệt như vậy làm hý luận.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát nên quán sắc cho đến thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đều không thể hý luận, vì vậy không nên hý luận như vậy cho đến quán trí Nhất thiết trí hoặc chứng đắc hoặc không chứng đắc đều không thể hý luận, vì vậy không nên hý luận, nên quán tất cả sự tương tục của tập khí phiền não hoặc cần vĩnh viễn đoạn trừ hoặc không cần vĩnh viễn đoạn trừ đều không thể hý luận, vì vậy không nên hý luận.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên quán các pháp và hữu tình như vậy đều không thể hý luận, vì thế không nên hý luận. Vì sao vậy? Do tất cả các pháp và tất cả hữu tình, có tánh không thể hý luận có tánh, có tánh không thể hý luận không tánh, không tánh không thể hý luận không tánh, không tánh không thể hý luận có tánh, lìa tánh có không hoặc người hý luận, hoặc pháp được hý luận hoặc nơi hý luận, hoặc lúc hý luận đều chẳng thể nắm bắt được.

Vì vậy, Thiện Hiện, sắc không hý luận, thọ, tưởng, hành, thức cũng không hý luận như vậy cho đến trí Nhất thiết trí cũng không hý luận, việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tập khí phiền não cũng không hý luận.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không hý luận.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát làm sao quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết trí và việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tập khí phiền não đều không thể hý luận, vì vậy không nên hý luận?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên quán sắc không có tự tánh, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có tự tánh, như vậy cho đến nên quán trí Nhất thiết trí không có tự tánh, việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não cũng không có tự tánh; nếu pháp không có tự tánh thì không thể hý luận. Vì vậy Thiện Hiện, sắc, thọ, tưởng, hành, thức không thể hý luận. Thế nên các Đại Bồ-tát không nên hý luận. Như vậy cho đến trí Nhất thiết trí, việc vĩnh viễn đoạn trừ tất cả sự tương tục của tập khí phiền não không thể hý luận vì thế các Đại Bồ-tát không nên hý luận.

Thiện Hiện, nếu các Đại Bồ-tát có thể lìa các hý luận đối với tất cả pháp như vậy, thực hành phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì liền nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, hoặc đã được nhập và có thể mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 465

Phẩm 72: Học tất cả (2)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều không có tự tánh, lìa các hý luận và chẳng thể nắm bắt được thì nhờ những đạo lộ nào các Đại Bồ-tát được vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát? Đó là đạo lộ Thanh văn, đạo lộ Độc giác hay đạo lộ Như Lai?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát không nhờ đạo lộ Thanh văn, không nhờ đạo lộ Độc giác, không nhờ đạo lộ Như Lai mà được vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, nhưng sau khi đã học đầy đủ các đạo lộ, nhờ đạo lộ Bồ-tát, vị ấy được nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Giống như Bồ-tát ở địa Thứ tám, trước tiên phải học các đạo lộ, sau nhờ đạo lộ của mình nên được nhập vào Chánh tánh ly sinh của thừa mình cho đến khi chưa viên mãn đạo quả thì vị ấy chưa thể chứng đắc quả cao nhất của thừa mình. Cũng vậy, các Đại Bồ-tát trước tiên phải học đầy đủ tất cả các đạo lộ, sau đó nhờ con đường mình đi mới được nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát cho đến khi chưa phát sinh định Kim cang dụ thì vẫn chưa thể chứng đắc trí Nhất thiết trí. Nếu phát sinh định này, nhờ tương ưng với Bát-nhã trong một sát-na mới có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu trước tiên Đại Bồ-tát phải học đầy đủ đối với tất cả các đạo lộ, sau đó nhờ con đường mình đi mới được nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, há chẳng phải các hướng và quả của các bậc Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Như Lai, mỗi con đường đều khác nhau sao?

Bạch Thế Tôn, nếu các con đường đã khác nhau như vậy thì vì sao trước tiên Đại Bồ-tát phải học đầy đủ tất cả các đạo lộ, sau đó nhờ con

đường mình đi mới được nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, nghĩa là các Đại Bồ-tát phải phát khởi đạo lộ Đệ bát mới thành Đệ bát, hoặc phát khởi đạo lộ Cụ kiến mới thành Dự lưu, hoặc phát khởi đạo lộ Tiến tu mới thành Nhất lai, Bất hoàn, hoặc phát khởi đạo lộ Vô học mới thành A-la-hán, hoặc phát khởi đạo lộ Độc giác mới thành Độc giác?

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát thành Đệ bát rồi mới có thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thì không có lý, không nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát mà có thể chứng đắc trí Nhất thiết thì cũng chẳng phải lý.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào đã thành Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác rồi mà có thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thì thật vô lý, không nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát mà có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí thì cũng thật chẳng phải lý.

Bạch Thế Tôn, làm sao để con biết rõ như thật các Đại Bồ-tát, phải học đầy đủ tất cả các đạo lộ rồi mới có thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát mà không trái lý?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Đại Bồ-tát nào thành Đệ bát rồi nói rộng cho đến thành Độc giác rồi mà có thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thì thật phi lý; không nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát mà có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí cũng thật phi lý.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu vậy thì tại sao trước tiên các Đại Bồ-tát phải học đầy đủ các đạo lộ, sau đó nhờ nơi con đường mình đi mới được nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát rồi, vị ấy tuần tự chứng đắc trí Nhất thiết trí, vĩnh viễn đoạn trừ sự tương tục của tất cả tập khí.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, từ lúc mới phát tâm, các Đại Bồ-tát siêng năng, tinh tấn tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, dùng trí tuệ thù thắng vượt qua tám địa là bậc Tịnh quán cho đến bậc Độc giác. Tuy tu học tám địa vừa kể nhưng vị ấy dùng trí tuệ thù thắng để vượt qua. Nhờ trí Đạo tướng, vị ấy được nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi đã nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, tuần tự lại nhờ trí Nhất thiết trí, vị ấy chứng đắc hoàn toàn trí Nhất thiết trí, đoạn trừ vĩnh viễn sự nối tiếp của tất cả tập khí.

Thiện Hiện, ông nên biết, trí của Đệ bát tức là nhẫn của Đại Bồ-tát.

Trí hoặc đoạn của Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và Độc giác cũng là nhẫn của Đại Bồ-tát. Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát trước hết phải học đầy đủ tất cả các đạo lộ, sau đó nhờ con đường mình đi mới được nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi đã nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy tuần tự chứng đắc trí Nhất thiết trí. Sau khi đã chứng đắc trí Nhất thiết trí, vị ấy mới đem kết quả đó làm lợi ích cho tất cả hữu tình.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như đã nói, các Đại Bồ-tát nên học để biết tướng của tất cả đạo lộ, như là đạo lộ Thanh văn, hoặc đạo lộ Độc giác, hoặc đạo lộ Bồ-tát, hoặc đạo lộ Như Lai. Trí biết tất cả các loại tướng của những đạo lộ này gọi là trí Đạo tướng. Các Đại Bồ-tát làm cách nào để phát sinh trí Đạo tướng này?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các hành trạng tướng có thể hiển bày trí Đạo tướng là đối với tất cả các hành trạng tướng như vậy, các Đại Bồ-tát đều hiện chứng Đẳng giác. Sau khi đã hiện chứng Đẳng giác, họ như thật giảng nói, khai thị, tạo dựng, kiến lập cho người khác, làm cho các hữu tình được hiểu biết không điên đảo và tùy ý đạt được những lợi ích mà mình mong cầu.

Đối với tất cả âm thanh, ngôn ngữ, Đại Bồ-tát này đều được tất cả pháp môn Đà-la-ni thiện xảo. Nhờ tất cả pháp môn Đà-la-ni thiện xảo này, vị ấy phát sinh đủ loại âm thanh ngôn ngữ, giảng nói chánh pháp cho tất cả các loài hữu tình khắp thế giới ba lần ngàn, làm cho họ biết âm thanh được nghe đều như tiếng vang. Do đó, tuy có hiểu nhưng họ không chấp trước.

Thiện Hiện, do nhân duyên này, các Đại Bồ-tát nên học viên mãn các trí Đạo tướng. Sau khi đã học viên mãn trí Đạo tướng, vị ấy nên biết như thật về các loại ý thích và tùy miên khác nhau của tất cả hữu tình, làm lợi ích an lạc theo ý thích của họ, nghĩa là biết như thật về ý thích và tùy miên của hữu tình ở địa ngục và nhân quả của nó; biết rồi tìm cách ngăn lấp đường đó.

Cũng biết như thật về ý thích, tùy miên của các hữu tình thuộc bàng sinh và nhân quả của nó; biết rồi tìm cách ngăn lấp đường ấy.

Cũng biết như thật về ý thích và tùy miên của các hữu tình thuộc quỷ giới và nhân quả của nó; biết rồi tìm cách ngăn lấp đường ấy.

Cũng biết như thật về ý thích và tùy miên của loài Rồng, Dược-xoa,

A-tố-lạc… và nhân quả của nó; biết rồi tìm cách ngăn lấp đường ấy.

Cũng biết như thật về ý thích và tùy miên của người và chư Thiên cõi Dục và nhân quả của họ; biết rồi tìm cách ngăn che đường ấy.

Cũng biết như thật về ý thích và tùy miên của trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh và nhân quả của họ; biết rồi tìm cách ngăn che đường ấy.

Cũng biết như thật về ý thích và tùy miên của trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ và nhân quả của họ; biết rồi tìm cách ngăn che đường ấy.

Cũng biết như thật về bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về ba pháp môn giải thoát và nhân quả của nó.

Cũng như thật về bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về năm loại mắt, sáu phép thần thông và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả và nhân quả của nó.

Cũng biết như thật về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và nhân quả của nó.

Thiện Hiện, sau khi đã biết như thật về các đạo lộ Thanh văn… và nhân quả của nó rồi, tùy theo ý thích của họ, các Đại Bồ-tát giúp các hữu tình đứng vững nơi đường đạo của ba thừa, làm cho họ siêng năng tu học, đạt được cứu cánh.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên phát sinh các trí Đạo tướng như vậy. Đại Bồ-tát nào có thể học các trí Đạo tướng này thì có thể biết được các loại giới tánh, ý thích và tùy miên của các hữu tình. Sau khi đã biết, vị ấy tùy theo chỗ thích hợp mà giảng nói chánh pháp, giúp cho họ đạt được quả báo thù thắng mà họ mong cầu, quyết không bị tổn thất. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này hoàn toàn thông đạt căn cơ hơn kém của hữu tình, hiểu rõ như thật về tâm sở sai biệt và sự qua lại, sinh tử của các hữu tình nên pháp họ nói ra không làm tổn hại hữu tình.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên thực hành các đạo Bát-nhã ba-la-mật-đa này. Vì sao? Vì tất cả các pháp phần Bồ-đề và đạo mà Thanh văn, Độc giác nên học đều được thâu tóm vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát học pháp này đều đạt được cứu cánh.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp phần Bồ-đề cho đến Bồ-đề, tất cả pháp như vậy chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng, gọi là không tướng, thì vì sao pháp phần Bồ-đề như vậy có thể nắm giữ Bồ-đề?

Bạch Thế Tôn, tất cả chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng, được gọi là pháp không tướng, chẳng có nắm giữ hay xả bỏ đối với pháp khác. Giống như hư không, không nắm giữ, không xả bỏ đối với tất cả pháp vì có tự tánh là không; cũng vậy, các pháp đều có tự tánh là không, nên không có nắm giữ hay xả bỏ đối với pháp khác, thì vì sao nói pháp phần Bồ-đề như bốn Niệm trụ… có thể nắm giữ Bồ-đề?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Do tự tánh của tất cả các pháp đều là không, không nắm giữ, không xả bỏ, nhưng các hữu tình không thể hiểu rằng tự tánh của tất cả pháp là không. Vì vậy, để làm lợi ích cho họ, Ta phương tiện giảng rằng: pháp phần Bồ-đề có thể nắm bắt Bồ-đề.

Lại nữa Thiện Hiện, hoặc nơi có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc nhãn xứ cho đến ý xứ, hoặc sắc xứ cho đến pháp xứ, hoặc nhãn giới cho đến ý giới, hoặc sắc giới cho đến pháp giới, hoặc nhãn thức giới cho đến ý thức giới, hoặc nhãn xúc cho đến ý xúc, hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc địa giới cho đến thức giới, hoặc nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, hoặc vô minh cho đến lão tử, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, hoặc chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hoặc Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, hoặc bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc ba pháp môn giải thoát, tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, hoặc bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông, hoặc mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, hoặc tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, hoặc vĩnh viễn đoạn trừ sự tương tục của tập khí phiền não hoặc trí Nhất thiết trí, tất cả những pháp này đều ở trong Thánh pháp luật, chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng được gọi là không tướng. Để tạo lợi ích cho các loài hữu tình, giúp họ hiểu đúng và nhập vào thật tướng của pháp nên Như Lai dựa vào thế tục để giảng không dựa vào thắng nghĩa.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát nên học để hiểu biết tất cả các pháp như vậy. Sau khi đã học và hiểu biết rồi, vị ấy thông suốt như thật là các pháp như vậy có thể thọ dụng, các pháp như vậy không nên thọ dụng.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

–Các Đại Bồ-tát phải học và hiểu biết những pháp gì mới có thể thông suốt như thật về pháp không nên thọ dụng? Phải học và hiểu biết những pháp gì để thông suốt như thật về pháp nên thọ dụng?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải học và hiểu biết đối với pháp của Thanh văn và Độc giác, rồi mới thông suốt như thật về pháp không nên thọ dụng. Phải học và hiểu biết đối với tất cả pháp tương ưng với trí Nhất thiết trí mới có thể thông suốt như thật về tất cả các loại tướng nên thọ dụng.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy ở trong Thánh pháp luật này.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ngài đã nói Thánh pháp luật. Thánh pháp luật ấy vì sao được gọi là Thánh pháp luật?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Hoặc các Thanh văn, hoặc các Độc giác, hoặc các Bồ-tát, hoặc chư Như Lai chẳng hợp, chẳng tan đối với tham, sân, si.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với năm kết thuận hạ phần; chẳng hợp, chẳng tan đối với năm kết thuận thượng phần.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với ba pháp môn giải thoát.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với trí Nhất thiết trí.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với cảnh giới hữu vi.

Chẳng hợp, chẳng tan đối với cảnh giới vô vi.

Thiện Hiện, bậc Giác ngộ gọi là bậc Thánh, đây là pháp và luật của bậc Thánh ấy, vì vậy gọi là Thánh pháp luật. Vì sao? Đó là tất cả pháp vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng. Các vị Thánh kia đang nhận biết như thật về các pháp ấy.

Thiện Hiện nên biết, pháp vô sắc chẳng hợp, chẳng tan đối với pháp vô sắc.

Pháp vô kiến chẳng hợp, chẳng tan đối với pháp vô kiến.

Pháp vô đối chẳng hợp, chẳng tan đối với pháp vô đối.

Pháp một tướng chẳng hợp, chẳng tan đối với pháp một tướng.

Pháp không tướng chẳng hợp, chẳng tan đối với pháp không tướng.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường nên tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng, không tướng này. Học rồi nhưng không nắm bắt tất cả pháp tướng.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lẽ nào các Đại Bồ-tát không nên học đối với tướng của sắc cho đến tướng của thức? Lẽ nào không nên học tướng của nhãn xứ cho đến tướng của ý xứ? Lẽ nào không nên học tướng của sắc xứ cho đến tướng của pháp xứ? Lẽ nào không nên học tướng của nhãn giới cho đến tướng của ý giới? Lẽ nào không nên học tướng của sắc giới cho đến tướng của pháp giới? Lẽ nào không nên học tướng của nhãn thức giới cho đến tướng của ý thức giới? Lẽ nào không nên học tướng của nhãn xúc cho đến tướng của ý xúc? Lẽ nào không nên học tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tướng của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra? Lẽ nào không nên học đối với tướng của địa giới cho đến

tướng của thức giới? Lẽ nào không nên học tướng của nhân duyên cho đến tướng của tăng thượng duyên? Lẽ nào không nên học tướng của vô minh cho đến tướng của lão tử? Lẽ nào không nên học tướng của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tướng của Bát-nhã ba-la-mật-đa? Lẽ nào không nên học tướng của pháp không bên trong cho đến tướng của pháp không không tánh tự tánh? Lẽ nào không nên học tướng của chân như cho đến tướng của cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn? Lẽ nào không nên học tướng của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo? Lẽ nào không nên học tướng của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc? Lẽ nào không nên học tướng của bốn Niệm trụ cho đến tướng của tám chi Thánh đạo? Lẽ nào không nên học tướng của tám Giải thoát cho đến tướng của mười Biến xứ? Lẽ nào không nên học tướng pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện? Lẽ nào không nên học tướng của bậc Tịnh quán cho đến tướng của bậc Như Lai? Lẽ nào không nên học tướng của bậc Cực hỷ cho đến tướng của bậc Pháp vân? Lẽ nào không nên học tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa? Lẽ nào không nên học tướng của năm loại mắt, sáu phép thần thông? Lẽ nào không nên học tướng của mười lực nơi Như Lai cho đến tướng nơi mười tám pháp Phật bất cộng? Lẽ nào không nên học tướng của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ? Lẽ nào không nên học tướng của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả? Lẽ nào không nên học tướng của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng? Lẽ nào không nên học tướng của quả Dự lưu cho đến tướng của Độc giác Bồ-đề? Lẽ nào không nên học tướng của tất cả hạnh của Đại Bồ-tát và tướng của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật? Lẽ nào không nên học tướng của việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tập khí phiền não và tướng của trí Nhất thiết trí? Lẽ nào không nên học tướng của việc biết khổ, dứt trừ nguyên nhân của khổ, chứng đắc Niết-bàn và tu đạo? Lẽ nào không nên học tướng của việc quán duyên khởi theo chiều thuận nghịch? Lẽ nào không nên học tướng của Thánh pháp nơi của tất cả bậc Thánh? Lẽ nào không nên học tướng của cảnh giới hữu vi và cảnh giới vô vi?

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không học tướng của các pháp như vậy thì cũng không nên học các hành tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát đã không thể học các pháp tướng và các hành tướng thì làm sao có thể vượt qua quả vị của tất cả Thanh văn, Độc giác?

Nếu không thể vượt qua quả vị của tất cả Thanh văn, Độc giác thì làm sao có thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát?

Nếu không thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thì làm sao có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí?

Nếu không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí thì làm sao có thể chuyển pháp luân vi diệu?

Nếu không thể chuyển pháp luân vi diệu thì làm sao có thể dùng chánh pháp ba thừa để an lập hữu tình, giúp họ vượt khỏi biển khổ sinh tử không bờ mé?

Phật bảo Thiện Hiện?

–Nếu tất cả các pháp có thật tướng thì các Đại Bồ-tát nên học các pháp đó. Do tất cả các pháp không có thật tướng nên các Đại Bồ-tát không học tướng của nó, cũng không học pháp không tướng. Vì sao? Dù Phật có ra đời hay không ra đời thì pháp giới là thường trụ và các pháp chỉ có một tướng là không tướng. Không tướng này chẳng có tướng, cũng chẳng không có tướng, cho nên không thể học.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp đều chẳng có tướng, cũng chẳng không tướng thì vì sao Đại Bồ-tát có thể tu Bồ-tát có thể tu Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào không thể tu Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không thể vượt qua bậc Thanh văn, Độc giác.

Nếu không thể vượt qua bậc Thanh văn, Độc giác thì không thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.

Nếu không không thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thì không thể phát sinh Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát.

Nếu không thể phát sinh Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát thì không thể phát sinh thần thông thắng diệu của Bồ-tát.

Nếu không phát sinh thần thông thắng diệu của Bồ-tát thì không thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Nếu không thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật thì không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Nếu không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí thì không thể chuyển pháp luân vi diệu.

Nếu không thể chuyển pháp luân vi diệu thì không thể an lập hữu tình, giúp họ trụ nơi quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác Bồ-đề, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột. Cũng không thể an lập hữu tình, giúp họ trụ vào phước nghiệp của tánh bố thí, phước nghiệp của tánh trì giới, hoặc phước nghiệp của tánh tu tập để được giàu có, vui sướng tự tại trong cõi trời, người.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Tất cả pháp chẳng có tướng, chẳng phải không tướng. Đại Bồ-tát nào biết tất cả pháp hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc đồng một tướng được gọi là không tướng và tu tập không tướng này là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Vì sao Đại Bồ-tát tu không tướng này là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu trừ bỏ tất cả pháp là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Vì sao Đại Bồ-tát tu trừ bỏ tất cả pháp là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu trừ bỏ sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ nhãn xứ cho đến ý xứ là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ sắc xứ cho đến pháp xứ là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ nhãn giới cho đến ý giới là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ sắc giới cho đến pháp giới là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ nhãn thức giới cho đến ý thức giới là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ nhãn xúc cho đến ý xúc là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ địa giới cho đến thức giới là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ vô minh cho đến lão tử là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ bậc Tịnh quán là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm vắng lặng, tùy niệm hơi thở ra vào là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng vô ngã, tưởng không, tưởng tập,

tưởng nhân, tưởng sinh, tưởng duyên, tưởng diệt, tưởng tịnh, tưởng diệu, tưởng ly, tưởng đạo, tưởng như, tưởng hành, tưởng xuất là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tưởng ngã, tưởng hữu tình cho đến tưởng cái biết, tưởng cái thấy là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tưởng thường, tưởng lạc, tưởng ngã, tưởng tịnh là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tưởng duyên khởi là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tưởng Thánh đế là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ ba pháp môn giải thoát là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ Tam-ma-địa có tầm có tứ, Tam-ma-địa không tầm có tứ, Tam-ma-địa không tầm không tứ là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Pháp trí, Loại trí, Thế tục trí, Tha tâm trí, Tận trí, Vô sinh trí, Như thuyết trí là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ năm loại mắt, sáu phép thần thông là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ tất cả hạnh của Đại Bồ-tát là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tu trừ bỏ việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Tại sao Đại Bồ-tát tu trừ bỏ sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa? Như vậy cho đến tu trừ bỏ việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu các Đại Bồ-tát nghĩ là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng trừ bỏ sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì chẳng tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến nếu nghĩ là có việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí, chẳng trừ bỏ việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí thì chẳng tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nhưng lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, sâu xa, các Đại Bồ-tát không nghĩ là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là trừ bỏ sắc, thọ, tưởng, hành thức, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến không nghĩ là có việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não là trừ bỏ việc đoạn trừ sự tương tục của tất cả tập khí phiền não, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải người có tưởng có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì vậy, này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tu trừ bỏ sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến tu trừ bỏ việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, người trụ nơi tưởng có, không thể tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thể tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng không thể trụ nơi pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng không thể trụ nơi chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng không thể trụ nơi Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng không thể tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng không thể tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thù thắng; cũng không thể tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng không thể tu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng không thể tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng không thể tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng không thể tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng không thể tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng không thể tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không thể tu tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; cũng không thể tu quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; cũng không thể tu trí Nhất thiết trí; cũng không thể tu việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não.

Vì sao? Vì người trụ nơi tưởng có thì sẽ chấp có ngã và ngã sở. Do việc chấp này nên vướng mắc nơi hai bên. Do vướng mắc nơi hai bên nên không thể giải thoát sinh tử, không đạo, không Niết-bàn, thì làm sao có thể

như thật tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến vĩnh viễn đoạn trừ sự tương tục của tất cả tập khí phiền não.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì là có? Những gì là chẳng có?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Hai là có, không hai là chẳng có.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là hai? Thế nào là không hai?

Thế Tôn đáp:

–Tưởng về sắc cho đến tưởng về thức là hai; không tưởng về sắc cho đến không tưởng về thức là không hai. Tưởng về nhãn xứ cho đến tưởng về ý xứ là hai; không tưởng về nhãn xứ cho đến không tưởng về ý xứ là không hai. Tưởng về sắc xứ cho đến tưởng về pháp xứ là hai; không tưởng về sắc xứ cho đến không tưởng về pháp xứ là không hai. Tưởng về nhãn giới cho đến tưởng về ý giới là hai; không tưởng về nhãn giới cho đến không tưởng về ý giới là không hai. Tưởng về sắc giới cho đến tưởng về pháp giới là hai; không tưởng về sắc giới cho đến không tưởng về pháp giới là không hai. Tưởng về nhãn thức giới cho đến tưởng về ý thức giới là hai; không tưởng về nhãn thức giới cho đến không tưởng về ý thức giới là không hai. Tưởng về nhãn xúc cho đến tưởng về ý xúc là hai; không tưởng về nhãn xúc cho đến không tưởng về ý xúc là không hai. Tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tưởng về các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là hai; không tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến không tưởng về các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không hai. Tưởng về địa giới cho đến tưởng về thức giới là hai; không tưởng về địa giới cho đến không tưởng về thức giới là không hai. Tưởng về nhân duyên cho đến tưởng về tăng thượng duyên là hai; không tưởng về nhân duyên cho đến không tưởng về tăng thượng duyên là không hai. Tưởng về vô minh cho đến tưởng về lão tử là hai; không tưởng về vô minh cho đến không tưởng về lão tử là không hai. Tưởng về Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tưởng về Bát-nhã ba-la-mật-đa là hai; không tưởng về Bố thí ba-la-mật-đa cho đến không tưởng về Bát-nhã ba-la-mật-đa là không hai. Tưởng về pháp không bên trong cho đến tưởng về pháp không không tánh tự tánh là hai; không tưởng về pháp không bên trong cho đến không tưởng

về pháp không không tánh tự tánh là không hai. Tưởng về chân như cho đến tưởng cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là hai; không tưởng về chân như cho đến không tưởng cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không hai. Tưởng về Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là hai; không tưởng về Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là không hai. Tưởng về bốn Niệm trụ cho đến tưởng tám chi Thánh đạo là hai; không tưởng về bốn Niệm trụ cho đến không tưởng tám chi Thánh đạo là không hai. Tưởng về bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là hai; không tưởng về bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không hai. Tưởng về tám Giải thoát cho đến tưởng mười Biến xứ là hai; không tưởng về tám Giải thoát cho đến không tưởng mười Biến xứ là không hai. Tưởng về pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là hai; không tưởng về pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là không hai. Tưởng về bậc Tịnh quán cho đến tưởng bậc Như Lai là hai. Không tưởng bậc Tịnh quán cho đến không tưởng về bậc Như Lai là không hai. Tưởng về bậc Cực hỷ cho đến tưởng về bậc Pháp vân là hai; không tưởng về tưởng bậc Cực hỷ cho đến không tưởng về bậc Pháp vân là không hai. Tưởng về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là hai; không tưởng về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không hai. Tưởng về năm loại mắt, sáu phép thần thông là hai; không tưởng về năm loại mắt, sáu phép thần thông là không hai. Tưởng về mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là hai; không tưởng về mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không hai. Tưởng về ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ là hai; không tưởng về ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ là không hai. Tưởng về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là hai; không tưởng về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không hai. Tưởng về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là hai; không tưởng về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không hai. Tưởng về quả Dự lưu cho đến tưởng về Độc giác Bồ-đề là hai; không tưởng về quả Dự lưu cho đến không tưởng về Độc giác Bồ-đề là không hai. Tưởng về tất cả hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là hai; không tưởng về tất cả hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không hai. Tưởng về cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi là hai; không tưởng về cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô

vi là không hai.

Thiện Hiện cho đến tưởng về tất cả đều là hai, cho đến tất cả hai đều là có, cho đến tất cả có đều có sinh tử. Người có sinh tử thì không thể giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, sầu than, lo buồn, khổ não.

Thiện Hiện, những pháp không tưởng đều là không hai. Các pháp không hai đều là chẳng có. Các pháp chẳng có đều không sinh tử. người không sinh tử thì có thể giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, sầu than, lo buồn, khổ não.

Thiện Hiện, do nhân duyên này nên biết tất cả những người có tưởng hai thì chắc chắn không thể Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chứng đắc, không hiện quán cho đến thuận nhẫn người ấy còn chẳng có, huống hồ là có thể biết khắp tất cả về sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến huống hồ là có thể biết khắp tất cả trí Nhất thiết trí. Người ấy còn không thể tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, huống hồ là có thể đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, hoặc là có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí và có thể vĩnh viễn đoạn trừ sự tương tục của tất cả tập khí phiền não.

-oOo-

Phẩm 73: Tuần tự (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu người trụ nơi tưởng có, không thuận nhẫn, cũng không tu đạo, đắc quả nhờ hiện quán, thì người trụ nơi tưởng không làm sao có thuận nhẫn hoặc bậc Tịnh quán, như vậy cho đến hoặc bậc Như Lai, hoặc tu Thánh đạo. Nhờ tu Thánh đạo mới đoạn trừ các phiền não. Người bị phiền não này ngăn che hãy còn không thể chứng đắc quả vị tương ưng với Thanh văn, Độc giác, huống hồ là nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Nếu không thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thì làm sao có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí. Nếu không thể chứng đắc trí Nhất thiết trí, làm sao có thể đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não?

Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều không sở hữu, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, các pháp như vậy hoàn toàn không sinh, làm sao có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Người trụ nơi

tưởng không thì không thuận nhẫn cho đến cũng không đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não. Nếu tất cả pháp đều không sở hữu, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh thì các pháp này đã hoàn toàn không sinh, làm sao có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí?

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có tưởng về có và có tưởng về không không? Có tưởng về sắc và tưởng về thọ, tưởng, hành, thức không? Như vậy cho đến có tưởng về trí Nhất thiết trí không? Có tưởng về vĩnh viễn đoạn trừ sự tương tục của tất cả tập khí phiền não không?

Có tưởng về sắc và có tưởng dứt sắc không? Có tưởng về thọ, tưởng, hành, thức và tưởng về dứt thọ, tưởng, hành, thức không? Có tưởng về nhãn xứ cho đến ý xứ và tưởng về sự dứt nhãn xứ cho đến ý xứ không? Có tưởng về sắc xứ cho đến pháp xứ và tưởng về sự dứt sắc xứ cho đến pháp xứ không? Có tưởng về nhãn giới cho đến ý giới và tưởng về sự dứt nhãn giới cho đến ý giới không? Có tưởng về sắc giới cho đến pháp giới và tưởng về sự dứt sắc giới cho đến pháp giới không? Có tưởng về nhãn thức giới cho đến ý thức giới và tưởng về sự dứt nhãn thức giới cho đến ý thức giới không? Có tưởng về nhãn xúc cho đến ý xúc và tưởng về sự dứt nhãn xúc cho đến ý xúc không? Có tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tưởng dứt các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tưởng về sự dứt các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không? Có tưởng về địa giới cho đến thức giới và tưởng về sự dứt địa giới cho đến thức giới không? Có tưởng về nhân duyên cho đến tăng thượng duyên và tưởng về sự dứt nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không? Có tưởng về tham, sân, si và tưởng về sự dứt tham, sân, si không? Có tưởng về vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não và tưởng về sự dứt vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không? Có tưởng về Thánh đế khổ và tưởng về sự dứt Thánh đế khổ không? Có tưởng về Thánh đế tập và tưởng về sự dứt Thánh đế tập không? Có tưởng về Thánh đế diệt và tưởng về sự dứt Thánh đế diệt không? Có tưởng về Thánh đế đạo và tưởng về sự dứt Thánh đế đạo không? Như vậy cho đến có tưởng về trí Nhất thiết trí và tưởng về sự chứng trí Nhất thiết trí không? Có tưởng về tất cả tập khí phiền não nối tiếp bị đoạn trừ và việc dứt trừ sự tương tục của tất cả tập khí phiền não không?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp, các Đại Bồ-tát không tưởng về có, cũng không tưởng về không. Người nào không tưởng có, cũng không tưởng không thì nên biết đó là Bồ-tát thuận nhẫn, cũng là tu đạo, cũng là đắc quả, cũng là hiện quán.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy không tánh làm Thánh đạo, lấy không tánh làm hiện quán. Thấu rõ tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh. Do nhân duyên này nên biết tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh của mình.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh thì vì sao đối với tất cả các pháp lấy không tánh làm tánh, các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện chứng Đẳng giác rồi được gọi là Phật, tự tại xoay chuyển đối với tất cả pháp và các cảnh giới?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tự tánh! Xưa kia, lúc tu học đạo Bồ-tát, Ta tùy thiện tu hành pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Do đó Ta lìa pháp dục ác, bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc, nhập vào Sơ tĩnh lự và an trú hoàn toàn trong đó. Như vậy cho đến dứt vui dứt khổ, vui buồn lặn mất, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, nhập vào tầng Thiền thứ tư và an trú hoàn toàn ở đó.

Vào lúc ấy, đối với các tĩnh lự và các chi tĩnh lự, tuy hoàn toàn nắm giữ tướng của nó nhưng Ta không chấp trước vào chúng, không đắm trước vị ngọt của tĩnh lự và các chi tĩnh lự, hoàn toàn không nắm bắt đối với các tĩnh lự và các chi của tĩnh lự.

Lúc ấy, đối với bốn Tĩnh lự, Ta có hành tướng thanh tịnh, không có chút phân biệt. Đối với các tĩnh lự và các chi của tĩnh lự tuy Ta đã hoàn toàn thuần thục nhưng không nhận quả báo của nó, chỉ dựa vào tĩnh lự để làm phát sinh các Thần cảnh, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc trụ, Thiên nhãn. Tuy hoàn toàn nắm giữ tướng của năm Thần thông này nhưng không chấp trước, cũng không ưa thích vị ngọt của chúng. Đối với cảnh giới của thần thông, Ta không nắm bắt, cũng không phân biệt mà chỉ trụ như hư không.

Lúc ấy, Ta quán tất cả pháp đều bình đẳng. Bình đẳng lấy không tánh làm tánh. Nhờ tương ưng với Bát-nhã trong chốc lát, Ta chứng đắc

quả vị Giác ngộ cao tột, nghĩa là biết như thật đây là Thánh đế khổ, đây là Thánh đế tập, đây là Thánh đế diệt, đây là Thánh đế đạo và tất cả đều đồng một tướng là không tướng. Không tướng này cũng không sở hữu. Nhờ vậy, Ta thành tựu mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và vô số công đức vi diệu không thể nghĩ bàn. Ta dùng trí vi diệu của Phật để an lập hữu tình vào ba nhóm khác nhau là nhóm chánh tánh định, nhóm tà tánh định và nhóm bất định.

Sau khi đã an lập họ thành ba nhóm khác nhau như vậy, tùy theo căn cơ của họ, Ta tìm cách giáo hóa giúp họ thu được lợi ích an lạc thù thắng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ở trong tánh không tánh của tất cả pháp, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác lại phát sinh bốn Tĩnh lự, năm Thần thông, chứng đắc đạo Bồ-đề, đầy đủ các công đức, an lập lợi lạc cho ba nhóm hữu tình như thế nào?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu các pháp dục ác, bất thiện mà có chút ít tự tánh, hoặc lại lấy tánh của vật khác làm tự tánh thì khi xưa lúc tu hành Bồ-tát đạo, Ta đã không cần thấu rõ tất cả pháp dục ác, bất thiện đều lấy không tánh làm tự tánh, đã lìa dục ác… nhập vào tầng Thiền đầu tiên cho đến nhập vào tầng Thiền thứ tư và hoàn toàn an trú trong đó. Do các pháp dục ác, bất thiện… hoàn toàn không tự tánh, cũng không có tha tánh, chỉ lấy không tánh làm tự tánh nên xưa lia lúc tu Bồ-tát đạo Ta phải thấu rõ pháp dục ác, bất thiện… đều lấy không tánh làm tự tánh. Sau khi lìa dục ác… Ta nhập vào Sơ thiền cho đến nhập vào tầng Thiền thứ tư.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu năm Thần thông có một chút ít tự tánh hoặc lấy tha tánh làm tự tánh thì khi xưa lúc tu hành Bồ-tát đạo, Ta không cần phải thấu rõ tất cả thần thông đều lấy không tánh làm tự tánh, đã phát sinh các loại thần thông tự tại, diệu dụng vô ngại đối với các cảnh giới. Do các thần thông hoàn toàn không tự tánh, cũng không tha tánh, chỉ lấy không tánh làm tự tánh nên khi xưa lúc tu hành Bồ-tát đạo, Ta thấu rõ thần thông đều lấy không tánh làm tánh, đã phát sinh các loại thần thông tự tại, diệu dụng vô ngại đối với các cảnh giới.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có chút ít tự tánh hoặc lấy tha tánh làm tự tánh thì lúc tu hành Bồ-tát đạo, Ta không

cần phải thấu rõ quả vị Giác ngộ cao tột của Phật và các công đức đều lấy không tánh làm tự tánh, đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đầy đủ các công đức. Do quả vị Giác ngộ cao tột và các công đức hoàn toàn không tự tánh, cũng không tha tánh, chỉ lấy không tánh làm tự tánh nên khi xưa lúc tu hành Bồ-tát đạo, Ta thấu rõ quả vị Giác ngộ cao tột đều lấy không tánh làm tự tánh, đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đầy đủ các công đức.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các hữu tình có chút ít tự tánh, hoặc là lấy tha tánh làm tự tánh thì Ta thành Phật đã không cần thấu rõ tất cả hữu tình đều lấy không tánh làm tự tánh, đã an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau, tùy theo căn cơ của họ, tìm cách giáo hóa giúp họ thu được an lạc, lợi ích thù thắng. Do các hữu tình hoàn toàn không có tự tánh, cũng không có tha tánh, chỉ lấy không tánh làm tự tánh, nên sau khi thành Phật, Ta thấu rõ các hữu tình đều lấy không tánh làm tự tánh, đã an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau, tùy theo căn cơ của họ mà tìm cách giáo hóa giúp họ thu được an lạc lợi ích thù thắng.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 466

Phẩm 73: Tuần tự (2)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ở trong tánh không tánh của tất cả các pháp nếu Đại Bồ-tát phát sinh bốn Tĩnh lự, phát sinh năm Thần thông, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đầy đủ các công đức, an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau, giúp họ thu được sự lợi lạc thì ở trong tánh không tánh của tất cả các pháp, làm sao Đại Bồ-tát mới phát tâm có thể hành dụng tuần tự, tu học tuần tự, làm các việc tuần tự, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, làm các việc lợi lạc, thù thắng cho hữu tình?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát ở địa vị mới phát tâm hoặc theo Phật nghe hoặc từ chỗ cúng dường nhiều vị Phật Bồ-tát, Độc giác, A-la-hán, Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu, Hiền thánh mà nghe, nghĩa là chứng ngộ các pháp, lấy không tánh làm tánh viên mãn rốt ráo mới gọi là Phật, tuần tự chứng ngộ các pháp lấy không tánh làm tánh là Bồ-tát cho đến Dự lưu. Tin chắc các pháp lấy không tánh làm tánh là Hiền thiện sĩ. Cho nên tất cả pháp và các hữu tình đều lấy không tánh làm tánh. Pháp và hữu tình cho đến có và không tự tánh lượng như đầu sợi lông có thể nắm bắt được.

Sau khi nghe việc này, Đại Bồ-tát ấy nghĩ rằng: "Nếu tất cả các pháp và các hữu tình đều lấy không tánh làm tự tánh chứng đắc việc đó nên gọi là Phật cho đến Dự lưu, tin chắc việc đó thì gọi là Hiền thiện sĩ, thì đối với quả vị Giác ngộ cao tột, hoặc là ta sẽ chứng đắc, hoặc không chứng đắc. Vì các pháp và hữu tình đều lấy không tánh làm tự tánh nên ta phải hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Sau khi chứng đắc Bồ-đề, nếu các hữu tình hành theo cái tưởng có, ta tìm cách an lập giúp họ trụ vào cái tưởng không."

Sau khi nghĩ như vậy rồi, Đại Bồ-tát này mong đạt đến quả vị Giác

ngộ cao tột, để làm tất cả hữu tình đạt được Niết-bàn, vị ấy tuần tự làm mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành như các Đại Bồ-tát đời quá khứ cầu đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Trước tiên phải tuần tự làm mọi việc, tuần tự tu học và thực hành rồi mới chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Đại Bồ-tát này cũng vậy, trước tiên phải tu học Bố thí ba-la-mật-đa, kế đó phải tu học Tịnh giới ba-la-mật-đa, kế đó phải tu học An nhẫn ba-la-mật-đa, kế đó phải tu học Tinh tấn ba-la-mật-đa, kế đó phải tu học Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cuối cùng phải tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện nên biết, từ lúc mới phát tâm tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này nên tự thực hành bố thí, cũng khuyên người thực hành bố thí, tùy thuận ca ngợi công đức bố thí, hoan hỷ ca ngợi người thực hành bố thí. Nhờ nhân duyên này, vị ấy được địa vị rất giàu có, thường thực hành bố thí, lìa tâm keo kiệt. Tùy theo hữu tình cần vật gì như là đồ ăn uống, áo quần, ngọa cụ, anh lạc, hương hoa, của báu, đèn sáng, xe cộ, nhà cửa và các đồ vật khác trong vị ấy đều bố thí cho họ. Đại Bồ-tát này nhờ bố thí nên thọ trì giới uẩn, sinh trong trời, người được đại tôn quý. Do bố thí, trì giới nên vị ấy đạt được định uẩn; nhờ bố thí, trì giới, thiền định nên đạt được tuệ uẩn; do bố thí và hành trì giới, định, tuệ nên lại đạt được giải thoát uẩn; do bố thí, giới, định, tuệ, giải thoát nên lại đạt được giải thoát tri kiến uẩn. Nhờ bố thí cho đến giải thoát tri kiến uẩn viên mãn nên vị ấy vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, đã nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Sau khi làm việc này, vị ấy chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, dùng pháp Tam thừa để an lập, độ thoát các loài hữu tình, giúp họ ra khỏi sinh tử và chứng đắc Niết-bàn.

Thiện Hiện, do bố thí nên tuy có thể tuần tự làm mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy nhưng Đại Bồ-tát này hoàn toàn không nắm bắt vật gì. Vì sao vậy? Bởi vì tất cả các pháp không có tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, từ lúc phát tâm tu học Tịnh giới ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này nên tự thực hành tịnh giới, cũng khuyên người khác thực hành tịnh giới, tùy thuận ca ngợi công đức tịnh giới, hoan hỷ tán thán người được thực hành tịnh giới nhờ vậy giới uẩn được thanh tịnh, sinh làm trời, người được đại tôn quý, bố thí cho người nghèo khổ những vật cần dùng. Đã thực hành bố thí rồi, vị ấy an trụ vào giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Do giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn thanh tịnh nên vị ấy vượt qua địa vị Thanh văn và Độc giác, thể

nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi đã thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc này xong, vị ấy chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột chuyển pháp luân vi diệu, dùng pháp ba thừa để an lập, độ thoát các loài hữu tình, giúp họ ra khỏi sinh tử chứng đắc Niết-bàn.

Thiện Hiện, nhờ tịnh giới, tuy có thể tuần tự thi hành mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy nhưng Đại Bồ-tát này hoàn toàn không chấp trước thứ gì. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp không có tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, từ lúc phát tâm tu học An nhẫn ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này nên tự thực hành an nhẫn, cũng khuyên người khác thực hành an nhẫn, tùy thuận ca ngợi công đức an nhẫn, hoan hỷ tán thán người được thực hành an nhẫn.

Lúc thực hành an nhẫn, Đại Bồ-tát này có thể dùng của cải bố thí đầy đủ cho các hữu tình. Sau khi thực hành bố thí, vị ấy an trú vào giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Do giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn thanh tịnh nên vị ấy vượt qua các địa vị Thanh văn và Độc giác, thể thập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, đã thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát rồi, vị ấy đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc đó xong, vị ấy chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột chuyển bánh xe pháp vi diệu, dùng pháp ba thừa để an lập, độ thoát các loài hữu tình giúp họ vượt khỏi sinh tử và chứng đắc Niết-bàn.

Thiện Hiện, do an nhẫn nên tuy có thể tuần tự thi hành mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy nhưng Đại Bồ-tát ấy hoàn toàn không nắm bắt vật gì. Vì sao vậy? Do tất cả pháp không có tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc mới phát tâm tu học Tinh tấn ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này nên siêng năng tinh tấn tu các pháp lành, cũng khuyên người siêng năng tinh tấn tu các pháp lành, tùy thuận ca ngợi công đức tinh tấn, hoan hỷ tán thán người thực hành tinh tấn. Lúc thực hành tinh tấn, Đại Bồ-tát này có thể đem của cải bố thí đầy đủ cho các hữu tình. Sau khi đã thực hành bố thí, vị ấy an trụ vào giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Do giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn thanh tịnh nên vị ấy vượt qua địa vị Thanh văn và Độc giác, thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi đã thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc này xong, vị ấy chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột chuyển pháp luân vi diệu,

dùng pháp ba thừa để an lập, độ thoát các loài hữu tình, giúp họ ra khỏi sinh tử chứng đắc Niết-bàn.

Thiện Hiện, nhờ tinh tấn, tuy có thể tuần tự thi hành mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy nhưng Đại Bồ-tát này hoàn toàn không chấp trước pháp nào. Vì sao vậy? Do tất cả pháp đều không tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, từ lúc mới phát sinh tâm tu học Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này phải tự nhập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng khuyên người nhập vào bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tùy thuận ca ngợi công đức của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoan hỷ tán thán người nhập vào bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Lúc thực hành tĩnh lự, Đại Bồ-tát này có thể dùng của cải bố thí đầy đủ cho các hữu tình. Sau khi đã thực hành bố thí, vị ấy an trú vào giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Do giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn thanh tịnh nên vị ấy vượt qua địa vị Thanh văn và Độc giác, thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi đã thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc này xong, vị ấy chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột chuyển pháp luân vi diệu, dùng pháp ba thừa để an lập, độ thoát các loài hữu tình giúp họ ra khỏi sinh tử, chứng đắc Niết-bàn.

Thiện Hiện, do tĩnh lự, tuy có thể tuần tự thi hành mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy nhưng Đại Bồ-tát này hoàn toàn không nắm bắt pháp nào. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp đều không tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, từ lúc mới phát tâm tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này dùng vô sở đắc làm phương tiện tự thực hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, cũng khuyên người khác thực hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, tùy thuận ca ngợi công đức sáu pháp Ba-la-mật-đa, hoan hỷ tán thán người thực hành sáu pháp Ba-la-mật-đa. Nhờ ở phương tiện thiện xảo sáu pháp Ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát này vượt khỏi địa vị Thanh văn, Độc giác thể nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc này xong, vị ấy chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột chuyển pháp luân vi diệu, dùng pháp ba thừa để an lập, độ thoát các loài hữu tình giúp họ thoát khỏi sinh tử, chứng đắc Niết-bàn.

Thiện Hiện, nhờ Bát-nhã, tuy có thể tuần tự thi hành mọi việc, tuần tự tu học và tuần tự thực hành các hạnh như vậy nhưng Đại Bồ-tát ấy hoàn toàn không nắm bắt pháp nào. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp đều không tự tánh.

Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát mới phát tâm dựa vào học sáu pháp Ba-la-mật-đa tuần tự thi hành mọi việc, tuần tự tu học và tuần tự thực hành các hạnh và làm việc lợi ích cho các hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tuần tự thi hành mọi việc, tuần tự tu học và tuần tự thực hành các hạnh, từ lúc mới phát tâm đã dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, tin hiểu tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tự tánh. Trước tiên họ phải học tùy niệm về Phật, kế đến phải tu học tùy niệm về Pháp, kế đó phải tu học tùy niệm về Tăng, kế đó phải tu học tùy niệm về Giới, kế đó phải tu học tùy niệm về Xả, cuối cùng phải tu học tùy niệm về Thiên.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát tùy niệm về Phật như thế nào? Nghĩa là lúc tu học tùy niệm về Phật, Đại Bồ-tát không được dùng sắc để tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không nên dùng thọ, tưởng, hành, thức tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao vậy? Vì sắc cho đến thức đều không tự tánh, pháp nào không tự tánh thì không thể tùy niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không suy nghĩ, không tư duy đó là tùy niệm về Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc tu học tùy niệm về Phật, các Đại Bồ-tát không nên dùng ba mươi tướng tốt tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không nên dùng thân màu vàng ròng thường phát ánh sáng rộng một tầm và tám mươi vẻ đẹp để tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao vậy? Vì tướng tốt và sắc thân có ánh sáng vàng kim đều không tự tánh. Pháp nào không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy đó là tùy niệm về Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc tu học tùy niệm về Phật, các Đại Bồ-tát không nên dùng giới uẩn tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không nên dùng định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao vậy? Vì các uẩn này đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy đó là tùy niệm về Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc tu học tùy niệm về Phật, các Đại Bồ-tát

không nên dùng năm loại mắt, sáu phép thần thông tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không nên dùng mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao vậy? Vì các pháp như vậy đều không có tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy đó là tùy niệm về Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc tu học tùy niệm về Phật, các Đại Bồ-tát không nên dùng pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và vô số Phật pháp khác tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao vậy? Các pháp như vậy đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy đó là tùy niệm về Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc tu học tùy niệm về Phật, các Đại Bồ-tát không nên dùng pháp duyên tánh tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không nên dùng pháp duyên khởi tư duy về Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao vậy? Duyên tánh, duyên khởi đều không tự tánh, pháp nào không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy đó là tùy niệm về Phật.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát phải tu học tùy niệm về Phật như vậy. Nếu tu học tùy niệm về Phật như vậy thì đó là tuần tự thi hành mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh. Đại Bồ-tát nào cò thể tuần tự hành dụng, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh liền có thể viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng có thể viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng có thể viên mãn tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng có thể viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng có thể viên mãn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng có thể viên mãn chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng có thể viên mãn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng có thể viên mãn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng có thể viên mãn các địa Bồ-tát; cũng có thể viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có thể viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể viên mãn trí Nhất thiết,

trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Nhờ đó họ chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, nhờ sức phương tiện lấy tất cả pháp không tánh làm tánh nên Đại Bồ-tát này biết tất cả pháp đều không tự tánh, trong đó cũng không có tưởng cũng không không tưởng. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên tu học tùy niệm về Phật như vậy, nghĩa là trong tánh không tánh của tất cả các pháp, Phật còn chẳng thể nắm bắt được huống là có tùy niệm về Phật.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát phải tu học tùy niệm về Pháp như thế nào? Nghĩa là lúc tu học tùy niệm về Pháp, các Đại Bồ-tát không nên tư duy về pháp lành, pháp ác, không nên tư duy về pháp hữu ký, pháp vô ký, không nên tư duy về pháp thế gian, pháp xuất thế gian, không nên tư duy về pháp có mê đắm và pháp không mê đắm, không nên tư duy về pháp tranh cãi và pháp không tranh cãi, không nên tư duy về pháp Thánh và chẳng phải Thánh, không nên tư duy về pháp hữu lậu và pháp vô lậu, không nên tư duy về pháp đọa ba cõi và pháp không đọa ba cõi, không nên tư duy về pháp thuộc cảnh giới hữu vi và pháp thuộc cảnh giới vô vi. Vì sao vậy? Các pháp như vậy đều không tự tánh. Pháp nào không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy thì đó là tùy niệm về Pháp.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên tu học tùy niệm về Pháp như vậy. Nếu tu học tùy niệm về Pháp thì đó là hành dụng tuần tự, tu học tuần tự, thực hành của hạnh tuần tự. Đại Bồ-tát nào có thể tuần tự hành dụng, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy thì có thể viên mãn bốn Niệm trụ nói rộng cho đến trí Nhất thiết tướng và nhờ đó vị ấy chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, nhờ sức phương tiện dùng tất cả pháp không tánh làm tánh nên Đại Bồ-tát này giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, ở trong đó cũng không có tưởng cũng không không tưởng. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên tu học tùy niệm về Pháp như vậy, nghĩa là trong tánh không tánh của tất cả các pháp, pháp còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có tùy niệm về Pháp.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát phải tu học tùy niệm về Tăng như thế nào? Đó là lúc tu học tùy niệm về Tăng, Đại Bồ-tát này nên nghĩ rằng: "Chúng đệ tử Phật đầy đủ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn thanh tịnh, bốn đôi, tám cặp Bổ-đặc-già-la, tất cả đều

là sự biểu hiện của vô vi, đều lấy không tánh làm tự tánh. Vì lý do này nên không thể tư duy.” Vì sao vậy? Thiện sĩ như vậy đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy thì đó là tùy niệm về Tăng.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên tu tập tùy niệm về Tăng như vậy, nếu tu học tùy niệm về Tăng như vậy thì đó là làm mọi việc tuần tự, tu học tuần tự, thực hành các hạnh tuần tự. Đại Bồ-tát nào có thể làm mọi việc tuần tự, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy thì có thể viên mãn bốn Niệm trụ nói rộng cho đến trí Nhất thiết tướng và nhờ đó vị ấy chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, nhờ sức phương tiện dùng tất cả pháp không tánh làm tánh nên Đại Bồ-tát này giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, bên trong cũng không có tưởng cũng không vô tưởng.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên tu học tùy niệm về Tăng như vậy, nghĩa là trong tánh không tánh của tất cả các pháp, Tăng còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có tùy niệm về Tăng.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát tu học tùy niệm về Giới như thế nào? Đó là từ lúc mới phát tâm tu học tùy niệm về Giới, Đại Bồ-tát này phải niệm Thánh giới không khuyết, không rỉ, không tỳ vết, không vấy bẩn, không bám víu vật gì, đáng nhận cúng dường, được người trí ca ngợi, khéo léo thọ trì, khéo léo hoàn tất, thuận theo thắng định, tư duy giới này lấy không tánh làm tánh. Vì lý do đó nên không thể tư duy. Vì sao vậy? Thánh giới hoàn toàn không tự tánh. Pháp nào là không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy thì đó là tùy niệm về Giới.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên tu học tùy niệm về Giới như vậy, nếu tu học tùy niệm về Giới như vậy thì đó là tuần tự làm mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh. Đại Bồ-tát nào tuần tự làm mọi việc, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy thì có thể viên mãn bốn Niệm trụ cho đến trí Nhất thiết tướng và nhờ đó vị ấy chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, nhờ vào sức phương tiện dùng tất cả pháp không tánh làm tánh nên Đại Bồ-tát này giác ngộ tất cả Pháp đều không tự tánh, trong đó cũng không có tưởng cũng không vô tưởng.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải tu học tùy niệm về Giới như vậy,

nghĩa là trong tánh không tánh của tất cả các pháp, Giới còn chẳng thể nắm bắt được làm sao có tùy niệm về Giới.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát tu học tùy niệm về Xả như thế nào? Đó là từ lúc mới phát tâm tu học tùy niệm về Xả, Đại Bồ-tát này phải thường niệm xả, hoặc nghĩ tự buông xả, hoặc nghĩ việc buông xả của người khác, hoặc nghĩ xả bỏ của cải, hoặc nghĩ buông xả pháp, đối với việc xả thí quyết không sinh tâm: "Ta có thể xả thí hoặc không xả thí", nếu xả bỏ các bộ phận của thân thì cũng không sinh tâm: Ta có thể xả thí hoặc không xả thí, cũng không tư duy về nơi xả, nơi cho, phước bố thí và quả báo của việc bố thí." Vì sao vậy? Các pháp như vậy đều không tự tánh. Pháp nào không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy thì đó là tùy niệm về Xả.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên tu học tùy niệm về Xả như vậy. Nếu tu học tùy niệm về Xả như vậy thì đó là làm mọi việc tuần tự, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh. Đại Bồ-tát nào có thể làm mọi việc tuần tự, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy thì có thể viên mãn bốn Niệm trụ cho đến trí Nhất thiết tướng và nhờ đó vị ấy chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, nhờ sức phương tiện dùng tánh không tánh của tất cả pháp làm tánh, Đại Bồ-tát ấy giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, trong đó cũng không có tưởng cũng không có vô tưởng.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên tu học tùy niệm về Xả như vậy. Nghĩa là trong tất cả pháp không tánh, xả còn chẳng thể nắm bắt được thì làm sao có tùy niệm về Xả.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát tu học tùy niệm về Thiên như thế nào? Đó là từ lúc mới phát tâm tu học tùy niệm về Thiên, Đại Bồ-tát này phải nghĩ rằng: "Nhờ có Tín, Giới, Văn, Xả, Tuệ trong sạch nên chư Thiên ở cõi trời Tứ đại Thiên vương cho đến chư Thiên trời Tha hóa tự tại từ cõi này qua đời, sinh về cõi trời ấy, nay ta cũng có Tín, Giới, Văn, Xả, Tuệ trong sạch, tương tợ như công đức các vị Thiên ấy." Vị ấy lại nghĩ rằng: "Những người chứng quả Dự lưu sinh vào cõi trời Dục giới, những người chứng quả Bất hoàn sinh ở hai cảnh giới cao hơn." Tất cả pháp như vậy đều không thể nắm bắt và không thể tư duy. Vì sao vậy? Vì chư Thiên này đều không có tự tánh. Pháp nào không có tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao vậy? Nếu không niệm, không tư duy thì đó là tùy niệm về Thiên.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-

tát phải tu học tùy niệm về Thiên như vậy. Nếu tu học tùy niệm về Thiên như vậy thì đó là làm mọi việc tuần tự, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh. Đại Bồ-tát nào có thể làm mọi việc tuần tự, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh như vậy thì có thể viên mãn bốn Niệm trụ cho đến trí Nhất thiết tướng và nhờ đó chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, nhờ vào sức phương tiện dùng tất cả pháp không tánh làm tánh, Đại Bồ-tát này giác ngộ tất cả Pháp đều không tự tánh, trong đó cũng không có tưởng cũng không có vô tưởng.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên tu học tùy niệm về Thiên này nghĩa là trong tánh không tánh của tất cả các pháp, các trời còn chẳng thể nắm bắt được thì làm sao có tùy niệm về Thiên.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu muôn viên mãn việc tuần tự làm mọi việc, tuần tự học, tuần tự thực hành các hạnh, các Đại Bồ-tát phải dùng tất cả pháp không tánh làm tánh và do sức phương tiện nên phải học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; phải học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; phải học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; phải học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; phải học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; phải học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; phải học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; phải học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; phải học Bồ-tát địa; phải học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; phải học năm loại mắt, sáu phép thần thông; phải học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; phải học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; phải học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Thiện Hiện, lúc tu học Bồ-đề đạo như vậy, Đại Bồ-tát này giác ngộ tất cả pháp đều dùng không tánh làm tự tánh, ở trong đó còn không có một thoáng niệm có thể nắm bắt huống là có niệm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; huống là có niệm nhãn xứ cho đến ý xứ; huống là có niệm sắc xứ cho đến pháp xứ; huống là có niệm nhãn giới cho đến ý giới; huống là có niệm sắc giới cho đến pháp giới; huống là có niệm nhãn thức giới cho đến ý thức giới; huống là có niệm nhãn xúc cho đến ý xúc; huống là có niệm các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; huống là có niệm địa giới cho đến thức giới; huống là có niệm nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; huống là có niệm vô minh cho đến lão tử; huống là có niệm Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-

nhã ba-la-mật-đa; huống là có niệm pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; huống là có niệm chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; huống là có niệm Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; huống là có niệm bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; huống là có niệm bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; huống là có niệm tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; huống là có niệm pháp môn giải thoát Không cho đến Vô tướng, Vô nguyện; huống là có niệm bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; huống là có niệm bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; huống là có niệm tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; huống là có niệm năm loại mắt, sáu phép thần thông; huống là có niệm mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; huống là có niệm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; huống là có niệm pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; huống là có niệm trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; huống là có niệm quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; huống là có niệm tất cả các hạnh của Bồ-tát; huống là có niệm quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; huống là có niệm trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, các niệm và pháp được niệm này nếu thật có một phần nhỏ nào đó là vô lý. Như vậy, Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy các Đại Bồ-tát làm mọi việc tuần tự, tuần tự tu học, tuần tự thực hành các hạnh nhưng ở trong đó tâm hoàn toàn không lay chuyển vì tất cả pháp đều không có tự tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều không tự tánh thì phải không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không có trí Nhất thiết trí, thì phải không có Phật, Pháp, Tăng bảo, quả đạo, nhiễm, tịnh cũng không có, không hiện quán thì tất cả pháp đều phải là không.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Ở trong tánh không tánh của tất cả các pháp có tánh, không tánh là có thể nắm bắt được không?

Thiện Hiện đáp:

–Không, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu trong tánh không tánh của tất cả các pháp, có tánh, không tánh đều chẳng thể nắm bắt được, thì nay vì sao ông có thể nói nếu

tất cả pháp đều không tự tánh thì phải không sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không phải chứng đắc và hiện quán tất cả pháp đều phải là không.

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ ý nghĩa này, chỉ vì lo tương lai của Bí-sô... hoặc cầu Thanh văn, hoặc cầu Độc giác, hoặc cầu Phật quả. Họ nghĩ rằng: "Nếu tất cả pháp đều không tự tánh thì ai nhiễm, ai tịnh, ai buộc, ai mở." Do không hiểu biết đối với nghĩa nhiễm, tịnh, buộc, mở, nên họ hủy giới, hủy kiến, hủy oai nghi, hủy tịnh mạng. Do đó họ sẽ đọa trong ba đường ác, chịu các nỗi khổ dữ dội, khó được giải thoát, con quán thấy đời vị lai sẽ có những việc đáng sợ như vậy cho nên nói thế chớ thật sự con không nghi ngờ việc ấy.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lành thay, lành thay, nay ông có thể vì các Bí-sô đời vị lai hỏi như vậy, nhưng tất cả pháp đều không tự tánh, hoặc có, hoặc không đều chẳng thể nắm bắt được.

-oOo-

Phẩm 74: Không tướng (1)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều dùng không tánh là tự tánh thì vì những nghĩa gì mà các Đại Bồ-tát muốn lợi ích, an lạc hữu tình, cầu hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, do tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh nên các Đại Bồ-tát muốn làm lợi ích an lạc hữu tình. Vì sao vậy? Các loài hữu tình có đủ đoạn kiến, thường kiến, trụ nơi có sở đắc, khó có thể điều phục ngu si điên đảo, khó có thể giải thoát.

Thiện Hiện, nên biết người trụ nơi có sở đắc do tưởng có sở đắc nên không chứng đắc, không hiện quán, cũng không có quả vị Giác ngộ cao tột.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu người có sở đắc thì không chứng đắc, không hiện quán, cũng không có quả vị Giác ngộ cao tột, còn người không có sở đắc thì có chứng đắc, có hiện quán và có quả vị Giác ngộ cao tột không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu không có sở đắc thì tức là chứng đắc, tức là hiện quán, tức là quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao vậy? Vì nó không phá hoại pháp giới tướng.

Thiện Hiện nên biết, nếu có người ở trong pháp vô sở đắc này muốn có sở đắc, muốn được hiện quán, muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì nên biết người ấy muốn phá hoại pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu người có sở đắc không chứng đắc, không hiện quán, cũng không có quả vị Giác ngộ cao tột còn người không có sở đắc tức là chứng đắc, tức là hiện quán, tức là quả vị Giác ngộ cao tột, ở trong vô sở đắc không chứng đắc, không hiện quán, cũng không có quả vị Giác ngộ cao tột thì các Đại Bồ-tát làm sao có được Sơ địa cho đến Thập địa, làm sao có được Vô sinh pháp nhẫn, làm sao có được quả báo thần thông, làm sao có được quả báo của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm sao an trụ quả báo của sinh pháp, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, cúng dường các phẩm vật vi diệu cho các Đức Phật, thu được căn lành cho đến quả vị Giác ngộ cao tột mà quả báo vẫn chưa hết, lần lượt cho đến sau khi nhập Niết-bàn xá-lợi của Phật và các đệ tử vẫn được cung kính cúng dường, lúc bấy giờ thế lực căn lành mới cùng tận.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, do tất cả pháp vô sở đắc nên các Đại Bồ-tát có được Sơ địa cho đến Thập địa, chính vì lẽ ấy nên có được Vô sinh pháp nhẫn, chính vì lẽ ấy nên có được quả báo của thần thông, chính vì lẽ ấy nên có được quả báo của việc Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, chính vì lẽ ấy nên nên được an trụ quả báo của sinh pháp, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, cúng dường các phẩm vật vi diệu cho các Đức Phật, thu được căn lành cho đến khi đạt được quả vị Giác ngộ cao tột mà quả báo vẫn chưa hết, lần lượt cho đến sau khi nhập Niết-bàn xá-lợi của Phật và các đệ tử vẫn được cung kính cúng dường, bấy giờ thế lực căn lành mới cùng tận.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều vô sở đắc thì Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và các thần thông có gì sai khác?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, pháp vô sở đắc là sáu pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... và các thần thông đều không khác nhau nhưng vì muốn giúp cho người có sở đắc kia lìa bỏ các sự đắm nhiễm, ta mới phương tiện giảng nói sáu pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... và các thần thông có tướng sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì lý do gì mà người không có sở đắc nói pháp sáu pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... và các thần thông không có sai khác?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát không trụ vào việc Bố thí, không trụ vào người thí, không trụ vào người nhận, không trụ vào nơi bố thí, không trụ vào quả báo của việc bố thí để thực hành bố thí; không trụ vào Tịnh giới mà hộ trì tịnh giới; không trụ vào An nhẫn mà tu an nhẫn; không trụ vào Tinh tấn mà siêng năng tinh tấn; không trụ vào Tĩnh lự mà nhập vào các thiền định; không trụ vào Bát-nhã mà sinh Bát-nhã; không trụ vào thần thông mà sinh thần thông; không trụ vào bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo mà tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không trụ vào ba pháp môn giải thoát mà tu ba pháp môn giải thoát; không trụ vào bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không trụ tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ mà tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không trụ Bồ-tát địa mà tu Bồ-tát địa; không trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không trụ năm loại mắt, sáu phép thần thông mà tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; không trụ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không trụ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả mà tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không trụ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không trụ vào hữu tình mà đem lại sự thành tựu cho hữu tình, không trụ vào cõi Phật mà trang nghiêm cõi Phật; không trụ vào tất cả pháp Phật mà chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa

sâu xa vô sở đắc. Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vô sở đắc thì tất cả ác ma và quyến thuộc của ác ma đều không thể phá hoại.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát phải làm thế nào để nhất tâm hiện khởi thì có thể nắm giữ sáu pháp Ba-la-mật-đa, cũng có thể nắm giữ bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng có thể nắm giữ ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề; cũng có thể nắm giữ ba pháp môn giải thoát; cũng có thể nắm giữ tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng có thể nắm giữ tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể nắm giữ năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có thể nắm giữ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể nắm giữ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể nắm giữ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng có thể nắm giữ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu pháp tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều được Bát-nhã ba-la-mật-đa nắm giữ thì mới được viên mãn, như vậy cho đến pháp tu ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ đều được Bát-nhã ba-la-mật-đa nắm giữ thì mới được viên mãn.

Như vậy, Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nhất tâm hiện khởi thì có thể hộ trì sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy cho đến cũng có thể hộ trì ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có làm việc gì đều được Bát-nhã ba-la-mật-đa hộ trì nên xa lìa cho nên nhất tâm hiện khởi liền có thể hộ trì sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, pháp tu Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều được Bát-nhã ba-la-mật-đa hộ trì nên xa lìa hai tưởng, như vậy cho đến pháp tu ba mươi hai

tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ cũng được Bát-nhã ba-la-mật-đa hộ trì nên xa lìa hai tưởng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát tuy tu thực hành Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa mà không có hai tưởng như vậy cho đến tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ mà không có hai tưởng?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, vì muốn viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa nên ở trong Bố thí ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát hộ trì tất cả Ba-la-mật-đa cho đến ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ để thực hành bố thí và nhờ đó nên không có hai tưởng. Như vậy cho đến vì muốn viên mãn tám mươi vẻ đẹp nên ở trong tám mươi vẻ đẹp họ hộ trì tất cả Ba-la-mật-đa cho đến ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để tu tám mươi vẻ đẹp và do đó mà không có hai tưởng.

Lại nữa Thiện Hiện, do các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên nếu thực hành Bố thí ba-la-mật-đa thì trụ tâm vô lậu mà thực hành Bố thí ba-la-mật-đa, nếu thực hành Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thì trụ ở tâm vô lậu mà thực hành Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, do đó tuy thực hành Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không có hai tưởng. Như vậy cho đến nếu tu ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ thì trụ vào tâm vô lậu ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ, nếu tu tám mươi vẻ đẹp thì trụ vào tâm vô lậu mà tu tám mươi vẻ đẹp. Vì vậy tuy tu ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp nhưng vị ấy không có hai tưởng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên lúc thực hành Bố thí ba-la-mật-đa thì trụ ở tâm vô lậu mà thực hành Bố thí ba-la-mật-đa, như vậy cho đến tám mươi vẻ đẹp thì trụ vào tâm vô lậu mà tu tám mươi vẻ đẹp?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào dùng tâm lìa tướng, không thấy các tướng để thực hành Bố thí ba-la-mật-đa, có nghĩa là không thấy ai có thể thực hành bố thí, bố thí vật gì mà

cho ai, ai nhận vật thí này, vì sao thực hành bố thí. Vị ấy vì trụ vào tâm vô lậu, ly tướng, lìa tham ái, lìa bỏn sẻn mà thực hành Bố thí ba-la-mật-đa. Khi đó, vị ấy không thấy nơi thực hành bố thí, cũng không thấy tâm vô lậu này cho đến không thấy tất cả Phật pháp. Đại Bồ-tát này trụ vào tâm vô lậu mà thực hành Bố thí ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến lúc mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào dùng tâm lìa tướng không thấy các tướng mà tu tám mươi vẻ đẹp, nghĩa là không thấy ai là người tu tám mươi vẻ đẹp, tu tám mươi vẻ đẹp với ai, vì việc gì mà tu tám mươi vẻ đẹp, làm sao để tu tám mươi vẻ đẹp. Khi vị ấy trụ vào tâm vô lậu, lìa tướng này, không nhiễm, không đắm để tu tám mươi vẻ đẹp, thì không thấy chỗ tu tám mươi vẻ đẹp cũng không thấy tâm vô lậu này cho đến không thấy tất cả Phật pháp. Như vậy, Đại Bồ-tát này trụ vào tâm vô lậu để thực hành tám mươi vẻ đẹp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đối với tất cả pháp không có tướng, không có tạo tác, Đại Bồ-tát làm sao có thể viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, như vậy cho đến làm sao có thể viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu để thực hành bố thí, tùy theo nhu cầu của các hữu tình, vị ấy đều bố thí đầy đủ. Nếu có người cần đầu, mắt, tủy não, da thịt, tay, chân, gân, xương, thân mạng ở bên trong vị ấy cũng đều bố thí, nếu có người cần quốc thành, vợ con, thân thuộc yêu quý của mình và các đồ vật trang sức ở bên ngoài thì vị ấy cũng đều bố thí cho. Lúc bố thí như vậy, giả sử có người đến trước mặt quở mắng: "Than ôi, Đại sĩ! Thực hành việc bố thí vô ích này làm gì? Người bố thí như vậy sẽ gặp các khổ não vào đời này và đời sau." Nhờ thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên tuy nghe lời ấy nhưng Đại Bồ-tát này không bị thoái lui, mà chỉ nghĩ rằng: "Tuy người kia đến quở mắng ta, nhưng ta không nên buồn rầu hối hận. Ta phải dũng mãnh bố thí cho các hữu tình những vật họ cần dùng không chút mệt mỏi." Đại Bồ-tát này đem công đức của việc bố thí đó cho các hữu tình một cách bình đẳng rồi cùng nhau hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Lúc bố thí và hồi hướng họ không thấy tướng ấy, nghĩa là không thấy ai có thể bố thí, nơi thí, vật thí, ai nhận bố thí, lý do bố thí, cũng không thấy ai hồi

hướng, hồi hướng vật gì, lý do hồi hướng, hồi hướng nơi nào, đối với tất cả các vật và việc như vậy họ đều không thấy. Vì sao vậy? Các pháp như vậy đều do pháp không bên trong nên không, như vậy cho đến do pháp không tự tướng nên không.

Sau khi đã quán tất cả các pháp đều chân không rồi, Đại Bồ-tát này lại nghĩ rằng: "Ai có thể hồi hướng, hồi hướng vật gì, lý do hồi hướng, hồi hướng nơi nào. Các pháp như vậy đều chẳng thể nắm bắt được." Do Đại Bồ-tát này quán như vậy và niệm như vậy nên việc hồi hướng đó gọi là hồi hướng trọn vẹn. Nhờ đó họ lại có thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, cũng có thể viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, như vậy cho đến cũng có thể viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, tuy có thể viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa như vậy, nhưng Đại Bồ-tát này không nắm giữ quả báo của bố thí. Tuy không nhận lấy quả Dị thục của bố thí nhưng nhờ Bố thí ba-la-mật-đa hoàn toàn thanh tịnh nên vị ấy có thể có đầy đủ mọi đồ vật theo ý muốn giống như mọi thứ cần dùng của chư Thiên trời Tha hóa tự tại đều hiện ra theo ý, cũng vậy các vật mà Đại Bồ-tát này cần dùng đều đầy đủ theo ý. Họ có thể đem các phẩm vật vi diệu để cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, cũng có thể làm cho Trời, Người, A-tố-lạc và thế gian có đầy đủ các thứ cần dùng. Nhờ việc Bố thí ba-la-mật-đa vị ấy thu nhiếp các hữu tình, phương tiện thiện xảo dùng pháp ba thừa để an lập họ, giúp họ đều được lợi tùy theo căn cơ.

Như vậy, Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nhờ năng lực của tâm vô lậu xa lìa các tướng, các Đại Bồ-tát này có thể ở trong pháp không có tướng, không có tạo tác làm viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 467

Phẩm 74: Không tướng (2)

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu, lìa tướng, thọ trì tịnh giới, nghĩa là Thánh đạo vô lậu đạt được tự nhiên, giới hoàn toàn thanh tịnh. Tịnh giới như vậy không khuyết, không rỉ chảy, không tỳ vết, không dơ bẩn không chấp trước vật gì, đáng được nhận cúng dường, được người trí khen ngợi. Nhờ tịnh giới này nên không chấp giữ tất cả các pháp, nghĩa là không chấp giữ sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không chấp giữ nhãn xứ cho đến ý xứ; không chấp giữ sắc xứ cho đến pháp xứ; không chấp giữ nhãn giới cho đến ý giới; không chấp giữ sắc giới cho đến pháp giới; không chấp giữ nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không chấp giữ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không chấp giữ các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ; không chấp giữ trời Tứ đại Thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại; không chấp giữ trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh; không chấp giữ trời Không vô biên xứ đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không chấp giữ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không chấp giữ ngôi vị Chuyển luân vương và các ngôi vị tiểu vương, tể quan khác, chỉ đem công đức của việc thọ trì giới cho các hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Lúc hồi hướng vị ấy dùng không tướng, không sở đắc, không hai, làm phương tiện, dùng pháp chẳng có tướng, có sở đắc, có hai, làm phương tiện, chỉ do thế tục, chứ không do thắng nghĩa, nhờ nhân duyên này tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Nhờ phương tiện thiện xảo Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát có phát sinh bốn phần tĩnh lự thắng tấn, nhờ không đắm nhiễm làm phương tiện, vị ấy phát sinh các thần thông. Đại Bồ-tát này dùng Thiên nhãn thanh tịnh từ thân dị thục thường thấy chư Phật hiện tại ở vô số thế giới khắp mười phương yên ổn trụ trì, giảng nói chánh pháp cho các hữu tình cho đến khi chứng đắc trí Nhất thiết trí, vị ấy cũng không quên việc đã thấy. Đại Bồ-tát này

dùng Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân thường nghe chư Phật ở vô số thế giới khắp mười phương thuyết pháp. Cho đến lúc chứng đắc trí Nhất thiết trí, vị ấy cũng không quên pháp đã được nghe và đem pháp đã nghe làm việc lợi ích cho mình và người không để uổng phí.

Đại Bồ-tát này dùng Tha tâm trí có thể biết tâm và tâm sở pháp của chư Phật và các hữu tình ở khắp mười phương. Sau khi đã biết, vị ấy làm việc lợi ích cho tất cả hữu tình.

Đại Bồ-tát này dùng Túc trụ trí, biết nghiệp mà các hữu tình đã tạo. Do nghiệp đã tạo không bị mất nên họ sinh khắp mọi nơi chịu các khổ vui. Biết rồi vị ấy nói nhân duyên bản nghiệp giúp họ nhớ lại và làm việc lợi ích.

Đại Bồ-tát này dùng Lậu tận trí an lập hữu tình giúp họ trụ vào quả Dự lưu, hoặc giúp trụ vào quả Nhất lai, hoặc giúp trụ vào quả Bất hoàn, hoặc giúp trụ vào quả A-la-hán, hoặc giúp trụ Độc giác Bồ-đề, hoặc giúp trụ vào ngôi vị thù thắng của Bồ-tát, hoặc giúp trụ vào trí Nhất thiết trí.

Tóm lại mà nói, Đại Bồ-tát này dù sinh ở chỗ nào cũng tùy theo khả năng khác nhau của hữu tình mà tìm cách giúp họ trụ vào phẩm vị thù thắng.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nhờ năng lực vô lậu lìa các tướng nên Đại Bồ-tát này có thể ở trong pháp không có tướng, không có tạo tác làm viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu, ly tướng để tu an nhẫn. Trong thời gian từ lúc Đại Bồ-tát ấy mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, giả sử tất cả hữu tình đều đem các loại dao, gậy, ngói, gạch đua nhau đến làm hại thì Đại Bồ-tát ấy không sinh một tâm niệm giận hờn. Khi ấy, Bồ-tát nên tu hai loại nhẫn, những gì là hai? Một là phải nhận tất cả sự mạ nhục, làm hại của hữu tình không sinh hờn giận và sân nhuế ngầm. Hai là phải phát khởi Vô sinh pháp nhẫn.

Nếu gặp đủ thứ lời ác mạ nhục, hoặc bị các loại dao gậy làm hại, Đại Bồ-tát này nên suy xét kỹ: "Ai có thể mạ nhục, ai có thể làm hại, ai bị mạ nhục, ai bị làm hại, ai phát sinh hờn giận, ai phải chịu đựng." Lại phải suy xét kỹ tánh của tất cả pháp hoàn toàn không, pháp còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có pháp tánh, pháp tánh còn không có huống là

có hữu tình. Lúc quán như vậy hoặc người mạ nhục, hoặc người bị mạ nhục, hoặc người làm hại, hoặc người bị làm hại đều không sở hữu cho đến bị cắt chặt thân thể thành nhiều phần tâm vị ấy cũng an nhẫn, hoàn toàn không có niệm khác vị ấy quán sát như thật đối với pháp tánh, lại có thể chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Vô sinh pháp nhẫn là gì? Nghĩa là làm cho tất cả phiền não không sinh, trí tuệ vi diệu thường không gián đoạn và quán các pháp hoàn toàn không sinh vì vậy gọi là Vô sinh pháp nhẫn. Đại Bồ-tát này an trú trong hai loại nhẫn như vậy có thể mau chóng tu tập đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; có mau chóng tu tập viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; có thể sớm tu tập viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; có thể sớm tu viên mãn tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; có thể sớm tu viên mãn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; có thể sớm tu viên mãn các địa của Bồ-tát; có thể sớm tu viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; có thể sớm tu viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; có thể sớm tu viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; có thể sớm tu viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; có thể sớm tu viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; có thể sớm tu viên mãn ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; Sau khi Đại Bồ-tát này đã an trụ vào các Phật pháp như vậy rồi, tất cả thần thông xuất thế vô lậu của bậc Thánh, không đồng dạng với tất cả Thanh văn, Độc giác và đều được viên mãn. Sau khi đã an trụ vào thần thông thù thắng như vậy rồi, vị ấy dùng Thiên nhãn thanh tịnh thường thấy chư Phật hiện tại ở vô số thế giới khắp mười phương đang yên ổn trụ trì giảng nói chánh pháp cho các hữu tình. Cho đến lúc chứng đắc trí Nhất thiết trí cảnh giới chư Phật hiện ra theo niệm đó thường không gián đoạn.

Vị ấy, dùng Thiên nhĩ thanh tịnh thường nghe chư Phật thuyết pháp khắp mười phương nghe xong vị ấy thọ trì không để quên mất và giảng nói đầy đủ cho các hữu tình. Với Tha tâm trí, vị ấy có thể đo lường tâm và tâm sở pháp của chư Phật Thế Tôn một cách đúng đắn, cũng có thể biết đúng tâm và tâm sở pháp của Bồ-tát, Độc giác và Thanh văn, cũng có thể biết đúng tâm và tâm sở pháp của các loài hữu tình khác. Tùy theo căn cơ của họ, vị ấy giảng nói chánh pháp giúp họ sinh thắng giải.

Vị ấy dùng Túc trụ trí để biết các loại căn lành khác nhau của các hữu

tình đã trồng vào đời trước. Biết rồi vị ấy tìm cách chỉ rõ, khuyến khích, tán thán, vui mừng giúp họ đạt được an lạc lợi ích thù thắng. Tùy theo căn cơ của hữu tình, vị ấy dùng Lậu tận trí an lập họ vào pháp ba thừa, giúp họ được giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết.

Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, có thể mau đầy đủ trí Nhất thiết tướng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình.

Thế nên, này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ năng lực của tâm vô lậu lìa các tướng nên các Đại Bồ-tát có thể ở trong pháp không có tướng, không có tạo tác làm viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa, cũng có thể làm viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu lìa tướng để tu tinh tấn. Đại Bồ-tát này thành tựu sự dũng mãnh, thân tâm tinh tấn nhờ đó có thể nhập vào Sơ tĩnh lự và hoàn toàn an trú trong đó cho đến có thể nhập vào Tĩnh lự thứ tư và hoàn toàn an trú trong đó. Dựa vào bốn Tĩnh lự vị ấy phát sinh vô lượng loại thần thông biến hiện cho đến dùng tay rờ vuốt mặt trời mặt trăng, tự tại xoay chuyển không chút khó khăn.

Nhờ thành tựu sự dũng mãnh, thân tâm tinh tấn nên chốc lát vị ấy có thể dùng sức thần thông, bay đến hằng hà sa số thế giới chư Phật ở khắp mười phương, lại dùng đủ loại đồ ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc men và các đồ đạc khác cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen các vị Thế Tôn đang nói chánh pháp. Nhờ vậy quả báo của căn lành không dứt cho đến khi chứng đắc trí Nhất thiết trí. Do năng lực tăng thượng của căn lành này, sau khi thành Phật vị ấy lại vì vô lượng thế gian Trời, Người, A-tố-lạc... dùng vô lượng đồ ăn uống y phục, ngọa cụ, thuốc men và đồ đạt khác cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen.

Do năng lực tăng thượng của căn lành này, sau khi nhập Niết-bàn xá-lợi của vị ấy và các đệ tử còn được vô lượng Trời, Người, A-tố-lạc ở thế gian cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen. Đại Bồ-tát này lại dùng thần lực để đến hằng hà sa số thế giới của chư Phật khắp mười phương, lắng nghe chánh pháp ở các cõi Phật, nghe xong vị ấy thọ trì cho đến khi đạt được quả vị Giác ngộ cao tột cũng không quên mất. Đại Bồ-tát này lại dùng thần lực để đến hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương

đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Siêng năng tu học trí Nhất thiết trí được viên mãn rồi, vị ấy chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, độ các hữu tình.

Thế nên Thiện Hiện, do thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thành tựu thân tinh tấn mạnh mẽ nên các Đại Bồ-tát ấy có thể làm cho Tinh tấn ba-la-mật-đa sớm được viên mãn.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thành tựu tâm tinh tấn dũng mãnh nên sớm có thể viên mãn các đạo vô lậu của bậc Thánh và các chi đạo khác thuộc về Tinh tấn ba-la-mật-đa. Nhờ đó, vị ấy có thể làm cho các nghiệp bất thiện nơi thân, miệng, ý không phát sinh được. Đối với các pháp, Đại Bồ-tát này không chấp trước hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh; hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa; hoặc cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi, hoặc Dục giới, hoặc Sắc giới, hoặc Vô sắc giới, hoặc cảnh giới hữu lậu, hoặc cảnh giới vô lậu; hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, hoặc tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Đại Bồ-tát này cũng không chấp trước đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là A-la-hán, đây là Độc giác Bồ-đề, đây là Như Lai, cũng không chấp trước các hữu tình này do hạ pháp hiển hiện ra, hữu tình do trung pháp hiển hiện ra, hữu tình này do thượng pháp hiển hiện ra, hữu tình này do phần trên hiển hiện ra,

hữu tình này do phần dưới hiển hiện ra, hữu tình này do Thanh văn thừa hiển hiện ra, hữu tình này do Độc giác thừa hiển hiện ra, hữu tình này do Vô thượng thừa hiển hiện ra. Đối với những pháp như vậy và các hữu tình, Đại Bồ-tát này đều không chấp trước. Vì sao vậy? Pháp được chấp trước và các hữu tình đều không tự tánh và không thể nắm giữ.

Nhờ Đại Bồ-tát ấy thành tựu tâm tinh tấn dũng mãnh nên tuy thường tạo tác các việc lợi ích cho tất cả hữu tình nhưng đối với hữu tình hoàn toàn vô sở đắc. Tuy thường viên mãn pháp tu Tinh tấn ba-la-mật-đa nhưng đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa hoàn toàn vô sở đắc; tuy thường viên mãn tất cả Phật pháp nhưng đối với Phật pháp hoàn toàn vô sở đắc; tuy thường trang nghiêm tất cả cõi Phật nhưng đối với cõi Phật hoàn toàn vô sở đắc.

Đại Bồ-tát này thành tựu thân tâm tinh tấn như vậy, tuy có thể xa lìa tất cả ác pháp, lại có thể hộ trì tất cả thiện pháp nhưng không chấp trước. Do không chấp trước nên từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, từ thế giới này đến thế giới khác, vì muốn làm lợi ích cho các loài hữu tình. Nếu vị ấy muốn thị hiện các việc thần thông thì đều có thể tự tại thị hiện không bị ngăn ngại. Nghĩa là thị hiện mưa các loại hoa vi diệu, rải các loại hương thơm, tạo các loại nhạc, hiện tướng sấm sét chấn động đại địa, hoặc lại thị hiện các loại bảy báu vi diệu trang nghiêm thế giới, thân phóng ánh sáng chiếu nơi tối tăm, thân pháp diệu hương làm cho những vật hôi thối đều trở thành thơm tho, hoặc lại thị hiện thiết lập lễ cúng tế lớn ở trong đó không làm não loạn các loài hữu tình. Nhờ đó dạy dỗ vô lượng hữu tình giúp họ đi vào đường chánh, lìa bỏ việc giết hại sinh mạng cho đến tà kiến, hoặc dùng Bố thí cho đến Bát-nhã để giúp đỡ các hữu tình.

Vì muốn lợi ích các hữu tình, nên vị ấy xả bỏ của báu hoặc xả bỏ vợ con, hoặc xả bỏ ngôi vua, hoặc xả bỏ các bộ phận trong thân, hoặc xả bỏ thân mạng, tùy theo các hữu tình cần phải dùng phương tiện như vậy như vậy mới được lợi ích, vị ấy liền dùng phương tiện như vậy như vậy để làm lợi ích họ.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ năng lực tâm vô lậu lìa tướng ở trong pháp không có tướng, không có tạo tác, các Đại Bồ-tát có thể làm viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu lìa tướng để tu tĩnh lự. Ngoài các định của Phật, đối với các định khác, Đại Bồ-tát này đều có thể viên mãn. Đại

Bồ-tát này lìa dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ tĩnh lự và hoàn toàn trú vào đó, như vậy cho đến dứt vui dứt khổ, vui buồn quá khứ lặn mất, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh nhập vào tầng Thiền thứ tư và hoàn toàn an trú vào đó.

Đại Bồ-tát này dùng tâm Từ, Bi duyên khắp một phương cho đến tất cả thế gian khắp mười phương và hoàn toàn an trụ trong đó như vậy cho đến dùng tâm Hỷ, Xả duyên khắp một phương cho đến tất cả thế gian khắp mười phương và hoàn toàn an trụ trong đó. Đại Bồ-tát này vượt các sắc tưởng, diệt trừ tưởng hữu đối, không tư duy các loại tưởng nhập vào không vô biên, Không vô biên xứ và hoàn toàn an trụ trong đó. Như vậy cho đến vượt qua tất cả vô hữu xứ, nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ và hoàn toàn an trú trong đó.

Đại Bồ-tát này an trú vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, có thể xuất nhập thuận nghịch đối với tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và hoàn toàn an trú trong đó. Đại Bồ-tát này có thể hoàn toàn an trú vào pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, có thể hoàn toàn an trú vào Tam-ma-địa Vô gián, Tam-ma-địa Như điển, Tam-ma-địa Thánh chánh, Tam-ma-địa Kim cang dụ. Đại Bồ-tát này an trú vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề và trí Đạo tướng làm cho đều được viên mãn, dùng trí Đạo tướng để hộ trì tất cả Tam-ma-địa rồi tuần tự tu vượt qua bậc Tịnh quán cho đến bậc Độc giác, chứng nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi đã vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy tu các địa và thực hành viên mãn Phật địa. Tuy Đại Bồ-tát này tuần tự tu tập vượt qua các địa nhưng khi đang tu không nắm giữ quả đã chứng cho đến khi đạt được trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, để cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, trồng các căn lành nơi các vị Phật, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, từ một thế giới này, đến thế giới khác làm lợi ích hữu tình, thân tâm không mệt mỏi, hoặc dùng Bố thí, hoặc dùng Tịnh giới, hoặc dùng An nhẫn, hoặc dùng Tinh tấn hoặc dùng Tĩnh lự, hoặc dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa để giúp đỡ các hữu tình; hoặc dùng giới uẩn, hoặc định uẩn, hoặc tuệ uẩn, hoặc giải thoát uẩn, hoặc giải thoát tri kiến uẩn để giúp đỡ các hữu tình; hoặc dạy hữu tình trụ vào quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc trụ vào địa vị

của Đại Bồ-tát, hoặc trụ quả vị Giác ngộ cao tột. Tùy theo năng lực căn lành và sự tăng trưởng pháp lành của các hữu tình mà vị ấy tạo đủ các phương tiện giúp họ an trụ.

Đại Bồ-tát này an trú vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, có thể phát sinh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, có thể chứng đắc vô ngại giải và thần thông dị thục thù thắng. Đại Bồ-tát này thành tựu thần thông dị thục thù thắng, quyết định không nhập trở lại thai mẹ, bị nhiễm các dục lạc và nghiệp tội trong cuộc sống.

Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này khéo thấy, khéo biết tất cả pháp tánh đều như huyễn hóa. Tuy biết các hành đều như huyễn hóa nhưng vị ấy nương theo bi nguyện làm lợi ích hữu tình. Tuy nương theo bi nguyện làm lợi ích hữu tình nhưng hữu tình được giúp và tạo lập kia đều chẳng thể nắm bắt được. Tuy hữu tình được giúp và việc tạo lập kia đều chẳng thể nắm bắt được nhưng vị ấy có thể an lập tất cả hữu tình an trụ vào pháp chẳng thể nắm bắt được. Đây là dựa vào thế tục, không dựa vào thắng nghĩa.

Đại Bồ-tát này an trú vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu hành tất cả tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng trí cho đến viên mãn quả vị Giác ngộ cao tột mà mình mong cầu, thường không lìa việc tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát này thực hành trí Đạo tướng, tìm cách làm cách phát sinh trí Nhất thiết tướng, an trú ở trong đó đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí, có thể tự lợi và lợi tha một cách đúng đắn, có thể tạo ruộng phước điền trong sạch cho tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc, đáng được nhận sự cúng dường, cung kính của thế gian.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do lìa năng lực của tâm vô lậu, lìa các tướng, ở trong pháp không có tướng, không có tạo tác, Đại Bồ-tát này làm viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cũng có thể làm viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu lìa tướng để tu Bát-nhã. Đại Bồ-tát này không thấy một pháp nhỏ nào thật có thành tựu, nghĩa là không thấy sắc thật có thành tựu, không thấy thọ, tưởng, hành, thức thật có thành tựu; không thấy sắc sinh, không thấy thọ, tưởng, hành, thức sinh; không thấy sắc diệt, không thấy thọ, tưởng, hành, thức diệt; không thấy sắc là pháp tăng ích, không thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp tăng ích; không thấy sắc là pháp tổn giảm, không thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp tổn giảm;

không thấy sắc có tích tụ, không thấy thọ, tưởng, hành, thức có tích tụ; không thấy sắc có ly tán, không thấy thọ, tưởng, hành, thức có ly tán; như vậy cho đến không thấy tất cả pháp hữu lậu thật có thành tựu, không thấy tất cả pháp vô lậu thật có thành tựu; không thấy tất cả pháp hữu lậu sinh, không thấy tất cả pháp vô lậu sinh; không thấy tất cả pháp hữu lậu diệt, không thấy tất cả pháp vô lậu diệt; không thấy các pháp hữu lậu là pháp tăng ích, không thấy tất cả pháp vô lậu là pháp tăng ích; không thấy tất cả pháp hữu lậu là pháp tổn giảm, không thấy tất cả pháp vô lậu là pháp tổn giảm; không thấy tất cả pháp hữu lậu có tích tụ, không thấy tất cả pháp vô lậu có tích tụ; không thấy tất cả pháp hữu lậu có ly tán, không thấy tất cả pháp vô lậu có ly tán. Quán như thật để thấy sắc là hư vọng, không chắc thật, không tự tại, quán như thật để thấy thọ, tưởng, hành, thức là hư vọng, không chắc thật, không tự tại. Như vậy cho đến, quán như thật để thấy tất cả pháp hữu lậu là hư vọng, không chắc thật, không tự tại, quán như thật tất cả pháp vô lậu là hư vọng, không chắc thật, không tự tại. Lúc quán như thật, Đại Bồ-tát này không chấp giữ tự tánh của sắc, không chấp giữ tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức như vậy cho đến không chấp giữ tự tánh của tất cả pháp hữu lậu, không chấp giữ tự tánh của tất cả pháp vô lậu. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát này tin hiểu sâu sắc đối với tất cả các pháp, đều dùng không tánh để làm tự tánh.

Sau khi đã sinh tin hiểu đối với việc này rồi, vị ấy có thể thực hành pháp không bên trong cho đến có thể thực hành pháp không không tánh tự tánh. Lúc thực hành như vậy vị ấy không chấp trước đối với tất cả các pháp, nghĩa là không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; không chấp trước nhãn xứ cho đến ý xứ; không chấp trước sắc xứ cho đến pháp xứ; không chấp trước nhãn giới cho đến ý giới; không chấp trước sắc giới cho đến pháp giới; không chấp trước nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc; không chấp trước cảm giác do nhãn xúc duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không chấp trước địa giới cho đến thức giới; không chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không chấp trước vô minh cho đến lão tử; không chấp trước Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không chấp trước pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không chấp trước chân như cho đến cảnh giới chẳng

thể nghĩ bàn; không chấp trước Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không chấp trước bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không chấp trước bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không chấp trước tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không chấp trước pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không chấp trước bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không chấp trước bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không chấp trước tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không chấp trước năm loại mắt, sáu phép thần thông; không chấp trước mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không chấp trước ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không chấp trước pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không chấp trước trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không chấp trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không chấp trước tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; không chấp trước quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không sở hữu, Đại Bồ-tát này có thể viên mãn Bồ-tát đạo, nghĩa là có thể viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa; cũng có thể viên mãn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng có thể viên mãn chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng có thể viên mãn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng có thể viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng có thể viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng có thể viên mãn tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng có thể viên mãn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng có thể viên mãn các địa của Bồ-tát; cũng có thể viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có thể viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng có thể viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.

Sau khi đã viên mãn đạo Bồ-đề này rồi, Đại Bồ-tát ấy lại có thể viên mãn Phật đạo xa lìa tối tăm, nghĩa là có thể viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên Phật pháp khác.

Đại Bồ-tát này an trú vào Phật đạo xa lìa tối tăm như vậy, phát sinh thần thông dị thục thù thắng, tùy theo các hữu tình cần dùng Bố thí cho

đến Bát-nhã để giúp đỡ thì vị ấy liền dùng Bố thí cho đến Bát-nhã để giúp đỡ họ, người cần dùng giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn để giúp đỡ, vị ấy liền dùng giới uẩn cho đến giải thoát tri kiến uẩn để giúp đỡ họ. Người cần giúp an trú vào quả Dự lưu hoặc quả Nhất lai hoặc quả Bất hoàn hoặc quả A-la-hán hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc là quả vị Giác ngộ cao tột, vị ấy liền tìm cách giúp họ an trú vào quả Dự lưu cho đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Đại Bồ-tát này có thể làm đủ loại thần thông, biến hiện, muốn đến hằng hà sa số thế giới thì có thể đến một cách tùy ý, muốn hiện của báu ở trong các thế giới mình đã đi qua thì có thể hiện một cách tùy ý, muốn làm cho hữu tình trong các thế giới mà mình đi qua thọ hưởng các loại của báu thì giúp cho họ đều được đầy đủ tùy theo ý thích. Từ thế giới này đến thế giới khác, Đại Bồ-tát ấy làm lợi ích an lạc vô số hữu tình, thấy những cảnh trang nghiêm tốt đẹp ở các thế giới vị ấy có thể tự hộ trì và trang nghiêm cõi Phật tùy theo ý thích.

Giống như chư Thiên ở cõi trời Tha hóa tự tại có các đồ vật xinh đẹp cần thiết hiện ra theo nhu cầu. Cũng vậy, Đại Bồ-tát này tùy ý nhận lấy vô số cõi Phật được trang nghiêm đủ cách.

Trong đó các cõi Phật được tiếp nhận này, các pháp vi diệu, thanh tịnh, lìa tạp nhiễm đều có thể hiện ra tùy theo ý muốn. Đại Bồ-tát này do Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa của thân dị thục do các thần thông vi diệu của thân dị thục, do Bồ-tát đạo của thân dị thục nên thực hành trí Đạo tướng. Do trí Đạo tướng được thành thục; nên vị ấy có thể chứng đắc trí Nhất thiết tướng. Do chứng đắc trí này nên vị ấy không giữ lấy tất cả các pháp, nghĩa là không giữ lấy sắc, không giữ lấy thọ, tưởng, hành, thức như vậy cho đến cũng không giữ lấy thiện pháp hoặc phi pháp, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, hoặc pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu vi hoặc pháp vô vi, cũng không giữ lấy sự chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, cũng không giữ lấy tất cả các vật được thọ dụng ở cõi Phật. Hữu tình ở trong cõi Phật đó cũng không giữ lấy tất cả các pháp. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát trước tiên phải không giữ lấy tất cả các pháp, vô sở đắc đối với tất cả các pháp, vì các hữu tình giảng nói một cách đúng đắn về sự không nắm bắt của tất cả các pháp tánh.

Như vậy, Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ

năng lực vô lậu lìa các tướng, ở trong pháp không có tướng, không có tạo tác, các Đại Bồ-tát có thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

-oOo-

Phẩm 75: Không Tạp (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, làm sao ở trong pháp không tự tướng, không tạp, không tướng có thể viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, tại sao trong tất cả pháp không sai biệt mà tạo ra sai biệt, làm cách nào để biết rõ tướng sai biệt của các pháp như vậy, làm sao ở trong Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể giữ lấy tất cả sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy cho đến giữ lấy tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, vì sao ở trong tất cả pháp có tướng khác nhau tạo ra một tướng được gọi là không tướng và ở trong pháp không tướng, một tướng tạo ra tướng sai biệt của tất cả các pháp?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát an trú trong năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như bóng dáng, như ảnh, như quáng nắng, như huyễn, như hóa, vì các hữu tình bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tu định, học tuệ, biết rõ như thật về năm uẩn như mộng, như huyễn hóa đều cùng một tướng gọi là không tướng. Vì sao vậy? Mộng cho đến huyễn hóa đều không tự tánh. Pháp nào không có tự tánh thì là pháp không tướng. Pháp nào không tướng chính là pháp một tướng được gọi là không tướng. Vì lý do này nên biết tất cả người thí, người nhận, vật thí, tánh thí, quả thí, duyên thí đều cùng không tướng. Ai biết như vậy mà thực hành bố thí thì có thể làm viên mãn pháp Bố thí ba-la-mật-đa, nếu có thể viên mãn pháp Bố thí ba-la-mật-đa thì không xa lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. An trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa này thì có thể viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng có thể viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng có thể viên mãn ba pháp môn giải thoát; cũng có thể viên mãn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng có thể viên mãn chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng có thể viên mãn Thánh đế, khổ, tập, diệt, đạo; cũng có thể viên mãn tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng có thể viên mãn các địa Bồ-tát; cũng có thể viên mãn năm trăm tất cả pháp môn Đà-la-ni, năm trăm tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể

viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có thể viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Đại Bồ-tát này an trú trong quả báu các pháp Thánh vô lậu, có thể đến hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương dùng vô số loại phẩm vật vi diệu cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, làm cho các hữu tình được lợi ích, an lạc. Người cần dùng Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa để giúp đỡ vị ấy liền dùng Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa để giúp đỡ, người cần dùng các loại pháp lành khác để giúp đỡ vị ấy liền dùng các loại pháp lành khác để giúp đỡ. Đại Bồ-tát này thành tựu tất cả căn lành thù thắng, hoàn toàn tự tại đối với tất cả các pháp, tuy chịu sinh tử nhưng không bị tai họa sinh tử làm ô nhiễm. Vì muốn làm lợi lạc cho hữu tình nên nhận lấy sự giàu có tự tại của trời, người. Nhờ oai lực của sự giàu có tự tại này vị ấy có thể làm các việc lợi ích cho hữu tình, dùng bốn Nhiếp sự để giúp đỡ họ. Nhờ biết tất cả pháp đều không tướng, tuy biết quả Dự lưu nhưng Đại Bồ-tát này không trú vào quả Dự lưu cho đến tuy biết Độc giác Bồ-đề nhưng không trụ Độc giác Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này đã biết rõ như thật về tất cả các pháp, vì muốn chứng đắc trí Nhất thiết trí, nên không đứng chung với tất cả Thanh văn, Độc giác.

Như vậy Thiện Hiện, do biết tất cả pháp đều không tướng nên các Đại Bồ-tát này biết rõ như thật là sáu pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí... và vô lượng, vô biên Phật pháp khác đều không tướng. Nhờ lý do này vị ấy có thể viên mãn tất cả Phật pháp liền có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như bóng, như ảnh, như quáng nắng, như huyễn, như hóa, viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này biết rõ như thật về năm uẩn như mộng cho đến như huyễn hóa, thì liền có thể viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa vô tướng. Tịnh giới này không khuyết, không rò rỉ, không tỳ vết, không dơ bẩn, không chỗ chấp trước, đáng được cúng dường, được người trí ca ngợi, khéo léo thọ trì, hoàn toàn rốt ráo, là vô lậu của bậc Thánh, là đạo lộ xuất thế gian nắm giữ. An trú vào giới này thì có thể thọ trì tất cả các giới như là giới kiến lập, giới tự nhiên, đắc giới luật nghi, giới hữu biểu, giới vô biểu, giới hiện hành, giới không hiện hành, giới oai nghi, giới không oai nghi. Tuy thành tựu đầy đủ các giới như vậy nhưng Đại Bồ-tát này không chấp trước đối với các

pháp và không nghĩ rằng: "Nhờ giới này ta sẽ sinh vào các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ được giàu sang, tự tại." Vị ấy không nghĩ thế này: "Nhờ giới này ta sẽ làm tiểu vương, hoặc làm đại vương hoặc làm Luân vương, hoặc làm đại thần giàu sang tự tại." Vị ấy không nghĩ rằng: "Nhờ giới này ta sẽ sinh làm trời Tứ đại Thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại giàu sang tự tại." Vị ấy không nghĩ rằng: "Nhờ giới này ta sẽ được quả Dự lưu hoặc quả Nhất lai hoặc quả Bất hoàn hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề hoặc nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, hoặc chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát, hoặc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột." Vì sao vậy? Các pháp như vậy đều đồng một tướng được gọi là không tướng, không trụ, không đắc. Pháp không tướng không thể chứng đắc không tướng. Pháp có tướng không thể chứng đắc có tướng. Pháp không tướng không thể chứng đắc có tướng, pháp có tướng không thể chứng đắc không tướng. Do nhân duyên này mọi pháp đều vô sở đắc.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể sớm viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa vô tướng. Sau khi đã có thể viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa vô tướng, vị ấy mau chóng nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Sau khi nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị ấy lại chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát. Đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát, vị ấy tu hành trí Đạo tướng cho đến trí Nhất thiết tướng chứng đắc năm Thần thông dị thục, lại chứng đắc năm trăm tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chứng đắc năm trăm tất cả pháp môn Tam-ma-địa và an trú trong đó, lại có thể chứng đắc bốn sự hiểu biết thông suốt, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Để giáo hóa hữu tình, tuy Đại Bồ-tát này thị hiện lưu chuyển trong các nẻo đường sinh tử nhưng không bị tai họa của nó làm nhiễm ô. Như người huyễn hóa tuy thị hiện các việc đi, đứng, nằm, ngồi nhưng thật sự không có các nghiệp qua lại. Đại Bồ-tát cũng vậy, tuy hiện các pháp lợi ích hữu tình nhưng đối với hữu tình và sự kiến lập của họ hoàn toàn vô sở đắc.

Như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tên Thiện Tịch tĩnh chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, độ vô lượng chúng, giúp họ ra khỏi sinh tử chứng đắc Niết-bàn nhưng không có hữu tình nào có thể kham nhận sự thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột. Lúc ấy Như Lai hóa hiện vị Hóa Phật giúp cho trụ ở đời lâu dài rồi tự xả thọ mạng, nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn. Sau khi đã trụ một kiếp, hóa thân của vị Phật

ấy thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột cho một Bồ-tát rồi mới nhập Niết-bàn. Hóa thân Phật ấy tuy làm các việc lợi ích hữu tình nhưng không có sở đắc, nghĩa là không nắm bắt sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nắm bắt tất cả pháp hữu lậu, vô lậu và các hữu tình. Cũng vậy, là Đại Bồ-tát tuy có tạo tác nhưng đều vô sở đắc.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa nhờ Tịnh giới ba-la-mật-đa này được viên mãn nên vị ấy liền có thể nhận lãnh tất cả Phật pháp và nhờ đó chứng đắc được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như bóng, như ánh chớp, như quáng nắng, như huyễn, như hóa để viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này biết rõ như thật năm uẩn như mộng cho đến như huyễn hóa liền có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng.

Thiện Hiện, vì sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết rõ như thật năm uẩn như mộng cho đến như ảo hóa Đại Bồ-tát liền có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng.

Thiện Hiện, do biết rõ như thật năm thủ uẩn này không có thật tướng nên Đại Bồ-tát này tu hai loại nhẫn liền có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng. Những gì là hai? Đó là An thọ nhẫn và Quán sát nhẫn.

An thọ nhẫn là trong thời gian từ lúc Đại Bồ-tát mới phát tâm cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề vi diệu, giả sử tất cả các loài hữu tình đua nhau đến quở mắng, dùng lời thô ác chửi rủa, lăng nhục, lại dùng gạch đá dao gậy làm hại, lúc ấy, để viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa, Bồ-tát này cho đến một niệm hờn giận cũng không sinh khởi, cũng không sinh tâm báo thù, chỉ nghĩ rằng: "Các hữu tình kia thật đáng thương xót, bị phiền não tăng thượng quấy nhiễu trong tâm, không được tự tại, nên họ gây ra nghiệp ác như vậy đối với ta, nay ta không nên tức giận họ."

Vị ấy lại nghĩ rằng: "Do ta tạo ra các nhóm oan gia nên khiến cho hữu tình kia phát sinh nghiệp ác như vậy đối với ta, chỉ nên tự trách không nên giận người ấy." Lúc quán sát sâu sắc như vậy Bồ-tát sinh lòng thương xót sâu xa đối với hữu tình ấy. Như vậy gọi là An thọ nhẫn.

Quán sát nhẫn là các Đại Bồ-tát tư duy như vầy: "Các hành như huyễn, hư dối không thật, không được tự tại, cũng như hư không, không có ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng

thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết, cái thấy đều chẳng thể nắm bắt được, chỉ do phân biệt hư vọng sinh ra, tất cả đều do tự tâm biến hiện ra, ai hủy hoại ta, ai chửi mắng ta, ai lăng nhục ta, ai dùng các loại ngói gạch, dao gậy làm hại ta, ai bị người kia lăng nhục làm hại. Tất cả đều là sự phân biệt hư vọng của tự tâm. Nay ta không nên phát sinh chấp trước. Do tự tánh không và thắng nghĩa không, nên các pháp như vậy hoàn toàn không sở hữu.

Lúc quán sát kỹ như vậy Bồ-tát biết rõ như thật các hành rỗng không vắng lặng, không sinh ý tưởng khác đối với các pháp như vậy gọi là Quán sát nhẫn.

Nhờ tu tập hai loại nhẫn như vậy Đại Bồ-tát này liền có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng. Do có thể viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng vị ấy liền đạt được Vô sinh pháp nhẫn.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Thưa Thế Tôn, thế nào là Vô sinh pháp nhẫn. Pháp này đoạn trừ những gì và là trí gì?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, do thế lực nên ngay cả pháp ác bất thiện nhỏ cũng không sinh vì thế gọi là Vô sinh pháp nhẫn. Pháp này làm cho tất cả phiền não như ngã, ngã sở, mạn... hoàn toàn không sinh, chỉ như thật nhẫn chịu các hành như mộng cho đến như ảo hóa. Pháp nhẫn này gọi là trí do đạt được trí này nên nói là đạt được Vô sinh pháp nhẫn.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Vô sinh pháp nhẫn của Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát có gì sai khác?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, hoặc trí đức, hoặc đoạn đức của bậc Dự lưu cho đến hoặc trí đức hoặc đoạn đức của Độc giác đều là nhẫn của Đại Bồ-tát. Lại có nhẫn của Đại Bồ-tát là nhẫn các pháp hoàn toàn không sinh. Đó là sự sai khác.

Thiện Hiện, ông nên biết, do các Đại Bồ-tát thành tựu pháp nhẫn thù thắng như vậy nên vượt lên trên tất cả Thanh văn, Độc giác. Các Đại Bồ-tát an trụ vào nhẫn dị thục như vậy đã thực hành Bồ-tát đạo thì có thể viên mãn trí Đạo tướng. Nhờ thành tựu trí Đạo tướng này, vị ấy thường

không xa lìa bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng không xa lìa ba pháp môn giải thoát, không xa lìa thần thông dị thục, do không xa lìa thần thông dị thục, vị ấy từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tạo việc ấy rồi, vị ấy dùng một sát-na tương ưng với Bát-nhã để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể mau viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa vô tướng. Nhờ An nhẫn ba-la-mật-đa này được viên mãn nên vị ấy liền có thể viên mãn tất cả Phật pháp và nhờ đó chứng đắc trí Nhất thiết trí.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 468

Phẩm 75: Không Tạp (2)

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát an trú trong năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như ánh chớp, như quáng nắng, như huyễn, như hóa. Sau khi đã biết rõ như thật năm uẩn như mộng cho đến như huyễn hóa đều không thật tướng, vị ấy phát sinh dũng mãnh, thân tâm tinh tấn. Nhờ phát sinh thân tâm tinh tấn dũng mãnh, Đại Bồ-tát này phát sinh thần thông thù thắng mau lẹ, có thể đến hằng hà sa số thế giới chư Phật ở khắp mười phương, thân cận Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, dùng vô lượng loại phẩm vật vi diệu cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, trồng các căn lành nơi các vị Phật, làm lợi ích an lạc các loài hữu tình, cũng có thể trang nghiêm các cõi Phật.

Nhờ thân tinh tấn, Đại Bồ-tát này đem lại sự thành tựu cho hữu tình, tùy theo căn cơ dùng pháp ba thừa tìm cách an lạc giúp họ đều đạt được cứu cánh.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nhờ thân tinh tấn các Đại Bồ-tát mau viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa vô tướng. Do Đại Bồ-tát phát sinh tâm tinh tấn dũng mãnh nên làm phát sinh các chi Thánh đạo vô lậu được nhiếp vào Thánh đạo, viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, ở trong đó bao gồm các thiện pháp như bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, hoặc Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, hoặc chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông, hoặc mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí

Nhất thiết tướng.

Nhờ tâm tinh tấn mà các tướng hảo của Đại Bồ-tát này đều được viên mãn. Vị ấy phóng ánh sáng lớn chiếu vô biên thế giới. Nhờ tâm tinh tấn hoàn toàn viên mãn nên vị ấy có thể đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục tất cả tập khí phiền não, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng, làm cho ba ngàn thế giới biến động sáu cách. Các hữu tình trong đó nhờ ánh sáng chiếu đến, thấy sự biến động này, nghe âm thanh chánh pháp, tùy theo căn cơ của họ mà không bị thoái chuyển, hoàn toàn rốt ráo đối với đạo Ba thừa. Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa. Do các việc làm từ Tinh tấn ba-la-mật-đa này nên Đại Bồ-tát này an trú vào Tinh tấn ba-la-mật-đa có thể sớm viên mãn tất cả Phật pháp, sớm chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như ánh chớp, như quáng nắng, như huyễn, như hóa để viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa Đại Bồ-tát an trú năm thủ uẩn như mộng cho đến như hóa để viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa như thế nào? Nghĩa là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết thật năm thủ uẩn như mộng cho đến như huyễn hóa rồi nhập vào Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư, nhập vào Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng, nhập vào định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tu Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện, tu Tam-ma-địa Như điện, tu Tam-ma-địa Kim cang dụ, tu Tam-ma-địa Thánh chánh, trụ vào Tam-ma-địa Kim cang dụ. Trừ tầng định của Như Lai còn đối với các tầng định khác như định của Nhị thừa và các thắng định khác vị ấy có thể nhập vào tất cả và hoàn toàn an trụ trong đó nhưng không tham đắm vị ngọt của các định Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, cũng không mê đắm quả báo của chúng. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này biết rõ như thật các định như Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc và tất cả các pháp đều cùng lấy không tướng, không tánh làm tánh. Chẳng lẽ không tướng say đắm không tướng, chẳng lẽ không tánh say đắm không tánh. Do không say đắm, vị ấy quyết định không theo năng lực của các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc mà sinh vào Sắc giới và Vô sắc giới. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này hoàn

toàn vô sở đắc đối với mọi cảnh giới. Đối với người nhập định, định được nhập, lý do nhập định, vị ấy cũng vô sở đắc. Do vô sở đắc đối với tất cả các pháp, Đại Bồ-tát này có thể sớm viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa vô tướng. Nhờ Tĩnh lự ba-la-mật-đa này vị ấy vượt khỏi các địa vị Thanh văn, Độc giác.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát này viên mãn các Tĩnh lự ba-la-mật-đa vô tướng, vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác như thế nào?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, do học trọn vẹn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh nên Đại Bồ-tát này liền có thể viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa vô tướng, vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác. Đại Bồ-tát này trụ vào các pháp không, hoàn toàn vô sở đắc đối với tất cả các pháp, chẳng thấy có pháp nào lìa các pháp không đó. An trụ ở trong đó, Đại Bồ-tát này không nắm bắt quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, cũng không nắm bắt các hạnh của Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Các pháp không này cũng đều là chân không. Nhờ trụ trong pháp không này, Đại Bồ-tát ấy vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác, chứng nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát lấy gì làm sinh? Lấy gì làm ly sinh?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy tất cả pháp có sở đắc làm sinh, lấy tất cả pháp vô sở đắc làm ly sinh.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát lấy gì làm có sở đắc và lấy gì làm vô sở đắc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy tất cả các pháp sở đắc, nghĩa là các Đại Bồ-tát lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm sở đắc; lấy nhãn xứ cho đến ý xứ làm sở đắc; lấy sắc xứ cho đến pháp xứ làm sở đắc; lấy nhãn giới cho đến ý giới làm sở đắc; lấy sắc giới cho đến pháp giới làm sở đắc; lấy nhãn thức giới cho đến ý thức giới làm sở đắc; lấy nhãn xúc cho đến ý xúc làm sở đắc; lấy các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các

thọ do ý xúc làm duyên sinh ra làm sở đắc; lấy địa giới cho đến thức giới làm sở đắc; lấy nhân duyên cho đến tăng thượng làm sở đắc; lấy vô minh cho đến lão tử làm sở đắc; lấy Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa làm sở đắc; lấy pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh làm sở đắc; lấy chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn làm sở đắc; lấy Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo làm sở đắc; lấy bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo làm sở đắc; lấy ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện làm sở đắc; lấy bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc làm sở đắc; lấy tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ làm sở đắc; lấy bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai làm sở đắc; lấy bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân làm sở đắc; lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa làm sở đắc; lấy năm loại mắt, sáu phép thần thông làm sở đắc; lấy mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng làm sở đắc; lấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ làm sở đắc; lấy pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả làm sở đắc; lấy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm sở đắc; lấy quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề làm sở đắc; lấy tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát làm sở đắc; lấy quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật làm sở đắc; lấy trí Nhất thiết trí làm sở đắc.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng các pháp môn như vậy làm sở đắc, sở đắc này được gọi là sinh.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy tất cả pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày, làm vô sở đắc. Nghĩa là các Đại Bồ-tát dùng pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của sắc cho đến tự tánh của thức đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng và chỉ bày. Các Đại Bồ-tát dùng pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhãn xứ cho đến ý xứ làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của sắc xứ cho đến pháp xứ làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Bồ-tát dùng việc không thực hành, không chứng đắc,

không nói năng, không chỉ bày của nhãn giới cho đến ý giới làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhãn giới cho đến ý đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát dùng việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của sắc giới cho đến pháp giới làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của sắc giới cho đến pháp giới đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát dùng việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhãn thức giới cho đến ý thức giới làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng và chỉ bày. Các Đại Bồ-tát dùng việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhãn xúc cho đến ý xúc làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra để làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của địa giới cho đến thức giới là vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của địa giới cho đến thức giới đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của vô minh cho đến lão tử làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của vô minh cho đến lão tử đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của pháp

không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng và chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành,

không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của năm loại mắt, sáu phép thần thông làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của quả vị Giác ngộ cao tột làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ

bày. Các Đại Bồ-tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của trí Nhất thiết trí làm vô sở đắc. Vì sao vậy? Vì tự tánh của trí Nhất thiết trí đều không thể thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lấy các pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày như vậy làm vô sở đắc. Vô sở đắc này được gọi là ly sinh. Sau khi chứng nhập địa vị Chánh tánh ly sinh viên mãn tất cả tĩnh lự, giải thoát đẳng trì, đẳng chí, các Đại Bồ-tát còn không sinh theo năng lực của định huống là theo phiền não tham, sân, si nếu theo năng lực của phiền não mà sinh thì thật phi lý. Đại Bồ-tát này an trú trong đó tạo nên các nghiệp. Nếu do năng lực của nghiệp, vị ấy lưu chuyển các nẻo đường thì cũng thật phi lý. Tuy trụ trong các hành như huyễn làm lợi ích thật sự cho các hữu tình nhưng Đại Bồ-tát này không nắm bắt huyễn và các hữu tình. Lúc Đại Bồ-tát này vô sở đắc đối với các việc như vậy thì đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật thường không giải đãi.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát có thể mau viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa vô tướng. Nhờ Tĩnh lự ba-la-mật-đa này sớm được viên mãn, vị ấy mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, độ các hữu tình, pháp luân như vậy gọi là vô sở đắc.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát an trú vào năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như ánh chớp, như ánh nắng, như huyễn, như hóa để viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này biết rõ như thật tánh tướng của tất cả pháp đều như mộng cho đến như huyễn hóa liền có thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa vô tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm sao các Đại Bồ-tát biết rõ như thật tánh tướng của tất cả pháp đều như mộng cho đến như huyễn hóa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát không thấy mộng, không thấy người nằm mộng, không nghe tiếng vang, không thấy người nghe tiếng vang, không thấy bóng dáng, không thấy người thấy bóng dáng, không thấy ảnh và người thấy ảnh, không thấy quáng

nắng và người thấy quáng nắng, không thấy huyễn và người thấy huyễn, không thấy biến hóa và người thấy biến hóa. Vì sao vậy? Mộng cho đến huyễn hóa đều là chấp trước của phàm phu ngu si điên đảo. Các A-la-hán, Độc giác, Đại Bồ-tát và các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều không thấy mộng và người thấy mộng cho đến không thấy huyễn hóa và người thấy huyễn hóa. Vì sao vậy? Vì tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tánh, chẳng thành, chẳng thật, vô tướng, vô vi, chẳng thật có tánh, ngang với Niết-bàn. Nếu tất cả pháp lấy không tánh làm tánh cho đến sánh ngang với Niết-bàn thì làm sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát phát sinh ý tưởng có tánh, tưởng thành, tưởng thật, tưởng có tướng hữu vi, có thật tánh đối với tất cả các pháp. Nếu vị ấy phát sinh ý tưởng này thì thật phi lý. Vì sao vậy? Nếu tất cả các pháp có chút ít tự tánh, có thành, có thật, có tướng hữu vi, có thật tánh có thể nắm bắt thì pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa đã được tu tập lẽ ra chẳng phải là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát không chấp trước sắc cho đến thức; không chấp trước nhãn xứ cho đến ý xứ; không chấp trước sắc xứ cho đến pháp xứ; không chấp trước nhãn giới cho đến ý giới; không chấp trước sắc giới cho đến pháp giới; không chấp trước nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc; không chấp trước các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không chấp trước địa giới cho đến thức giới; không chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không chấp trước các pháp do nhân duyên sinh ra; không chấp trước vô minh cho đến lão tử; không chấp trước Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; không chấp trước các tĩnh lự, đẳng trì, đẳng chí; không chấp trước bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không chấp trước ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không chấp trước Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không chấp trước Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không chấp trước pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không chấp trước chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không chấp trước bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không chấp trước bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không chấp trước tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không chấp trước năm loại mắt, sáu phép thần thông; không chấp trước mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không chấp trước ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không chấp trước pháp không quên mất, tánh luôn

luôn xả; không chấp trước trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không chấp trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không chấp trước tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; không chấp trước quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; không chấp trước trí Nhất thiết trí. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do không chấp trước đối với tất cả pháp môn như vậy nên Đại Bồ-tát này viên mãn từ Sơ địa cho đến Thập địa thì làm sao có thể phát sinh tham đắm đối với các địa ấy. Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này không nắm giữ người làm viên mãn của Sơ địa cho đến Thập địa thì làm sao có thể phát sinh tham đắm đối với các địa ấy. Tuy thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Do không nắm giữ Bát-nhã ba-la-mật-đa nên vị ấy cũng không nắm giữ tất cả pháp. Tuy quán Bát-nhã ba-la-mật-đa bao gồm tất cả pháp nhưng Đại Bồ-tát này hoàn toàn không nắm bắt các pháp. Vì sao vậy? Do tất cả pháp cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa này đều không hai, không hai phần. Vì sao vậy? Tánh của tất cả các pháp là không thể phân biệt, gọi là chân như, là pháp giới, là thật tế vì các pháp không xen lẫn không sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, nếu tánh của tất cả pháp là không xen lẫn, không sai khác thì vì sao có thể nói đây là thiện, là ác, là hữu ký, là vô ký, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi, vì sao có các pháp môn sai khác như vậy?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông thế nào? Trong thật tánh của tất cả pháp có pháp nào có thể là thiện, là ác, là hữu ký, là vô ký, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi, là quả Dự lưu, là quả Nhất lai, là quả Bất hoàn, là quả A-la-hán, là Độc giác Bồ-đề, là tất cả hạnh của Đại Bồ-tát, là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, vì vậy nên biết tất cả pháp là không xen lẫn, không sai khác, không có tướng, không sinh, không diệt, không ngăn ngại, không nói năng, không chỉ bày.

Thiện Hiện nên biết, khi xưa, lúc tu học Bồ-tát đạo, Ta hoàn toàn không nắm bắt đối với tự tánh các pháp nghĩa là không nắm bắt sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không nắm bắt nhãn xứ cho đến ý xứ, không nắm bắt

sắc xứ cho đến pháp xứ; không nắm bắt nhãn giới cho đến ý giới; không nắm bắt sắc giới cho đến pháp giới; không nắm bắt nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không nắm bắt nhãn xúc cho đến ý xúc; không nắm bắt các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không nắm bắt địa giới cho đến thức giới; không nắm bắt nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không nắm bắt các pháp do nhân duyên sinh ra; không nắm bắt vô minh cho đến lão tử; không nắm bắt Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; không nắm bắt thiện ác, không nắm bắt hữu ký, vô ký, hữu lậu, vô lậu; không nắm bắt thế gian, xuất thế gian, không nắm bắt hữu vi, vô vi; không nắm bắt bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không nắm bắt bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không nắm bắt tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không nắm bắt pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không nắm bắt Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không nắm bắt Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nắm bắt pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không nắm bắt chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không nắm bắt bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không nắm bắt bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không nắm bắt tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không nắm bắt năm loại mắt, sáu phép thần thông; không nắm bắt mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không nắm bắt ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không nắm bắt pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không nắm bắt trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không nắm bắt quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không nắm bắt tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; không nắm bắt quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu các Đại Bồ-tát phải học trọn vẹn tự tánh của các pháp. Ai có thể học trọn vẹn tự tánh của các pháp thì có thể làm trong sạch hoàn toàn đại Bồ-đề đạo, cũng có thể viên mãn các hạnh của Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, sớm chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, dùng pháp ba thừa làm phương tiện để điều phục các hữu tình, giúp họ không còn bị luân hồi trở lại trong ba cõi, chứng đắc Niết-bàn hoàn toàn an lạc.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên dùng không tướng làm phương tiện để tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

Phẩm 76: Các đức tướng (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều như mộng, như tiếng vang, như bóng dáng, như ảnh, như quáng nắng, như huyễn hóa, hoàn toàn không có thật, lấy không tánh làm tánh, tự tướng là không thì vì sao có thể đặt ra là thiện, là ác, là hữu ký, là vô ký, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi như vậy cho đến là quả Dự lưu, là pháp có thể chứng đắc quả Dự lưu, là quả Nhất lai, là pháp có thể chứng đắc quả Nhất lai, là quả Bất hoàn, là pháp có thể chứng đắc Bất hoàn, là quả A-la-hán, là pháp có thể chứng đắc quả A-la-hán, là Độc giác Bồ-đề, là pháp có thể chứng đắc Độc giác Bồ-đề, là các địa của Đại Bồ-tát, là pháp có thể chứng đắc các địa của Đại Bồ-tát, là quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, là pháp có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột của Phật vậy?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, kẻ phàm phu ngu si thiếu học ở thế gian đối với mộng thì nắm bắt mộng và nắm bắt người thấy mộng, như vậy cho đến đối với huyễn hóa thì nắm bắt huyễn hóa và nắm bắt người thấy huyễn hóa. Sau khi nắm bắt cho đến nắm bắt huyễn hóa, kẻ phàm phu ngu si kém hiểu biết này điên đảo chấp trước hoặc tạo hạnh bất thiện nơi thân, miệng, ý, hoặc tạo hạnh lành nơi thân, miệng, ý, hoặc tạo hạnh vô ký nơi thân, miệng, ý, hoặc tạo hạnh không phước đức nơi thân, miệng, ý hoặc tạo hạnh phước đức nơi thân, miệng, ý, hoặc tạo hạnh bất cộng nơi thân, miệng, ý. Do các hạnh đó nên họ qua lại trong đường sinh tử, luân chuyển không ngừng.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng hai pháp không để quán sát các pháp. Hai pháp không đó là: Pháp không rốt ráo và pháp không không giới hạn. An trụ trong hai pháp không này, Đại Bồ-tát ấy giảng nói chánh pháp cho các hữu tình. Vị ấy giảng rằng: Các ông nên biết, sắc là không, xa lìa ngã và ngã sở; thọ, tưởng, hành, thức là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở; sắc xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở, thanh, hương, vị, xúc, pháp, xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn giới là không, xa lìa ngã và ngã sở, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; sắc giới là không, xa lìa ngã và ngã sở, thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn thức giới là không,

xa lìa ngã và ngã sở, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn xúc là không, xa lìa ngã và ngã sở, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là không, xa lìa ngã và ngã sở; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở, các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở; địa giới là không, xa lìa ngã và ngã sở, thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhân duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở, đẳng vô gián duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở; sở duyên duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở, tăng thượng duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở; các pháp do duyên sinh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở; vô minh là không, xa lìa ngã và ngã sở; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp lành là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp ác là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp hữu ký là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp vô ký là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp hữu lậu là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp vô lậu là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp thế gian là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp xuất thế gian là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp hữu vi là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp vô vi là không, xa lìa ngã và ngã sở; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, xa lìa ngã và ngã sở; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không, xa lìa ngã và ngã sở; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là không, xa lìa ngã và ngã sở; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là không, xa lìa ngã và ngã sở; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, xa lìa ngã và ngã sở; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là không, xa lìa ngã và ngã sở; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là không, xa lìa ngã và ngã sở; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, xa lìa ngã và ngã sở; năm loại mắt, sáu phép thần thông là không, xa lìa ngã và ngã sở; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không, xa lìa ngã và ngã sở; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không, xa lìa ngã và ngã sở; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, xa lìa ngã và ngã sở; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề là không, xa lìa ngã và ngã sở; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát là không, xa lìa ngã và ngã sở; quả vị Giác ngộ cao tột của Phật là không, xa lìa ngã và ngã sở.

Vị ấy, lại nói rằng, các ông nên biết, sắc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, thọ, tưởng, hành, thức như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; sắc xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; sắc giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, thanh, hương, vị, xúc, pháp giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn thức giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn xúc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; địa giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhân duyên như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các pháp do nhân duyên sinh ra như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; vô minh như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp lành như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp ác như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu ký như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, pháp vô ký như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu lậu như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, pháp vô lậu như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp thế gian như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, pháp xuất thế gian như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu vi như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, pháp vô vi như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-

nhã ba-la-mật-đa như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; năm loại mắt, sáu phép thần thông như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh.

Vị ấy lại nói rằng, các ông nên biết, ở trong pháp không đó không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không nhãn xứ cho đến ý xứ; không sắc xứ cho đến pháp xứ; không nhãn giới cho đến ý giới; không nhãn xúc cho đến ý xúc; không có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không địa giới cho đến thức giới; không nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không có các pháp do nhân duyên sinh ra; không vô minh cho đến lão tử; không có pháp thiện ác; không có pháp hữu ký, vô ký; không có pháp hữu lậu, vô lậu; không có pháp thế gian, xuất thế gian; không có pháp hữu vi, vô vi, không có Bố thí ba-la-

mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không có pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không có chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không có Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không có bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không có pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không có bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không có tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không có bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không có bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không có năm loại mắt, sáu phép thần thông; không có mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không có quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không có các hạnh của Đại Bồ-tát; không có quả vị Giác ngộ cao tột; không có có mộng và người thấy mộng, không có tiếng vang và người nghe tiếng vang, không có ảnh và người thấy ảnh, không có ánh chớp và người thấy ánh chớp, không có quáng nắng và người thấy quáng nắng, không có huyễn và người thấy huyễn, không có hóa và người thấy hóa.

Vị ấy lại nói rằng, các ông nên biết, tất cả pháp này đều không thật có, lấy không tánh làm tánh. Do phân biệt hư dối nên các ông phát sinh ý tưởng có uẩn ở nơi không có uẩn, phát sinh ý tưởng có nơi chốn ở chỗ không nơi chốn, sinh ý tưởng có cảnh giới ở nơi không cảnh giới, sinh ý tưởng có xúc chạm ở nơi không xúc chạm, sinh ý tưởng có thọ nhận ở nơi không có thọ nhận.

Vị ấy lại nói rằng, các ông nên biết, tánh của tất cả pháp như uẩn, xứ, giới... đều do duyên sinh ra, do điên đảo phát sinh, được nghiệp dị thục nắm giữ. Vì sao các ông phát sinh ý tưởng có ở nơi pháp hư dối không thật có?

Khi ấy, Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo đầy đủ đại thần lực, các hữu tình nào có tham lam, keo kiệt thì vị ấy tìm cách cứu vớt giúp họ lìa bỏ tham lam keo kiệt. Sau khi các hữu tình đã lìa bỏ xan tham rồi, vị ấy dạy họ tu Bố thí ba-la-mật-đa. Nhờ bố thí nên các hữu tình được giàu sang tự tại có nhiều của cải và địa vị cao. Từ vị trí đó Bồ-tát lại tiếp tục phương tiện cứu giúp, dạy họ tu Tịnh giới ba-la-mật-đa. Nhờ tịnh giới nên các hữu tình được sinh đường lành được địa vị cao sang tự tại. Từ vị trí đó Bồ-tát lại tiếp tục cứu giúp dạy họ tu An nhẫn ba-la-mật-đa. Nhờ an nhẫn các hữu

tình này sớm có thể đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Từ vị trí đó Bồ-tát lại tiếp tục phương tiện cứu giúp họ dạy họ tu Tinh tấn ba-la-mật-đa. Nhờ tinh tấn nên cho đến khi đạt, quả vị Giác ngộ cao tột, các hữu tình này không bị thoái chuyển trở lại đối với các pháp lành. Từ vị trí đó Bồ-tát lại tiếp tục tìm cách cứu giúp, dạy họ tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Nhờ tĩnh lự nên các hữu tình này được sinh cõi trời Phạm thiên, an trú tự tại đối với Sơ tĩnh lự. Từ Sơ tĩnh lự, Bồ-tát tìm cách giúp làm cho họ an trú vào Tĩnh lự thứ hai. Tuần tự như vậy, Bồ-tát tìm cách cứu giúp làm họ an trú cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Từ vị trí này, vị ấy lại tìm cách giúp làm cho họ an trú vào ba thừa tùy theo căn cơ của họ, hoặc giúp trụ vào bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc giúp trụ vào ba pháp môn giải thoát; hoặc giúp trụ vào tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc giúp trụ vào bốn Thánh đế; hoặc giúp trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa; hoặc giúp trụ vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc giúp trụ vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc giúp trụ vào bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc giúp trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc giúp trụ vào năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc giúp trụ vào mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc giúp trụ vào pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc giúp trụ vào trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, Đại Bồ-tát này có phương tiện thiện xảo, nếu các hữu tình tham đắm quả báo hữu vi của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã và pháp lành khác thì vị ấy dùng các phương tiện an ủi cứu giúp làm cho họ trụ vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Đại Bồ-tát thực hành phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thành tựu pháp vô sắc, vô kiến, vô đối chân thật, vô lậu và an trụ trong đó. Các hữu tình nào cần được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề hoặc là quả vị Giác ngộ cao tột thì vị ấy thị hiện dạy dỗ, khích lệ, vui vẻ tìm cách cứu giúp làm cho họ chứng đắc quả Dự lưu cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quan sát hai pháp không, tuy biết các pháp đều như mộng cho đến như biến hóa đều chẳng có thật, lấy không tánh làm tánh, tự tướng đều không nhưng vị ấy có thể an lập pháp thiện, ác, nói rộng cho đến có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột của Phật hoàn toàn không tạp loạn.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 469

Phẩm 76: Các đức tướng (2)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát thật là hy hữu, thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát hai pháp không, tuy biết tất cả các pháp như mộng, như tiếng vang, như bóng dáng, như ảnh, như quáng nắng, như huyễn, như biến hóa, đều chẳng thật có, lấy không tánh làm tánh tự tướng đều không nhưng vị ấy có thể an lập các pháp thiện ác khác nhau hoàn toàn không lẫn lộn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! các Đại Bồ-tát thật là hy hữu, thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa quán sát hai pháp không, tuy biết các pháp đều như mộng, đều không thật có, lấy không tánh làm tánh, tự tướng đều không nhưng có thể an lập các pháp thiện ác khác nhau không hề lẫn lộn.

Các ông nên biết, các pháp kỳ lạ hy hữu mà các Đại Bồ-tát có được khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, là pháp mà Thanh văn, Độc giác đều không thành tựu, không thể đo lường. Đối với tài biện bác của các Đại Bồ-tát, tất cả Thanh văn, Độc giác các ông còn không thể đối đáp huống là các hữu tình khác mà có thể đối đáp sao.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì là pháp kỳ lạ hy hữu mà các Đại Bồ-tát có được khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, là pháp mà Thanh văn, Độc giác đều không thành tựu không thể so lường?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, hãy lắng nghe cho kỹ, hãy lắng nghe cho kỹ, rồi ghi nhớ điều này, Ta sẽ giảng nói phân biệt cho ông nghe về pháp kỳ lạ, hy hữu mà các Đại Bồ-tát có được lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào kết quả Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc năm Thần thông, hoặc ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, hoặc Đà-la-ni, hoặc Tam-ma-địa, hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, hoặc vô lượng, vô biên Phật pháp khác. Nếu các hữu tình ở khắp mười phương thế giới cần dùng Bố thí cho đến Bát-nhã để hộ trì, vị ấy liền dùng Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa để hộ trì họ; người cần dùng Sơ tĩnh lự cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ để hộ trì, vị ấy dùng Sơ tĩnh lự cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ để hộ trì họ; người cần dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả để hộ trì, vị ấy liền dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả hộ trì họ; người cần dùng bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo để hộ trì, vị ấy liền dùng bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hộ trì họ; người cần dùng Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện để hộ trì, vị ấy liền dùng Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện hộ trì họ; người cần dùng các thiện pháp khác để hộ trì, vị ấy liền dùng các thiện pháp khác hộ trì họ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào kết quả của vô lượng công đức như pháp Ba-la-mật-đa, năm Thần thông... dùng bố thí để hộ trì các hữu tình như thế nào?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát bố thí cho các hữu tình những vật họ cần dùng, nghĩa là người cần đồ ăn uống thì bố thí cho đồ ăn uống, người cần y phục thì thí cho y phục, người cần xe cộ thì bố thí cho xe cộ, người cần hoa hương thì thí cho hoa hương, người cần ngọa cụ thì thí cho ngọa cụ, người cần nhà cửa thì thí cho nhà cửa, người cần đèn sáng thì thí cho đèn sáng, người cần thuốc men thì thí cho thuốc men, người cần đồ vật khác thì đều thí cho không thể thiếu thốn; hoặc cúng dường cho Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn các thứ y phục đồ ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, nhà cửa, đồ đạc, các loại hương hoa vi diệu, cờ lọng báu, âm nhạc, đèn sáng và các phẩm vật khác như váng sữa, dầu... Lúc cúng dường bố thí như vậy, Bồ-tát giữ tâm bình đẳng, không có ý tưởng sai khác để thực hành bố thí, bình đẳng bố thí cho người phạm giới và người giữ giới, bình đẳng bố thí cho người hoặc phi nhân, bình đẳng bố thí cho nội đạo, ngoại đạo, bình đẳng bố thí cho bậc

Thánh và phàm phu, bình đẳng bố thí cho người cao sang và kẻ hạ tiện. Từ chư Phật cho đến súc sinh, vị ấy đều bố thí một cách bình đẳng, không có phân biệt, không quán sát sự hơn kém khác nhau của các ruộng phước. Vì sao vậy? Vì các Đại Bồ-tát thông suốt tự tướng của tất cả pháp đều không, trong pháp không hoàn toàn không có sự cao thấp khác nhau nên vị ấy không có ý tưởng khác, không có phân biệt khi thực hành bố thí. Do không có ý tưởng khác và không có phân biệt khi thực hành bố thí nên Đại Bồ-tát này sẽ chứng đắc pháp không khác, không phân biệt, nghĩa là được viên mãn trí Nhất thiết và vô lượng công đức khác của chư Phật.

Thiện Hiện nên biết, nếu Đại Bồ-tát thấy các loài như bàng sinh... có cầu xin điều gì liền nghĩ rằng: "Người đến xin này nếu là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là ruộng phước chân chánh thì ta nên cúng dường vị ấy, nếu chẳng phải Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà là bàng sinh chẳng phải ruộng phước thì ta nên không bố thí cho chúng những vật cần dùng." Đại Bồ-tát nào nghĩ như vậy thì vượt ngoài pháp Bồ-tát. Vì sao vậy? Các Đại Bồ-tát cần phải có tâm thanh tịnh thì ruộng phước mới thanh tịnh, thấy người cầu xin thì không nên nghĩ rằng: "Hữu tình này có cầu vật gì thì ta nên bố thí còn hữu tình kia có cầu vật gì thì ta không nên bố thí." Bồ-tát nào nghĩ như vậy là trái với tâm Bồ-đề rộng lớn đã được phát sinh trước đây, nghĩa là các Bồ-tát phát tâm Bồ-đề như sau: "Vì các hữu tình nên ta làm chỗ nương tựa, cồn đảo, nhà cửa, nơi cứu giúp." Thấy người đến xin, Bồ-tát phải nghĩ rằng: "Nay hữu tình này nghèo thiếu cô đơn, ta phải dùng việc bố thí để bảo bọc họ." Nhờ đó người kia không trộm cắp đồ vật của người khác, ít muốn, biết đủ và có thể bố thí trở lại cho người khác. Nhờ vậy họ có thể lìa bỏ việc giết hại sinh mạng nói rộng ra cho đến có thể lìa bỏ việc nói lời thô tục cũng có thể điều phục tham sân, tà kiến. Sau khi chết nương theo phước nghiệp đời trước họ sinh vào các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, hoặc cư sĩ hoặc gia đình giàu sang khác, đầy đủ của cải tu các nghiệp lành, hoặc nhờ được sự bố thí hộ trì nên vị ấy dựa vào ba thừa mà tuần tự tiến đến nơi viên tịch, nghĩa là giúp họ chứng đắc Thanh văn, Độc giác và cảnh giới Vô thượng thừa Bát-niết-bàn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào bị các kẻ thù hoặc các hữu tình khác đến chỗ vị ấy để làm hại, hoặc có người nghèo thiếu đến xin các bộ phận nơi thân và các thứ của cải, Đại Bồ-tát này không nên sinh tâm phân biệt sai khác là nên bố thí vật này, không nên bố thí cho vật nọ, chỉ nên phát sinh tâm bình đẳng, tùy theo họ cầu xin thân thể hay của cải đều bố thí cho

họ. Vì sao vậy? Để làm lợi ích các hữu tình, nên Đại Bồ-tát này cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột chớ chẳng phải vì lợi lạc thân mạng mình. Ai phát sinh tâm phân biệt sai khác là nên bố thí vật này không nên bố thí vật nọ liền bị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, các Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn, thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc và các Thánh hiền cùng nhau quở trách rằng: "Ai mời thỉnh ông phát tâm Bồ-đề, thề lợi lạc khắp các loài hữu tình, làm nơi nương tựa cho người không nơi nương tựa, làm nhà cửa cho người không nhà cửa, làm cồn đảo cho người không có cồn đảo, cứu giúp người không ai cứu giúp, tạo an vui cho người không được an vui mà nay phân biệt bố thí vật này không bố thí vật kia."

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nếu có người hoặc phi nhân đến chỗ vị ấy cầu xin các loại tay, chân, tủy, não, Đại Bồ-tát này không nên phát sinh hay tâm phân biệt là bố thí và không bố thí mà chỉ nghĩ rằng: "Tùy theo người kia xin gì ta đều bố thí cho." Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này thường nghĩ rằng: "Vì lợi ích cho hữu tình nên ta thọ nhận thân này, nếu có ai đến cầu xin thì ta nhất định bố thí cho, không được không bố thí." Thấy người đến xin Bồ-tát liền nghĩ rằng: "Ta vốn nhận thân này là vì người khác, người kia không đến lấy ta còn phải tự cho huống gì họ đến xin mà ta không cho sao?" Nghĩ xong người ấy vui mừng tột độ, tự cắt tay chân mà đưa cho người kia. Vị ấy lại tự vui mừng mà nói: "Nay ta đạt được lợi ích lớn là bỏ thân dơ bẩn, được thân trong sạch."

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên học như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thấy người cầu xin liền nghĩ rằng: "Ở trong đây, ai bố thí, ai nhận, vật bố thí là gì, do đâu mà bố thí, vì ai mà thí, vì sao mà thí, tự tánh các pháp đều chẳng thể nắm bắt được." Trong pháp không chẳng có các việc như cho, chiếm đoạt, bố thí, nhận.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên học các pháp đều không như vậy, nghĩa là hoặc do pháp không bên trong nên rỗng không cho đến hoặc do pháp không không tánh tự tánh nên rỗng không.

Đại Bồ-tát này an trú vào pháp không để thực hành bố thí, thường không gián đoạn việc viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa. Do việc Bố thí ba-la-mật-đa này được viên mãn nên khi bị người khác cắt chặt, cướp đoạt tất cả các vật bên trong và bên ngoài tâm vị ấy hoàn toàn không phân biệt, sân hận, chỉ nghĩ rằng: "Hữu tình và pháp, tất cả đều không, ai cắt

chặt ta, ai cướp đoạt ta, ai nhận lấy, ai quán sát.”

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc cho các loài hữu tình nên nguyện nhập vào địa ngục, thấy các hữu tình chịu các nỗi khổ kịch liệt. Sau khi thấy vậy, vị ấy phát sinh ba cách giáo hóa. Những gì là ba? Một là giáo hóa bằng thần biến, hai là giáo hóa bằng cách ký thuyết, ba là giáo hóa bằng cách giáo giới.

Đại Bồ-tát dùng thần biến giáo hóa bằng cách diệt trừ các thứ gây khổ trong địa ngục như nước sôi, lửa, dao. Dùng ký thuyết dạy đạo bằng cách thăm dò tùy theo tâm niệm của các hữu tình ấy mà thuyết pháp cho họ. Dùng giáo giới dạy đạo bằng cách phát sinh Từ, Bi, Hỷ, Xả đối với họ để thuyết pháp, làm cho các loài hữu tình ở trong địa ngục ấy phát sinh lòng tin chân chánh đối với Bồ-tát. Do nhân duyên này, từ địa ngục ra, họ được sinh lên trời, hoặc sinh làm người, tuần tự nương theo ba thừa để dứt sạch bờ mé khổ, chứng minh cảnh giới Niết-bàn hoàn toàn an lạc.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát phụng sự cúng dường chư Phật Thế Tôn, lúc thừa sự cúng dường chư Phật Thế Tôn các Đại Bồ-tát rất vui mừng và ưa thích, cung kính, chẳng khi nào không vui mừng, ưa thích cung kính. Đối với chánh pháp mà các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói, vị ấy cung kính lắng nghe, thọ trì, đọc tụng cho đến khi đạt quả vị Giác ngộ cao tột trọn không quên mất. Vị ấy đem pháp đã được nghe giảng nói một cách đúng đắn cho các hữu tình giúp họ thu được an lạc lợi ích thù thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát vì muốn lợi ích các loài hữu tình trong đường súc sinh nên vị ấy tự xả bỏ thân mạng. Đại Bồ-tát này thấy các súc sinh bị lửa đói bức bách và muốn giết hại nhau nên vị ấy phát sinh lòng thương xót tự cắt các bộ phận của thân, chặt đứt xương cốt, rải khắp mười phương cho chúng tự ý ăn nuốt. Các loài súc sinh được ăn thịt trên thân của Đại Bồ-tát này đều rất kính yêu và hổ thẹn đối với Đại Bồ-tát. Do nhân duyên này, chúng thoát khỏi đường súc sinh và được sinh lên trời hoặc sinh làm người, được gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nghe giảng chánh pháp, tu hành đúng đắn, tuần tự nương theo ba thừa mà đến nơi viên tịch nghĩa là tùy theo đó mà chứng nhập cảnh giới Niết-bàn, Đại thừa vô thượng, hoặc Độc giác, hoặc Thanh văn.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát có thể vì thế gian mà làm các

việc khó làm, tạo nhiều lợi ích, đó là để lợi lạc các hữu tình vị ấy tự phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, cũng làm cho người khác phát tâm ấy, tự thực hành các loại chánh hạnh như thật, cũng làm cho người khác thực hành.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc cho các loài hữu tình trong đường ngạ quỷ nên nguyện đến cõi ấy tìm cách dứt trừ nỗi khổ đói khát làm cho các ngạ quỷ đã được dứt hết các nỗi khổ sinh tâm kính yêu hổ thẹn đối với Đại Bồ-tát này. Bồ-tát lại giảng nói pháp yếu lìa tâm bỏn sẻn cho họ nghe, nghe xong họ sinh tâm bố thí. Nhờ căn lành này, họ được thoát khỏi đường ngạ quỷ, được sinh làm trời, người, được gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cúng dường, cung kính nghe giảng chánh pháp, tuần tự tu tập chánh hạnh thuộc ba thừa cho đến khi chứng nhập cảnh giới Niết-bàn, Đại thừa vô thượng, hoặc Độc giác, Thanh văn.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trú vào đại Bi đối với loài hữu tình, phát sinh vô số phương tiện thiện xảo giúp họ chứng đắc Niết-bàn ba thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo giảng nói chánh pháp cho chư Thiên trời Tứ Thiên vương cho đến chư Thiên trời Tha hóa tự tại. Sau khi nghe Bồ-tát giảng chánh pháp, chư Thiên ấy tuần tự dựa vào ba thừa siêng tu chánh hạnh và chứng nhập cảnh giới Niết-bàn tùy theo căn cơ.

Thiện Hiện nên biết, trong Thiên chúng kia có các Thiên tử tham đắm năm loại dục lạc vi diệu của cõi trời và các cung điện báu mà họ ở. Đại Bồ-tát này thị hiện phát lửa thiêu đốt cung điện của họ làm cho họ sinh nhàm chán sợ hãi. Nhân đó, Bồ-tát giảng nói cho họ nghe pháp sau: "Các Thiên tử, hãy quán sát kỹ các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, không đáng tin cậy, người trí không có say đắm pháp này." Nghe pháp âm này, các Thiên tử rất chán và sợ năm dục vi diệu, tự quán thân mạng giả dối vô thường giống như thân cây chuối, ánh chớp, quáng nắng, quán các cung điện giống như lao ngục. Sau khi quán như vậy họ tuần tự nương vào ba thừa siêng tu chánh hạnh và đạt được viên tịch, nghĩa là tuần tự chứng nhập Niết-bàn thuộc ba thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa

số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát thấy các vị Phạm thiên chấp trước vào cảnh giới của sự thấy biết, nên dùng phương tiện dạy họ nhàm chán xả bỏ. Bồ-tát dạy rằng: "Ở trong các hành rỗng không, không có tướng, hư dối, không thật, vì sao chư Thiên các ông lại phát sinh các kiến thủ ác như vậy? Hãy mau xả bỏ nó và tin nhận chánh pháp. Để giúp các ông được an lạc lợi ích lâu dài."

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ đại Bi giảng nói pháp yếu cho các hữu tình. Thiện Hiện, đó là pháp kỳ lạ hy hữu mà các Đại Bồ-tát có được.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn thanh tịnh không chướng ngại quán khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát dùng bốn Nhiếp sự để cứu giúp các hữu tình. Những gì là bốn? Một là Bố thí, hai là Ái ngữ, ba là Lợi hành, bốn là Đồng sự.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát dùng bố thí để cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng hai cách bố thí để cứu giúp các hữu tình. Hai cách thí đó là tài thí và pháp thí.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát dùng tài thí để cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát có thể đem loại đồ ăn, uống, y phục, nhà ở, ngọa cụ, xe cộ, đèn sáng, âm nhạc, hương hoa, cờ lọng báu, anh lạc... bố thí cho các hữu tình hoặc đem vàng bạc, châu báu, phệ-lưu-ly, báu phả-chi-ca, ngọc bích, kha bối, đế thanh, đại thanh, mạt-ni trân châu, báu thạch tàng, xử tàng, hoa sen hồng... bố thí cho các hữu tình; hoặc đem vợ, con trai, con gái, tôi tớ lớn nhỏ, người hầu, voi ngựa, trâu, dê và thang thuốc bố thí cho các hữu tình, hoặc đem các loại của báu, kho tàng, thành ấp, xóm làng, ngôi vua bố thí cho các hữu tình; hoặc đem các bộ phận trên thân như tay chân, xương cốt, đầu mắt, tủy não, bố thí cho các hữu tình. Đại Bồ-tát này đem các loại đồ vật để ở ngã tư đường, rồi lên đài cao xướng lên như vầy: "Tất cả hữu tình có cần vật gì thì cứ đến lấy đừng sinh nghi ngờ, hãy lấy như lấy vật của mình đừng có tưởng là lấy vật của người khác cho đến thân ta, tay, chân, xương cốt, đầu mắt, tủy não, ai có cần gì thì cứ ý lấy, đối với các ông ta không có tiếc rẻ."

Sau khi bố thí cho các hữu tình những vật cần dùng rồi, Đại Bồ-tát

này lại khuyến khích họ quy y Phật, Pháp, Tăng; hoặc khuyến khích họ thọ trì năm giới cận sự, hoặc khuyến khích thọ trí tám giới cận trụ; hoặc khuyến thọ nghiệp Thập thiện; hoặc khuyến khích tu học Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư; hoặc khuyến khích tu học Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng; hoặc khuyến khích tu học định Không vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; hoặc khuyến khích tu học tùy niệm về Phật cho đến tùy niệm về Thiên; hoặc khuyên tu học quán bất tịnh, quán hơi thở; hoặc khuyên tu học tưởng vô thường cho đến tưởng diệt; hoặc khuyên tu học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc khuyên tu học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc khuyên tu học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc khuyên tu học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc khuyên an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc khuyên an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc khuyên an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc khuyên tu học vào bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc khuyên tu học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc khuyên tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc khuyên tu học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc khuyên tu học ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; hoặc khuyên tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc khuyên tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc khuyên tu học quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; hoặc khuyên tu học tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; hoặc khuyên tu học quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Thế nên Thiện Hiện, sau khi thực hành phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, bố thí của cải cho các hữu tình, các Đại Bồ-tát lại khéo an lập các loài hữu tình, giúp họ trụ trong pháp Vô thượng an ổn cho đến giúp họ chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, đó là pháp kỳ lạ hy hữu mà Đại Bồ-tát có được lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng pháp thí cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, pháp thí có hai loại. Đó là pháp thí thế gian và pháp thí xuất thế gian. Thế nào là pháp thí thế gian? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình nghe về pháp vi diệu của thế gian, như là quán bất tịnh, đếm hơi

thở, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, hoặc bốn Định vô sắc, hoặc năm Thần thông hoặc các pháp thế gian và phàm phu. Như vậy gọi là pháp thí của thế gian.

Thiện Hiện, vì sao pháp này được gọi là pháp thí thế gian? Bởi vì học pháp này thì chưa thể hoàn toàn lìa thế gian nên gọi là thế gian.

Thiện Hiện, sau khi thực hành pháp vi diệu của thế gian, Đại Bồ-tát này lại tìm đủ cách dạy dỗ các hữu tình giúp họ xa lìa các pháp thế gian, dùng mọi phương tiện dạy dỗ hữu tình giúp họ trụ ở Thánh pháp và kết quả của Thánh pháp.

Thiện Hiện, thế nào là Thánh pháp và kết quả của Thánh pháp? Thiện Hiện, Thánh pháp là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề và ba pháp môn giải thoát. Kết quả của Thánh pháp là quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề.

Thiện Hiện, vì sao pháp này được gọi là xuất thế? Bởi vì học pháp này có thể hoàn toàn ra khỏi thế gian nên gọi là xuất thế.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh pháp của các Đại Bồ-tát là sáu pháp Ba-la-mật-đa, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, các địa của Đại Bồ-tát, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng... các pháp vô lậu. Kết quả của Thánh pháp là cảnh giới đại Niết-bàn quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh pháp của các Đại Bồ-tát là trí của quả Dự lưu, trí của quả Nhất lai, trí của quả Bất hoàn, trí của quả A-la-hán, trí của Độc giác Bồ-đề; trí của quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; trí của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; trí của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; trí của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; trí của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; trí của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; trí của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trí của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; trí của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; trí của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; trí của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; trí của năm loại mắt, sáu phép thần thông; trí của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; trí của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; trí của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; trí của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; trí

của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; trí của pháp thiện và pháp ác, trí của pháp hữu ký, pháp vô ký, trí của pháp hữu lậu, pháp vô lậu, trí của pháp thế gian và pháp xuất thế gian, trí của pháp hữu vi và pháp vô vi, đó là Thánh pháp.

Kết quả của Thánh pháp là dứt trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát cũng có thể chứng đắc trí Nhất thiết tướng phải không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Các Đại Bồ-tát cũng có thể chứng đắc trí Nhất thiết tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu các Đại Bồ-tát cũng có thể chứng đắc trí Nhất thiết tướng thì có gì khác với Đức Phật?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát chứng đắc từng phần trí Nhất thiết tướng còn chư Phật Thế Tôn thì đã chứng đắc toàn bộ trí Nhất thiết tướng. Vì sao vậy? Chẳng phải các Bồ-tát cùng chư Phật Thế Tôn tự nhiên có khác nhau. Đó là chư Bồ-tát cùng chư Phật Thế Tôn đều trụ vào tánh không sai biệt của các pháp, người cầu Chánh biến tri đối với tất cả các pháp thì gọi là Bồ-tát, nếu đạt đến cứu cánh thì gọi là Phật Thế Tôn. Nhưng đối với tự tướng và cộng tướng của tất cả các pháp, Đức Phật Thế Tôn soi rõ không mờ, hoàn toàn thanh tịnh, lúc ở nhân vị thì gọi là Bồ-tát, nếu đến quả vị thì gọi là Phật Thế Tôn. Đó là lý do mà Bồ-tát với Phật Thế Tôn tuy đều chứng đắc trí Nhất thiết tướng nhưng có sai khác.

Thiện Hiện, đó gọi là pháp thí thế gian của Đại Bồ-tát dựa vào pháp thí thế gian này, các Đại Bồ-tát có thể tu hành pháp thí xuất thế. Đó là lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, trước tiên các Đại Bồ-tát phương tiện thiện xảo bố thí cho các hữu tình thiện pháp của thế gian, sau đó làm cho họ nhàm chán pháp lành của thế gian, an trú vào Thánh pháp vô lậu xuất thế gian cho đến làm cho họ đạt được trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, thế nào gọi là Thánh pháp xuất thế? Đó là các Đại Bồ-tát giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình gọi là bố thí pháp. Thiện Hiện, tất cả đều không đồng với pháp lành phàm phu, pháp mà nếu

tu đúng đắn thì giúp cho các hữu tình vượt hẳn thế gian và sống yên ổn là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, trí bốn Thánh đế, trí Ba-la-mật-đa và các pháp không, mười địa Bồ-tát, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. tất cả pháp lành, vô lậu như vậy đều được gọi là Thánh pháp xuất thế. Đại Bồ-tát nào giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình nghe về các pháp như vậy thì gọi Bồ-tát bố thí pháp xuất thế.

Thiện Hiện, trong đây những gì gọi là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề? Đó là bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Thiện Hiện, đó là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề.

Thiện Hiện, bốn Niệm trụ là đối với bên trong thân, bên ngoài thân, cả trong lẫn ngoài thân, Đại Bồ-tát nương theo thân để quán, với đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ tham ưu ở đời, dựa vào sự nhóm hợp của thân để quán, dựa vào sự hoại của thân để quán. Do người kia nương vào thân để quán, không có chỗ nương dựa nên không nắm giữ đối với các thế gian đó là pháp niệm thứ nhất. Đối với thọ, đối với tâm, đối với pháp cũng vậy. Đó là bốn Niệm trụ.

Thiện Hiện, bốn Chánh đoạn là Đại Bồ-tát vì muốn làm cho pháp ác chưa sinh vĩnh viễn không sinh, vì muốn làm cho pháp ác đã sinh vĩnh viễn diệt trừ, vì muốn làm cho pháp lành chưa sinh được sinh, vì muốn làm cho pháp đã sinh bền lâu không mất, gia tăng tu tập để chứng đắc trí rộng lớn nên vị ấy phát sinh ý muốn siêng năng tinh tấn, thúc liễm tự tâm. Đó gọi là bốn Chánh đoạn.

Thiện Hiện, bốn Thần túc là Đại Bồ-tát tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ Dục tam-ma-địa, tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ Cần tam-ma-địa, tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ Tâm tam-ma-địa, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự lìa bỏ, dựa vào sự tiêu diệt, hồi hướng đối với xả. Đó là bốn Thần túc.

Thiện Hiện, năm Căn là Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, năm Lực là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực của Đại Bồ-tát. Đó là năm Lực.

Thiện Hiện, bảy chi Đẳng giác là Niệm đẳng giác chi, Trạch pháp đẳng giác chi, Tinh tấn đẳng giác chi, Hỷ đẳng giác chi, Khinh an đẳng giác chi, Định đẳng giác chi, Xả đẳng giác chi của Đại Bồ-tát. Đó là bảy chi Đẳng giác.

Thiện Hiện, tám chi Thánh đạo là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định của Đại Bồ-tát. Đó là tám chi Thánh đạo.

Thiện Hiện, ba pháp môn giải thoát là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện của Đại Bồ-tát. Thế nào là pháp môn giải thoát Không? Đó là Đại Bồ-tát dùng hành tướng không, vô ngã thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là pháp môn giải thoát Không. Thế nào là pháp môn giải thoát Vô tướng? Đó là Đại Bồ-tát dùng hành tướng vắng lặng, tịch diệt thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là pháp môn giải thoát Vô tướng. Thế nào là pháp môn giải thoát Vô nguyện? Đó là Đại Bồ-tát dùng hành tướng khổ, vô thường thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là pháp môn giải thoát Vô nguyện.

Thiện Hiện, tám Giải thoát là Đại Bồ-tát tự có sắc quán các sắc bên ngoài. Đó là giải thoát thứ nhất. Tưởng bên trong không có sắc quán các sắc bên ngoài là giải thoát thứ hai. Chứng đắc sự thanh tịnh trong thân là giải thoát thứ ba. Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng nhập vào định vô biên không, Không vô biên xứ định và hoàn toàn an trụ trong đó là giải thoát thứ tư. Vượt qua tất cả Không vô biên xứ nhập vào định vô biên thức, Thức vô biên xứ và an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ năm. Vượt qua tất cả Thức vô biên xứ nhập vào định vô thiểu sở hữu, Vô sở hữu xứ an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ sáu. Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ nhập vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ và an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ bảy. Vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập vào định Diệt tưởng thọ và an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ tám.

Thiện Hiện, chín Định thứ đệ là Đại Bồ-tát lìa pháp dục ác, bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ tĩnh lự và an trụ hoàn toàn trong đó là lớp định thứ nhất; vắng mặt tầm tứ, trong tâm yên tịnh chỉ còn tánh không tầm không tứ định sinh hy lạc nhập vào Tĩnh lự thứ hai và an trụ hoàn toàn trong đó là lớp định thứ nhì; lìa hỷ lạc vào xả, chánh niệm chánh tri, thân cảm thọ diệu lạc mà bậc Thánh dạy nên xả bỏ đầy đủ niệm lạc trú nhập vào Tĩnh lự thứ ba và an trụ hoàn toàn trong đó là lớp định thứ ba; dứt

vui dứt khổ, chấm dứt khổ lạc trước đây, hoàn toàn không còn khổ lạc, xả niệm thanh tịnh nhập Tĩnh lự thứ tư và an trụ hoàn toàn trong đó là lớp định thứ tư; vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ tưởng hữu đối, không tư duy các loại tưởng nhập vào vô biên không, Không vô biên xứ và hoàn toàn an trụ trong đó là lớp định thứ năm; như vậy cho đến vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập vào định Diệt tưởng thọ và an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ chín.

Thiện Hiện, trí bốn Thánh đế là Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, Ba-la-mật-đa là Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát. Đó là Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, trí của các pháp không là trí hiểu biết pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh và trí hiểu biết chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó là trí hiểu biết các pháp không của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, mười địa của Đại Bồ-tát là bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Đó là mười địa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, năm loại mắt là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Thánh tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn mà Đại Bồ-tát mong cầu.

Thiện Hiện, sáu phép thần thông là các thần thông mà các Đại Bồ-tát tu học như Thần cảnh trí chứng thông, Thiên nhãn trí chứng thông, Thiên nhĩ trí chứng thông, Tha tâm trí chứng thông, Túc trụ tùy niệm trí chứng thông, Lậu tận trí chứng thông. Đó là sáu phép thần thông.

Thiện Hiện, mười lực của Như Lai là các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với đạo lý biết như thật là đạo lý, đối với phi đạo lý biết như thật là phi đạo lý, đó là lực thứ nhất. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết như thật về các nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai của các hữu tình và nhân dị thục của các pháp thọ xứ, đó là lực thứ hai. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết như thật về đủ loại cảnh giới khác nhau của các chúng sinh, là lực thứ ba. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật về các loại hiểu biết khác nhau tầm tứ khác nhau là lực thứ tư. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật căn cơ hơn kém hữu tình và chúng sinh là lực thứ năm. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ

như thật các hạnh nghiệp của các cảnh giới là lực thứ sáu. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật sự an lập sai khác của tất cả tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, tạp nhiễm trong sạch là lực thứ bảy. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng Thiên nhãn trong sạch hơn hẳn loài người, thấy các việc thiện ác lúc sống, chết của các loài hữu tình, do ba nghiệp ác nơi thân, miệng, ý, do các tà kiến, do hủy báng Thánh hiền nên các hữu tình này đọa vào các đường ác; nhờ ba diệu hạnh nơi thân, miệng, ý, nhờ các chánh kiến nhờ ca ngợi Thánh Hiền nên các hữu tình này sinh vào các đường lành. Các Ngài còn dùng Thiên nhãn thanh tịnh hơn, người, thấy các sắc đẹp, sắc xấu của các hữu tình lúc sống, chết và do đó lại sinh vào các đường lành, đường dữ. Đối với việc các hữu tình sinh vào đường lành dữ này theo thế lực của nghiệp vị ấy đều biết như thật, đó là lực thứ tám. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật đối với vô số việc trong đời quá khứ của các hữu tình, biết rõ các việc làm, lời nói, tướng mạo của họ trong một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời hoặc vô lượng đời hoặc một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp hoặc vô lượng kiếp, đó là lực thứ chín. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật về các lậu tận, về tâm giải thoát vô lậu, về tuệ giải thoát vô lậu. Đối với pháp giải thoát chân chánh, dứt sạch phiền não, vị ấy chứng đắc thông suốt và hoàn toàn an trụ trong đó. Vị ấy nhận biết như thật: "Sinh đã tận, không còn tham ái, việc làm đã xong, không còn luân hồi", ấy là lực thứ mười. Đó là mười lực của Như Lai.

Thiện Hiện, bốn điều không sợ là nếu các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng "Ta là Bậc Chánh Đẳng Giác." Giả sử có Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn hoặc Thiên ma và trời Phạm thiên vương hoặc thế gian khác dựa vào pháp để vấn nạn hoặc làm cho nghĩ rằng đối với pháp này Phật chẳng phải là Chánh Đẳng Giác thì đối với sự vấn nạn đó Ta thấy rõ nó không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn ấy là không căn cứ nên Ta được yên ổn, không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, nên ở giữa đại chúng, Ta rống tiếng rống của sư tử, chuyển vận bánh xe Đại phạm mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm thiên hoặc thế gian khác chắc chắn không có ai có thể chuyển vận như pháp ấy. Đó là điều không sợ thứ nhất.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng đã vĩnh viễn diệt sạch các phiền não, giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm hoặc

các thế gian khác y theo pháp vấn nạn muốn làm cho nghĩ rằng: "Phật vẫn chưa vĩnh viễn dứt trừ các phiền não này", thì đối với sự vấn nạn ấy Ta thấy rõ là không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn ấy là không căn cứ nên chúng ta được an ổn, không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận chuyển bánh xe Đại phạm mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm hoặc các thế gian khác chắc chắn không ai có thể vận chuyển đúng pháp ấy. Đó là điều không sợ thứ nhì.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng: Ta nói cho các đệ tử nghe pháp có thể ngăn cản sự nhiễm ô, giả sử có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc thế gian khác y pháp vấn nạn hoặc làm cho suy nghĩ rằng: "Có sự nhiễm ô pháp này không thể ngăn cản được thì đối với sự vấn nạn đó, Ta thấy rõ là nó không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn đó là không có căn cứ nên ta được yên ổn không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận chuyển bánh xe Đại phạm mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm hoặc các thế gian khác chắc chắn không ai có thể, vận chuyển đúng pháp. Đó là điều không sợ thứ ba.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng: Ta nói với các đệ tử nghe về đạo xuất ly mà các bậc Thánh tu tập, quyết định xuất ly, chắc chắn thông đạt, dứt tận các khổ đến tận bờ mé. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc thế gian khác dựa vào pháp vấn nạn hoặc làm cho suy nghĩ có người nào tu theo đạo này thì chẳng phải xuất ly đúng đắn, chẳng phải thông đạt đúng đắn, chẳng hoàn toàn dứt khổ, không thể vượt hết khổ thì Ta thấy rõ sự vấn nạn ấy là không có căn cứ. Do thấy rõ vấn nạn ấy là không căn cứ nên chúng ta được yên ổn, không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn; ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận chuyển bánh xe Đại phạm mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn Trời, Ma, Phạm hoặc các thế gian khác chắc chắn không ai có thể vận chuyển đúng pháp ấy. Đó là điều không sợ thứ tư. Đó là bốn điều không sợ.

Thiện Hiện, bốn sự hiểu biết thông suốt là Nghĩa vô ngại giải, Pháp vô ngại giải, Từ vô ngại giải và Biện vô ngại giải.

Thiện Hiện, thế nào là Nghĩa vô ngại giải? Đó là trí biết rõ nghĩa lý không bị ngăn ngại. Thế nào là Pháp vô ngại giải? Đó là trí không bị ngăn ngại đối với giáo pháp. Thế nào là Từ vô ngại giải? Đó là trí thông đạt về

ngôn từ. Thế nào là Biện vô ngại giải? Đó là trí biện bác, nói năng không bị ngăn ngại.

Thiện Hiện, mười tám pháp Phật bất cộng là các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thường không lầm lỗi, không nói giọng thô bạo, ý niệm không sai sót, tâm luôn ở trong định, không có các loại tưởng, luôn lựa chọn xả bỏ, không lui mất ý muốn làm việc thiện, tinh tấn không giảm, nhớ nghĩ không thoái chuyển, trí tuệ không thoái chuyển, giải thoát không thoái chuyển, giải thoát tri kiến không thoái chuyển, trí tuệ hiểu biết về đời quá khứ không bị dính mắc, ngăn ngại, trí tuệ hiểu biết về đời hiện tại không bị dính mắc, ngăn ngại, hoặc trí tuệ hiểu biết về đời vị lai không bị dính mắc, ngăn ngại, tất cả thân nghiệp đều được trí tuệ dẫn dắt và chuyển động theo trí tuệ, tất cả ngữ nghiệp được trí tuệ dẫn dắt và chuyển vận theo trí tuệ. Đó là mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại nữa Thiện Hiện, ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ là:

Lòng bàn chân bằng phẳng đầy đặn, hoàn toàn ổn định giống như đáy hộp, tuy đất gập ghềnh nhưng hễ bước đến chỗ nào thì bàn chân liền tiếp xúc đều với mặt đất, không có chỗ nào chẳng tiếp xúc; đó là tướng thứ nhất.

Dưới chân Như Lai có hoa văn hình bánh xe ngàn căm có các tướng vành và cốt đều tròn trịa; đó là tướng thứ hai. Tay chân Như Lai đều mềm dịu như bông đỗ-la hơn hết tất cả; đó là tướng thứ ba.

Giống như nhạn chúa giữa các ngón tay ngón chân của Như Lai đều có màn da có hoa văn bằng màu vàng giao nhau như bức tranh thêu; đó là tướng thứ tư.

Các ngón tay ngón chân của Như Lai tròn trịa thon dài rất khả ái; đó là tướng thứ năm.

Gót chân Như Lai rộng dài đầy đặn, tương xứng với mu bàn chân, hơn hẳn các hữu tình khác; đó là tướng thứ sáu.

Mu bàn chân của Như Lai dài, cao, đầy đặn mềm mại xinh đẹp tương xứng với gót chân; đó là tướng thứ bảy.

Hai bắp chân Như Lai tuần tự thon tròn như bắp chân của nai chúa Ế-nê-da tiên; đó là tướng thứ tám.

Đôi cánh tay Như Lai tròn trịa dài thẳng như vòi voi chúa, khi đứng thẳng thì đụng gối; đó là tướng thứ chín.

Âm tướng của Như Lai nhọn ẩn kín giống như long mã hoặc voi chúa; đó là tướng thứ mười.

Mỗi lỗ chân lông của Như Lai, đều sinh một sợi lông mềm mại xanh biếc xoay về phía phải; đó là tướng thứ mười một.

Lông tóc Như Lai ngay thẳng lên trên xoay về phía phải mềm mại xanh biếc trang điểm thân kim sắc rất xinh đẹp; đó là tướng thứ mười hai.

Da trên thân Như Lai mịn, mỏng trơn, láng bụi đất, nước... đều không thể bám; đó là tướng thứ mười ba.

Da trên thân Như Lai thuần một màu vàng ròng, sáng sạch lóng lánh như đài bằng vàng xinh đẹp được các vật báu trang sức mọi người đều thích; đó là tướng thứ mười bốn.

Bảy chỗ là lòng hai bàn chân, lòng hai bàn tay, cổ và hai vai của Như Lai đều đầy đặn; đó là tướng thứ mười lăm.

Vai ót Như Lai tròn trịa xinh đẹp; đó là tướng thứ mười sáu.

Bắp tay và nách Như Lai đều đầy đặn; đó là tướng thứ mười bảy.

Dung mạo Như Lai cao lớn ngay thẳng; đó là tướng thứ mười tám.

Thân tướng Như Lai cao lớn trang nghiêm; đó là tướng thứ mười chín.

Thể tướng Như Lai cao rộng, tròn đầy như cây Nặc-cù-đà; đó là tướng thứ hai mươi.

Cằm, ngực và nửa thân trên của Như Lai oai phong rộng lớn như sư tử chúa; đó là tướng thứ hai mươi mốt.

Quanh mình Như Lai thường có ánh sáng chiếu ra một tầm; đó là tướng thứ hai mươi hai.

Như Lai có bốn mươi cái răng đều đặn bằng phẳng, kín, sạch, gốc sâu, trắng hơn ngọc kha; đó là tướng thứ hai mươi ba.

Bốn răng nanh của Như Lai trắng đẹp bén nhọn; đó là tướng thứ hai mươi bốn.

Như Lai ăn gì cũng biến thành vị ngon nhất trong các vị; đó là tướng thứ hai mươi lăm.

Tướng lưỡi Như Lai mỏng sạch dài rộng, có thể che kín mặt cho đến tai và mí tóc; đó là tướng thứ hai mươi sáu.

Phạm âm của Như Lai có từ ngữ và âm vận rộng và tao nhã dù chúng nhiều ít cũng đều nghe được, âm thanh vang rền giống như tiếng trống trời phát ngôn thánh thót như tiếng chim Tần-ca; đó là tướng thứ hai mươi bảy.

Lông mi giống như mi trâu chúa xanh biếc gọn gàng không lẫn lộn

nhau; đó là tướng thứ hai mươi tám.

Con ngươi trong mắt của Như Lai xanh biếc trắng trong, có vòng hồng trang sức xung quanh, lóng lánh phân minh; đó là tướng thứ hai mươi chín.

Khuôn mặt Như Lai giống như trăng rằm, lông mày sáng và sạch như cung của vua trời; đó là tướng thứ ba mươi.

Giữa chặn mày của Như Lai có tướng lông trắng mềm mại xoay qua phải như bông đỗ-la, trắng trong sáng sạch hơn ngọc kha và tuyết; đó là tướng thứ ba mươi mốt.

Nhục kế trên đảnh của Như Lai nhô cao tròn trịa giống như lộng trời; đó là tướng thứ ba mươi hai.

Đó là ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 470

Phẩm 76: Các đức tướng (3)

Lại nữa Thiện Hiện, tám mươi vẻ đẹp là:

Móng tay Như Lai đẹp dài, mỏng, láng, sáng sạch trong trắng như hoa hoặc đồng đỏ; đó là tướng thứ nhất.

Ngón chân ngón tay Như Lai tròn, thon dài, ngay thẳng mềm mại, đốt xương không lộ; đó là tướng thứ hai.

Các ngón tay ngón chân của Như Lai không so le, giữa kẻ các ngón khít kín; đó là tướng thứ ba.

Tay chân Như Lai tròn đầy như ý mềm sạch sáng mịn, màu như hoa sen; đó là tướng thứ tư.

Gân mạch Như Lai, buộc ràng chắc chắn ẩn sâu chẳng hiện; đó là tướng thứ năm.

Hai mắt cá Như Lai đều ẩn chẳng hiện; đó là tướng thứ sáu.

Như Lai bước đi tiến tới thong thả như long tượng chúa; đó là tướng thứ bảy.

Như Lai bước đi oai nghi tề chỉnh như sư tử chúa; đó là tướng thứ tám.

Như Lai bước đi vững vàng thong thả không nhanh không chậm như trâu chúa; đó là tướng thứ chín.

Như Lai bước đi tiến dừng nhẹ nhàng như ngỗng chúa; đó là tướng thứ mười.

Mỗi khi ngó lui thì Như Lai đều xoay qua phía bên phải và toàn thân chuyển theo như long tượng chúa; đó là tướng thứ mười một.

Các bộ phận của thân Như Lai thẳng tròn và sắp xếp khéo léo; đó là tướng thứ mười hai.

Các đốt xương Như Lai kết nhau không hở giống như rồng uốn khúc;

đó là tướng thứ mười ba.

Xương đầu gối của Như Lai được sắp xếp khéo léo, rắn chắc, tròn đẹp; đó là tướng thứ mười bốn.

Chỗ kín của Như Lai có hoa văn xinh đẹp đầy đủ oai thế viên mãn thanh tịnh; đó là tướng thứ mười lăm.

Thân Như Lai trơn láng mềm mại, sáng láng sạch đẹp đất bụi không dính; đó là tướng thứ mười sáu.

Hình dung của Như Lai rất nghiêm nghị, không sợ hãi, không hèn nhát; đó là tướng thứ mười bảy.

Các bộ phận của thân Như Lai rắn chắc đầy đặn, khéo kết dính vào nhau; đó là tướng thứ mười tám.

Thân phần của Như Lai an ổn, vững vàng chưa từng lay động tròn đầy không hư hoại; đó là tướng thứ mười chín.

Thân tướng của Như Lai, giống như vua trời trông rất đoan trang, sáng sạch, không bị ngăn che; đó là tướng thứ hai mươi.

Thân Như Lai có ánh sáng tròn đầy bao xung quanh khi đi thường tự chiếu sáng; đó là tướng thứ hai mươi mốt.

Bụng Như Lai vuông vứt không lệch, mềm mại ẩn kín, các tướng trang nghiêm; đó là tướng thứ hai mươi hai.

Rốn sâu có xoáy về bên phải, tròn đẹp sạch sẽ sáng láng; đó là tướng thứ hai mươi ba.

Rốn Như Lai dày chẳng lõm, chẳng lồi xoáy tròn rất đẹp; đó là tướng thứ hai mươi bốn.

Da Như Lai không bị các lỗi như ghẻ lở, nốt ruồi, thịt dư...; đó là tướng thứ hai mươi lăm.

Lòng bàn tay Như Lai đầy đặn mềm mại. Lòng bàn chân bằng phẳng; đó là tướng thứ hai mươi sáu.

Chỉ tay Như Lai sâu rõ, thẳng dài trơn láng không đứt đoạn; đó là tướng thứ hai mươi bảy.

Môi Như Lai có màu đỏ tươi sáng láng như trái tần-bà, trên dưới tương xứng; đó là tướng thứ hai mươi tám.

Khuôn mặt Như Lai đoan trang kích thước trung bình không dài, không ngắn, không to, không nhỏ; đó là tướng thứ hai mươi chín.

Tướng lưỡi Như Lai mềm mỏng, dài rộng màu đỏ như đồng; đó là

tướng thứ ba mươi.

Như Lai phát tiếng chấn động rất xa, rõ ràng trong trẻo như tiếng rống của voi chúa; đó là tướng thứ ba mươi mốt.

Giọng nói Như Lai âm vang như tiếng vọng từ hang sâu; đó là tướng thứ ba mươi hai.

Mũi Như Lai cao và ngay thẳng, lỗ mũi ẩn kín; đó là tướng thứ ba mươi ba.

Các răng Như Lai vuông vức đều đặn trắng đẹp; đó là tướng thứ ba mươi bốn.

Răng cửa Như Lai tròn, sáng sạch bén nhọn; đó là tướng thứ ba mươi lăm.

Mắt Như Lai trong xanh và rõ ràng; đó là tướng thứ ba mươi sáu.

Mắt Như Lai dài rộng giống như hoa sen xanh rất đáng yêu; đó là tướng thứ ba mươi bảy.

Lông mi Như Lai trên dưới gọn gàng và không bạc; đó là tướng thứ ba mươi tám.

Cặp mày Như Lai dài mà không bạc, rậm mà mềm mại; đó là tướng thứ ba mươi chín.

Cặp mày Như Lai đẹp đẽ có thứ lớp màu xanh biếc như lưu ly; đó là tướng thứ bốn mươi.

Cặp mày Như Lai cao rõ sáng láng, hình như mặt trăng đầu tháng; đó là tướng thứ bốn mươi mốt.

Tai Như Lai dày, rộng lớn, trái tai dài và tròn trịa; đó là tướng thứ bốn mươi hai.

Hai tay Như Lai tốt đẹp, bằng phẳng lìa các lầm lỗi; đó là tướng thứ bốn mươi ba.

Dung nhan Như Lai làm cho người nhìn thấy không bị khó chịu không đắm nhiễm và đều sinh kính yêu; đó là tướng thứ bốn mươi bốn.

Trán Như Lai rộng, tròn đầy, bằng phẳng hình dạng xinh đẹp; đó là tướng thứ bốn mươi lăm.

Thân phần Như Lai trên dưới tròn đầy như sư tử chúa oai nghiêm không có đối thủ; đó là tướng thứ bốn mươi sáu.

Tóc trên đầu Như Lai dài, xanh biếc, dầy mà không bạc; đó là tướng thứ bốn mươi bảy.

Tóc trên đầu Như Lai thơm sạch mềm mại óng mượt và xoay về phía bên phải; đó là tướng thứ bốn mươi tám.

Tóc Như Lai gọn gàng không rối, cũng chẳng dính chùm; đó là tướng thứ bốn mươi chín.

Tóc Như Lai chắc chắn không gãy, không bao giờ rụng; đó là tướng thứ năm mươi.

Tóc Như Lai trơn bóng đẹp đẽ, không dính bụi bặm; đó là tướng thứ năm mươi mốt.

Thân phần Như Lai vững chắc, đầy đặn hơn cây Na-la-diên; đó là tướng thứ năm mươi hai.

Thân thể Như Lai cao lớn ngay thẳng; đó là tướng thứ năm mươi ba.

Các khiếu của Như Lai thanh tịnh tròn đẹp; đó là tướng thứ năm mươi bốn.

Thân Như Lai có thế lực thù thắng không ai sánh bằng; đó là tướng thứ năm mươi lăm.

Thân tướng Như Lai được mọi người thích xem, không hề biết chán; đó là tướng thứ năm mươi sáu.

Khuôn mặt Như Lai dài rộng vừa phải sáng rạng rỡ như mặt trăng tròn mùa thu; đó là tướng thứ năm mươi bảy.

Dung nhan Như Lai thư thái rạng rỡ, mỉm cười, trước khi nói chỉ hướng về phía trước không quay ra sau; đó là tướng thứ năm mươi tám.

Diện mạo Như Lai sáng láng vui vẻ xa lìa các lỗi nhăn nhó, đổi sắc xanh đỏ; đó là tướng thứ năm mươi chín.

Thân Như Lai trong sạch không dơ thường không hôi hám; đó là tướng thứ sáu mươi .

Các lỗ chân lông trên thân đều tiết ra mùi hương vi diệu như ý; đó là tướng thứ sáu mươi mốt.

Miệng Như Lai thường phát ra mùi hương thù thắng bậc nhất; đó là tướng thứ sáu mươi hai.

Tướng đầu Như Lai tròn trịa xinh đẹp như Mạt-đạt-na hoặc như lộng trời; đó là tướng thứ sáu mươi ba.

Lông thân Như Lai sáng sạch xanh biếc như cổ chim công, đỏ hồng xinh đẹp giống như đồng đỏ; đó là tướng thứ sáu mươi bốn.

Pháp âm Như Lai lớn nhỏ tùy chúng, không tăng, không giảm, đúng

lý không sai; đó là tướng thứ sáu mươi lăm.

Tướng đảnh Như Lai không ai thấy được; đó là tướng thứ sáu mươi sáu.

Tay chân Như Lai kẻ ngón phân minh, trang nghiêm xinh đẹp như màu hồng đỏ; đó là tướng thứ sáu mươi bảy.

Lúc Như Lai đi, chân cách đất bốn ngón tay nhưng hiện dấu ấn; đó là tướng thứ sáu mươi tám.

Như Lai tự đứng vững không cần ai đỡ, thân không nghiêng ngã, xiên vẹo; đó là tướng thứ sáu mươi chín.

Oai Đức Như Lai chấn động tất cả, người ghét thấy sinh mừng, người lo sợ thấy thì được an ổn; đó là tướng thứ bảy mươi.

Âm thanh Như Lai không cao không thấp, tùy theo ý thích chúng sinh mà vui vẻ nói cho họ; đó là tướng thứ bảy mươi mốt.

Tùy theo ý thích và ngôn ngữ của các loài hữu tình mà Như Lai thuyết pháp cho họ; đó là tướng thứ bảy mươi hai.

Như Lai dùng một loại ngôn ngữ để thuyết pháp làm cho các loài hữu tình đều hiểu được; đó là tướng thứ bảy mươi ba.

Như Lai thuyết pháp đều theo thứ lớp, chắc chắn có nhân duyên, lời lẽ đều khéo; đó là tướng thứ bảy mươi bốn.

Như Lai quán sát các loài hữu tình khen ngợi người thiện, chê người ác nhưng không thương ghét; đó là tướng thứ bảy mươi lăm.

Khi phải làm gì, Như Lai quán trước làm sau, đầu đủ khuôn phép giúp họ biết việc trong sạch; đó là tướng thứ bảy mươi sáu.

Tướng hảo của Như Lai tất cả hữu tình không ai có thể quán sát hết; đó là tướng thứ bảy mươi bảy.

Xương đảnh của Như Lai rắn chắc tròn đầy; đó là tướng thứ bảy mươi tám.

Dung nhan Như Lai thường trẻ không già phần tốt thay thế phần cũ; đó là tướng thứ bảy mươi chín.

Tay chân và trước ngực Như Lai đều có đức tướng kiết tường xoay về phía phải giống như bức họa thêu, sắc màu đỏ tươi; đó là tướng thứ tám mươi.

Đó là tám mươi vẻ đẹp.

Thiện Hiện, do Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thành tựu các tướng

hảo như vậy nên ánh sáng trên thân có thể tùy ý chiếu đầy khắp thế giới ba lần ngàn. Khi nào Như Lai tác ý, ánh sáng liền có thể chiếu khắp vô số thế giới. Nhưng vì thương xót các hữu tình nên Như Lai thu ánh sáng chỉ thường chiếu ra xung quanh mặt một tầm. Nếu phóng ánh sáng của thân ra thì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đều lặn mất, các loài hữu tình liền không thể biết thời gian ngày đêm, nửa tháng, một tháng và các việc làm của họ không được thành tựu.

Âm thanh Phật có thể biến khắp thế giới ba lần ngàn hoặc lúc tác ý liền có thể biến khắp vô số thế giới nhưng vì muốn làm lợi ích cho hữu tình nên âm thanh ấy tùy theo số lượng chúng sinh chứ không giảm cũng không tăng.

Thiện Hiện, công đức như vậy, trước kia, khi ở địa vị Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đã thành tựu trọn vẹn cho nên nay tướng hảo viên mãn trang nghiêm, tất cả hữu tình thấy đều hoan hỷ, đều thu được lợi ích an lạc thù thắng.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng hai loại Bố thí là tài thí và pháp thí để giúp đỡ các hữu tình, đó là pháp kỳ lạ hy hữu.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng Ái ngữ giúp đỡ các hữu tình như thế nào? Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, trước tiên các Đại Bồ-tát dùng âm thanh vi diệu thuyết giảng cho hữu tình nghe về Bố thí ba-la-mật-đa, kế đó nói về Tịnh giới ba-la-mật-đa, kế nói về An nhẫn ba-la-mật-đa, kế nói về Tinh tấn ba-la-mật-đa, kế nói về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cuối cùng nói về Bát-nhã ba-la-mật-đa để tìm cách giúp đỡ họ.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng âm thanh êm dịu nói kỹ về sáu pháp Ba-la-mật-đa để giúp đỡ các hữu tình. Vì sao vậy? Do sáu pháp Ba-la-mật-đa có thể thu nhiếp tất cả pháp lành.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng Lợi hành để giúp đỡ các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa trong một thời gian dài, các Đại Bồ-tát dùng đủ mọi phương tiện để khuyên các hữu tình tinh tấn tu học Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và các pháp lành thù thắng khác, không biếng nhác phế bỏ.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng Đồng sự để cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng thần thông thù thắng và đại nguyện lực thị hiện sống ở địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, người, trời... cùng làm việc chung với họ, tìm cách giúp đỡ họ thu được lợi ích an lạc thù thắng.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát có thể dùng Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự giúp đỡ các hữu tình. Đó là pháp hy hữu kỳ lạ.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát trong mười phương hằng hà sa số thế giới thấy ít có Đại Bồ-tát, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dạy dỗ các Đại Bồ-tát khác rằng: Đến đây thiện nam, ông nên khéo léo học và làm phát sinh các văn tự Đà-la-ni, nghĩa là nên học một chữ, hai chữ cho đến mười chữ, như vậy cho đến hai mươi, ba mươi cho đến hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn cho đến vô số, làm phát sinh một cách tự tại. Lại nên khéo học tất cả ngôn ngữ đều nhập vào một chữ, hoặc nhập vào hai chữ cho đến mười chữ, như vậy cho đến hai mươi, ba mươi cho đến hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn cho đến vô số, hoạt dụng một cách tự tại. Lại nên khéo học ở trong một chữ bao gồm tất cả chữ, trong tất cả chữ bao gồm một chữ sử dụng một cách tự tại. Lại nên khéo học có thể bao gồm bốn mươi hai chữ cái, bốn mươi hai chữ cái, có thể bao gồm một chữ.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này nên khéo học, bốn mươi hai chữ cái, nhập vào một chữ, một chữ cũng nhập vào bốn mươi hai chữ. Sau khi đã học như vậy, vị ấy phát sinh thiện xảo đối với các chữ. Sau khi đã phát sinh thiện xảo đối với các chữ rồi, họ lại làm phát sinh thiện xảo đối với không chữ. Giống như các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khéo léo đối với các pháp khéo léo đối với chữ. Do khéo léo đối với các pháp và các chữ nên vị ấy cũng khéo léo đối với không chữ. Nhờ khéo léo nên vị ấy có thể giảng cho hữu tình nghe về pháp có chữ và pháp không có chữ. Vì pháp không chữ mà nói về pháp có chữ. Vì sao vậy? Lìa chữ, không chữ thì không khác Phật pháp, vượt qua tất cả chữ gọi là chân Phật pháp. Vì sao vậy? Do tất cả pháp, tất cả hữu tình đều rốt ráo không, không có biên giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp, tất cả hữu tình đều rốt ráo không, không có biên giới, vượt qua các văn tự, tự tánh tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, vậy các Đại Bồ-tát làm sao tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; làm sao tu hành bốn

Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; làm sao tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; làm sao tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; làm sao an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; làm sao an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; làm sao an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; làm sao tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; làm sao tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; làm sao tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; làm sao tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; làm sao tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; làm sao tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; làm sao tu hành ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; làm sao an trú vào quả báo của sáu pháp Ba-la-mật-đa và sáu phép thần thông để giảng giải Chánh pháp cho các hữu tình nghe?

Bạch Thế Tôn, tất cả hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được, các việc làm của các hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt được. Do các hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên sắc cho đến thức cũng chẳng thể nắm bắt được; nhãn xứ cho đến ý xứ cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc xứ cho đến pháp xứ cũng chẳng thể nắm bắt được; nhãn giới cho đến ý giới cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến pháp giới cũng chẳng thể nắm bắt được; nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng chẳng thể nắm bắt được; nhãn xúc cho đến ý xúc cũng chẳng thể nắm bắt được; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được; địa giới cho đến thức giới cũng chẳng thể nắm bắt được; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng chẳng thể nắm bắt được; các pháp do nhân duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được; vô minh cho đến lão tử cũng chẳng thể nắm bắt được; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng chẳng thể nắm bắt được; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa

cũng chẳng thể nắm bắt được; năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng thể nắm bắt được; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật cũng chẳng thể nắm bắt được; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật cũng chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, ở trong pháp chẳng thể nắm bắt được, không có hữu tình và việc làm của họ, không có sắc cho đến thức và sự hoạt động của nó; không có nhãn xứ cho đến ý xứ và sự hoạt động của nó; không có sắc xứ cho đến pháp xứ và sự hoạt động của nó; không có nhãn giới cho đến ý giới và sự hoạt động của nó; không có sắc giới cho đến pháp giới và sự hoạt động của nó; không có nhãn thức giới cho đến ý thức giới và sự hoạt động của nó; không có nhãn xúc cho đến ý xúc và sự hoạt động của nó; không có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và hoạt động của nó; không có địa giới cho đến thức giới và sự hoạt động của nó; không có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên và sự hoạt động của nó; không có các pháp do nhân duyên sinh ra và hoạt động của nó; không có vô minh cho đến lão tử và sự hoạt động của nó; không Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và sự hoạt động của nó; không có bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và sự hoạt động của nó; không có bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo và sự hoạt động của nó; không có ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện và hoạt động của nó; không có pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh và sự hoạt động của nó; không có Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo và hoạt động của nó; không có tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ và hoạt động của nó; không có bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai và hoạt động của nó; không có bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân và hoạt động của nó; không có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa và sự hoạt động của nó; không có năm loại mắt, sáu phép thần thông và sự hoạt động của nó; không có mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng và sự hoạt động của nó; không có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả và sự hoạt động của nó; không có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và sự hoạt động của

nó; không có quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề và sự hoạt động của nó; không có tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật và hoạt động của nó; không có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp và sự hoạt động của nó.

Bạch Thế Tôn, tất cả các pháp hữu tình và sự hoạt động của nó chúng đã chẳng thể nắm bắt được và hoàn toàn không sở hữu, vậy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát nói những pháp gì cho các hữu tình?

Bạch Thế Tôn, đừng cho rằng các Đại Bồ-tát tự an trú vào pháp bất chánh để giảng cho các hữu tình nghe về pháp bất chánh, khuyên các hữu tình trụ vào pháp bất chánh, dùng pháp điên đảo để an lập hữu tình. Vì sao vậy? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát còn không chứng đắc Bồ-đề huống là chứng đắc pháp phần Bồ-đề, còn không chứng đắc Đại Bồ-tát huống là chứng đắc pháp Đại Bồ-tát.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Tất cả hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được, sự hoạt động của các hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt được, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được, sự hoạt động của tất cả các pháp cũng chẳng thể nắm bắt được. Do chẳng thể nắm bắt được nên chúng hoàn toàn không sở hữu, do không sở hữu nên biết không bên trong, không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn chẳng đổi khác, không bản tánh, không tự tướng cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh; nên biết không chân như, không pháp giới, không pháp tánh, không tánh chẳng hư vọng, không tánh chẳng biến đổi, không tánh bình đẳng, không tánh ly sinh, không pháp định, không pháp trụ, không thật tế, không cảnh giới hư không, không cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; nên biết không Thánh đế khổ, không Thánh đế tập, không Thánh đế diệt, không Thánh đế đạo; nên biết không sắc uẩn cho đến thức uẩn; biết được không nhãn xứ cho đến ý xứ; nên biết không sắc xứ cho đến pháp xứ; nên biết không nhãn giới cho đến ý giới; nên biết không sắc giới cho đến pháp giới; nên biết không nhãn thức giới cho đến ý thức giới; nên biết không nhãn xúc cho đến ý xúc; nên biết không các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến

không các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; nên biết không địa giới cho đến thức giới; nên biết không nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; nên biết không các pháp do nhân duyên sinh ra; nên biết không vô minh cho đến lão tử; nên biết không ngã, hữu tình cho đến cái biết, cái thấy; nên biết không Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên biết không bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; nên biết không bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; nên biết không pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; nên biết không tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; nên biết không bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; nên biết không bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; nên biết không tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; nên biết không năm loại mắt, sáu phép thần thông; nên biết không mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; nên biết không pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; nên biết không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; nên biết không quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; nên biết không Chánh tánh ly sinh của Đại Bồ-tát; nên biết không đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; nên biết không tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; nên biết không quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; nên biết không ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp đều hoàn toàn không, giảng nói cho các hữu tình nghe về các pháp giúp họ lìa điên đảo, tuy giảng nói các pháp cho các hữu tình nghe nhưng hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình, cũng hoàn toàn vô sở đắc đối với tất cả các pháp, chẳng tăng, chẳng giảm, không nắm giữ, không xả bỏ đối với các tướng không, do nhân duyên này, tuy nói các pháp nhưng không có chỗ nói.

Thiện Hiện, lúc quán sát tất cả pháp như vậy, Đại Bồ-tát này chứng đắc trí vô ngại. Do có trí này, vị ấy không hủy hoại các pháp không có phân biệt thành hai, giảng giải như thật cho các hữu tình, giúp họ lìa điên đảo vọng tưởng chấp trước, đạt đến quả ba thừa tùy theo căn cơ của họ, chứng đắc Niết-bàn thường còn an lạc rốt ráo. Như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa làm một vị Phật. Vị Phật này lại có thể hóa làm vô lượng trăm ngàn, trăm ức, muôn ức chúng.

Khi ấy vị Hóa Phật kia dạy dỗ chúng đã được hóa ra giúp họ tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc giúp tu hành bốn

Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc giúp tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc giúp tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc giúp an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc giúp an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc giúp an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc giúp tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc giúp tu hành bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc giúp tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc giúp tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc giúp tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc giúp tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc giúp tu hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; hoặc giúp tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc giúp tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc giúp an trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; hoặc giúp an trụ vào địa vị thù thắng của Bồ-tát, hoặc giúp an trụ Vô thượng Bồ-đề.

Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Lúc ấy Hóa Phật và chúng đệ tử đã được hóa ra có chỗ phân biệt và có phá hoại đối với các pháp không?

Thiện Hiện đáp:

–Không, thưa Thế Tôn! Những vật được hóa ra không phân biệt đối với tất cả pháp.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, vì lý do này nên biết các Đại Bồ-tát cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, thuyết pháp thích hợp cho các hữu tình, tuy không phân biệt phá hoại pháp tướng nhưng có thể như thật an lập hữu tình giúp họ an trú vào địa vị thích hợp. Tuy hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình và tất cả pháp nhưng vị ấy giúp hữu tình giải thoát vọng tưởng điên đảo chấp trước do lấy không buộc, không mở làm phương tiện. Vì sao vậy? Thiện Hiện, bản tánh của sắc cho đến thức không buộc, không mở. Nếu pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc cho đến chẳng phải thức. Vì sao vậy? Vì sắc cho đến thức hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của nhãn xứ cho đến bản tánh của ý xứ không buộc, không mở, pháp nào bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn xứ cho đến chẳng phải ý xứ. Vì sao vậy? Vì nhãn xứ cho

đến ý xứ bản tánh hoàn toàn vắng lặng. Thiện Hiện, bản tánh sắc xứ cho đến pháp xứ không buộc, không mở, pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc xứ cho đến pháp xứ. Vì sao vậy? sắc xứ cho đến pháp xứ hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của nhãn giới cho đến bản tánh ý giới không buộc, không mở, pháp nào bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn giới cho đến chẳng phải ý giới. Vì sao vậy? nhãn giới cho đến ý giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của sắc giới cho đến bản tánh của pháp giới không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc giới cho đến pháp giới. Vì sao vậy? sắc giới cho đến pháp giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh nhãn thức giới cho đến bản tánh ý thức giới không buộc, không mở. Pháp nào bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn thức giới cho đến chẳng phải ý thức giới. Vì sao vậy? nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoàn toàn vắng lặng. Thiện Hiện, bản tánh của nhãn xúc cho đến bản tánh ý xúc không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải nhãn xúc cho đến chẳng phải ý xúc. Vì sao vậy? nhãn xúc cho đến ý xúc hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến bản tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến chẳng phải các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao vậy? các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của địa giới cho đến bản tánh thức giới không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là địa giới cho đến thức giới. Vì sao vậy? Địa giới cho đến thức giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không buộc, không mở. Pháp nào không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Vì sao vậy? Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh các pháp do nhân duyên sinh ra không buộc, không mở. Pháp nào không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải các

pháp do nhân duyên sinh ra Vì sao vậy? Vì các pháp do nhân duyên sinh ra hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh vô minh cho đến bản tánh của lão tử không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải vô minh cho đến lão tử. Vì sao vậy? vô minh cho đến lão tử hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến bản tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp thì pháp ấy chẳng phải bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao vậy? Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của bốn Niệm trụ cho đến bản tánh tám chi Thánh đạo không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải bốn Niệm trụ cho đến chẳng phải là tám chi Thánh đạo. Vì sao vậy? Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp môn giải thoát Không và bản tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó không phải là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao vậy? Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp không bên trong cho đến bản tánh pháp không không tánh tự tánh không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao vậy? Vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của chân như cho đến bản tánh cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Vì sao vậy? Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của tám Giải thoát cho đến bản tánh của mười Biến xứ không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là tám Giải thoát cho đến chẳng phải là mười Biến xứ. Vì sao vậy? Tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của bậc Tịnh quán cho đến bản tánh của bậc Như Lai không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai. Vì sao vậy? Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của bậc Cực hỷ cho đến bản tánh của bậc Pháp vân không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Vì sao vậy? Vì bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni cho đến bản tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao vậy? Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là năm loại mắt, sáu phép thần thông. Vì sao vậy? Năm loại mắt, sáu phép thần thông hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao vậy? Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại sĩ và bản tánh của tám mươi vẻ đẹp không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao vậy? Ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp

hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp không quên mất và bản tánh của tánh luôn luôn xả không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Vì sao vậy? Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của trí Nhất thiết, bản tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao vậy? Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của quả Dự lưu cho đến bản tánh của quả Độc giác Bồ-đề không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là quả Dự lưu cho đến chẳng phải là Độc giác Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và bản tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Vì sao vậy? Vì tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp lành và pháp ác không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp lành và pháp ác. Vì sao vậy? Vì pháp lành và pháp ác hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp hữu ký, bản tánh của pháp vô ký không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp hữu ký và pháp vô ký. Vì sao vậy? Pháp hữu ký và pháp vô ký hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh pháp hữu lậu và pháp vô lậu không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu. Vì sao vậy? Pháp hữu lậu và pháp vô lậu hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp thế gian và bản tánh của pháp xuất thế

gian không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Vì sao vậy? Vì pháp thế gian và pháp xuất thế gian hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp hữu vi và của pháp vô vi không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp hữu vi chẳng phải pháp vô vi. Vì sao vậy? Pháp hữu vi và pháp vô vi hoàn toàn vắng lặng.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tuy các Bồ-tát giảng nói các pháp cho các hữu tình nhưng hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình và các pháp tánh. Vì sao vậy? Vì các hữu tình và tất cả pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào tất cả pháp vô sở đắc, nghĩa là dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không sắc cho đến không thức; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhãn xứ cho đến không ý xứ; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không sắc xứ cho đến không pháp xứ; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhãn giới cho đến không ý giới; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không sắc giới cho đến không pháp giới; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhãn thức giới cho đến ý thức giới; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhãn xúc cho đến không ý xúc; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến không cảm giác do nhãn ý làm duyên sinh; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không địa giới cho đến không thức giới; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhân duyên cho đến không tăng thượng duyên; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không các pháp do nhân duyên sinh ra; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không vô minh cho đến không lão tử; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không Bố thí ba-la-mật-đa cho đến không Bát-nhã ba-la-mật-đa; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; lấy vô sở đắc làm phương tiện để an trụ vào không pháp không bên trong cho đến không pháp không không tánh tự tánh; dùng vô sở đắc làm phương tiện

để an trụ vào không chân như cho đến không cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không tám Giải thoát cho đến không mười Biến xứ; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không bậc Tịnh quán cho đến không bậc Như Lai; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không bậc Cực hỷ cho đến không bậc Pháp vân; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không năm loại mắt, sáu phép thần thông; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không mười lực của Như Lai cho đến không mười tám pháp Phật bất cộng; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không quả Dự lưu cho đến không Độc giác Bồ-đề; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không của tất cả các hạnh của các Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không pháp thiện pháp ác; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không pháp hữu ký, pháp vô ký; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không pháp hữu lậu, pháp vô lậu; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không pháp thế gian, pháp xuất thế gian; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không pháp hữu vi, không pháp vô vi.

Thiện Hiện nên biết, sắc cho đến thức không có chỗ trụ, không sắc cho đến không thức cũng không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Sắc cho đến thức không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không sắc cho đến không thức cũng không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được, pháp không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Như vậy cho đến tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không có chỗ trụ, không có tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột cũng không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được, không tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Pháp thiện, pháp ác không có chỗ trụ,

không pháp thiện, pháp ác cũng không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp thiện, pháp ác không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được, không pháp thiện, pháp ác cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Pháp hữu ký, pháp vô ký cũng không có chỗ trụ, không pháp hữu ký, không pháp vô ký cũng không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp hữu ký, pháp vô ký không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không pháp hữu ký, pháp vô ký không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì không có chỗ trụ. Pháp hữu lậu và pháp vô lậu không có chỗ trụ. Không pháp hữu lậu, pháp vô lậu cũng không chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp hữu lậu, pháp vô lậu không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không pháp hữu lậu, pháp vô lậu cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Pháp thế gian và pháp xuất thế gian không có chỗ trụ. Không pháp thế gian và pháp xuất thế gian cũng không chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp thế gian, pháp xuất thế gian không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không pháp thế gian, pháp xuất thế gian cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Pháp hữu vi, pháp vô vi không có chỗ trụ. Không pháp hữu vi, pháp vô vi cũng không chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp hữu vi và pháp vô vi không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không pháp hữu vi và pháp vô vi cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ.

Thiện Hiện nên biết, chẳng phải pháp không tánh trụ vào pháp không tánh, chẳng phải pháp có tánh trụ vào pháp có tánh, chẳng phải pháp không tánh trụ vào pháp có tánh, chẳng phải pháp có tánh trụ vào pháp không tánh. Chẳng phải pháp tự tánh trụ vào pháp tự tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ vào pháp tha tánh, chẳng phải pháp tự tánh trụ vào pháp tha tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ vào pháp tự tánh. Vì sao vậy? Tất cả pháp này đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp chẳng thể nắm bắt được thì trụ nơi nào?

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng các pháp không này để tu tập điều khiển các pháp, cũng có thể như thật giảng dạy hữu tình. Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì không có lầm lỗi đối với chư Phật, Bồ-tát, Độc giác Thanh văn và tất cả Thánh hiền. Vì sao vậy? Vì chư Phật, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn và tất cả Thánh hiền đều có thể giác ngộ tùy

theo trình độ đối với pháp tánh này. Sau khi đã giác ngộ, họ giảng giải cho các hữu tình nghe một các đúng đắn. Tuy giảng nói các pháp cho các hữu tình nghe nhưng họ không lay chuyển không vượt đối với pháp tánh. Vì sao vậy? Thật tánh các pháp tức là chân pháp giới, chân như, thật tế. Pháp giới, chân như, thật tế như vậy đều không lay chuyển và không thể vượt qua. Vì sao vậy? Pháp giới, chân như, thật tế này đều không tự tánh và hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Pháp chẳng thể nắm bắt được thì chẳng thể lay chuyển vượt qua.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 471

Phẩm 76: Các đức tướng (4)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu chân pháp giới, chân như, thật tế, không thể vận chuyển, không thể vượt qua thì sắc cho đến thức cùng chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhãn xứ cho đến ý xứ cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; sắc xứ cho đến pháp xứ cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhãn giới cho đến ý giới cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; sắc giới cho đến pháp giới cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhãn thức giới cho đến ý thức giới cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhãn xúc cho đến ý xúc cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; địa giới cho đến thức giới cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; các pháp do nhân duyên sinh ra cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; vô minh cho đến lão tử cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp

không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; năm loại mắt, sáu phép thần thông cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp thiện, pháp ác cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp hữu ký, pháp vô ký cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp hữu lậu, pháp vô lậu cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp thế gian, pháp xuất thế gian cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp hữu vi, pháp vô vi cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, sắc cho đến thức không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế. Như vậy cho đến tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không khác chân pháp giới, chân như, thật tế; pháp thiện, pháp ác không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế, pháp hữu ký, pháp vô ký không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế, pháp hữu lậu, pháp vô lậu không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế, pháp thế gian, pháp xuất thế gian không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế, pháp hữu vi, pháp vô vi không khác với chân pháp giới, chân như, thật

tế.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu các pháp như sắc... không có gì khác với chân pháp giới, chân như, thật tế thì bạch Thế Tôn, vì sao gây nghiệp ác sẽ chịu quả báo ác như là quả địa ngục, bàng sinh, quỷ giới; tạo nghiệp lành thì nhận quả báo lành, nghĩa là sinh vào trời, người, tạo nghiệp vừa lành vừa dữ thì nhận quả báo lành, nghĩa là sinh vào trời, người, tạo nghiệp vừa lành vừa dữ thì nhận quả báo vừa lành vừa dữ, nghĩa là chiêu cảm một phần bàng sinh, quỷ giới và một phần người, tạo nghiệp chẳng lành chẳng dữ thì có quả báo chẳng lành chẳng dữ, nghĩa là nhận lấy quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Ta dựa theo thế tục mà nói rõ ra nhân quả sai khác như vậy, không phải dựa vào thắng nghĩa vì trong thắng nghĩa không thể nói có sự khác nhau của nhân quả. Vì sao vậy? Trong lý đạo của Thắng nghĩa đế, tánh tướng của các pháp không thể phân biệt, không nói, không chỉ bày thì làm sao có sự khác nhau của nhân quả.

Thiện Hiện nên biết, đối với Thắng nghĩa đế sắc cho đến thức không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhãn xứ cho đến ý xứ không sinh, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; sắc xứ cho đến pháp xứ không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhãn giới cho đến ý giới không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; sắc giới cho đến pháp giới không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhãn thức giới cho đến ý thức giới không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhãn xúc cho đến ý xúc không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; địa giới cho đến thức giới không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; các pháp do nhân duyên sinh ra không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh,

vì rốt ráo không, vô biên không; vô minh cho đến lão tử không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô biên không; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; năm loại mắt, sáu phép thần thông không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp thiện, pháp ác

không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp hữu ký, pháp vô ký không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp hữu lậu, pháp vô lậu không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp thế gian, pháp xuất thế gian không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp hữu vi, pháp vô vi không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu dựa vào thế tục mà bày ra phần vị sai khác nhân quả chứ không nương vào thắng nghĩa thì đáng lẽ tất cả phàm phu ngu si cũng có quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Phàm phu ngu si có giác ngộ như thật nghĩa lý của hai đế thắng nghĩa và thế tục không? Người nào giác ngộ như thật nghĩa lý của hai đế thì người đó cũng đã chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Nhưng vì các phàm phu ngu si không giác ngộ như thật về thế tục và thắng nghĩa nên không có Thánh đạo, không tu Thánh đạo, không thể tạo ra có các phần vị sai khác của Thánh quả chỉ có các bậc Thánh mới có thể giác ngộ như thật về thế tục và thắng nghĩa nên có Thánh đạo, có tu Thánh đạo do đó có được sự khác nhau của Thánh quả.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tu Thánh đạo thì được Thánh quả phải không?

Phật bảo:

–Không phải.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, không tu Thánh đạo có chứng đắc Thánh quả không?

Phật bảo:

–Không được. Thiện Hiện, nên biết, chẳng phải tu Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả cũng chẳng phải không tu Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả, chẳng phải lìa Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả cũng chẳng phải trụ vào Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả. Vì sao vậy?

Đối với Thắng nghĩa đế, đạo và đạo quả, tu và không tu đều chẳng thể nắm bắt được.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tuy vì hữu tình mà bày ra các loại sai khác của Thánh quả nhưng các Đại Bồ-tát không phân biệt sự bày ra các phần vị sai khác của Thánh quả ở cảnh giới hữu vi hay cảnh giới vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu không phân biệt các phần vị sai khác của Thánh quả được bày ra ở cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi thì vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói đoạn trừ ba kết thì gọi là quả Dự lưu, giảm bớt tham dục, sân hận thì gọi là quả Nhất lai, đoạn trừ vĩnh viễn năm kết hạ phần gọi là quả Bất hoàn, đoạn trừ vĩnh viễn năm kết thượng phần gọi là quả A-la-hán. Biết các pháp được tập khởi là pháp bị diệt thì gọi là Độc giác Bồ-đề, đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tập khí phiền não thì gọi là quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Bạch Thế Tôn, làm sao con biết được nghĩa lý sâu xa mà Phật dạy, nghĩa là không phân biệt phần vị sai khác của Thánh quả được bày ra ở cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và quả vị Giác ngộ cao tột Thánh quả như vậy là hữu vi hay là vô vi?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, Thánh quả như vậy chỉ là vô vi.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, trong pháp vô vi có phân biệt không?

Thiện Hiện đáp:

–Không, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Nếu thiện nam, thiện nữ... thông đạt tất cả hữu vi, vô vi đều đồng một tướng được gọi là không tướng thì lúc bấy giờ, đối với các pháp, vị ấy có phân biệt đây là hữu vi hoặc đây là vô vi không?

Thiện Hiện đáp:

–Không, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, cũng như vậy, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tuy giảng nói chánh pháp cho các hữu tình nhưng các Đại Bồ-tát không phân biệt pháp tướng đã nói, đó là do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Đại Bồ-tát này không chấp trước đối với các pháp cũng có thể dạy người khác không chấp trước đối với các pháp. Nghĩa là không chấp trước đối với Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không chấp trước đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng không chấp trước đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không chấp trước đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không chấp trước đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không chấp trước đối với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng không chấp trước đối với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không chấp trước đối với tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng không chấp trước bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không chấp trước đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng không chấp trước đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông; không chấp trước đối với mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng không chấp trước đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không chấp trước đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không chấp trước đối với tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; không chấp trước đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; cũng không chấp trước đối với trí Nhất thiết trí. Do Đại Bồ-tát này không chấp trước nên được vô ngại đối với mọi nơi; giống như người do các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa ra, tuy hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không thọ nhận, không an trú đối với quả báo của việc ấy chỉ vì hữu tình mà nhập Niết-bàn; như vậy cho đến tuy thực hành trí Nhất thiết trí nhưng không thọ nhận, không an trú đối với kết quả của việc ấy chỉ vì hữu tình mà nhập Niết-bàn; cũng giống như vậy, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát hoàn toàn không chấp trước, cũng không bị ngăn ngại đối với tất cả pháp hoặc thiện, hoặc ác, hoặc hữu ký, hoặc vô ký, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Vì sao vậy? Vì hoàn toàn thông suốt tướng chân

thật của các pháp.

-oOo-

Phẩm 77: Thiện đạt (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát làm sao để hoàn toàn thông suốt thật tướng của các pháp?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát giống như người được biến hóa không thực hành tất cả kết sử tham, sân si; không thực hành sắc uẩn cho đến thức uẩn; không thực hành nhãn xứ cho đến ý xứ; không thực hành sắc xứ cho đến pháp xứ; không thực hành nhãn giới cho đến ý giới; không thực hành sắc giới cho đến pháp giới; không thực hành nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không thực hành nhãn xúc cho đến ý xúc; không thực hành các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không thực hành địa giới cho đến thức giới; không thực hành nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không thực hành các pháp do nhân duyên sinh ra; không thực hành vô minh cho đến lão tử; không thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không thực hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không thực hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không thực hành ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không thực hành pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không thực hành chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không thực hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không thực hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không thực hành bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không thực hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không thực hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không thực hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; không thực hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không thực hành ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không thực hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không thực hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không thực hành quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không thực hành tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; không thực hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; không thực hành trí Nhất thiết trí; không thực hành nội pháp, ngoại pháp; không thực hành tùy miên và các phiền não trói buộc; không

thực hành pháp thiện, pháp ác; không thực hành pháp hữu ký, pháp vô ký; không thực hành pháp hữu lậu, pháp vô lậu; không thực hành pháp thế gian, pháp xuất thế gian; không thực hành pháp hữu vi, pháp vô vi; không thực hành Thánh đạo và kết quả của Thánh đạo; cũng giống như vậy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát hoàn toàn không thực hành đối với tất cả các pháp. Đó là hoàn toàn thông suốt thật tướng của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, làm sao người biến hóa có thể tu Thánh đạo?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, người được biến hóa nương vào việc tu Thánh đạo không nhiễm không tịnh, cũng chẳng luân hồi sinh tử trong các cõi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát làm sao hoàn toàn thông suốt tất cả các pháp đều không phải là việc thật?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Tất cả những người được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa ra có thật sự làm việc không, dựa vào việc thật này có nhiễm có tịnh và sự luân hồi sinh tử không?

Thiện Hiện đáp:

–Không thưa Thế Tôn, người được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa ra chẳng có thật sự chút nào dựa vào việc ấy chẳng có nhiễm có tịnh và cũng không có việc luân hồi sinh tử.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, cũng như vậy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát hoàn toàn thông suốt thật tướng của tất cả các pháp, thấu rõ các pháp đều không thật sự.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều như huyễn hóa phải không? Tất cả nhãn xứ cho đến ý xứ đều như huyễn hóa phải không; tất cả sắc xứ cho đến pháp xứ đều như huyễn hóa phải không; tất cả nhãn giới cho đến ý giới đều như huyễn hóa phải không; tất cả sắc giới cho đến pháp giới đều như huyễn hóa phải không; tất cả nhãn xúc cho đến ý xúc đều như huyễn hóa phải không; tất cả các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều như huyễn

hóa phải không; tất cả địa giới cho đến thức giới đều như huyễn hóa phải không; tất cả nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều như huyễn hóa phải không; tất cả các pháp do nhân duyên sinh ra đều như huyễn hóa phải không; tất cả vô minh cho đến lão tử đều như huyễn hóa phải không; tất cả Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều như huyễn hóa phải không; tất cả bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều như huyễn hóa phải không; tất cả bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều như huyễn hóa phải không; tất cả pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều như huyễn hóa phải không; tất cả pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều như huyễn hóa phải không; tất cả chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều như huyễn hóa phải không; tất cả Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều như huyễn hóa phải không; tất cả tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ đều như huyễn hóa phải không; tất cả bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều như huyễn hóa phải không; tất cả bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều như huyễn hóa phải không; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều như huyễn hóa phải không; tất cả năm loại mắt, sáu phép thần thông đều như huyễn hóa phải không; tất cả mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều như huyễn hóa phải không; tất cả ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ đều như huyễn hóa phải không; tất cả pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều như huyễn hóa phải không; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều như huyễn hóa phải không; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật đều như huyễn hóa phải không; tất cả pháp thiện, pháp ác, hoặc pháp hữu ký, pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu, pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian, pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi, pháp vô vi đều như huyễn hóa phải không?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, các pháp như sắc... đều như huyễn hóa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp đều như huyễn hóa thì các pháp được biến hóa ra đều không thật; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không thật; hữu vi, vô vi do đó không tạp nhiễm, thanh tịnh, cũng không luân

chuyển các nẻo sinh tử, cũng không theo pháp ấy được nghĩa giải thoát thì làm sao các Đại Bồ-tát có chỗ hành dụng thù thắng đối với hữu tình.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Xưa kia các Đại Bồ-tát lúc hành Bồ-tát đạo có thấy hữu tình có thể giải thoát khỏi các nẻo địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, người, trời không?

Thiện Hiện đáp:

–Không thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Khi xưa lúc thực hành Bồ-tát đạo, các Đại Bồ-tát không thấy có hữu tình nào có thể thoát khỏi ba cõi. Vì sao vậy? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thấy biết thông suốt tất cả các pháp đều như huyễn hóa, đều chẳng thật có.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu các Đại Bồ-tát thấy biết thông suốt các pháp đều như huyễn hóa, hoàn toàn chẳng có thật thì vì việc gì các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa; vì việc gì mà tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; vì việc gì mà tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; vì việc gì mà tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; vì việc gì mà an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; vì việc gì mà an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; vì việc gì mà an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; vì việc gì mà tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; vì việc gì mà tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; vì việc gì mà tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; vì việc gì mà tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; vì việc gì mà tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; vì việc gì mà tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; vì việc gì mà tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; vì việc gì mà tu hành tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; vì việc gì mà tu hành quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; vì việc gì mà đem lại sự thành tựu cho hữu tình, vì việc gì mà làm nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, nếu các hữu tình tự thấu rõ tất cả pháp đều như huyễn hóa, hoàn toàn chẳng có thật thì các Đại Bồ-tát không cần phải trải qua ba vô số kiếp vì các hữu tình mà tu hành những hạnh khổ khó hành của

Bồ-tát. Nhưng vì các hữu tình không thể thông suốt tất cả pháp đều như huyễn hóa, hoàn toàn chẳng có thật cho đến Đại Bồ-tát phải trải qua ba vô số kiếp vì các chúng sinh mà tu hành những hạnh khổ khó hành của Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát không thể thông suốt tất cả pháp đều như huyễn hóa hoàn toàn chẳng có thật thì không cần phải trải qua ba vô số kiếp vì các hữu tình mà tu Bồ-tát hạnh, làm nghiêm tịnh cõi Phật, đem lại sự thành tựu cho hữu tình. Do Đại Bồ-tát thấu rõ như thật tất cả pháp đều như huyễn hóa hoàn toàn chẳng có thật nên vị ấy phải trải qua ba vô số kiếp vì các hữu tình tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, nói rộng cho đến đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật và chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp hư huyễn, như mộng, như tiếng vang, như bóng dáng, như ảnh, như quáng nắng, như thành Càn-thát-bà, như sự biến hóa thì hữu tình được biến hóa ra trụ ở chỗ nào mà các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa để cứu giúp họ ra khỏi?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, hữu tình được biến hóa ra trụ ở danh tướng phân biệt hư vọng, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cứu giúp họ ra khỏi danh tướng phân biệt hư vọng ấy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì là danh, những gì là tướng?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, danh chỉ là khách, chỉ là giả bày ra để hiển đạt cái nghĩa cụ thể, nghĩa là đây gọi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đây gọi là nhãn xứ cho đến ý xứ, đây gọi là sắc xứ cho đến pháp xứ, đây gọi là nhãn giới cho đến ý giới, đây gọi là sắc giới cho đến pháp giới, đây gọi là nhãn thức giới cho đến ý thức giới, đây gọi là nam, đây gọi là nữ, đây gọi là nhỏ, đây gọi là lớn, đây gọi là địa ngục, đây gọi là bàng sinh, đây gọi là quỷ giới, đây gọi là người, đây gọi là trời, đây gọi là pháp lành, đây gọi là pháp ác, đây gọi là pháp hữu ký, đây gọi là pháp vô ký, đây gọi là pháp hữu lậu, đây gọi là pháp vô lậu, đây gọi là pháp thế gian, đây gọi là pháp xuất thế gian, đây gọi là pháp hữu vi, đây gọi là pháp vô vi, đây gọi là quả Dự lưu, đây gọi là Nhất lai, đây gọi là quả Bất hoàn, đây gọi là quả A-la-hán, đây gọi là Độc giác Bồ-đề, đây gọi là tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát,

đây gọi là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, đây gọi là phàm phu, đây gọi là Thanh văn, đây gọi là Độc giác, đây gọi là Bồ-tát, đây gọi là Như Lai.

Thiện Hiện, tất cả tên gọi như thế là biểu hiện của các nghĩa, chỉ là giả lập nên tất cả danh đều chẳng thật có. Các pháp hữu vi cũng chỉ có danh, do đó vô vi cũng chẳng có thật. Phàm phu ngu si vọng chấp ở trong đó. Các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa với bi nguyện huân tập trong tâm, dùng phương tiện thiện xảo giáo hóa giúp xa lìa vọng chấp đó bằng cách dạy rằng: danh là do vọng tưởng phân biệt phát sinh, cũng là do các duyên hòa hợp giả lập ra, các ông không nên chấp trước ở trong đó. Danh không có thật sự, tự tánh đều rỗng không, ai là người có trí mà chấp trước pháp không.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa bằng phương tiện thiện xảo vì các hữu tình giảng dạy trừ bỏ danh pháp.

Thiện Hiện, đó là danh, còn tướng có hai loại. Phàm phu ngu si chấp trước ở trong đó. Những gì là hai? Đó là tướng của sắc và tướng của vô sắc. Thế nào là tướng của sắc? Nghĩa là tất cả hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc kém hoặc hơn, hoặc xa hoặc gần, tự tánh của tất cả pháp như vậy đều rỗng không. Phàm phu ngu si phân biệt chấp trước cho đó là sắc. Đó gọi là sắc tướng.

Tướng vô sắc là: Ở trong các pháp có sắc vô sắc phàm phu ngu si chấp trước phân biệt sinh các phiền não gọi là tướng vô sắc. Các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, bằng phương tiện thiện xảo dạy các hữu tình xa lìa hai tướng, lại dạy họ an trụ vào cảnh giới vô tướng. Tuy dạy họ trụ vào cảnh giới vô tướng nhưng không làm họ rơi vào kiến chấp hai bên cho rằng đây là tướng đây là vô tướng. Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, bằng phương tiện thiện xảo giúp các hữu tình xa lìa các tướng, thực hành cảnh giới vô tướng mà không chấp trước.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp chỉ là danh tướng, tất cả danh tướng đều là giả lập do sự phân biệt hư vọng phát sinh, ở trong đó hoàn toàn không có chút gì thật có để có thể nắm bắt thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vì sao đối với các thiện pháp, Đại Bồ-tát có thể tăng tiến cũng có thể giúp người khác tăng tiến thiện pháp. Do các thiện pháp tuần tự tăng tiến nên vị ấy có thể tuần tự làm viên mãn các địa, cũng có thể an

lập các loài hữu tình giúp họ trụ vào quả ba thừa tùy theo căn cơ của họ.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu trong các pháp có chút ít sự thật, chẳng phải chỉ giả lập ra có danh tướng thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát phải không tăng tiến đối với thiện pháp, cũng không giúp người khác tăng tiến thiện pháp. Do trong các pháp không có chút gì sự thật, chỉ có danh tướng giả lập, cho nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa Đại Bồ-tát có thể tăng tiến đối với thiện pháp, cũng cũng có thể giúp người khác tăng thêm thiện pháp, có thể dùng vô tướng để viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn trí Nhất thiết trí; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Thế nên Thiện Hiện, do tất cả pháp không có chút gì thật sự chỉ có các danh tướng giả lập nên các Đại Bồ-tát không phát sinh điên đảo, chấp trước trong đó, có thể dùng vô tướng làm phương tiện để tự làm tăng tiến các thiện pháp, cũng có thể giúp thiện pháp của người khác được tăng tiến.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu trong các pháp thật có pháp tướng bằng lượng đầu sợi lông thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại

Bồ-tát chẳng cần hiểu biết vô tướng, vô niệm, cũng không có tướng tác ý vô lậu và đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, an lập hữu tình vào pháp vô lậu, do các pháp vô lậu đều vô tướng, vô niệm, vô tác ý. Thế nên, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, bằng phương tiện thiện xảo an lập hữu tình vào pháp vô lậu mới được gọi là việc lợi ích cho người khác một cách chân thật.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp có tánh vô lậu chân thật, vô tướng, vô niệm, vô tác ý, thì vì sao ở trong các kinh, Thế Tôn đã nhiều lần nói rằng: Đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu, đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian, đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi, đây là pháp hữu tránh, đây là pháp vô tránh, đây là pháp lưu chuyển, đây là pháp hoàn diệt, đây là pháp Thanh văn, đây là pháp Độc giác, đây là pháp Bồ-đề, đây là pháp Phật vậy?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Tánh của pháp hữu lậu, cùng với tánh của các pháp vô lậu, vô tướng... có khác nhau không?

Thiện Hiện đáp:

–Không, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, tánh của các pháp hữu lậu há chẳng phải là tánh của pháp vô lậu, vô tướng, vô niệm sao...?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, tánh của các quả Dự lưu cho đến quả vị Giác ngộ cao tột há chẳng phải chính là tánh của pháp vô lậu, vô tướng, vô niệm sao?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, vì lý do này nên biết tất cả pháp đều là vô tướng... không hai, không khác.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát học tất cả pháp vô tướng, vô niệm, vô tác thì thường có thể tăng trưởng pháp lành đã được làm, nghĩa là Bố thí

ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Tất cả các Phật pháp này đều nhờ học vô tướng, vô niệm, vô tác ý mà được tăng trưởng. Vì sao vậy? Ngoài ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì các Đại Bồ-tát không cần phải học pháp nào nữa. Vì sao vậy? Thiện Hiện, vì ba pháp môn giải thoát bao gồm tất cả pháp lành vi diệu.

Vì sao vậy? Pháp môn giải thoát Không quán tự tướng tất cả pháp đều là không. Pháp môn giải thoát Vô tướng quán tất cả pháp xa lìa các tướng. Pháp môn giải thoát Vô nguyện quán tất cả pháp xa lìa các ước nguyện. Các Đại Bồ-tát dựa vào ba pháp môn này có thể tóm thu tất cả pháp lành thù thắng. Lìa ba pháp môn này thì các pháp lành thù thắng cần phải tu học không sinh trưởng được.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể học ba pháp môn giải thoát này thì có thể học sắc uẩn cho đến thức uẩn; cũng có thể học nhãn xứ cho đến ý xứ; cũng có thể học sắc xứ cho đến pháp xứ; cũng có thể học nhãn giới cho đến ý giới; cũng có thể học sắc giới cho đến pháp giới; cũng có thể học nhãn thức giới cho đến ý thức giới; cũng có thể học nhãn xúc cho đến ý xúc; cũng có thể học các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; cũng có thể học địa giới cho đến thức giới; cũng có thể học nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; cũng có thể học các pháp do duyên sinh ra; cũng có thể học vô minh cho đến lão tử; cũng có thể học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng có thể học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng có thể học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng có thể học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng có thể học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng có thể học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng có thể học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng có

thể học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng có thể học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể học năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có thể học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng có thể học việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, cũng có thể học vô lượng, vô biên các Phật pháp khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát nào có thể học ba pháp môn giải thoát này thì có thể học sắc uẩn cho đến thức uẩn?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào có thể biết như thật về tướng hoặc sinh hoặc diệt hoặc chân như của sắc cho đến thức thì gọi là có thể học sắc cho đến thức.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về tướng của sắc khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát biết như thật sắc hoàn toàn có lỗ hổng, hoàn toàn có khe hở, giống như đống bọt nước, tánh không bền chắc. Đó là Đại Bồ-tát biết như thật về tướng của sắc khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về sự sinh diệt của sắc khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát biết như thật lúc sắc sinh không từ đâu đến, lúc diệt thì không đi về đâu, tuy không đến không đi nhưng nó tương ưng với sinh diệt. Đó là Đại Bồ-tát biết như thật về sinh diệt của sắc khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ như thật chân như của sắc lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa biết rõ như thật chân như của sắc không sinh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, thường như tánh của nó, không hư vọng, không biến đổi cho nên gọi là chân như. Đó là Đại Bồ-tát biết rõ như thật về chân như của sắc khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ như thật về tướng của thọ khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Đó là, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát biết như thật thọ hoàn toàn như ung

nhọt, hoàn toàn như mũi tên, chóng sinh, chóng diệt, giống như bong bóng nước, hư dối không trụ do ba pháp hòa hợp sinh ra. Đó gọi là Đại Bồ-tát biết như thật tướng của thọ.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về sự sinh diệt của thọ khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát biết rõ như thật lúc thọ phát sinh không từ đâu đến, lúc diệt thì không đi về đâu, tuy không đến không đi nhưng tương ưng với sinh diệt. Đó là Đại Bồ-tát biết rõ như thật sự sinh diệt của thọ khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ chân như của thọ khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết như thật chân như của thọ không sinh, không diệt, không đến không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, thường như tánh của nó, không hư vọng, không biến đổi nên gọi là chân như. Đó là Đại Bồ-tát biết như thật về chân như của thọ khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về tướng của tưởng khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết như thật tưởng giống như sóng nắng, không thể nắm bắt do nhân duyên khát ái nên phát sinh tưởng này một cách hư vọng, rồi dựa vào đó phát ra lời nói. Đó là Đại Bồ-tát biết như thật về tướng của tưởng khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về sự sinh diệt của tưởng khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát biết như thật là lúc tưởng sinh không từ đâu đến, lúc diệt thì không đi về đâu, tuy không đến, không đi mà tương ưng với sinh diệt. Đó là Đại Bồ-tát biết như thật về sự sinh diệt của tưởng khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về chân như của tưởng khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết như thật chân như của tưởng không sinh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm không tịnh, không tăng, không giảm, thường như tánh của nó, không hư vọng, không biến đổi nên gọi là chân như. Đó gọi là Đại Bồ-tát biết như thật về chân như của tưởng khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 472

PHẨM 77: Thiện đạt (2)

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về tướng của hành khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết như thật là hành giống như cây chuối, lột bỏ từng bẹ ra thì không tìm được cái lõi. Đó là Đại Bồ-tát biết như thật về tướng của hành khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về sự sinh diệt của hành khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết như thật là lúc sinh, hành không từ đâu đến, khi diệt cũng không đi về đâu, tuy không đến không đi nhưng tương ưng với sinh diệt, đó gọi là Đại Bồ-tát biết như thật về sự sinh diệt của hành khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về chân như của hành khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết như thật chân như của hành không sinh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, thường như tánh của nó, không hư vọng, không biến đổi nên gọi là chân như. Đó gọi là Đại Bồ-tát biết như thật về chân như của hành khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về tướng của thức khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát biết rõ như thật thức như các việc ảo thuật, do các duyên hòa hợp giả tạo mà có thật chẳng thể nắm bắt. Giống như nhà ảo thuật cùng các học trò của ông ta hóa làm bốn loại quân ở ngã tư đường, đó là quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, hoặc lại làm tướng của các sắc loại khác tuy giống như có nhưng không có thật. Thức cũng như vậy thật sự chẳng thể nắm bắt được. Đó là Đại Bồ-tát biết như thật về tướng của thức khi thực

hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ như thật về sự sinh diệt của thức khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết như thật là lúc sinh, thức không từ đâu đến, khi diệt cũng không đi về đâu, tuy không đến không đi nhưng tương ưng với sinh diệt. Đó là Đại Bồ-tát biết như thật về sự sinh diệt của thức khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát biết như thật về chân như của thức khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát biết như thật chân như của thức không sinh, không diệt, không đến không đi, không nhiễm không tịnh, không tăng, không giảm, thường như tánh của nó, không hư vọng, không biến đổi nên gọi là chân như. Đó gọi là Đại Bồ-tát biết như thật về chân như của thức khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát như vậy thì có thể học sắc uẩn cho đến thức uẩn.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này thì cũng có thể học nhãn xứ cho đến ý xứ?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về nhãn xứ, tự tánh của nhãn xứ là không cho đến biết như thật về ý xứ, tự tánh ý xứ là không, vì tự tánh của nội xứ là chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát cũng có thể học nhãn xứ cho đến ý xứ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này thì cũng có thể học sắc xứ cho đến pháp xứ?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về sắc xứ và tự tánh không của sắc xứ cho đến pháp xứ và tự tánh không của pháp xứ là không, vì tự tánh của ngoại xứ là chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học sắc xứ cho đến pháp xứ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học nhãn giới cho đến ý giới?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về nhãn giới và tự tánh không của nhãn giới cho đến ý giới và tự tánh không của ý giới. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học nhãn giới cho đến ý giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học sắc giới cho đến pháp giới?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về sắc giới, tự tánh không của sắc giới cho đến pháp giới, tự tánh không của pháp giới. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học sắc giới cho đến pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học nhãn thức giới cho đến ý thức giới?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về nhãn thức giới và tự tánh không của nhãn thức giới cho đến ý thức giới và tự tánh không của ý thức giới, này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học nhãn thức giới cho đến ý thức giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học nhãn xúc cho đến ý xúc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về nhãn xúc, tự tánh không của nhãn xúc cho đến ý xúc và tự tánh không của ý xúc, này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học nhãn xúc cho đến ý xúc.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, tự tánh không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, tự tánh không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học địa giới cho đến thức giới?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về địa giới, tự tánh không của địa giới cho đến thức giới và tự tánh không của thức giới, này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học địa giới cho đến thức giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học nhân duyên cho đến tăng thượng duyên?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về nhân duyên là tướng hạt giống, đẳng vô gián duyên là tướng khai mở, sở duyên duyên là tướng nắm giữ, tăng thượng duyên là tướng không ngăn ngại, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp, này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học nhân duyên cho đến tăng thượng duyên.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học nhân duyên sinh ra?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật tất cả các pháp do nhân duyên sinh ra không sinh, không

diệt, không đoạn, không thường, không một, không khác, không đến, không đi, dứt các hý luận, bản tánh lặng lẽ, này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học các pháp theo duyên sinh ra.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học vô minh cho đến lão tử?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật vô minh cho đến lão tử không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp, này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học vô minh cho đến lão tử.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều không có tự tánh, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể an trụ, này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát học ba pháp môn giải thoát này cũng học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật về chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều không hý luận, hoàn toàn không phân biệt mà có thể an trụ, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật Khổ là tướng chèn ép, Tập là tướng sinh khởi, Diệt là tướng vắng lặng, Đạo là tướng xa lìa tự tánh là không, xa lìa hai pháp, là chân lý chắc thật của bậc Thánh. Khổ... tức là chân như, chân như tức là khổ... không hai, không khác, chỉ có bậc Thánh chân chánh mới có thể biết như thật, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát như vậy cũng có thể học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào biết như thật Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào biết như thật bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là

Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học năm loại mắt, sáu phép thần thông?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào biết như thật năm loại mắt, sáu phép thần thông không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không tự tánh chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học năm loại mắt, sáu phép thần thông.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải

thoát này, cũng có thể học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này cũng có thể học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật không tăng, không giảm, không nhiễm không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học vô lượng, vô biên Phật pháp khác?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào biết như thật vô lượng, vô biên Phật pháp khác không tăng, không giảm, không nhiễm không tịnh, không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được nhưng có thể tu tập, thì này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát có thể học ba pháp môn giải thoát này, cũng có thể học vô lượng, vô biên Phật pháp khác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu Đại Bồ-tát biết rõ như thật các pháp như sắc... đều sai khác nhưng không lẫn lộn nhau thì há chẳng phải là dùng sắc cho đến thức phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng nhãn xứ cho đến ý xứ phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng sắc xứ cho đến pháp xứ phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng nhãn giới cho đến ý giới phá hoại pháp giới sao? Há

chẳng phải dùng sắc giới cho đến pháp giới phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng nhãn thức giới cho đến ý thức giới phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng nhãn xúc cho đến ý xúc phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng địa giới cho đến thức giới phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng nhân duyên cho đến tăng thượng duyên phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng các pháp do duyên sinh ra để phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng vô minh cho đến lão tử phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng chân như cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn để phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo để phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa để phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải dùng bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng năm loại mắt, sáu phép thần thông phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật phá hoại pháp giới sao? Há chẳng phải là dùng trí Nhất thiết trí phá hoại pháp giới sao? Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn,

vì pháp không hai, không sai khác.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu lìa pháp giới mà có pháp khác có thể nắm bắt, có thể nói thì pháp ấy có thể phá hoại pháp giới, nhưng vì lìa pháp giới thì không có pháp nào có thể nắm bắt được nên không có pháp nào khác có thể phá hoại pháp giới. Vì sao vậy? Chư Phật, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn biết lìa pháp giới thì không có pháp nào có thể nắm bắt được. Đã biết không pháp nào có thể lìa pháp giới, thì cũng không có thể tạo dựng, giảng nói cho người khác, vì thế không ai có thể phá hoại pháp giới.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát phải học tướng không hai, không khác không có thể phá hoại của pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào muốn học pháp giới thì phải học gì?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn học pháp giới thì phải học tất cả pháp. Vì sao vậy? Thiện Hiện, vì tất cả pháp đều nhập vào pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao nói tất cả pháp đều nhập vào pháp giới?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, dù Phật xuất thế hay không xuất thế thì các pháp vốn là pháp như vậy đều nhập vào pháp giới, không có tướng sai khác, không phải do Phật nói. Vì sao vậy?

Thiện Hiện, hoặc pháp thiện, pháp ác, hoặc pháp hữu ký, pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu, pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian, pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi, pháp vô vi, tất cả các pháp như vậy đều nhập vào pháp giới vô tướng, vô vi, tánh không.

Vì thế, này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát muốn học pháp giới thì phải học tất cả các pháp, nếu học tất cả pháp là học pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều nhập vào pháp giới không hai, không khác thì các Đại Bồ-tát vì sao phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa; vì sao phải học Tĩnh lự đầu tiên cho đến Tĩnh lự

thứ tư; vì sao phải học Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng; vì sao phải học định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; vì sao phải học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; vì sao phải học ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; vì sao phải học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; vì sao phải học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; vì sao phải học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; vì sao phải học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; vì sao phải học chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; vì sao phải học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; vì sao phải học năm loại mắt, sáu phép thần thông; vì sao phải học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; vì sao phải học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; vì sao phải học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; vì sao phải học viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; vì sao phải học viên mãn các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ; vì sao phải học viên mãn các tầng trời Tứ đại Thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại; vì sao phải học viên mãn trời Phạm chúng cho đến trời Quảng quả; vì sao phải học viên mãn pháp trời Vô tưởng hữu tình nhưng không thích sinh cõi ấy; vì sao phải học viên mãn pháp trời Tịnh cư nhưng không thích sinh về cõi ấy; vì sao phải học pháp trời Không vô biên xứ cho đến pháp trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhưng không thích sinh về cõi ấy; vì sao phải học phát tâm Bồ-đề thứ nhất cho đến phát tâm Bồ-đề thứ mười; vì sao phải học chứng đắc Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát; vì sao phải học địa vị của tất cả Thanh văn, Độc giác mà không tác chứng; vì sao phải học đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; vì sao phải học các Đà-la-ni và biện tài vô ngại; vì sao phải học tất cả Đại Bồ-tát đạo và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật? Sau khi đã học như vậy, biết tất cả pháp, tất cả các loại tướng, vị ấy mới có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, chẳng phải trong pháp giới có các loại phân biệt như vậy, chắc là không có các Đại Bồ-tát do phân biệt này nên điên đảo phát sinh các hý luận ở nơi không hý luận. Vì sao vậy? Trong chân pháp giới hoàn toàn không có việc lý luận phân biệt.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp giới, pháp giới tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải nhãn xứ cho đến ý xứ, cũng chẳng lìa nhãn xứ cho đến ý xứ. Nhãn xứ cho đến ý xứ tức là pháp giới,

pháp giới tức là nhãn xứ cho đến ý xứ.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải sắc xứ cho đến pháp xứ, cũng chẳng lìa sắc xứ cho đến pháp xứ. Sắc xứ cho đến pháp xứ chính là pháp giới, pháp giới chính là sắc xứ cho đến pháp xứ.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là nhãn giới cho đến ý giới, cũng chẳng lìa nhãn giới cho đến ý giới. Nhãn giới cho đến ý giới tức là pháp giới, pháp giới chính là nhãn giới cho đến ý giới.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải sắc giới cho đến pháp giới, chẳng lìa sắc giới cho đến pháp giới; sắc giới cho đến pháp giới tức là pháp giới, pháp giới tức là sắc giới cho đến pháp giới.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là nhãn thức giới cho đến ý thức giới, cũng chẳng lìa nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới tức là pháp giới, pháp giới tức là nhãn thức giới cho đến ý thức giới.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải nhãn xúc cho đến ý xúc, cũng chẳng lìa nhãn xúc cho đến ý xúc. Nhãn xúc cho đến ý xúc tức là pháp giới, pháp giới tức là nhãn xúc cho đến ý xúc.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lìa các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tức là pháp giới, pháp giới tức là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là địa giới cho đến thức giới, cũng không lìa địa giới cho đến thức giới. Địa giới cho đến thức giới tức là pháp giới, pháp giới tức là địa giới cho đến thức giới.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, cũng chẳng lìa nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên tức là pháp giới, pháp giới tức là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là các pháp theo duyên sinh ra, chẳng lìa các pháp theo duyên sinh ra. Các pháp theo duyên sinh ra tức là pháp giới, pháp giới tức là các pháp theo duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải vô minh cho đến lão tử, cũng chẳng lìa vô minh cho đến lão tử. Vô minh cho đến lão tử tức là pháp giới,

pháp giới tức là vô minh cho đến lão tử.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng lìa Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là pháp giới, pháp giới tức là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng lìa bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tức là pháp giới, pháp giới tức là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng chẳng lìa bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo tức là pháp giới, pháp giới tức là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng lìa pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng chẳng lìa pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, cũng chẳng lìa Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo tức là pháp giới, pháp giới tức là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, cũng chẳng lìa tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ. Tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ tức là pháp giới, pháp giới tức là tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, cũng chẳng lìa bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai tức là pháp giới, pháp giới tức là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, cũng chẳng lìa bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Bậc Cực hỷ cho đến

bậc Pháp vân tức là pháp giới, pháp giới tức là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng chẳng lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa tức là pháp giới, pháp giới tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải năm loại mắt, sáu phép thần thông, cũng chẳng lìa năm loại mắt, sáu phép thần thông. Năm loại mắt, sáu phép thần thông tức là pháp giới, pháp giới tức là năm loại mắt, sáu phép thần thông.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng lìa mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tức là pháp giới, pháp giới tức là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, cũng chẳng lìa pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng lìa trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tức là pháp giới, pháp giới tức là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, cũng chẳng lìa ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ tức là pháp giới, pháp giới tức là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, cũng chẳng lìa quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề. Quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề tức là pháp giới, pháp giới tức là quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, cũng chẳng lìa tất cả các hạnh

của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tức là pháp giới, pháp giới tức là tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là pháp thiện, pháp ác, cũng chẳng lìa pháp thiện, pháp ác. Pháp thiện, pháp ác tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp thiện, pháp ác.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là pháp hữu ký pháp vô ký, cũng chẳng lìa pháp hữu ký, pháp vô ký. Pháp hữu ký, pháp vô ký tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp hữu ký, pháp vô ký.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là pháp hữu lậu, pháp vô lậu, cũng chẳng lìa pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp hữu lậu, pháp vô lậu.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là pháp thế gian và pháp xuất thế gian, cũng chẳng lìa pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Pháp thế gian và pháp xuất thế gian tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Bạch Thế Tôn, pháp giới chẳng phải là pháp hữu vi, vô vi, cũng chẳng lìa pháp hữu vi, vô vi. Pháp hữu vi, vô vi tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp hữu vi, vô vi.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Trong chân pháp giới không có tất cả các loại phân biệt, hý luận. Pháp giới chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Pháp giới tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp giới. Như vậy cho đến pháp giới chẳng phải là pháp hữu vi, vô vi, cũng chẳng lìa pháp hữu vi, vô vi. Pháp giới tức là pháp hữu vi, vô vi. Pháp hữu vi, vô vi tức là pháp giới.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu Đại Bồ-tát nào thấy có pháp lìa pháp giới thì chẳng phải là hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột mà mình mong cầu một cách đúng đắn. Vì thế, này Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát không thấy có pháp nào lìa chân pháp giới.

Thiện Hiện nên biết, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát biết tất cả pháp tức là chân pháp giới nhưng bằng phương

tiện thiện xảo đối với pháp không có danh tướng, vì các hữu tình, vị ấy mượn danh tướng nói rằng: Đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; đây là nhãn xứ cho đến ý xứ; đây là sắc xứ cho đến pháp xứ; đây là nhãn giới cho đến ý giới; đây là sắc giới cho đến pháp giới; đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới; đây là nhãn xúc cho đến ý xúc; đây là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; đây là địa giới cho đến thức giới; đây là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đây là các pháp theo duyên sinh ra; đây là vô minh cho đến lão tử; đây là pháp thiện, pháp ác; đây là pháp hữu ký, pháp vô ký; đây là pháp hữu lậu, pháp vô lậu; đây là pháp thế gian, pháp xuất thế gian; đây là pháp hữu vi, pháp vô vi; đây là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; đây là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đây là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đây là ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đây là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đây là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đây là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; đây là tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; đây là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; đây là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; đây là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đây là năm loại mắt, sáu phép thần thông; đây là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đây là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đây là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; đây là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; đây là quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; đây là tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; đây là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Giống như nhà ảo thuật giỏi hoặc các đệ tử của vị ấy, ở trước mọi người cầm một vật biến hóa làm các loài sắc tướng khác nhau đó là hoặc hóa làm nam nữ lớn nhỏ, hoặc hóa làm các loài cầm thú voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, lừa, gà... hoặc hóa làm thành ấp xóm làng, vườn cây, ao hồ trang nghiêm đủ cách rất là đáng ưa, hoặc hóa làm quần áo, đồ ăn thức uống, nhà cửa, ngọa cụ, hoa hương anh lạc, các loại trân bảo, của cải, lúa, kho tàng, hoặc hóa làm vô số các loại kỹ nhạc, kỹ nữ làm cho vô số người vui vẻ hưởng lạc; hoặc hóa làm các loại hình tướng làm cho họ thực hành bố thí, hoặc dạy họ trì giới, hoặc dạy họ an nhẫn, hoặc dạy họ

tinh tấn, hoặc dạy họ tập định, hoặc dạy họ tu tuệ; hoặc lại thị hiện sinh các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi cho đến Cư sĩ; hoặc hóa làm các núi, biển cả, núi Diệu cao, núi Luân vi; hoặc lại thị hiện sinh ra trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại; hoặc hiện sinh trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh; hoặc hiện sinh trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; hoặc hiện làm Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác; hoặc lại hiện làm Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, học trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, học trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, phát sinh các loại thần thông thù thắng, phóng đại quang minh chiếu các thế giới, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, dạo qua tất cả tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng trí, các Đà-la-ni, Tam-ma-địa, tu hành các loại công đức của Phật; hoặc lại hóa ra hình tượng của Như Lai, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp viên mãn trang nghiêm, thành tựu mười lực, bốn điều không sợ, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng... và vô lượng, vô biên công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Hiện, để mê hoặc người khác nên ở trước mặt mọi người, nhà huyễn thuật và các đệ tử của ông ấy hóa làm các việc huyễn hóa như vậy.

Sau khi thấy việc này những nam nữ lớn nhỏ thiếu hiểu biết trong số ấy đều kinh ngạc khen rằng: "Kỳ lạ thay, người này thật tài giỏi, có thể làm các việc hy hữu cho đến có thể tạo ra thân Như Lai, tướng tốt trang nghiêm đầy đủ công đức, làm cho mọi người tự biểu lộ sự thích thú tài năng ấy." Sau khi thấy việc, những người có trí trong số ấy nghĩ rằng: "Thật là thần dị người này làm sao có thể hiển bày việc này. Tuy trong ấy không có thật, có thể nắm bắt được, mà nó lại làm cho người ngu mê lầm, thích thú, tưởng có vật thật đối với vật không thật này." Chỉ có người trí

mới thấu rõ các việc ấy đều là không, nên tuy có thấy, nghe nhưng không chấp trước.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 473

Phẩm 77: Thiện đạt (3)

Đúng như vậy, này Thiện Hiện, khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy các Đại Bồ-tát không thấy pháp giới lìa các pháp mà có, cũng chẳng thấy các pháp lìa pháp giới mà có, chẳng thấy hữu tình và sự thi thiết kia thật sự có thể nắm bắt, nên có thể phát sinh phương tiện thiện xảo.

Tự mình tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, cũng khuyên người tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, không chống đối mà còn khen ngợi người tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa. Tự mình thọ trì mười thiện nghiệp, cũng khuyên thọ trì mười thiện nghiệp, không chống đối mà còn khen ngợi việc thọ mười thiện nghiệp, vui mừng ngợi khen người thọ trì mười thiện nghiệp.

Tự mình thọ trì năm giới cũng khuyên người thọ trì năm giới, không chống đối mà còn khen ngợi sự thọ trì năm giới, vui mừng khen ngợi người thọ trì năm giới. Tự mình thọ trì tám giới, cũng khuyên người thọ trì tám giới, không chống đối mà còn khen ngợi sự thọ trì tám giới, vui mừng khen ngợi người thọ trì tám giới.

Tự mình thọ trì xuất gia, cũng khuyên người thọ trì giới xuất gia, không chống trái mà còn khen ngợi sự thọ trì giới xuất gia, vui mừng khen ngợi người thọ trì giới xuất gia.

Tự mình tu hành bốn Tĩnh lự cũng khuyên người tu hành bốn Tĩnh lự, không chống đối mà còn khen ngợi sự tu hành bốn Tĩnh lự, vui mừng, ca ngợi người tu hành bốn Tĩnh lự. Tự mình tu hành bốn Vô lượng cũng khuyên người tu hành bốn Vô lượng, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu hành bốn Vô lượng, vui mừng, ca ngợi người tu hành bốn Vô lượng. Tự mình tu hành bốn Định vô sắc, cũng khuyên người tu hành bốn Định vô sắc, không chống đối mà còn khen ngợi sự tu hành bốn Định vô sắc, vui mừng, ca ngợi người tu hành bốn Định vô sắc.

Tự mình tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng

khuyên người tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, vui mừng, ca ngợi người tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo.

Tự mình tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng khuyên người tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, không chống đối mà còn khen ngợi pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, vui mừng, ca ngợi người tu hành pháp môn giải thoát Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Tự mình an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng khuyên người an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, không chống đối mà còn khen ngợi pháp an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, vui mừng khen ngợi người an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Tự mình an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng khuyên người an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, không chống đối mà còn khen ngợi chân như đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, vui mừng, ca ngợi người an trụ chân như đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Tự mình an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, cũng khuyên người an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, không chống đối mà còn khen ngợi pháp an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, vui mừng, ca ngợi kẻ an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo.

Tự mình tu hành tám Giải thoát, cũng khuyên người tu hành tám Giải thoát, không chống đối mà còn khen ngợi pháp an trụ tám Giải thoát, vui mừng, ca ngợi người tu hành tám Giải thoát. Tự mình tu hành tám Thắng xứ, cũng khuyên người tu hành tám Thắng xứ, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu hành tám Thắng xứ, vui mừng khen ngợi người tu hành tám Thắng xứ. Tự mình tu hành chín Định thứ đệ, cũng khuyên người tu hành chín Định thứ đệ, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu hành chín Định thứ đệ, vui mừng khen ngợi người tu hành chín Định thứ đệ. Tự mình tu hành mười Biến xứ, cũng khuyên người tu hành mười Biến xứ, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu hành mười Biến xứ, vui mừng khen ngợi người tu hành mười Biến xứ.

Tự mình tu hành mười bậc Bồ-tát, cũng khuyên người tu hành mười

bậc Bồ-tát, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu hành mười bậc Bồ-tát, vui mừng khen ngợi người tu hành mười bậc Bồ-tát.

Tự mình tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng khuyên người tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, vui mừng khen ngợi người tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni. Tự mình tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng khuyên người tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa, không chống đối mà còn khen ngợi tất cả pháp môn Tam-ma-địa, vui mừng khen ngợi người tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Tự viên mãn năm loại mắt, cũng khuyên người viên mãn năm loại mắt, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu hành viên mãn năm loại mắt, vui mừng khen ngợi người tu hành viên mãn năm loại mắt. Tự mình viên mãn sáu phép thần thông, cũng khuyên người viên mãn sáu phép thần thông, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn sáu phép thần thông, vui mừng khen ngợi người tu hành viên mãn sáu phép thần thông.

Tự mình viên mãn mười lực của Như Lai, cũng khuyên người viên mãn mười lực của Như Lai, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn mười lực của Như Lai, vui mừng khen ngợi người tu hành viên mãn mười lực của Như Lai. Tự mình viên mãn bốn điều không sợ, cũng khuyên người viên mãn bốn điều không sợ, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn bốn điều không sợ, vui mừng khen ngợi người tu hành viên mãn bốn điều không sợ. Tự mình viên mãn bốn sự hiểu biết thông suốt, cũng khuyên người viên mãn bốn sự hiểu biết thông suốt, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn bốn sự hiểu biết thông suốt, vui mừng khen ngợi người viên mãn bốn sự hiểu biết thông suốt.

Tự mình viên mãn đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, cũng khuyên người viên mãn đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, không chống đối mà còn khen ngợi pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, vui mừng khen ngợi người viên mãn đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả. Tự mình viên mãn mười tám pháp Phật bất cộng, cũng khuyên người viên mãn mười tám pháp Phật bất cộng, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn mười tám pháp Phật bất cộng, vui mừng khen ngợi người viên mãn mười tám pháp Phật bất cộng.

Tự mình viên mãn pháp không quên mất, cũng khuyên người viên mãn pháp không quên mất, không chống đối mà còn khen ngợi pháp không quên mất, vui mừng khen ngợi người viên mãn pháp không quên mất. Tự mình viên mãn tánh luôn luôn xả, cũng khuyên người viên mãn

tánh luôn luôn xả, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tánh luôn luôn xả, vui mừng khen ngợi người viên mãn tánh luôn luôn xả.

Tự mình viên mãn trí Nhất thiết, cũng khuyên người viên mãn trí Nhất thiết, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn trí Nhất thiết, vui mừng khen ngợi người viên mãn trí Nhất thiết.

Tự mình viên mãn trí Đạo tướng, cũng khuyên người viên mãn trí Đạo tướng, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn trí Đạo tướng, vui mừng khen ngợi người viên mãn trí Đạo tướng.

Tự mình viên mãn trí Nhất thiết tướng, cũng khuyên người viên mãn trí Nhất thiết tướng, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn trí Nhất thiết tướng, vui mừng khen ngợi người viên mãn trí Nhất thiết tướng.

Tự mình viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, cũng khuyên người viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, không chống đối mà còn khen ngợi pháp viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, vui mừng khen ngợi người viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.

Thiện Hiện, nếu giai đoạn trước, giữa, sau của chân pháp giới có sai khác thì các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chẳng có thể tạo được phương tiện thiện xảo, nói chân pháp giới cho các hữu tình làm trang nghiêm cõi Phật, giáo hóa các hữu tình tu các hạnh Đại Bồ-tát, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, làm lợi cho tất cả hữu tình.

Do thời gian trước, giữa, sau không sai khác, cho nên Đại Bồ-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa khéo léo tạo phương tiện thiện xảo nói chân pháp giới cho các hữu tình, tu hạnh các Đại Bồ-tát chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, cũng làm cho tất cả hữu tình an vui đến tận đời vị lai.

-oOo-

Phẩm 78: Thật tế (1)

Lúc bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Đức Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu các hữu tình và làm việc của hữu tình đều hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được thì các Đại Bồ-tát vì ai thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát chỉ lấy thật tế làm lượng, nên thực hành

Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, nếu có hữu tình tế khác với thật tế này, thì các Đại Bồ-tát không nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì hữu tình tế không khác thật tế, cho nên các Đại Bồ-tát vì các hữu tình thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì các Đại Bồ-tát dùng pháp thật tế không hoại, để an lập hữu tình, giúp họ trụ trong thật tế.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu hữu tình tế tức là thật tế, vì sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì Đại Bồ-tát dùng pháp thật tế không hoại, làm an lập hữu tình, giúp họ trụ trong thật tế?

Bạch Thế Tôn, cho hữu tình an lập hữu tình, giúp trụ trong thật tế tức là an lập thật tế, làm cho trụ trong thật tế.

Bạch Thế Tôn, khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì Đại Bồ-tát nào làm an lập thật tế giúp trụ trong thật tế, an lập tự tánh, giúp trụ trong tự tánh. Nhưng đúng ra không nên an lập tự tánh, trụ trong tự tánh. Vì sao nói như vậy? Vì khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì Đại Bồ-tát dùng pháp thật tế không hoại để an lập hữu tình, giúp trụ trong thật tế.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, không thể an lập thật tế, giúp trụ trong thật tế, cũng không thể an lập tự tánh, khiến trụ trong tự tánh. Các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nhờ phương tiện thiện xảo nên có thể an lập hữu tình trụ trong thật tế. Nhưng hữu tình tế không khác thật tế, hữu tình tế với thật tế không hai, không khác biệt.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát? Vì khi các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ sức phương tiện thiện xảo này nên các Đại Bồ-tát an lập hữu tình, trụ trong thật tế mà tướng thật tế không thể hoại.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, nhờ sức phương tiện thiện xảo này, nên an lập hữu tình trụ trong pháp bố thí, sau khi an lập

rồi, thuyết pháp bố thí cho họ nghe không có tướng sai khác ở chặn trước, giữa, sau. Bố thí như vậy nghĩa là: ở chặn đầu, giữa, sau đều là không, người bố thí, kẻ nhận thí, quả báo bố thí, cũng đều là không, ở trong thật tế tất cả mọi thứ không sở hữu cũng chẳng thể nắm bắt được. Các ông đừng chấp bố thí, người thí, kẻ nhận thí, quả bố thí, tất cả đều sai khác. Nếu các ông có thể không chấp bố thí, người thí, kẻ nhận thí, quả bố thí mỗi mỗi đều sai khác, thì việc tu phước bố thí sẽ tới cam lồ, được quả cam lồ và quyết định lấy quả cam lồ làm hậu biên.

Lại nói thế này, các ông giữ việc tu bố thí này, đừng chấp giữ sắc cho đến thức; đừng chấp giữ nhãn xứ cho đến ý xứ; đừng chấp giữ sắc xứ cho đến pháp xứ; đừng chấp giữ nhãn giới cho đến ý giới; đừng chấp giữ sắc giới cho đến pháp giới; đừng chấp giữ nhãn thức giới cho đến ý thức giới; đừng chấp giữ nhãn xúc cho đến ý xúc; đừng chấp giữ các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; đừng chấp giữ địa giới cho đến thức giới; đừng chấp giữ nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đừng chấp giữ các pháp do duyên sinh ra; đừng chấp giữ vô minh cho đến lão tử; đừng chấp giữ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; đừng chấp giữ bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng tâm, bốn Định vô sắc; đừng chấp giữ bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đừng chấp giữ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đừng chấp giữ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đừng chấp giữ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đừng chấp giữ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; đừng chấp giữ tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; đừng chấp giữ bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; đừng chấp giữ bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; đừng chấp giữ tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đừng chấp giữ năm loại mắt, sáu phép thần thông; đừng chấp giữ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đừng chấp giữ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; đừng chấp giữ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đừng chấp giữ tướng trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; đừng chấp giữ tất cả hạnh Bồ-tát; đừng chấp giữ quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; đừng chấp giữ pháp thiện, pháp không thiện; đừng chấp giữ pháp hữu ký, pháp vô ký; đừng chấp giữ pháp hữu lậu, pháp vô lậu; đừng chấp giữ pháp thế gian, pháp xuất thế gian; đừng chấp

giữ pháp hữu vi, pháp vô vi. Vì sao như vậy? Vì tất cả sự bố thí đều là không; tất cả kẻ thí, tánh kẻ thí đều là không; tất cả người nhận thí, tánh người nhận thí đều là không; tất cả quả thí, tánh quả thí đều là không. Ở trong pháp không thì việc bố thí, người thí, kẻ nhận thí và quả báo của bố thí đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh sai biệt của các pháp này hoàn toàn đều là không, vì trong sự không rốt ráo các pháp như thế đều chẳng thể nắm bắt được. Do các pháp này chẳng thể nắm bắt được, nên các pháp bị nắm giữ kia cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, do sức phương tiện thiện xảo, nên họ an lập hữu tình, giúp trụ vào tịnh giới. Sau khi đã an lập rồi lại nói thế này: "Ngày nay, các ông nên rất thương xót tất cả chúng sinh, tất cả hữu tình xa lìa sự giết hại sinh mạng, nói rộng ra là nên từ bỏ tà kiến, tu hành chánh kiến."

Vì sao vậy? Vì các pháp như thế đều không tự tánh. Các ông không nên phân biệt chấp trước, các ông lại nên quán sát như thật. Pháp nào gọi là pháp sinh ra ý muốn đoạn mạng sống ấy, do nhân duyên nào muốn đoạn mạng sống kia? Nói rộng ra cho đến pháp nào gọi là tà kiến, muốn phát sinh tà kiến, lại nữa do nhân duyên gì lại phát sinh tà kiến?

Như vậy, tự tánh của tất cả đều là không. Này Thiện Hiện, khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, có khả năng khéo léo thành thục các loại chúng sinh, đem vô lượng pháp môn nói quả bố thí và tịnh giới đều không chỗ đắc cho chúng sinh nghe, khiến cho họ biết quả bố thí và tịnh giới đều có tự tánh là không, đã biết rõ quả tu bố thí và tịnh giới đều có tự tánh là không, nên họ có thể không chấp trước đối với quả tu bố thí cùng tịnh giới. Do không chấp trước nên tâm không bị tán loạn, vì tâm không tán loạn nên phát sinh trí tuệ vi diệu. Do trí tuệ vi diệu, nên vĩnh viễn đoạn trừ thùy miên và các triền phược sau đó nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn.

Như vậy, này Thiện Hiện, y theo thế tục mà nói, chẳng y theo thắng nghĩa. Vì sao vậy? Vì trong pháp không, không có chút pháp nhỏ nào có thể đắc; hoặc đã được Niết-bàn, hoặc đang được Niết-bàn, hoặc sẽ được Niết-bàn, hoặc người được Niết-bàn, hoặc lý do được Niết-bàn, như vậy tất cả đều không chỗ có, hoàn toàn đều không. Tánh rốt ráo không tức là Niết-bàn. Lìa Niết-bàn này không có pháp sai khác.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, nhờ sức phương tiện thiện xảo nên thấy các hữu tình có nhiều giận dữ, đem lòng thương xót, dùng phương tiện nói lời dạy bảo sau: "Ngày nay, các ông nên tu pháp nhẫn, vui pháp nhẫn, điều phục tâm giận dữ, thường hành pháp nhẫn. Pháp làm ông giận đều có tự tánh là không, vì sao trong đó lại sinh giận dữ? Các ông nên quán sát như thật, do pháp nào ta sinh giận dữ? Ai sinh giận dữ? Và giận dữ với ai? Các pháp như thế đều có bản tánh là không. Pháp có bản tánh là không thì chưa từng chẳng không. Tánh không như thế chẳng phải việc Phật làm, chẳng phải việc Độc giác làm, chẳng phải việc Thanh văn làm, chẳng phải việc Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân làm, cũng chẳng phải việc Tứ đại Thiên vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại làm, cũng chẳng phải trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh làm ra, cũng chẳng phải trời Vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm ra. Các ông nên như thật quán xét, do đâu mà sinh giận giữ như thế, do người nào, khởi lên với ai, sẽ chịu quả báo gì, hiện tại được lợi ích gì? Tất cả pháp đều có bản tánh là không, trong tánh không chẳng có chỗ giận dữ, nên nhẫn nhục để được lợi ích."

Như vậy, Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo, thành thục, an lập hữu tình vào chân lý tánh không, vào nhân quả tánh không, lần lần đem đạo quả Vô thượng Bồ-đề, thị hiện khuyến khích, dạy bảo, khen ngợi, chúc mừng, giúp khéo an trụ và mong chóng chứng được. Như vậy, Thiện Hiện, y vào thế tục mà nói, chẳng y vào thắng nghĩa. Vì sao vậy? Vì trong bản tánh không năng đắc, sở đắc, nơi đắc, lúc đắc tất cả đều chẳng có.

Thiện Hiện nên biết, đó gọi là lý không của bản tánh thật tế. Vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình nên các Đại Bồ-tát dựa vào lý không bản tánh thật tế này, để thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì chẳng nắm bắt hữu tình và các việc làm của họ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tất cả pháp đều lìa hữu tình, do hữu tình nên pháp không thể đắc, pháp và hữu tình đối đãi nhau mà hiện hữu vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thành tựu được phương tiện thiện xảo như thế, nhờ sức phương tiện thiện xảo này, nên thấy các hữu tình thâm tâm luôn biếng nhác, xa lìa tinh tấn, vì thế các Đại Bồ-tát dùng phương tiện khuyến khích, dạy bảo làm các

hữu tình tinh tấn phát tâm tu các pháp lành, nên nói lời như vậy: "Các thiện nam nên có niềm tin sâu sắc và thọ trì pháp không biếng nhác ở trong bản tánh không không, người biếng nhác không, nơi biếng nhác không, lúc biếng nhác không, không có pháp phát sinh biếng nhác. Tất cả đều có bản tánh là không và chẳng vượt lý không, các ông nên phát tâm tinh tấn, từ bỏ biếng nhác, siêng năng tu các pháp lành. Đó là tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu bốn Tĩnh lự, tu bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc tu chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc tu bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc tu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; hoặc tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc tu quả Dự lưu cho đến quả Độc giác Bồ-đề; hoặc tu tất cả hạnh Đại Bồ-tát; hoặc tu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; hoặc tu tất cả vô lượng Phật pháp khác, nên siêng năng tinh tấn, chớ sinh lười nhác, nếu sinh lười nhác thì chịu khổ vô cùng.

Các thiện nam, tất cả pháp này bản tánh đều là không, không có chướng ngại. Các ông nên quán chân lý bản tánh không, bên trong pháp không có chướng ngại, không có kẻ lười nhác, không có pháp lười nhác, nơi chốn, thời gian và lý do lười nhác ở đây cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thành tựu được phương tiện thiện xảo thù thắng, an lập tất cả hữu tình, giúp họ trụ vào nơi chân lý bản tánh không của các pháp, tuy giúp họ an trụ mà không sinh tưởng phân biệt. Vì sao? Vì chân lý tánh không là không hai, không phân biệt, chẳng phải pháp không hai nào mà ở trong đó có thể sinh tưởng phân biệt.

Lại nữa này Thiện Hiện, khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nương vào bản tánh không, dạy bảo, khuyến khích các hữu tình siêng năng tu học nên nói thế này: "Này các thiện nam, các người nên siêng năng tinh tấn đối với pháp lành, lúc tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với

các pháp, khi tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu như trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, này chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng nên suy nghĩ tướng hai cùng chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu năm loại mắt, sáu phép thần thông, chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu tất cả các hạnh Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với các pháp này. Nếu khi tu vô lượng Phật pháp khác, chẳng nên suy nghĩ tướng hai hoặc chẳng hai đối với các pháp này. Vì sao? Này thiện nam tử, các pháp như thế đều có bản tánh không, do chân lý là không, nên chẳng suy nghĩ là hai hoặc chẳng hai.

Như vậy này Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng thực hành hạnh Bồ-tát giáo hóa các hữu tình, sau khi đã giáo hóa các loài hữu tình rồi, vị ấy an

lập hữu tình tương ưng với người ấy. Giúp họ trụ vào quả Dự lưu, hoặc giúp trụ quả Nhất lai, hoặc giúp trụ vào quả Bất hoàn, hoặc giúp trụ quả A-la-hán, hoặc giúp trụ quả Độc giác Bồ-đề, hoặc giúp trụ quả vị thù thắng của Bồ-tát, hoặc giúp trụ vào quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thành tựu được phương tiện thiện xảo như thế. Nhờ sức phương tiện thiện xảo như vậy, nên thấy các hữu tình tâm có nhiều tán loạn, không nhiếp các căn nên phát sinh các nghiệp không vắng lặng đối với các cảnh dục, thấy như vậy rồi dùng phương tiện thiện xảo giúp nhập thắng định, nói lên lời này: "Hãy đến đây, các thiện nam, các ông nên tu tập pháp Tam-ma-địa chớ khởi tâm tán loạn và tưởng thắng định. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp có bản tánh là không. Trong bản tánh không, không có pháp có thể đắc, không thể gọi tán loạn, hoặc gọi là nhất tâm. Nếu các người thường an trụ vào thắng định này thì các việc lành sẽ mau thành tựu, tùy vào chỗ ưa thích mà trụ vào bản tánh không."

Những gì là các việc lành đã làm: Nghĩa là phát sinh nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh thù thắng. Hoặc Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc tu pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc tu bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc tu tới Bồ-tát Chánh tánh ly sinh; hoặc tu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; hoặc tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc tu đạo Thanh văn, đạo Độc giác, đạo Bồ-tát, đạo Như Lai; hoặc tu quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; hoặc tu hạnh Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; hoặc đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Nhờ sức thắng định tất cả các pháp lành thù thắng, thanh tịnh của định như thế đều mau thành tựu, an trụ bản tánh không theo sự ước nguyện. Như vậy Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các

Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo nên từ lúc mới phát tâm cho đến khi đạt cứu cánh thường không ngừng nghĩ làm việc lành. Vì muốn làm cho các loài hữu tình được an lạc nên hàng Bồ-tát từ cõi Phật này đến cõi Phật kia luôn gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn. Ở chỗ các Đức Phật, các Bồ-tát luôn lắng nghe thọ trì chánh pháp dù xả thân rồi lại thọ thân trải qua vô lượng kiếp mà ở giữa đường chẳng hề quên mất cho đến lúc đạt quả vị Giác ngộ cao tột. Đại Bồ-tát này được các căn Đà-la-ni không giảm. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này khéo tu đầy đủ trí Nhất thiết trí, làm việc các cõi thường khéo tư duy. Do khéo tu đầy đủ trí Nhất thiết, nên Bồ-tát có khả năng tu tập các đạo lộ Thanh văn, hoặc Độc giác, hoặc Bồ-tát, hoặc chư Phật, hoặc Thắng thiên, hoặc Thắng nhân, hoặc Thắng thần thông của Bồ-tát. Do an trụ vào đạo thần thông nên Đại Bồ-tát thường làm cho các hữu tình được an vui, dù phải trải qua sinh tử luân hồi mà thần thông thù thắng của Bồ-tát cũng không giảm sút. Do thần thông không giảm sút nên các Bồ-tát thường làm việc lợi ích cho mình cho người bằng các thần thông khác nhau.

Như vậy, Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trụ vào phương tiện thiện xảo có bản tánh không làm lợi ích các loài hữu tình, làm cho mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, do sức phương tiện thiện xảo này nên trụ vào bản tánh không, thấy các hữu tình trí tuệ cạn cợt, ngu si, điên đảo gây các ác nghiệp, nên các Đại Bồ-tát dùng phương tiện dẫn dắt vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói lời như vầy: "Hãy đến đây, các thiện nam, các ông nên tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán bản tánh không, vắng lặng của tất cả các pháp. Nếu các ông siêng năng tu tập pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa này, quán bản tánh không, đều được quả của tất cả cam lồ, lấy định cam lồ làm hậu biên."

Này các thiện nam, tất cả pháp này đều có bản tánh là không. Tuy hữu tình và các pháp trong bản tánh không đều chẳng thể nắm bắt được nhưng chỗ tu hành cũng không thoái lui. Tại vì sao? Này thiện nam tử, lý bản tánh không thì không tăng, không giảm, trong bản tánh không, không có pháp tăng giảm. Vì sao? Vì lý bản tánh không dùng không tánh làm tánh, lìa các phân biệt, đoạn trừ các hý luận, ở trong đây không có pháp tăng giảm, do đây nên việc làm không thoái lui. Vậy các người nên tu Bát-nhã

ba-la-mật-đa quán bản tánh không, làm việc đáng làm.

Như vậy này Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng phương tiện dạy bảo các loài hữu tình giúp vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, trụ bản tánh không, siêng tu các việc lành.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát thường siêng năng không bỏ việc dạy bảo hữu tình như thế, nghĩa là tự mình siêng năng hành mười nghiệp lành, cũng khuyên người thường hành mười việc lành, tự mình thường thọ trì năm giới của Phật tử tại gia, cũng khuyên người thường thọ trì năm giới của Phật tử tại gia. Tự mình thường thọ trì tám giới của Phật tử tại gia, cũng khuyên người thường thọ trì tám giới của Phật tử tại gia. Tự mình thường thọ trì giới xuất gia, cũng khuyên người thường thọ trì giới xuất gia. Tự mình thường tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng khuyên người thường tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Tự mình thường tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng khuyên người thường tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tự mình thường tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng khuyên người thường tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tự mình thường tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng khuyên người thường tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tự mình thường an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng khuyên người thường an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Tự mình an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng khuyên người an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Tự mình tu tập Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, cũng khuyên người tu tập Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Tự mình thường tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, cũng khuyên người thường tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ. Tự mình thường tu hành các bậc Bồ-tát, cũng khuyên người thường tu hành các bậc Bồ-tát. Tự mình thường tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng khuyên người thường tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Tự mình thường tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông, cũng khuyên người thường tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông. Tự mình thường tu học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng

khuyên người thường tu học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tự mình thường tu học ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, cũng khuyên người thường tu học ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ. Tự mình thường tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, cũng khuyên người thường tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Tự mình thường tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng khuyên người thường tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Tự mình thường phát sinh quả Dự lưu cho đến trí Độc giác Bồ-đề mà chẳng trụ quả Dự lưu cho đến trí Độc giác Bồ-đề, cũng khuyên người phát sinh quả Dự lưu cho đến trí Độc giác Bồ-đề, làm cho trụ ở quả Dự lưu cho đến trí Độc giác Bồ-đề. Tự mình thường phát khởi các hạnh Đại Bồ-tát, cũng khuyên người thường phát khởi các hạnh Đại Bồ-tát. Tự mình thường phát khởi quả vị Giác ngộ cao tột, cũng khuyên người thường phát khởi quả vị Giác ngộ cao tột.

Như vậy này Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo tự mình siêng tu mười nghiệp lành, không lười bỏ khuyên dạy các loài hữu tình siêng năng tu mười nghiệp lành.

Này Thiện Hiện, đây gọi là các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng phương tiện thiện xảo, do sức phương tiện thiện xảo này nên giúp các hữu tình an trụ trong thật tế mà không hoại tướng thật tế.

Bây giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều có bản tánh không, hữu tình và các pháp trong bản tánh không đều chẳng thể nắm bắt được, vì vậy ở trong đó không có gì mà không phải là pháp. Đại Bồ-tát bằng cách nào vì hữu tình mà cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, muốn thường làm lợi ích cho hữu tình đến tận đời vị lai?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như ông lời đã nói! Sở hữu của các pháp bản tánh đều là không, hữu tình và pháp trong bản tánh không đều chẳng thể nắm bắt được, do đây, ở trong ấy cũng không có gì không phải là pháp. Thiện Hiện nên biết, nếu tất cả pháp chẳng có bản tánh là không thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát không nên an trú nơi chân lý bản tánh không để cầu chứng quả vị Giác

ngộ cao tột, các Đại Bồ-tát nói pháp bản tánh không vì lợi ích hữu tình. Vì tất cả các pháp bản tánh không cho nên Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mới trụ chân lý bản tánh không của tất cả pháp mà không cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên các Đại Bồ-tát nói pháp bản tánh không làm lợi ích các hữu tình.

Thiện Hiện, bản tánh của những pháp gì đều là pháp mà lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát đã biết rõ như thật là bản tánh không và an trú vào bản tánh không mà vì người nói pháp.

Thiện Hiện, sắc cho đến thức đều có bản tánh không; nhãn xứ cho đến ý xứ đều có bản tánh không; sắc xứ cho đến pháp xứ đều có bản tánh không; nhãn giới cho đến ý giới đều có bản tánh không; sắc giới cho đến pháp giới đều có bản tánh không; nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều có bản tánh không; nhãn xúc cho đến ý xúc đều có bản tánh không; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều có bản tánh không; địa giới cho đến thức giới đều có bản tánh không; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều có bản tánh không; các pháp do nhân duyên sinh ra đều có bản tánh không; vô minh cho đến lão tử đều có bản tánh không; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều có bản tánh không; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều có bản tánh không; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều có bản tánh không; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều có bản tánh không; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều có bản tánh không; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều có bản tánh không; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều có bản tánh không; tám Giải thoát cho đến bậc Như Lai đều có bản tánh không; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều có bản tánh không; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều có bản tánh không; năm loại mắt, sáu phép thần thông đều có bản tánh không; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều có bản tánh không; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ đều có bản tánh không; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều có bản tánh không; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều có bản tánh không; quả Dự lưu cho đến quả Độc giác Bồ-đề đều có bản tánh không; tất cả các hạnh Đại Bồ-tát đều có bản tánh không; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật

đều có bản tánh không; việc đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của các tập khí phiền não nối nhau đều có bản tánh không.

Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát đều biết như thật về các uẩn như sắc cho đến sự đoạn trừ vĩnh viễn tập khí phiền não tương tục đều có bản tánh không. Sau khi trụ bản tánh không, họ vì các hữu tình tuyên nói pháp bản tánh không như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tánh pháp không bên trong bản tánh chẳng không; nếu tánh pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn chẳng đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng có bản tánh chẳng không thì với bản tánh chẳng không ấy, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát, chẳng nên vì các hữu tình thuyết tất cả pháp bản tánh đều là không. Nếu nói ra lời này để hoại bản tánh không nhưng lý bản tánh không cũng chẳng có hoại, chẳng thường cũng chẳng đoạn. Vì sao vậy? Vì chân lý bản tánh không vốn không có phương, không có chỗ trụ, không có chỗ đến cũng không có nơi đi. Chân lý không như thế gọi là pháp trụ. Ở trong pháp này không hợp, không tan, không thêm, không bớt, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, đó là tánh mà tất cả pháp vốn trụ vào đó. Các Đại Bồ-tát an trụ vào trong ấy, mong cầu quả vị Giác ngộ cao tột thì không thấy có pháp có chỗ cầu, không thấy có pháp không có chỗ cầu. Vì tất cả pháp vốn không chỗ trụ nên gọi là pháp trụ. Các Đại Bồ-tát an trụ ở đó để thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Do thấy tất cả pháp bản tánh không nên chắc chắn không thoái lui đối với quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này chẳng thấy có pháp nào làm chướng ngại. Do thấy tất cả pháp không chướng ngại nên đối với quả vị Giác ngộ cao tột không sinh nghi hoặc và chẳng thoái lui.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát trụ bản tánh không vào tất cả pháp, quán bản tánh không đều vô sở đắc, nghĩa là ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết, cái thấy đều chẳng thể

nắm bắt được, sắc cho đến thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ cũng chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý thức giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức cho đến ý thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng chẳng thể nắm bắt được. Các pháp theo duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử cũng chẳng thể nắm bắt được. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng thể nắm bắt được. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng thể nắm bắt được. Quả Dự lưu cho đến quả Độc giác Bồ-đề cũng chẳng thể nắm bắt được. Tất cả hạnh của Đại Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được. Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp thiện, pháp chẳng thiện cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp hữu ký, pháp vô ký cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp thế gian, pháp xuất thế gian cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp hữu vi, pháp vô vi cũng chẳng thể nắm bắt được. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ cũng chẳng thể nắm bắt

được.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 474

Phẩm 78: Thật tế (2)

Này Thiện Hiện nên biết, như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa làm bốn chúng là Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca rồi trải qua một kiếp, hoặc hơn một kiếp, giả sử vị Hóa Phật vì bốn chúng kia tuyên nói chánh pháp. Ý ông nghĩ như thế nào? Những chúng hóa ra như thế có thể được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác Bồ-đề, hoặc được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì các chúng được hóa ra ở đây đều không có thật, chẳng phải chẳng có pháp chân thật mà có thể đắc quả, có thể được thọ ký.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các pháp cũng như vậy, bản tánh đều là không, đều không thật có, vậy ở trong pháp ấy có những Đại Bồ-tát nào, nói pháp gì và nói cho những hữu tình nào? Làm cho họ chứng đắc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác Bồ-đề, hoặc được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột?

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát tuy vì hàng hữu tình nói pháp không, nhưng các hữu tình thật chẳng thể nắm bắt được. Các Đại Bồ-tát vì thương xót hữu tình kia đọa trong các pháp điên đảo nên cứu vớt đưa vào an trụ pháp không điên đảo, pháp không điên đảo ấy là không phân biệt, vì không phân biệt nên không điên đảo. Nếu có phân biệt thì có điên đảo nên các hữu tình trôi vào các nẻo luân hồi.

Này Thiện Hiện nên biết, điên đảo là pháp không điên đảo, sự không điên đảo, không có ngã, không có hữu tình, nói rộng ra cho đến không có cái biết, không có cái thấy, cũng không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức,

cũng không có nhãn xứ cho đến ý xứ; cũng không có sắc xứ cho đến pháp xứ; cũng không có nhãn giới cho đến ý giới; cũng không có sắc giới cho đến pháp giới; cũng không có nhãn thức giới cho đến ý thức giới; cũng không có nhãn xúc cho đến ý xúc; cũng không có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; cũng không có địa giới cho đến thức giới; cũng không có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; cũng không có các pháp do duyên sinh ra; cũng không vô minh cho đến lão tử; cũng không Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng không pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng không chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng không Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng không có bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng không có bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng không có tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng không pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng không bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; cũng không bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng không có năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng không mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; cũng không có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; cũng không có tất cả các hạnh Đại Bồ-tát; cũng không quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Này Thiện Hiện, tất cả đó đều là không sở hữu tức là bản tánh không. Khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trụ vào pháp này thấy các hữu tình đọa vào tưởng điên đảo dùng phương tiện thiện xảo làm cho họ được giải thoát. Nghĩa là làm họ giải thoát cái tưởng về ngã và vô ngã, tưởng về hữu tình và không hữu tình, nói rộng ra cho đến tưởng về cái biết và không biết, tưởng về cái thấy và không thấy, cũng làm cho giải thoát cái tưởng về thường và vô thường, tưởng lạc không lạc, tưởng tịnh bất tịnh, cũng làm giải thoát tưởng về sắc, thọ, tưởng, hành, thức và tưởng không sắc, thọ, tưởng, hành, thức; cũng làm cho giải thoát tưởng nhãn xứ cho đến ý xứ và tưởng không nhãn xứ cho đến ý xứ; cũng làm cho giải thoát tưởng sắc xứ cho đến pháp xứ và tưởng không sắc xứ cho đến pháp xứ; cũng làm cho giải thoát tưởng nhãn giới cho đến ý giới

và tưởng không nhãn giới cho đến ý giới; cũng làm cho giải thoát tưởng sắc giới cho đến pháp giới và tưởng không sắc giới cho đến pháp giới; cũng làm cho giải thoát tưởng nhãn thức giới cho đến ý thức giới và tưởng không nhãn thức giới cho đến ý thức giới; cũng làm cho giải thoát tưởng nhãn xúc cho đến ý xúc, tưởng không nhãn xúc cho đến ý xúc; cũng làm cho giải thoát tưởng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tưởng không các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; cũng làm cho giải thoát tưởng không địa giới cho đến thức giới và tưởng không địa giới cho đến thức giới; cũng làm cho giải thoát tưởng nhân duyên cho đến tăng thượng duyên và tưởng không nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; cũng làm cho giải thoát tưởng các pháp từ duyên sinh ra và tưởng không có các pháp từ duyên sinh ra; cũng làm cho giải thoát tưởng vô minh cho đến lão tử và tưởng không vô minh cho đến lão tử; cũng làm cho giải thoát tưởng Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và tưởng không Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng làm cho giải thoát tưởng pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh và tưởng không pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng làm cho giải thoát tưởng chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tưởng không chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng làm cho giải thoát tưởng Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo và tưởng không Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng làm cho giải thoát tưởng bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo và tưởng không bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng làm cho giải thoát tưởng bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tưởng không bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng làm cho giải thoát tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ và tưởng không tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng làm cho giải thoát tưởng pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện và tưởng không pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng làm cho giải thoát tưởng bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai và tưởng không bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; cũng làm cho giải thoát tưởng bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân và tưởng không bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng làm cho giải thoát tưởng tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tưởng không giải thoát tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp

môn Tam-ma-địa; cũng làm cho giải thoát tưởng năm loại mắt, sáu phép thần thông và tưởng không năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng làm cho giải thoát tưởng mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng và tưởng không mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng làm cho giải thoát tưởng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ và tưởng không ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; cũng làm cho giải thoát tưởng có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả và tưởng không pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng làm cho giải thoát tưởng trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tưởng không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng làm cho giải thoát tưởng quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề và tưởng không quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; cũng làm cho giải thoát tưởng tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tưởng không tất cả hạnh Đại Bồ-tát; cũng làm cho giải thoát tưởng quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tưởng không quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; cũng làm cho giải thoát năm thủ uẩn tất cả các pháp hữu lậu; cũng làm cho giải thoát bốn Niệm trụ, tất cả các pháp vô lậu. Vì sao? Tất cả bốn Niệm trụ các pháp vô lậu chẳng phải nghĩa thù thắng, không sinh, không diệt, không tướng, không vô vi, không hý luận, không phân biệt, cho nên cũng cần giải thoát. Thắng nghĩa chân thật ấy tức là bản tánh không. Bản tánh không tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đã chứng được.

Thiện Hiện nên biết, trong pháp này không có ngã cho đến cái thấy có thể được; cũng không có sắc cho đến thức có thể được; cũng không có nhãn xứ cho đến ý xứ có thể được; cũng không có sắc xứ cho đến pháp xứ có thể được; cũng không nhãn giới cho đến ý giới có thể được; cũng không sắc giới cho đến pháp giới có thể được; cũng không nhãn thức giới cho đến ý thức giới có thể được; cũng không nhãn xúc cho đến ý xúc có thể được; cũng không các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được; cũng không địa giới cho đến thức giới có thể được; cũng không nhân duyên cho đến tăng thượng duyên có thể được; cũng không các pháp từ duyên sinh ra có thể được; cũng không vô minh cho đến lão tử có thể được; cũng không Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được; cũng không pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể được; cũng không

chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể được; cũng không Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có thể được; cũng không bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có thể được; cũng không bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được; cũng không tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ có thể được; cũng không pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng không bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai có thể được; cũng không bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân có thể được; cũng không tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể được; cũng không năm loại mắt, sáu phép thần thông có thể được; cũng không mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể được; cũng không ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; cũng không không pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có thể được; cũng không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được; cũng không quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề có thể được; cũng không tất cả các hạnh Đại Bồ-tát có thể được; cũng không quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể được.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát không vì đạo Chánh đẳng Vô thượng Bồ-đề mà cầu quả vị Giác ngộ cao tột, chỉ vì tất cả pháp bản tánh là không nên cầu chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Giới hạn trước, sau, giữa bản tánh không này thường có bản tánh là không, chưa từng chẳng không. Vì muốn độ thoát các hữu tình, chấp tướng hữu tình và tướng pháp nên các Đại Bồ-tát trụ bản tánh không Ba-la-mật-đa hành trí Đạo tướng. Khi thực hành trí Đạo tướng Đại Bồ-tát này được tất cả đạo lộ hoặc Thanh văn, hoặc Độc giác, hoặc Bồ-tát, hoặc chư Phật. Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào được viên mãn đối với tất cả đạo lộ rồi mới có thể đầy đủ khả năng giáo hóa thành thục các hữu tình, làm thanh tịnh trang nghiêm việc cầu vào cõi Phật, tiếp tục thực hành cho tới khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột, lúc đã chứng quả vị Giác ngộ cao tột, các Đại Bồ-tát có khả năng khiến Phật nhãn không bị hủy hoại. Sao gọi là Phật nhãn? Phật nhãn là bản tánh không. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại trụ ở các thế giới mười phương vì các hữu tình tuyên nói chánh pháp đều lấy bản tánh không này làm Phật nhãn.

Thiện Hiện nên biết, chắc chắn không có chư Phật lìa bản tánh không mà xuất hiện ở đời. Chư Phật ra đời đều nói nghĩa bản tánh không. Hữu tình được giáo hóa cần phải nghe Phật thuyết chân lý bản tánh không mới

nhập vào đạo Thánh, được quả Thánh, lìa bản tánh không thì không có phương tiện nào khác. Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên an trụ chân lý bản tánh không, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa và các hạnh Đại Bồ-tát khác. Nếu các Đại Bồ-tát an trụ vào đúng chân lý bản tánh không, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa và các Đại Bồ-tát thì không thoái lui trí Nhất thiết trí, thường làm an vui tất cả hữu tình.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát rất là hiếm có, tuy hành tất cả pháp có bản tánh không mà thường không hủy hoại đối với bản tánh không. Nghĩa là chẳng chấp sắc cho đến thức khác bản tánh không; cũng chẳng chấp nhãn xứ cho đến ý xứ khác bản tánh không; cũng không chấp sắc xứ cho đến pháp xứ khác bản tánh không; cũng không chấp nhãn giới cho đến ý giới khác bản tánh không; cũng không chấp sắc giới cho đến pháp giới khác bản tánh không; cũng không chấp nhãn thức giới cho đến ý thức giới khác bản tánh không; cũng không chấp nhãn xúc cho đến ý xúc khác bản tánh không; cũng không chấp các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra khác bản tánh không; cũng không chấp địa giới cho đến thức giới khác bản tánh không; cũng không chấp nhân duyên cho đến tăng thượng duyên khác bản tánh không; cũng không chấp các pháp do nhân duyên sinh ra khác bản tánh không; cũng không chấp vô minh cho đến lão tử khác bản tánh không; cũng không chấp Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa khác bản tánh không; cũng không chấp pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh khác bản tánh không; cũng không chấp chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn khác bản tánh không; cũng không chấp Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo khác bản tánh không; cũng không chấp bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo khác bản tánh không; cũng không chấp bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc khác bản tánh không; cũng không chấp tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ khác bản tánh không; cũng không chấp pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện khác bản tánh không; cũng không chấp bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai khác bản tánh không; cũng không chấp bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân khác bản tánh không; cũng không chấp tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa khác bản tánh không; cũng không chấp năm loại mắt, sáu phép thần thông khác bản tánh không; cũng không chấp

mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng khác bản tánh không; cũng không chấp ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ khác bản tánh không; cũng không chấp pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả khác bản tánh không; cũng không chấp trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng khác bản tánh không; cũng không chấp quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề khác bản tánh không; cũng không chấp tất cả hạnh Đại Bồ-tát khác bản tánh không; cũng không chấp quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật khác bản tánh không.

Bạch Thế Tôn, sắc là bản tánh không, bản tánh không tức là sắc. Như vậy cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tức là bản tánh không. Bản tánh không tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như ông lời nói! Các Đại Bồ-tát rất là hiếm có, tuy hành tất cả pháp đều có bản tánh là không mà thường không bị thoái thất đối với bản tánh không.

Thiện Hiện nên biết, sắc chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác sắc. Sắc tức là bản tánh không, bản tánh không tức là sắc. Như vậy cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tức là bản tánh không, bản tánh không tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Thiện Hiện nên biết, nếu sắc khác bản tánh không, bản tánh không khác sắc. Sắc chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác sắc. Như vậy cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật khác bản tánh không, bản tánh không khác quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải bản tánh không, bản tánh không chẳng phải quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật nên các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chẳng nên quán tất cả pháp đều có bản tánh là không, đều chẳng có thể chứng được trí Nhất thiết trí. Vì sắc chẳng khác bản tánh không; bản tánh không chẳng khác sắc. Sắc tức là bản tánh không, bản tánh không tức là sắc. Như vậy cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tức là bản tánh không, bản tánh không tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát quán tất

cả pháp đều có bản tánh là không, nên có thể chứng trí Nhất thiết. Vì sao? Vì lìa bản tánh không thì không có pháp nào là thật, là thường, có thể hoại, có thể đoạn, chỉ các phàm phu mê lầm điên đảo nên khởi tưởng sai khác. Nghĩa là phân biệt sắc khác bản tánh không, hoặc phân biệt thọ, tưởng, hành, thức khác bản tánh không. Như vậy cho đến phân biệt tất cả hạnh Đại Bồ-tát khác bản tánh không. Hoặc phân biệt quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật khác bản tánh không. Các phàm phu mê muội phân biệt các pháp cùng bản tánh không có sự sai khác nên chẳng biết như thật về sắc, chẳng biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức. Bởi chẳng biết như vậy nên chấp trước sắc, chấp trước thọ, tưởng, hành, thức, do chấp trước nên đối với sắc chấp ngã, ngã sở, đối với thọ, tưởng, hành, thức, chấp ngã, ngã sở. Do vọng chấp nên vướng mắc vào vật bên trong, bên ngoài nhận lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức của thân sau. Do vậy nên không có thể giải thoát các thứ sinh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ ưu não của các cảnh giới nên luân hồi mãi trong các cõi. Bởi nhân duyên này các Đại Bồ-tát trụ bản tánh không Ba-la-mật-đa hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa chẳng chấp nhận, sắc và hoại sắc, là không hoặc bất không, chẳng chấp nhận thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng chấp nhận hoại thọ, tưởng, hành, thức, là không hoặc bất không. Như vậy cho đến chẳng chấp nhận tất cả hạnh của Đại Bồ-tát, cũng chẳng chấp nhận hoại tất cả hạnh của Đại Bồ-tát là không hoặc bất không, cũng chẳng chấp nhận quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, cũng chẳng chấp nhận hoại quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không hoặc bất không. Vì sao? Sắc chẳng hoại không, không chẳng hoại sắc, nghĩa là đây là sắc đây là không; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hoại không, không chẳng hoại thọ, tưởng, hành, thức, nghĩa là đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là không. Như vậy cho đến tất cả các hạnh Đại Bồ-tát chẳng hoại không, không chẳng hoại tất cả các hạnh Đại Bồ-tát, nghĩa là đây là tất cả các hạnh Đại Bồ-tát, đây là không; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng hoại không, không chẳng hoại quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, nghĩa là đây là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, đây là không. Ví như hư không chẳng hoại hư không. Hư không với bên trong chẳng hoại hư không với bên ngoài. Cảnh giới hư không giới bên ngoài chẳng hoại cảnh giới hư không bên trong.

Như vậy Thiện Hiện, sắc chẳng hoại không, không chẳng hoại sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng hoại không, không chẳng hoại thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Các pháp như thế đều có tự tánh là không, không thể

phân biệt, nghĩa là đây là không, đây là bất không. Như vậy cho đến tất cả các hạnh Đại Bồ-tát chẳng hoại không, không chẳng hoại tất cả hạnh Đại Bồ-tát. Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng hoại không, không chẳng hoại quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Vì sao? Các pháp như thế đều không có tự tánh chẳng thể phân biệt, nghĩa là đây là không, đây là bất không.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp đều có bản tánh là không, hoàn toàn không sai khác. Do trụ vào chỗ nào mà các Đại Bồ-tát hướng tới quả vị Giác ngộ cao tột? Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không có hai hành tướng, do chẳng hai hành tướng có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Cúi xin Thế Tôn thương xót tuyên nói.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như ông lời nói! Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không hai tướng hành, do chẳng hai tướng hành nên có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì Bồ-đề không hai cũng không phân biệt. Nếu có người nào đối với hai hành tướng và với hạnh Bồ-đề mà có sự phân biệt tất cả thì không có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột theo sự mong cầu.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát đối với hạnh Bồ-đề và đối với hai hành tướng cũng chẳng phân biệt, cũng không có chỗ trụ hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Các Đại Bồ-tát đối với tất cả các pháp không hai hành tướng, cũng chẳng phân biệt, cũng không có chỗ hành thì có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột theo sự mong cầu.

Thiện Hiện nên biết, sự cầu quả vị Giác ngộ cao tột của Đại Bồ-tát chẳng phải hai hành tướng mà có thể chứng đắc được, Bồ-đề của Đại Bồ-tát đều không có chỗ hành, nghĩa là chẳng hành nơi sắc, cũng chẳng hành nơi thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến chẳng hành tất cả hạnh Bồ-tát, cũng chẳng hành nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Vì sao? Vì Bồ-đề của các Đại Bồ-tát chẳng duyên nơi danh tiếng mà chấp ngã, ngã sở, tức là không khởi lên niệm: "Ta hành nơi sắc, ta hành nơi thọ, tưởng, hành, thức." Như vậy cho đến chẳng phát sinh ý nghĩ này: "Ta hành tất cả hạnh Đại Bồ-tát. Ta hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật."

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ-đề của các Đại Bồ-tát chẳng chấp giữ nên hành, chẳng xả bỏ nên hành.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-đề của các Đại Bồ-tát chẳng chấp giữ nên hành, chẳng xả bỏ nên hành. Bồ-đề của các Đại Bồ-tát phải hành ở đâu?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Bồ-đề của hóa thân Như Lai phải hành chỗ nào? Vì chấp giữ nên hành hay vì bỏ nên hành?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn, hóa thân của Như Lai thật không có, làm sao nói có Bồ-đề, có chỗ sở hành, hoặc lấy hoặc bỏ.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Bồ-đề trong mộng của các A-la-hán thì phải hành chỗ nào, chấp giữ nên hành hay vì xả bỏ nên hành?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải vậy! Vì các vị A-la-hán dứt hết các lậu hoặc, đều dứt sạch các triền cái như thùy miên, hôn trầm, rốt ráo không mộng làm sao có Bồ-đề trong mộng, có chỗ để hành hoặc chấp giữ hoặc xả bỏ.

Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy, như ông lời nói! Vì các A-la-hán hoàn toàn không mộng, không còn hôn trầm, thùy miên, phân biệt. Các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có Bồ-đề cũng lại như thế chẳng giữ nên hành, chẳng xả bỏ nên hành, chẳng xả bỏ nên hành, hoàn toàn không chỗ hành, nên đạt tất cả bản tánh không của tất cả các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có Bồ-đề chẳng chấp giữ nên hành, chẳng xả bỏ nên hành, hoàn toàn không chỗ hành. Nghĩa là chẳng hành nơi sắc, cũng chẳng hành nơi thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến chẳng hành nơi tất cả hạnh Đại Bồ-tát, cũng chẳng hành nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Đâu có Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình cho nên không hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, không hành pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không hành chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không hành tám Giải

thoát cho đến mười Biến xứ; không hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; không hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng trụ vào thần thông thù thắng của Bồ-tát có thần thông thù thắng đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật nên được quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Bồ-đề của các Đại Bồ-tát tuy không có chỗ hành nhưng các Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình nên cần phải Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cần phải trụ vào thần thông thù thắng của Bồ-tát, để đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật cho đến đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa với Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-đề của các Đại Bồ-tát nếu không có chỗ hành, sẽ không có Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình nên không trụ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa tu tập lâu dài làm cho viên mãn. Như vậy cho đến không trụ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tu tập lâu dài làm cho viên mãn, không trụ vào thần thông thù thắng của Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật tu tập lâu dài làm cho viên mãn mà đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Bồ-đề của các Đại Bồ-tát tuy không có chỗ hành mà các Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi ích các hữu tình cần phải an trụ vào Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa tu tập lâu dài làm cho viên mãn. Như vậy cho đến cần phải an trụ vào trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tu tập lâu dài làm cho viên mãn, cần phải an trụ vào thần thông thù thắng của Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật tu tập lâu dài làm cho viên mãn cho đến đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào tu tập các căn lành chưa được

viên mãn tất cả thì không thể nào đắc quả vị Giác ngộ cao tột theo sự mong cầu. Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào muốn đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên trụ vào bản tánh không của sắc, nên trụ vào bản tánh không thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến nên an trụ vào bản tánh không tất cả hạnh của Đại Bồ-tát, nên trụ vào bản tánh không quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, nên trụ vào bản tánh không của tất cả pháp, nên trụ vào bản tánh không của tất cả hữu tình, tu hạnh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa làm cho được viên mãn. Như vậy cho đến tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm cho được viên mãn, tu hành thần thông thù thắng của Bồ-tát đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, làm cho viên mãn mới đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện nên biết, đó là lý đạo bản tánh không của tất cả pháp và lý đạo bản tánh không của hữu tình rốt ráo vắng lặng không có chút pháp có thể tăng, có thể giảm, có thể sinh, có thể diệt, có thể đoạn, có thể thường, có thể nhiễm, có thể tịnh, có thể đắc quả, có thể hiện quán.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát nương thế tục nên nói tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã biết rõ như thật về bản tánh không, rồi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột chứ không nương nghĩa thù thắng. Vì sao vậy? Vì trong chân lý thắng nghĩa không có sắc có thể được, cũng không có thọ, tưởng, hành, thức có thể được. Như vậy cho đến không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể được, cũng không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể được, cũng không hành tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể được, cũng không hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể được.

Này Thiện Hiện, các pháp như vậy đều nương mà lập ngôn, giả bày, chẳng nương vào nghĩa thù thắng. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát lúc mới phát tâm hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa rất mạnh mẽ, vì các hữu tình hành hạnh Bồ-đề nhưng ở trong tâm này đều không có chỗ đắc; đối với hữu tình cũng không sở đắc, đối với đại Bồ-đề cũng không chỗ đắc, đối với Phật Bồ-tát cũng không chỗ đắc. Vì tất cả pháp, tất cả hữu tình đều không thể đắc vậy.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện thưa với Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều không sở hữu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát làm sao thực hành hạnh Bồ-đề? Làm sao đạt quả vị Giác ngộ cao tột theo sự mong cầu? Ai hành hạnh Bồ-đề? Ai có thể chứng đắc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Trước tiên ông y cứ vào cảnh giới đoạn đức để đoạn các phiền não, đắc căn vô lậu, trụ định vô gián, được quả Dự lưu, kế là quả Nhất lai, quả Bất hoàn và sau hết là quả A-la-hán. Vào lúc ấy, ông có thấy hữu tình hoặc tâm hoặc đạo, hoặc các đạo quả có thể đắc không?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không có.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, bấy giờ ông y chỉ vào cảnh giới đoạn đức, dứt các phiền não, được căn vô lậu, đối với hữu tình tâm, đạo và đạo quả đều không chỗ đắc, làm sao nói có đắc quả A-la-hán?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, nương vào thế tục mà nói không nương vào nghĩa thù thắng.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như ông lời nói! Các Đại Bồ-tát cũng lại như thế, nương thế tục mà nói hành đạo Bồ-đề và chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng nương nghĩa thắng nghĩa. Thiện Hiện nên biết, nương thế tục nên giả nói có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến nương thế tục nên giả nói có tất cả hạnh Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Nương thế tục nên giả nói hữu tình Bồ-tát, chư Phật, chẳng nương thắng nghĩa.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát không thấy có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ cao tột có tăng, có giảm, có lợi, có hại, vì tất cả pháp bản tánh là không. Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp quán bản tánh là không còn không thể được, huống gì là khi mới phát tâm mà có thể đắc hay sao? Tâm phát ban đầu còn không thể đắc, huống gì tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa làm sao có thể được? Huống trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh làm sao có thể được? Huống trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn làm sao có thể được? Huống trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo làm sao có thể được? Huống tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo làm sao có thể được? Huống tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc làm sao có thể được? Huống tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ làm sao có thể được? Huống tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện làm sao

có thể được? Huống tu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân làm sao có thể được? Huống tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa làm sao có thể được? Huống tu năm loại mắt, sáu phép thần thông làm sao có thể được? Huống tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng làm sao có thể được? Huống tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ làm sao có thể được? Huống tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả làm sao có thể được? Huống tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm sao có thể được? Huống tu tất cả hạnh Đại Bồ-tát làm sao có thể được? Huống tu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật làm sao có thể được? Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát đối với việc tu trụ vào tất cả Phật pháp nếu còn có chỗ đắc, thì không có lẽ ấy. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa bằng phương tiện tu hành hạnh đại Bồ-đề, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột thường làm lợi ích, an lạc cho hữu tình.

-oOo-

Phẩm 79: Không khiếm khuyết (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát tuy siêng năng tinh tấn tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tu hành tất cả hạnh Đại Bồ-tát; tu hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; nếu tu chưa viên mãn đạo Bồ-đề thì chẳng có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột theo sự mong cầu. Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát làm thế nào tu đạo Bồ-đề cho được viên mãn, có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đầy đủ phương tiện thiện xảo thù thắng, do sức phương tiện thiện xảo này, nên khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa chẳng đắc sự bố thí, chẳng đắc người thí, chẳng đắc người thọ, cũng chẳng xa lìa các pháp như thế mà hành Bố thí ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này khi bố thí như thế có thể soi sáng đầy đủ ba đạo Bồ-đề, tu đạo Bồ-đề mau được thành tựu. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa bằng phương tiện thiện xảo tu đạo Bồ-đề làm cho viên mãn mới có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột. Như vậy Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa bằng phương tiện thiện xảo đầy đủ thù thắng phải do sức phương tiện thiện xảo này nên tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nói rộng cho đến tu hành tất cả hạnh Đại Bồ-tát chứng quả Phật quả vị Giác ngộ cao tột tùy theo sự thích ứng của họ mà rộng nói.

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát làm sao khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh siêng năng tu tập đạo Bồ-đề?

Phật bảo:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa bằng phương tiện thiện xảo chẳng hòa hợp sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng ly tán sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng hòa hợp nhãn xứ cho đến ý xứ; chẳng ly tán nhãn xứ cho đến ý xứ; chẳng hòa hợp sắc xứ cho đến pháp xứ; chẳng ly tán sắc xứ cho đến pháp xứ; chẳng hòa hợp nhãn giới cho đến ý giới; chẳng ly tán nhãn giới cho đến ý giới; chẳng hòa hợp sắc giới cho đến pháp giới; chẳng ly tán sắc giới cho đến pháp giới; chẳng hòa hợp nhãn thức giới cho đến ý thức giới; chẳng ly tán nhãn thức giới cho đến ý thức giới; chẳng hòa hợp nhãn xúc cho đến ý xúc; chẳng ly tán nhãn xúc cho đến ý xúc; chẳng hòa hợp các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng ly tán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng hòa hợp địa giới cho đến thức giới; chẳng ly tán địa giới cho đến thức giới; chẳng hòa hợp nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; chẳng ly tán nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; chẳng hòa hợp các pháp do nhân duyên sinh ra; chẳng ly tán các pháp do nhân duyên sinh ra; chẳng hòa hợp vô minh cho đến lão tử;

chẳng ly tán vô minh cho đến lão tử. Vì sao? Các pháp như thế đều không tự tánh để mà hợp, hay lìa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa bằng phương tiện thiện xảo chẳng hòa hợp Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng ly tán Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng hòa hợp pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng ly tán pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng hòa hợp chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng ly tán chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng hòa hợp Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; chẳng ly tán Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; chẳng hòa hợp bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng ly tán bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng hòa hợp bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng ly tán bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng hòa hợp tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; chẳng ly tán tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; chẳng hòa hợp pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; chẳng ly tán pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; chẳng hòa hợp bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; chẳng ly tán bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; chẳng hòa hợp bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; chẳng ly tán bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; chẳng hòa hợp tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng ly tán tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng hòa hợp năm loại mắt, sáu phép thần thông; chẳng ly tán năm loại mắt, sáu phép thần thông; chẳng hòa hợp mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng ly tán mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng hòa hợp ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; chẳng ly tán ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; chẳng hòa hợp pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chẳng ly tán pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chẳng hòa hợp trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng ly tán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng hòa hợp quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; chẳng ly tán quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; chẳng hòa hợp tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng ly tán tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng hòa hợp quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; chẳng ly tán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Vì sao? Các pháp như thế đều không tự tánh để mà hợp, hay lìa. Như vậy, này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dũng mãnh tinh tấn tu đạo Bồ-đề.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp đều không tự tánh mà hợp, hay lìa, thì Đại Bồ-tát làm sao có thể đến tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát chẳng học Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt cuộc quyết chẳng có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột theo sự mong cầu phải không?

Phật bảo:

–Này Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Nếu Đại Bồ-tát chẳng học Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt cuộc chẳng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột theo sự mong cầu. Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát cần học Bát-nhã ba-la-mật-đa mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột theo sự mong cầu. Xá-lợi Tử, sự mong cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột của các Đại Bồ-tát cần có phương tiện thiện xảo mới có thể chứng được, bằng như không có phương tiện thiện xảo thì không chứng được. Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu thấy tự tánh các phương pháp có thể được thì nên giữ lấy, chẳng thấy có tự tánh các pháp có thể được thì sẽ lấy cái gì? Không lấy ở đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa, là sắc cho đến thức, là nhãn xứ cho đến ý xứ, là sắc xứ cho đến pháp xứ; đây là nhãn giới cho đến ý giới, là sắc giới cho đến pháp giới, là nhãn thức giới cho đến ý thức giới, là nhãn xúc cho đến ý xúc, là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là địa giới cho đến thức giới, là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, là các pháp do nhân duyên sinh ra, là vô minh cho đến lão tử, là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, là năm loại mắt, sáu phép thần thông, là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, là quả Dự lưu cho đến Bồ-đề của Độc giác, là tất cả hạnh Đại Bồ-tát, là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, là phàm phu, là Thanh văn, là Độc giác,

là Bồ-tát, là Như Lai.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 475

Phẩm 79: Không khiếm khuyết (2)

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa biết rõ như thật tất cả pháp tánh đều chẳng có thể nắm giữ. Nghĩa là Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa đều chẳng có thể nắm giữ. Sắc cho đến thức đều chẳng có thể nắm giữ. Nhãn xứ cho đến ý xứ đều chẳng có thể nắm giữ. Sắc xứ cho đến pháp xứ đều chẳng có thể nắm giữ. Nhãn giới cho đến ý giới đều chẳng có thể nắm giữ. Sắc giới cho đến pháp giới đều chẳng có thể nắm giữ. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều chẳng có thể nắm giữ. Nhãn xúc cho đến ý xúc đều chẳng có thể nắm giữ. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng có thể nắm giữ. Địa giới cho đến thức giới đều chẳng có thể nắm giữ. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều chẳng có thể nắm giữ. Các pháp do nhân duyên sinh ra đều chẳng có thể nắm giữ. Vô minh cho đến lão tử đều chẳng có thể nắm giữ. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng có thể nắm giữ. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng có thể nắm giữ. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều chẳng có thể nắm giữ. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng có thể nắm giữ. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng có thể nắm giữ. Tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ đều chẳng có thể nắm giữ. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng có thể nắm giữ. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều chẳng có thể nắm giữ. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều chẳng có thể nắm giữ. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng có thể nắm giữ. Năm loại mắt, sáu phép thần thông đều chẳng có thể nắm giữ. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng có thể nắm giữ. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ đều chẳng có thể nắm giữ. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều chẳng có thể nắm giữ. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng

có thể nắm giữ. Quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề đều chẳng có thể nắm giữ. Tất cả hạnh Đại Bồ-tát đều chẳng có thể nắm giữ. Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều chẳng có thể nắm giữ. Tất cả phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đều chẳng có thể nắm giữ.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa biết rõ như thật tất cả pháp tánh đều chẳng có thể nắm giữ, nên không có chướng ngại đối với tất cả các pháp.

Xá-lợi Tử, Ba-la-mật-đa không nắm giữ tức là Ba-la-mật-đa không chướng ngại. Ba-la-mật-đa không chướng ngại này tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Các Đại Bồ-tát nên học pháp này. Xá-lợi Tử, nếu các Đại Bồ-tát học pháp này thì đối với tất cả các pháp vô sở đắc còn không thể học huống là đắc quả vị Giác ngộ cao tột, huống là đắc tất cả các pháp phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Phật. Vì sao?

Xá-lợi Tử, không có pháp nào thật có tự tánh, ở trong tất cả pháp không tự tánh, thì những pháp nào là pháp phàm phu? Những pháp nào là pháp Dự lưu? Những pháp nào là pháp Nhất lai? Những pháp nào là pháp Bất hoàn? Những pháp nào là pháp A-la-hán? Những pháp nào là pháp Độc giác? Những pháp nào là pháp Bồ-tát? Những pháp nào là pháp Như Lai?

Xá-lợi Tử, các pháp như thế đã chẳng thể nắm bắt được, vậy theo ông dựa vào những pháp nào để tạo thành Bổ-đặc-già-la. Bổ-đặc-già-la đã chẳng thể nắm bắt được thì làm sao nói được đây là phàm phu, đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là A-la-hán, đây là Độc giác, đây là Bồ-tát, đây là Như Lai?

Khi ấy, Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các pháp đều hoàn toàn không tự tánh, đều chẳng thật có, vậy nương vào pháp nào biết rõ đây là phàm phu, đây là pháp phu cho đến đây là Như Lai, đây là pháp Như Lai.

Phật bảo:

–Xá-lợi Tử, ý ông như thế nào? Thật có sắc hoặc đã, hoặc sẽ như các phàm phu ngu si chấp chăng? Thật có thọ, tưởng, hành, thức hoặc đã, hoặc sẽ như các phàm phu ngu si chấp chăng? Như vậy cho đến thật có tất cả các hạnh Đại Bồ-tát hoặc đã, hoặc sẽ như các phàm phu ngu si chấp chăng? Thật có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc đã, hoặc sẽ như các phàm phu ngu si chấp chăng? Thật có phàm phu Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai hoặc đã, hoặc sẽ như các phàm phu

ngu si chấp chăng?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng thật có, do tâm điên đảo các phàm phu ngu si chấp như thế.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng phương tiện thiện xảo, tuy quán các pháp tự tánh đều không, đều chẳng thật có, nhưng nương thế tục cầu chứng quả vị Giác ngộ cao tột, rồi dùng phương tiện giảng nói cho các hữu tình được hiểu biết đúng đắn xa lìa các điên đảo.

Khi ấy, Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa bằng phương tiện thiện xảo, tuy quán được các pháp tự tánh là không, đều không thật có, nhưng nương thế tục cầu chứng quả vị Giác ngộ cao tột, dùng phương tiện giảng nói cho các hữu tình được hiểu biết đúng đắn lìa các điên đảo?

Phật bảo:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy là điều chẳng thấy thật có một chút thật pháp nào có thể trụ nơi pháp này, do trụ vào chỗ này mà chẳng có ngăn ngại. Do có ngăn ngại nên thoái lui, vì thoái lui nên sinh tâm hèn nhác, do hèn nhác nên sinh giải đãi. Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp đều không thật có, lìa ngã, ngã sở lấy không tánh mà làm tự tánh. Bản tánh vắng lặng, tự tướng vắng lặng, chỉ vì tất cả phàm phu mê lầm điên đảo, chấp trước sắc uẩn cho đến thức uẩn, chấp trước nhãn xứ cho đến ý xứ; chấp trước sắc xứ cho đến pháp xứ; chấp trước nhãn giới cho đến ý giới; chấp trước sắc giới cho đến pháp giới; chấp trước nhãn thức giới cho đến ý thức giới; chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc; chấp trước các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chấp trước địa giới cho đến thức giới; chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; chấp trước vô minh cho đến lão tử; chấp trước Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; chấp trước pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chấp trước chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chấp trước Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo;

chấp trước bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; chấp trước bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chấp trước tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; chấp trước ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; chấp trước bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; chấp trước bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; chấp trước tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chấp trước năm loại mắt, sáu phép thần thông; chấp trước mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chấp trước ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; chấp trước pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chấp trước trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chấp trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; chấp trước tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; chấp trước quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; chấp trước phàm phu, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai. Do nhân này các Đại Bồ-tát quán tất cả pháp đều không thật có, lìa ngã, ngã sở, đều lấy không tánh làm tự tánh. Bản tánh vắng lặng, tự tướng vắng lặng, hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tự lập như nhà ảo thuật vì hữu tình nói pháp, vì những người xan tham thuyết pháp Bố thí, vì những người phá giới mà nói Tịnh giới, vì những người giận dữ mà nói An nhẫn, vì những người biếng nhác mà nói Tinh tấn, vì những người tán loạn mà nói Tĩnh lự, vì những người ngu si mà nói Bát-nhã. Đại Bồ-tát này an lập hữu tình khiến trụ vào Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa rồi, lại vì họ tuyên nói Thánh pháp thù thắng giúp họ vượt khỏi sinh tử, khiến các hữu tình theo đó tu học. Hoặc được quả Dự lưu, hoặc được quả Nhất lai, hoặc được quả Bất hoàn, hoặc được quả A-la-hán, hoặc được Độc giác Bồ-đề, hoặc vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát hoặc trụ địa vị của Đại Bồ-tát, hoặc chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, vì sao chẳng gọi vị ấy là người có sở đắc? Nghĩa là các hữu tình tuy thật không chỗ có, nhưng vị ấy cũng giúp họ an trụ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại tuyên nói Thánh pháp thù thắng giúp họ ra khỏi sinh tử. Hoặc giúp đắc quả Dự lưu cho đến chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu

xa đối với các hữu tình chẳng có chỗ đắc. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, Bồ-tát này khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không thấy thật có hữu tình nào có thể đắc. Chỉ có thể nương thế tục để giả nói hữu tình.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa an trụ hai đế vì hữu tình tuyên nói chánh pháp. Sao gọi là hai đế? Một là Tục đế, hai là Thắng nghĩa đế. Xá-lợi Tử, tuy ở trong hai đế việc tạo lập hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được nhưng các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa dùng phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình giảng nói chánh pháp, khiến cho các hữu tình được nghe chánh pháp, ở trong pháp hiện tại còn chẳng có nhãn, huống gì sẽ chứng đắc quả vị mong cầu và người chứng đắc.

Như vậy, Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng phương tiện thiện xảo, vì hữu tình giảng nói chánh pháp, giúp tu chánh hạnh được quả mong cầu nhưng tâm đối với pháp ấy đều vô sở đắc, đạt tất cả pháp vô sở đắc.

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát này, tuy đối với các pháp chẳng đắc nhất tánh, chẳng đắc vị tánh, chẳng đắc tổng tánh, chẳng đắc biệt tánh nhưng lại được mặc áo giáp đại công đức như thế. Do mặc áo giáp đại công đức nên chẳng sinh vào cõi Dục, chẳng sinh vào cõi Sắc, chẳng sinh vào cõi Vô sắc, chẳng sinh vào cõi hữu vi, chẳng sinh vào cõi vô vi. Bồ-tát tuy giáo hóa hữu tình khiến cho ba cõi nhưng đối với hữu tình đều vô sở đắc, cũng lại chẳng đắc sự thành lập hữu tình. Do sự tạo lập hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên không buộc, không mở. Do không buộc, không mở nên không nhiễm, không tịnh. Do chẳng biết rõ các đường khác nhau nên không tạo nghiệp, không phiền não. Do không tạo nghiệp, không phiền não nên không có quả Dị thục. Không có quả Dị thục làm sao có ngã, có hữu tình luân chuyển trong các nẻo và hiện ra đủ các loại khác nhau trong ba cõi?

Phật bảo:

–Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Này Xá-lợi Tử, nếu các hữu tình trước có sau lại không, thì chư Phật và Bồ-tát đều sai lầm. Nếu các đường sinh tử trước có sau không thì chư Phật và Bồ-tát đều sai lầm. Trước không sau có thì lý ấy chẳng phải vậy. Vậy nên Xá-lợi Tử, nếu Phật ra đời Phật không ra đời thì pháp tướng cũng luôn thường trụ, chân như, pháp giới, tánh chẳng hư dối, rốt ráo không thay đổi. Vì tất cả pháp, pháp

tánh, pháp giới, pháp trụ, pháp định, chân như, thật tế, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác giống như hư không. Trong pháp này ngã còn không thể đắc, huống gì có các pháp như sắc có thể đắc. Các pháp như sắc chẳng thể nắm bắt được đã thì làm sao mà các đường sinh tử. Các đường sinh tử đã không thể đắc, làm sao mà có việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình khiến cho họ giải thoát đó là chỉ nương theo thế tục để giả nói là có.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nghe các Đức Phật trong quá khứ dạy tự tánh tất cả pháp là không, chỉ vì hữu tình điên đảo chấp trước nên nghe rồi lại buộc niệm tư duy như thật, vì muốn độ thoát hữu tình điên đảo chấp trước, cầu chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên lúc cầu chứng đắc họ không suy nghĩ: "Ta đối với pháp này đã đắc, sẽ đắc, giúp hữu tình kia được vượt qua, sẽ vượt qua chỗ chấp trước và các khổ sinh tử." Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này vì độ thoát các hữu tình điên đảo chấp trước nên mặc áo giáp công đức thệ nguyện trang nghiêm, luôn mạnh mẽ siêng năng, không có hối tiếc, chẳng thoái lui đối với quả vị Giác ngộ cao tột. Đối với Bồ-đề thường chẳng phát sinh do dự, nghĩa là không do dự ta sẽ chứng, hoặc là không chứng chăng? Chỉ luôn nghĩ rằng: "Ta chắc chắn sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột mà ta mong cầu làm lợi ích chân thật cho các hữu tình, khiến cho hữu tình giải thoát khỏi mê lầm điên đảo qua lại các cõi chịu khổ sinh tử luân hồi." Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tuy giải thoát các hữu tình khỏi mê lầm điên đảo các đường sinh tử mà không có chỗ đắc, chỉ nương thế tục nói có việc này.

Xá-lợi Tử, như nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của vị ấy dựa vào ảo thuật như lưới của Đế Thích, hóa ra trăm ngàn vạn ức các loài hữu tình, lại hóa làm nhiều đồ ăn uống ngon ngọt làm cho các hữu tình đều được no đủ. Làm việc này rồi, vui vẻ nói lời này: "Ta đã thu được nhiều phước đức lớn." Ý ông nghĩ sao? Nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta có thật giúp hữu tình no đủ chăng?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát cũng lại như thế, ngay từ lúc mới phát tâm, vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trụ chân như cho đến cảnh giới

chẳng thể nghĩ bàn; an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; viên mãn đạo đại Bồ-đề của Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật. Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tuy tạo ra các việc như vậy mà đối với hữu tình và tất cả pháp đều vô sở đắc. Không có suy nghĩ như vầy: "Ta đem pháp này giáo hóa các loài hữu tình như vậy, giúp chúng xa lìa điên đảo chấp trước, không còn bị luân hồi trong các đường sinh tử."

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi đạo đại Bồ-đề của Bồ-tát mà các Đại Bồ-tát tu hành theo con đường này dùng phương tiện thiện xảo đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hành pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hành chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và vô lượng, vô biên các Phật pháp khác, đều là đạo đại Bồ-đề của Bồ-tát. Các Đại Bồ-tát tu hành đạo lộ này phương tiện thiện xảo đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, mau chóng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột,

mà không có tưởng hữu tình và các cõi Phật khác...

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, làm sao mà Đại Bồ-tát, khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa dùng phương tiện thiện xảo để đem lại sự thành tựu cho hữu tình?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, lúc Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa bằng phương tiện thiện xảo tự hành bố thí cũng khuyên người hành bố thí. Ân cần, khuyên răn dạy bảo cho người kia rồi nói rằng: "Các thiện nam, đừng chấp vào sự bố thí, chấp trước vào sự bố thí sẽ còn thọ thân. Nếu còn trở lại thọ thân sẽ phải bị luân hồi nên chịu nhiều khổ não dữ dội. Các thiện nam, trong Thắng nghĩa đế hoàn toàn không có bố thí, cũng không có người thí, kẻ nhận vật thí và kết quả của sự bố thí. Các pháp như thế bản tánh đều là không. Trong bản tánh không, không có pháp để chấp giữ, các pháp không tánh cũng không thể chấp giữ."

Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, thực hành bố thí đối với hữu tình cũng khuyên người khác bố thí, mà đối với việc bố thí, người bố thí, kẻ thọ nhận vật thí và quả báo của việc bố thí đều vô sở đắc. Bố thí ba-la-mật-đa như thế, gọi là Vô sở đắc ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát này khi đối với các pháp vô sở đắc này thì có thể dùng phương tiện thiện xảo giáo hóa hữu tình trụ vào quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác Bồ-đề, hoặc chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, giúp họ được lợi ích thù thắng.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát này tự thực hành bố thí, cũng khuyên người thực hành bố thí, không chống đối mà còn khen ngợi pháp hành bố thí, vui mừng khen ngợi người hành bố thí. Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát này bố thí như thế rồi, thì được sinh vào dòng dõi lớn như Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ có nhiều của báu; hoặc làm Tiểu vương giàu sang tự tại ở nơi nước nhỏ; hoặc làm Đại vương giàu sang tự tại ở nơi nước lớn; hoặc làm Chuyển luân vương giàu sang tự tại ở bốn châu thiên hạ. Các Đại Bồ-tát này sinh vào các chỗ tôn quý như thế đều dùng bốn Nhiếp sự, để cứu giúp các hữu tình. Trước là giáo hóa hữu tình an trụ vào pháp Bố thí. Do nhân duyên bố thí nên tâm họ thuần thiện, dần dần làm cho trụ vào Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã; lại khiến an trụ bốn Tĩnh

lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lại khiến an trụ bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; lại khiến an trụ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Sau khi các Đại Bồ-tát này giúp các hữu tình trụ vào các thiện pháp rồi, hoặc giúp họ nhập vào Chánh tánh ly sinh, được quả Dự lưu cho đến được quả A-la-hán; hoặc giúp vào Chánh tánh ly sinh dần dần đắc Độc giác Bồ-đề; hoặc giúp vào Chánh tánh ly sinh dần dần tu học các địa Bồ-tát mau chóng chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Lại bảo các vị ấy rằng: Các thiện nam, các ông nên phát đại nguyện, mau chóng chứng quả vị Giác ngộ cao tột làm nhiều việc lợi lạc cho các hữu tình. Các pháp mà hữu tình phân biệt hư vọng chấp trước đều không có tự tánh, chỉ do điên đảo vọng chấp nên có. Do vậy, các ông nên thường siêng năng trừ bỏ điên đảo, cũng giúp người dứt các điên đảo. Tự mình thoát sinh tử cũng giúp người thoát sinh tử. Tự mình được lợi ích lớn, cũng giúp người được lợi ích lớn.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường nên tu hành Bố thí ba-la-mật-đa như thế. Do tu Bố thí ba-la-mật-đa này nên từ lúc mới phát tâm cho đến khi đạt được cứu cánh không đọa vào ác thú, nghèo cùng, hèn kém, biên địa... Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi ích hữu tình nên nhiều kiếp sinh vào loài người làm vua chuyển luân, giàu sang tự tại, được nhiều lợi ích.

Vì sao? Vì nhờ oai lực của nghiệp nhân mà thu được quả báo như vậy. Bồ-tát kia khi làm vua Chuyển luân thấy người xin đến, liền suy nghĩ thế này: "Do nhân gì mà ta làm vua Chuyển luân vào trong sinh tử? Chẳng lẽ ta không vì lợi ích của hữu tình mà vào trong sinh tử, nhận các quả báo thù thắng hay không phải vì các việc khác sao?" Nghĩ như thế rồi, vị ấy bảo người đến xin rằng: "Các ngươi cần gì ta sẽ bố thí cho." Khi nhân vật ấy các ngươi nên nghĩ như lấy vật của mình, chớ đừng nghĩ là vật của người. Vì sao? Ta vì muốn các ngươi được lợi ích nên thọ thân này, tích chứa tài vật. Nên tài vật ấy là của các ngươi, ngươi tùy ý lấy, hoặc tự mình dùng, hoặc đem bố thí cho người, đừng có nghi ngờ."

Các Đại Bồ-tát này thương xót các hữu tình như thế thì Vô duyên đại Bi sớm được viên mãn. Nhờ đại Bi này sớm được viên mãn, nên tuy làm lợi ích cho vô lượng hữu tình, nhưng đối với hữu tình đều vô sở đắc, lại cũng không đắc quả báo thù thắng, có thể biết như thật, chỉ do thế tục ta nói có việc tạo lập lợi ích cho các hữu tình. Lại biết như thật sự việc đã tạo lập đều như tiếng vang, tuy hiện ra như có nhưng không chân thật. Do vậy hoàn toàn không chấp giữ đối với pháp này.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường nên tu hành Bố thí ba-la-mật-đa

như thế, không hối tiếc khi bố thí cho các hữu tình, bố thí cho đến xương thịt của mình huống là của cải bên ngoài mà chẳng thể bố thí sao, bố thí các của cải để cứu giúp các hữu tình, khiến họ mau chóng giải thoát sinh, già, bệnh chết.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, dùng của cải nào giúp hữu tình thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, nên dùng của cải Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc của cải pháp không bên trong đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc của cải chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc của cải Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc của cải bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc của cải bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc của cải tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc của cải pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc của cải bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc của cải bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc của cải tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc của cải năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc của cải mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc của cải pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc của cải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc của cải quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; hoặc của cải tất cả hạnh Đại Bồ-tát; hoặc của cải quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Thiện Hiện, dùng các của cải thiện pháp như thế để cứu giúp hữu tình mau giải thoát sinh, già, bệnh, chết. Các Đại Bồ-tát cũng luôn dùng các của cải như vậy cứu giúp hữu tình khiến mau thoát sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, tự mình thực hành bố thí, cũng khuyên các hữu tình thực hành bố thí. Nếu thấy hữu tình hủy phạm tịnh giới thì rất thương xót bảo rằng: “Các ông nên thọ trì tịnh giới, ta sẽ bố thí của cải để các ông không bị thiếu thốn. Các ông do thiếu thốn của cải cho sự sống nên hủy phạm tịnh giới tạo các nghiệp ác, ta sẽ cung cấp những của cải mà các ông còn thiếu. Các ông nên an trụ vào giới luật, lần lần có thể ra khỏi cảnh giới khổ. Nương vào pháp Tam thừa, tùy theo căn cơ, vượt khổ sinh tử đạt được an vui rốt ráo.” Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này an trụ Bố thí ba-la-mật-đa. Tự mình thọ trì

tịnh giới cũng khuyên người thọ trì tịnh giới, không chống trái mà còn khen ngợi pháp thọ trì tịnh giới, vui mừng khen ngợi người thọ trì tịnh giới. Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, khuyên các hữu tình an trụ tịnh giới, giải thoát tất cả sinh già, bệnh, chết. Chứng được lợi ích an vui rốt ráo.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, nếu thấy hữu tình sân hận với nhau thì rất thương xót mà bảo rằng: "Do duyên cớ gì mà các ngươi giận nhau. Nếu vì thiếu thốn vật dùng mà dẫn đến việc ác ấy, thì hãy xin ta sẽ giúp cho, ta sẽ bố thí cho ngươi những vật cần dùng để các ngươi không còn thiếu thốn. Các ngươi không nên giận nhau, phải tu an nhẫn, có lòng từ đối với nhau." Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, khuyên các hữu tình tu an nhẫn rồi, muốn tâm hữu tình được kiên cố nên bảo rằng: "Nhân duyên giận dữ đều không chắc thật, đều từ hư dối phân biệt sinh ra, vì tất cả pháp bản tánh là không. Do duyên nào mà đối với việc không có thật các ông lại sinh giận dữ, hủy hoại lẫn nhau. Các ông đừng theo hư dối phân biệt mà giận nhau, gây các nghiệp ác sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh cùng các cảnh giới khác chịu nhiều khổ dữ dội, khổ ấy như là độc hại, cứng cỏi, sắc bén, hành hạ thân tâm rất khó chịu nổi. Các ngươi chớ chấp việc chẳng thật có mà sinh giận dữ với nhau tạo các nghiệp ác. Do ác nghiệp này nên sinh thân người hèn hạ còn khó được huống là được sinh lên trời, hoặc được gặp Phật lắng nghe chánh pháp và tu hành đúng như pháp. Các ngươi nên biết, thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, sinh lòng tin càng khó hơn. Ngày nay các ngươi đã đầy đủ nhân lành, đừng vì giận dữ mà mất duyên ấy, nếu mất duyên này thì chẳng thể cứu vãn. Vậy nên các ngươi đối với các hữu tình đừng sinh giận dữ, nên tu an nhẫn."

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, tự thực hành an nhẫn, cũng khuyên người thực hành an nhẫn, không chống trái mà còn khen ngợi pháp hành an nhẫn, vui mừng khen ngợi người hành an nhẫn. Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa khuyên các hữu tình thực hành hạnh an nhẫn. Do đây các hữu tình lần lượt nương theo Tam thừa mà được giải thoát.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình phân tâm biếng nhác, nên rất thương xót mà bảo chúng rằng: "Vì sao các ngươi chẳng sinh tinh tấn tu hành các pháp lành, trái lại còn

lười nhác?" Chúng trả lời rằng: "Tôi thiếu của cải nên đối với các pháp lành nên chẳng siêng tu được." Bồ-tát bảo rằng: "Ta có thể bố thí của cải mà ngươi còn thiếu, ngươi nên siêng tu các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn..." Các hữu tình khi được Bồ-tát bố thí của cải nên không còn bị thiếu thốn, liền sinh tâm tinh tấn tu các pháp lành mau chóng được viên mãn. Nhờ các pháp lành được viên mãn, nên dần dần sinh ra các pháp vô lậu. Do pháp vô lậu mà được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác Bồ-đề, hoặc vào các địa của Bồ-tát và dần dần sẽ đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát này an trụ vào Bố thí ba-la-mật-đa, tự thực hành tinh tấn cũng khuyên người thực hành tinh tấn, không chống đối mà còn khen ngợi pháp thực hành tinh tấn, vui mừng khen ngợi người thực hành tinh tấn.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ vào pháp Bố thí ba-la-mật-đa làm các hữu tình xa lìa biếng nhác, siêng tu các pháp lành, mau chóng được giải thoát, lại có thể làm lợi lạc cho các loài hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ vào pháp Bố thí ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình các căn tán loạn quên mất chánh niệm, nên thương xót bảo rằng: "Vì sao các ngươi chẳng tu tĩnh lự, tán loạn mất chánh niệm, sẽ đắm chìm trong sinh tử và phải chịu khổ vô cùng?" Người kia đáp rằng: "Chúng tôi thiếu thốn của cải, nên đối với tĩnh lự chưa thể siêng tu được." Bồ-tát bảo rằng: "Ta sẽ bố thí những của cải mà ông còn thiếu, từ nay các ông chẳng nên tìm cầu một cách hư vọng, lệ thuộc bên trong, bên ngoài làm rối loạn tự tâm." Các hữu tình được Bồ-tát này bố thí của cải nên không còn thiếu thốn, họ liền dứt trừ tầm hư dối nhập vào Sơ thiền, lần lần vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Nương vào các tĩnh lự này lại làm phát sinh bốn loại vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Xả, làm chỗ y chỉ cho vô lượng tĩnh lự đồng thời lại phát sinh bốn Định vô sắc, tĩnh lự vô sắc, vô lượng vô sắc, làm cho tâm được nhuần nhuyễn rồi, tu bốn Niệm trụ lần lượt cho đến tám chi Thánh đạo. Do đây lại có thể dẫn đến pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện tất cả thiện pháp thù thắng, tùy theo căn cơ mà hữu tình được quả Tam thừa.

Thiện Hiện, đây là các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, tự tu tĩnh lự, cũng khuyên người tu tĩnh lự, không chống trái mà còn khen pháp tu tĩnh lự, vui mừng khen ngợi người tu tĩnh lự.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, khuyên các hữu tình xa lìa tán loạn, tu các tĩnh lự được lợi ích hơn.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình ngu si điên đảo, nên thương xót mà bảo rằng: "Vì sao các ông không tu pháp diệu tuệ, ngu si điên đảo chịu khổ vô cùng?" Hữu tình trả lời rằng: "Chúng tôi thiếu thốn của cải, nên đối với pháp diệu tuệ chưa thể siêng tu được." Bồ-tát bảo rằng: "Ta có thể bố thí những của cải mà ngươi còn thiếu, các ngươi nên nhận lãnh, trước phải tu Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự cho được viên mãn, nên quán sát kỹ thật tướng các pháp để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa." Lúc bấy giờ nên quán sát kỹ có pháp nào mà có thể đắc không? Nghĩa là ngã, hữu tình, nói rộng cho đến cái biết, cái thấy có thể đắc không? Sắc cho đến thức có thể đắc không? nhãn xứ cho đến ý xứ có thể đắc không? sắc xứ cho đến pháp xứ có thể đắc không? nhãn giới cho đến ý giới có thể đắc không? sắc giới cho đến pháp giới có thể đắc không? nhãn thức giới cho đến ý thức giới có thể đắc không? nhãn xúc cho đến ý xúc có thể đắc không? các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc không? Địa giới cho đến thức giới có thể đắc không? Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên có thể đắc không? Các pháp từ duyên sinh ra có thể đắc không? vô minh cho đến lão tử có thể đắc không? Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới có thể đắc không? Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc không? Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc không? Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc không? Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có thể đắc không? Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc không? Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc không? Tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ có thể đắc không? Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc không? Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai có thể đắc không? Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân có thể đắc không? Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc không? Năm loại mắt, sáu phép thần thông có thể đắc không? Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc không? Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ có thể đắc không? Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có thể đắc không? Trí

Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc không? Quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề có thể đắc không? Tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể đắc không? Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể đắc không? Các hữu tình ấy đã được của cải nên họ không bị thiếu thốn và vâng theo lời Bồ-tát, trước tu Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự được viên mãn, sau đó lại quan sát kỹ thật tướng các pháp tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như trước đã nói, khi quán sát kỹ, thật tánh các pháp đều không chỗ đắc. Vì không chỗ đắc nên không chỗ chấp trước. Vì không chấp trước nên không thấy có pháp nào có sinh, có diệt, có nhiễm, có tịnh. Đối với các pháp không có chỗ đắc, đối với tất cả xứ không có phân biệt. Nghĩa là chẳng phân biệt đây là cõi địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ hoặc A-tố-lạc, hoặc người, hoặc trời. Cũng không phân biệt đây là người trì giới, đây là người phạm giới. Cũng không phân biệt đây là người phàm phu, đây là bậc Thánh, đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là Độc giác, đây là Bồ-tát, đây là Phật, đây là hữu vi, đây là vô vi. Do họ không phân biệt như vậy nên tùy theo căn cơ mà lần lượt chứng được Niết-bàn ba thừa và hoàn toàn an lạc.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát này an trụ vào pháp Bố thí ba-la-mật-đa, tự mình tu Bát-nhã, cũng khuyên người tu Bát-nhã, không chống đối mà còn khen ngợi pháp tu Bát-nhã, vui mừng khen ngợi người tu Bát-nhã. Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu Bố thí ba-la-mật-đa, khuyên các hữu tình siêng tu Bát-nhã, để được hoàn toàn lợi ích an lạc.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, tự thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng khuyên người thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, lại thấy hữu tình bị luân hồi trong các đường, chịu khổ vô cùng chưa được giải thoát, Bồ-tát muốn hữu tình giải thoát các khổ sinh tử nên trước đem nhiều thứ của cải làm lợi ích, sau phương tiện đem các pháp vô lậu mà dạy bảo chúng. Các hữu tình đã được của cải nên không bị thiếu thốn, thân tâm phát dũng mãnh có thể trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng có thể trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng có thể trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng có thể tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng có thể tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng có thể tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng có thể tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô

nguyện; cũng có thể tu bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; cũng có thể tu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng có thể tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có thể tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng có thể tu vô lượng, vô biên các Phật pháp khác. Các hữu tình kia nhờ được pháp vô lậu cứu giúp, nên giải thoát sinh tử, chứng được Niết-bàn rốt ráo an vui.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát này an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, tu hành các thứ thắng pháp vô lậu, cũng khuyên người khác thực hành thắng pháp vô lậu, không chống trái mà còn khen ngợi pháp thực hành các thứ thắng pháp vô lậu, vui mừng khen ngợi thực hành các thắng pháp vô lậu.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa đem pháp vô lậu cứu giúp hữu tình, làm cho giải thoát các khổ sinh tử, chứng được Niết-bàn an vui rốt ráo, cũng có thể vì họ làm lợi ích lớn.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, thấy các hữu tình không chỗ nương tựa, chịu nhiều khổ não, thiếu thốn mọi thứ, nên thương xót mà an ủi rằng: Ta có thể làm chỗ nương tựa cho các ông, để các ông thoát khỏi nỗi khổ đang chịu. Những gì các ông cần như y phục, ngọa cụ, xe cộ, nhà cửa, hương hoa, âm nhạc, đèn sáng, của báu, nô bộc và các loại cần dùng khác thì hãy tùy ý mà lấy xin đừng có nghi ngờ. Ta sẽ đều giúp cho theo yêu cầu các ông, làm cho các ông được lợi ích an vui lâu dài. Khi các ông nhận vật ta đã cho thì nên nghĩ như lấy vật của mình, đừng nghĩ là của người khác. Vì sao? Vì từ lâu ta gom góp các vật chỉ vì muốn giúp các ông được an vui. Ngày nay, các ông đừng nên nghi ngờ về tài vật ấy mà tùy ý nhận lấy. Nhận rồi, tự mình thọ dụng rồi tu các nghiệp lành. Sau đem của này bố thí cho các hữu tình, giúp cho họ tu thiện nghĩa là tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng giúp cho an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng giúp cho an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng giúp cho an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng giúp cho tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng giúp cho tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng giúp cho tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng giúp cho tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng giúp cho tu hành bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; cũng

giúp cho tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng giúp cho tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng giúp cho tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng giúp cho tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng giúp cho tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng giúp cho tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng giúp cho tu hành vô lượng, vô biên các Phật pháp khác.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát này giáo hóa các hữu tình như thế rồi, theo chỗ mong cầu của họ, nên lại dạy họ tu tập các pháp vô lậu, trụ quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa dùng phương tiện thiện xảo đem lại sự thành tựu cho hữu tình giúp giải thoát khỏi các khổ sinh tử, như giúp họ chứng Niết-bàn ba thừa, làm lợi ích cho mình, cho người cùng được an vui rốt ráo.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-tát tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa và cùng với Đạo đại Bồ-đề của Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo, đem lại sự thành tựu cho hữu tình như thế nào?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa bằng phương tiện thiện xảo thấy các hữu tình do thiếu thốn của cải nên bị phiền não thiêu đốt, không thể siêng tu tập các pháp lành nên thương xót bảo rằng: Nếu vì thiếu thốn của cải mà các ngươi không thể tu thiện thì ta sẽ ban cho, các ngươi đừng buồn phiền mà tạo nghiệp ác phiền não, nên chân chánh tu tập tất cả pháp lành như bố thí... Đại Bồ-tát này an trụ Tịnh giới ba-la-mật-đa nên giúp đỡ các hữu tình: Giúp các kẻ xan tham được tu bố thí không có hối tiếc đối với thân mạng, của cải của mình. Giúp các người phá giới được tu tịnh giới, tự mình có thể thọ trì mười thiện nghiệp, tu tập theo giới luật, chẳng phá, chẳng hủy, không dơ uế, không tạp cũng không chấp giữ. Giúp các người giận giữ được tu an nhẫn; các kẻ lười biếng được tu tinh tấn; các kẻ tán loạn được tu tĩnh lự; các người ngu si được tu diệu tuệ. Giúp người chấp các pháp được tu pháp không và những người không có các công đức thù thắng khác, được tu học đầy đủ.

Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Tịnh giới ba-la-mật-đa

đem lại sự thành tựu cho hữu tình bằng phương tiện thiện xảo, làm cho giải thoát sự sinh tử trong cảnh giới ác, tùy sự thích ứng mà chứng được Niết-bàn ba thừa, làm lợi ích cho mình và người hoàn toàn an vui rốt ráo.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát tu hành bốn Ba-la-mật-đa kia và các đạo đại Bồ-đề của Bồ-tát khác bằng phương tiện thiện xảo đem tất cả thiện pháp thành thục hữu tình làm cho chúng giải thoát sự sinh tử trong cảnh giới ác, theo sự thích ứng đắc Niết-bàn ba thừa, làm lợi ích cho mình và người hoàn toàn an vui rốt ráo, mỗi mỗi đều được rộng nói như pháp bố thí ở trước.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 476

Phẩm 80: Đạo Sĩ

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện suy nghĩ: "Thế nào là đạo của Đại Bồ-tát mà các Đại Bồ-tát an trụ vào đạo này có thể mặc những loại áo giáp công đức thù thắng và như thật làm lợi ích cho tất cả hữu tình?" Biết tâm niệm của Cụ thọ Thiện Hiện, Đức Thế Tôn liền nói:

–Này Thiện Hiện nên biết, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là đạo của các Đại Bồ-tát; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là đạo của các Đại Bồ-tát; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là đạo của các Đại Bồ-tát; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là đạo của các Đại Bồ-tát; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là đạo của các Đại Bồ-tát; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là đạo của các Đại Bồ-tát; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ là đạo của các Đại Bồ-tát; ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là đạo của các Đại Bồ-tát; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là đạo của các Đại Bồ-tát; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là đạo của các Đại Bồ-tát; năm loại mắt, sáu phép thần thông là đạo của các Đại Bồ-tát; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là đạo của các Đại Bồ-tát; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là đạo của các Đại Bồ-tát; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là đạo của các Đại Bồ-tát; vô lượng, vô biên Phật pháp khác là đạo của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa này Thiện Hiện, nói chung tất cả pháp đều là đạo của các Đại Bồ-tát. Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Vậy thì có pháp nào mà các Đại Bồ-tát không nên học không? Nếu các Đại Bồ-tát không học pháp đó thì có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không.

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, nhất định không có một pháp nào mà Đại Bồ-tát không nên học! Nếu các Đại Bồ-tát không học pháp ấy thì chắc chắn không thể cầu được quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì nếu Đại Bồ-tát không học tất cả pháp thì nhất định không thể đạt được trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tự tánh của tất cả pháp đều là không thì vì sao Đại Bồ-tát cần phải học, vậy thì học ở chỗ nào? Nếu có sự học thì bạch Thế Tôn không lẽ đối với pháp không hý luận mà làm ra hý luận, nghĩa là có các pháp là đây, là kia, do thế này là thế kia, đây là thế gian, đây là xuất thế gian, đây là hữu lậu, đây là vô lậu, đây là hữu vi, đây là vô vi, đây là pháp phàm phu, đây là pháp Dự lưu, đây là pháp Nhất lai, đây là pháp Bất hoàn, đây là pháp A-la-hán, đây là pháp Độc giác, đây là pháp Bồ-tát, đây là pháp Như Lai.

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Thiện Hiện, như lời ông đã nói! Tự tánh của tất cả pháp đều không. Nếu tất cả các pháp chẳng phải tự tánh không thì Đại Bồ-tát sẽ không chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Do tự tánh của tất cả pháp đều không, cho nên Đại Bồ-tát có thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, như lời ông đã nói! Nếu tự tánh tất cả pháp đều không. Vì sao Đại Bồ-tát cần phải học, vậy thì học ở đâu. Nếu có chỗ học thì không lẽ đối với pháp không hý luận mà tạo ra hý luận, nghĩa là có các pháp là đây là kia, do thế này là thế kia, nói đủ là cho đến đây là pháp của Như Lai. Này Thiện Hiện, nếu các hữu tình biết tự tánh tất cả pháp đều không thì các Đại Bồ-tát không cần học tất cả pháp để chứng đắc trí Nhất thiết trí, hãy vì các hữu tình mà tìm phương cách để giáo hóa bởi vì các hữu tình không biết tự tánh các pháp đều không. Các Đại Bồ-tát nhất định phải học tất cả pháp để chứng đắc trí Nhất thiết trí, vì các hữu tình mà lập những phương cách để giáo hóa.

Này Thiện Hiện, ông nên biết, các Đại Bồ-tát khi Bồ-tát mới tu học đạo nên quán sát thật kỹ các pháp tự tánh đều không thể đắc, chỉ do chấp trước hòa hợp mà tạo ra. Ta nên quán sát thật kỹ tự tánh của các pháp hoàn toàn không, ở trong đó không nên chấp trước. Nghĩa là không nên chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không nên chấp trước nhãn xứ cho

đến ý xứ; không nên chấp trước sắc xứ cho đến pháp xứ; không nên chấp trước nhãn giới cho đến ý giới; không nên chấp trước sắc giới cho đến pháp giới; không nên chấp trước nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không nên chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc; không nên chấp trước các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không nên chấp trước địa giới cho đến thức giới; không nên chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không nên chấp trước các pháp do duyên sinh; không nên chấp trước vô minh cho đến lão tử; không nên chấp trước Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên chấp trước pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không nên chấp trước chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không nên chấp trước Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không nên chấp trước bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không nên chấp trước bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không nên chấp trước tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không nên chấp trước ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không nên chấp trước bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không nên chấp trước bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không nên chấp trước tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không nên chấp trước năm loại mắt, sáu phép thần thông; không nên chấp trước mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không nên chấp trước ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không nên chấp trước pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không nên chấp trước trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không nên chấp trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không nên chấp trước tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; không nên chấp trước quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp đều không, vì tánh không nên không chấp trước. Tánh không trong cái không của tánh không còn không thể đắc huống chi có tánh không mà chấp trước cái không.

Này Thiện Hiện, khi các Đại Bồ-tát quán sát tất cả pháp như vậy đối với tánh của các pháp tuy không chấp trước nhưng với các pháp phải học hỏi không nhàm chán. Đại Bồ-tát ấy trụ trong sự học này mà quán tâm hành sai khác của các hữu tình, nghĩa là quán sát tâm hành của các hữu tình ở đâu. Sau khi quán sát rồi biết rõ như thật tâm của họ chỉ do hư

vọng mà chấp. Bấy giờ, Bồ-tát suy nghĩ: "Tâm kia chỉ do hư vọng mà chấp lấy, nay ta hãy làm cho họ giải thoát chắc chắn không khó." Suy nghĩ như vậy rồi, Đại Bồ-tát an trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng phương tiện thiện xảo khuyên răn, dạy bảo với các hữu tình rằng: "Bây giờ các ngươi hãy tránh xa những kiến chấp do hư vọng để đi vào chánh pháp tu tập các hạnh lành." Lại nói rằng: "Bây giờ, các ngươi nên thực hành Bố thí để được đầy đủ tư lương không còn thiếu kém, nhưng đừng ỷ vào đó mà sinh lòng kiêu mạn buông lung. Vì sao? Vì trong ấy hoàn toàn không có gì lâu bền chắc thật. Bây giờ, các ngươi nên tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã sẽ được đầy đủ những loại công đức, nhưng đừng ỷ vào đó mà sinh lòng kiêu mạn, buông lung. Vì sao? Vì trong ấy hoàn toàn không có lâu bền chắc thật. Bây giờ các ngươi nên hành pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; nên hành chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; nên hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; nên hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; nên hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; nên hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; nên hành ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; nên hành bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; nên hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; nên hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; nên hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; nên hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; nên hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; nên hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; nên hành quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; nên hành tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; nên hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; nên hành vô lượng, vô biên Phật pháp khác nhưng đừng ỷ vào đó mà sinh tâm ngã mạn buông lung. Vì sao? Vì trong ấy đều không có gì lâu bền chắc thật.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy an trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa khi dùng phương tiện thiện xảo khuyên răn, dạy bảo cho các hữu tình hành đạo Bồ-tát nhưng không bị chấp trước. Vì sao? Không nên chấp trước vào tánh của tất cả pháp, bởi vì người hay chấp trước, pháp bị chấp trước, thời gian của sự chấp trước và không gian của sự chấp trước hoàn toàn không có tự tánh, vì tự tánh của tất cả pháp là không.

Này Thiện Hiện, khi các Đại Bồ-tát tu hành đạo của Bồ-tát như vậy

thì đối với tất cả pháp đều không có chỗ trụ. Lấy không có chỗ trụ mà làm phương tiện. Tuy hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng trong đó không có chỗ trụ. Tuy hành pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh nhưng trong đó không có chỗ trụ. Tuy hành chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành năm loại mắt, sáu phép thần thông nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng nhưng ở trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành tất cả hạnh của Đại Bồ-tát nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Tuy hành vô lượng, vô biên Phật pháp khác nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tự tánh của hành giả và hành tướng tất cả đều không, ở trong đó hoàn toàn không có chỗ trụ.

Này Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát mặc dầu có thể chứng đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề nhưng trong đó không muốn trụ vào chỗ chứng. Vì sao? Vì có hai lý do, đó là: Một, quả vị ấy hoàn toàn không có tự tánh. Người có thể trụ và pháp được trụ đều không để đắc. Hai, đối với quả vị ấy không thỏa mãn. Cho nên đối quả vị ấy không muốn trụ vào chỗ chứng. Nghĩa là các Đại Bồ-tát thường nghĩ như vầy: "Ta phải chứng đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề không thể không chứng đắc. Nhưng ở trong đó không nên trụ vào quả vị đã chứng. Vì sao? Vì từ lúc ta

mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề cho đến nay không bao giờ có tư tưởng khác mà chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Nhưng Ta nhất định phải chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột không lẽ ở trong thời gian đó trụ quả khác."

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy từ lúc mới phát tâm cho đến khi nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát chưa từng có tư tưởng khác mà chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy từ lúc chứng đắc Sơ địa lần lượt chứng đắc địa Thứ mười, chưa từng có tư tưởng khác mà chỉ mong cầu quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy một lòng cầu quả vị Giác ngộ cao tột đối với tất cả thời tâm không tán loạn. Hoạt động của thân, khẩu, ý nghiệp hoàn toàn tương ưng với tâm Bồ-đề.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy trụ vào tâm Bồ-đề để hành đạo Bồ-đề không bị những việc khác làm quấy nhiễu tâm mình.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nếu tất cả các pháp hoàn toàn không sinh thì vì sao nói Đại Bồ-tát hành đạo Bồ-đề?

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, theo lời ông nói, tất cả các pháp đều không sinh nhưng ở đây sao các pháp lại không có chỗ tạo tác, không có chỗ trú nhập vì biết tất cả pháp đều không sinh.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, có phải chăng chư Phật dầu xuất hiện ở thế gian hay không xuất hiện ở thế gian thì pháp giới của các pháp là pháp thường trụ như vậy?

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, nhưng các hữu tình không thể hiểu rõ pháp giới của các pháp là pháp thường trụ như vậy nên luân hồi trong sinh tử chịu các khổ não. Các Đại Bồ-tát vì làm lợi ích cho họ mà hành đạo Bồ-đề. Nhờ đạo Bồ-đề mà làm cho các hữu tình hoàn toàn giải thoát các khổ sinh tử và chứng đắc Niết-bàn thường, lạc, thanh lương.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát nhờ diệu dụng đạo sinh mà chứng Bồ-đề phải không?

Đức Phật dạy:

–Không phải!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nhờ diệu dụng vào đạo không sinh nên đắc Bồ-đề phải không?

Đức Phật dạy:

–Không phải!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nhờ diệu dụng vào đạo sinh và chẳng sinh mà đạt được Bồ-đề chăng?

Đức Phật dạy:

–Không phải!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nhờ diệu dụng vào đạo chẳng sinh chẳng phải không sinh mà đắc Bồ-đề chăng?

Đức Phật dạy:

–Chẳng phải vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu vậy thì nhờ vào đâu mà đạt được Bồ-đề?

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Bồ-đề không do đạo hay chẳng phải đạo mà đạt được. Vì sao? Vì Bồ-đề tức là đạo. Đạo tức là Bồ-đề. Cho nên không do đạo hay chẳng phải đạo mà được.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Bồ-đề tức là đạo, đạo tức là Bồ-đề, phải chăng Đại Bồ-tát đã đắc đạo Bồ-đề thì cũng phải chứng Bồ-đề? Nếu vậy thì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác do duyên gì mà vì chư Bồ-tát nói mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và vô lượng, vô biên Phật pháp khác để khiến cho họ tu chứng?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chẳng lẽ ông cho là Phật thật có đắc Bồ-đề sao?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì Phật tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là Phật. Không nên cho rằng Phật thật có đắc Bồ-đề.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Nhưng theo điều ông hỏi phải chăng Đại Bồ-tát đã đắc đạo Bồ-đề thì cũng đắc đạo Bồ-đề? Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu đạo Bồ-đề chưa được viên mãn thì vì sao nói đã đắc Bồ-đề. Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát nếu đã viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; nếu đã viên mãn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; nếu đã viên mãn chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; nếu đã viên mãn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; nếu đã viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Nếu đã viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; nếu đã viên mãn tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; nếu đã viên mãn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; nếu đã viên mãn bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; nếu đã viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; nếu đã viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; nếu đã viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; nếu đã viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; nếu đã viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; nếu đã viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; nếu đã viên mãn vô lượng, vô biên Phật pháp khác từ đây không gián đoạn thì trong một sát-na định Kim cang dụ tương ưng với diệu tuệ, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí và tương tục của hai chướng thô trọng mà chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Đó mới gọi là Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Với tất cả pháp đều được đại tự tại cho đến tận đời vị lai luôn làm lợi ích cho hữu tình.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến đời vị lai luôn làm thanh tịnh ba thô trọng thân, khẩu, ý của mình và làm thanh tịnh ba thô trọng ấy cho người thì có thể trang nghiêm thanh tịnh ở cõi Phật.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là ba thô trọng thuộc thân, khẩu, ý của Đại Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu sát hại sinh mạng, không cho mà lấy và dục tà hạnh đó là thô trọng thuộc về thân. Nếu nói lời hư dối, lời ly gián, lời hung ác, lời tạp nhuế đó là sự thô trọng thuộc về khẩu. Nếu tham muốn, sân hận tà kiến đó là sự thô trọng về ý.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của Đại Bồ-tát mà không thanh tịnh thì cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xan tham, tâm phạm giới, tâm tức giận, tâm biếng nhác, tâm tán loạn, tâm ác tuệ cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa bậc Cực hỷ đến bậc Pháp vân cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa mười lực của Như Lai, mười tám pháp Phật bất cộng cũng là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa pháp không

quên mất, tánh luôn luôn xả cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa tất cả hạnh của Đại Bồ-tát cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tâm xa lìa quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tham trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có tưởng về sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là thô trọng; có tưởng về nhãn xứ cho đến ý xứ cũng gọi là thô trọng; có tưởng về sắc xứ cho đến pháp xứ cũng gọi là thô trọng; có tưởng về nhãn giới cho đến ý giới cũng gọi là thô trọng; có tưởng về sắc giới cho đến pháp giới cũng gọi là thô trọng; có tưởng về nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng gọi là thô trọng; có tưởng về nhãn xúc cho đến ý xúc cũng gọi là thô trọng; có tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng gọi là thô trọng; có tưởng về địa giới cho đến thức giới cũng gọi là thô trọng; có tưởng về nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng gọi là thô trọng; có tưởng về các pháp do duyên sinh cũng gọi là thô trọng; có tưởng về vô minh cho đến lão tử cũng gọi là thô trọng; có tưởng về Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng gọi là thô trọng; có tưởng về pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng gọi là thô trọng; có tưởng về chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng gọi là thô trọng; có tưởng về Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng gọi là thô trọng; có tưởng về bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng gọi là thô trọng; có tưởng về bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng gọi là thô trọng; có tưởng về tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng gọi là thô trọng; có tưởng về pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng gọi là thô trọng; có tưởng về bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cũng gọi là thô trọng; có tưởng về bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng gọi là thô trọng; có tưởng về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng gọi là thô trọng; có tưởng về năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng gọi là thô trọng; có tưởng về mười lực của Như Lai

cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng gọi là thô trọng; có tưởng về ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ cũng gọi là thô trọng; có tưởng về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng gọi là thô trọng; có tưởng về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng gọi là thô trọng; có tưởng về quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cũng gọi là thô trọng; có tưởng về tất cả hạnh của Đại Bồ-tát cũng gọi là thô trọng; có tưởng về quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng gọi là thô trọng; có tưởng về phàm phu, tưởng về Thanh văn, tưởng về Độc giác, tưởng về Bồ-tát, tưởng về Như Lai cũng gọi là thô trọng; có tưởng về địa ngục, tưởng về bàng sinh, tưởng về ngạ quỷ, tưởng về người, tưởng về trời, tưởng về nam, tưởng về nữ cũng gọi là thô trọng; có tưởng về Dục giới, tưởng về Sắc giới, tưởng về Vô sắc giới cũng gọi là thô trọng; có tưởng về pháp thiện, tưởng về pháp không thiện cũng gọi là thô trọng; có tưởng về pháp hữu ký, tưởng về pháp vô ký cũng gọi là thô trọng; có tưởng về pháp hữu lậu, tưởng về pháp vô lậu cũng gọi là thô trọng; có tưởng về pháp thế gian, tưởng về pháp xuất thế gian cũng gọi là thô trọng; có tưởng về pháp hữu vi, tưởng về pháp vô vi cũng gọi là thô trọng.

Này Thiện Hiện, tất cả vô lượng, vô biên sự chấp trước các pháp như vậy cho đến các phân biệt do hư vọng của hữu tình tạo ra thân, khẩu, ý nghiệp mà chủng loại đó không có tánh chịu đựng nổi đều gọi là thô trọng. Các Đại Bồ-tát đều nên xa lìa.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên xa lìa tất cả thô trọng như đã nói trên. Tự mình hành Bố thí ba-la-mật-đa và dạy bảo người khác hành Bố thí ba-la-mật-đa. Nếu các hữu tình cần thức ăn thì bố thí thức ăn; cần thức uống thì bố thí thức uống, cần xe cộ thì bố thí xe cộ, cần y phục thì bố thí y phục, theo những gì họ cần thì giúp đỡ đầy đủ, tùy thời tùy nơi mà bố thí tất cả. Mình tu hành những gì thì dạy bảo người tu hành như vậy. Bố thí như vậy rồi đem những căn lành ấy cho các hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở để mau viên mãn làm lợi lạc cho hữu tình. Đại Bồ-tát ấy tự mình hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và dạy bảo người khác cũng hành Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Làm những việc ấy rồi đem căn lành đó cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng làm

trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở để mau viên mãn làm lợi lạc hữu tình.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng nguyện lực của thần thông chứa đầy bảy báu thượng diệu trong thế giới ba lần ngàn để cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Cúng dường rồi, Đại Bồ-tát hoan hỷ phát lời thệ nguyện rộng lớn như vầy: "Tôi đem tất cả những căn lành đã trồng được này cho các hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở. Tôi sẽ làm cho cõi của tôi trang nghiêm bằng bảy báu và tất cả hữu tình tùy ý hưởng thụ các trân bảo tốt đẹp nhưng không có tham đắm."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng nguyện lực thần thông trỗi vô lượng thứ kỹ nhạc vi diệu của cõi trời, cõi người để cúng dường Tam bảo và tháp Phật. Cúng dường xong, Đại Bồ-tát hoan hỷ phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: "Tôi đem những căn lành đã trồng được này cho các hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở khiến cho cõi của tôi thường được tấu lên những âm nhạc vi diệu như thế. Hữu tình nào được nghe thâm tâm vui mừng nhưng không tham đắm."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nhờ nguyện lực thần thông chứa đầy các hương hoa tốt đẹp của cõi trời, cõi người cả thế giới ba lần ngàn cúng dường Tam bảo và tháp Phật. Cúng dường xong, Đại Bồ-tát hoan hỷ phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: "Tôi đem những căn lành đã trồng được này cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở khiến cho cõi của tôi thường có các hương hoa tốt đẹp như vậy, hữu tình nào được nhận thì thân tâm vui sướng nhưng không tham đắm."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng nguyện lực thần thông làm trăm món thức ăn uống thượng hạng cúng dường chư Phật, Độc giác, Thanh văn và các Đại Bồ-tát. Cúng dường xong, Đại Bồ-tát hoan hỷ phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: "Tôi đem tất cả căn lành đã trồng được này cho các hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở. Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột khiến cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi đều được ăn trăm món thức ăn uống như vậy, thâm tâm vui sướng no đủ nhưng không tham đắm."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng nguyện lực thần thông làm các hương thơm tốt đẹp, y phục mềm mại như cõi trời, cõi người dâng lên cúng dường chư Phật, Độc giác, Thanh văn và các chúng Đại Bồ-tát, hoặc cúng dường Pháp và tháp Phật. Cúng dường xong, Đại Bồ-tát hoan hỷ phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: "Tôi đem tất cả căn lành đã trồng được này cho các hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở. Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột khiến cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi sẽ được những hương thơm, y phục như vậy, tùy ý thọ hưởng nhưng không tham đắm."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng nguyện lực thần thông làm năm cảnh diệu dục phát sinh tùy ý trong cõi trời, cõi người để cúng dường chư Phật và tháp Phật, Độc giác, Thanh văn và chúng Đại Bồ-tát, bố thí cho các hữu tình khác. Cúng dường xong, Đại Bồ-tát hoan hỷ phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: "Tôi đem những căn lành này cho các hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở. Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột khiến cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi, tùy tâm ưa thích cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp thì ứng với ý nghĩ đó mà hiện ra, vui sướng hưởng thọ nhưng không tham đắm."

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh siêng năng phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: "Tự mình trụ nơi pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh và dạy bảo người khác trụ nơi pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh." Làm những việc như vậy rồi, Đại Bồ-tát phát nguyện: "Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột nguyện cho tất cả loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh, siêng năng, phát thệ nguyện như vầy: "Tự mình trụ trong chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và dạy bảo người khác trụ trong chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn." Làm như vậy rồi, Bồ-tát phát nguyện: "Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không xa lìa chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn và phát nguyện rộng lớn: "Tự mình trụ trong

Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo và dạy bảo người khác cũng trụ trong Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo.” Làm những việc như vậy xong, Đại Bồ-tát lại phát nguyện như vầy: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dũng mãnh tinh tấn và phát nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu tập bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo và cũng dạy bảo người khác tu tập bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo.” Làm những việc như vậy rồi, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn và phát thệ rộng lớn như vầy: “Tự mình tu tập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và dạy bảo người cũng tu tập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.” Làm như vậy xong, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn và phát nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ và dạy bảo người khác tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ.” Làm như vậy xong, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dũng mãnh tinh tấn và phát nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện và dạy bảo người khác tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện.” Làm những việc như vậy rồi, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dũng mãnh tinh tấn và phát nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu tập bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân và dạy bảo người khác tu tập bậc Cực

hỷ cho đến bậc Pháp vân.” Làm như vậy rồi, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không xa lìa bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn phát nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu tập tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa và dạy bảo người khác tu tập tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa.” Làm những việc như vậy xong, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu năm loại mắt, sáu phép thần thông và dạy bảo người khác tu tập năm loại mắt, sáu phép thần thông.” Làm những việc như vậy rồi, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không xả bỏ năm loại mắt, sáu phép thần thông.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn phát nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu tập mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng và dạy bảo người khác tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.” Làm như vậy rồi, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, Tôi nguyện các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn phát nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ và dạy bảo người khác tu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.” Làm như vậy xong, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.”

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn phát nguyện rộng lớn như vầy: “Tự mình tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả và dạy bảo người khác tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả.” Làm như vậy xong, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ pháp không quên mất, tánh luôn

luôn xả."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: "Tự mình tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và dạy bảo người khác tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng." Làm như vậy rồi, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: "Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn phát nguyện rộng lớn như vầy: "Tự mình tu tất cả hạnh của Đại Bồ-tát và dạy bảo người tu tất cả hạnh của Đại Bồ-tát." Làm như vậy rồi, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: "Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tôi nguyện các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ tất cả hạnh của Đại Bồ-tát."

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dũng mãnh tinh tấn phát nguyện rộng lớn như vầy: "Tự mình tu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và dạy bảo người tu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật." Làm như vậy xong, Đại Bồ-tát lại phát nguyện: "Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của tôi không lìa bỏ quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật."

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nhờ hạnh nguyện này mà có thể trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật đang ở.

Thiện Hiện nên biết, chúng Đại Bồ-tát ấy tùy theo nơi chốn và thời gian mà họ hành đạo Bồ-đề sẽ được viên mãn hạnh nguyện đã phát, tức là tùy theo bất cứ nơi nào, lúc nào cũng tinh tấn tu học. Do nhân duyên này mà tự mình có thể thành tựu tất cả pháp lành, cũng có thể khiến cho người khác dần dần thành tựu tất cả pháp lành. Tự mình có thể tu đắc tướng tốt đẹp thù thắng để trang nghiêm thân cũng có thể khiến người khác dần dần tu được tướng tốt đẹp thù thắng để trang nghiêm thân, đó là do phước đức rộng lớn bảo hộ.

Thiện Hiện nên biết, chúng Đại Bồ-tát ấy hạnh nguyện tu tập đã được viên mãn và đều được ở cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột loài hữu tình được giáo hóa cũng sinh vào cõi đó cùng nhau thọ hưởng pháp lạc Đại thừa của Tịnh độ.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát nên tu hành về việc làm trang

nghiêm thanh tịnh cõi Phật như vậy, bởi vì trong cõi đó không nghe nói có ba đường ác, cũng không nghe nói có các cảnh giới thuộc ác kiến, không nghe nói có độc tham, sân, si, không nghe nói có hình tướng nam nữ, không nghe nói có Thanh văn, Độc giác, không nghe nói có khổ, vô thường, những việc không vừa ý, không nghe nói có cất chứa của cải, không nghe nói có chấp ngã, ngã sở, tùy miên, kết sử, điên đảo, chấp trước, không nghe nói có an lập quả vị sai khác của hữu tình, chỉ nghe nói về những tiếng Không, Vô tướng, Vô nguyện, không sinh, không diệt, không tánh, nghĩa là tùy theo những điều ưa thích riêng biệt của hữu tình. Tất cả những vật trong ngoài ở trong rừng thường có gió nhẹ làm va chạm vào nhau phát ra những loại âm thanh vi diệu. Trong âm thanh đó nói về tất cả pháp đều không có tự tánh, vì không có tự tánh nên nó là không, vì không nên vô tướng, vì vô tướng nên vô nguyện, vì vô nguyện nên không sinh, vì không sinh nên không diệt. Cho nên các pháp xưa nay tịch tĩnh tự tánh Niết-bàn. Như Lai xuất hiện ở đời hoặc không xuất hiện ở đời, pháp giới của các pháp là pháp thường trụ như vậy, nghĩa là tất cả pháp, không tánh, không... Trong cõi Phật đó, các loài hữu tình hoặc đêm hoặc ngày, hoặc đi, đứng, nằm, ngồi thường nghe những âm thanh diệu pháp như vậy.

Thiện Hiện nên biết, chúng Đại Bồ-tát đó đều trụ ở vào cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương đều khen ngợi danh hiệu của các vị Phật ấy. Nếu hữu tình nào nghe danh hiệu của chư Phật như vậy thì nhất định đối với quả vị Giác ngộ cao tột được đắc không thoái chuyển.

Thiện Hiện nên biết, chúng Đại Bồ-tát ấy đều trụ ở cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột tuyên nói với chánh pháp cho các hữu tình. Hữu tình nào nghe rồi nhất định không còn nghi ngờ. Nghĩa là đó là pháp, đó là phi pháp. Vì sao? Vì các hữu tình đó thấu đạt tất cả pháp đều là chân như, pháp giới, pháp tánh... tất cả là chánh pháp không phải phi pháp. Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát ấy đều có thể trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, chúng Đại Bồ-tát có vị do hóa sinh mà căn lành chưa đầy đủ, chưa trồng các căn lành với chư Phật, Bồ-tát, Độc giác và Thanh văn vì bị các bạn ác khống chế. Vì xa lìa bạn lành nên không nghe chánh pháp, thường bị chấp trước vào những loại ngã kiến, hữu tình

kiến và các cảnh giới kiến chấp, rơi vào hai kiến chấp đoạn kiến và thường kiến. Các hữu tình đó tự phát sinh tà chấp và thường dạy bảo người khác phát sinh tà kiến. Chẳng phải Tam bảo mà tưởng Tam bảo, ở trong Tam bảo mà cho là chẳng phải Tam bảo, chê bai chánh pháp, khen ngợi tà pháp. Do nhân duyên ấy sau khi qua đời đọa vào các đường ác chịu khổ sở. Các Đại Bồ-tát đều ở vào cõi của mình, khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột rồi, thấy các hữu tình kia chìm đắm trong sinh tử bị vô lượng khổ, dùng lực thần thông và phương tiện để giáo hóa khiến cho chúng xả bỏ ác kiến mà sống trong chánh kiến, ra khỏi đường ác được sinh vào cõi người. Sinh vào cõi người rồi lại dùng phương tiện thần thông giáo hóa khiến chúng trụ trong Chánh định tụ, nhờ như vậy mà hoàn toàn không bị đọa vào đường ác. Lại khuyên họ tu tập hạnh nguyện thù thắng để sau khi qua đời được sinh về cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, thọ hưởng pháp lạc Đại thừa của Tịnh độ.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát đều có thể ở cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh. Nhờ được ở cõi trang nghiêm thanh tịnh mà các hữu tình ấy đối với các pháp không có nghi ngờ. Nói đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian, đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu, đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi, tất cả những phân biệt nghi ngờ hoàn toàn không sinh. Do nhân duyên này mà các loài hữu tình ấy nhất định chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, đó là tướng công đức của cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 477

Phẩm 81: Chánh định

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, các Đại Bồ-tát ấy do trụ vào Chánh tánh định tụ hay trụ vào Bất định tụ?

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát ấy đều trụ vào Chánh tánh định tụ chứ chẳng phải Bất định tụ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát ấy trụ ở những Chánh tánh định tụ nào? Thanh văn thừa, Độc giác thừa hay Bồ-tát thừa?

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát ấy đều trụ vào Chánh tánh định tụ của Bồ-tát, chẳng phải trụ vào Chánh tánh định tụ của hai thừa kia.

Cụ thọ Hiện Thiện lại thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, các Đại Bồ-tát ấy trụ vào Chánh tánh định tụ khi nào? Lúc mới phát tâm, lúc ở địa vị không thoái chuyển hay ở thân cuối cùng?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát ấy hoặc khi mới phát tâm, hoặc ở địa vị không thoái chuyển hay thân cuối cùng, đều trụ vào Chánh tánh định tụ của Bồ-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Trụ vào Chánh tánh định tụ, thì các Đại Bồ-tát có đọa vào cảnh giới ác không?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, trụ vào Chánh tánh định tụ, Đại Bồ-tát nhất định

không đọa các cảnh giới ác.

Đức Phật lại dạy Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Bậc Độ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác có đọa vào cảnh giới ác không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng vậy, từ lúc mới phát tâm tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên Phật pháp khác đều đoạn trừ các pháp ác. Do vậy, các Đại Bồ-tát mà đọa vào các đường ác là không có sự việc đó. Dẫu sinh vào trời Trường thọ, cũng không có việc đó, vì các pháp lành thù thắng không xuất hiện ở nơi đó. Nếu các Đại Bồ-tát ấy sinh nơi biên địa, hoặc sinh vào chỗ biên giới xa xôi, trong chỗ mọi rợ thì cũng không có việc đó. Vì đối với chỗ đó, không thể tu hành các pháp lành thù thắng; mà còn sinh nhiều ác kiến, không tin nhân quả, thường ưa thích tập làm theo những nghiệp xấu ác, không nghe tên Phật, tên Pháp, tên Tăng; cũng không có bốn chúng đó là Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca. Nếu Đại Bồ-tát sinh vào nhà tà kiến thì cũng không có việc đó. Vì sinh vào nhà đó, thì chấp trước những ác kiến, bài bác, nói không có hạnh lành, hạnh ác và kết quả của nó, không tu tập các điều thiện, lại ưa thích làm các điều ác. Cho nên các Bồ-tát không sinh trong nhà ấy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, do thọ lạc thắng ý mà tạo ra mười nghiệp đạo bất thiện; cũng không có việc đó.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm mà thành tựu công đức thiện căn như vậy, thì không sinh vào chỗ ác. Thế thì tại sao, mỗi khi Như Lai thuyết pháp cho đại chúng, Ngài lại nói bản tánh của nó nhiều một trăm, một ngàn loại; trong đó cũng có người sinh vào đường ác? Vậy khi đó, căn lành của chúng ở đâu?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát không phải do nghiệp cấu uế mà thọ thân trong đường ác. Nhưng vì muốn làm lợi ích cho các loài hữu tình

mà chí nguyện thọ thân ở trong đó, cho nên không thể đem những việc của vị ấy ra để hỏi.

Đức Phật lại dạy Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Có Độc giác hoặc A-la-hán dùng phương tiện thiện xảo giống như các Bồ-tát mà thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, thọ thân bàng sinh như voi trắng… thấy kẻ thù đến muốn làm tổn hại, nhưng liền phát sinh lòng Từ bi, an nhẫn vô thượng để muốn cho kẻ thù kia được lợi ích, tự mình bỏ thân mạng chứ không hại người kia phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, các Độc giác... không làm những việc như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, do đó nên biết, Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình để mau viên mãn lòng đại Bi, cho nên dầu hiện thân làm các loài bàng sinh nhưng không bị tội lỗi của bàng sinh làm ô nhiễm.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát trụ vào căn lành nào, để khi muốn làm lợi ích các hữu tình phải thọ thân bàng sinh?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát có căn lành nào mà không được viên mãn? Nhưng các Đại Bồ-tát vì cầu quả vị Giác ngộ cao tột nên tất cả căn lành đều được viên mãn. Nghĩa là các Đại Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi tòa Bồ-đề, không có căn lành nào, mà không được viên mãn. Cần phải làm viên mãn đầy đủ tất cả pháp lành, mới được chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu chưa viên mãn bất cứ một pháp lành nào mà đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì không có việc đó. Cho nên Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi tòa Bồ-đề, trong giai đoạn đó thường học viên mãn tất cả pháp lành. Học xong sẽ đạt được trí Nhất thiết tướng, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí và tướng tục thì mới có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát đã thành tựu pháp trắng và Chân thánh trí mà còn thọ thân bàng sinh ở các cõi ác?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Như Lai có thành tựu tất cả pháp trắng và Chân thánh trí không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, Như Lai đã thành tựu tất cả pháp trắng và Chân thánh trí.

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Như Lai có thể hóa làm thân bàng sinh, để làm các Phật sự, đem lợi ích cho chúng hữu tình hay không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể hóa làm thân bàng sinh, để làm các Phật sự đem lợi ích cho chúng hữu tình.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Khi Như Lai hóa làm thân bàng sinh, chẳng phải thật là bàng sinh bị các khổ không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, khi Như Lai hóa làm thân bàng sinh, chẳng phải thật là bàng sinh bị các khổ ở đó.

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng vậy, mặc dầu thành tựu pháp trắng và Chân thánh trí nhưng một khi đã vì giáo hóa cho các hữu tình được thành tựu thì phải mới dùng phương tiện thiện xảo thọ thân bàng sinh để tùy theo căn cơ mà giáo hóa các loài hữu tình vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Có A-la-hán nào đoạn tận các lậu hoặc mà có thể hóa thân làm các sự nghiệp, rồi nhờ các sự nghiệp ấy mà có thể làm người kia sinh tâm hoan hỷ không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, có A-la-hán các lậu đã được đoạn tận, có thể hóa thân để làm các sự nghiệp. Nhờ sự nghiệp ấy mà có thể khiến cho người khác rất hoan hỷ.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cũng vậy, tuy thành tựu pháp trắng và Chân thánh trí nhưng vì làm lợi ích cho các loài hữu tình mà dùng phương tiện thiện xảo, thọ thân trong đường ác, ứng hiện như vậy, để giáo hóa các loài hữu tình được thành tựu. Tuy thọ thân như vậy, nhưng không bị các khổ não, cũng không bị tội lỗi của cõi đó làm ô nhiễm.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Có nhà ảo thuật hoặc đệ tử

của ông ta, hóa làm những việc như voi, ngựa… làm cho mọi người thấy thích thú. Nhưng đó có phải voi, ngựa… thật sự không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, đó không phải voi, ngựa… thật.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cũng vậy. Mặc dầu thành tựu pháp trắng và Chân thánh trí nhưng vì làm lợi ích cho các loài hữu tình mà thị hiện thọ thân các loại bàng sinh. Tuy thọ thân như vậy, nhưng thật chẳng phải là bàng sinh, cũng không bị tội lỗi của loài ấy làm ô nhiễm.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo rộng lớn như vậy, tuy thành tựu pháp trắng và Chân thánh trí nhưng vì hữu tình mà thọ các loại thân, tùy theo từng loài mà ứng hiện làm lợi ích.

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát trụ vào những pháp nào, để có thể làm những phương tiện thiện xảo như vậy? Tuy thọ đủ loại thân hình trong các loài nhưng không bị tội lỗi của loài đó làm ô nhiễm?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mới có thể làm phương tiện thiện xảo như vậy. Nhờ năng lực phương tiện thiện xảo này, mà mặc dầu đến hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương; các Đại Bồ-tát vẫn thị hiện các loại thân để làm lợi ích an lạc cho các loài hữu tình. Nhưng ở trong đó, không có chấp trước. Vì sao? Vì các Bồ-tát ấy, đối với các pháp, hoàn toàn không có sở đắc; nghĩa là hoàn toàn không đắc ở người nhiễm, ở người bị nhiễm và ở pháp nhiễm. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp đều không.

Thiện Hiện nên biết, cái không, không thể nhiễm trước không, không cũng không thể nhiễm trước pháp khác, cũng không có pháp khác, có thể nhiễm trước không. Vì sao? Vì tánh không trong cái không còn không thể đắc huống chi có pháp khác để có thể đắc. Như vậy gọi là chẳng thể nắm bắt được không. Các Đại Bồ-tát an trụ trong đây, để có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột và luôn làm lợi ích cho các hữu tình.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát chỉ an trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa để có thể làm phương tiện thiện xảo như vậy hay cũng còn an trụ vào các pháp khác?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, chẳng lẽ có pháp nào đó không được bao gồm vào trong Bát-nhã ba-la-mật-đa hay sao mà ông nghi ngờ như vậy?

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, tự tánh nó là không, vì sao có thể nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này bao gồm tất cả pháp, chẳng lẽ trong cái không nói có pháp bao gồm cho pháp không bao gồm hay sao?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, chẳng lẽ tánh các pháp của các pháp là không hay sao?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy, đúng vậy!

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu tánh của tất cả pháp là không há chẳng lẽ trong cái không mà bao gồm tất cả pháp hay sao?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy, đúng vậy!

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Do đó mà Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này bao gồm tất cả các pháp. Thiện Hiện nên biết, Bồ-tát trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mà có thể làm phương tiện thiện xảo như vậy.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì sao khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, an trụ vào trong tự tánh không của các pháp thì có thể phát ra Thần thông ba-la-mật-đa? Có phải an trụ vào Thần thông ba-la-mật-đa đó thì có thể đến hằng hà sa thế giới chư Phật, khắp trong mười phương sẽ được cúng dường, được cung kính chư Phật Thế Tôn, được thọ lãnh chánh pháp của chư Phật, từ đó mà gieo trồng vô lượng căn lành thù thắng?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì thấy khắp hằng hà sa thế giới chư Phật và đại chư Phật, trong mười phương; tất cả các pháp nói ra, tự tánh đều không; chỉ có danh tự của thế tục giả nói ra mà thôi; nói là thế giới, Phật, chúng Tăng và Pháp. Như vậy,

danh tự mà thế tục giả nói thì tự tánh của nó cũng đều không.

Thiện Hiện nên biết, nếu thế giới trong mười phương, chư Phật, chúng Tăng và Pháp được nói chỉ là giả nói danh tự mà tự tánh chẳng phải không, thì cái không mà được nói ra đó sẽ thành một phần. Vì cái không nói ra chẳng phải thành một phần nên tự tánh của tất cả pháp đều không, lý của nó tròn đầy, không hai, không khác. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do quán thấy là không, dùng phương tiện thiện xảo mà phát sinh Thần thông ba-la-mật-đa; an trụ vào Thần thông ba-la-mật-đa đó thì có thể phát sinh Thiên nhĩ, Thiên nhãn, Thần cảnh tha tâm, Túc trí tùy niệm; và biết lậu đã tận, trí tuệ thông suốt vi diệu.

Này Thiện Hiện ông nên biết, các Đại Bồ-tát không xa lìa Thần thông ba-la-mật-đa thì có thể tự tại đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Cho nên Thần thông ba-la-mật-đa là đạo Bồ-đề. Các Đại Bồ-tát đều y vào đạo này mà cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Khi cầu, có thể tự mình viên mãn tất cả pháp lành; cũng có thể dạy bảo người khác tu tập các pháp lành. Tuy làm những việc như vậy, nhưng đối với pháp lành đó, Đại Bồ-tát đều không chấp trước. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đó biết tự tánh của các pháp lành đều không, chẳng phải đã biết tự tánh đều không, nên không bị chấp trước. Nếu bị chấp trước thì có vị ngọt của ái. Do không chấp trước, nên không có vị ngọt của ái. Vì trong tự tánh không, không có vị ngọt của ái nên người hưởng vị, sự hưởng vị và pháp được hưởng vị, ở trong pháp không, đều không thể đắc.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, an trụ trong Thần thông ba-la-mật-đa mà phát sinh Thiên nhãn, thanh tịnh hơn người. Dùng Thiên nhãn này, thấy tự tánh của tất cả pháp đều không. Vì thấy tự tánh của tất cả pháp đều không, nên không dựa vào tướng của pháp để tạo ra sự nghiệp. Mặc dầu vì hữu tình nói pháp như vậy nhưng cũng không dựa vào tướng của các hữu tình và pháp được thuyết cũng vậy. Là Đại Bồ-tát thì lấy vô sở đắc, để làm phương tiện sinh ra thần thông thù thắng của Bồ-tát. Dùng thần thông này, làm tất cả sự nghiệp cần nên làm. Là Đại Bồ-tát thì dùng Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân để thấy khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương; thấy rồi, phát sinh Thần cảnh trí thông, đến đó làm lợi ích cho loài hữu tình. Lấy Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa mà làm lợi ích; hoặc dùng bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo để làm lợi ích; hoặc lấy bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc để làm lợi ích; hoặc lấy tám Giải thoát cho đến

mười Biến xứ để làm lợi ích; hoặc dùng pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện để làm lợi ích; hoặc lấy các pháp lành thù thắng khác để làm lợi ích; hoặc lấy pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và chư Phật mà làm lợi ích. Ở trong thế giới mười phương, thấy hữu tình nào nhiều xan tham thì Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, nói pháp như vầy: "Hữu tình các ngươi nên thực hành bố thí. Những ai xan tham thì chịu nghèo khổ cùng cực. Vì nghèo khổ cùng cực nên không có oai đức, tự mình không thể có lợi ích huống chi có thể làm lợi ích cho người. Cho nên các người hãy siêng năng thực hành bố thí, tự mình được an vui và còn làm cho người khác được an vui; đừng vì nghèo khổ, cùng cực mà ăn nuốt lẫn nhau để rồi mình và người không thể giải thoát ra khỏi các đường ác khổ."

Nếu thấy hữu tình hủy phạm tịnh giới, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, nói pháp như vầy: "Hữu tình các người nên giữ gìn tịnh giới. Những ai phá giới thì bị khổ trong đường ác. Người phá giới không có oai đức, mình không có lợi ích làm sao có thể làm lợi ích cho người. Do phá giới mà phải đọa trong ba đường ác, chịu quả báo, khổ đau khó chịu nổi, tự mình không thể cứu được thì làm sao có thể cứu người. Cho nên các người nên giữ gìn tịnh giới; không nên dung chứa tâm pháp giới, dù trong khoảng sát-na, huống chi thời gian lâu, đừng để tâm của mình buông lung, để rồi về sau hối hận buồn khổ."

Nếu thấy hữu tình sân hận nhau rồi trở thành hận thù, làm tổn hại lẫn nhau, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, nói pháp như vầy: "Hữu tình các ngươi nên tu tập nhẫn nhục, đừng sân giận nhau nữa mà kết hận thù hại nhau. Vì tâm sân hận đó, nó không thuận với pháp lành, nó làm tăng trưởng pháp ác, rồi nhận lấy sự tổn hại trong đời hiện tại. Do tâm sân hận sau này, mà sau khi qua đời, các người sẽ đọa vào đường ác, chịu nhiều cực khổ, chẳng biết lúc nào thoát ra được. Cho nên các người, không nên dung chứa tâm sân giận trong khoảng sát-na, huống gì để nó kéo dài liên tục; các người hiện nay hãy lần lượt nương tựa vào nhau, nên có lòng Từ để làm việc lợi ích."

Nếu thấy hữu tình biếng nhác, giải đãi, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, nói pháp như vầy: "Hữu tình các ngươi, nên tinh tấn siêng năng, đừng biếng nhác, giải đãi với pháp lành. Người giải đãi, không thể nào thành tựu các pháp lành và những việc thù thắng. Do biếng nhác, giải đãi, mà các ngươi đọa vào các đường ác, chịu vô lượng khổ. Cho nên các ngươi không nên dung dưỡng tâm biếng nhác giải đãi, dù trong khoảng sát-na; huống

chi để nó kéo dài liên tục.”

Nếu thấy hữu tình thất niệm, tâm tán loạn, không tịch tĩnh, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, nói pháp như vầy: “Hữu tình các ngươi nên tu tập tĩnh lự, tâm đừng có thất niệm, tán loạn. Tâm như vậy không thuận với pháp lành mà tăng trưởng pháp ác, hiện tại nhận lấy suy tổn. Do đó, các ngươi sau khi qua đời, đọa vào các cõi ác chịu vô lượng khổ. Cho nên các ngươi không nên dung dưỡng tâm tương ưng với thất niệm, tán loạn dù trong khoảnh sát-na, huống chi để nó kéo dài liên tục.”

Nếu thấy hữu tình ngu si ác tuệ, Đại Bồ-tát sinh lòng thương sót, nói pháp như vầy: “Hữu tình các ngươi nên tu tập thắng tuệ chớ để ác tuệ dấy lên. Người có tâm ác tuệ dấy lên, không thể đến các cõi lành thì làm sao giải thoát được. Do nhân ác tuệ này, mà các ngươi đọa vào các cõi ác, bị vô lượng khổ. Cho nên các ngươi không nên dung dưỡng tâm tương ưng với ngu si ác tuệ dù trong khoảng sát-na, huống chi để nó kéo dài liên tục.”

Nếu thấy hữu tình nhiều tham dục, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ tu tập quán bất tịnh.

Nếu thấy hữu tình nhiều sân giận, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ tu tập về phép quán từ bi.

Nếu thấy hữu tình nhiều ngu si, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ tu tập phép quán về nhân duyên.

Nếu thấy hữu tình nhiều kiêu mạn, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ tu tập phép quán về giới phân biệt.

Nếu thấy hữu tình nhiều tầm tứ, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ tu phép quán hơi thở.

Nếu thấy hữu tình mất chánh đạo, Đại Bồ-tát sinh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy bảo hướng dẫn để vào chánh đạo. Nghĩa là Thanh văn đạo, Độc giác đạo, Như Lai đạo thì dùng phương tiện, vì họ nói pháp như vầy: “Những gì mà các ngươi chấp lấy thì tự tánh của nó đều không, chẳng phải trong cái pháp không mà có thể chấp lấy. Vì vô sở chấp là tướng không.”

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa; an trụ trong Thần thông ba-la-mật-đa, dùng phương tiện tự tại giảng nói chánh pháp, để làm lợi ích an lạc cho các loài hữu tình.

Thiện Hiện nên biết, nếu Đại Bồ-tát xa rời Thần thông ba-la-mật-đa thì không thể nào tự tại giảng nói chánh pháp và làm những việc lợi ích cho

các hữu tình.

Thiện Hiện nên biết, như con chim không có cánh, thì không thể nào bay lượn trên bầu trời để đến những chỗ xa. Các Đại Bồ-tát cũng như vậy, nếu không có Thần thông ba-la-mật-đa thì không thể tự tại giảng nói chánh pháp, làm những việc lợi ích cho các loài hữu tình. Cho nên, này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, sẽ phát sinh Thần thông ba-la-mật-đa. Nếu phát sinh Thần thông ba-la-mật-đa tức là có thể tự tại giảng nói chánh pháp, tùy ý làm lợi lạc cho các loài hữu tình.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát dùng Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, nhìn khắp hằng hà thế giới chư Phật trong mười phương và thấy các loài hữu tình sống nơi đó. Thấy rồi, liền phát sinh Thần cảnh trí thông, chỉ trong khoảnh khắc đã đến được cảnh giới ấy; dùng Tha tâm trí như thật rõ biết tâm và tâm sở pháp của các hữu tình ấy, tùy theo căn cơ thích ứng mà nói pháp giải thoát. Nghĩa là nói Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc nói bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc nói bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc nói tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc nói pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc nói tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc nói pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc nói chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc nói Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc nói nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; hoặc nói các pháp do duyên sinh; hoặc nói vô minh cho đến lão tử; hoặc nói tất cả môn của uẩn, xứ, giới; hoặc nói đạo quả Thanh văn; hoặc nói đạo quả Độc giác; hoặc nói Bồ-đề; hoặc nói Niết-bàn để cho các hữu tình đó nghe pháp này, rồi đều đạt được lợi ích yên vui thù thắng.

Các Đại Bồ-tát, dùng Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe tiếng của tất cả người và chẳng phải người. Nhờ Thiên nhĩ này mà nghe chánh pháp của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở mười phương nói. Nghe rồi, thọ trì, tư duy ý nghĩa theo pháp đã nghe, mà như thật giảng nói cho hữu tình; hoặc nói Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; nói đầy đủ cho đến hoặc nói Bồ-đề; hoặc nói Niết-bàn; khiến cho hữu tình kia sau khi nghe pháp đều đạt được lợi ích an lạc thù thắng. Các Đại Bồ-tát, dùng Tha tâm trí thông thanh tịnh siêu nhân để biết rõ như thật tâm và tâm sở pháp của các loài hữu tình. Tùy theo căn cơ thích ứng mà nói pháp giải thoát cho chúng. Nghĩa là nói Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói đầy đủ cho đến hoặc

nói Bồ-đề, hoặc nói Niết-bàn; để cho hữu tình kia sau khi nghe pháp ấy, đều đạt được an vui lợi ích thù thắng.

Các Đại Bồ-tát ấy, dùng tịnh Túc trụ tùy niệm trí thông để nhớ được những việc quá khứ của mình và người. Nhờ thần thông này mà nhớ biết như thật tất cả tên sai khác của chư Phật và chúng đệ tử ở quá khứ. Nếu các hữu tình nào thích nghe những việc đời trước ở quá khứ, để được lợi ích, liền giảng nói những việc đời trước cho họ nghe. Nhờ đấy mà dùng phương tiện nói chánh pháp cho họ; nghĩa là nói Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói đầy đủ cho đến hoặc nói Bồ-đề, hoặc nói Niết-bàn; để các hữu tình đó sau khi nghe pháp ấy, đều đạt được lợi ích an vui thù thắng.

Các Đại Bồ-tát, dùng tấn tốc Thần cảnh trí thông để đến hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương, gần gũi cúng đường chư Phật Thế Tôn, trồng các căn lành với chư Phật trong mười phương; gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn; trồng các căn lành với chư Phật rồi trở về cõi của mình, để nói cho hữu tình nghe những sự việc ở cõi Phật ấy. Nhờ đó, dùng phương tiện đem chánh pháp nói cho họ; nghĩa là nói Bố thí ba-la-mật-đa, nói đầy đủ cho đến nói Bồ-đề, hoặc nói Niết-bàn; để cho các hữu tình đó, sau khi nghe pháp này, đều được đạt lợi ích an vui thù thắng.

Các Đại Bồ-tát, dùng tùy sở đắc Lậu tận trí thông để biết rõ như thật các lậu hữu tình đã tận hoặc chưa tận, cũng như thật biết phương tiện lậu tận để vì những người chưa lậu tận mà giảng nói pháp giải thoát; nghĩa là nói Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói đầy đủ cho đến nói Bồ-đề, hoặc nói Niết-bàn; để cho các hữu tình đó, sau khi nghe pháp này, đều được đạt lợi ích an vui thù thắng.

Các Đại Bồ-tát, dùng tùy sở đắc Lậu tận trí thông để biết rõ như thật các lậu hữu tình đã tận hoặc chưa tận, cũng như thật biết phương tiện lậu tận để vì những người chưa lậu tận mà giảng nói pháp giải thoát; nghĩa là nói Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói đầy đủ cho đến nói Bồ-đề, hoặc nói Niết-bàn, để cho chúng sinh đó, sau khi nghe pháp trên, đều được lợi ích an vui thù thắng.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, sẽ phát sinh Thần thông ba-la-mật-đa. Các Đại Bồ-tát ấy, do tu tập Thần thông ba-la-mật-đa nên được viên mãn, có thể thọ nhiều loại thân tùy theo ý muốn, nhưng không bị tội lỗi của khổ vui làm ô nhiễm. Giống

như hóa thân của Phật, mặc dầu làm những sự nghiệp như vậy nhưng không bị tội lỗi của khổ vui làm ô nhiễm.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, sẽ đạt được Du hý thần thông ba-la-mật-đa. Nếu đạt được Du hý thần thông ba-la-mật-đa, thì có thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, mau chóng chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện nên biết, nếu Đại Bồ-tát không đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thì không thể nào đạt được sự mong cầu về quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát chưa viên mãn tư lương Bồ-đề thì chắc chắn không thể nào chứng được sự mong cầu về quả vị Giác ngộ cao tột.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tư lương Bồ-đề của các Đại Bồ-tát là những gì, mà các Đại Bồ-tát nên viên mãn tư lương Bồ-đề, mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, tất cả pháp lành là tư lương Bồ-đề của Bồ-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Tất cả pháp lành được gọi tên là gì?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong đó đều không phân biệt chấp trước, nghĩa là nghĩ như vầy: "Đây là Bố thí cho đến Bát-nhã, do sự việc này là sự việc này, để mà tu tập Bố thí cho đến Bát-nhã. Ba phân biệt chấp trước ấy đều không có, vì biết tự tánh của các pháp đều không. Do tu sáu pháp Ba-la-mật-đa: Bố thí… mà có thể mình được lợi ích và cũng có thể làm lợi ích cho tất cả hữu tình, để chúng ra khỏi sinh tử, chứng Niết-bàn." Đó gọi là pháp lành, cũng gọi là tư lương Bồ-đề của Bồ-tát, cũng gọi là đạo của Đại Bồ-tát. Chúng Đại Bồ-tát ở quá khứ, hiện tại hay vị lai, đều tu hành đạo này. Được đạo này rồi, sẽ được đắc quả vị Giác ngộ cao tột ngay hiện tại và cũng làm cho hữu tình ngay hiện tại, vượt qua biển lớn sinh tử, được Niết-bàn an lạc.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; an trú trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trú vào chân như cho

đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành địa vị Đại Bồ-tát; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Trong đó hoàn toàn không phân biệt chấp trước. Nghĩa là suy nghĩ như vầy: "Đây là bốn Niệm trụ cho đến trí Nhất thiết tướng, do như vậy mà làm như vậy, mà tu bốn Niệm trụ cho đến trí Nhất thiết tướng. Ba phân biệt chấp trước này hoàn toàn không có, vì biết tự tánh của các pháp là không. Nhờ đã tu bốn Niệm trụ cho đến trí Nhất thiết tướng này, mà có thể tự mình được lợi ích và cũng làm lợi ích cho tất cả hữu tình, để chúng ra khỏi sinh tử chứng Niết-bàn." Nói là pháp lành, cũng gọi là tư lương Bồ-đề của Bồ-tát, cũng gọi là đạo của Bồ-tát. Từ quá khứ, vị lai, hiện tại chúng Đại Bồ-tát đều tu hành đạo này. Được đạo này rồi, hiện tại sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột và cũng có thể khiến hữu tình chứng được đạo ấy ở hiện tại, vượt qua được biển lớn sinh tử, đạt đến Niết-bàn an vui."

Thiện Hiện nên biết, lại có vô lượng công đức mà Đại Bồ-tát tu tập, cũng đều gọi là pháp lành, cũng gọi là tư lương Bồ-đề của Bồ-tát, cũng gọi là đạo của Đại Bồ-tát. Các Đại Bồ-tát cần phải tu tập các pháp lành thù thắng như vậy, cho hoàn toàn viên mãn, thì mới có thể chứng đắc trí Nhất thiết trí. Chứng trí Nhất thiết trí rồi, mới có thể không chuyển vận bánh xe chánh pháp một cách sai lầm, khiến cho hữu tình hoàn toàn an lạc.

-oOo-

Phẩm 82: Phật Pháp

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu các pháp lành này là pháp của Bồ-tát thì những gì là pháp của Phật?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, pháp của Bồ-tát cũng là pháp của Phật. Nghĩa là chư Bồ-tát giác ngộ tướng của tất cả pháp. Do đây mà chứng đắc trí Nhất thiết tướng, đoạn hẳn tất cả tập khí và tương tục. Nếu với tất cả pháp, ngay

trong một sát-na tương ưng với diệu tuệ, khi đã thị hiện chứng Đẳng giác rồi, thì cũng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Thiện Hiện, đó gọi là hai pháp sai biệt của Bồ-tát và Phật. Giống như hai vị Thánh, mặc dầu cả hai là Thánh nhưng có sự sai khác của tu hành hướng đến và trụ quả đã chứng. Vậy pháp mà thành tựu chẳng lẽ không sai khác!

Như vậy này Thiện Hiện, nếu trong đường tu không gián đoạn hành tất cả pháp mà chưa thoát khỏi ám chướng, chưa đến bờ bên kia, chưa được tự tại, chưa đắc quả thì gọi là Bồ-tát. Nếu trong đạo lộ giải thoát, tu hành tất cả pháp và thoát khỏi ám chướng, đã tới bờ bên kia, đã được tự tại, đã được chứng quả mới gọi là Phật. Đó là sự sai khác giữa Phật và Bồ-tát. Do quả vị có khác nên pháp không thể không khác nhưng không thể nói tánh của pháp có khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu tự tướng của tất cả pháp đều không thì tại sao trong cái không của tự tướng có các sự sai khác. Nói đây là địa ngục, đây là bàng sinh, đây là ngạ quỷ, đây là người, đây là trời, đây là bậc Chủng tánh, đây là bậc Đệ bát, đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là A-la-hán, đây là Độc giác, đây là Bồ-tát, đây là Như Lai? Bạch Đức Thế Tôn, những chúng sinh đã nói như vậy thì không thể đắc và nghiệp họ tạo cũng không thể đắc. Nếu nghiệp đã tạo, đã không thể đắc thì quả Dị thục kia cũng không thể đắc.

Đức Phật dạy Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Tự tướng của tất cả pháp đều không, trong cái không của tự tướng thì hữu tình đã không có nghiệp của quả Dị thục cũng không có; trong cái không, không có tướng sai khác. Nhưng các hữu tình đối với lý không của tự tướng các pháp lại biết không như thật, cho nên tạo ra các nghiệp hoặc thiện hoặc ác. Tạo nghiệp thiện được tăng trưởng thì sinh trong trời, người; tạo nghiệp ác tăng trưởng thì đọa trong ba đường ác. Trong nghiệp thiện, đối với nghiệp thiền định mà tạo tác tăng trưởng thì được sinh vào cõi Sắc giới hoặc Vô sắc giới. Do nhân duyên này mà các Đại Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; an trú trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trú trong chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trú trong Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn

Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp phần Bồ-đề như vậy phải tu không gián đoạn, không thiếu khuyết, phải làm cho nó viên mãn. Khi viên mãn rồi, thì có thể phát sinh định Kim cang dụ, thân cận, hỗ trợ Bồ-đề và chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, làm những việc lợi ích cho các hữu tình, không cho hư hoại. Vì không hư hoại, nên các hữu tình thoát khỏi các khổ não trong sinh tử.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Phật đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột rồi thì có bị sinh tử trong các cõi không?

Đức Phật dạy:

–Không!

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, Phật chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột rồi có nghiệp đen, nghiệp trắng, nghiệp trắng đen, nghiệp chẳng phải trắng đen không?

Phật dạy:

–Không!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa tiếp:

–Bạch Thế Tôn, nếu Phật không còn sinh tử trong các thú và tạo nghiệp sai khác, như vậy tại sao nêu ra đây là địa ngục, đây là bàng sinh, đây là ngạ quỷ, đây là trời, đây là người, đây là bậc Chủng tánh, đây là bậc Đệ bát, đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là A-la-hán, đây là Độc giác, đây là Bồ-tát, đây là Như Lai?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các loài hữu tình có tự biết, tự tướng của các pháp là không hay không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu các hữu tình tự biết tự tướng của các pháp là không thì đối với quả vị Giác ngộ cao tột, các Đại Bồ-tát không cần phải cầu chứng mà phải dùng phương tiện thiện xảo cứu các hữu tình ra khỏi đường ác sinh tử. Vì các hữu tình không biết tự tướng của các pháp đều không, nên mới bị luân hồi trong các cõi, chịu vô lượng khổ. Cho nên các Đại Bồ-tát đã nghe Phật nói về tự tướng của các pháp đều không rồi nhưng vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình mà cầu chứng quả vị Giác ngộ cao tột; dùng phương tiện thượng xảo cứu vớt các hữu tình khởi sinh tử trong cõi ác.

Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát thường nghĩ như vầy: "Chẳng lẽ tất cả pháp thuật có tự tướng cũng giống như những sự chấp trước của phàm phu hay sao? Vì do họ phân biệt điên đảo, nên trong cái không thật có mà sinh vọng tưởng thật có; nghĩa là, trong vô ngã mà sinh vọng tưởng có ngã, trong không tình mà sinh vọng tưởng hữu tình; nói rộng cho đến trong không có người thấy mà tưởng có người thấy, trong không có sắc mà tưởng có sắc, trong không có thọ, tưởng, hành, thức mà tưởng là có thọ, tưởng, hành, thức; cho đến trong tất cả pháp hữu vi thì sức phân biệt, hư vọng, điên đảo càng lớn. Cái không thật cho là thật, chẳng có chấp là có; do đây mà tạo ra thân, khẩu, ý nghiệp; không thể giải thoát ra khỏi sinh tử trong đường ác. Ta nên cứu vớt để chúng được giải thoát." Nghĩ như vậy rồi, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lấy các pháp lành mà giáo hóa họ, không đi ngược với sự tu hành của các hạnh Bồ-tát và dần dần viên mãn tư lương Bồ-đề. Tư lương Bồ-đề đã viên mãn rồi, thì chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Chứng Bồ-đề rồi nhưng vì các hữu tình mà giảng nói, mở bày phân biệt, thiết lập về sự thật của bốn Thánh đế. Nói đây là Thánh đế khổ, nói đây là Thánh đế tập, đây là Thánh đế diệt, đây là con đường đi đến Thánh đế diệt. Lại đem tất cả pháp phần Bồ-đề và dùng trí thông đạt mà thâu nhiếp tất cả trong bốn Thánh đế. Lại nương vào tất cả pháp phần Bồ-đề, dùng trí vi diệu thi hành xây dựng Phật, Pháp, Tăng bảo. Nhờ ba ngôi báu này xuất hiện trên thế gian, làm cho các loài hữu tình giải thoát sinh tử. Nếu các hữu tình không quy y tin tưởng Phật, Pháp, Tăng bảo, sẽ tạo ra các nghiệp ác, bị luân hồi trong các nẻo, chịu vô lượng khổ. Cho nên phải quy y Phật, Pháp, Tăng bảo.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì nhờ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo mà các loài hữu tình được nhập Niết-bàn; vì nhờ Thánh trí khổ, tập, diệt, đạo mà các loài

hữu tình được Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện hiện, chẳng phải do Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo mà các loài hữu tình nhập Niết-bàn; chẳng phải do Thánh trí khổ, tập, diệt, đạo mà các hữu tình nhập Niết-bàn.

Này Thiện Hiện, Ta nói tánh bình đẳng của bốn Thánh đế tức là Niết-bàn. Như vậy Niết-bàn không do Khổ, tập, diệt, đạo đế mà được, không do Khổ, tập, diệt, đạo trí mà được, chỉ do Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng tánh bình đẳng mới gọi là được Niết-bàn.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, những gì gọi là tánh bình đẳng Khổ, tập, diệt, đạo?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đối với nơi nào không có Khổ, tập, diệt, đạo đế; không có Khổ, tập, diệt, đạo trí thì gọi là tánh bình đẳng của bốn Thánh đế. Tánh bình đẳng này tức là bốn Thánh đế. Nó gồm tất cả chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn, Phật xuất hiện ở đời hoặc không xuất hiện ở đời; thì tánh tướng ấy vẫn thường trụ, không hư hoại, không biến đổi. Như vậy gọi là tính bình đẳng của Khổ, tập, diệt, đạo. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, là có ý muốn hiểu rõ tánh bình đẳng của bốn Thánh đế. Nếu đã biết tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này rồi thì gọi là biết rõ nhân chánh về tất cả Thánh đế sẽ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa lại muốn giác ngộ tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa? Nếu một khi biết rõ tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này, gọi là giác ngộ chân chánh về tất cả Thánh đế, thì sẽ không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác mà nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không có một pháp nhỏ nào mà không thấy như thật. Khi thấy biết như thật, về tất cả các pháp thì đối với tất cả pháp đều không chỗ đắc, với tất cả pháp không chỗ đắc đúng như thật thấy, thì tất cả pháp cũng đều không. Nghĩa là như thật thấy biết các pháp được thâu nhiếp hay không thâu nhiếp

trong bốn Đế đều là không. Khi thấy như vậy, thì có thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Do nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát nên trụ được trong bậc Chủng tánh của Bồ-tát. Trụ trong bậc Chủng tánh của Bồ-tát rồi, thì nhất định không từ đỉnh cao rơi xuống. Nếu từ cao rơi xuống thì sẽ rơi vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác. Các Đại Bồ-tát ấy, an trụ trong bậc Chủng tánh của Bồ-tát mà phát sinh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Các Đại Bồ-tát ấy an trụ trong địa Xa-ma-tha liền có thể quyết đoán, chọn lựa tánh của tất cả pháp và từ đó giác ngộ lý của bốn Thánh đế. Bây giờ, mặc dầu Bồ-tát biết hoàn toàn các khổ nhưng tâm không sinh chấp vào Khổ; mặc dầu đoạn trừ hẳn tập nhưng không khởi duyên chấp vào Tập; mặc dầu có chứng diệt nhưng tâm không khởi duyên chấp vào Diệt; mặc dầu có khả năng tu đạo nhưng tâm không khởi duyên chấp vào Đạo chỉ sinh tâm tùy thuận hướng đến, để nhập quả vị Giác ngộ cao tột. Quan sát như thật, thật tướng của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy làm sao quan sát thật tướng của các pháp?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát ấy quán tất cả pháp đều là không; đó là quan sát thật tướng của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát ấy làm sao quan sát các pháp đều không?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đối với các pháp, các Đại Bồ-tát ấy quan sát như thật tự tướng của nó đều không. Như vậy là quan sát các pháp đều không. Đại Bồ-tát ấy dùng Tỳ-bát-xá-na với tướng như thật, quán sát thấy các pháp đều không, không thấy có tự tánh của các pháp trụ vào tánh của nó; để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh; nghĩa là từ sắc cho đến thức, đều lấy không tánh để làm tự tánh; từ nhãn xứ cho đến ý xứ, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ sắc xứ cho đến pháp xứ, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ nhãn giới cho đến ý giới, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ sắc giới cho đến pháp giới cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ nhãn thức giới cho đến ý thức giới, cũng lấy không tánh để làm tự

tánh; từ nhãn xúc cho đến ý xúc, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ địa giới cho đến thức giới, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; các pháp do duyên sinh cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ vô minh cho đến lão tử, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng lấy không tánh làm tự tánh; năm loại mắt, sáu phép thần thông, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, cũng lấy không tánh làm tự tánh; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng lấy không tánh để làm tự tánh; từ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, cũng lấy không tánh để làm tự tánh; tất cả hạnh của Đại Bồ-tát cũng lấy không tánh làm tự tánh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng lấy không tánh để làm tự tánh. Như vậy, không tánh chẳng phải chư Phật tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Bồ-tát tạo ra, chẳng phải Thanh văn tạo, cũng chẳng phải do bậc Trụ quả hành hướng tạo; chỉ vì tất cả hữu tình không thấy như thật về tất cả pháp đều không. Các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng phương tiện thiện xảo theo sự giác ngộ của mình mà giảng nói cho các hữu tình; để họ lìa bỏ chấp trước, mà giải thoát tất cả sinh, già, bệnh, chết, chứng được Niết-bàn rốt ráo an lạc.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 478

Phẩm 83: Vô sự

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều lấy không tánh để làm tự tánh, như vậy không tánh chẳng phải Phật tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Bồ-tát tạo ra, chẳng phải Thanh văn tạo ra, cũng chẳng phải bậc trụ quả hạnh hướng tạo ra, thì tại sao nêu ra các pháp khác nhau? Nói đây là địa ngục, đây là bàng sinh, đây là ngạ quỷ, đây là người, đây là trời Tứ đại vương cho đến trời Tha hóa tự tại, đây là trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh, đây là trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là A-la-hán, đây là Độc giác, đây là Bồ-tát, đây là Như Lai. Do nghiệp như vậy, nên tạo ra địa ngục; do nghiệp như vầy, nên tạo ra bàng sinh; do nghiệp như vậy, nên tạo ra ngạ quỷ; do nghiệp như vậy, nên tạo ra người; do nghiệp như vậy, nên tạo ra trời Tứ đại Thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại; do nghiệp như vậy nên tạo ra trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh; do nghiệp như vậy, nên tạo ra trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; do pháp như vậy nên có Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn; do pháp như vậy nên có A-la-hán; do pháp như vậy nên có Độc giác; do pháp như vậy nên có Bồ-tát; do pháp như vậy nên có Như Lai.

Bạch Đức Thế Tôn, pháp không tánh nhất định không có tác dụng, vậy tại sao lại nói: Do nghiệp như vậy nên sinh vào địa ngục; do nghiệp như vậy nên sinh trong loài bàng sinh; do nghiệp như vậy nên sinh vào ngạ quỷ; do nghiệp như vậy nên sinh trong loài người; do nghiệp như vậy nên sinh lên cõi trời Tứ đại Thiên chúng cho đến trời Tha hóa tự tại; do nghiệp như vậy nên sinh lên cõi trời Phạm chúng cho đến cõi trời Sắc cứu cánh; do nghiệp như vậy nên sinh vào cõi trời Không vô biên xứ cho đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; do pháp như vậy nên đắc quả Dự lưu; do pháp

như vậy nên đắc quả Nhất lai; do pháp như vậy nên đắc quả Bất hoàn; do pháp như vậy nên đắc quả A-la-hán; do pháp như vậy nên đắc quả Độc giác Bồ-đề; do pháp như vậy nên đắc địa vị Bồ-tát hành đạo Bồ-tát; do pháp như vậy nên đắc trí Nhất thiết tướng gọi là Phật Thế Tôn, làm cho các hữu tình giải thoát sinh tử?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Theo những điều ông hỏi, trong pháp không tánh không thể nói là các pháp có sự khác nhau. Nó không có nghiệp không có quả cũng không có tác dụng; chỉ vì những kẻ phàm phu ngu si không hiểu rõ Thánh pháp Tỳ-nại-da, không biết như thật về các pháp đều lấy không tánh làm tánh; do ngu si điên đảo, mà tạo ra các nghiệp thân, khẩu, ý, rồi theo nghiệp sai khác ấy, mà thọ các loại thân khác nhau; dựa vào từng phẩm loại khác nhau của thân ấy, để đặt ra địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, hoặc người, hoặc trời cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vì muốn cứu vớt những kẻ phàm phu, ngu si, điên đảo, chịu các khổ đó mà đưa ra từng phần vị sai khác của Thánh pháp và Tỳ-nại-da. Dựa vào phần vị này mà đặt ra Dự lưu cho đến Độc giác, Bồ-tát, Như Lai. Nhưng tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh. Trong pháp không tánh thật không có pháp khác, không có nghiệp, không có quả, cũng không có tác dụng vì pháp không tánh thường không tánh.

Lại nữa này Thiện Hiện, như lời ông nói. Pháp không tánh chắc chắn không có tác dụng thì tại sao lại nói do pháp như vậy nên đắc quả Dự lưu, nói đầy đủ cho đến do pháp như vậy nên đắc trí Nhất thiết hiệu là Phật Thế Tôn; khiến cho các hữu tình được giải thoát sinh tử. Ý ông thế nào? Các đạo phải tu tập là không tánh ư? Các quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, Bồ-tát đạo, trí Nhất thiết tướng là không tánh ư?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy, đúng vậy! Các đạo phải tu, nói rộng cho đến trí Nhất thiết tướng đều là không tánh.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Pháp không tánh, có thể đắc pháp không tánh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, không tánh và đạo là tất cả pháp đều chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng, không có sắc, không thấy, không đối tất cả là một, gọi đó là không tướng. Chúng sinh phàm phu, ngu si, điên đảo; đối với pháp không tướng, mà tưởng có pháp, nên chấp trước vào năm uẩn; trong cái vô thường, lại tưởng là thường; trong các khổ, lại tưởng vui; trong vô ngã, lại tưởng hữu ngã; trong bất tịnh, lại tưởng thanh tịnh; với pháp không tánh lại chấp trước hữu tánh. Do đấy mà các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa; dùng phương tiện thiện xảo cứu vớt các loài hữu tình, để chúng xa lìa cách phân biệt điên đảo, hư vọng; dùng phương tiện an trú trong pháp không tướng, khuyên họ siêng năng tu tập để giải thoát sinh tử, chứng đắc cứu cánh Niết-bàn thường lạc.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, những sự chấp trước của chúng sinh phàm phu ngu si nếu có chân thật mà không hư vọng, thì sự chấp trước của họ có tạo ra các nghiệp, do đó có bị trầm luân trong các nẻo không thể thoát khổ sinh tử không?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, những sự chấp trước của chúng sinh phàm phu ngu si dẫu một chút nhỏ như đầu sợi lông, có thể nào nói chân thật mà không hư vọng? Sau khi họ chấp trước rồi, tạo ra các nghiệp, do đó mà bị trầm luân trong các nẻo, không thể giải thoát khổ sinh tử; chỉ vì họ hư vọng, điên đảo, chấp trước. Vì ông, nay Ta sẽ nói rõ những ví dụ để làm sáng tỏ nghĩa này, từ đó ông sẽ dễ hiểu. Những ai có trí, nhờ các ý nghĩa đã nói trong các ví dụ đó, có thể sinh tín giải.

Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Trong mộng, người thấy mình hưởng năm dục lạc. Như vậy, trong mộng có chút việc thật nào có thể làm cho người kia hưởng dục lạc không?

Thiện Hiện thưa:

–Người thấy trong mộng còn không thật có, thì làm sao có việc thật, để cho người kia hưởng năm dục lạc.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Có phải các pháp hoặc thiện hoặc bất thiện, hữu ký hoặc vô ký, hữu lậu hoặc vô lậu, thế gian hoặc xuất thế gian, pháp hữu vi hoặc pháp vô vi, là những việc thấy như trong mộng không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nhất định không có pháp hoặc thiện hoặc ác, hữu ký hay vô ký, hữu lậu hay vô lậu, thế gian hay xuất thế gian, hữu vi hoặc vô vi, chẳng phải là những việc đã thấy như trong mộng.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Trong mộng, thật có việc luân hồi sinh tử trong các nẻo không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Trong mộng có tu đạo chân thật, dựa vào tu đạo đó có lìa tạp nhiễm để được thanh tịnh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không, vì sao? Vì pháp thấy trong mộng đều chẳng phải sự thật; chẳng phải người đặt ra, chẳng phải pháp được đặt ra; tu đạo còn không có thì làm sao dựa vào tu đạo mà lìa tạp nhiễm, để được thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Những hình tượng hiện trong gương sáng là có thật? Có thể theo đó tạo nghiệp, theo nghiệp đã tạo mà đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sinh, hoặc đọa ngạ quỷ hoặc sinh trong cõi người, hoặc sinh lên trời chịu khổ vui không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, những hình tượng thấy trong gương sáng đều là việc không thật, chỉ dối gạt trẻ con ngu si thì làm sao có thể theo đó mà tạo ra các nghiệp; theo nghiệp đã tạo hoặc đọa vào cõi ác hoặc sinh lên cõi trời, cõi người, chịu cả khổ vui.

Phật dạy:

–Ǹy Thiện Hiện, î ơng thế ǹo? Ćc hình tượng cĩ tu ạo cĥn thật, dựa v̀o tu ạo ĩ cĩ lìa tạp nhiễm ể ược thanh tịnh khơng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, các hình tượng trong gương sáng đều không thật sự. Không có người đặt ra, không có pháp được đặt ra. Tu đạo còn không có, làm sao nương vào tu đạo mà lìa tạp nhiễm và được thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Những tiếng vọng trong hang núi là việc có thật, có thể nương vào đó tạo nghiệp, do nghiệp đã tạo mà đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào bàng sinh, hoặc đọa vào ngạ quỷ, hoặc sinh vào cõi người, hoặc sinh lên cõi trời để chịu khổ vui không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, những tiếng vọng trong hanh núi đều là việc không có thật; chỉ là gạt trẻ con ngu si thì làm sao có thể vào đó để tạo các nghiệp, rồi do nghiệp đã tạo mà đọa vào đường ác, hoặc sinh vào cõi trời, người, để chịu khổ vui.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Các tiếng vọng có tu đạo chân thật, y theo tu đạo mà lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì tiếng vọng trong hang núi là việc không có thật, có thể dựa vào đó để tạo nghiệp; rồi do nghiệp đã tạo mà sinh vào địa ngục, hoặc sinh vào cõi trời để chịu khổ vui không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nước hiện trong quáng nắng đều là việc không thật, chỉ là dối gạt trẻ con ngu si thì làm sao có thể y vào đó để tạo các nghiệp, do nghiệp đã tạo mà đọa vào các đường ác, hoặc sinh vào cõi trời, người, chịu các khổ vui.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Nước hiện trong quáng nắng có tu đạo chân thật, y vào tu đạo đó lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì nước hiện trong quáng nắng đều là việc không thật, chẳng phải người tạo ra, chẳng phải pháp được tạo ra. Tu đạo còn không có, làm sao dựa vào tu đạo đó mà lìa tạp nhiễm để được thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Sắc tướng hiện trong bóng sáng đều là việc không thật, có thể dựa vào đó mà tạo các nghiệp, do nghiệp đó mà sinh vào địa ngục, hoặc sinh vào bàng sinh, hoặc sinh vào ngạ quỷ, hoặc

sinh vào cõi người, hoặc sinh vào cõi trời mà chịu khổ vui không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, sắc tướng hiện trong bóng sáng đều là việc không thật, chỉ là dối gạt trẻ con ngu si, thì làm sao y vào đó tạo các nghiệp; do nghiệp đã tạo mà đọa vào các đường ác, hoặc sinh vào cõi người, trời, chịu khổ vui.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Các sắc tướng trong bóng sáng, có tu đạo chân thật, dựa vào tu đạo đó mà lìa tạp nhiễm để được thanh tịnh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì sắc tướng của bóng sáng đều là việc không thật, chẳng phải người tạo ra, chẳng phải pháp tạo ra; tu đạo còn không có thì làm sao dựa vào tu đạo đó mà lìa tạp nhiễm để được thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Thầy ảo thuật dùng ảo thuật làm bốn loại quân hùng mạnh: voi, ngựa, xe, bộ; hoặc huyễn hóa làm trâu, dê, trai, gái và những việc rất kỳ lạ. Tất cả hiện tướng huyễn hóa này là việc có thật, để y theo đó mà tạo nghiệp; rồi do nghiệp đã tạo, mà đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào bàng sinh, hoặc vào ngạ quỷ, hoặc sinh vào cõi người, hoặc sinh vào cõi trời chịu khổ vui không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, tất cả hiện tượng ngựa, voi… do ảo thuật mà có đều là việc không thật, chỉ là dối gạt trẻ con ngu si, thì làm sao theo đó mà tạo các nghiệp; do nghiệp đã tạo mà đọa vào các đường ác, hoặc sinh vào cõi trời, người chịu khổ vui.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Việc huyễn hóa có tu đạo chân thật, y vào tu đạo đó mà lìa nhiễm tạp để được thanh tịnh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không, vì sao? Vì tất cả voi, ngựa huyễn hóa… đều là việc không thật, chẳng phải người tạo ra, chẳng phải pháp tạo ra; tu đạo còn không có, thì làm sao dựa vào tu đạo đó mà lìa tạp nhiễm để được thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Người có phép biến hóa, hóa ra thân, thì thân biến hóa đó là việc có thật để y theo đó tạo nghiệp; do nghiệp đã tạo mà đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào bàng sinh, hoặc đọa vào ngạ quỷ, hoặc sinh vào cõi người, hoặc sinh vào cõi trời mà chịu khổ vui không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, các thân biến hóa đều là việc không thật, như vậy làm sao có thể nương vào đó tạo các nghiệp; do nghiệp đã tạo hoặc đọa vào đường ác, hoặc sinh vào cõi trời, người để chịu khổ vui.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Hóa thân vào tu đạo chân thật, y vào tu đạo đó mà lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không, vì sao? Vì các thân biến hóa đều là việc không thật, chẳng phải người tạo ra, chẳng phải pháp tạo ra. Tu đạo còn không có, làm sao nương vào tu đạo mà lìa tạp nhiễm, để được thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Các sự việc hiện trong thành Tầm hương là việc có thật; có thể nương vào đó tạo nghiệp; do nghiệp đã tạo mà đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào bàng sinh, hoặc đọa vào ngạ quỷ, hoặc sinh vào cõi người, hoặc sinh vào cõi trời để chịu khổ vui không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, các sự việc hiện trong thành Tầm hương đều là việc không thật, thì làm sao nương vào đó để tạo các nghiệp, rồi do nghiệp đã tạo nên mà đọa vào đường ác, hoặc sinh lên cõi trời để chịu khổ vui.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Các sự việc hiện trong thành Tầm hương có tu đạo chân thật, nương vào tu đạo đó có lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không, vì sao? Vì những sự việc hiện trong thành Tầm hương đều là việc không thật, chẳng phải người tạo ra, chẳng phải pháp tạo ra. Tu đạo còn không có, thì làm sao nương vào tu đạo mà lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Trong những ví dụ trên đây có thật đều là việc tạp nhiễm và thanh tịnh không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, trong những thí dụ trên đây hoàn toàn không thật tạp nhiễm và thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu như tạp nhiễm và thanh tịnh thật không sở hữu, vậy thì tạp nhiễm và thanh tịnh cũng chẳng thật có. Vì sao? Vì các hữu tình do chấp vào ngã và ngã sở, mà có phân biệt hư vọng nên mới nói có tạp nhiễm và thanh tịnh. Do đó mà nói có thanh tịnh và có tạp nhiễm. Chẳng thấy thật sự mà nói có tạp nhiễm và thanh tịnh. Nếu ai thấy thật sự thì biết không tạp nhiễm và thanh tịnh. Như vậy cũng không có tạp nhiễm, thanh tịnh thật sự để có thể đắc; vì tất cả các pháp hoàn toàn không vậy.

-oOo-

Phẩm 84: Thật thuyết

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, người thấy thật đã không tạp nhiễm và không thanh tịnh, còn người thấy không thật cũng không tạp nhiễm và không thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không sở hữu.

Bạch Thế Tôn, người nói thật đã không tạp nhiễm và không được thanh tịnh, còn người nói không thật cũng không tạp nhiễm và không thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh.

Bạch Thế Tôn, pháp không tự tánh đã không tạp nhiễm và không thanh tịnh, pháp có tự tánh cũng không tạp nhiễm và không thanh tịnh. Các pháp có tự tánh và không tự tánh cũng không tạp nhiễm và không thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp đều dùng không tánh làm tự tánh.

Bạch Thế Tôn, người thấy thật và người nói thật đều không nhiễm, không tịnh. Người không thấy thật, người không nói thật cũng không nhiễm, không tịnh. Vậy vì sao có lúc Thế Tôn nói có pháp thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, Ta nói tánh bình đẳng của tất cả pháp là pháp thanh tịnh.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa tiếp:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là tánh bình đẳng của tất cả pháp?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các pháp chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Phật xuất hiện ở đời hoặc không xuất hiện ở đời thì tánh tướng vẫn thường trụ, nên gọi là tánh bình đẳng của tất cả pháp. Tánh bình đẳng này gọi là pháp thanh tịnh. Đây là dựa vào Thế tục đế mà nói là thanh tịnh chứ không dựa Thắng nghĩa đế. Vì sao? Vì trong Thắng nghĩa đế đã không còn phân biệt, cũng không còn hý luận, tất cả danh tự ngôn ngữ đều cắt đứt trên đường đi.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp như mộng, như ảo trong gương, như tiếng vọng, quáng nắng, như bóng, như huyễn hóa và như thành Tầm hương, thì dầu nó hiện lên giống như thật có, nhưng mà không thật sự có. Các Đại Bồ-tát vì sao lại dựa vào pháp chẳng thật có này, để phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Rồi lại thề rằng: "Tôi phải viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tôi sẽ viên mãn Thần thông thù thắng ba-la-mật-đa. Tôi sẽ viên mãn phương tiện thiện xảo, nguyện lực trí vi diệu Ba-la-mật-đa. Tôi sẽ viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Tôi sẽ viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tôi sẽ viên mãn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tôi sẽ viên mãn tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ. Tôi sẽ viên mãn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Tôi sẽ viên mãn chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Tôi sẽ viên mãn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Tôi sẽ viên mãn bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Tôi sẽ viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Tôi sẽ viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông. Tôi sẽ viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tôi sẽ viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Tôi sẽ viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Tôi sẽ viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ. Tôi sẽ phát vô lượng ánh sáng chiếu khắp vô biên thế giới trong mười phương. Tôi sẽ phát ra âm thanh vi diệu khắp cả vô biên thế giới trong mười phương. Tùy theo sự hiểu

biết khác nhau do tâm và tâm sở pháp của các hữu tình xác định mà nói cho họ những loại pháp môn khiến được lợi ích an lạc."

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Pháp mà ông nói chẳng lẽ không phải như mộng, ảnh tượng, tiếng vang, quáng nắng, hình bóng, huyễn hóa và thành Tầm hương hay sao?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn, tất cả pháp như mộng cho đến như thành Tầm hương đều không thật sự. Thế cho nên khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thường phát thệ nguyện lớn rằng: "Tôi sẽ viên mãn tất cả công đức để làm lợi ích an lạc cho vô lượng hữu tình."

Bạch Thế Tôn, những gì thấy trong mộng, nói rộng cho đến những sự việc hiện trong thành Tầm hương mà thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không thật có, thì làm sao có thể viên mãn, bởi tất cả pháp khác cũng như vậy, đều không thật có.

Bạch Thế Tôn, những gì thấy trong mộng, nói rộng cho đến những sự việc hiện trong thành Tầm hương mà thực hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, đều không thật có, thì làm sao có thể viên mãn, bởi tất cả pháp khác cũng như vậy, đều chẳng thật có.

Bạch Thế Tôn, những gì thấy trong mộng, nói rộng cho đến các sự việc hiện trong thành Tầm hương mà thành sự nghiệp của tất cả thệ nguyện đều không thật có, bởi tất cả pháp khác cũng như vậy, đều chẳng thật có.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Pháp chẳng thật có mà thực hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thì làm sao viên mãn. Như vậy cho đến pháp chẳng thật có, không thể hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thì làm sao có thể viên mãn. Pháp chẳng thật có, không thể thành tựu các sự nghiệp đã nguyện. Vì pháp chẳng thật nên không thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên pháp lành cũng chẳng thật có nên không thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện nên biết, tất cả các pháp như vậy đều do suy nghĩ tạo tác. Các pháp do suy nghĩ tạo tác thì không thể đạt trí Nhất thiết trí.

Lại này Thiện Hiện, như vậy đối với đạo Bồ-đề, mặc dù các pháp có thể phát sinh; nhưng quả của nó không có tác dụng hỗ trợ. Do các pháp này không sinh, không khởi, không thật tướng. Các Đại Bồ-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, từ lúc mới phát tâm đã có nhiều nghiệp lành từ thân, khẩu, ý. Nghĩa là đã biết tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; như vậy cho đến, tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, do vậy mà biết tất cả như mộng, bóng trong gương, quáng nắng, bóng, huyễn hóa và thành Tầm hương đều không thật có.

Lại nữa này Thiện Hiện, như vậy, các pháp tuy không thật có, nhưng nếu không viên mãn, thì nhất định không thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Nghĩa là, các Đại Bồ-tát nếu không viên mãn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thì nhất định không thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, với tất cả pháp lành đã tu tập đều biết thật sự nó như mộng cho đến như thành Tầm hương. Nghĩa là nếu tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thì đều biết thật sự nó như mộng cho đến như thành Tầm hương. Như vậy, nếu tu hành cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thì cũng đều biết như thật nó như mộng cho đến như thành Tầm hương. Nếu đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thì đối với quả vị Giác ngộ cao tột cũng đều biết như thật, nó như mộng cho đến như thành Tầm hương. Và cũng biết như thật cái tâm hành sai khác của các loài hữu tình, nó như mộng cho đến như thành Tầm hương.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đối với tất cả pháp không chấp có, không chấp không. Nếu ai chấp như vậy mà chứng đắc trí Nhất thiết trí thì cũng biết pháp đó là như mộng cho đến như thành Tầm hương. Thế nên không chấp có, không chấp không. Vì sao? Vì Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều không chấp giữ; pháp thiện, pháp bất thiện cũng không chấp giữ; pháp hữu ký, vô ký cũng không chấp giữ; pháp hữu lậu, vô lậu cũng không chấp giữ; pháp thế gian, xuất thế gian cũng không chấp giữ; pháp hữu vi, vô vi cũng

không chấp giữ. Sau khi các Đại Bồ-tát biết tất cả pháp không thể chấp giữ rồi, thì cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không thể chấp giữ, đều không thật sự có, nó như mộng cho đến như thành Tầm hương, nên không thể chấp giữ, không thể chứng đắc pháp không chấp giữ. Nhưng với pháp như vậy thì các hữu tình không biết, không thấy. Các Đại Bồ-tát vì làm lợi ích cho các hữu tình kia mà hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm vì muốn làm lợi lạc cho các hữu tình mà tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng phải vì riêng mình, chẳng phải vì việc khác. Chỉ vì muốn làm lợi lạc cho các hữu tình mà cầu quả vị Giác ngộ cao tột, không vì riêng mình không vì việc khác.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thấy kẻ phàm phu, ngu si ở trong vô ngã mà tưởng hữu ngã; chẳng phải hữu tình mà tưởng hữu tình; như vậy cho đến chẳng phải hiểu biết mà tưởng hiểu biết, không thấy mà tưởng thấy. Các Đại Bồ-tát thấy việc như vậy nên rất thương xót, dùng phương tiện giáo hóa, để họ xa lìa chấp trước, vọng tưởng điên đảo, đưa vào trong cảnh giới cam lồ vô tướng. Trụ trong cảnh giới đó, người ấy không còn phát sinh những vọng tưởng về ngã, về những điều biết, thấy. Khi ấy tất cả trạo cử, tán loạn, hý luận, phân biệt không còn hiện hành, tâm luôn an trụ vào cảnh giới tịch tĩnh thản nhiên không hý luận.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nhờ phương tiện này mà hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Với các pháp, mình không chấp trước và dạy bảo người khác không chấp trước một pháp nào cả. Đây là dựa vào Thế tục đế chứ không dựa vào Thắng nghĩa đế. Vì trong Thắng nghĩa đế không chấp trước gì cả, còn phân biệt giữa mình và người đều không thể đắc.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, Phật pháp mà Đức Phật chứng được khi đắc quả vị Giác ngộ cao tột là căn cứ vào thế tục nói là đắc hay căn cứ vào thắng nghĩa mà nói là đắc?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, Phật pháp mà Phật chứng được khi đắc quả vị Giác ngộ cao tột, là căn cứ vào thế tục mà nói là đắc, chứ không căn cứ vào thắng nghĩa. Nếu căn cứ vào thắng nghĩa thì chủ thể đắc và đối tượng để đắc đều không thể đắc. Vì sao? Nếu nói người này đắc pháp như vậy thì có đối

tượng để đắc; mà có đối tượng để đắc tức là chấp có hai. Người chấp có hai thì không thể chứng đắc quả, cũng không hiện quán.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu chấp có hai thì không thể đắc quả, cũng không hiện quán. Vậy người chấp không có hai thì có thể đắc quả và có hiện quán không?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, người chấp có hai không thể đắc quả, cũng không hiện quán. Người chấp không có hai cũng như vậy, vì có sự chấp trước, như chấp có hai hoặc chấp không có hai. Nếu không chấp có hai, không chấp không có hai thì gọi là đắc quả, cũng gọi là hiện quán. Vì sao? Nếu chấp, do đấy mà có thể đắc quả thì cũng có hiện quán còn nếu chấp, do kia nên không thể đắc quả cũng không hiện quán thì như vậy là hý luận, chẳng lẽ trong tánh bình đẳng của tất cả pháp có các hý luận? Phải lìa hý luận thì mới có thể gọi là tánh bình đẳng của pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh, thì ở đây sao nói có pháp tánh bình đẳng?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu xứ ấy hoàn toàn không có tánh, cũng không có không tánh thì cũng không thể nói là tánh bình đẳng. Như vậy mới gọi là tánh bình đẳng của pháp. Thiện Hiện nên biết, tánh bình đẳng đã không thể nói, cũng không thể biết. Trừ tánh bình đẳng, thì không có pháp nào, có thể đắc, lìa tất cả pháp, tánh không bình đẳng. Thiện Hiện nên biết, pháp tánh bình đẳng, đối với kẻ phàm phu, bậc Thánh đều không thể tu hành được vì chẳng phải cảnh giới của họ.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, pháp tánh bình đẳng chẳng lẽ cũng không phải là cảnh giới của Phật sao?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đối với pháp tánh bình đẳng tất cả bậc Thánh đều không thể hành, cũng không thể chứng; nghĩa là hàng Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc A-la-hán, hoặc Độc giác, hoặc Bồ-tát, hoặc chư Như Lai đều không thể lấy pháp tánh bình đẳng làm cảnh giới tu hành vì trong đấy tất cả đều là hý luận, phân biệt nên không thể tu hành.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, đối với các pháp của Phật đều tự tại. Như vậy sao nói pháp tánh bình đẳng cũng chẳng phải cảnh giới tu hành của chư Phật?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đối với các pháp của Phật đều tự tại; nếu tánh bình đẳng đối với Phật có khác biệt thì có thể nói đó là cảnh giới tu hành của Phật. Nhưng tánh bình đẳng đối với Phật không khác biệt; như vậy sao nói là có cảnh giới tu hành của Phật. Thiện Hiện nên biết, nếu pháp tánh bình đẳng của phàm phu, pháp tánh bình đẳng của Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai, tất cả pháp tánh bình đẳng đó, đều đồng một tướng, thì gọi là không tướng, là một, bình đẳng, không hai, không khác, nhưng không thể nói đây là pháp tánh bình đẳng của phàm phu. Nói rộng ra thì đây là pháp tánh bình đẳng của Như Lai. Ở trong tánh bình đẳng của tất cả pháp này, các tánh bình đẳng đã không thể đắc thì trong đó tướng sai khác của phàm phu và Dự lưu... cũng không thể đắc.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu các tướng sai khác trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, đều không thể đắc, thì pháp của phàm phu và Dự lưu... đến hữu tình, phải không sai khác?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, các pháp của phàm phu hoặc của bậc Thánh cho đến pháp của Như Lai và hữu tình cũng đều không sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, pháp của phàm phu, của bậc Thánh và của hữu tình đều không sai khác thì tại sao lại có Tam bảo xuất hiện trong thế gian, đó là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Pháp tánh bình đẳng của Phật, Pháp, Tăng bảo có khác nhau không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, theo con hiểu ý nghĩa Phật nói, thì pháp tánh bình đẳng của Phật, Pháp, Tăng bảo đều không sai khác. Vì sao? Vì pháp tánh bình đẳng của Phật, Pháp, Tăng bảo tất cả đều chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, chỉ là một tướng, gọi đó là không

tướng. Nhưng Phật Thế Tôn đối với pháp không tướng, Ngài dùng phương tiện thiện xảo kiến lập đủ mọi pháp và danh tướng sai khác của hữu tình mà nói đây là phàm phu và pháp phàm phu, cho đến đây là Như Lai và pháp Như Lai.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Đối với các pháp, chư Phật dùng phương tiện thiện xảo để có thể đối với không tướng mà kiến lập đủ tất cả các pháp và danh tướng sai biệt của hữu tình.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột; còn nói: chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột nhưng không vì hữu tình mà kiến lập danh tướng sai khác của các pháp; thì các loài hữu tình có thể tự biết đây là địa ngục, đây là bàng sinh, đây là ngạ quỷ, đây là người, đây là trời, nghĩa là trời Tứ đại vương cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; đây là sắc cho đến thức; đây là nhãn xứ cho đến ý xứ; đây là sắc xứ cho đến pháp xứ; đây là nhãn giới cho đến ý giới; đây là sắc giới cho đến pháp giới; đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới; đây là nhãn xúc cho đến ý xúc; đây là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; đây là địa giới cho đến thức giới; đây là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đây là các pháp do duyên sinh; đây là vô minh cho đến lão tử; đây là pháp thiện, pháp bất thiện; đây là pháp hữu ký, vô ký; đây là pháp hữu lậu, vô lậu; đây là pháp thế gian, xuất thế gian; đây là pháp hữu vi, vô vi; đây là pháp Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; đây là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đây là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đây là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đây là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; đây là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đây là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đây là tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; đây là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; đây là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; đây là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đây là năm loại mắt, sáu phép thần thông; đây là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đây là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; đây là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đây là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; đây là tất cả tướng diệu nguyện trí; đây là trí Nhất thiết trí; đây là

Tam bảo; đây là ba thừa... Tất cả danh tướng sai khác như vậy, các loài hữu tình có thể tự biết được không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Nếu Phật không vì hữu tình, kiến lập tất cả danh tướng sai khác như vậy, thì các hữu tình không thể tự biết tất cả danh tướng sai biệt ấy.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, cho nên đối với pháp không tướng, chư Như Lai dùng phương tiện thiện xảo, tuy vì hữu tình mà kiến lập những danh tướng sai khác, nhưng trong tánh bình đẳng của các pháp không bị lay động, mặc dù ban bố ân đức lớn cho hữu tình nhưng trong đó không chấp lấy tướng.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu như trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, Như Lai đều không bị lay động, thì như vậy tất cả phàm phu, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát ở trong tánh bình đẳng của các pháp cũng không bị lay động phải không?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Vì tất cả các pháp và các hữu tình đều không vượt ra ngoài tánh bình đẳng, nó đồng một tánh bình đẳng. Nên biết rằng, chân như nói rộng cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng đều như vậy. Các pháp của phàm phu và của các bậc Thánh đối với chân như... đều không có sai biệt.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu các phàm phu và các bậc Thánh về tánh bình đẳng của tất cả pháp không sai khác, thì nay tất cả pháp và tướng của hữu tình có khác, cho nên tánh cũng phải khác. Thế thì tánh của pháp cũng đều khác, nghĩa là tướng của sắc cho đến tướng của thức đều khác, cho nên tánh cũng nên khác. Tướng nhãn xứ cho đến tướng ý xứ đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng sắc xứ cho đến tướng pháp xứ đều khác, nên tánh cũng sẽ khác. Tướng nhãn giới cho đến tướng ý giới đều khác, nên tánh cũng sẽ phải khác. Tướng sắc giới cho đến tướng pháp giới đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng nhãn thức giới cho đến tướng ý thức giới đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng nhãn xúc cho đến tướng ý xúc đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tướng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều khác, nên tánh cũng phải

khác. Tướng địa giới cho đến tướng thức giới đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng nhân duyên cho đến tướng tăng thượng đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng các pháp do duyên sinh đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng vô minh cho đến tướng lão tử đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng tham, sân, si đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng nhận thức của phàm phu đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng bốn Niệm xứ cho đến tướng tám chi Thánh đạo đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng chân như cho đến tướng cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng tám Giải thoát cho đến tướng mười Biến xứ đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng bậc Tịnh quán cho đến tướng bậc Như Lai đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng bậc Cực hỷ cho đến tướng bậc Pháp vân đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều khác nên tánh cũng phải khác. Tướng năm loại mắt, sáu phép thần thông đều khác nên tánh cũng phải khác. Tướng mười lực của Như Lai, mười tám pháp Phật bất cộng đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng ba mươi hai và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều khác, nên tánh cũng phải pháp. Tướng phàm phu ngu si cho đến tướng Như Lai đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng của pháp thiện, pháp bất thiện đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng của pháp hữu ký, vô ký đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng của pháp hữu lậu, vô lậu đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng của pháp thế gian và xuất thế gian đều khác, nên tánh cũng phải khác. Tướng của pháp hữu vi, vô vi đều khác, nên tánh cũng phải khác.

Bạch Thế Tôn, nếu tướng của tất cả pháp ấy đều khác, tánh của pháp cũng đều khác, vậy thì tại sao tướng sai khác của tất cả các pháp đó lại có thể an lập pháp tánh thành một tướng? Vì sao các Đại Bồ-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không phân biệt pháp và hữu tình có các loại

tánh? Nếu Đại Bồ-tát không phân biệt pháp và các hữu tình có các loại tánh, thì không thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được. Nếu không thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì không thể từ địa Bồ-tát này đến địa Bồ-tát kia. Nếu nhất định không thể từ địa Bồ-tát này đạt đến địa Bồ-tát kia thì sẽ không thể đạt đến nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Nếu không thể nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát thì không thể vượt qua các địa Thanh văn và Độc giác. Nếu không vượt qua địa Thanh văn, Độc giác thì sẽ không thể viên mãn Thần thông ba-la-mật-đa. Nếu không viên mãn Thần thông ba-la-mật-đa thì không thể tự tại dạo chơi trong các thần thông. Nếu không tự tại dạo chơi trong các thần thông thì không thể viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu không viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thì sẽ không từ cõi Phật này đi đến cõi Phật khác, để gần gũi, cúng dường chư Phật Thế Tôn. Nếu không thể từ cõi Phật này đi đến cõi Phật khác để gần gũi, cúng dường Phật Thế Tôn thì sẽ không thể trồng các căn lành với chư Phật. Nếu không trồng căn lành với chư Phật, thì không thể làm nghiêm tịnh cõi Phật, đem lại sự thành tựu cho hữu tình. Nếu không thể làm nghiêm tịnh cõi Phật, đem lại sự thành tựu cho hữu tình thì sẽ không thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe chánh pháp, độ các hữu tình, khiến chúng xa lìa sinh tử trong cảnh giới ác.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, như lời ông nói, từ các phàm phu cho đến các bậc Thánh và tánh bình đẳng của tất cả pháp không sai khác; nay tướng của tất cả pháp và các hữu tình đều khác, nên tánh phải khác. Thế thì tánh của pháp cũng phải khác. Vậy thì tại sao đối với các pháp của các tướng sai khác, có thể an lập tánh của pháp là một tướng? Vì sao các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không phân biệt pháp và các hữu tình có các loại tánh, nói rộng ra cho đến, này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Pháp tánh của sắc là không tánh ư? Tánh pháp của thọ, tưởng, hành, thức là không tánh ư? Như vậy cho đến tất cả tánh của pháp hữu vi, vô vi là không tánh ư?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy, đúng vậy, tánh của tất cả pháp là không tánh!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Tướng sai khác của tất cả pháp trong không tánh là có thể đắc không, nghĩa là tướng khác của sắc nói rộng cho đến tướng khác của tất cả hữu vi, vô vi là có thể đắc hay sao?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Tất cả tướng khác trong không tánh đều không thể đắc.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, do đấy ông nên biết, tánh bình đẳng của pháp chẳng phải là tất cả phàm phu ngu si, chẳng phải lìa tất cả phàm phu ngu si, như vậy cho đến chẳng phải là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải lìa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Tánh pháp bình đẳng, chẳng phải sắc; chẳng phải lìa sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến chẳng phải là pháp hữu vi, vô vi; chẳng phải lìa pháp hữu vi, vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, tánh pháp bình đẳng là hữu vi hay là vô vi?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, tánh pháp bình đẳng chẳng phải là hữu vi, cũng chẳng phải là vô vi. Nhưng lìa pháp hữu vi, thì pháp vô vi chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp vô vi thì pháp hữu vi cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết về cảnh giới hữu vi và cảnh giới vô vi. Hai cảnh giới ấy không hợp, không tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, chỉ là một tướng gọi đó là không tướng. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác căn cứ vào Thế tục đế mà nói, chứ không căn cứ vào Thắng nghĩa đế. Vì sao? Vì chẳng phải trong Thắng nghĩa đế có thể đắc thân hành, khẩu hành, ý hành; chẳng phải lìa thân hành, khẩu hành, ý hành có thể đắc Thắng nghĩa đế!

Thiện Hiện nên biết, tánh pháp bình đẳng, pháp hữu vi, pháp vô vi, tên gọi là thắng nghĩa, nhưng chẳng phải lìa tất cả hữu vi, vô vi mà có thắng nghĩa. Cho nên Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, với thắng nghĩa bất động mà hành hạnh Đại Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe diệu pháp độ các hữu tình; để cho chúng vĩnh viễn đoạn trừ sinh, già, bệnh, chết, chứng đắc cứu cánh Niết-bàn thắng lạc.

-oOo-

Phẩm 85: Không tánh

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu tánh bình đẳng của tất cả pháp đều là bản tánh không, thì bản tánh không này chẳng phải chỗ tạo ra các pháp. Vì sao Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, với thắng nghĩa bất động; lại lấy bốn Nhiếp pháp làm lợi ích cho hữu tình?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Tánh bình đẳng của tất cả pháp, bản tánh đều không; bản tánh không này, không thể tạo ra các pháp. Nhưng các Bồ-tát có thể vì hữu tình mà lấy Bố thí... để làm việc lợi ích. Nếu các hữu tình tự biết bản tánh của các pháp đều không thì chư Như Lai và Bồ-tát không hiện thần thông để làm việc hy hữu. Nghĩa là, trong bản tánh không của các pháp, tuy không bị chuyển động nhưng khiến hữu tình xa lìa các vọng tưởng điên đảo. Nghĩa là, khiến hữu tình xa lìa tưởng về ngã, tưởng về hữu tình cho đến tưởng về sự biết, sự thấy; rồi cũng làm cho xa lìa tưởng về sắc cho đến thức; tưởng về nhãn xứ cho đến ý xứ; tưởng về sắc xứ cho đến pháp xứ; tưởng về nhãn giới cho đến ý giới; tưởng về sắc giới cho đến pháp giới; tưởng về nhãn thức giới cho đến ý thức giới; tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tưởng về địa giới cho đến thức giới; tưởng về vô minh cho đến lão tử; rồi cũng khiến cho lìa xa tưởng về cảnh giới hữu vi trụ vào cảnh giới vô vi; giải thoát tất cả sinh, già, bệnh, chết. Cảnh giới vô vi tức là các pháp không, nhưng căn cứ vào Thế tục đế mà nói thì gọi là cảnh giới vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, do sự kiện không gì mà nói các pháp không?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, do tưởng không, nên nói các pháp không. Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Giống như thân biến hóa lại làm những việc biến hóa, như vậy việc có thật nhưng mà chẳng phải không hay sao?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, những gì biến hóa ra đều không thật sự, tất cả đều là không.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, biến hóa và không, hai pháp như vậy, chẳng hợp, chẳng tan. Hai pháp này đều lấy không làm không. Đã là không, thì không

nên phân biệt đây là không, đây là biến hóa. Vì sao? Vì chẳng phải trong tánh không, mà có không và có biến hóa; hai việc này không thể đắc, vì tất cả pháp hoàn toàn là không.

Lại nữa này Thiện Hiện, không có sắc chẳng phải biến hóa; không có thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải biến hóa. Các việc biến hóa đó đều là không, còn những pháp khác thì hữu tình nên biết cũng như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, các pháp thế gian uẩn giới xứ... và các hữu tình có thể là biến hóa; pháp xuất thế gian bốn Niệm trụ... và các hữu tình chẳng lẽ cũng là biến hóa sao?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều là biến hóa. Nhưng trong đó, có biến hóa của Thanh văn, có biến hóa của Độc giác, có biến hóa của Bồ-tát, có biến hóa của Như Lai, có biến hóa phiền não, có biến hóa các nghiệp. Do đó Ta nói tất cả biến hóa không sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, tất cả các pháp đoạn hẳn; nghĩa là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Như Lai đoạn hẳn tập khí và sự câu sinh của phiền não chẳng lẽ cũng là biến hóa sao?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các pháp như vậy nếu hợp với hai tướng sinh diệt thì cũng đều là biến hóa.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, pháp nào không biến hóa?

Phật dạy Thiện Hiện:

–Pháp nào không thuộc về tướng sinh, diệt thì pháp đó chẳng phải biến hóa.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, pháp nào không thuộc về tướng sinh, diệt?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, pháp không hư dối tức là Niết-bàn. Pháp này không thuộc về tướng sinh diệt, cho nên chẳng phải biến hóa.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn đã nói, tánh pháp bình đẳng thì tất cả

đều không. Không thể lay động, không có hai mà có thể đắc, không có một pháp nhỏ nào mà chẳng phải tự tánh không. Vậy sao nói Niết-bàn chẳng phải biến hóa?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, đúng như những gì ông nói! Không có một pháp nhỏ nào mà chẳng phải tự tánh không. Tự tánh không này chẳng phải Thanh văn tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Bồ-tát tạo ra, chẳng phải Như Lai tạo ra, cũng chẳng phải cái gì khác tạo ra. Có Phật xuất hiện hay không Phật xuất hiện trên thế gian thì tánh đó vẫn là thường không. Đây tức là Niết-bàn cho nên Ta nói Niết-bàn chẳng phải biến hóa. Pháp không thật có gọi là Niết-bàn, có thể nói không sinh, không diệt, chẳng phải biến hóa.

Lại nữa này Thiện Hiện, Ta vì các Bồ-tát mới tu học mà nói Niết-bàn chẳng phải biến hóa, chẳng sai khác, mà thật có Niết-bàn bất không, cho nên không nên chấp vào đó làm trở ngại.

Bấy giờ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, phải dùng phương tiện như thế nào để truyền trao, dạy bảo các Bồ-tát mới tu học, biết tự tánh các pháp là thường không?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đâu phải tất cả pháp trước có, sau không mà không thường không. Nên nhớ rằng tất cả pháp trước đã chẳng có, sau cũng chẳng không, tự tánh thường không thì không nên kinh nghi sợ sệt. Nên dùng phương tiện thiện xảo như vậy để truyền trao, dạy bảo cho hàng Bồ-tát mới tu học, để họ biết tự tánh của các pháp là thường không.

Khi Đức Bạc-già-phạm nói kinh này xong, vô lượng chúng Đại Bồ-tát, từ Bồ-tát Từ Thị làm Thượng thủ, Cụ thọ Thiện Hiện cho đến Xá-lợi Tử, Đại Thể Phúc Thị, Đại Ca-diếp-ba, A-nan-đà... các đại Thanh văn và các Trời, Rồng, A-tố-lạc... tất cả đại chúng nghe Phật nói như vậy rất hoan hỷ tín thọ, phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hội thứ III

QUYỂN 479

Phẩm 1: Duyên khởi

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Bạc-già-phạm cùng năm ức đại chúng Bí-sô ở trên đỉnh núi Thứu, thuộc thành Vương xá. Các đại Bí-sô đều là A-la-hán đã sạch các lậu, không còn phiền não, được chân tự tại. Tâm của các vị ấy hoàn toàn giải thoát; tuệ hoàn toàn giải thoát; giống như ngựa khôn được điều phục, cũng giống như rồng lớn; những việc cần làm đã làm xong; những việc cần thành tựu cũng đã thành tựu rồi; quăng bỏ những gánh nặng; chứng đắc được tự lợi; không còn các kết sử, được chánh trí giải thoát; đạt được tâm tự tại, cứu cánh đệ nhất; trừ A-nan-đà là còn ở địa vị hữu học, Xá-lợi Tử làm Thượng thủ.

Lại có năm trăm Bí-sô-ni đều là A-la-hán, trong đó Da-thâu-đạt-la làm Thượng thủ.

Lại có hơn ngàn Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca đều thấy pháp.

Lại có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát Tăng đông không thể tính, không thể lường, không thể nói; tất cả đều đạt được đại Đà-la-ni, Tam-ma-địa.

Các ngài đều an trụ vào tánh không, hành trong cảnh vô trướng; phát nguyện không phân biệt, chứng được nhẫn tánh bình đẳng của tất cả pháp; đầy đủ vô ngại, giải thoát; diễn nói ý nghĩa thâm sâu vi diệu, biện tài vô tận; năm Thần thông tự tại, không còn thoái lui, hòa vui tao nhã; tất cả nhường nhịn, kính trọng nhau, siêng năng, tinh tấn, không giải đãi, từ bỏ thân quyến, vứt hết của cải, quên thân bỏ mạng, không lấy sự hư dối để tham cầu, vì các hữu tình mà giảng nói chân lý nhiệm mầu.

Các vị đã chứng pháp nhẫn sâu xa, đạt đến chỗ cao tột, được đại vô úy, thân tâm thanh thản, vượt ra khỏi những việc làm của chúng ma, chiến

thắng địch phiền não, tận trừ các nghiệp chướng; tất cả những luận phái khác không thể nào bẻ gãy được. Thanh văn, Độc giác không lường được công đức ấy. Đối với pháp, tâm các vị ấy đều tự tại, giải thoát tất cả nghiệp phiền não chướng. Khi nói về các duyên, không có việc nào mà không thấu đạt, hiểu rõ vào duyên khởi với ý nghĩa vô tận.

Các vị đã diệt trừ kiến tùy miên, đoạn hết các kết sử, chứng hoàn toàn về trí của đế lý; đã trải qua nhiều kiếp phát thệ nguyện rộng lớn. Trước khi nói, các vị mỉm cười, dung mạo thanh thản, giọng nói hòa nhã, dịu dàng, nói năng khôn khéo vô cùng; cách cư xử rất tôn nghiêm, oai nghi đỉnh đạc, đi đứng có oai nghi từ tốn, thản nhiên không sợ sệt… Trải qua na-do-đa kiếp, khéo nói cũng không hết.

Các vị ấy, quán các pháp môn cũng như huyễn hóa, như quáng nắng, như cảnh trong mộng, như trăng dưới nước, như tiếng vang, như hoa đốm, như ảnh trong gương, như bóng sáng, như sự biến hóa và như thành Tầm hương. Mặc dầu thật thể không có nhưng nó hiện lên giống như có; đối với lý sâu xa nói không sợ sệt, nói năng khéo léo, tâm không hèn hạ; biết rõ những hiểu biết sai khác vi tế mà tâm hành của hữu tình hướng đến; thông đạt đời sau một cách rõ ràng, không chướng ngại; thành tựu tối thắng Vô sinh pháp nhẫn; như thật ngộ nhập vào pháp tánh bình đẳng; vô biên đại nguyện đều thâu nhiếp về cõi Phật. Vô số chư Phật trong mười phương thế giới, nhờ lực đẳng trì nên luôn chánh niệm. Tất cả chư Như Lai xuất hiện ra nơi đời đều tôn thờ, không bỏ qua vị nào và thỉnh cầu chư Phật ấy trụ mãi trên thế gian; chuyển bánh xe chánh pháp; độ vô số chúng sinh; chiến thắng tất cả sự trói buộc, dơ cấu của tùy miên và các sự trói buộc phiền não trong các kiến thú; phát sinh trăm ngàn đẳng trì du hý. Đối với tất cả pháp môn đều ngộ nhập một cách dễ dàng. Chúng Đại Bồ-tát ấy, đầy đủ vô lượng công đức như vậy, dù trải qua vô số kiếp, khen ngợi không hết.

Tên của các vị đó là: Bồ-tát Hiền Thủ, Bồ-tát Bảo Tánh, Bồ-tát Đạo Sư, Bồ-tát Nhân Thọ, Bồ-tát Tinh Thọ, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Đế Thọ, Bồ-tát Thượng Tuệ, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Niệm Cang Tuệ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Từ Thị, cùng với vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do-đa Đại Bồ-tát đều là Thượng thủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử, tự trải Ni-sư-đàn ngồi kiết

già, thân ngay thẳng, chánh niệm nhập vào Đẳng trì vương diệu Tam-ma-địa. Các Tam-ma-địa đều được thâu nhiếp trong Tam-ma-địa này rồi từ trong đó mà lưu xuất ra.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn chánh tri, chánh niệm; ra khỏi Đẳng trì vương một cách an tường. Ngài dùng Thiên nhãn thanh tịnh, quán sát hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương, toàn thân vui vẻ. Từ tướng bánh xe ngàn căm, dưới hai chân của Ngài, phóng ra hàng sáu mươi trăm ngàn câu-chi na-do-đa ánh sáng. Từ mười ngón chân, hai mu bàn chân, hai gót chân, bốn mắt cá, hai cẳng chân, hai bắp vế, hai đầu gối, hai đùi vế, eo, hông, bụng, lưng, rốn, tim, ngực, chữ vạn trên ngực, tướng Đại sĩ phu, hai vú, hai nách, hai vai, hai bắp tay, hai khuỷu tay, hai cánh tay, hai cổ tay, hai bàn tay, mười ngón tay, cổ, yết hầu, má bên mép, cằm, hai má, trán, đỉnh đầu, hai lông mày, hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng, bốn răng giữa, bốn mươi răng, tướng lông giữa chặng mày… mỗi phần thân thể đều phóng ra sáu mươi trăm ngàn câu-chi na-do-đa ánh sáng, mỗi ánh sáng đều chiếu khắp thế giới ba lần ngàn. Từ đây lần lượt chiếu khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương. Trong đó, hữu tình nào gặp phải ánh sáng này nhất định chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, tất cả lỗ chân lông của Thế Tôn đều sáng rực, phát ra sáu mươi trăm ngàn câu-chi na-do-đa ánh sáng, mỗi ánh sáng ấy chiếu đến thế giới ba lần ngàn. Từ đây lần lượt chiếu khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương, chúng sinh trong đó nếu tiếp xúc ánh sáng này, nhất định chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, ánh sáng bình thường của toàn thân Thế Tôn chiếu đến thế giới ba lần ngàn. Từ đây lần lượt chiếu đến hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương; trong đó, chúng sinh nào tiếp xúc ánh sáng này nhất định chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, từ trên khuôn mặt mỉm cười vui vẻ, Ngài xuất ra tướng lưỡi dài rộng che khắp cả thế giới ba lần ngàn. Lại từ tướng lưỡi, tỏa ra vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do-đa ánh sáng; ánh sáng ấy nhiều màu sắc xen lẫn. Trong mỗi ánh sáng nhiều màu sắc này, hiện ra hoa sen báu; hoa ấy có ngàn cánh, toàn bằng màu vàng ròng, được trang sức nhiều châu báu. Hoa ánh sáng ấy sáng khắp cả thế giới ba lần ngàn. Từ đây lần lượt tỏa khắp đến hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương. Trong các đài hoa đều có Phật ngồi kiết già, nói pháp âm vi diệu, mỗi pháp âm đều tương ưng với sáu pháp Ba-la-mật-đa; hữu tình nào nghe được, nhất định chứng quả vị

Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ Thế Tôn không rời khỏi tòa, lại nhập vào Sư tử du hý Đẳng trì, hiện sức thần thông làm cho thế giới ba lần ngàn chấn động sáu cách: phương Đông vọt lên, phương Tây chìm xuống; phương Tây vọt lên, phương Đông chìm xuống; phương Nam vọt lên, phương Bắc chìm xuống; phương Bắc vọt lên; phương Nam chìm xuống; giữa vọt lên; bốn bên chìm xuống; bốn bên vọt lên; giữa chìm xuống. Đất ấy vẫn thanh tịnh, ánh sáng sáng dịu làm cho các hữu tình được lợi ích an lạc.

Khi ấy, trong thế giới ba lần ngàn này; tất cả địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ và vô số chỗ hiểm nạn khác; cùng tất cả hữu tình đều được lìa khổ nạn. Từ các cõi ấy nếu qua đời, thì được sinh vào cõi người và cõi trời Lục dục. Tất cả đều nhớ kiếp trước, nên hoan hỷ vui mừng khôn xiết, cùng nhau đến chỗ Phật, đem tâm thuần tịnh đảnh lễ dưới chân Phật.

Từ đây, lần lượt khắp cả hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương, nhờ thần lực của Phật chấn động sáu cách, mà tất cả hữu tình trong các cõi ác… của thế giới đó đều lìa khỏi khổ nạn. Từ các cõi đó, nếu qua đời, thì được sinh vào cõi người và cõi trời Lục dục, tất cả đều nhớ kiếp trước, nên vui mừng khôn xiết. Tất cả từ cõi giới của mình, đồng đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Ngài.

Hữu tình trong thế giới ba lần ngàn và hằng hà sa thế giới khắp mười phương, với những người mù thì được thấy, người điếc được nghe, người câm được nói, người điên được nhớ, người loạn được định trí, người nghèo được giàu, người rách rưới được áo quần, người đói được ăn, người khát được uống, người bệnh được lành, người xấu xí được đẹp đẽ, người tàn tật được trọn vẹn, người thiếu ăn được đầy đủ, người mê muội được tỉnh ngộ, người mỏi mệt được nhẹ nhàng. Khi ấy tâm của tất cả hữu tình đều xen nhau như cha, như mẹ, như anh em, như chị em, như bạn bè; lìa bỏ nghề nghiệp tà ngữ, tu tập nghiệp chánh ngữ; lìa bỏ mười con đường ác, tu tập mười con đường lành; bỏ những suy nghĩ ác, tu tập những suy nghĩ thiện; lìa bỏ phi phạm hạnh, tu tập chánh phạm hạnh; thích trong sạch, bỏ ô uế; ưa tịch tĩnh, bỏ ồn náo; thân tâm an vui tự nhiên sinh diệu lạc, giống như người tu hành nhập vào định thứ ba. Lại có thắng tuệ tự nhiên hiện tiền, làm cho tất cả đều nghĩ: "Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, xa lìa phóng dật, tu hành phạm hạnh, Từ, Bi, Hỷ, Xả với các loài hữu tình, không làm đau khổ cho nhau, há không tốt đẹp

hay sao?"

Bấy giờ, Đức Phật ngồi nơi tòa Sư tử, với ánh sáng thù thắng, oai đức vòi vọi, rực rỡ che khắp cả thế giới ba lần ngàn và hằng hà sa quốc độ của chư Phật trong mười phương, làm cho núi Tô-mê-lô, núi Luân vi,… và tất cả cung điện của rồng, thần, trời cho đến cõi Tịnh cư đều không hiện. Giống như trăng tròn mùa thu chói sáng các vì sao, giống như nắng mùa hạ làm mất đi các màu sắc, giống như núi Diệu cao vương có bốn đại báu che lấp các núi khác và làm mất đi màu sắc sáng rỡ của các núi ấy. Đức Phật dùng thần lực, hiện trở lại sắc thân cũ, làm cho tất cả hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều thấy.

Khi ấy, vô lượng, vô số chúng trời Tịnh cư trong thế giới ba lần ngàn, dưới đến cõi Tứ đại Thiên vương ở Dục giới và tất cả các hàng người và phi nhân… khác đều thấy Như Lai ngồi tòa Sư tử, có oai đức, ánh sáng rực rỡ, giống như núi vàng ròng. Tất cả đều vui mừng khôn xiết chưa từng có và đem các loại hương hoa, vòng hoa, hương xoa thượng diệu và y phục, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc và vô lượng các loại hoa ở cõi trời: hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, hoa sen thơm, hoa sen vàng, hoa sen hồng; hoa cây bằng vàng bạc và lá thơm cùng các loại hoa mọc trên đất, trên nước; đi đến chỗ Đức Phật dâng cúng dường và rải trên Phật. Do thần lực của Phật nên tất cả hoa, vòng hoa,… cúng dường đó, tung lên hư không, kết lại thành một đài hoa, sánh bằng thế giới ba lần ngàn, thòng xuống nào hoa trời, bảo cái, tràng phan, chuông báu, lụa màu đỏ trang sức rất là đẹp mắt.

Lúc ấy, cõi Phật này thật là trang nghiêm vi diệu, giống như thế giới Cực lạc ở phương Tây. Ánh sáng của Phật chiếu rực rỡ ba ngàn đại thiên, tất cả loài và vật trong hư không đều là màu vàng ròng. Hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương cũng đều như vậy.

Bấy giờ, ba ngàn đại thiên cõi Phật này, nhờ thần lực của Phật mà tất cả trời, người đều thấy Phật đang ngồi trước mặt mình và cho rằng Như Lai chỉ nói pháp cho riêng mình họ.

Lúc này Thế Tôn ngồi ngay nơi tòa, vui vẻ mỉm cười, từ nơi khuôn mặt phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn đại thiên cõi Phật và hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương. Khi ấy, tất cả hữu tình trong thế giới ba lần ngàn cõi Phật này, nhờ vào ánh sáng của Phật nên liền thấy khắp tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có chúng Thanh văn, Bồ-tát vây

quanh và tất cả loài hữu tình, vô tình, có từng phẩm loại riêng biệt khác ở hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương.

Khi ấy, tất cả hữu tình trong hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương, nhờ vào ánh sáng của Phật nên cũng thấy Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, có chúng Thanh văn, Bồ-tát vây quanh và tất cả hữu tình, vô tình có từng phẩm loại riêng biệt khác.

Bấy giờ, thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Đông, tên là Đa bảo, Phật hiệu là Bảo Tánh Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hiện đang nói Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Cõi đó có Bồ-tát tên Phổ Quang, thấy ánh sáng lớn, đại địa chấn động và thấy thân tướng Phật nên nghi ngờ, bèn đi đến chỗ Phật Bảo Tánh thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà có điềm này?

Phật Bảo Tánh dạy:

–Này Phổ Quang, thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận về phía Tây tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đang nói Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật đó, mà có điềm này.

Nghe xong, Phổ Quang vui mừng khôn xiết, liền thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con xin phép Ngài để đến thế giới Kham nhẫn thăm viếng, lễ bái, cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai và chúng Bồ-tát. Cúi xin Ngài chấp thuận.

Phật Bảo Tánh dạy Bồ-tát Phổ Quang:

–Nay đã đúng thời, ông cứ đi tự nhiên.

Nói xong, Phật Bảo Tánh liền lấy một ngàn cành hoa sen màu vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh được trang sức bằng những châu báu, trao cho Phổ Quang và dặn:

–Này Phổ Quang, ông hãy cầm hoa này, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, theo lời của Ta mà thưa rằng: "Bảo Tánh Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác gởi rất nhiều lời thăm hỏi và gởi hoa sen này biếu Thế Tôn để làm Phật sự." Khi đến cõi đó, ông phải luôn luôn chánh tri, đừng đem tâm ngã mạn xem thường cõi Phật đó và các đại chúng, mà tự mình chuốc lấy tổn thương. Vì sao? Vì chư Bồ-tát đó, đã chứng đắc vô ngại giải thoát, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại, là thân cuối cùng sẽ bước lên ngôi vị Phật. Oai đức của các vị ấy khó mà sánh bì, bi nguyện đã thấm nhuần vào tâm. Vì nhân duyên lớn mà các vị đó sinh

vào thế giới Kham nhẫn kia.

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Quang nhận hoa và vâng lời Phật Bảo Tánh rồi cùng vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do-đa Đại Bồ-tát và vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ đảnh lễ dưới chân Phật Bảo Tánh, đi nhiễu bên phải rồi từ giã ra đi. Tất cả đem theo vô lượng đồ cúng dường thượng diệu, rồi lên đường. Trải qua thế giới chư Phật ở phương Đông nhất nhất đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen không bỏ sót vị Phật nào. Đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai, mọi người đảnh lễ dưới chân Phật và đi nhiễu trăm ngàn vòng, rồi đứng qua một bên.

Bồ-tát Phổ Quang đến trước Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Đông tên là Đa bảo; Phật hiệu Bảo Tánh Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác gởi rất nhiều lời vấn an Như Lai. Và dạy đem một ngàn cành hoa sen màu vàng ròng này đến biếu Thế Tôn để làm Phật sự.

Lúc bấy giờ, sau khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa sen này rồi, Ngài rải trở lại hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông; nhờ thần lực của Ngài, nên khiến cho hoa sen này đầy khắp cả các cõi Phật; trong các đài hoa đều có Hóa Phật, ngồi kiết già nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát; hữu tình nào được nghe, nhất định chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Phổ Quang và những người đi theo, thấy việc này, lòng rất vui mừng, khen là chưa tường có. Mọi người tùy theo căn lành mà cúng dường nhiều ít. Cúng dường, cung kính ngợi khen Phật và Bồ-tát rồi, mọi người đều lui qua ngồi một bên. Ở thế giới phương Đông cũng y như vậy.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Nam tên là Ly nhất thiết ưu, Phật hiệu Vô Ưu Đức, cõi đó có Bồ-tát tên Ly Ưu.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Tây tên là Cận tịnh tịnh, Phật hiệu là Bảo Diễm, ở đó có Bồ-tát tên Hạnh Tuệ.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Bắc tên là Tối thắng, Phật hiệu Thắng Đế, cõi đó có Bồ-tát tên Thắng Thọ.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Đông bắc tên là Định trang nghiêm, Phật hiệu là Định Tượng Thắng Đức. Cõi đó có Bồ-tát tên Ly Trần Dũng Mãnh.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Đông nam tên là Diệu giác trang nghiêm thậm khả ái lạc. Phật hiệu là Liên Hoa Thắng

Đức. Cõi đó có Bồ-tát tên Liên Hoa Thủ.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Tây nam tên là Ly trần tụ, Phật hiệu là Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức. Cõi đó có Bồ-tát tên Quang Minh.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới tận phương Tây bắc tên là Chân tự tại, Phật hiệu Nhất Bảo Cái Thắng. Cõi đó có Bồ-tát tên Bảo Thắng.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới ở phương dưới tên là Liên hoa, Phật hiệu Liên Hoa Đức. Cõi đó có Bồ-tát tên Liên Hoa Thắng.

Thế giới tận cùng trong hằng hà sa thế giới ở phương trên tên là Hoan hỷ, Phật hiệu là Hỷ Đức. Cõi đó có Bồ-tát tên Hỷ Thọ.

Như vậy, tất cả đều giống như phương Đông.

Bấy giờ, ở thế giới Kham nhẫn trong thế giới ba lần ngàn này, đầy khắp các châu báu, trên đất trải đầy các hương hoa thơm đẹp, chỗ nào cũng dựng tràng phan, bảo cái thẳng hàng, nào cây hoa, cây quả, cây hương, cây vòng hoa, cây báu, cây y phục. Các cây trang hoàng lẫn lộn khắp nơi, trang trí rất là khả ái, giống như chỗ của Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Thiện Trụ Tuệ và vô lượng Đại Bồ-tát có đại oai đức, ở cõi Phật Phổ Hoa Như Lai, trong thế giới Chúng liên hoa.

-oOo-

Phẩm 2: Xá-lợi tử (1)

Bấy giờ, Thế Tôn biết các thế giới như Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, các Đại Bồ-tát kế thừa ngôi vị Thế Tôn, ngoài ra còn có tất cả các hàng Nhân phi nhân … có duyên với pháp đều đến hội họp, Ngài liền nói với Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Đại Bồ-tát nếu muốn biết rõ các tướng của tất cả pháp thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nghe Phật nói như vậy, Xá-lợi Tử chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát muốn biết rõ các tướng của tất cả pháp phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật dạy Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Các Đại Bồ-tát lấy không trụ làm phương tiện để an trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì chủ thể trụ và đối tượng trụ đều chẳng thể nắm bắt được.

Nên lấy không xả làm phương tiện để viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa, vì người cho và người nhận chẳng thể nắm bắt được.

Nên lấy không hộ trì làm phương tiện để viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa vì tướng phạm hay không phạm đều chẳng thể nắm bắt được.

Nên lấy không chấp giữ làm phương tiện để viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa, vì tướng động hay không động đều chẳng thể nắm bắt được.

Nên lấy không sách tấn mà làm phương tiện để viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, vì thân tâm siêng năng hay giải đãi đều chẳng thể nắm bắt được.

Nên lấy không suy nghĩ làm phương tiện để viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa, vì có vị ngọt hay không có vị ngọt đều chẳng thể nắm bắt được.

Nên lấy không chấp làm phương tiện để viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tánh tướng của có hay không có đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát an trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Nên tu bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo.

Nên tu pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện.

Nên tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Nên tu tám Giải thoát, chín Định thứ đệ.

Nên tu chín tưởng. Thế nào là chín? Nghĩa là: Tưởng phình trướng, tưởng nát rã, tưởng đỏ bầm, tưởng xanh bầm, tưởng mổ ăn, tưởng chia lìa, tưởng hài cốt, tưởng thiêu đốt, tưởng hư hoại.

Nên tu mười tùy niệm. Thế nào là mười? Nghĩa là: Tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm hơi thở ra vào, tùy niệm nhàm chán, tùy niệm chết, tùy niệm thân…

Nên học mười thứ tưởng. Thế nào là mười? Nghĩa là: Tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng tất cả thế gian không đáng ưa thích, tưởng nhàm chán ăn uống, tưởng đoạn, tưởng xa lìa, tưởng diệt.

Nên tu mười một trí. Thế nào là mười một? Nghĩa là: Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sinh trí, Pháp trí, Loại trí, Thế tục trí, Tha tâm trí, Như thuyết trí.

Nên tu Tam-ma-địa có tầm, có tứ. Tam-ma-địa không tầm, có tứ. Tam-ma-địa không tầm, không tứ.

Nên tu vị tri đương tri căn, dĩ tri căn và cụ tri căn.

Nên tu quán bất tịnh xứ, quán biến xứ, trí Nhất thiết trí.

Nên tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Nên tu ba minh, bốn sự hiểu biết thông suốt, bốn điều không sợ.

Nên tu không thoái chuyển năm Thần thông.

Nên tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, bảy Thánh tài, tám điều giác ngộ của bậc Đại sĩ, trí chín cõi hữu tình.

Nên tu mười lực của Như Lai, mười tám pháp Phật bất cộng.

Nên tu đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả.

Nên tu trí Nhất thiết tướng vi diệu… vô lượng, vô biên chẳng thể nghĩ bàn công đức của chư Phật, vì tất cả pháp như vậy đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát muốn mau chứng đắc trí Nhất thiết trí, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn mau viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, trí Nhất thiết hữu tình tâm hành tướng, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn nhổ sạch tất cả tập khí, phiền não, phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn nhập vào vị Chánh quyết định của Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn vượt lên những địa của Thanh văn, Độc giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn trụ vào địa Bồ-tát không thoái chuyển, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn đạt được sáu phép thần thông thù thắng, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn biết tâm hành của tất cả hữu tình thay đổi sai khác, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn vượt qua tác dụng trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn chứng tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn dùng nhất tâm tùy hỷ để vượt hơn sự bố thí của Thanh văn, Độc giác nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn dùng nhất niệm tùy hỷ để vượt qua tất cả tịnh giới của Thanh văn, Độc giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn dùng nhất niệm tùy hỷ để vượt qua tất cả định, tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến của Thanh văn, Độc giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn dùng nhất niệm tùy hỷ để vượt qua thiền định, giải thoát, đẳng trì… cho đến các pháp lành của Thanh văn, Độc giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn dùng pháp lành tu trong một niệm để vượt qua các pháp lành của tất cả phàm phu, Thanh văn, Độc giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn hành chút phần nhỏ về Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã và vì các hữu tình mà dùng phương tiện thiện xảo bình đẳng hồi hướng về trí Nhất thiết trí để được vô lượng, vô số công đức nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát muốn tu Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, mau được viên mãn xa lìa các chướng ngại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn được đời đời thường thấy chư Phật, luôn nghe chánh pháp, được Phật giác ngộ, được Phật nhớ nghĩ, truyền trao, dạy bảo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn được như thân Phật trang nghiêm, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn sinh và ngôi nhà Phật ở địa vị đồng chân, không bao giờ xa lìa chư Phật, Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn dùng những căn lực thắng thiện, tùy ý đem những vật cúng dường thượng hạng, đến cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, để những căn lành mau được viên mãn, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn cho tất cả hữu tình được mãn nguyện nhu cầu như: ăn uống, y phục, giường chiếu, mền mùng, thuốc thang trị bệnh; những loại hương hoa, đèn đuốc, xe cộ, vườn rừng, nhà cửa, của cải, trân bảo, đồ trang sức, kỹ nhạc và những vật dụng ưa thích thượng diệu mà những vì vua thường sử dụng cho đến các pháp lành vi diệu của thế gian và xuất thế gian, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào muốn an lập tất cả hữu tình trong tận hư không giới, pháp giới thế giới để được an trụ vào Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô biên pháp lành thù thắng khác, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn đạt được công đức, khi phát sinh một tâm niệm thiện cho đến ngồi tòa Bồ-đề diệu mầu, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột cũng không cùng tận, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Đại Bồ-tát trong thế giới chư Phật ở mười phương khen ngợi, hộ niệm, ban cho sức lực, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn một khi phát tâm, thì có thể đến khắp hằng hà sa thế giới để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng Đại Bồ-tát, làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn dùng một âm thanh, có thể vang khắp hằng hà sa thế giới trong mười phương để khen ngợi chư Phật, giáo hóa hữu tình, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Muốn kế thừa hạt giống Tam bảo để không bị đoạn tuyệt, làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào muốn thông đạt pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn chẳng đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cho đến sở duyên không, tăng thượng duyên không… vô không… nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn thông đạt tất cả pháp, chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn biết tất cả đại địa hư không trong thế giới ba lần ngàn, như núi, biển, sông, ao, hồ, đầm, rạch, khe, hang, đất, nước, lửa, gió… cho đến các loại rất nhỏ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thấy kiếp hỏa thiêu, cháy khắp thế giới ba lần ngàn, làm cho trời đất

đỏ rực. Đại Bồ-tát muốn thổi để dập tắt, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thấy kiếp gió nổi lên, làm cho thế giới ba lần ngàn rớt xuống chỗ luân phong, gặp gió thổi vọt lên, khiến cho núi Tô-mê-lô, núi Luân vi,… và tất cả những vật trong thế giới ba lần ngàn vụn nát, rơi như lá mục. Đại Bồ-tát muốn dùng ngón tay ngăn cản sức gió ấy dừng lại, không nổi dậy nữa, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn ở trong thế giới ba lần ngàn, một khi ngồi kiết già thì đầy khắp hư không, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát, lấy một sợi lông, cột giữ núi Tô-mê-lô, núi Luân vi,… và tất cả vật trong thế giới ba lần ngàn, ném qua vô số, vô lượng, vô biên thế giới khác mà không làm tổn hại hữu tình nào trong đó, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn dùng một bữa ăn, một chút hương thơm, một cành hoa, một vòng hoa, một chiếc áo, một cái phướn, một cái lọng, một ngọn đèn,… làm những vật cúng dường; đem cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen tất cả hằng hà sa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và đệ tử của các Ngài trong mười phương đều được đầy đủ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn an lập tất cả hằng hà sa các loài hữu tình trong mười phương thu vào giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn; hoặc trụ vào quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề cho đến khi họ có thể nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn, hoàn toàn an lạc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể biết như thật mà tu hành bố thí thì được quả báo lớn. Nghĩa là biết như thật bố thí như vậy sẽ được sinh vào dòng dõi lớn Sát-đế-lợi. Bố thí như vậy được sinh vào dòng dõi lớn Bà-la-môn. Bố thí như vậy được sinh vào dòng dõi lớn Trưởng giả. Bố thí như vậy được sinh vào dòng dõi lớn Cư sĩ.

Lại nữa, biết như thật là bố thí như vậy sẽ được sinh lên cõi trời Tứ đại Thiên vương. Bố thí như vậy được sinh lên tầng trời Ba mươi ba. Bố thí như vậy được sinh lên cõi trời Dạ-ma. Bố thí như vậy được sinh lên cõi trời Đổ-sử-đa. Bố thí như vậy được sinh lên cõi trời Lạc biến hóa. Bố thí như vậy được sinh lên cõi trời Tha hóa tự tại.

Lại nữa, biết như thật là nương nhờ bố thí này mà chứng được Sơ

thiền, hoặc thiền thứ hai, hoặc thiền thứ ba, hoặc thiền thứ tư. Lại nữa, như thật tri nương nhờ bố thí này mà chứng định Không vô biên xứ, hoặc định Thức vô biên xứ, hoặc định Vô sở hữu xứ, hoặc định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, biết như thật là nương nhờ Bố thí này mà phát sinh ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, do đó mà chứng được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác Bồ-đề, hoặc chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Nếu biết như thật mà tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã thì cũng được quả báo lớn như vậy.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể biết như thật là Bố thí như vậy làm phương tiện thiện xảo để viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa. Bố thí như vậy là phương tiện thiện xảo để viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa. Bố thí như vậy là phương tiện thiện xảo để viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa. Bố thí như vậy là phương tiện thiện xảo để viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa. Bố thí như vậy là phương tiện thiện xảo để viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Bố thí như vậy là phương tiện thiện xảo để viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa, biết như thật về Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã như thế là phương tiện thiện xảo đều có thể viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể biết như thật là bố thí như vậy làm phương tiện thiện xảo để viên mãn Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Có thể biết như thật là Tịnh giới cho đến Bát-nhã như vậy làm phương tiện thiện xảo để có thể thành tựu viên mãn Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Phật dạy Xá-lợi Tử:

–Này Xá-lợi Tử, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện; nghĩa là Đại Bồ-tát khi hành bố thí, thông đạt rõ ràng tất cả tướng người cho, người nhận, vật cho là chẳng thể nắm bắt được; cho nên có thể thành tựu viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa. Tướng phạm, tướng không phạm là chẳng thể nắm bắt được; nên có thể thành tựu viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa. Tướng động hay tướng không động đều chẳng thể nắm bắt được; nên có thể thành tựu viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa. Thân tâm siêng năng hay biếng nhác đều

chẳng thể nắm bắt được; nên có thể viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa. Bị loạn hay không loạn, đều chẳng thể nắm bắt được; nên có thể viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Tánh tướng của các pháp đều chẳng thể nắm bắt được; nên có thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát khi hành Bố thí làm phương tiện thiện xảo nên có thể viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Như vậy, này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi hành Tịnh giới cho đến khi tu hành Bát-nhã làm phương tiện thiện xảo đều có thể thành tựu viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nếu muốn được công đức thù thắng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát, muốn thông đạt các pháp hữu vi, vô vi; thành tựu rốt ráo đến bờ bên kia, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát, muốn thông đạt các pháp, chân như, pháp giới, pháp tánh, không sinh, thật tế trong quá khứ, vị lai, hiện tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát, nếu muốn làm người dẫn đầu cho Thanh văn, Độc giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát, muốn làm người thị giả gần gũi chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát, muốn là người trong dòng quyến thuộc với chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đời đời có nhiều quyến thuộc vĩ đại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thường được làm quyến thuộc với Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát làm ruộng phước chân chánh, thanh tịnh cho thế gian, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn chiến thắng tâm xan tham, thôi bỏ tâm phạm giới, dứt bỏ tâm xan giận, xả bỏ tâm biếng nhác, làm yên tịnh tâm tán loạn, gạt bỏ tâm ác tuệ thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát, an lập tất cả hữu tình, một cách chu đáo, vào việc phước nghiệp của tánh bố thí, việc phước nghiệp của tánh trì giới, việc phước nghiệp của tánh tu hành, việc phước nghiệp của tánh cúng dường và

y vào các việc phước nghiệp đó thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn được năm loại mắt thì năm loại mắt đó là gì? Nghĩa là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn dùng Thiên nhãn, thấy tất cả thân tướng tốt đẹp của chư Phật, trong hằng hà sa thế giới của mười phương, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn dùng Thiên nhĩ nghe pháp giải thoát mà chư Phật trong hằng hà sa thế giới ở mười phương nói; thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn biết như thật về tâm và tâm sở pháp của tất cả Như Lai trong hằng hà sa thế giới ở mười phương, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn được nghe chư Phật trong mười phương thế giới nói pháp cho đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột, không bao giờ gián đoạn, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát thấy tất cả quốc độ trong mười phương chư Phật ở quá khứ, vị lai, hiện tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát, muốn đối với các kinh mà mười phương chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai nói, như Khế kinh, Ứng tụng, Thọ ký, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp, Thí dụ, Luận nghị, mà chư Thanh văn chưa từng được nghe, đều có thể thọ trì, thông lợi rốt ráo, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đối với tất cả pháp môn mà mười phương chư Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai nói, Đại Bồ-tát muốn tự thọ trì, hoàn toàn thông suốt, theo đó mà tu hành; lại như thật mà nói rõ, khuyến khích người khác tu hành thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đối với hằng hà sa thế giới tối tăm trong mười phương, hoặc trong thế giới không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng; Đại Bồ-tát muốn làm ánh sáng sáng tỏ cho những nơi đó thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn tất cả chúng sinh trong hằng hà sa vô lượng thế giới khắp mười phương bị tà kiến; không nghe danh hiệu Phật, danh hiệu Pháp, danh hiệu Tăng; không tin nhân quả mà có thể giáo hóa, hướng dẫn để họ phát sinh chánh kiến, nghe tên Tam bảo, tin sâu nhân quả; thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đối với hằng hà sa thế giới hữu tình trong mười phương; Đại Bồ-tát muốn dùng oai lực của mình làm cho người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm được nói, người điên được nhớ, người loạn được định, người nghèo được giàu, người rách rưới được mặc quần áo, người đói được ăn, người khát được uống, người bệnh được lành, người xấu được đẹp đẽ, người tàn tật được đầy đủ, người thiếu căn được trọn vẹn, người chết giấc được tỉnh lại, người mệt mỏi được thư thái; tất cả hữu tình đều đem lòng Từ đối xử với nhau; người đọa vào đường ác được sinh vào cõi lành, người tập theo nghiệp ác được tu sửa lại nghiệp thiện, những người phạm giới được trụ trong giới uẩn, người chưa đạt định thì được an trú trong định uẩn, người có ác tuệ thì được an trú trong tuệ uẩn, người không giải thoát được an trú trong giải thoát uẩn, người không giải thoát tri kiến thì an trú trong giải thoát tri kiến uẩn, người chưa Kiến đế thì được chứng quả Dự lưu hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn học oai nghi thù thắng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khiến cho các hữu tình nhìn thấy không chán, mà bỏ ác tu thiện, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà nghĩ như vầy: "Khi nào ta mới được giống như bậc long tượng, với thái độ ung dung đàng hoàng khi nhìn, khi im lặng; khi thuyết pháp cho đại chúng, thân, ngữ, ý nghiệp theo trí tuệ tu hành đều được thanh tịnh, khi đi kinh hành chân không đạp đất, cách chừng bốn ngón tay…?" Muốn được những việc ấy, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà nghĩ rằng: "Khi nào ta được vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do-đa, trời Tứ đại Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh cùng nhau đi đến gốc cây Bồ-đề; chúng trời đó đem áo trời làm tòa ngồi, ta ngồi kiết già trên tòa ấy; tay được trang sức những tướng tốt đẹp rồi vỗ xuống đại địa, làm cho thần đất và quyến thuộc của họ cùng một lúc vọt lên, chiến thắng quân ma oán, được chánh đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Từ đó về sau, khi ta đi,

hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi thì đất chỗ đó đều là kim cang.” Muốn thành tựu những việc đó, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, suy nghĩ như vầy: “Khi nào ta được bỏ về nhà để xuất gia thì ngày đó chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột và cũng ngày ấy cùng chuyển bánh xe diệu pháp, làm cho vô lượng, vô số hữu tình xa lìa trần cấu, sinh Pháp nhãn thanh tịnh; lại khiến cho vô lượng, vô số hữu tình, diệt sạch các lậu, tâm tuệ hoàn toàn giải thoát; cũng làm cho vô lượng, vô số hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột không bị thoái chuyển.” Muốn thành tựu những việc đó, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nghĩ như vầy: “Khi nào ta chứng quả vị Giác ngộ cao tột, có vô lượng, vô số Thanh văn, Bồ-tát làm chứng đệ tử. Một khi ta nói pháp, khiến cho vô lượng, vô số hữu tình chứng A-la-hán ngay tại chỗ, lại khiến cho vô lượng, vô số hữu tình ngay chỗ ngồi đối với quả vị Giác ngộ cao tột không bị thoái chuyển.” Muốn thành tựu như vậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, suy nghĩ như vầy: “Khi nào ta được sống lâu vô tận, được trang sức bằng vô biên ánh sáng tướng tốt, người thấy không chán? Khi đi, mặc dầu có ngàn cánh hoa sen nâng đỡ chân, nhưng khiến trên đất lại hiện lên bánh xe ngàn căm; khi kinh hành mỗi bước đi làm cho đại địa chấn động, nhưng không quấy nhiễu hữu tình ở trên đất; khi muốn quay nhìn thì toàn thân đều chuyển theo, nơi mà chân đạp lên đều là Kim cang, giống như bánh xe di chuyển theo đất. Những chi tiết của toàn thân, đều phóng ra ánh sáng chiếu khắp vô biên thế giới trong mười phương, chiếu đến chỗ nào thì làm cho hữu tình nơi ấy được lợi ích hơn.” Muốn thành tựu những việc như vậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, suy nghĩ như vầy: “Khi nào chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện ở chỗ nào cũng đều không có tên của tham dục, sân giận, ngu si… Hữu tình cõi đó hoàn toàn được trí tuệ sáng suốt; nhờ năng lực trí tuệ đó, mà luôn suy nghĩ đến Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, xa lìa các phóng dật, siêng năng tấn tu phạm hạnh, Từ, Bi, Hỷ, Xả; không xúc não đến hữu tình; giống như cõi Phật khác, há không tốt thay, việc giáo hóa đã chu tất, sau khi nhập Niết-bàn, chánh pháp không có thời kỳ diệt tận, luôn làm lợi ích lớn cho các hữu tình.” Muốn thành tựu những việc như vậy, nên học Bát-

nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, suy nghĩ như vầy: "Khi nào chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nguyện cho tất cả các hữu tình trong vô lượng hằng hà sa thế giới ở mười phương; ai nghe đến tên ta, đều được chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột." Muốn thành tựu những việc như vậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát muốn được vô lượng, vô biên công đức thù thắng này, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 480

Phẩm 2: Xá-lợi tử (2)

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đã phát sinh những công đức như vậy thì khi ấy, Tứ đại Thiên vương trong thế giới ba lần ngàn, vui mừng khôn xiết, suy nghĩ như vầy: "Hôm nay, chúng ta nên đem bốn cái bát để cúng dường vị Bồ-tát này, giống như xưa kia Thiên vương đã dâng cúng bát cho Đức Phật trước."

Lúc đó, thế giới ba lần ngàn, cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại sung sướng vui mừng, suy nghĩ như vầy: "Chúng ta hãy cung cấp, hầu hạ, cúng dường vị Bồ-tát ấy, để bè đảng hung ác của A-tố-lạc bị tổn giảm, làm cho quyến thuộc của chư Thiên được tăng trưởng lợi ích."

Lúc đó, thế giới ba lần ngàn, từ trời Phạm chúng cho đến trời Đại phạm; trời Quang cho đến trời Cực quang tịnh; trời Tịnh cho đến trời Biến tịnh; trời Quảng cho đến trời Quảng quả; trời Vô phiền cho đến trời Sắc cứu cánh đều vui mừng phấn khởi, tư duy như vầy: "Chúng ta nên thỉnh Bồ-tát này mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển Diệu pháp luân để làm lợi ích cho tất cả."

Lại nữa này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa làm tăng trưởng Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và các pháp lành khác, thì các thiện nam, thiện nữ... ở thế giới kia vui mừng khôn xiết, suy nghĩ như vầy: "Chúng ta xem vị Bồ-tát đó như là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, tri thức, bạn lành của ta."

Khi ấy, trời Tứ đại Thiên vương ở thế giới đó cho đến trời Tha hóa tự tại; từ trời Phạm chúng cho đến trời Đại phạm; trời Quang cho đến trời Cực quang tịnh; trời Tịnh cho đến trời Biến tịnh; trời Quảng cho đến trời Quảng quả; trời Vô phiền cho đến trời Sắc cứu cánh… tất cả đều vui mừng sung sướng, suy nghĩ như vầy: "Chúng ta nên bày mọi phương tiện để vị

Bồ-tát ấy lìa bỏ pháp dâm dục, từ lúc mới phát tâm cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, luôn tu hành phạm hạnh. Đối với pháp thuận lợi không sinh lòng đắm nhiễm. Vì sao? Vì tu hành như vậy chẳng phải phạm hạnh, sinh vào Phạm thiên còn bị chướng ngại thì làm sao chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Cho nên Đại Bồ-tát đoạn dục, xuất gia, tu phạm hạnh, có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Ngoài ra, không xuất gia mà tu hành thì chẳng phải là phạm hạnh."

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát phải nhất thiết là có cha mẹ, vợ con, người thân, bè bạn sao?

Đức Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, có Bồ-tát đầy đủ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc mà vẫn tu hạnh Đại Bồ-tát; cũng có Bồ-tát không có vợ con; từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, luôn tu phạm hạnh, không làm mất đi bản chất đồng chân; cũng có Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo, ban đầu thị hiện, hưởng thọ năm cảnh dục lạc, sau đó mới chán bỏ, siêng năng tu phạm hạnh, mới chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Này Xá-lợi Tử, giống như thầy ảo thuật hoặc đệ tử của ông ta, ảo thuật rất giỏi, có thể hóa làm đủ loại vui của năm dục, rồi trong năm dục huyễn hóa đó, tha hồ hưởng thọ khoái lạc. Ý ông thế nào? Những gì mà người ảo thuật làm ra là có thật không?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát cũng vậy, dùng phương tiện thiện xảo là để thành tựu các hữu tình, nên thị hiện thọ năm dục nhưng thật không bị nhiễm. Vì sao? Vì đối với năm dục, Đại Bồ-tát rất nhàm chán, không bị tội lỗi của năm dục làm ô uế, mà còn dùng vô lượng cách để quở trách, chê bai các dục, lại nghĩ như vầy: "Năm dục giống như lửa dữ, dục như phân dơ, dục như kẻ đồ tể, dục như oán thù, dục như binh khí độc, dục như giếng sâu."

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát dùng vô lượng cách chê bai, quở trách các dục như vậy, lẽ nào có các dục chân thật để mà hưởng thọ; đó chỉ là phương tiện; để làm lợi ích các hữu tình, mà khiến có những việc hóa hiện lợi lạc như vậy.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên quán như vầy: "Thật có Bồ-tát nhưng không thấy có Bồ-tát, không thấy tên của Bồ-tát, không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy hành, không thấy không hành. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tự tánh của Bồ-tát là không, tên của Bồ-tát là không. Vì sao? Tự tánh của sắc là không, vì chẳng do không. Tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không, vì chẳng do không. Không của sắc chẳng phải là sắc; không của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng lìa không; không chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức tức là không; không tức là thọ, tưởng, hành, thức."

Vì sao? Này Xá-lợi Tử, đây chỉ có tên gọi là Bồ-đề, đây chỉ có tên gọi là Tát-đỏa, đây chỉ có tên gọi là Bồ-tát, đây chỉ có tên gọi đó là không. Như vậy, tự tánh không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì không thấy sinh, không thấy diệt, không thấy nhiễm, không thấy tịnh. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, đó chỉ là các tên khách giả lập ra để phân biệt riêng các pháp. Do có sự phân biệt, mượn lập ra cái tên, nên theo đó mà nói. Giống như theo lời nói như vậy, như vậy rồi sinh tâm chấp trước. Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả đều không thấy có cái tên chung và tên riêng, do không thấy, nên không bị chấp trước.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên quán như vầy: "Bồ-tát chỉ có cái tên, Phật chỉ có cái tên, Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ có cái tên, sắc chỉ có cái tên; thọ, tưởng, hành, thức chỉ có cái tên, tất cả pháp chỉ có cái tên."

Này Xá-lợi Tử, giống như ngã, chỉ có cái tên gọi đó là ngã, nhưng thật ra chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, nói rộng cho đến cái biết, cái thấy cũng chỉ có cái tên; nghĩa là từ loài hữu tình cho đến người thấy, thật chẳng thể nắm bắt được; vì chẳng thể nắm bắt được là không. Nó chỉ theo thế tục để mượn, mà lập ra cái tên khách. Các pháp cũng vậy, không nên chấp trước. Cho nên, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy có ngã cho đến cái thấy, cũng không thấy có tánh của tất cả

pháp.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, ngoài trí tuệ của Phật ra, thì trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không thể nào sánh kịp. Vì sao? Vì đối với tên mà được gọi đó, Đại Bồ-tát đều chẳng thể nắm bắt được; do không quán thấy, nên không chấp trước.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì gọi là khéo hành thiện vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Này Xá-lợi Tử, giả sử các đại Thanh văn, các ông trong châu Thiệm-bộ có trí tuệ nhiều như tre, cỏ, lúa, gạo, mía, gai... so với trí tuệ của Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một. Số phần, toán phần cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần (phần cực số) cũng không bằng một. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì trí tuệ của Đại Bồ-tát đó có thể làm cho tất cả hữu tình trong mười phương hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, một Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa với trí tuệ tu trong một ngày thì trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không thể sánh kịp.

Này Xá-lợi Tử, gác châu Thiệm-bộ qua một bên; giả sử trí tuệ của các đại Thanh văn các ông khắp cả bốn đại châu nhiều như tre, cỏ, lúa, gạo, mía, gai... so với trí tuệ của Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một. Số phần, toán phần cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng không bằng một. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tất cả trí tuệ của Đại Bồ-tát ấy, có thể khiến cho tất cả hữu tình trong mười phương hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, một Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa với trí tuệ tu trong một ngày, thì trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không thể sánh kịp.

Này Xá-lợi Tử, gác bốn đại châu qua một bên; giả sử trí tuệ của các đại Thanh văn các ông khắp cả một thế giới ba lần ngàn nhiều như tre, cỏ, lúa, gạo, mía, gai... so với trí tuệ của Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một. Số phần, toán phần cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng không bằng một. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tất cả trí tuệ của Đại Bồ-tát ấy, có thể khiến cho tất cả hữu tình trong mười phương hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, một Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa

với trí tuệ tu trong một ngày; thì trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác cũng không thể sánh kịp.

Này Xá-lợi Tử, gác một thế giới ba lần ngàn qua một bên; giả sử trí tuệ của các đại Thanh văn các ông khắp trong hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương; nhiều như tre, cỏ, lúa, gạo, mía, gai... so với trí tuệ của Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một. Số phần, toán phần cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng không bằng một. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tất cả trí tuệ của Đại Bồ-tát ấy, có thể khiến cho tất cả hữu tình trong mười phương hướng đến Niết-bàn.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, một Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với trí tuệ tu trong một ngày, thì trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không thể sánh kịp.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tất cả trí tuệ của Thanh văn thừa, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, tất cả trí tuệ của Độc giác thừa, tất cả trí tuệ của Đại Bồ-tát; tất cả trí tuệ của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; tất cả trí tuệ trên, đều không sai khác, không chống trái nhau, không sinh, không diệt, tự tánh nó đều không. Nếu pháp không sai biệt, không chống trái nhau, không sinh, không diệt, tự tánh đều không thì lý của pháp sai biệt ấy chẳng thể nắm bắt được. Vậy, vì sao Đức Thế Tôn nói trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không thể sánh bằng trí tuệ của một Đại Bồ-tát tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa trong một ngày?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Trí tuệ được tu tập và sự nghiệp làm ra trong một ngày, của một Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, so với trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác có tác dụng như vậy không?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy tiếp:

–Này Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Trí tuệ được tu tập trong một ngày của một Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể phát sinh đầy đủ trí Nhất thiết tướng vi diệu, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình và giác ngộ tất cả tướng của tất cả pháp; dùng phương tiện lập ra cảnh giới Vô dư y Niết-bàn cho tất cả

hữu tình, thì đối với trí tuệ của Thanh văn, Độc giác có tác dụng như vậy không?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy tiếp:

–Này Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Tất cả Thanh văn và Độc giác có suy nghĩ như vầy: "Ta chứng quả vị Giác ngộ cao tột, rồi dùng phương tiện an lập cảnh giới Vô dư y Niết-bàn cho tất cả hữu tình." Suy nghĩ như vậy được không?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy tiếp:

–Này Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Tất cả Thanh văn và Độc giác có suy nghĩ như vầy: "Ta sẽ tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, viên mãn mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, rồi dùng phương tiện an lập vô lượng, vô biên, vô số hữu tình vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn." Suy nghĩ như vậy có được không?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều nghĩ như vầy: "Ta sẽ tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, viên mãn mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, rồi dùng phương tiện an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở cảnh giới Vô dư y Niết-bàn."

Này Xá-lợi Tử, giống như con đom đóm không thể nghĩ: "Ánh sáng của ta có thể làm ánh sáng lớn chiếu khắp châu Thiệm-bộ." Thanh văn, Độc giác cũng vậy, chưa từng nhất tâm khó có thể nghĩ như vầy: "Ta tu sáu pháp Ba-la-mật-đa để đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, viên mãn mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao

tột, dùng phương tiện an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở cảnh giới Vô dư y Niết-bàn!

Này Xá-lợi Tử, ví như mặt trời có ánh sáng rực rỡ, vừa mới mọc liền chiếu khắp châu Thiệm-bộ; Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vậy, đều nghĩ như vầy: "Ta tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, để đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, viên mãn mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, dùng phương tiện an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn."

Bấy giờ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát có thể vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác...? Có thể chứng đắc địa vị Bồ-tát không thoái chuyển, làm thanh tịnh đạo Bồ-đề?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, từ khi mới phát tâm tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát luôn trụ vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện; nên vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác; có thể chứng đắc địa vị Bồ-tát không thoái chuyển, làm thanh tịnh đạo Bồ-đề.

Khi ấy, Xá-lợi Tử thưa tiếp:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát trụ vào những địa vị nào mà có thể làm ruộng phước chân tịnh cho tất cả Thanh văn, Độc giác?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, từ khi mới phát tâm tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến lúc ngồi tòa Bồ-đề; các Đại Bồ-tát thường làm ruộng phước chân tịnh cho tất cả Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì nương dựa vào các Đại Bồ-tát, mà tất cả các pháp lành xuất hiện ở thế gian. Đó là tất cả mười nẻo nghiệp thiện, năm giới Cận sự, tám giới Cận trụ, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn trí Thánh đế, bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười lực của Như Lai, sáu pháp Ba-la-mật-đa, mười tám pháp Phật bất cộng; tất cả vô lượng, vô số, vô biên pháp lành như vậy, xuất hiện ra thế gian. Nhờ các pháp lành của Đại Bồ-tát ấy, mà thế gian có dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ, trời Tứ đại Thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng cho đến trời Đại phạm, trời

Quang cho đến trời Cực quang tịnh, trời Tịnh cho đến trời Biến tịnh, trời Quảng cho đến trời Quảng quả, trời Vô tưởng hữu tình, trời Vô phiền cho đến trời Sắc cứu cánh, trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ xuất hiện ra nơi đời. Lại nhờ các pháp lành của Bồ-tát nên có Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Đại Bồ-tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát có cần làm thanh tịnh ruộng phước cho tự thân nữa không?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát không cần làm thanh tịnh ruộng phước cho tự thân nữa. Vì sao? Vì đã hoàn toàn thanh tịnh rồi. Nghĩa là thế nào? Này Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát là đại thí chủ, bố thí cho các hữu tình rất nhiều pháp lành, thuộc thế gian và xuất thế gian, như: Bố thí cho hữu tình mười nẻo nghiệp thiện, năm giới Cận sự, tám giới Cận trụ, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn trí Thánh đế, bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, sáu pháp Ba-la-mật-đa, mười tám pháp Phật bất cộng... Bố thí vô lượng, vô biên pháp lành như vậy, nên nói Bồ-tát là đại thí chủ. Do đây mà Bồ-tát đã làm thanh tịnh ruộng phước tự thân rồi và còn phát triển vô lượng phước đức tích tụ ở thế gian nữa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát phải tương ưng với những pháp nào mà nói tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát vì tương ưng với sắc không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với nhãn xứ không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với sắc xứ không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với nhãn giới không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với sắc giới không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với nhãn thức giới không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với Thánh đế khổ không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với Thánh đế tập, diệt, đạo không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với vô minh không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với tất cả pháp không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì tương ưng với pháp hữu vi, pháp vô vi không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát vì tương ưng với bản tánh không, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát vì tương ưng với bảy pháp không như vậy nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tương ưng với bảy pháp không như vậy mà không thấy sắc có tương ưng hay không tương ưng; không thấy thọ, tưởng, hành, thức có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy sắc là pháp sinh hay pháp diệt; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp sinh hay pháp diệt.

Không thấy sắc là pháp nhiễm hay pháp tịnh; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp nhiễm hay pháp tịnh.

Không thấy sắc hợp với thọ, không thấy thọ hợp với tưởng, không thấy tưởng hợp với hành, không thấy hành hợp với thức.

Vì sao? Này Xá-lợi Tử, không có một pháp nhỏ nào mà hợp với pháp, vì bản tánh của tất cả pháp đều không.

Này Xá-lợi Tử, các sắc không, chẳng phải là sắc; các thọ, tưởng,

hành, thức không, chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, các sắc không, chẳng phải là tướng biến đổi và ngăn ngại; các thọ không, chẳng phải là tướng lãnh nạp; các tưởng không, chẳng phải là tướng nắm giữ tưởng tượng; các hành không, chẳng phải là tướng tạo tác; các thức không, chẳng phải là tướng riêng biệt.

Vì sao vậy? Này Xá-lợi Tử, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Này Xá-lợi Tử, tướng không của các pháp ấy không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm; chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Như vậy trong cái không đó, không có sắc; không có thọ, tưởng, hành, thức. Không có nhãn xứ; không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Không có sắc xứ; không có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Không có địa giới; không có thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Không có nhãn giới; không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Không có sắc giới; không có thanh, hương, vị, xúc, pháp giới. Không có nhãn thức giới; không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới. Không có vô minh, cũng không có vô minh diệt. Không có hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng không có hành cho đến lão tử diệt. Không có Thánh đế khổ, không có Thánh đế tập, diệt, đạo. Không có đắc, không có hiện quán. Không có Dự lưu, không có quả Dự lưu. Không có Nhất lai, không có quả Nhất lai. Không có Bất hoàn, không có quả Bất hoàn. Không có A-la-hán, không có quả A-la-hán. Không có Độc giác, không có Độc giác Bồ-đề. Không có Bồ-tát, không có hạnh của Bồ-tát. Không có Như Lai Chánh Đẳng Giác, không có quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy Bố thí ba-la-mật-đa có tương ưng hay không tương ưng; không thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy sắc có tương ưng hay không tương ưng; không thấy thọ, tưởng, hành, thức có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy nhãn xứ có tương ưng hay không tương ưng; không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy sắc xứ có tương ưng hay không tương ưng; không thấy

thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy nhãn giới có tương ưng hay không tương ưng; không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy sắc giới có tương ưng hay không tương ưng; không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy nhãn thức giới có tương ưng hay không tương ưng; không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy Thánh đế khổ có tương ưng hay không tương ưng; không thấy Thánh đế tập, diệt, đạo có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy vô minh có tương ưng hay không tương ưng; không thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy bốn Niệm trụ có tương ưng hay không tương ưng; không thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy sáu phép thần thông có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy mười lực của Như Lai có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có tương ưng hay không tương ưng.

Không thấy trí Nhất thiết tướng vi diệu có tương ưng hay không tương ưng; không thấy trí Nhất thiết trí có tương ưng hay không tương ưng.

Này Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với những pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không quán Không hợp với Không, cũng không tương ưng với không; không quán Vô tướng hợp với Vô tướng, cũng không tương ưng với Vô tướng; không quán Vô nguyện hợp với Vô nguyện, cũng không tương ưng với Vô nguyện. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì Không, Vô tướng, Vô nguyện không hợp, không phải không hợp, cũng không tương ưng, chẳng phải không tương ưng.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã nhập vào tự tướng không của tất cả pháp, không quán sắc là hợp hay tan; không quán thọ, tưởng, hành, thức là hợp hay tan.

Không quán sắc hợp hay tan với khoảng trước. Vì sao? Vì không thấy khoảng trước. Không quán sắc là hợp hay tan với khoảng sau. Vì sao? Vì không thấy khoảng sau. Không quán sắc hợp hay tan với khoảng giữa. Vì sao? Vì không thấy khoảng giữa.

Không quán thọ, tưởng, hành, thức hợp hay tan với khoảng trước. Vì sao? Vì không thấy khoảng trước. Không quán thọ, tưởng, hành, thức hợp hay tan với khoảng sau. Vì sao? Vì không thấy khoảng sau. Không quán thọ, tưởng, hành, thức hợp hay tan ở khoảng giữa. Vì sao? Vì không thấy khoảng giữa.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát không quán khoảng trước hợp hay tan với khoảng sau; không quán khoảng trước hợp hay tan với khoảng giữa; không quán khoảng sau hợp hay tan với khoảng trước; không quán khoảng sau hợp hay tan với khoảng giữa; không quán khoảng giữa hợp hay tan với khoảng trước; không quán khoảng giữa hợp hay tan với khoảng sau; không quán khoảng trước hợp hay tan với khoảng sau, khoảng giữa; không quán khoảng sau hợp hay tan với khoảng trước, khoảng giữa; không quán khoảng giữa hợp hay tan với khoảng trước, khoảng sau; không quán khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa hợp hay tan. Vì sao? Vì ba đời đều không.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với quá khứ. Vì sao? Vì quá khứ còn không thấy còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với quá khứ! Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với vị lai. Vì sao? Vì vị lai còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với vị lai. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với hiện tại. Vì sao? Vì hiện tại còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với hiện tại.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với sắc. Vì sao? Vì sắc còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với sắc. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì thọ, tưởng,

hành, thức còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với thọ, tưởng, hành, thức.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhãn xứ. Vì sao? Vì nhãn xứ còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhãn xứ. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với sắc xứ. Vì sao? Vì sắc xứ còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với sắc xứ. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhãn giới. Vì sao? Vì nhãn giới còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhãn giới. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với sắc giới. Vì sao? Vì sắc giới còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với sắc giới. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp giới còn không thấy, làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhãn thức giới. Vì sao? Vì nhãn thức giới còn không thấy còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhãn thức giới. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Thánh đế khổ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ còn không thấy còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Thánh đế khổ. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo còn không thấy còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Thánh đế tập, diệt, đạo.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với vô minh. Vì sao? Vì vô minh còn không thấy còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp

hay tan với vô minh. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Vì sao? Vì hành... cho đến lão tử còn không thấy còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với hành... cho đến lão tử.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Bố thí ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Bố thí ba-la-mật-đa. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với bốn Niệm trụ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với bốn Niệm trụ. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với năm loại mắt. Vì sao? Vì năm loại mắt còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với năm loại mắt. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với sáu phép thần thông. Vì sao? Vì sáu phép thần thông còn không thấy, thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với sáu phép thần thông.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với mười lực của Phật. Vì sao? Vì mười lực của Phật; thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với mười lực của Phật. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; thì làm sao quán trí Nhất thiết hợp hay tan với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng.

Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Phật, cũng không quán Phật hợp hay tan với trí Nhất thiết. Vì sao? Vì trí Nhất thiết tức là Phật, Phật là trí Nhất thiết. Không quán trí Nhất thiết hợp hay tan với Bồ-đề, cũng không quán Bồ-đề hợp hay tan với trí Nhất thiết. Vì sao? Vì trí Nhất thiết tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là trí Nhất thiết.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương

ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chấp trước sắc là có hay chẳng có; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức là có hay chẳng có. Không chấp trước sắc là thường hay vô thường; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường. Không chấp trước sắc là vui hay khổ; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức là vui hay khổ. Không chấp trước sắc là ngã hay vô ngã; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay vô ngã. Không chấp trước sắc là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh. Không chấp trước sắc là không hay bất không; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức là không hay bất không. Không chấp trước sắc là hữu tướng hay vô tướng; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức là hữu tướng hay vô tướng. Không chấp trước sắc là hữu nguyện hay vô nguyện; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức là hữu nguyện hay vô nguyện.

Này Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nghĩ rằng: "Ta hành Bát-nhã ba-la-mật-đa"; không nghĩ rằng: "Ta không hành Bát-nhã ba-la-mật-đa"; không nghĩ rằng: "Ta hành hoặc không hành Bát-nhã ba-la-mật-đa"; không nghĩ rằng: "Ta chẳng hành, cũng chẳng phải không hành Bát-nhã ba-la-mật-đa."

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không vì Bố thí ba-la-mật-đa mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không vì nhập vào Chánh quyết định của Bồ-tát mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không vì đắc địa vị Bồ-tát không thoái chuyển mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không vì thành tựu các hữu tình mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không vì trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không vì bốn Niệm trụ mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không vì mười lực của Phật mà tu hành Bát-nhã

ba-la-mật-đa; không vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không vì pháp không bên trong mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn chẳng đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không vì chân như mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không vì pháp giới, pháp tánh, thật tế mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa vì không thấy sự sai khác của các pháp tánh.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không vì Thiên nhãn trí chứng thông mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không vì Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc trú tùy niệm, Thần cảnh, Lậu tận, trí chứng thông mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì làm sao thấy sáu phép thần thông của Bồ-tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nghĩ rằng: "Ta dùng Thiên nhãn trí chứng thông mà quán khắp tất cả hữu tình chết đây, sinh kia; có từng phẩm loại khác nhau, trong hằng hà sa thế giới, chư Phật khắp mười phương." Không nghĩ rằng: "Ta dùng Thiên nhĩ trí chứng thông để nghe những âm thanh riêng biệt của tất cả hữu tình trong hằng hà sa thế giới khắp cả mười phương." Không nghĩ rằng: "Ta dùng Tha tâm trí chứng thông để biết những ý nghĩ sai khác thuộc tâm và tâm sở của tất cả hữu tình trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở mười phương." Không nghĩ rằng: "Ta dùng Túc trụ tùy niệm trí chứng thông để nhớ kiếp trước sai khác của tất cả hữu tình trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở mười phương." Không nghĩ rằng: "Ta dùng Thần cảnh trí chứng

thông để giảng nói chánh pháp cho các hữu tình trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở mười phương." Không nghĩ rằng: "Ta dùng Lậu tận trí chứng thông để biết rõ tất cả hữu tình trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở mười phương, lậu đã tận hay chưa tận."

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi đã tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì hay dùng phương tiện thiện xảo để có thể an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn; làm cho tất cả ác ma và quyến thuộc của chúng không làm hại được. Tất cả phiền não đều được diệt trừ, mong muốn những việc ở đời, đều được thành tựu, được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Đại Bồ-tát trong hằng hà sa thế giới ở mười phương hộ niệm, không để cho Bồ-tát ấy thoái lui, rơi trở lại địa vị Thanh văn, Độc giác.

Trong mười phương, hằng hà sa giới, các Đại Bồ-tát ấy được Thanh văn, Độc giác, trời Tứ đại Thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại; trời Phạm chúng cho đến trời Phạm thiên; trời Quang cho đến trời Cực quang tịnh; trời Tịnh cho đến trời Biến tịnh; trời Quảng cho đến trời Quảng quả; trời Vô phiền cho đến trời Sắc cứu cánh ủng hộ và bảo vệ.

Các Đại Bồ-tát ấy làm những việc gì không bao giờ bị chướng ngại mà lại mau thành tựu. Tất cả bệnh khổ của thân tâm đều được tiêu trừ. Giả sử có nghiệp tội phải thọ quả báo ở đời tương lai, thì được chuyển chịu quả báo nhẹ ở hiện tại. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy có lòng Từ bi trùm khắp tất cả hữu tình.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có đầy đủ đại thế lực, diệu dụng gia hạnh thì có thể phát sinh tất cả pháp môn Đà-la-ni thù thắng, tất cả pháp môn Tam-ma-địa thù thắng. Nhờ thế lực này, tùy ý phát sinh tất cả công đức ở thế gian hay ở xuất thế gian; sinh ra nơi nào, thường được gặp, tôn thờ chư Thế Tôn và các Đại Bồ-tát ấy cho đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Trong thời gian ấy, Đại Bồ-tát ấy không bao giờ lìa Phật và chúng Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử nên biết, Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên được vô lượng, vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, lợi ích thù thắng như vậy.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa

không nghĩ rằng: "Có pháp tương ưng hoặc không tương ưng, bằng nhau hoặc không bằng nhau với pháp." Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy không thấy có pháp nào tương ưng hoặc không tương ưng, bằng hoặc không bằng với pháp.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 481

Phẩm 2: Xá-lợi tử (3)

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nghĩ rằng: Đối với pháp giới ta nên mau chứng Đẳng giác, hoặc không mau chứng Đẳng giác. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì không có một pháp nhỏ nào đối với pháp giới mà chứng Đẳng giác.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy một pháp nhỏ nào lìa pháp giới, không thấy pháp giới lìa các pháp hữu, không thấy pháp nhỏ tức là pháp giới, không thấy pháp giới tức là các pháp hữu. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, pháp và pháp giới chẳng phải lìa nhau.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không nghĩ rằng: "Pháp giới có thể là nhân duyên các pháp"; không nghĩ rằng: "Như vậy các pháp có thể chứng pháp giới." Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy không thấy pháp nhỏ, thì làm sao có pháp để chứng pháp giới?

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy pháp giới tương ưng với không, cũng không thấy không tương ưng với pháp giới. Chư Phật cũng vậy. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì không và pháp giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng, chẳng phải xa lìa nhau.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tương ưng với pháp như vậy, nên nói là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy pháp giới tương ưng với không; cũng không thấy không tương ưng với pháp giới.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy sắc tương ưng với không; cũng không thấy không tương ưng với sắc. Không thấy thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với không; cũng không thấy không tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy nhãn xứ tương ưng với

không, cũng không thấy không tương ưng với nhãn xứ. Không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tương ưng với không; cũng không thấy không tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy sắc xứ tương ưng với không, cũng không thấy không tương ưng với sắc xứ. Không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tương ưng với không; cũng không thấy không tương ưng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy nhãn giới tương ưng với không, cũng không thấy không tương ưng với nhãn giới. Không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới tương ưng với không; cũng không thấy không tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy sắc giới tương ưng với không, cũng không thấy không tương ưng với sắc giới. Không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp giới tương ưng với không; cũng không thấy không tương ưng với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy nhãn thức giới tương ưng với không, cũng không thấy không tương ưng với nhãn thức giới. Không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới tương ưng với không; cũng không thấy không tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể tương ưng như vậy, đó là đệ nhất tương ưng với không.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy nhờ tương ưng với không như vậy, nên không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác; đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Xá-lợi Tử, trong những sự tương ưng của các Đại Bồ-tát, thì sự tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa là đệ nhất, rất tôn quý, rất thù thắng, tối thượng, tối diệu, tối cao, là không gì trên, không gì vượt lên trên, là không gì bằng, không gì sánh bằng. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, tức là tương ưng với Không; tức là tương ưng với Vô tướng; tức là tương ưng với Vô nguyện.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, nên biết rằng: "Các vị đã được thọ ký Bồ-đề, hoặc gần được thọ ký."

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy nhờ tương ưng này, mà có thể làm lợi ích rất lớn cho vô lượng, vô số hữu tình.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không nghĩ rằng: "Ta tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa"; không nghĩ rằng: "Ta đã được thọ ký hoặc gần được thọ ký Bồ-đề"; không nghĩ rằng: "Ta có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật, ta có thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình"; không nghĩ rằng: "Ta sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng sinh."

Vì sao? Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy có pháp lìa pháp giới; không thấy pháp giới lìa các pháp hữu; không thấy có pháp để có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không thấy có pháp được Phật thọ ký; không thấy có pháp đắc quả vị Giác ngộ cao tột; không thấy có pháp có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật; không thấy có pháp có thể đem lại sự thành tựu cho hữu tình.

Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoàn toàn không sinh vọng tưởng về các hữu tình. Vì sao? Vì các hữu tình hoàn toàn không sinh lại cũng không diệt. Đã hoàn toàn không sinh, không diệt rồi, thì làm sao có thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa? Các hữu tình không sinh, không diệt như vậy, thì các pháp cũng thế.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không thấy hữu tình và các pháp sinh, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì không thấy hữu tình và các pháp diệt, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì đạt được cái không của các hữu tình và pháp, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì thông đạt các hữu tình và pháp đều chẳng phải ngã, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì thông đạt các hữu tình và pháp là không thể đắc, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì thông đạt sự xa lìa của các hữu tình và pháp, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà tương ưng với không là đệ nhất; vì người nào tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì rất đáng tôn kính, rất thù thắng, không ai sánh bằng.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tương ưng như vậy, thì có thể phát sinh đại Từ, đại Bi và vô lượng, vô biên Phật pháp khác. Nhờ công năng này mà hoàn toàn không có tâm tạp nhiễm về xan tham, phạm giới, sân giận, biếng nhác, tán loạn, ác tuệ.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì Đại Bồ-tát ấy từ chỗ nào sinh đến đây, từ nơi đây sẽ sinh về đâu?

Phật dạy Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Nếu Đại Bồ-tát tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì Đại Bồ-tát ấy, hoặc từ cõi Phật khác mà sinh đến đây, hoặc từ cõi trời Đổ-sử-đa mà sinh đến đây, hoặc từ cõi người mà sinh đến đây.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà từ cõi Phật khác sinh đến đây thì Đại Bồ-tát ấy mau tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nhờ nhân duyên chuyển sinh này, liền đạt được pháp môn vi diệu sâu xa, ngay hiện tại, một cách mau chóng. Từ đó về sau luôn được mau chóng tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; sinh ra nơi nào thì thường gặp chư Phật để cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi không sót vị nào.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, từ cõi trời Đổ-sử-đa mà sinh đến đây, thì Đại Bồ-tát ấy không bao giờ quên mất sáu pháp Ba-la-mật-đa mà ngược lại nó luôn được hiện tiền. Đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng không quên mất và luôn được hiện tiền.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa mà từ cõi người sinh đến đây, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng những không đắc không thoái chuyển mà căn tánh còn chậm chạp, không tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa một cách mau chóng được; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chưa tự tại, rất khó được hiện tiền.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, với những điều ông hỏi: "Nếu Đại Bồ-tát tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì Đại Bồ-tát ấy từ đây sẽ sinh vào chỗ nào?" Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy ở đây qua đời, rồi sinh vào cõi Phật khác. Từ cõi Phật này, đến cõi Phật khác, sinh ra nơi nào, cũng thường gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, không bao giờ lìa Phật.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, chỉ có khả năng làm phát sinh bốn Tĩnh lự, cũng có thể tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa. Nhờ đắc tĩnh lự nên sinh vào cõi trời Trường thọ. Từ cõi trời Trường thọ lại sinh vào nhân gian, được gặp chư Phật để cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa nhưng căn tánh còn chập chạp, không lanh lợi sáng suốt.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát mặc dầu đắc tĩnh lự, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không có phương tiện thiện xảo, cho nên vứt bỏ tĩnh lự, sinh vào cõi Dục. Nên biết rằng, Đại Bồ-tát ấy, căn tánh cũng chậm chạp, không lanh lợi sáng suốt.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, nếu có Đại Bồ-tát, mặc dầu có thể nhập bốn Tĩnh lự, có thể nhập bốn Vô lượng, cũng có thể nhập bốn Định vô sắc, cũng có thể tu bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, mà còn có phương tiện thiện xảo, không do thế lực của Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc sinh ra, thì sinh vào thế giới có Phật, thường gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa. Trong Hiền kiếp nhất định sẽ thành Phật.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát mặc dầu có thể phát sinh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lại còn có phương tiện thiện xảo nhưng không thuận theo thế lực của Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc mà sinh ra, nên vẫn sinh trở lại cõi Dục, hoặc sinh vào dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, hoặc dòng dõi lớn Bà-la-môn, hoặc dòng dõi lớn Trưởng giả, hoặc dòng dõi lớn Cư sĩ. Sở dĩ như vậy là vì muốn đem lại sự thành tựu cho hữu tình.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy hiện nhập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lại còn có phương tiện thiện xảo, nhưng không thuận theo thế lực của Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc mà sinh; nên vẫn trở lại cõi Dục; hoặc trời Tứ đại Thiên vương, hoặc cõi trời Ba mươi ba, hoặc cõi trời Dạ-ma, hoặc cõi trời Đổ-sử-đa, hoặc trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại. Sở dĩ như vậy là vì muốn đem lại sự thành tựu cho hữu tình, hoặc vì muốn làm nghiêm tịnh cõi Phật, thường được gặp chư Phật để cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi không bao giờ bỏ sót.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy hiện nhập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lại còn có phương tiện thiện xảo; từ cõi này sinh vào trong Phạm thế, làm Đại phạm vương có oai đức, quyền lực dạo chơi các cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật kia. Trong đó, Bồ-tát nào chưa chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột thì khuyến hóa cho họ để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột; vị nào chứng quả vị Giác ngộ cao tột rồi, thì thỉnh chuyển pháp luân làm lợi ích cho tất cả hữu tình.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát còn lại một đời; tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; có phương tiện thiện xảo; dù hiện khởi bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, Tam-ma-địa Không, Tam-ma-địa Vô tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện; nhưng không thuận theo thế lực của Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc mà chuyển, hiện tiền

phụng thờ, gần gũi cúng dường hiện tại chư Như Lai Chánh Đẳng Giác. Ở trong cõi Phật này, siêng năng tinh tấn, tu phạm hạnh, từ đây qua đời, sinh vào cõi trời Đổ-sử-đa, được sống lâu, các căn đều đầy đủ, nhớ nghĩ thấy biết đều chân chánh, có vô lượng, vô số trăm ngàn câu-chi na-do-đa chúng trời cung kính vây quanh. Đến khi sinh vào cõi người, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng sinh.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát đạt được sáu phép thần thông, không sinh vào cõi Dục, không sinh vào cõi Sắc, không sinh vào cõi Vô sắc, dạo chơi các cõi Phật để cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi chư Phật Thế Tôn, tu hạnh Bồ-tát cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát đạt được sáu phép thần thông, sinh hoạt tự tại từ cõi Phật này đến cõi Phật khác; những cõi Phật đã được trải qua, không có tên Thanh văn, Độc giác thừa; chỉ có một thừa là các chúng Bồ-tát.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát đạt được sáu phép thần thông, sinh hoạt tự tại từ cõi Phật này đến cõi Phật kia; cõi Phật đã từng được trải qua, hữu tình sống rất lâu, không thể nào tính biết được.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát đạt được sáu phép thần thông, dạo chơi các thế giới, từ thế giới này đến thế giới khác. Nếu có thế giới không nghe đến tên của Phật, Pháp, Tăng, thì Đại Bồ-tát ấy đến thế giới này, khen ngợi công đức của Tam bảo, để các hữu tình có lòng tin một cách sâu sắc và thanh tịnh, nhờ đó mà thường được lợi ích rất lớn. Đại Bồ-tát ấy ở đây, sau khi qua đời, sinh vào thế giới có Phật, tu hạnh Bồ-tát, lần lần chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm, đắc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, thì Đại Bồ-tát ấy không sinh vào cõi Dục, không sinh vào cõi Sắc, không sinh vào cõi Vô sắc, mà thường sinh vào chỗ hữu tình, để làm lợi ích an lạc và giáo hóa hữu tình.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm có thể nhập vào ngôi vị Chánh quyết định của Bồ-tát cho đến trụ vào địa vị không thoái chuyển.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm, có thể theo thứ lớp mà chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển diệu pháp luân, độ thoát vô lượng, vô số hữu tình được lợi ích an lạc, thù thắng, nhập Niết-bàn, vào cảnh giới Vô dư y. Sau khi nhập Niết-bàn, thì chánh pháp đã nói trước kia được trụ một kiếp hay hơn một kiếp, làm lợi ích cho vô số các loài hữu tình.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm có thể tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa và cùng vô lượng, vô số trăm ngàn câu-chi na-do-đa Đại Bồ-tát cung kính, cùng nhau dạo chơi các cõi Phật rồi cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đạt được bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và ở trong đó, có thể sinh hoạt tự tại. Nghĩa là, trước tiên nhập Sơ tĩnh lự; ra khỏi Sơ tĩnh lự, nhập vào Diệt đẳng chí; ra khỏi Diệt đẳng chí, nhập vào Tĩnh lự thứ hai; ra khỏi Tĩnh lự thứ hai, nhập vào Diệt đẳng chí; ra khỏi Diệt đẳng chí, nhập vào Tĩnh lự thứ ba; ra khỏi Tĩnh lự thứ ba, nhập vào Diệt đẳng chí; ra khỏi Diệt đẳng chí, nhập vào Tĩnh lự thứ tư; ra khỏi Tĩnh lự thứ tư, nhập vào Diệt đẳng chí; ra khỏi Diệt đẳng chí, nhập vào Không vô biên xứ; ra khỏi Không vô biên xứ, nhập vào Diệt đẳng chí; ra khỏi Diệt đẳng chí, nhập vào Thức vô biên xứ; ra khỏi Thức vô biên xứ, nhập vào Diệt đẳng chí; ra khỏi Diệt đẳng chí, nhập vào Vô sở hữu xứ; ra khỏi Vô sở hữu xứ, nhập vào Diệt đẳng chí; ra khỏi Diệt đẳng chí, nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ; ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào Diệt đẳng chí.

Như vậy, này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng phương tiện thiện xảo với các đẳng chí, lần lượt vượt qua thuận, nghịch, đến, đi một cách tự tại.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát mặc dầu đã đạt được bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng đã tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng nhưng không đạt được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất-hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Còn Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhờ có phương tiện thiện xảo, khiến cho các hữu tình tu bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, được đắc quả Dự lưu hoặc

quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề; cũng khiến cho các hữu tình tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Xá-lợi Tử, các trí tuệ của quả vị Thanh văn, Độc giác tức là nhẫn của Đại Bồ-tát.

Này Xá-lợi Tử, nên biết các Đại Bồ-tát, đã trụ vào địa vị không thoái chuyển, an trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể làm việc như vậy.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa, làm thanh tịnh cung trời Đổ-sử-đa, thì trong Hiền kiếp này, sẽ được thành Phật, làm lợi ích an lạc cho vô lượng hữu tình.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy đã đắc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đã tu bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; cũng đã tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; luôn siêng năng tu học, hướng đến Bồ-đề nhưng hiện tại chưa thông đạt về bốn Đế. Nên biết, Đại Bồ-tát ấy đối với Nhất sinh bổ xứ chưa đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa đã đi đến các thế giới, an lập hữu tình vào Vô thượng giác, làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật; nên biết, Đại Bồ-tát ấy phải trải qua vô lượng, vô số đại kiếp, mới đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa, luôn siêng năng tinh tấn, làm lợi ích hữu tình. Miệng không bao giờ nói lời vô nghĩa, thân tâm không tạo nghiệp vô nghĩa.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát thường lấy sáu pháp Ba-la-mật-đa làm hàng đầu để tu Bồ-tát hạnh, ban cho các hữu tình tất cả vật ưa thích: Cần thức ăn, cho thức ăn; cần thức uống, cho thức uống; cần y phục, cho y phục; cần xe, cho xe; cần vòng hoa thơm, cho vòng hoa thơm; cần giường chiếu, cho giường chiếu; cần nhà cửa, cho nhà cửa; cần của cải gạo thóc, cho của cải gạo thóc; cần trân bảo, cho trân bảo; cần đồ tốt đẹp, cho đồ tốt đẹp; cần đầy tớ, cho đầy tớ... cần những vật gì cũng đều đem cho hết; siêng năng tu các việc thiện, chỉ dạy đoạn trừ các điều ác, để họ chứng đắc Niết-bàn thường lạc.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát hóa thân giống như Phật vào

khắp trong cõi địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, trời, người, tùy theo âm thanh từng loại, mà nói chánh pháp, để họ đạt được lợi ích an vui thù thắng.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ sáu pháp Ba-la-mật-đa, hóa thân giống như Phật, đi khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương, vì các hữu tình mà giảng nói chánh pháp, làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, lại được nghe chư Phật nói chánh pháp, cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, nắm lấy hết tướng thanh tịnh vi diệu tối thắng vô thượng của cõi Phật, rồi tự tạo cho mình cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh tối thắng vô thượng, trong đó an trí các Bồ-tát vào Nhất sinh bổ xứ, để cho họ mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, để trang nghiêm thân thể, các căn lanh lợi, thanh tịnh vô thượng; chúng sinh nào thấy cũng đều kính mến. Đại Bồ-tát ấy lần lượt hóa đạo, khiến mau chứng đắc Niết-bàn của Tam thừa.

Như vậy, này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nên học làm thanh tịnh nghiệp của thân, khẩu, ý để làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy được các căn lanh lợi tối thắng, nhưng không được khinh khi coi thường người khác.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm, luôn sống trong Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa cho đến khi chưa đạt được địa vị không thoái chuyển, thì trong tất cả thời gian đó, không đọa vào đường ác.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi chưa đạt được địa vị không thoái chuyển; không bao giờ lìa bỏ mười nẻo nghiệp thiện.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ trong Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa, làm vua Chuyển luân, có đầy đủ oai đức lớn, thường đem của cải quý báu ra bố thí cho hữu tình, để họ sống theo mười nẻo nghiệp thiện.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu học Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa, có hơn trăm ngàn phước báo của vua Chuyển luân. Do đây, mà Đại Bồ-tát ấy được gặp vô lượng trăm ngàn chư Phật Thế Tôn, để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, không bao giờ bỏ qua.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa, thường vì hữu tình làm cho chánh pháp chiếu sáng, không bao giờ xa

lìa ánh sáng Phật pháp. Như vậy, lần lượt cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này mà các Đại Bồ-tát luôn làm phát triển các Phật pháp. Cho nên, này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên tạo tội từ thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là tội từ thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát suy nghĩ như vầy: "Những gì là thân? Do thân này mà ta tạo nghiệp từ thân. Những gì là ngữ? Do lời nói này mà ta tạo ra nghiệp từ lời nói. Những gì là ý? Do ý này mà ta tạo ra nghiệp từ ý. Này Xá-lợi Tử, đó gọi là tội từ thân, ngữ, ý nghiệp.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có thân và nghiệp của thân, không có ngữ và nghiệp của ngữ, không có ý và nghiệp của ý.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà cho là có thân, ngữ, ý và các nghiệp của nó, thì nổi tâm xan tham, phạm giới, sân giận, biếng nhác, tán loạn và ác tuệ.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà có tâm như vậy thì không có vấn đề ấy.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tạo ra ba loại thô trọng về thân, ngữ, ý cũng không có vấn đề đó. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, có khả năng làm thanh tịnh ba thô trọng về thân, ngữ, ý.

Khi ấy, Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát làm thanh tịnh ba thô trọng về thân, ngữ, ý như thế nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không đắc thân và thô trọng của thân, không đắc ngữ và thô trọng của ngữ, không đắc ý và thô trọng của ý. Này Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát có khả năng làm thanh tịnh ba thô trọng về thân, ngữ, ý.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm có thể thọ trì đầy đủ mười nẻo nghiệp thiện; không có tác ý là Thanh văn, Độc giác mà luôn nhớ nghĩ độ thoát tất cả hữu tình. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy cũng gọi là làm

thanh tịnh ba thô trọng.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, làm thanh tịnh đạo Bồ-đề.

Khi ấy, Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Đại Bồ-tát làm thanh tịnh đạo Bồ-đề?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khi tu hạnh Bồ-tát; không đắc thân nghiệp; không đắc ngữ nghiệp; không đắc ý nghiệp; không đắc Bố thí ba-la-mật-đa; không đắc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; không đắc Thanh văn; không đắc Độc giác; không đắc Bồ-tát; không đắc Như Lai; không đắc tất cả pháp. Này Xá-lợi Tử, đó là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa mà hướng đến đạo Bồ-đề thì không có gì ngăn cản được.

Khi ấy, Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì duyên gì Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa mà hướng đến đạo Bồ-đề thì không có gì ngăn cản?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, không chấp giữ sắc; không chấp giữ thọ, tưởng, hành, thức; không chấp giữ nhãn xứ, sắc xứ; không chấp giữ nhĩ xứ, thanh xứ; không chấp giữ tỷ xứ, hương xứ; không chấp giữ thiệt xứ, vị xứ; không chấp giữ thân xứ, xúc xứ; không chấp giữ ý xứ, pháp xứ; không chấp giữ nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; không chấp giữ nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; không chấp giữ tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; không chấp giữ thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; không chấp giữ thân giới, xúc giới, thân thức giới; không chấp giữ ý giới, pháp giới, ý thức giới; không chấp giữ địa giới; không chấp giữ thủy, hỏa, phong, không, thức giới; không chấp giữ bốn Niệm trụ; không chấp giữ bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; không chấp giữ Bố thí ba-la-mật-đa; không chấp giữ Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; không chấp giữ mười lực của Phật; không chấp giữ bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; không chấp giữ quả Dự lưu; không chấp giữ quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; không chấp giữ Độc giác Bồ-đề; không chấp giữ hạnh của Đại Bồ-tát; không chấp giữ quả vị

Giác ngộ cao tột.

Này Xá-lợi Tử, do nhân duyên này mà các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, được tăng trưởng mạnh mẽ, hướng đến đạo Bồ-đề không có gì ngăn cản.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, mau viên mãn trí Nhất thiết trí, thành tựu thắng trí; cho nên đóng tất cả các cửa của con đường đưa đến cảnh giới ác; được thọ thân trời, người, không còn nghèo khổ, các căn được đầy đủ, tướng mạo đẹp đẽ, được trời, người, thế gian kính mến.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Đại Bồ-tát được thành tựu thắng trí?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, nhờ thành tựu trí này, mà các Đại Bồ-tát thấy tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương; được nghe tất cả âm thanh của chư Phật thuyết pháp; thấy tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Tăng..., ở trong hội và thấy rõ tướng trang nghiêm, thanh tịnh của cõi ấy.

Này Xá-lợi Tử, nhờ thành tựu trí này mà các Đại Bồ-tát không có tưởng về thế giới, không có tưởng về Phật, không có tưởng về Pháp, không có tưởng về Thanh văn Tăng, không có tưởng về Bồ-tát Tăng, không có tưởng về Độc giác, không có tưởng về mình, không có tưởng về người khác, không có tưởng về sự trang nghiêm thanh tịnh của cõi Phật.

Này Xá-lợi Tử, nhờ thành tựu trí này mà các Đại Bồ-tát tuy hành Bố thí ba-la-mật-đa nhưng không đắc Bố thí ba-la-mật-đa; mặc dầu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không đắc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; mặc dầu tu bốn Niệm trụ nhưng không đắc bốn Niệm trụ; mặc dầu tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo nhưng không đắc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; mặc dầu có đầy đủ mười lực của Phật nhưng không đắc mười lực của Phật; mặc dầu có bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng nhưng không đắc bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt và mười tám pháp Phật bất cộng.

Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát được thành tựu thắng trí. Nhờ trí này mà các Đại Bồ-tát mau viên mãn tất cả Phật pháp. Mặc dầu có thể viên mãn

tất cả Phật pháp nhưng không chấp giữ.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đạt được năm loại mắt thanh tịnh, đó là: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.

Khi ấy, Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đạt được Nhục nhãn thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát với Nhục nhãn có thể thấy trăm du-thiện-na, có Đại Bồ-tát với Nhục nhãn, có thể thấy hai trăm du-thiện-na; có Đại Bồ-tát, với Nhục nhãn, có thể thấy ba trăm... cho đến một ngàn du-thiện-na; có Đại Bồ-tát, với Nhục nhãn, có thể thấy cõi châu Thiệm-bộ, có Đại Bồ-tát với Nhục nhãn, có thể thấy hai đại châu; có Đại Bồ-tát, với Nhục nhãn, có thể thấy bốn đại châu; có Đại Bồ-tát, với Nhục nhãn, có thể thấy tiểu thiên thế giới; có Đại Bồ-tát, với Nhục nhãn, có thể thấy trung thiên thế giới; có Đại Bồ-tát, với Nhục nhãn, có thể thấy thế giới ba lần ngàn. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát đạt được Nhục nhãn thanh tịnh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, Thiên nhãn của Đại Bồ-tát, có thể thấy tất cả như Thiên nhãn của trời Tứ đại Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại; cũng có thể thấy như Thiên nhãn của tất cả trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm thiên; cũng có thể thấy như Thiên nhãn của tất cả trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm; cũng có thể thấy như Thiên nhãn của tất cả trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh; cũng có thể thấy như Thiên nhãn của tất cả trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả; cũng có thể thấy như Thiên nhãn của tất cả trời Vô Tưởng hữu tình; cũng có thể thấy như Thiên nhãn của tất cả trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Hiện kiến, trời Sắc cứu cánh.

Này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát có thể thấy bằng Thiên nhãn; mà Thiên nhãn của tất cả thì trời Tứ đại Thiên vương... cho đến trời Sắc cứu cánh thì không thể thấy được.

Này Xá-lợi Tử, Thiên nhãn của các Đại Bồ-tát có thể thấy và như thật

biết rõ, các loài hữu tình chết nơi này, sinh vào chỗ kia, trong hằng hà sa thế giới khắp mười phương. Này Xá-lợi Tử, đó là Thiên nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát được Tuệ nhãn thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát có Tuệ nhãn thanh tịnh; không thấy có pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thiện, pháp chẳng thiện, pháp hữu tội, pháp vô tội, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu nhiễm, pháp ly nhiễm, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp tạp nhiễm, pháp thanh tịnh...

Này Xá-lợi Tử, Tuệ nhãn của Đại Bồ-tát ấy là không thấy có pháp để có thể thấy, để có thể nghe, để có thể hay, để có thể biết. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát được Tuệ nhãn thanh tịnh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, Pháp nhãn của Đại Bồ-tát có thể biết rõ như thật những sự sai khác của các loài hữu tình; nghĩa là như thật biết hạng này là Tùy tín hành, hạng này là Tùy pháp hành, hạng này là Vô tướng hành, hạng này là trụ Không, hạng này là trụ Vô tướng, hạng này là trụ Vô nguyện, hạng này là do ba môn giải thoát phát sinh năm căn, do năm căn mà phát sinh định không gián đoạn, do định không gián đoạn mà phát sinh giải thoát tri kiến, nhờ giải thoát tri kiến mà vĩnh viễn đoạn trừ ba kết sử; đó là Tát-ca-da kiến, giới cấm thủ và nghi. Nhờ đoạn trừ ba kết sử này mà đắc được quả Dự lưu.

Tới đây là bắt đầu phần tu đạo, làm mỏng dục tham và sân mà đắc quả Nhất lai.

Từ đây nhờ thượng phẩm tu đạo, tận trừ dục tham và sân mà đắc quả Bất hoàn.

Từ đây lại nhờ tăng thượng tu đạo, tận trừ năm thuận thượng phần kết sử, đó là: sắc tham, vô sắc tham, vô minh, mạn, trạo cử. Nhờ đoạn trừ năm thượng phần kết sử mà đắc quả A-la-hán.

Nhờ pháp môn giải thoát Không mà phát sinh năm căn, nhờ năm căn mà phát sinh định không gián đoạn, nhờ định không gián đoạn mà phát sinh giải thoát tri kiến, nhờ giải thoát tri kiến mà vĩnh viễn đoạn trừ ba kết, đắc

quả Dự lưu, nói hết là cho đến đắc quả A-la-hán.

Như vậy, nhờ pháp môn giải thoát Vô tướng mà phát sinh năm căn, nhờ năm căn mà phát sinh định không gián đoạn, nhờ định không gián đoạn mà phát sinh giải thoát tri kiến, nhờ giải thoát tri kiến mà vĩnh viễn đoạn trừ ba kết sử, đắc quả Dự lưu, nói hết là cho đến đắc quả A-la-hán.

Như vậy, nhờ pháp môn giải thoát Vô nguyện mà phát sinh năm căn, nhờ năm căn mà phát sinh định không gián đoạn, nhờ định không gián đoạn mà phát sinh giải thoát tri kiến, nhờ giải thoát tri kiến mà vĩnh viễn đoạn trừ ba kết, đắc quả Dự lưu, nói hết là cho đến đắc quả A-la-hán.

Như vậy nhờ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng; nhờ pháp môn giải thoát Không, Vô nguyện; nhờ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, nói rộng cũng như thế. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Pháp nhãn của các Đại Bồ-tát có thể biết như thật tất cả pháp tập, đều là pháp diệt. Do biết như vậy, liền đắc năm căn. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Pháp nhãn của Đại Bồ-tát có thể biết như thật, một Đại Bồ-tát từ lúc ban đầu phát tâm tu hành Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa, thành tựu tín căn và tinh tấn căn; dùng phương tiện thiện xảo suy nghĩ đến nơi thọ thân của mình để tăng trưởng thiện pháp. Đại Bồ-tát ấy hoặc sinh vào dòng dõi lớn Sát-đế-lợi cho đến sinh vào dòng dõi lớn Cư sĩ, hoặc sinh lên cõi trời Tứ đại Thiên vương cho đến sinh vào cõi trời Tha hóa tự tại, an trụ vào những nơi đó, làm cho chúng sinh được thành tựu, bố thí cho hữu tình đủ loại vật ưa thích, làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, phụng thờ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, không rơi vào những địa vị Thanh văn, Độc giác cho đến quả vị Giác ngộ cao tột không bao giờ thoái chuyển. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, Pháp nhãn của các Đại Bồ-tát có thể biết như thật là Đại Bồ-tát ấy đã được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột; là Đại Bồ-tát ấy chưa được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột. Là Đại Bồ-tát ấy đã được không thoái chuyển; là Đại Bồ-tát ấy, chưa được không thoái chuyển. Là Đại Bồ-tát ấy thần thông đã viên mãn; là Đại Bồ-tát ấy, chưa viên mãn thần thông. Là Đại Bồ-tát ấy có thể đến hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn; là Đại Bồ-tát ấy, không thể đến hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười

phương để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Là Đại Bồ-tát ấy đã đắc thần thông; là Đại Bồ-tát ấy, chưa đắc thần thông. Là Đại Bồ-tát ấy đã trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật; là Đại Bồ-tát ấy, chưa trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Là Đại Bồ-tát ấy đã làm chúng sinh được thành tựu; là Đại Bồ-tát ấy, chưa làm cho chúng sinh thành tựu. Là Đại Bồ-tát ấy đã được chư Phật khen ngợi; là Đại Bồ-tát ấy, chưa được chư Phật khen ngợi. Là Đại Bồ-tát ấy đã gần gũi chư Phật; là Đại Bồ-tát ấy, chưa gần gũi chư Phật. Là Đại Bồ-tát ấy sống lâu vô lượng; là Đại Bồ-tát ấy, sống có giới hạn. Là Đại Bồ-tát ấy khi đắc Bồ-đề có vô lượng Bí-sô Tăng; là Đại Bồ-tát ấy, khi đắc Bồ-đề có số Bí-sô Tăng giới hạn. Là Đại Bồ-tát ấy khi đắc Bồ-đề có Bồ-tát Tăng; là Đại Bồ-tát ấy, khi đắc Bồ-đề không có Bồ-tát Tăng. Là Đại Bồ-tát ấy có hạnh khổ khó hành; là Đại Bồ-tát ấy, không có hạnh khổ khó hành. Là Đại Bồ-tát ấy đã ở vào thân cuối cùng; là Đại Bồ-tát ấy, chưa ở vào thân cuối cùng. Là Đại Bồ-tát ấy đã ngồi tòa Bồ-đề; là Đại Bồ-tát ấy, chưa ngồi tòa Bồ-đề. Là Đại Bồ-tát ấy bị ma đến quấy nhiễu; là Đại Bồ-tát ấy, không có ma đến quấy nhiễu. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đắc Phật nhãn thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát có tâm Bồ-đề không gián đoạn, đã nhập vào định Kim cang dụ, nên đắc trí Nhất thiết tướng, thành tựu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, đắc Phật nhãn thanh tịnh. Nhờ đắc được nhãn này, nên các Đại Bồ-tát không còn chỗ nào mà không thấy, không có gì mà không nghe, không có điều gì mà không biết, không sự kiện nào mà không nhận thức. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát đắc Phật nhãn thanh tịnh.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn đắc năm loại mắt thanh tịnh như vậy, thì nên học sáu pháp Ba-la-mật-đa. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì sáu pháp Ba-la-mật-đa ấy, có khả năng bao gồm tất cả pháp lành thù thắng, đó là tất cả pháp lành của Thanh văn, pháp lành của Độc giác, pháp lành của Bồ-tát, những pháp lành như vậy...

Này Xá-lợi Tử, nếu ai nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, có khả năng bao gồm tất cả pháp lành thù thắng, đó là nói đúng. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là mẹ của tất cả pháp lành, có thể sinh ra tất cả Ba-la-mật-

đa và công đức thù thắng của năm loại mắt...

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn đắc năm loại mắt thanh tịnh như vậy, phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn đắc quả vị Giác ngộ cao tột, phải học năm loại mắt.

Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát học năm loại mắt thì nhất định đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 482

Phẩm 2: Xá-lợi tử (4)

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể phát sinh sáu Thần thông ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát có Thần cảnh trí chứng thông, nên có thể làm ra các loại thần biến lớn; nghĩa là làm chấn động tất cả vật, trong hằng hà sa đại địa ở mười phương; biến một thành ra nhiều, biến nhiều thành một; hoặc hiện hoặc ẩn, nhanh chóng không bị chướng ngại, vượt thẳng qua bờ núi, tường vách, giống như đi trong hư không; qua lại trên không, trên đất bằng giống như chim bay; ra vào dưới đất giống như ra vào trong nước; đi trên nước như đi trên đất; thân phát ra khói lửa giống như lửa cháy trên cao nguyên; trong thân chảy ra những dòng nước như băng tuyết bị tan; oai thế của thần mặt trời, mặt trăng khó sánh bằng; dùng tay che khuất ánh sáng mặt trời cho đến chuyển thân tự tại cao đến trời Tịnh cư..., biến hóa như vậy tính nhiều vô biên.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này tuy đầy đủ công dụng của Thần cảnh trí như vậy, nhưng đối với sự việc ấy không tự cao, không chấp tánh của Thần cảnh trí chứng thông, không chấp vào việc Thần cảnh trí chứng thông, không chấp người có thể đắc Thần cảnh trí chứng thông. Đối với chấp hay không chấp, cả hai đều không có gì để chấp. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tự tánh không, vì tự tánh là xa lìa, vì tự tánh xưa nay chẳng thể nắm bắt được.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không vì ham vui mà phát sinh Thần cảnh trí chứng thông như vậy, chỉ trừ khi đã đắc trí Nhất thiết trí. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, phát sinh Thần cảnh trí chứng thông Ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát với Thiên nhĩ trí chứng thông, là Thiên nhĩ thanh tịnh tối thắng siêu nhân, có thể như thật nghe mọi thứ tiếng của loài hữu tình, vô tình trong hằng hà sa thế giới ở mười phương. Nghĩa là

nghe tiếng khắp cả các địa ngục, tiếng của bàng sinh, tiếng của ngạ quỷ, tiếng người, tiếng trời, tiếng Thanh văn, tiếng Độc giác, tiếng Bồ-tát, tiếng Như Lai và tất cả tiếng của loài hữu tình, vô tình khác, dù tiếng lớn hay nhỏ đều nghe, không bị chướng ngại.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này tuy có đầy đủ công dụng của Thiên nhĩ trí như vậy; nhưng không tự cao, không chấp tánh Thiên nhĩ trí chứng thông, không chấp vào việc Thiên nhĩ trí chứng thông, không chấp người có Thiên nhĩ trí chứng thông. Với chấp hay không chấp, cả hai đều không có gì để chấp. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tự tánh không, vì tự tánh là xa lìa, vì tự tánh xưa nay chẳng thể nắm bắt được.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không vì ham vui, mà phát sinh Thiên nhĩ trí chứng thông, chỉ trừ khi đã đắc trí Nhất thiết trí. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà phát sinh Thiên nhĩ trí chứng thông Ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát với Tha tâm trí chứng thông, có thể biết như thật tâm và tâm sở của các loài hữu tình, trong hằng hà sa thế giới ở mười phương. Nghĩa là biết các loài hữu tình có tâm tham hay tâm lìa bỏ tham; có tâm sân hay tâm lìa bỏ sân; có tâm si hay tâm lìa bỏ si; có tâm ái hay tâm lìa bỏ ái; có tâm thủ hay tâm lìa bỏ thủ; có tâm tập trung hay tâm tán loạn; có tâm lớn hay tâm nhỏ; có tâm cao thượng hay tâm thấp hèn; tâm tịch tĩnh hay tâm không tịch tĩnh; tâm trạo cử hay tâm không trạo cử; tâm định hay tâm không định; tâm giải thoát hay tâm không giải thoát; tâm hữu lậu hay tâm vô lậu; có tâm hẹp hay có tâm rộng; có tâm cao tột hay không có tâm cao tột... Với các tâm này, Đại Bồ-tát ấy đều biết như thật.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này tuy đầy đủ công dụng của Tha tâm trí thông nhưng trong đó không tự cao ngạo, không chấp tánh của Tha tâm trí chứng thông, không chấp vào việc Tha tâm trí chứng thông, không chấp vào người có thể đắc Tha tâm trí chứng thông. Đối với chấp hay không chấp, cả hai đều không có gì để chấp. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tự tánh không, vì tự tánh là xa lìa, vì tự tánh xưa nay chẳng thể nắm bắt được.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không vì ham vui, mà phát sinh Tha tâm trí chứng thông như vậy, chỉ trừ khi đã đắc trí Nhất thiết trí. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà phát sinh Tha tâm trí chứng thông Ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát với Túc trụ tùy niệm trí chứng thông

có thể nhớ như thật tất cả việc đời trước của hữu tình, trong hằng hà sa thế giới ở mười phương. Nghĩa là nhớ các việc trong một tâm cho đến một trăm tâm trong quá khứ của mình và người; hoặc nhớ các việc trong một ngày cho đến một trăm ngày trong quá khứ của mình và người; hoặc lại nhớ những việc đã qua, trong một tháng cho đến một trăm tháng ở quá khứ của mình và người; hoặc nhớ các việc đời trước, trong một năm cho đến một trăm năm, ở quá khứ của mình và người; hoặc lại nhớ những việc đời trước trong một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, hơn trăm ngàn kiếp cho đến vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do-đa kiếp; hoặc lại nhớ tất cả việc đời trước, ở đời trước. Nghĩa là thời gian như vậy, nơi chốn như vậy, tên như vậy, họ như vậy, loài như vậy, ăn uống như vậy, tồn tại lâu như vậy, tuổi thọ như vậy, khổ vui như vậy. Từ nơi này qua đời, sinh vào chỗ kia; từ chỗ kia qua đời, sinh vào chỗ này; dung mạo như vậy, nói năng như vậy, đơn giản hay phóng khoáng... Các việc đã qua như vậy, đều có thể nhớ cả.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này tuy đầy đủ các công dụng của Túc trụ tùy niệm trí như vậy, nhưng trong đó không tự cao ngạo, không chấp tánh Túc trụ tùy niệm trí chứng thông, không chấp vào việc Túc trụ tùy niệm trí chứng thông, không chấp người có thể đắc Túc trụ tùy niệm trí chứng thông. Với chấp hay không chấp, cả hai đều không có gì để chấp. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tự tánh không, vì tự tánh là xa lìa, vì tự tánh xưa nay chẳng thể nắm bắt được.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không vì ham vui, mà phát sinh Túc trụ tùy niệm trí chứng thông, chỉ trừ khi đã đắc trí Nhất thiết trí. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà phát sinh Túc trụ tùy niệm trí chứng thông Ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát với Thiên nhãn trí chứng thông, thù thắng thanh tịnh hơn Thiên nhãn của người; có thể thấy như thật các màu sắc, hình tượng của loài có tình thức, của loài chẳng phải có tình thức, trong hằng hà sa thế giới ở mười phương. Thấy các hữu tình khi chết, lúc sống; sắc đẹp hay xấu, cõi lành hay cõi ác, hoặc thua hoặc hơn; tùy theo nghiệp lực mà thọ sinh khác biệt.

Như vậy, hữu tình nào thành tựu ba diệu hạnh thuộc thân, ngữ, ý, khen ngợi Hiền thánh, chánh kiến về nhân duyên thì sau khi qua đời sẽ sinh vào cõi lành, hoặc sinh lên trời, hoặc sinh vào cõi người hưởng các khoái

lạc. Còn hữu tình nào tạo ba ác hạnh thuộc thân, ngữ, ý, chê bai Hiền thánh, tà kiến về nhân duyên thì sau khi qua đời, sẽ đọa vào đường ác, hoặc sinh vào địa ngục, hoặc làm bàng sinh, hoặc làm ngạ quỷ, hoặc sinh nơi biên địa hạ tiện xấu ác. Hữu tình tập trung đó chịu các khổ não.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này tuy đầy đủ Thiên nhãn thanh tịnh như vậy, có thể thấy hữu tình trong các cõi ở mười phương, chết đây sinh kia, nhân quả sai khác nhưng trong đó không tự cao ngạo, không chấp tánh của Thiên nhãn trí chứng thông, không chấp vào việc Thiên nhãn trí chứng thông, không chấp người có thể đắc Thiên nhãn trí chứng thông. Đối với chấp hay không chấp, cả hai đều không có gì để chấp. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tự tánh không, vì tự tánh là xa lìa, vì tự tánh xưa nay chẳng thể nắm bắt được.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không vì ham vui mà phát sinh Thiên nhãn trí chứng thông như vậy, chỉ trừ khi đã đắc trí Nhất thiết trí. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, phát sinh Thiên nhãn trí chứng thông Ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát với Lậu tận trí chứng thông, có thể như thật biết, tất cả hữu tình trong hằng hà sa thế giới ở mười phương; các lậu đã tận hay chưa tận. Bồ-tát đắc Lậu tận thông này, không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác; chỉ hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, không còn mong muốn nghĩa lợi nào nữa.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này tuy đầy đủ công dụng của Lậu tận trí như vậy, nhưng trong đó không tự cao ngạo, không chấp tánh của Lậu tận trí chứng thông, không chấp vào việc Lậu tận trí chứng thông, không chấp người có thể đắc Lậu tận trí chứng thông. Với chấp hay không chấp, cả hai đều không có gì để chấp. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì tự tánh không, vì tự tánh là xa lìa, vì tự tánh xưa nay chẳng thể nắm bắt được.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không vì ham vui mà phát sinh Lậu tận trí chứng thông như vậy, chỉ trừ khi đã đắc trí Nhất thiết trí. Này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, phát sinh Lậu tận trí chứng thông Ba-la-mật-đa.

Như vậy, này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên mau viên mãn được sáu phép thần thông thanh tịnh. Nhờ sáu phép thần thông viên mãn thanh tịnh này nên cũng mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

an trụ vào Bố thí ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh đạo trí Nhất thiết trí, vì biết hoàn toàn là không, nên không keo kiệt.

Có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào Tịnh giới ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh đạo trí Nhất thiết trí, vì biết hoàn toàn là không, nên không hủy phạm.

Có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào An nhẫn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh đạo trí Nhất thiết trí, vì biết hoàn toàn là không, nên không sân giận.

Có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh đạo trí Nhất thiết trí, vì biết hoàn toàn là không, nên không biếng nhác.

Có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh đạo trí Nhất thiết trí, vì biết hoàn toàn là không, nên không tán loạn.

Có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh đạo trí Nhất thiết trí, vì biết hoàn toàn là không, nên không có ác tuệ.

Như vậy, này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa, hoặc riêng hoặc chung, nghiêm tịnh đạo trí Nhất thiết trí; vì biết hoàn toàn không, nên không qua lại, không lấy, bỏ. Đưa ra bố thí, xan tham; tịnh giới, ác giới; an nhẫn, sân giận; tinh tấn, biếng nhác; tĩnh lự, tán loạn; trí tuệ, ác tuệ; nhưng trong đó không có chấp trước.

Này Xá-lợi Tử, lúc bấy giờ Đại Bồ-tát ấy không chấp bố thí, không chấp xan tham, không chấp tịnh giới, không chấp phạm giới, không chấp an nhẫn, không chấp sân giận, không chấp tinh tấn, không chấp biếng nhác, không chấp tĩnh lự, không chấp tán loạn, không chấp trí tuệ, không chấp ác tuệ.

Này Xá-lợi Tử, ngay lúc ấy, Đại Bồ-tát này không chấp hủy nhục, không chấp khen ngợi, không chấp khinh mạn, không chấp cung kính. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì trong pháp không sinh, hủy nhục, khen ngợi, khinh mạn, cung kính đều không có. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, vĩnh viễn chấm dứt tất cả các chấp trước.

Này Xá-lợi Tử, công đức tối thắng, tối diệu của Đại Bồ-tát ấy là do tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đạt được, đối với tất cả Thanh văn và các Độc

giác đều không thể có.

Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát ấy công đức viên mãn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều phát tâm bình đẳng với các hữu tình. Có tâm bình đẳng với các hữu tình rồi, thì Đại Bồ-tát ấy đắc tánh bình đẳng của tất cả hữu tình và đắc tánh bình đẳng của tất cả pháp. Sau khi đắc tánh bình đẳng của tất cả hữu tình và đắc tánh bình đẳng của tất cả pháp, Đại Bồ-tát ấy an lập tất cả hữu tình vào trong tánh bình đẳng của tất cả pháp. Ở trong hiện pháp, Đại Bồ-tát ấy được tất cả Đức Phật hộ niệm, được tất cả Đại Bồ-tát mến trọng, được tất cả Thanh văn cùng Độc giác cung kính. Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi nào, mắt không bao giờ thấy những sắc không đáng ưa, tai luôn luôn không nghe tiếng không đáng ưa, mũi luôn luôn không ngửi mùi hương không đáng ưa, lưỡi luôn luôn không nếm vị không đáng ưa, thân không cảm giác những tiếp xúc không đáng ưa, ý thường không chấp lấy những pháp không đáng ưa.

Này Xá-lợi Tử, đối với quả vị Giác ngộ cao tột Đại Bồ-tát ấy vĩnh viễn không thoái chuyển.

Khi Đức Phật đang nói công đức thù thắng của các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa này, thì có hơn một trăm Bí-sô rời khỏi chỗ và đem thượng y để dâng Thế Tôn. Dâng lên Thế Tôn xong, các vị ấy đều phát tâm quả vị Giác ngộ cao tột.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ giữa mặt, phóng ra ánh sáng đủ loại màu sắc. Bấy giờ, A-nan-đà rời khỏi tòa, trịch bày vai phải, quỳ gối sát đất, chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười như vậy? Chư Phật mỉm cười ắt có nhân duyên?

Đức Phật dạy A-nan-đà:

–Hơn một trăm Bí-sô rời khỏi tòa này, từ đây trở về sau, sáu mươi mốt kiếp trong kiếp Tinh dụ sẽ thành Phật, đều đồng một hiệu là Đại Tràng Tướng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Các Bí-sô này sau khi xả thân, sẽ sinh vào cõi Phật Bất Động ở phương Đông; ở cõi Phật đó ai cũng có tâm tu hạnh Bồ-tát.

Khi ấy, lại có sáu vạn Thiên tử được nghe Phật nói pháp tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nên rất hoan hỷ tín thọ. Thế Tôn thọ ký cho họ sẽ ở trong pháp của Đức Thế Tôn Từ Thị, tịnh tín xuất gia, siêng năng tu hành phạm hạnh, đoạn trừ các phiền não, để chứng Bát-niết-bàn.

Bấy giờ, tất cả đại chúng trong hội, nhờ thần lực của Phật, nên đều thấy ngàn cõi Phật và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng chúng hội của các Ngài trong mười phương. Oai đức trang nghiêm của các cõi Phật đó rất khả ái. Ngay trong lúc này, tướng trang nghiêm thanh tịnh của thế giới Kham nhẫn cũng không thể sánh kịp. Khi ấy, mười ngàn chúng sinh trong chúng hội đều phát nguyện: "Phước mà tôi tu được, nguyện xin vãng sinh về những cõi Phật kia."

Biết ước nguyện của những người này, Đức Thế Tôn lại mỉm cười, giữa mặt lại phóng ra ánh sáng đủ màu sắc.

Bấy giờ, A-nan-đà lại rời khỏi tòa, cung kính hỏi Phật vì sao mỉm cười? Phật dạy:

–Ông có thấy mười ngàn chúng sinh này không?

A-nan-đà thưa:

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy.

Phật dạy:

–Mười ngàn chúng sinh này, do nguyện lực của họ, mà sau khi qua đời được vãng sinh về cõi Phật. Từ đó về sau, không bao giờ xa lìa Phật, luôn cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa. Sau khi được viên mãn, được chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đều cùng một hiệu: Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Khi ấy ở trong chúng, gồm Cụ thọ Xá-lợi Tử, Cụ thọ Mục-kiền-liên, Cụ thọ Đại Ẩm Quang, Cụ thọ Thiện Hiện,... các đại Bí-sô, Bí-sô-ni, Đại Bồ-tát, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca tất cả đều rời khỏi tòa, chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà các Đại Bồ-tát được chứng đắc là Ba-la-mật-đa lớn lao, là Ba-la-mật-đa rộng lớn, là Ba-la-mật-đa đệ nhất, là Ba-la-mật-đa tôn quý, là Ba-la-mật-đa tối thắng, là Ba-la-mật-đa diệu mầu, là Ba-la-mật-đa vi diệu, là Ba-la-mật-đa cao tột, là Ba-la-mật-đa tột cùng, là Ba-la-mật-đa trên hết, là Ba-la-mật-đa không gì trên, là Ba-la-

mật-đa không gì vượt trên, là Ba-la-mật-đa ngang bằng, là Ba-la-mật-đa không gì sánh, là Ba-la-mật-đa không gì sánh bằng, là Ba-la-mật-đa như hư không, là Ba-la-mật-đa không đối đãi, là Ba-la-mật-đa tự tướng không, là Ba-la-mật-đa cộng tướng không, là Ba-la-mật-đa thành tựu tất cả công đức, là Ba-la-mật-đa không khuất phục, là Ba-la-mật-đa có thể điều phục tất cả?

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; rất tôn, rất thù thắng, tối cao, tối diệu; đầy đủ thế lực lớn; có thể hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không gì sánh bằng. Có thể viên mãn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không gì sánh bằng. Có thể đầy đủ Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không gì sánh bằng. Có thể đắc tự thể không gì sánh bằng, đó là vô biên tướng tốt đẹp trang nghiêm thân, có thể chứng pháp không gì sánh bằng. Đó là quả vị Giác ngộ cao tột?

Bạch Thế Tôn, cũng nhờ tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoàn toàn viên mãn mà đắc sắc không gì sánh bằng; đắc thọ, tưởng, hành, thức không gì sánh bằng; chứng Bồ-đề không gì sánh bằng; chuyển pháp luân không gì sánh bằng; làm lợi ích an lạc cho các loài hữu tình. Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng nhờ tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, mà đã, sẽ và đang chứng quả vị Giác ngộ cao tột?

Cho nên, bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát muốn đạt đến sự cứu cánh của tất cả các pháp để đến bờ bên kia thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm cho tất cả Trời, Người, A-tố-lạc, Kiền-đạt-phược... trong tất cả thế gian đều cung kính, cúng dường, tôn trọng ca ngợi?

Bấy giờ, Thế Tôn dạy chư Bồ-tát và chúng đệ tử:

–Đúng vậy, đúng vậy, như ông lời nói! Các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm cho tất cả Trời, Người, A-tố-lạc, Kiền-đạt-phược... đều cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen. Vì sao? Vì nhờ Đại Bồ-tát ấy mà thế gian có trời, người xuất hiện. Đó là dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ, đó là Chuyển luân thánh vương đến các vua nhỏ phú quý và tự tại, Tứ đại Thiên vương cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, xuất hiện ra thế gian.

Cũng nhờ Đại Bồ-tát này, mà thế gian xuất hiện Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát và chư Phật. Cũng nhờ Đại Bồ-tát này, mà thế gian xuất hiện Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Cũng nhờ

Đại Bồ-tát này, mà thế gian xuất hiện những thứ đồ ưa thích để sinh sống, đó là thức ăn uống, y phục, giường chiếu, thuốc thang trị bệnh, của cải, gạo thóc, trân bảo, đèn đuốc... Nói tóm lại, tất cả thú vui của trời, người và an lạc ở Niết-bàn đều phát sinh từ Đại Bồ-tát ấy. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ấy tự mình hành sáu pháp Ba-la-mật-đa và khuyến khích người khác tu hành, cho nên nhờ các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tất cả hữu tình đều đạt được lợi ích, an vui, thù thắng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hiện tướng lưỡi, che khắp thế giới ba lần ngàn. Từ nơi tướng lưỡi này lại phóng ra vô lượng tia ánh sáng đủ màu sắc chiếu khắp hằng hà sa thế giới chư Phật ở mười phương đầy đủ, không thiếu chỗ nào. Khi ấy, ở mỗi cõi Phật trong hằng hà sa thế giới ở mười phương; có vô lượng, vô số, các Đại Bồ-tát thấy ánh sáng lớn này đều nghi ngờ; các vị liền đến chỗ Phật của cõi mình, cúi đầu cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn, đây là thần lực của ai? Lại do nhân duyên gì mà có ánh sáng lớn chiếu các cõi Phật như vậy?

Khi ấy, mỗi Đức Phật trả lời cho các vị Đại Bồ-tát:

–Ở phương... có thế giới Phật tên Kham nhẫn, Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, đang giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát, hiện tướng lưỡi che, khắp thế giới ba lần ngàn; từ tướng lưỡi lại phát ra vô lượng ánh sáng đủ màu sắc, chiếu đến hằng hà sa các cõi Phật ở mười phương. Ánh sáng này là do tướng lưỡi của Phật ấy hiện ra.

Khi ấy, vô lượng, vô biên các Đại Bồ-tát ở mỗi cõi nghe xong, hoan hỷ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni và các Bồ-tát, đồng thời nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót cho phép chúng con được đi.

Mỗi Đức Phật đều dạy:

–Nay đã đúng lúc. Các ông hãy đi tự nhiên.

Bấy giờ, được Phật đồng ý, các chúng Đại Bồ-tát lễ lạy dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải rồi từ giã ra đi. Các Đại Bồ-tát sửa soạn đủ thứ vật quý báu, nào tràn phan, lọng, y phục, anh lạc, vòng hoa thơm, trân bảo, vàng bạc, các loại hoa..., tấu lên đủ loại âm nhạc tuyệt tác. Trong chốc lát

đã đến chỗ Phật Thích-ca, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen Phật và Bồ-tát, đi nhiễu trăm ngàn vòng và đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui qua một bên.

Khi ấy, trời Tứ đại Thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh đều đem vô lượng vòng hoa thơm và vô lượng hoa trời thượng diệu, đến chỗ Đức Phật cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen Phật và Bồ-tát, đi nhiễu trăm ngàn vòng, đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui qua một bên.

Cũng lúc ấy, các Đại Bồ-tát trong mười phương và vô lượng trời ở cõi Dục, dâng cúng đủ loại vật báu; nào tràng phan, lọng, y phục, anh lạc, hương hoa, trân báu và các âm nhạc... Nhờ thần lực của Phật, làm cho tất cả vật cúng dường ấy vọt lên trên không trung, hợp lại thành một cái lọng, sánh bằng thế giới ba lần ngàn. Bốn góc đỉnh lọng, đều có cờ báu tất cả được trưng bày trang nghiêm đủ kiểu, rất là khả ái.

Sau khi biết ý vui thích thanh tịnh của các Đại Bồ-tát từ mười phương thế giới đến và các Thiên chúng; đối với các pháp đã đắc Vô sinh pháp nhẫn, thì nay lại đạt được tất cả pháp như: vô tác, vô vi, không sinh, không diệt, Đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi giữa mặt lại phóng ra ánh sáng đủ màu sắc. A-nan-đà liền đứng dậy, cung kính chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười? Đại Thánh mỉm cười ắt có nhân duyên?

Phật dạy:

–Này A-nan-đà, hôm nay, trăm ngàn câu-chi na-do-đa chúng trong hội này, đối với các pháp đã đắc Vô sinh pháp nhẫn, nay lại đạt được tất cả pháp là vô tác, vô vi, không sinh, không diệt và ý lạc thanh tịnh. Do nhờ dâng cúng những thứ hoa..., các vật cúng dường ấy vọt lên không trung, kết lại thành một cái lọng, bốn góc, trên đỉnh lọng có cờ báu trang nghiêm đủ kiểu rất khả ái.

Bấy giờ, trăm ngàn câu-chi na-do-đa chúng trong hội đứng dậy, chắp tay, cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn, chúng con nguyện đời vị lai sẽ thành Phật có oai đức tướng tốt, giống như Thế Tôn vậy; quốc độ trang nghiêm, chuyển pháp luân độ Thanh văn, Bồ-tát, trời, người đều thành Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Cụ thọ A-nan-đà:

–Trăm ngàn câu-chi na-do-đa chúng đứng dậy này, vào đời vị lai trải qua sáu mươi tám câu-chi đại kiếp, tu hạnh Bồ-tát, trong kiếp Hoa

tích sẽ thành Phật, đồng một hiệu là Giác Phần Hoa, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

-oOo-

Phẩm 3: Thiện Hiện (1)

Bấy giờ, Đức Bạc-già-phạm dạy Thiện Hiện:

–Này Thiện Hiện, ông hãy dùng biện tài mà giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Hãy truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát, để họ đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa đến chỗ cứu cánh.

Khi ấy, các chúng đại đệ tử, các Đại Bồ-tát và các Thiên tử đều sinh nghi ngờ như vầy: "Cụ thọ Thiện Hiện dùng thần lực của mình để giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát, hay là nương vào sức oai thần của Thế Tôn?" Nhờ thần lực của Phật, Cụ thọ Thiện Hiện biết tâm nghi ngờ của chúng đại đệ tử, của các Bồ-tát và các Thiên tử nên nói với Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Các đệ tử của Phật mạnh dạn nói pháp là đều nương vào sức oai thần của Phật. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, đầu tiên, Phật giảng nói pháp giải thoát cho người khác. Người đó theo lời Phật dạy, tinh tấn, siêng năng tu học cho đến chứng đắc thật tánh của các pháp. Sau đó, người này lại giảng nói cho người khác theo. Tánh của pháp không khác xa nhau; tất cả đều là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

Này Xá-lợi Tử, tôi nhờ thần lực của Phật gia bị, mà giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Làm được việc như vậy, chẳng phải là biện tài của tôi. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chẳng phải là cảnh giới của các Thanh văn, Độc giác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như lời Phật đã dạy về các Đại Bồ-tát, vậy khái niệm pháp gì để gọi là Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, con không thấy có pháp để gọi là Đại Bồ-tát, cũng không thấy có pháp để gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì tại sao bảo con giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, con lấy Bát-nhã ba-la-mật-đa nào truyền trao, dạy bảo cho những Đại Bồ-tát nào, để đạt đến sự cứu cánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Lúc bấy giờ, Phật dạy Cụ thọ Thiện Hiện:

–Chỉ có giả danh nên nói là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chỉ có giả danh nên nói là chúng Đại Bồ-tát. Giả danh như vậy chỉ là để giả bày ra mà nói. Nó không sinh, không diệt, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, như thế gian, ngã chỉ là tên giả, thật ra nó không thể đắc. Như vậy giả danh ấy, nó không sinh, không diệt; chỉ do những tưởng tượng đặt ra để nói. Như vậy, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết, cái thấy, tất cả đều là giả danh, thật ra nó không thể đắc. Giả danh như vậy, nên nó không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để nói. Như vậy, các giả danh không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả thì không sinh, không diệt; chỉ do giả danh mà đặt ra để gọi; nó không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên, vì không thể đắc.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như nội sắc chỉ là pháp giả. Như vậy, pháp giả thì không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức chỉ là pháp giả. Vậy thì nó cũng không sinh, không diệt; chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, tất cả chỉ do giả danh. Các giả danh này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Vậy đó là pháp giả thì không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như nhãn xứ chỉ là pháp giả. Vậy thì nó không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chỉ là pháp giả. Pháp đã là giả nên không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, tất cả đều chỉ do giả danh; những giả danh này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Pháp đã giả nên không sinh, không diệt; chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm

bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như sắc xứ, chỉ là pháp giả, pháp đã giả nên không sinh, không diệt; chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng là pháp giả. Pháp là giả, nên không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng đặt ra để gọi. Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Những giả danh này, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Pháp là giả, nên không sinh, không diệt; chỉ có giả danh đặt ra để gọi; nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới chỉ là pháp giả. Như vậy, pháp là giả nên không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới chỉ là pháp giả. Như vậy, pháp là giả nên không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng đặt ra để gọi.

Như vậy, tất cả chỉ do giả danh. Những giả danh này, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Vì pháp là giả nên không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi; nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như tất cả đầu, cổ, vai, bắp tay, cánh tay, bụng, lưng, ngực, hông, eo, xương sống, đùi, đầu gối, mắt cá, chân cẳng, da, thịt, xương tủy... trong thân chỉ do giả danh. Như vậy, những giả danh không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng đặt ra để gọi. Những giả danh này, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát; hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả không sinh, không diệt, chỉ giả danh đặt ra để gọi, nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như tất cả những thứ ở bên ngoài như cỏ, cây, gốc, cộng, cành, lá và hoa, quả chỉ do giả danh. Như vậy, giả danh không sinh, không diệt; chỉ do những tưởng tượng đặt ra để gọi. Những giả

danh này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát; hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như chư Phật trong quá khứ, vị lai, cũng chỉ do giả danh. Như vậy, giả danh không sinh, không diệt, chỉ theo những sự tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Những giả danh này, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở chặng giữa, vì không thể đắc.

Như vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát; hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Thiện Hiện, ví như cảnh trong mộng, tiếng vọng trong hang, ảnh phản chiếu, việc huyễn hóa, quáng nắng, trăng trong nước, sự biến hóa chỉ do giả danh. Như vậy, giả danh không sinh, không diệt, chỉ theo những sự tưởng tượng mà đặt ra tên gọi. Những giả danh này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát; hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên tu học một cách đúng đắn về danh giả, pháp giả của tất cả pháp.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên quán sắc là thường hay vô thường; là khổ hay vui; là ngã hay vô ngã; là tịnh hay bất tịnh; là không hay bất không; là hữu tướng hay vô tướng; là hữu nguyện hay vô nguyện; là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; là xa lìa hay không xa lìa; là hữu vi hay vô vi; là hữu lậu hay vô lậu; là sinh hay diệt; là thiện hay bất thiện; là có tội hay không tội; là có phiền não hay không phiền não; là thế gian hay xuất thế gian; là tạp nhiễm hay thanh tịnh; là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán nhãn xứ là thường hay vô thường, là khổ hay vui, là vô ngã hay hữu ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng

hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng giống như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán sắc xứ là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng giống như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán nhãn giới là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới cũng lại như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán sắc giới là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Thanh, hương, vị, xúc, pháp giới cũng như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán nhãn thức giới là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng

hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán nhãn xúc là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán các thọ hoặc vui, hoặc khổ, hoặc không vui, hoặc không khổ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là thường hay vô thường; là vui hay khổ; là ngã hay vô ngã; là tịnh hay bất tịnh; là không hay bất không; là hữu tướng hay vô tướng; là hữu nguyện hay vô nguyện; là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; là xa lìa hay không xa lìa; là hữu vi hay vô vi; là hữu lậu hay vô lậu; là sinh hay diệt; là thiện hay bất thiện; là hữu tội hay vô tội; là có phiền não hay không phiền não; là thế gian hay xuất thế gian; là tạp nhiễm hay thanh tịnh; là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Các thọ hoặc vui, hoặc khổ, hoặc không vui, hoặc không khổ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra cũng giống như vậy.

Vì sao? Này Thiện Hiện, vì các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì hai tên gọi Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát đều không thấy trong cảnh giới hữu vi, cũng không thấy trong cảnh giới vô vi. Vì sao? Này Thiện Hiện, vì các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các pháp không phân biệt có sai khác.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa trụ vào sự không phân biệt của các pháp là có tu bốn Niệm trụ cho đến có tu tám chi Thánh đạo; mặc dầu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thấy tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng không thấy Đại Bồ-tát, cũng không thấy tên của Đại Bồ-tát; không thấy chư

Phật, cũng không thấy danh hiệu của chư Phật, chỉ chánh tư duy cầu trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, trụ vào sự không phân biệt của tất cả pháp là tu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tu Bát-nhã ba-la-mật-đa; tu mười lực của Phật cho đến tu mười tám pháp Phật bất cộng; mặc dầu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa; không thấy Đại Bồ-tát, cũng không thấy tên của Đại Bồ-tát; không thấy chư Phật, cũng không thấy danh hiệu của chư Phật, chỉ chánh tư duy cầu trí Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với các pháp thông đạt được thật tướng của nó, nghĩa là thông đạt các pháp mà không nhiễm, không tịnh.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 483

Phẩm 3: Thiện Hiện (2)

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp nên như thật giác ngộ về danh giả, pháp giả. Sau khi như thật giác ngộ về danh giả, pháp giả của tất cả pháp rồi, Đại Bồ-tát không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức.

Không chấp trước nhãn xứ, sắc xứ; không không chấp trước nhĩ xứ, thanh xứ; không chấp trước tỷ xứ, hương xứ; không chấp trước thiệt xứ, vị xứ; không chấp trước thân xứ, xúc xứ; không chấp trước ý xứ, pháp xứ.

Không chấp trước nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhãn xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, nhĩ xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, tỷ xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thiệt xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước thân giới, xúc giới, thân thức giới, thân xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do thân xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước ý giới, pháp giới, ý thức giới, ý xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Không chấp trước cảnh giới hữu vi; không chấp trước cảnh giới vô vi. Không chấp trước Bố thí ba-la-mật-đa; không chấp trước Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không chấp trước danh; không chấp trước tướng; không chấp trước thân của Bồ-tát. Không chấp trước Nhục nhãn; không chấp trước Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn. Không chấp trước Trí ba-la-mật-đa; không chấp trước Thần thông ba-la-mật-đa. Không chấp trước pháp không bên trong; không chấp trước pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không

không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không bản tánh, pháp không tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không không tánh, pháp không không tánh tự tánh. Không chấp trước chân như; không chấp trước thật tế, pháp giới. Không chấp trước việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình; không chấp trước việc nghiêm tịnh cõi Phật; không chấp trước phương tiện thiện xảo. Vì sao? Này Thiện Hiện, vì tất cả các pháp, người chấp trước, pháp được chấp trước, thời gian của sự chấp trước, nơi chốn của sự chấp trước... tất cả đều không sở hữu.

Như vậy này Thiện Hiện, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các pháp, Đại Bồ-tát không bị chấp trước, nên làm tăng trưởng Bố thí ba-la-mật-đa; làm tăng trưởng Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; nhập vào địa vị Chánh quyết định của Bồ-tát; có thể trụ vào địa vị Bồ-tát không thoái chuyển, viên mãn thần thông thù thắng của Bồ-tát.

Như vậy, sau khi thần thông được viên mãn rồi, có thể đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn; vì muốn đem lại sự thành tựu cho hữu tình, vì muốn làm nghiêm tịnh cõi Phật của mình, vì muốn thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác... nên phát sinh những căn lành thù thắng.

Sau khi phát sinh căn lành thù thắng, lại thích nghe chánh pháp của chư Phật thì tự nhiên đều được nghe thọ. Sau khi nghe thọ rồi cho đến ngồi tòa Bồ-đề tu tập sẽ không quên mất, thọ trì pháp môn sẽ không gián đoạn, đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều được tự tại.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường giác ngộ như thật về danh giả, pháp giả và không chấp trước vào tất cả các pháp.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì sắc cho đến thức là Bồ-tát phải không? Khác sắc cho đến thức là Bồ-tát phải không? Trong sắc cho đến thức có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có sắc cho đến thức không? Lìa sắc cho đến thức có Bồ-tát không?

Thiện Hiện trả lời:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy tiếp:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì sắc xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Khác nhãn xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Trong nhãn xứ cho đến ý xứ có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có nhãn xứ cho đến ý xứ không? Lìa nhãn xứ cho đến ý xứ có Bồ-tát không?

Thiện Hiện trả lời:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Khác sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Trong sắc xứ cho đến pháp xứ có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có sắc xứ cho đến pháp xứ không? Lìa sắc xứ cho đến pháp xứ có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Khác nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Trong nhãn giới cho đến ý giới có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có nhãn giới cho đến ý giới không? Lìa nhãn giới cho đến ý giới có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Khác sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Trong sắc giới cho đến pháp giới có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có sắc giới cho đến pháp giới không? Lìa sắc giới cho đến pháp giới có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát tức là nhãn thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Khác nhãn thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Trong nhãn thức giới cho đến ý thức giới

có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có nhãn thức giới cho đến ý thức giới không? Lìa nhãn thức giới cho đến ý thức giới có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát tức địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Khác địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Trong địa giới cho đến thức giới có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có địa giới cho đến thức giới không? Lìa địa giới cho đến thức giới có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát tức là vô minh cho đến lão tử là Bồ-tát phải không? Khác vô minh cho đến lão tử là Bồ-tát phải không? Trong vô minh cho đến lão tử có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có vô minh cho đến lão tử không? Lìa vô minh cho đến lão tử có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy Thiện Hiện:

–Ông quán ý nghĩa thế nào mà nói như vầy: "Sắc... chẳng phải là Bồ-tát; khác sắc... chẳng phải là Bồ-tát; chẳng phải trong sắc... có Bồ-tát; chẳng phải trong Bồ-tát có sắc...; chẳng phải lìa sắc... có Bồ-tát"?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-đề, Tát-đỏa, sắc... hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được thì làm sao có Bồ-tát? Như vậy, đã chẳng có thì làm sao có thể nói: Sắc... là Bồ-tát; khác sắc... là Bồ-tát; trong sắc... có Bồ-tát; trong Bồ-tát có sắc...; lìa sắc... có Bồ-tát.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Thiện Hiện nên biết, như lời ông nói. Bồ-đề, Tát-đỏa, sắc... vì chẳng thể nắm bắt được, nên Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì các Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, nên sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên

siêng năng tu học trong nghĩa trên.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của sắc cho đến thức là Bồ-tát phải không? Khác chân như của sắc cho đến thức, là Bồ-tát phải không? Trong chân như của sắc cho đến thức có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của sắc cho đến thức phải không? Lìa chân như của sắc cho đến thức, có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Khác chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Trong chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ, có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ phải không? Lìa chân như nhãn xứ cho đến ý xứ có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Khác chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Trong chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ phải không? Lìa chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ, có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Khác chân như của nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Trong chân như của nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của nhãn giới cho đến ý giới phải không? Lìa chân như của nhãn giới cho đến ý giới có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của sắc giới cho đến pháp

giới là Bồ-tát phải không? Khác chân như của sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Trong chân như của sắc giới cho đến pháp giới có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của sắc giới cho đến pháp giới phải không? Lìa chân như của sắc giới cho đến pháp giới có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Khác chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Trong chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới phải không? Lìa chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Khác chân như của địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Trong chân như của địa giới cho đến thức giới có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của địa giới cho đến thức giới phải không? Lìa chân như của địa giới cho đến thức giới, có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của vô minh cho đến lão tử là Bồ-tát phải không? Khác chân như của vô minh cho đến lão tử là Bồ-tát phải không? Trong chân như của vô minh cho đến lão tử có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của vô minh cho đến lão tử phải không? Lìa chân như của vô minh cho đến lão tử có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ông quán thế nào mà nói như vầy: chân như của sắc... chẳng phải là Bồ-tát; khác chân như của sắc... chẳng phải là Bồ-tát; chẳng phải trong chân như của sắc... có Bồ-tát; chẳng phải trong Bồ-tát có chân như của sắc...; chẳng phải lìa chân như của sắc... có Bồ-tát.

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì quán các pháp sắc... hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, thì làm sao có chân như của sắc...! Như vậy, chân như của sắc... không có thì tại sao nói chân như của sắc... là Bồ-tát, khác chân như của sắc... là Bồ-tát; trong chân như của sắc... có Bồ-tát; trong Bồ-tát có chân như của sắc...; lìa chân như của sắc... có Bồ-tát?

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Này Thiện Hiện, ông nên biết rằng, như lời ông nói: sắc và pháp chẳng thể nắm bắt được, thì sắc và chân như cũng chẳng thể nắm bắt được, vì sắc…, pháp và chân như chẳng thể nắm bắt được, nên các Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì các Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được nên sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên siêng năng tu học nghĩa này.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về sắc cho đến thức là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến

thức thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc về thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về sắc

xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến

ý giới thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc tịnh tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu

tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên

sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về vô minh đến lão tử là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải

không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ông quán thế nào mà nói rằng: Khái niệm về sắc... chẳng phải là Bồ-tát? Lại quán như thế nào mà nói rằng: khái niệm về pháp của sắc... thuộc thường hay vô thường; khái niệm thuộc vui hay khổ; khái niệm thuộc ngã hay vô ngã; khái niệm thuộc tịnh hay bất tịnh; khái niệm thuộc không hay bất không; khái niệm thuộc hữu tướng hay vô tướng; khái niệm thuộc hữu nguyện hay vô nguyện; khái niệm thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; khái niệm thuộc xa lìa hay không xa lìa; khái niệm thuộc hữu vi hay vô vi; khái niệm thuộc hữu lậu hay vô lậu; khái niệm thuộc sinh hay diệt; khái niệm thuộc thiện hay bất thiện; khái niệm thuộc hữu tội hay vô tội; khái niệm thuộc phiền não hay không phiền não; khái niệm thuộc thế gian hay xuất thế gian; khái niệm thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh; khái niệm thuộc sinh tử hay Niết-bàn đều chẳng phải là Bồ-tát.

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, pháp của sắc... hoàn toàn không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được; thì làm sao có khái niệm về sắc... Khái niệm này đã không có, thì tại sao nói khái niệm về sắc... là Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, pháp của sắc hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, thì làm sao có sắc... là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng

hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là sinh tử hay Niết-bàn?

Tất cả pháp này đã không có, thì làm sao có khái niệm về pháp của sắc... thuộc thường hay vô thường cho đến khái niệm thuộc sinh tử hay Niết-bàn? Như vậy, khái niệm đã chẳng có, thì làm sao có thể nói khái niệm về pháp của sắc... thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát cho đến thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát?

Phật dạy Thiện Hiện:

–Lành thay, lành thay! Thiện Hiện nên biết, như lời ông nói. Pháp của sắc... là thường hay vô thường... là chẳng thể nắm bắt được. Khái niệm về pháp của sắc... và khái niệm về thường hay vô thường cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp và khái niệm đều chẳng thể nắm bắt được, nên các Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì các Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, nên sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, phải siêng năng tu học nghĩa này.

Lại nữa này Thiện Hiện, trước đây ông đã nói, không thấy có pháp để gọi Đại Bồ-tát. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Thiện Hiện nên biết, các pháp không thấy pháp giới, pháp giới không thấy các pháp, các pháp không thấy các pháp, pháp giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện nên biết, sắc giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy sắc giới; thọ, tưởng, hành, thức giới cũng không thấy pháp giới; pháp giới cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức giới.

Thiện Hiện nên biết, nhãn giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhãn giới; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Sắc giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy sắc giới; thanh, hương, vị, xúc, pháp giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Nhãn thức giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhãn thức giới; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Thiện Hiện nên biết, địa giới không thấy pháp giới, pháp giới không thấy địa giới. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy thủy, hỏa, phong, không, thức.

Thiện Hiện nên biết, cảnh giới hữu vi không thấy cảnh giới vô vi. Cảnh giới vô vi không thấy cảnh giới hữu vi. Thiện Hiện nên biết, chẳng phải lìa cảnh giới hữu vi mà có thể đặt ra cảnh giới vô vi. Chẳng phải lìa cảnh giới vô vi mà đặt ra cảnh giới hữu vi.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, với tất cả các pháp hoàn toàn không thấy, vì không thấy nên tâm không kinh nghi, không sợ sệt, không chìm đắm và cũng không hối tiếc đối với tất cả pháp.

Vì sao? Này Thiện Hiện, vì các Đại Bồ-tát ấy khi đang tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đã không thấy sắc, không thấy thọ, tưởng, hành, thức. Không thấy nhãn xứ; không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Không thấy sắc xứ; không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Không thấy nhãn giới, không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Không thấy sắc giới; không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp giới. Không thấy nhãn thức giới, không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới. Không thấy địa giới; không thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Không thấy vô minh; không thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Không thấy tham dục, không thấy sân giận, không thấy ngu si, không thấy ngã, không thấy hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết, cái thấy. Không thấy Dục giới. Không thấy Sắc giới. Không thấy Vô sắc giới. Không thấy Thanh văn và pháp của Thanh văn. Không thấy Độc giác và pháp của Độc giác. Không thấy Bồ-tát và pháp của Bồ-tát. Không thấy Như Lai và pháp của Như Lai. Không thấy Bồ-đề, không thấy Niết-bàn.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, với các pháp hoàn toàn không thấy. Vì khi không thấy nên tâm vị ấy không kinh nghi, không sợ sệt. Không chìm đắm và cũng không hối tiếc đối với tất cả pháp.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì nhân duyên gì mà không chìm đắm và không hối tiếc các pháp?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả tâm và tâm sở đều không thấy, không đắc. Do nhân duyên này mà tâm không chìm đắm, cũng không hối tiếc các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà khi các Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với tất cả pháp, tâm không kinh nghi, sợ sệt?

Phật dạy:

–Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không thấy, không đắc đối với tất cả ý giới và ý thức giới.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với các pháp, tâm của các vị ấy không kinh nghi, sợ sệt.

Lại nữa này Thiện Hiện, đối với các pháp, các Đại Bồ-tát không thấy, không đắc khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nghĩa là: Đối với sắc không thấy, không đắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức không thấy, không đắc. Đối với nhãn xứ không thấy, không đắc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thấy, không đắc. Đối với sắc xứ không thấy, không đắc; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thấy, không đắc. Đối với nhãn giới không thấy, không đắc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới không thấy, không đắc. Đối với sắc giới không thấy, không đắc; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới không thấy, không đắc. Đối với nhãn thức giới không thấy, không đắc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới không thấy, không đắc. Đối với nhãn xúc không thấy, không đắc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc không thấy, không đắc. Đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thấy, không đắc; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra không thấy, không đắc. Đối với địa giới không thấy, không đắc; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thấy, không đắc. Đối với vô minh không thấy, không đắc; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tư không thấy, không đắc. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa không thấy, không đắc; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thấy, không đắc. Đối với pháp không bên trong, không thấy không đắc. Đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không bản tánh, pháp không tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không không tánh, pháp không không tánh tự tánh đều không thấy, không đắc. Đối với chân như không thấy,

không đắc; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế đều không thấy, không đắc. Đối với bốn Niệm trụ, không thấy, không đắc; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, không thấy, không đắc. Đối với Thánh đế khổ, không thấy không đắc. Đối với Thánh đế tập, diệt, đạo không thấy, không đắc. Đối với bốn Tĩnh lự không thấy, không đắc; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thấy, không đắc. Đối với tám Giải thoát không thấy, không đắc; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không thấy, không đắc. Đối với pháp môn giải thoát Không, không thấy, không đắc; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện không thấy, không đắc. Đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni không thấy, không đắc; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa không thấy, không đắc. Đối với bậc Cực hỷ không thấy, không đắc; đối với bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ địa, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân không thấy, không đắc. Đối với năm loại mắt không thấy, không đắc; đối với sáu phép thần thông không thấy, không đắc. Đối với mười lực của Phật không thấy, không đắc; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, không thấy, không đắc. Đối với ba mươi hai tướng không thấy, không đắc; đối với tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ không thấy, không đắc. Đối với pháp không quên mất, không thấy, không đắc; đối với tánh luôn luôn xả, không thấy, không đắc. Đối với trí Nhất thiết, không thấy, không đắc; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không thấy, không đắc. Đối với quả Dự lưu, không thấy, không đắc; đối với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, không thấy, không đắc. Đối với quả vị Độc giác Bồ-đề, không thấy, không đắc; đối với hạnh của tất cả Đại Bồ-tát, không thấy, không đắc. Đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không thấy, không đắc.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát đã không thấy, không đắc tất cả pháp thì nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả nơi chốn, tất cả thời gian không đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không đắc tên Bát-nhã ba-la-mật-đa, không đắc Đại Bồ-tát, cũng không đắc tên Đại Bồ-tát.

Này Thiện Hiện, nên truyền trao, chỉ dạy cho các Đại Bồ-tát như vậy để đạt đến chỗ cứu cánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 484

Phẩm 3: Thiện Hiện (3)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát muốn viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn viên mãn Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thọ, tưởng, hành, thức, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn xúc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ địa giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thủy, hỏa, phong, không, thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-

mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ vô minh, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ tham dục, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn vĩnh viễn đoạn trừ sân giận, ngu si, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ Tát-ca-da kiến, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn vĩnh viễn đoạn trừ giới cấm thủ, nghi, dục, tham, sân giận, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ sắc tham, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn vĩnh viễn đoạn trừ vô sắc tham, vô minh, mạn, trạo cử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tùy miên kết sử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ bốn loại thức ăn, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn đoạn trừ hẳn bốn ách, bốn dòng thác, bốn sự chấp giữ, bốn sự trói buộc thuộc thân cho đến bốn điên đảo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Các Đại Bồ-tát muốn thọ trì tu hành mười nẻo nghiệp thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn bốn Tĩnh lự, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn viên mãn bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn bốn Niệm trụ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Muốn viên mãn bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn mười lực của Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Muốn viên mãn bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn nhập vào Giác phần đẳng trì một cách tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn nhập vào Sư tử du hý đẳng trì cho đến Sư tử phấn tấn đẳng trì một cách tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn được tự tại tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn được nhập vào Xuất kiện hành đẳng trì, Bảo ấn đẳng trì, Nguyệt quang đẳng trì, Nguyệt tràng tướng đẳng trì; nhập vào Nhất thiết pháp đẳng trì, Quán ấn đẳng trì, pháp giới quyết định đẳng trì, Quyết định tràng tướng đẳng trì, Kim cang dụ đẳng trì; nhập vào Pháp môn đẳng trì, Đẳng trì vương đẳng trì, Vương ấn đẳng trì, Lực nghiêm đẳng trì, Bảo khiếp đẳng trì; nhập vào Nhất thiết pháp ngôn từ quyết định đẳng trì; nhập vào Nhất thiết pháp trí an thọ đẳng trì, Quán sát thập phương đẳng trì, Nhất thiết pháp ấn Đà-la-ni môn đẳng trì, Bất vọng chư pháp đẳng trì, Nhất thiết pháp đẳng thú hành tướng ấn đẳng trì, Trụ hư không xứ đẳng trì, Tam luân thanh tịnh đẳng trì, Tùy thuận bất thoái thần thông đẳng trì, Khí trung dũng xuất đẳng trì, Thắng định tràng tướng đẳng trì, Hàng phục phiền não đẳng trì, Phá tứ ma quân đẳng trì, Thành tựu thập phương đẳng trì... và vô lượng, vô biên đẳng trì khác đều được tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn tất cả những ước nguyện của hữu tình, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn tất cả căn lành thù thắng, nhờ căn lành này mà được viên mãn, không đọa vào các đường ác, không sinh vào nhà bần cùng, không rơi vào địa vị Thanh văn, không rơi vào địa vị Độc giác, không rơi vào đỉnh quyết định của Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Sao gọi là từ địa vị cao rơi xuống địa vị thấp của Bồ-tát?

Thiện Hiện trả lời:

–Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo để tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo trụ vào đẳng trì Không, Vô tướng, Vô nguyện thì rơi trở lại địa vị Thanh văn hoặc Độc giác, không đắc địa vị Chánh quyết định của Bồ-tát, không nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Như vậy gọi là Bồ-tát từ địa vị cao rơi xuống địa vị thấp.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Sinh là pháp gì?

Thiện Hiện trả lời:

–Sinh gọi là Bồ-tát tùy thuận theo pháp ái.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là Bồ-tát tùy thuận theo pháp ái?

Thiện Hiện trả lời:

–Các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa an trụ vào sắc không mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào thọ, tưởng, hành, thức không mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào vô tướng của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào vô nguyện của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào tịch tĩnh của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào sự xa lìa của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào sự xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào sự vô thường của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào sự vô thường của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào khổ của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào khổ của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào vô ngã của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào bất tịnh của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

Này, Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát tùy thuận với pháp ái. Pháp ái này gọi là sinh.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nghĩ như vầy: Sắc này nên đoạn, nhờ đấy mà sắc sẽ đoạn. Thọ, tưởng, hành, thức này nên đoạn, do đây mà thọ, tưởng, hành, thức sẽ đoạn. Khổ này nên biết rõ, do đấy mà khổ sẽ được biết rõ. Tập này nên đoạn hẳn, nhờ đấy mà tập sẽ đoạn hẳn. Diệt này nên chứng, nhờ đấy mà Diệt sẽ chứng. Đạo này nên tu tập, nhờ đây mà Đạo được tu tập. Đây là tạp nhiễm, đây là thanh tịnh, đây nên gần gũi, đây không nên gần gũi. Điều này nên tu hành, điều này không nên tu hành. Đây là đạo, đây là phi đạo. Điều này nên tu tập, điều này không nên tu tập. Điều này nên học, điều này không nên học. Đây là Bố thí ba-la-mật-đa, đây

chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa. Đây là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đây chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đây là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát; đây chẳng phải là phương tiện xảo của Bồ-tát. Đây là Bồ-tát sinh; đây là Bồ-tát ly sinh.

Này Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào tất cả pháp môn này mà vọng tưởng và chấp trước, thì đó là Bồ-tát tùy thuận với pháp ái. Pháp ái này gọi là sinh. Giống như thức ăn sống, để cách đêm thì sẽ có hại. Trừ bỏ đi, gọi là ly sinh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát?

Thiện Hiện trả lời:

–Vì Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy pháp không bên trong, không nương vào pháp không bên trong mà quán pháp không bên ngoài. Không thấy pháp không bên ngoài, không nương vào pháp không bên ngoài mà quán pháp không bên trong. Không nương vào pháp không bên ngoài mà quán pháp không cả trong ngoài. Không thấy pháp không cả trong ngoài, không nương vào pháp không cả trong ngoài mà quán pháp không bên ngoài. Không nương vào pháp không cả trong ngoài mà quán pháp không lớn. Không thấy pháp không lớn, không nương vào pháp không lớn mà quán pháp không cả trong ngoài. Không nương vào pháp không lớn mà quán pháp không không. Không thấy pháp không không, không nương vào pháp không không quán pháp không lớn. Không nương vào pháp không không để quán pháp không thắng nghĩa. Không thấy pháp không thắng nghĩa. Không nương vào pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không không. Không nương vào pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không hữu vi. Không nương vào pháp không hữu vi để quán pháp không thắng nghĩa. Không nương vào pháp không hữu vi để quán pháp không vô vi. Không thấy pháp không vô vi, không nương vào pháp không vô vi để quán pháp không hữu vi. Không nương vào pháp không vô vi để quán pháp không rốt ráo. Không thấy pháp không rốt ráo, không nương vào pháp không rốt ráo để quán pháp không vô vi. Không nương vào pháp không rốt ráo để quán pháp không không biên giới. Không thấy pháp không không biên giới. Không nương vào pháp không không biên giới để quán pháp không rốt ráo. Không nương vào pháp

không không biên giới để quán pháp không tản mạn. Không thấy pháp không tản mạn, không nương vào pháp không tản mạn để quán pháp không không biên giới. Không nương vào pháp không tản mạn để quán pháp không bản tánh. Không thấy pháp không bản tánh, không nương vào pháp không bản tánh để quán pháp không tản mạn. Không nương vào pháp không bản tánh để quán pháp không tướng. Không thấy pháp không tướng, không nương vào pháp không tướng để quán pháp không bản tánh. Không nương vào pháp không tướng để quán pháp không nơi tất cả pháp. Không thấy pháp không nơi tất cả pháp, không nương vào pháp không nơi tất cả pháp để quán pháp không tướng. Không nương vào pháp không nơi tất cả pháp để quán pháp không không tánh. Không thấy pháp không không tánh, không nương vào pháp không không tánh để quán pháp không nơi tất cả pháp. Không nương vào pháp không không tánh để quán pháp không không tánh tự tánh. Không thấy pháp không không tánh tự tánh, không nương vào pháp không không tánh tự tánh để quán pháp không không tánh.

Này Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã quán như vậy nên gọi là nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nghĩa là: Đối với sắc và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với thọ, tưởng, hành, thức và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với nhãn xứ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với sắc xứ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với nhãn giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với sắc giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với nhãn thức giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với bốn Tĩnh

lự và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với bốn Niệm trụ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với năm loại mắt và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với sáu phép thần thông và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với mười lực của Phật và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tên gọi thì cũng nên biết, không nên chấp trước.

Như vậy, này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tâm Bồ-đề và tên gọi cũng nên biết, không nên chấp trước; đối với tâm không gì sánh bằng và tên gọi cũng nên biết, không nên chấp trước; đối với tâm quảng đại và tên gọi cũng nên biết, không nên chấp trước. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì tâm hay chẳng phải tâm cũng đều là bản tánh thanh tịnh.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao gọi bản tánh thanh tịnh là tâm?

Thiện Hiện trả lời:

–Đó là bản tánh của tâm là tương ưng với tham lam chẳng có, thì cũng chẳng có gì để tương ưng. Là tương ưng với sân giận chẳng có, thì cũng chẳng có gì để tương ưng. Là tương ưng với ngu si chẳng có, thì cũng chẳng có gì để tương ưng. Là tương ưng với tùy miên kết sử, với kẻ giữ, kẻ thấy và các nghiệp chướng chẳng có, thì cũng chẳng có gì để tương ưng. Tâm của hàng Thanh văn, Độc giác, tương ưng cũng chẳng có, thì cũng chẳng có gì để mà tương ưng.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát đều biết tâm đúng là như vậy, nên đó cũng là bản tánh thanh tịnh vậy.

Lúc này, Xá-lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

–Là tâm, thì có chẳng phải tâm tánh không?

Thiện Hiện hỏi vặn lại:

–Vậy chớ tánh và không tánh trong chẳng phải tâm tánh chẳng thể nắm bắt được phải không?

Xá-lợi Tử đáp:

–Này Thiện hiện, không.

Thiện Hiện nói tiếp:

–Có tánh hay không tánh trong chẳng phải tâm tánh, đều chẳng thể nắm bắt được. Vậy sao lại có thể hỏi: "Là tâm thì có cái chẳng phải tâm tánh hay không"?

Lúc này, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vậy, thế nào thì gọi là chẳng phải tâm tánh?

Thiện Hiện đáp:

–Tất cả các pháp không biến đổi, không phân biệt, thì đó gọi là chẳng phải tâm tánh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Vì tâm không biến đổi, không phân biệt, nên các pháp tạo ra cũng không biến đổi, không phân biệt sao?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì nhãn xứ cho đến ý xứ cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì sắc xứ cho đến pháp xứ cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì nhãn giới cho đến ý giới cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì sắc giới cho đến pháp giới cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì địa giới cho đến thức giới cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì vô minh cho đến lão tử cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì cho đến quả vị Giác ngộ cao tột cũng không biến đổi, không phân biệt.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử khen Thiện Hiện:

–Lành thay, lành thay! Ông nói rất đúng. Ông đúng là một Phật tử, từ tâm Phật sinh ra, từ kim khẩu Phật sinh ra, từ pháp Phật sinh ra, từ pháp giáo hóa sinh ra, nhận phần pháp của Phật, không nhận phần tài sản; ở trong các pháp Phật, tự thân chứng được Tuệ nhãn hiện tiền, có thể giảng nói bất cứ điều gì. Phật thường nói: Trong chúng Thanh văn, ông là người đệ nhất trụ vào Vô tránh định. Những gì Phật nói ra, chân thật bất hư. Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên siêng năng học tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học tập được Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì nên biết rằng, vị ấy đã trụ vào địa vị không thoái chuyển, không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa; có thể như thật, quán được thật tánh của các pháp.

Còn nữa này Thiện Hiện, nếu thiện nam, thiện nữ... muốn học địa Thanh văn; nên siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng kiên trì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy; theo lý mà tư duy, suy xét, quán sát để đạt đến cứu cánh. Vị nào muốn học bậc Độc giác cũng phải siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng kiên trì Bát-nhã ba-la-mật-đa; tư duy đúng lý, suy xét, quán sát rõ ràng, để đạt đến cứu cánh. Vị nào muốn học Bồ-tát địa và Như Lai địa cũng nên siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng kiên trì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này; tư duy đúng lý, suy xét, quán sát rõ ràng, để đạt đến cứu cánh. Vì sao? Này Thiện Hiện, như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có nói và chỉ dạy rõ ràng về pháp của ba thừa. Nếu Đại Bồ-tát có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì đối với tất cả pháp của ba thừa đã học đều được thiện xảo.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy. Vậy làm sao Ngài dạy con phải truyền trao, chỉ dạy Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, con không biết, không đắc, cũng không thấy. Nếu con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa truyền trao, chỉ dạy cho các Đại Bồ-tát thì chắc chắn con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp, con không biết, không đắc, cũng không thấy mà nếu con đem các pháp để truyền trao, chỉ dạy cho các Đại Bồ-tát nhất định con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp không tăng, không giảm; con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, tên của các Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì hai nghĩa này là không sở hữu; cả hai tên này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc cho đến thức hoặc tăng hoặc giảm; con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói: Đây là sắc cho đến thức? Tên của sắc... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc... ấy là không sở hữu. Tên của sắc... ấy hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn xứ cho đến ý xứ hoặc tăng hoặc giảm; con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói: Đây là nhãn xứ cho đến ý xứ? Tên của nhãn xứ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn xứ,... là không chỗ trụ; tên của nhãn xứ,... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc xứ cho đến pháp xứ hoặc tăng hoặc giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói: Đây là sắc xứ cho đến pháp xứ? Tên của sắc xứ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc xứ,... là không sở hữu; tên của sắc xứ,... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn giới cho đến ý giới hoặc tăng hoặc giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy; thì tại sao nói: Đây là nhãn giới cho đến ý giới? Tên của nhãn giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn giới,... là không sở hữu; tên của nhãn giới hoàn toàn không chỗ trụ và cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc giới cho đến pháp giới hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là sắc giới cho đến pháp giới? Tên của sắc giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc giới là không sở hữu; tên của sắc giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới? Tên của nhãn thức giới,... đều không

chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn thức giới,... là không sở hữu; tên của nhãn thức giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn xúc cho đến ý xúc hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là nhãn xúc cho đến ý xúc? Tên của nhãn xúc,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn xúc là không sở hữu; tên của nhãn xúc,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra? Tên của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... là không sở hữu; tên của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với vô minh cho đến lão tử hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là vô minh cho đến lão tử? Tên của vô minh,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh,... là không sở hữu; tên của vô minh,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với vô minh diệt cho đến lão tử diệt tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là vô minh diệt cho đến lão tử diệt? Tên của vô minh diệt,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh diệt,... là không sở hữu; tên của vô minh diệt,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tham, sân, si cho đến các kết sử, tùy miên, kiến thú hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là tham, ...? Tên của tham,... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tham,... ấy là không sở hữu; tên của tham,... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa? Tên của Bố thí,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của Bố thí,... là không sở

hữu; tên của Bố thí,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với ngã cho đến cái thấy hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là ngã cho đến cái thấy? Tên của ngã,... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của ngã,... là không sở hữu; tên của ngã,... này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo? Tên của bốn Niệm trụ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của bốn Niệm trụ,... là không sở hữu; tên của bốn Niệm trụ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với ba pháp môn giải thoát hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là ba pháp môn giải thoát? Tên của ba pháp môn giải thoát đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của ba pháp môn giải thoát là không sở hữu; tên của ba pháp môn giải thoát đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc? Tên của tĩnh lự,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tĩnh lự,... là không sở hữu; tên của tĩnh lự,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm hơi thở, tùy niệm chết hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là tùy niệm Phật cho đến tùy niệm chết? Tên của tùy niệm Phật,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tùy niệm Phật,... là không sở hữu; tên của tùy niệm Phật,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là năm loại mắt, sáu phép thần thông? Tên của năm loại mắt,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của năm loại mắt,... là không sở hữu; tên của năm loại mắt,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, làm sao nói: Đây là mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng? Tên mười lực của Phật,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa mười lực của Phật,... là không sở hữu; tên mười lực của Phật,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với năm thủ uẩn như cảnh mộng, như bóng sáng, như tiếng vang, như quáng nắng, như bóng dáng, như trăng trong nước, như huyễn hóa, như biến hóa... tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là năm thủ uẩn như mộng.v.v...? Tên của năm thủ uẩn như mộng... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của năm thủ uẩn như mộng,... là không sở hữu; tên của năm thủ uẩn như mộng,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với xa lìa, tịch tĩnh, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không nhiễm, không tịnh, chân như, pháp giới, pháp trụ, pháp định, thật tế hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là xa lìa cho đến thật tế? Tên của xa lìa,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của xa lìa,... là không sở hữu; tên của xa lìa,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là các pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu? Tên của hữu vi,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của hữu vi,... là không sở hữu; tên của hữu vi,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với pháp ở quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai? Tên của pháp quá khứ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của pháp quá khứ,... là không sở hữu; tên của pháp quá khứ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tất cả các Đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng... tăng hay giảm ở hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương; con đều không biết, không đắc, cũng không

thấy; làm sao nói: Đây là tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng... ở hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương? Tên của mười phương,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa mười phương,... là không sở hữu; tên mười phương,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp tăng hay giảm nói ở trên, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy thì làm sao nói: Đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, con không biết, không đắc, không thấy thì làm sao con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa để truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, tên của các Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì hai nghĩa này là không sở hữu; cả hai tên này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, như vậy các pháp hòa hợp với nhân duyên nên giả gọi là Đại Bồ-tát, giả gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy, trong uẩn, xứ, giới là giả danh nên không thể nói; cho đến trong mười tám pháp Phật bất cộng cũng không thể nói. Như vậy, trong năm thủ uẩn như mộng cho đến như biến hóa không thể nói; trong tịch tĩnh xa lìa... không thể nói. Cho đến tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng... trong hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương cũng không thể nói. Vì sao? Bạch Thế Tôn, các pháp tăng giảm nói ở trên, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy. Bạch Thế Tôn, tên của năm uẩn... nói như vậy, nói không có căn cứ. Tên của Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là nói không có căn cứ.

Như vậy, tên của như mộng là không chỗ nào để có thể nói. Tên của như hư không là không chỗ nào để có thể nói. Tên của địa, thủy, hỏa, phong: không chỗ nào để có thể nói. Tên của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không chỗ nào để có thể nói. Tên của Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Như Lai và các pháp khác: không chỗ nào để có thể nói. Tên của thiện, bất thiện; thường, vô thường; vui, khổ; ngã, vô ngã; tịch tĩnh, không tịch tĩnh; hữu, vô... đều không chỗ nào để có thể nói.

Như vậy, tên của Đại Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không chỗ nào để có thể nói. Vì sao? Vì các tên ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải

không trụ. Vì sao? Vì các nghĩa ấy là không sở hữu; các tên ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, con theo nghĩa ấy nên nói: đối với các pháp tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì làm sao nói: Đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, cả hai nghĩa và tên trên, con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì vì sao dạy con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa để truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát? Bạch Thế Tôn, do nhân duyên này, nếu lấy các pháp ấy truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát, chắc chắn con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát nghe đem tướng này giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì tâm không đắm trước, không lo buồn, hối hận, cũng không khinh nghi, sợ sệt. Điều đó cho thấy: Đại Bồ-tát ấy đã quyết định trụ vào địa vị không thoái chuyển, dùng phương tiện không chỗ trụ, mà trụ vào chỗ không chấp trước.

Bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào sắc cho đến thức; không nên trụ vào nhãn xứ cho đến ý xứ; không nên trụ vào sắc xứ cho đến pháp xứ; không nên trụ vào nhãn giới cho đến ý giới; không nên trụ vào sắc giới cho đến pháp giới; không nên trụ vào nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không nên trụ vào nhãn xúc cho đến ý xúc; không nên trụ vào các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không nên trụ vào địa giới cho đến thức giới; không nên trụ vào vô minh cho đến lão tử. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì sắc và tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng là không.

Bạch Thế Tôn, đó là không sắc; chẳng phải là sắc; sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Do nhân duyên này, mà khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức, như thế cho đến lão tử cũng vậy.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì bốn Niệm trụ, tánh của bốn Niệm trụ là không. Bạch Thế Tôn, đó là cái không của bốn Niệm trụ, chẳng phải bốn Niệm trụ; bốn Niệm trụ chẳng lìa không, không chẳng lìa bốn Niệm trụ; bốn Niệm trụ tức là không, không tức là bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật

bất cộng cũng như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Bố thí và tánh của bố thí là không. Bạch Thế Tôn, đó là cái không của bố thí, chẳng phải bố thí. Bố thí chẳng lìa không, không chẳng lìa bố thí; bố thí tức là không, không tức là Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng đều như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào các chữ, không nên trụ vào sự tiếp nối của các chữ; nghĩa là một, hai hay nhiều sự tiếp nối. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì các chữ và tánh của các chữ là không. Bạch Thế Tôn, đó là cái không của các chữ, chẳng phải các chữ; các chữ chẳng lìa không, không chẳng lìa các chữ; các chữ tức là không, không tức là các chữ; sự nối tiếp của các chữ cũng đều như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào các chữ và sự tiếp nối của các chữ.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào thần thông. Vì sao? Vì thần thông và tánh của thần thông là không. Bạch Thế Tôn, đó là cái không của thần thông, chẳng phải thần thông; thần thông chẳng lìa không, không chẳng lìa thần thông; thần thông tức là không, không tức là thần thông. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào thần thông.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức là thường hay vô thường; vui hay khổ; ngã hay vô ngã; tịnh hay bất tịnh; không hay bất không; hữu tướng hay vô tướng; hữu nguyện hay vô nguyện; tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; xa lìa hay không xa lìa. Vì sao? Vì các pháp thường hay vô thường của sắc... và pháp tánh thường hay vô thường của sắc... là không.

Bạch Thế Tôn, pháp thường hay vô thường của sắc là không, chẳng phải pháp thường hay vô thường của sắc. Pháp thường hay vô thường của sắc chẳng lìa không; không chẳng lìa pháp thường hay vô thường của sắc. Pháp thường hay vô thường của sắc... tức là không, không tức là pháp thường hay vô thường của sắc... Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức là thường hay vô thường;

pháp vui hay khổ,... của sắc cho đến xa lìa hay không xa lìa… cũng đều như vậy.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế. Vì sao? Vì chân như và tánh của chân như là không. Bạch Thế Tôn, chân như là không, chẳng phải chân như; chân như chẳng lìa không, không chẳng lìa chân như; chân như tức là không, không tức là chân như. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế cũng đều như vậy.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không. Bạch Thế Tôn, tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng lìa không, không chẳng lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Đà-la-ni tức là không, không tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng vậy.

Lại nữa bạch Đức Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì bị chấp vào ngã và ngã sở làm quấy nhiễu tâm, nên liền trụ vào sắc, trụ vào thọ, tưởng, hành, thức. Do trụ vào đó, mà làm gia hạnh cho sắc; làm gia hạnh cho thọ, tưởng, hành, thức. Do gia hạnh, nên không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì người ấy, do gia hạnh nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách đúng đắn, không thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, khi Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì bị chấp vào ngã và ngã sở làm quấy nhiễu tâm, cho nên phải liền trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Do trụ vào đó, mà làm gia hạnh cho tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Do gia hạnh, nên không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì gia hạnh ấy, không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa; không thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách đúng đắn; không thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa;

không thể thành tựu trí Nhất thiết trí. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì sắc không thể giữ gìn, thọ, tưởng, hành, thức không thể giữ gìn. Vì sắc không thể giữ gìn nên chẳng phải sắc. Vì thọ, tưởng, hành, thức không thể giữ gìn nên chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì bản tánh của sắc cho đến thức là không.

Bạch Thế Tôn cho đến tất cả pháp môn Đà-la-ni không thể giữ gìn; tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng không thể giữ gìn. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không thể giữ gìn, nên chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni. Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không thể giữ gìn, nên chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì bản tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không.

Bạch Thế Tôn, đối với những sự giữ gìn trên, mà thọ trì đúng đắn, viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì cũng không thể giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Vì không thể giữ gìn nên chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì bản tánh không.

Như vậy, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy bản tánh không mà quán tất cả pháp. Khi quán như vậy, thì tâm không có chỗ hoạt động, đó gọi là Đại Bồ-tát không giữ gìn Tam-ma-địa. Tam-ma-địa này vi diệu, thù thắng, quảng đại, vô lượng; có thể chứa nhóm vô biên, vô ngại tác nghiệp, không bị tất cả Thanh văn, Độc giác xâm đoạt, được thành tựu trí Nhất thiết trí và cũng không thể giữ gìn. Vì không thể giữ gìn nên chẳng phải là trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều là không. Vì sao? Bạch Thế Tôn, trí Nhất thiết trí chẳng phải do chấp giữ tướng mà tu đắc. Vì sao? Vì các sự chấp giữ tướng cũng đều là phiền não. Những gì là tướng? Đó là tướng của sắc; tướng của thọ, tưởng, hành, thức. Tướng của nhãn cho đến tướng của ý. Tướng của sắc cho đến tướng của pháp. Tướng của nhãn thức cho đến tướng của ý thức. Tướng của Niệm trụ cho đến tướng tám chi Thánh đạo. Tướng Ba-la-mật-đa, tướng của thần thông. Tướng của văn tự. Tướng mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tướng Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tướng tạo tác, tướng chân như, tướng pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế. Tướng Đà-la-ni, tướng Tam-ma-địa... Đối với các tướng này mà chấp trước thì gọi là phiền não; cho nên không do chấp giữ tướng mà tu đắc trí Nhất thiết trí. Nếu chấp giữ tướng mà tu đắc trí Nhất thiết trí; thì Phạm chí Thắng Quân đối với trí Nhất thiết trí không thể nào tin hiểu.

Tướng tín giải là những gì? Nghĩa là sinh lòng tin sâu, thanh tịnh

vào Bát-nhã ba-la-mật-đa. Do lực thắng giải mà suy lường, quán sát trí Nhất thiết trí, không lấy tướng làm phương tiện, cũng không lấy phi tướng làm phương tiện. Vì cả tướng và phi tướng đều không thể chấp giữ.

Phạm chí Thắng Quân, tuy nhờ sức tín giải quy y Phật pháp, chỉ là Tùy tín hành, nhưng có thể lấy bản tánh không mà ngộ nhập vào trí Nhất thiết trí. Đã ngộ nhập rồi, thì không chấp giữ nơi tướng của sắc; không chấp giữ nơi tướng của thọ, tưởng, hành, thức cho đến tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tự tướng của tất cả pháp đều không; vì chủ thể chấp giữ và đối tượng chấp giữ đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Do Phạm chí này không lấy nội đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí, không lấy ngoại đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí; không lấy nội ngoại hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí; không lấy vô trí đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí; không lấy đắc hiện quán khác mà quán trí Nhất thiết trí; không lấy bất đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Phạm chí không thấy trí Nhất thiết trí sở quán, không thấy Bát-nhã năng quán, không thấy người quán, nơi chốn quán và thời gian quán. Phạm chí ấy chẳng phải ở bên trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí, cũng chẳng phải ở bên ngoài và ở cả trong ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí; cũng chẳng phải lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí. Cho đến tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng như vậy. Vì sao? Vì bên trong, bên ngoài, hay ở cả trong ngoài, hay lìa cả trong ngoài; tất cả đều không và đều chẳng thể nắm bắt được.

Phạm chí Thắng Quân dùng các môn lìa tướng như vậy đối vơi trí Nhất thiết trí mà tin hiểu sâu sắc; đối với tất cả pháp đều không chấp giữ; vì thật tướng của các pháp đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, Phạm chí sau khi dùng môn lìa tướng, tin hiểu vào trí Nhất thiết trí rồi, thì đối với tất cả pháp đều không chấp giữ nơi tướng, cũng không tư duy các pháp vô tướng, vì pháp tướng, vô tướng đều chẳng thể nắm bắt được. Nhờ lực thắng giải mà đối với tất cả pháp, Phạm chí không giữ, không bỏ; vì trong pháp thật tướng thì không có giữ hay bỏ. Phạm chí đó, đối với những điều chính mình tin hiểu cho đến Niết-bàn đều không chấp trước. Vì sao? Vì bản tánh của tất cả pháp đều không, do vậy không nên chấp giữ.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 485

P Phẩm 3: Thiện Hiện (4)

Bạch Thế Tôn, sự chứng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát cũng vậy. Đối với các pháp, Bồ-tát không chấp giữ, nên có thể đi từ bờ mê đến bờ giác. Nếu còn chút ít sự chấp giữ các pháp, thì không thể đến bờ giác. Do nhân duyên này, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chấp giữ từ sắc đến thức cho đến chẳng chấp giữ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, tuy các Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được đối với tất cả pháp, nhưng do những điều mà bản nguyện muốn thực hành như Niệm trụ cho đến các chi Thánh đạo chưa viên mãn và những điều mà bản nguyện muốn chứng đắc như mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chưa thành tựu; trong giai đoạn giữa không vì không chấp giữ tướng các pháp mà nhập Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát này tuy có thể viên mãn sự thực hành Niệm trụ cho đến các chi Thánh đạo và có thể chứng mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, nhưng không thể thấy được. Vì sao? Vì sự thực hành Niệm trụ tức chẳng phải Niệm trụ, cho đến các chi Thánh đạo cũng chẳng phải các chi Thánh đạo; chứng đắc mười lực tức chẳng phải mười lực, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng. Vì bản tánh tất cả pháp tức chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng phải pháp.

Bạch Thế Tôn, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa tuy Đại Bồ-tát không chấp giữ đối với tất cả pháp, nhưng lại thường thành tựu các thắng sự.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát phải quán sát kỹ. Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Vì sao gọi là Bát-

nhã ba-la-mật-đa? Ai thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa? Hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy để làm gì?

Bạch Thế Tôn, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát cần phải quán sát kỹ: Nếu pháp không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được thì đấy là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Trong "không sở hữu" gạn hỏi chỗ nào?

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Trong đấy pháp nào gọi là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được?

Thiện Hiện đáp:

–Gọi Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bởi vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều là không. Xá-lợi Tử, sắc cho đến thức, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến thật tế không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Quả Dự lưu cho đến quả Độc giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chư Phật, Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bởi vì, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh vậy. Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu thường quan sát chắc thật như thế, thì các pháp sở hữu đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tâm vị ấy chẳng lo lắng, chẳng sợ hãi, chẳng chìm đắm, chẳng ưu buồn, chẳng hối hận nên biết Đại Bồ-tát này thường không lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Bằng cách nào, biết được Đại Bồ-tát thường không lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đại Bồ-tát này như thật biết sắc cho đến thức, lìa tự tánh sắc cho đến thức. Như thật biết Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tự tánh Bố thí. Cho đến như thật biết mười tám pháp Phật bất cộng, lìa tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng. Cho đến như thật biết thật tế, lìa tự tánh thật tế. Xá-lợi Tử, do đấy nên biết Đại Bồ-tát này không lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-

đa.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Sao gọi là tự tánh của sắc? Cho đến sao gọi là tự tánh của thật tế?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Sắc lấy không tánh làm tự tánh cho đến thật tế cũng lấy không tánh làm tự tánh. Do đấy, nên biết sắc lìa tự tánh của sắc cho đến thật tế lìa tự tánh của thật tế. Xá-lợi Tử, sắc cũng lìa tướng của sắc cho đến thật tế cũng lìa tướng của thật tế. Xá-lợi Tử, tướng cũng lìa tự tánh, tự tánh cũng lìa tướng, tướng cũng lìa tướng, tự tánh cũng lìa tự tánh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bảo Thiện Hiện rằng:

–Các Bồ-tát học theo pháp này sẽ mau chóng thành tựu trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện trả lời:

–Đúng như vậy, nếu các Bồ-tát học theo pháp này thì sẽ mau thành tựu trí Nhất thiết trí. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các Bồ-tát này biết tất cả pháp đều không sinh, không diệt.

Xá-lợi Tử nói:

–Vì sao các pháp không sinh, không diệt?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc cho đến thức tự tánh là không, nên dù sinh hay diệt đều chẳng thể nắm bắt được. Cho đến thật tế tự tánh cũng là không, nên dù sinh hay diệt đều chẳng thể nắm bắt được. Xá-lợi Tử, nếu các Bồ-tát học về Bát-nhã ba-la-mật-đa đúng như vậy thì sẽ đến gần đến trí Nhất thiết trí. Sự tiến gần, tiến gần đến trí Nhất thiết trí được như vậy, như vậy, thì thân, lời nói, ý nghĩ và hình tướng sẽ được thanh tịnh và cứ như vậy, như vậy cũng đạt được bốn loại thanh tịnh của hình tướng, của thân, lời nói và ý nghĩ. Được như vậy, như vậy sẽ không khởi tâm tương ưng với tham, sân, si, mạn, dối gạt, xan tham, kiến thú. Các Bồ-tát này do thường không khởi lên những tâm tham, sân, si... nên cuối cùng chẳng đọa trong thai người nữ mà thường được hóa sinh, xa lìa cảnh giới hiểm ác, trừ phi vì nhân duyên để đem lợi lạc cho loài hữu tình. Các vị Bồ-tát này, có thể đi từ cõi Phật này, đến cõi Phật khác, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; cho đến khi chứng được quả vị mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột, thường chẳng lìa Phật.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát này do thường học Bát-nhã ba-la-mật-đa không biếng nhác, mệt mỏi, nên biết có vị ấy đã gần đắc quả vị mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu hành từ sắc cho đến thức là hành theo tướng của chúng chứ chẳng phải hành theo Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khi hành từ sắc đến thức, hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng; ấy là hành theo tướng của chúng, chứ chẳng phải hành theo Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc hành năm loại mắt, sáu Thần thông ba-la-mật-đa; hoặc hành mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; là hành theo tướng của nó, chứ chẳng phải hành theo Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc nghĩ rằng: "Ta hành Bát-nhã ba-la-mật-đa vì có sở đắc, nên đó là hành theo tướng. Nếu nghĩ rằng: "Ta là Bồ-tát; vì có sở đắc, nên đó là hành theo tướng. Nếu nghĩ rằng: "Ta có khả năng hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, đấy là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có sở đắc nên là hành theo tướng. Bạch Thế Tôn, nếu các Bồ-tát khởi lên các sự phân biệt, như thế khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì phải biết Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo, nên chẳng phải là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Thiện Hiện bảo Xá-lợi Tử rằng:

–Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với sắc cho đến thức, trụ vào quyết định tưởng, thì thực hành trên pháp tưởng đó. Do thực hành như vậy nên không thể giải thoát sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, buồn bực và các thứ khổ. Hoặc đối với nhãn xứ cho đến ý xứ, trụ vào quyết định tưởng, thời thực hành trên pháp tưởng đó. Hoặc đối với sắc xứ cho đến pháp xứ, trụ vào quyết định tưởng, thời thực hành trên pháp tưởng đó. Hoặc đối với nhãn giới cho đến ý giới, trụ vào quyết định tưởng thời thực hành trên pháp tưởng đó. Hoặc đối với sắc giới cho đến pháp giới, trụ vào quyết định tưởng thì thực hành trên pháp quán tưởng đó. Hoặc đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới, trụ vào quyết định tưởng, thì thực hành trên pháp tưởng đó. Hoặc đối với nhãn xúc

cho đến ý xúc, trụ vào quyết định tưởng thời thực hành trên pháp tưởng đó. Hoặc đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; trụ vào quyết định tưởng, thời thực hành trên pháp tưởng đó. Bởi thực hành như vậy, nên không thể giải thoát sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, buồn bực và các thứ khổ khác. Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, trụ vào quyết định tưởng, thời thực hành trên pháp tưởng đó. Hoặc đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông, sáu pháp Ba-la-mật-đa, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; mà trụ vào quyết định tưởng, thì thực hành trên pháp tưởng đó. Hoặc đối với bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai trụ vào quyết định tưởng, thời cũng thực hành trên pháp tưởng đó. Bởi thực hành như vậy, nên không thể giải thoát sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, buồn bực và các thứ khổ khác. Xá-lợi Tử, các Bồ-tát này không có phương tiện thiện xảo, cho nên không thể đạt đến quả vị của Thanh văn, Độc giác, huống chi đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, nếu với tưởng và thực hành những pháp tưởng như vậy mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên biết Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo, nên có làm việc gì cũng không thành tựu.

Khi ấy Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Làm sao biết được các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện đáp:

–Khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu các Bồ-tát không hành từ sắc đến thức, cũng không hành theo tướng của nó; không hành sắc đến thức, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc không hoặc bất không, hoặc có tướng hoặc không tướng, hoặc có nguyện hoặc không nguyện, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đều chẳng hành theo tướng ấy. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sắc... là không, chẳng phải là sắc...; sắc... chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc; sắc tức là không, không tức là sắc... Như đối với các uẩn, các xứ, các giới duyên khởi, giác phần Ba-la-mật-đa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực cho đến pháp bất cộng của Phật cũng đều như vậy. Xá-lợi Tử, nên biết các Bồ-tát này là những vị có phương tiện thiện xảo đang tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì các Bồ-tát này có phương tiện thiện xảo, nên có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát này khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng chấp hành hay không hành; cũng chẳng chấp có hành, chẳng chấp không hành; chẳng chấp chẳng phải hành hay chẳng phải chẳng hành; đối với sự không chấp ấy cũng chẳng có chấp giữ, huống gì đối với các pháp khác mà lại có chấp giữ.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Do nhân duyên gì mà các Bồ-tát không có sự chấp giữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện đáp:

–Do tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa này cũng lấy không tánh làm tự tánh. Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, nên khi các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc chấp có hành, hoặc chấp không hành, hoặc chấp cũng có hành cũng không hành, hoặc chấp chẳng hành chẳng không hành, hoặc chấp hay không chấp. Như vậy, tất cả đều chẳng phải là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh, đều không có chỗ để chấp giữ, không có chỗ để chấp trước. Xá-lợi Tử, đây gọi là Bồ-tát đối với tất cả pháp không chấp giữ, không chấp trước, là không tánh, không sinh, Tam-ma-địa. Tam-ma-địa này rộng lớn, thù thắng và vi diệu vô cùng. Nó có khả năng tập hợp không giới hạn và làm việc không ngăn ngại, nhưng không cùng với tất cả Thanh văn, Độc giác. Nếu các Bồ-tát thường trụ, không rời Tam-ma-địa này thì sẽ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Các Đại Bồ-tát chỉ cần một pháp Đẳng trì thù thắng này thường giữ, không bỏ thì sẽ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột; hay còn có pháp nào khác?

Thiện Hiện đáp:

–Không những chỉ đối với một pháp Đẳng trì thù thắng này thường giữ không bỏ làm cho các Bồ-tát mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột mà còn có nhiều pháp khác.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những pháp khác là gì?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát lại có Kiến hành đẳng trì, Bảo ấn đẳng trì,

Sư tử du hý đẳng trì, Diệu nguyệt đẳng trì, Nguyệt tràng tướng đẳng trì, Chư pháp hải đẳng trì, Quán đảnh đẳng trì, pháp giới quyết định đẳng trì, Quyết định tràng tướng đẳng trì, Kim cang dụ đẳng trì, Nhập chư pháp ấn đẳng trì, An trụ định đẳng trì, Vương ấn đẳng trì, Tinh tấn lực đẳng trì, Đẳng dũng xuất đẳng trì, Nhập từ quyết định đẳng trì, Nhập tăng ngữ đẳng trì, Quán phương đẳng trì, Tổng trì ấn đẳng trì, Vô vong thất đẳng trì, Chư pháp đẳng thú đẳng trì, Biến phú hư không đẳng trì, Kim cang luân đẳng trì, Thắng tràng tướng đẳng trì, Đế tràng tướng đẳng trì, Nguyệt tràng tướng đẳng trì, Thuận kiên cố đẳng trì, Sư tử phấn tấn đẳng trì, Quảng khai xiển đẳng trì, Xả trần ái đẳng trì, Biến chiếu đẳng trì, Bất tuần đẳng trì, Trụ vô tướng đẳng trì, Quyết định đẳng trì, Ly cấu hạnh đẳng trì, Vô biên quang đẳng trì, Phát quang đẳng trì, Phổ chiếu đẳng trì, Tịnh tòa đẳng trì, Vô cấu quang đẳng trì, Phát ái lạc đẳng trì, Điển đăng đẳng trì, Vô tận đẳng trì, Nan thắng đẳng trì, Cụ oai quang đẳng trì, Ly tận đẳng trì, Vô thắng đẳng trì, Khai hiển đẳng trì, Nhật đăng đẳng trì, Tịnh nguyệt đẳng trì, Tịnh quang đẳng trì, Phát minh đẳng trì, Tác vô tác đẳng trì, Trí tướng đẳng trì, Trụ tâm đẳng trì, Phổ minh đẳng trì, Thiện trụ đẳng trì, Bảo tích đẳng trì, Diệu pháp ấn đẳng trì, Chư pháp đẳng ý đẳng trì, Xả ái lạc đẳng trì, Pháp dũng đẳng trì, Phiên tán đẳng trì, Phân biệt pháp cú đẳng trì, Nhập bình đẳng tự đẳng trì, Ly văn tự tướng đẳng trì, Đoạn sở duyên đẳng trì, Vô biến dị đẳng trì, Phẩm loại đẳng trì, Nhập danh định tướng đẳng trì, Vô tướng hành đẳng trì, Ly ế ám đẳng trì, Cụ hành đẳng trì, Vô động đẳng trì, Cảnh tướng tịch tĩnh đẳng trì, Tập chư công đức đẳng trì, Trú quyết định đẳng trì, Tịnh diệu hoa đẳng trì, Cụ giác chi đẳng trì, Vô biên biện đẳng trì, Vô đẳng đẳng đẳng trì, Siêu nhất thiết đẳng trì, Thiện phân biệt đẳng trì, Tản nghi võng đẳng trì, Vô sở trụ đẳng trì, Nhất tướng trang nghiêm đẳng trì, Dẫn phát hành tướng đẳng trì, Nhất hạnh đẳng trì, Xả hành tướng đẳng trì, Đạt chư hữu để biến dị đẳng trì, Nhập nhất thiết thi thiết ngữ ngôn đẳng trì, Giải thoát âm thanh văn tự đẳng trì, Cụ oai đức đẳng trì, Cự xí nhiên đẳng trì, Tịnh nhãn đẳng trì, Vô trọc nhẫn đẳng trì, Nhập chư hành tướng đẳng trì, Bất hỷ nhất thiết đẳng trì, Vô tận hành tướng đẳng trì, Cụ Đà-la-ni đẳng trì, Nhiếp phục nhất thiết chánh tà tánh đẳng trì, Ly vi thuận đẳng trì, Ly tăng ái đẳng trì, Vô cấu minh đẳng trì, Cụ kiên cố đẳng trì, mãn nguyệt tịnh quang đẳng trì, Điển quang biện đẳng trì, Đại trang nghiêm đẳng trì, Chiếu nhất thiết thế gian đẳng trì, Định bình đẳng ý đẳng trì, Vô trần hữu trần bình đẳng lý thú đẳng trì, Vô tánh hữu tánh bình đẳng lý thú đẳng trì, Vô sào huyệt đẳng trì, Vô tiêu xí đẳng trì, Quyết định trụ chân như đẳng trì, Hoại thân, ngữ, ý ác

hạnh đẳng trì, Như hư không đẳng trì, Vô nhiễm trước như hư không đẳng trì.

Xá-lợi Tử, nếu các Bồ-tát thường trụ không bỏ đối với các đẳng trì tối thắng như vậy, thì sẽ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, lại có vô lượng, vô số tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tất cả pháp môn Đà-la-ni khác nữa, nếu các Bồ-tát thường học các pháp này thì cũng mau chứng được quả vị mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Thiện Hiện nương oai thần của Phật bảo với Cụ thọ Xá-lợi Tử rằng:

–Nếu các Bồ-tát an trụ các đẳng trì tối thắng như vậy, thì nên biết các vị ấy đã được chư Phật trong quá khứ thọ ký, cũng được mười phương chư Phật trong hiện tại thọ ký. Xá-lợi Tử, các vị Bồ-tát này tuy trụ vào các Tam-ma-địa nhưng không thấy các Tam-ma-địa này, cũng chẳng chấp trước vào danh tự Tam-ma-địa này, cũng chẳng nghĩ rằng: "Ta đã chính thức vào trong các Tam-ma-địa này." Cũng không nghĩ rằng: "Chỉ có ta mới có thể vào các định tối thắng này người khác không thể vào được." Các vị ấy suy nghĩ, phân biệt như vậy, do sức các định nên không khởi lên pháp nào.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Vì định khác nhau nên có các Đại Bồ-tát an trú vào các Tam-ma-địa tối thắng như vậy và đã được chư Phật trong quá khứ, hiện tại thọ ký rồi ư?

Thiện Hiện đáp:

–Không phải vậy. Vì sao? Xá-lợi Tử, nếu Bát-nhã ba-la-mật-đa hay Tam-ma-địa, hay các Bồ-tát đều không có sự sai khác, thì Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là Tam-ma-địa, Tam-ma-địa tức là các Bồ-tát. Vì sao vậy? Vì tánh của tất cả pháp đều bình đẳng.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Nếu Tam-ma-địa chẳng khác Bồ-tát, Bồ-tát chẳng khác Tam-ma-địa, Tam-ma-địa tức là Bồ-tát, Bồ-tát tức là Tam-ma-địa; vì tất cả pháp đều bình đẳng, thì các Bồ-tát có thể chỉ rõ sự chứng nhập Tam-ma-địa của mình không?

Thiện Hiện đáp:

–Không thể.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Đối với Tam-ma-địa, các Bồ-tát có tưởng và tưởng quyết định như vậy không?

Thiện Hiện đáp:

–Các Bồ-tát không khởi tưởng và tưởng quyết định, đối với Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử nói:

–Tại sao các Bồ-tát này không có tưởng và tưởng quyết định đối với chính Tam-ma-địa mình chứng được?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Vì các Bồ-tát này không có sự phân biệt.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Vì sao các vị ấy không có sự phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

–Các Bồ-tát này biết tất cả pháp và Tam-ma-địa đều không sở hữu. Ở trong không sở hữu ấy, thì không cho phép phát sinh tưởng phân biệt và tưởng quyết định.

Ngay lúc đó, Đức Thế Tôn khen ngợi Thiện Hiện rằng:

–Lành thay, lành thay, như điều ông nói! Ta tuyên bố ông là người tối thắng đệ nhất, đã trụ định Vô tránh trong chúng Thanh văn. Do đây Ta nói rõ ý nghĩa tương ưng là trong tánh bình đẳng, không có tranh cãi và chống đối vậy.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa thì nên học như vậy. Muốn học từ Niệm trụ cho đến các chi Thánh đạo thì nên học như vậy. Muốn học mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng nên học như vậy.

Khi ấy, Xá-lợi Tử liền bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, khi Đại Bồ-tát học như vậy là đã học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng phải không?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát học như thế là đang học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, dùng vô sở đắc làm phương tiện.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, khi Đại Bồ-tát học như thế, đều lấy vô sở đắc làm phương tiện, để học từ Bát-nhã ba-la-mật-đa đến mười tám pháp Phật bất cộng ư?

Phật dạy:

–Đúng như vậy, nếu khi học như vậy, Đại Bồ-tát đều lấy vô sở đắc làm phương tiện mà học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, vô sở đắc là nói về những gì chẳng thể nắm bắt được ư?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, vô sở đắc là ngã chẳng thể nắm bắt được cho đến cái thấy cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Các uẩn, xứ, giới và duyên khởi chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục, Sắc và Vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng đều chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Dự lưu cho đến Độc giác cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bồ-tát, chư Phật, Bồ-đề Niết-bàn đều chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, rốt ráo thanh tịnh nghĩa là gì?

Phật dạy:

–Nghĩa là tất cả pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không ra, không vào, vô đắc, vô vi. Như vậy gọi là nghĩa thanh tịnh rốt ráo.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử lại bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, khi các Bồ-tát học như vậy thì phải học những pháp nào?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, khi các Bồ-tát học như vậy, thì không được thấy có sự học đối với pháp. Vì sao? Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải như vậy nhưng do phàm phu ngu si chấp trước nên có sự học các pháp ấy.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, nếu nói như vậy, thì tại sao các pháp lại có?

Phật dạy:

–Các pháp như không sở hữu, như vậy mà có. Nếu đối với các pháp không sở hữu này, mà không thể thấu rõ, thì gọi là vô minh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, những pháp nào là không sở hữu, nếu không hiểu rõ thì gọi là vô minh?

Phật dạy Xá-lợi Tử:

–Sắc cho đến thức không sở hữu; cứ như vậy cho đến bốn Niệm trụ, đến mười tám pháp Phật bất cộng đều không sở hữu, do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Xá-lợi Tử, phàm phu ngu si ấy không thấu đạt đối với tất cả pháp không sở hữu như thế, nên gọi là vô minh. Người ấy, do vô minh và sức mạnh của ái; nên phân biệt và chấp trước hai bên đoạn kiến và thường kiến. Do đó không thấy, không biết tánh của các pháp là không sở hữu nên phân biệt các pháp. Do phân biệt, nên chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến chấp trước mười tám pháp Phật bất cộng. Do chấp trước, nên phân biệt tánh không sở hữu của các pháp. Do đó nên không thấy, không biết đối với các pháp.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, không thấy, không biết đối với các pháp nào?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, không thấy, không biết đối với sắc cho đến thức. Cứ như vậy cho đến bốn Niệm trụ, mười tám pháp Phật bất cộng đều không thấy, không biết. Vì không thấy, không biết đối với các pháp nên đọa vào phàm phu ngu si nhiều lần, không thể ra khỏi.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, chúng không thể ra khỏi chỗ nào?

Phật dạy:

–Đối với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, chúng không thể ra khỏi được. Vì không thể ra khỏi ba cõi, nên không thể thành tựu quả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và Phật. Giả như có người thoát khỏi ba cõi, mà không thể ra khỏi Nhị thừa là do người đó không tin, không hiểu hết giáo pháp thâm sâu.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, giáo pháp thâm sâu thế nào mà không thể tin hiểu được?

Phật dạy:

–Pháp ấy là sắc không cho đến thức không; không thể tin, hiểu hết. Cứ như vậy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều là không; không thể tin, hiểu hết được. Do không thể tin hiểu đối với pháp năng giác, sở giác là không, nên không thể trụ vào pháp cần phải học.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, pháp nào cần phải học mà người ấy không thể trụ vào?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, người kia không thể an trụ đối với Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cũng không thể trụ vào địa vị không thoái chuyển và vô lượng, vô biên pháp khác của Phật. Do đấy, nên gọi là phàm phu ngu si. Vì chấp trước các pháp có tánh, nghĩa là chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nhãn xứ đến ý xứ; sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới cho đến ý thức giới; tham, sân, si và các kiến thủ; Niệm trụ cho đến Bồ-đề Niết-bàn... đều cho là có tánh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, có Bồ-tát nào học như vậy mà chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Có, có các Bồ-tát học như vậy, nhưng chẳng học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-tát nào học như vậy mà chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà lại phân biệt, chấp trước vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đến phân biệt, chấp trước vào Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc phân biệt, chấp trước bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc phân biệt, chấp trước trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, do yếu tố này, nên các Bồ-tát tuy học như thế nhưng chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, khi các Bồ-tát này học như vậy, nếu xác định chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì không thể thành tựu trí Nhất thiết trí ư?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, khi các Bồ-tát này học như vậy thì chắc chắn không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa và không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-tát nào tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa là học đúng Bát-nhã ba-la-mật-đa và khi học như thế thì thành tựu trí Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, nếu các Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến không thấy trí Nhất thiết tướng. Như vậy Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa là học đúng Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khi học như vậy, thời thành tựu trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, các Bồ-tát này lấy pháp vô sở đắc nào làm phương tiện?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, các Bồ-tát này khi hành Bố thí ba-la-mật-đa; ngay trong khi Bố thí, dùng vô sở đắc làm phương tiện; cho đến khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; ngay khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện. Cho đến khi cầu quả Bồ-đề, trong khi hành quả Bồ-đề cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện. Cho đến khi cầu trí Nhất thiết tướng, trong khi hành trí Nhất thiết tướng cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, khi các Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy những vô sở đắc nào làm phương tiện?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Bồ-tát lấy pháp không bên trong vô sở đắc làm phương tiện; cho đến lấy pháp không không tánh tự tánh vô sở đắc làm phương tiện. Do nhân duyên đó nên mau thành tựu được trí Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, giả sử có người đến hỏi thế này: “Những kẻ do biến

hóa, nếu học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa và học Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, người đó có thể thành tựu trí Nhất thiết trí không?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con phải trả lời thế nào?

Phật bảo Thiện Hiện rằng:

–Ta hỏi lại ông đấy? Tùy ý ông trả lời. Vậy ý ông thế nào? Sắc cho đến thức cùng với kẻ do biến hóa, có gì khác nhau không? nhãn xứ cho đến ý xứ cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? sắc xứ cho đến pháp xứ cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? nhãn giới cho đến ý giới cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? sắc giới cho đến pháp giới cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? nhãn thức giới cho đến ý thức giới cùng với kẻ do biến hóa ấy có gì khác nhau không? nhãn xúc cho đến ý xúc cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cùng với kẻ do biến hóa, có gì khác nhau không? Bố thí ba-la-mật-đa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không?

Thiện Hiện thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn, chẳng có gì khác. Vì sao? Vì sắc không khác kẻ do biến hóa; kẻ do biến hóa không khác sắc. Sắc tức là kẻ do biến hóa; kẻ do biến hóa tức là sắc. Cho đến quả vị Giác ngộ cao tột cũng lại như vậy.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Các kẻ do biến hóa ấy có nhiễm tịnh không? Có sinh diệt không?

Thiện Hiện thưa:

–Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Nếu pháp không có nhiễm, tịnh; không có sinh, diệt thì pháp ấy có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết tướng và có thể thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Ở trong năm uẩn khởi lên tưởng, tưởng các loại, tưởng thi thiết, lời nói, giả danh Đại Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện trả lời:

–Bạch Thế Tôn, đúng như vậy!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Ở trong năm uẩn khởi lên tưởng các loại, tưởng thi thiết lời nói, giả lập ra pháp có sinh, diệt; có nhiễm, tịnh; có thể được không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Nếu pháp không có tưởng, không tưởng các loại, không thi thiết, không lời nói, không giả danh, không có thân cũng không có thân nghiệp, không ngôn ngữ cũng không ngữ nghiệp, không ý cũng không ý nghiệp, không sinh diệt, không nhiễm tịnh, pháp ấy có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa và thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Thiện Hiện thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu các Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì nhất định sẽ thành tựu trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Nếu các Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột phải như người do biến hóa kia, học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Nên biết kẻ do biến hóa kia tức là năm uẩn.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Nếu năm uẩn như huyễn thì có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa và thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Năm uẩn như huyễn, lấy không tánh làm tự tánh, vì không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như quán nắng, như ánh lửa, như ảnh trong gương, như biến hóa, có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa và thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Ngũ uẩn như tiếng vang cho đến như biến hóa đều lấy không tánh làm tự tánh, mà không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được.

Phật hỏi Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Năm uẩn như huyễn... tánh mỗi pháp có gì khác không?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Sắc... như huyễn tức là sắc... như mộng; cho đến sắc như biến hóa vậy. Năm uẩn, sáu căn cũng không có tánh khác. Như vậy, tất cả đều do không bên trong cho đến không không tánh tự tánh, nên tánh chẳng thể nắm bắt được.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Nếu các Bồ-tát mới học Đại thừa, nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm họ có kinh sợ khủng khiếp không?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Bồ-tát mới học Đại thừa, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu không có phương tiện thiện xảo và không có bạn lành giúp đỡ, khi nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy kinh sợ khủng khiếp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Những Bồ-tát nào tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo, mà nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm không kinh khiếp, không sợ sệt, không e ngại.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bồ-tát nào dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí; quán sắc cho đến thức là tướng vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, không, vô tướng, vô nguyện, vắng lặng, xa lìa… là chẳng thể nắm bắt được. Các Bồ-tát ấy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có phương tiện thiện xảo, nếu nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế; thì tâm chẳng kinh, chẳng ngại, chẳng sợ. Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát quán như vậy rồi, lại nghĩ thế này: "Ta phải dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì tất cả hữu tình nói năm uẩn

này là tướng vô thường cho đến xa lìa tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được.” Đấy là Bồ-tát không chấp trước Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát không vì Thanh văn, Độc giác tác ý suy nghĩ năm uẩn, là tướng vô thường cho đến xa lìa tướng thì cũng chẳng thể nắm bắt được, vì dùng vô sở đắc làm phương tiện. Đấy là Bồ-tát không chấp trước Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; quán sát địa giới cho đến thức giới, tất cả đều vô thường, khổ, không, vô ngã, không nên sân hận chỉ nên an nhẫn. Đấy là Bồ-tát không chấp trước An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa. Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, quán sát từ sắc đến thức, từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa thì cũng chẳng thể nắm bắt được; tuy dùng vô sở đắc làm phương tiện nhưng thường không xả bỏ tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, mà siêng năng tu tập tất cả thiện pháp. Đấy là Bồ-tát không chấp trước Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát không vì Thanh văn, Độc giác tác ý và tâm đang có những tâm bất thiện khác làm tán loạn, xen lẫn với tác ý thanh tịnh của Bồ-tát, thì đấy là Bồ-tát không chấp trước Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, như thật quán sát chẳng phải không sắc, mà nói sắc là không; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nhãn xứ cho đến ý xứ; sắc xứ đến pháp xứ; nhãn giới đến ý giới; sắc giới đến pháp giới; nhãn thức giới cho đến ý thức giới; nhãn xúc đến ý xúc; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng lại như thế. Đấy là Bồ-tát không chấp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, như vậy, Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo khi nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm chẳng kinh động, chẳng e ngại, chẳng khiếp sợ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Thế Tôn rằng:

–Thế nào là Bồ-tát được các bạn lành giúp đỡ, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy mà tâm chẳng kinh động, chẳng e ngại, chẳng khiếp sợ.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, bạn lành của các Bồ-tát ấy là người nào thường dùng vô sở đắc làm phương tiện, nói sắc cho đến thức, nói tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô nguyện, tướng vắng lặng, tướng xa lìa là đều chẳng thể nắm bắt được. Nói nhãn cho đến ý, nói tướng vô thường cho đến tướng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được. Nói sắc cho đến pháp, nói tướng vô thường cho đến tướng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được. Nói nhãn thức cho đến ý thức, nói tướng vô thường cho đến tướng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được. Nói nhãn xúc cho đến ý xúc; nói tướng vô thường cho đến tướng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được; và khuyên hãy nương vào đấy mà siêng năng tu tập căn lành, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, không nên hướng đến địa vị Thanh văn và Độc giác. Phải biết đấy là bạn lành của Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, bạn lành của Bồ-tát là người nào thường dùng vô sở đắc làm phương tiện để nói về sự tu tập bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đều chẳng thể nắm bắt được; hoặc nói về sự tu tập pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được; hoặc nói về sự tu mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được; hoặc nói về sự tu tập trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng đều chẳng thể nắm bắt được; rồi khuyên hãy nương vào đấy mà tu tập các căn lành để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, không nên hướng tới địa vị Thanh văn và Độc giác, phải biết đấy chính là bạn lành của Bồ-tát.

Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát được sự giúp đỡ của bạn lành, thì nghe thuyết về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy tâm chẳng ngại, chẳng kinh, chẳng sợ.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Thế nào là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo mà nghe thuyết về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế thì tâm có e ngại, kinh khiếp và sợ hãi?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu các Bồ-tát dùng hữu sở đắc làm phương tiện, xa lìa trí Nhất thiết trí tác ý tương ưng, mà tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với sự tu hành này, thấy có sở đắc, nên có sự ỷ lại. Dùng hữu sở đắc làm phương tiện, xa lìa tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, mà quán sắc cho đến thức, pháp không bên trong cho đến pháp không không

tánh tự tánh, đối với phép quán không này, thấy có sở đắc, nên có sự ỷ lại. Dùng hữu sở đắc làm phương tiện, quán nhãn cho đến ý; quán sắc cho đến pháp; quán nhãn thức cho đến ý thức; quán nhãn xúc đến ý xúc; quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, đối với phép quán không này, thấy có chứng đắc, nên có sự ỷ lại. Dùng hữu sở đắc làm phương tiện, lìa xa trí Nhất thiết trí để tác ý tương ưng, mà tu hành bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, đối với sự tu hành ấy thấy có chứng đắc, nên có sự ỷ lại.

Này Thiện Hiện, Bồ-tát như thế, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không có phương tiện thiện xảo, nên khi nghe thuyết về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì sinh tâm e ngại, khiếp sợ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa bị các bạn ác dắt dẫn, nên khi nghe thuyết về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì e ngại, kinh sợ?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bạn ác của các Bồ-tát là kẻ dạy nhàm chán, xa lìa Bát-nhã cho đến Bố thí ba-la-mật-đa và nói rằng: "Thiện nam, các ông không nên tu học pháp này. Vì sao? Sáu pháp Ba-la-mật-đa như thế, chẳng phải lời Phật nói. Những văn tụng ấy được sáng tạo một cách giả dối. Vì thế nên các ông không nên diễn thuyết cho người khác nghe, tu tập, đọc tụng, thọ trì, suy nghĩ, nghiên cứu. Phải biết đấy là bạn ác của Bồ-tát."

Lại nữa Thiện Hiện, bạn ác của các Bồ-tát là nếu không nói về việc ma, lỗi ma; nghĩa là có ác ma giả dạng Đức Phật, đến dạy Bồ-tát nhàm chán, xa lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa và nói rằng: "Thiện nam tử, cần gì tu pháp Ba-la-mật-đa này." Lại có ác ma giả dạng Đức Phật đến gặp Bồ-tát, giảng nói, chỉ bày các pháp tương ưng với Thanh văn, Độc giác cho Bồ-tát, như là Khế kinh cho đến Luận nghĩa, phân biệt rõ ràng khiến cho Bồ-tát chuyên tâm tu học.

Lại có ác ma giả dạng Đức Phật đến gặp Bồ-tát, nói thế này: "Ngươi chẳng phải Bồ-tát, ngươi không có tâm Bồ-đề nên không thể an trú vào địa vị không thoái chuyển và cũng không thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột như đã mong cầu."

Lại có ác ma giả dạng Đức Phật đến gặp Bồ-tát nói rằng: "Thiện nam,

sắc cho đến thức là không, không có ngã và ngã sở. Nhãn cho đến ý là không, không có ngã và ngã sở. Sắc cho đến pháp là không, không có ngã và ngã sở. Nhãn thức cho đến ý thức là không, không có ngã và ngã sở. Nhãn xúc cho đến ý xúc là không, không có ngã và ngã sở. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, không có ngã và ngã sở. Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, không có ngã và ngã sở. Bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng là không, không có ngã và ngã sở, thì cần gì phải chứng quả vị Giác ngộ cao tột?"

Lại có ác ma giả dạng Độc giác đến gặp Bồ-tát và nói rằng: "Thiện nam, chư Phật, Bồ-tát và hàng Thanh văn trên khắp mười phương thế giới, tất cả đều không. Đối với việc này, ngươi nên tin nhận sâu xa, chớ có tự mình siêng năng, khổ cực, cầu mong, cúng dường lắng nghe chánh pháp như rao giảng mà tu hành làm gì!"

Lại có ác ma giả dạng Thanh văn đến gặp Bồ-tát, tìm cách khiến Bồ-tát nhàm chán, xa lìa tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, mà siêng năng tu học tác ý tương ưng với Thanh văn và Độc giác.

Lại có ác ma giả dạng bậc thầy mô phạm đến gặp Bồ-tát khiến cho Bồ-tát nhàm chán cực kỳ các thắng hạnh của mình. Các thắng hạnh ấy là sáu pháp Ba-la-mật-đa và khiến cho Bồ-tát nhàm chán, xa lìa trí Nhất thiết trí; nghĩa là xa lìa quả vị Giác ngộ cao tột. Các ma chỉ dạy siêng tu bốn Niệm trụ, khiến cho họ mau chứng được quả Bồ-đề của Nhị thừa, nhàm chán xa lìa sự mong cầu quả Vô thượng thừa.

Lại có ác ma giả dạng như cha mẹ đến gặp Bồ-tát, bảo rằng: "Con ơi, con phải tinh tấn chuyên cần cầu chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, đủ để chấm dứt khổ lớn sinh tử chứ cần gì đến quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu cầu quả Bồ-đề, con phải trải qua vô lượng, vô số đại kiếp, luân hồi sinh tử để giáo hóa hữu tình, xả bỏ thân mạng, cắt bỏ tay chân, tự chuốc lấy khổ nhọc, ai biết ân con mà quả Bồ-đề con cầu chắc có được hay không được."

Lại có ác ma giả dạng Bí-sô đến gặp Bồ-tát, dùng hữu sở đắc làm phương tiện; nói sắc cho đến thức có từ tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô nguyện, tướng vắng lặng, tướng xa lìa, là chân thật có thể nắm bắt. Nói nhãn cho đến ý, có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa, là chân thật, có thể nắm bắt. Nói sắc cho đến pháp, có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa, là

chân thật, có thể nắm bắt. Nói nhãn thức cho đến ý thức, có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa; là chân thật, có thể nắm bắt. Nói nhãn xúc cho đến ý xúc, có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa; là chân thật, có thể nắm bắt. Nói các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho, đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa, là chân thật, có thể nắm bắt. Dùng hữu sở đắc làm phương tiện mà nói về bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là chân thật có thể nắm bắt, khiến cho Bồ-tát tu học. Nếu chỉ nói những việc như thế mà không vì sự mong cầu giác ngộ của Bồ-tát, thì phải biết đó là bạn ác của Bồ-tát.

Thiện Hiện, khi các Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nếu bị các bạn ác dẫn dắt thì khi nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của họ sẽ e ngại và kinh sợ. Thế nên, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với bạn ác, Bồ-tát nên xét kỹ, phương tiện tránh xa, chớ có gần gũi mà thoái mất tâm Bồ-đề, bỏ mất các hạnh của Đại Bồ-tát và không chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 486

Phẩm 3: Thiện Hiện (5)

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Gọi là Đại Bồ-tát, vậy danh từ cú nghĩa của Bồ-tát có ý nghĩa gì?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Không có cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ-tát. Vì sao? Thiện Hiện, vì Bồ-đề không sinh, Tát-đỏa chẳng có. Cú nghĩa ở trong lý chẳng thể nắm bắt được ấy, cho nên không có cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ-tát.

Thiện Hiện, ví như trong không trung, thật không có dấu chim; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cảnh trong mộng, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như trò ảo thuật, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như quán nắng, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như ảnh trong gương, tiếng vang, hình dạng biến hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng như thế, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa chân như, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như thế, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa pháp giới, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của pháp tánh, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như thế thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của sắc cho đến cú nghĩa thức của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của nhãn xứ cho đến cú nghĩa ý xứ của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của sắc xứ cho đến cú nghĩa pháp xứ của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của nhãn giới cho đến cú nghĩa ý giới của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của sắc giới cho đến cú nghĩa pháp giới của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của nhãn thức giới cho đến cú nghĩa ý thức giới của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của nhãn xúc cho đến cú nghĩa ý xúc của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến cú nghĩa các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của địa giới cho đến cú nghĩa thức giới của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của vô minh cho đến cú nghĩa lão tử của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như người huyễn hóa thực hành cú nghĩa của pháp không bên trong cho đến cú nghĩa của pháp không không tánh tự tánh, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như người huyễn hóa thực hành cú nghĩa của bốn

Niệm trụ cho đến cú nghĩa của mười tám pháp Phật bất cộng thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của sắc tướng cho đến cú nghĩa của thức tướng, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa tướng nhãn xứ cho đến cú nghĩa tướng ý xứ, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng sắc xứ cho đến cú nghĩa của tướng pháp xứ, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng nhãn giới cho đến cú nghĩa của tướng ý giới, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng sắc giới cho đến cú nghĩa của tướng pháp giới, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng nhãn thức giới cho đến cú nghĩa của tướng ý thức giới, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng nhãn xúc cho đến cú nghĩa của tướng ý xúc, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến cú nghĩa của tướng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà cú nghĩa của tướng địa giới cho đến cú nghĩa của tướng thức giới, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà cú nghĩa của vô minh cho đến cú nghĩa của lão tử, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà cú nghĩa của tướng pháp không bên trong cho đến cú nghĩa của tướng pháp không không tánh tự tánh, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hành cú nghĩa của tướng bốn Niệm trụ cho đến cú nghĩa của tướng mười tám pháp Phật bất cộng, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như trong cảnh giới vô vi, cú nghĩa của cảnh giới hữu vi thật không sở hữu. Trong cảnh giới hữu vi, cú nghĩa của cảnh giới vô vi cũng thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu. Vì sao? Thiện Hiện, ví như sắc cho đến thức, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn xứ cho đến ý xứ, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc xứ cho đến pháp xứ, từ cú nghĩa của không

sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn giới cho đến ý giới, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc giới cho đến pháp giới, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn thức giới cho đến ý thức giới, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn xúc cho đến ý xúc, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như địa giới cho đến thức giới, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như vô minh cho đến lão tử mà từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-

nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc cho đến thức rốt ráo thanh tịnh, thì cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn xứ cho đến ý xứ rốt ráo thanh tịnh, thì cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc xứ cho đến pháp xứ rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn giới cho đến ý giới rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc giới cho đến pháp giới rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn thức giới cho đến ý thức giới rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn xúc cho đến ý xúc rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến

các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cú nghĩa của các tướng, cũng thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như địa giới cho đến thức giới rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như vô minh cho đến lão tử rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của ngã cho đến cái thấy trong sự rốt ráo thanh tịnh, cũng thật không sở hữu, vì tánh là chẳng phải có. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như khi mặt trời mọc mà cú nghĩa của sự tối tăm thì thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như khi đại kiếp đã hết mà cú nghĩa của các hành thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cú nghĩa của sự phạm giới trong nhóm tịnh giới, thật không sở hữu; cú nghĩa của sự tán loạn trong nhóm tịnh định, thật không sở hữu; cú nghĩa của ngu si trong nhóm thanh tịnh trí tuệ, thật không sở hữu; cú nghĩa của sự trói buộc trong nhóm giải thoát, thật không sở hữu; cú nghĩa của sự không giải thoát tri kiến, trong nhóm giải thoát tri kiến, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa Bồ-tát cũng lại như vậy,

thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như trong các ánh quang minh của mặt trời, mặt trăng, của trời Ba mươi ba, nói rộng cho đến trời Sắc cứu cánh; cú nghĩa về ánh quang minh của Phật, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu. Vì sao? Thiện Hiện, hoặc Bồ-đề hoặc Tát-đỏa, hoặc Bồ-tát, hoặc cú nghĩa Bồ-tát; các pháp như thế đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng; nó không màu sắc, không hiểu biết, không đối đãi với một tướng nào, nên được gọi là không tướng. Ở trong tất cả pháp, các Đại Bồ-tát chẳng phải thật có, không chấp trước, không ngăn ngại nên siêng năng tu học thích ứng Chánh giác tri.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là tất cả pháp? Tại sao ở trong tất cả pháp, các Đại Bồ-tát chẳng phải thật có, không chấp trước, không ngăn ngại, nên siêng năng tu học thích ứng Chánh giác tri.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Tất cả pháp gồm pháp thiện, pháp chẳng phải thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng, pháp bất cộng. Những pháp như vậy gọi là tất cả pháp. Các Đại Bồ-tát ở trong tất cả pháp như vậy chẳng phải thật có, không chấp trước, không ngăn ngại, nên siêng năng tu học thích ứng Chánh giác tri.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Tại sao gọi là pháp thiện ở thế gian?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, thiện pháp thế gian là hiếu thuận Cha mẹ, cúng dường Sa-môn và Bà-la-môn, tôn kính phụng sự Sư trưởng, hoặc bố thí bao gồm việc phước nghiệp, hoặc giữ giới bao gồm việc phước nghiệp, hoặc cung cấp giúp đỡ người bệnh gồm cả hạnh phước nghiệp, hoặc phương tiện thiện xảo bao gồm cả hạnh phước nghiệp, hoặc mười nẻo nghiệp thiện của thế gian, hoặc tưởng thấy tử thi trương phình lên, hoặc tưởng tử thi thối rửa, hoặc tưởng tử thi bầm tím, hoặc tưởng tử thi biến ra màu đỏ bầm, hoặc tưởng tử thi bị hủy hoại, hoặc tưởng tử thi bị chim thú ăn nuốt, hoặc tưởng bị tan nát, hoặc tưởng chỉ còn đống xương, hoặc tưởng đống xương đã bị đốt cháy; hoặc bốn loại Thiền định ở thế gian; hoặc bốn tâm vô

lượng, bốn Định vô sắc. Hoặc tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm hơi thở vào, hơi thở ra, tùy niệm sự vắng lặng, tùy niệm thân, tùy niệm chết. Những pháp này gọi là thiện pháp thế gian.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi Phật:

–Tại sao gọi là pháp chẳng thiện?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, pháp chẳng thiện là giết hại sinh mạng, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc nói lời dối gạt, hoặc nói lời thô ác, hoặc nói gây chia rẽ, hoặc nói lời tạp thoại bậy bạ, hoặc tham lam, hoặc giận dữ, hoặc tà kiến, hoặc tức giận, hoặc hại, hoặc ganh, hoặc keo bẩn. Những pháp như thế gọi là pháp chẳng thiện.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tại sao gọi là pháp hữu ký?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, tất cả pháp thiện và pháp bất thiện gọi là pháp hữu ký.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao gọi là pháp vô ký?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, hoặc thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp vô ký, hoặc bốn đại chủng vô ký; hoặc năm căn vô ký; hoặc sáu xứ vô ký; hoặc vô sắc, các uẩn giới xứ vô ký; hoặc quả Dị thục vô ký. Tất cả như thế gọi là pháp vô ký.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là pháp thế gian?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, pháp thế gian là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, mười nẻo nghiệp thiện, bốn Tĩnh lự, bốn tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, mười hai duyên khởi. Tất cả những pháp như vậy gọi là pháp thế gian.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là pháp xuất thế gian?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát, hoặc vị tri căn, đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn. Hoặc Tam-ma-

địa có tầm, có tứ; hoặc Tam-ma-địa không tầm, có tứ; hoặc Tam-ma-địa không tầm, không tứ. Hoặc minh giải thoát, hoặc niệm chánh tri, hoặc như lý tác ý, hoặc tám Giải thoát, hoặc chín Định thứ đệ, hoặc pháp không bên trong, không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không bản tánh, không tự tướng, không nơi tất cả pháp, không không tánh, không không tánh tự tánh. Hoặc mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, mười tám pháp Phật bất cộng; tất cả như vậy gọi là pháp xuất thế gian.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là pháp hữu lậu?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nghĩa là thâu nhiếp hết ba cõi; hoặc thâu nhiếp năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, hoặc thâu nhiếp bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Các pháp như vậy gọi là pháp hữu lậu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là pháp vô lậu?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nghĩa là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề rộng nói cho đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng. Tất cả như vậy gọi là pháp vô lậu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là pháp hữu vi?

Phật bảo:

–Nếu pháp có sinh, trụ, dị, diệt; hoặc thuộc về ba cõi, hoặc pháp ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, rộng nói cho đến mười lực của Như Lai đến bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng. Tất cả những pháp này gọi là pháp hữu vi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là pháp vô vi?

Phật bảo Thiện Hiện rằng:

–Hoặc pháp không sinh, trụ, dị, diệt; hoặc chấm dứt tham, sân, si; hoặc chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế. Tất cả những

pháp này gọi là pháp vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là cộng pháp?

Phật dạy Thiện Hiện:

–Nghĩa là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng và bốn Định vô sắc của thế gian. Tất cả những pháp như thế gọi là cộng pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là bất cộng pháp?

Phật dạy Thiện Hiện:

–Ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát, nói rộng cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tất cả như thế gọi là bất cộng pháp. Đối với pháp, tự tướng rỗng không tất cả đều như vậy, các Đại Bồ-tát không nên chấp trước, vì tất cả pháp không có phân biệt. Đối với tất cả pháp, các Đại Bồ-tát nên dùng pháp "không hai" để làm phương tiện như thật giác tri, vì tất cả pháp không lay động. Thiện Hiện nên biết, đối với tất cả pháp không hai, không lay động, không có phân biệt, không chấp trước, đây là cú nghĩa của Bồ-tát. Vì thế nên không cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ-tát vậy.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao gọi Bồ-tát là Ma-ha-tát?

Phật bảo Thiện Hiện:

–ở trong chúng Đại hữu tình, các Bồ-tát này là bậc Thượng thủ nên gọi Bồ-tát là Ma-ha-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa với Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, vì sao gọi là chúng đại hữu tình mà Bồ-tát là bậc Thượng thủ trong đó?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, hoặc bậc Chủng tánh, hoặc bậc Đệ bát, hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc A-la-hán, hoặc Độc giác, hoặc mới phát tâm, lần lượt cho đến địa vị không thoái chuyển. Các Đại Bồ-tát như thế đều gọi là chúng đại hữu tình. Vì Bồ-tát là Thượng thủ ở trong đó, nên gọi là Ma-ha-tát. Nghĩa là các Bồ-tát đã phát tâm kiên cố như kim cang, quyết định không hủy hoại và thoái lui, vì vậy nên có thể làm Thượng thủ đối với chúng đại hữu tình.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là tâm kiên cố như kim cang?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát tâm như thế này: Ta phải mặc áo giáp công đức lớn ở giữa cánh đồng rộng lớn, mênh mông sinh tử, vì các hữu tình, phá giặc phiền não. Ta phải vì khắp tất cả hữu tình làm khô cạn biển lớn sinh tử vô biên. Ta phải xả bỏ tất cả sở hữu để vì các hữu tình mà làm lợi ích lớn. Ta phải bình đẳng đem lại lợi ích an vui cho tất cả hữu tình, tâm không phe đảng và thiên lệch. Ta phải làm cho khắp các loài hữu tình, đi theo đường Tam thừa, để đến thành Niết-bàn. Ta phải đem Tam thừa cứu độ tất cả hữu tình nhưng Ta chẳng hề thấy có một hữu tình nào đắc quả Niết-bàn. Ta phải giác ngộ rõ ràng tánh của pháp không nhiễm, không tịnh, không sinh, không diệt. Ta phải đem toàn những tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí để tu hành từ Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ta phải siêng năng học để thâm nhập vào cửa trí vi diệu, thông suốt tất cả một cách rốt ráo. Ta phải thông suốt tất cả pháp tướng môn một lý thú. Ta phải thông suốt tất cả pháp tướng môn hai lý thú. Ta phải thông suốt tất cả pháp tướng môn nhiều lý thú, không còn chỗ nào để chấp trước. Ta phải tu học các môn diệu trí, thông suốt các pháp tánh dẫn đến công đức thù thắng.

Thiện Hiện, đây chính là Bồ-tát đã phát tâm kiên cố như kim cang. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này thì chắc chắn sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khởi tâm như vầy: Tất cả các loài hữu tình trong tất cả các cảnh giới địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ và người, trời chịu các khổ não. Ta sẽ thay họ lãnh chịu đau khổ để họ được an vui. Hoặc các Đại Bồ-tát khởi tâm như vầy: Ta vì lợi ích tất cả hữu tình nên trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, chịu các thứ khổ nặng nề nơi địa ngục lớn và dùng vô số phương tiện giáo hóa khiến họ chứng được Vô dư Niết-bàn. Cứ lần lượt như thế, khắp vì lợi ích của tất cả hữu tình. Vì họ mỗi mỗi đều trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, chịu các thứ khổ nặng nề nơi địa ngục lớn nên mỗi mỗi ta đều dùng vô số phương tiện giáo hóa, khiến họ đạt được Vô dư Niết-bàn. Làm việc này là đã tự gieo trồng căn lành. Lại trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, viên mãn sự tu tập nhóm tư lương Bồ-đề, sau đó mới chứng quả vị

Giác ngộ cao tột đã mong cầu.

Thiện Hiện, thệ nguyện rộng lớn như vậy gọi là sự phát tâm kiên cố như kim cang của Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này, thì nhất định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường phát khởi tâm rộng lớn. Nhờ tâm này, nên quyết định có thể làm bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình. Tâm rộng lớn của Bồ-tát ở đây, nghĩa là các Bồ-tát sinh tâm như vầy: Ta từ khi mới phát tâm đại Bồ-đề cho đến khi đạt được trí Nhất thiết trí nhất định sẽ không khởi tâm tham dục, sân giận, ngu si, phẫn nộ, ganh ghét, tà kiến và khinh mạn... cũng nhất định không khởi tâm hướng tới mong cầu địa vị Thanh văn và Độc giác. Đây là tâm rộng lớn của Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này, thì quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng Đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường hay phát tâm không khuynh động. Nhờ phát tâm này, nên quyết định có thể làm bậc Thượng thủ trong chúng Đại hữu tình. Ở đây, thế nào là tâm không khuynh động? Nghĩa là các Bồ-tát phát tâm như vầy: Ta phải thường dựa vào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, để tu tập và phát khởi tất cả sự nghiệp mà ta đã tu, đã dựng nên mà không kiêu ngạo. Đây gọi là tâm không khuynh động của Bồ-tát. Nếu các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này, thì quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát bình đẳng phát tâm làm lợi ích an vui cho các hữu tình. Do phát tâm này, nên quyết định sẽ thường là bậc Thượng thủ trong chúng Đại hữu tình. Trong đây nói tâm lợi ích an vui của Bồ-tát; nghĩa là các Bồ-tát sinh tâm như vầy: Cho đến tận cùng đời vị lai, ta quyết định phải làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình, vì họ mà làm chỗ quay về nương tựa, làm hòn đảo, làm nhà cửa, thường không lìa bỏ họ. Đó là tâm lợi ích an vui của Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này thì quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường siêng năng tinh tấn ái pháp, nhạo pháp, hân pháp, hỷ pháp. Do yếu tố này, nên quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình. Trong đây, pháp là tất cả pháp, không có tính sai khác, đó gọi là pháp. Nói ái pháp nghĩa là có ý muốn mong cầu pháp này. Nói nhạo pháp nghĩa là ca ngợi, tán thán công đức của

pháp ấy. Nói hân pháp, nghĩa là hoan hỷ, tin nhận pháp ấy. Nói hỷ pháp, nghĩa là ưa muốn, tu tập thật nhiều đối với pháp ấy. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường ái, nhạo, hân, hỷ, pháp, không phân biệt, không chấp trước, thì quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trú pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh thì Bồ-tát ấy quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề nói rộng đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, thì Bồ-tát ấy quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng Đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ Tam-ma-địa như kim cang cho đến trụ Tam-ma-địa vô trước, vô vi, vô nhiễm giải thoát như hư không; thì Đại Bồ-tát ấy quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình. Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát an trụ những thắng pháp vi diệu này khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình. Vì thế nên gọi Bồ-tát là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, con đã dùng biện tài muốn thuyết về Bồ-tát, do nghĩa này nên gọi là Ma-ha-tát, cúi xin Ngài cho phép.

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Tùy ý ông thuyết.

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo nên có thể vì hữu tình tuyên thuyết giáo pháp, khiến họ đoạn trừ kiến chấp về ngã, kiến chấp về hữu tình, cho đến kiến chấp về cái biết, kiến chấp về cái thấy, khiến họ đoạn trừ kiến chấp thường, kiến chấp đoạn, kiến chấp hữu, kiến chấp vô, kiến chấp uẩn, xứ, giới, kiến chấp về các Thánh đế kiến và kiến chấp về duyên khởi; khiến họ đoạn trừ kiến chấp về ba mươi bảy pháp Bồ-đề, nói rộng cho đến kiến chấp về mười tám pháp Phật bất cộng, kiến chấp về việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình, kiến chấp về sự làm nghiêm tịnh

cõi Phật, kiến chấp về Bồ-tát, kiến chấp về Như Lai, kiến chấp về Bồ-đề, kiến chấp về Niết-bàn, kiến chấp về chuyển pháp luân. Vì các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì các hữu tình tuyên thuyết giáo pháp, khiến họ đoạn trừ vĩnh viễn tất cả những pháp kiến này. Dựa vào nghĩa này gọi là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Thiện Hiện bèn hỏi Cụ thọ Xá-lợi Tử rằng:

–Nếu Đại Bồ-tát thường vì hữu tình dùng vô sở đắc làm phương tiện, tuyên thuyết giáo pháp để vĩnh viễn chấm dứt các kiến chấp; thì lý do gì lại thấy có sở đắc làm phương tiện khởi lên các kiến uẩn?

Xá-lợi Tử nói:

–Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu các Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, dùng hữu sở đắc làm phương tiện khởi lên các uẩn, thì các Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo nên quyết định không thể vì hữu tình dùng vô sở đắc làm phương tiện, tuyên thuyết giáo pháp vĩnh viễn chấm dứt các kiến chấp. Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào có phương tiện thiện xảo, vì hữu tình dùng vô sở đắc làm phương tiện, tuyên thuyết giáo pháp vĩnh viễn chấm dứt các kiến chấp, thì Bồ-tát ấy quyết định không khởi lên các kiến và uẩn...

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, con đã dùng sự biện tài để nói về Bồ-tát, do nghĩa này nên gọi là Ma-ha-tát, cúi xin Ngài cho phép.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Tùy ý ông nói.

Thiện Hiện thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn, vì các Bồ-tát muốn chứng được trí Nhất thiết trí, phát tâm Bồ-đề, tâm không gì sánh bằng, tâm không cùng với Thanh văn, Độc giác... nhưng không chấp trước các tâm này. Do nghĩa như vậy, nên gọi là Ma-ha-tát. Vì sao? Vì tâm của trí Nhất thiết trí là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi. Tâm cầu trí Nhất thiết trí cũng là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi, đối với tâm này không nên chấp trước, vì thế Bồ-tát được gọi là Ma-ha-tát.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Thế nào là tâm không gì sánh bằng của Đại Bồ-tát, tâm không cùng Thanh văn, Độc giác của Đại Bồ-tát?

Thiện Hiện đáp:

–Từ khi mới phát tâm, các Đại Bồ-tát không thấy chút pháp nào có sinh, có diệt, có tăng, có giảm, có đến, có đi, có nhiễm, có tịnh. Nếu không thấy pháp có sinh, có diệt, có tăng, có giảm, có đến, có đi, có nhiễm, có tịnh, cũng không thấy có tâm Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát..., thì gọi là tâm không gì sánh bằng, tâm không cùng Thanh văn, Độc giác... của các Đại Bồ-tát. Đối với những tâm này, các Đại Bồ-tát cũng chẳng chấp trước.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Nếu Đại Bồ-tát không chấp trước những tâm như vậy, thì cũng không nên chấp trước tâm Thanh văn, Độc giác và tâm của tất cả uẩn, xứ, giới, bốn Niệm trụ, rộng nói cho đến tâm của mười tám pháp Phật bất cộng cũng không nên chấp trước. Vì sao? Vì các tâm như thế không có tâm tánh?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Nếu tất cả tâm không có tâm tánh, nên không chấp trước thì uẩn, xứ, giới... rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng không tánh nên không chấp trước ư?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu tâm của trí Nhất thiết trí là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi; thì tâm của các phàm phu ngu si, của Thanh văn và Độc giác cũng chính là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi. Vì sao? Vì bản tánh của các tâm như vậy đều là không?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu vì bản tánh của tâm này là không, là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi, thì uẩn, xứ, giới... rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chính là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi. Vì sao? Vì uẩn, xứ, giới... bản tánh chúng đều là không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu vì pháp tâm và sắc... tánh của nó là vô tâm sắc nên không được chấp trước, thì tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác. Tại sao Như Lai nói tâm sắc... có các loại khác nhau?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đó là Như Lai tùy theo thế tục mà nói, chẳng phải tùy theo thắng nghĩa.

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu pháp tâm, sắc... của các phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Phật đều là Chân vô lậu, không đọa vào ba cõi, thì các phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Phật không có sai khác ư?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu các phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Phật không sai khác thì tại sao Phật nói có phàm thánh, lớn nhỏ, khác nhau?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đây là Như Lai dựa vào thế tục mà nói, chứ không dựa vào thắng nghĩa. Xá-lợi Tử, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên không chấp trước những tâm đã khởi, như tâm Bồ-đề, tâm không gì sánh bằng, tâm không cùng với Thanh văn, Độc giác... Đối với uẩn, xứ, giới... rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều không giữ lấy, không chấp trước. Dựa vào nghĩa này mà gọi là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Cụ thọ Mãn Từ Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, con muốn dùng biện tài nói về Bồ-tát. Do ý nghĩa này mà Bồ-tát được gọi là Ma-ha-tát, cúi xin Ngài cho phép.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

–Thầy cứ nói.

Mãn Từ Tử nói:

–Vì các Bồ-tát làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức, vì hướng về quả Đại thừa, vì nương vào Đại thừa nên gọi là Ma-ha-tát.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử rằng:

–Thế nào là Đại Bồ-tát vì lợi ích an vui của tất cả hữu tình mà khoác áo giáp đại công đức?

Mãn Từ Tử đáp:

–Khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát không vì lợi ích an vui cho một nhóm hữu tình nào, mà vì lợi lạc của tất cả hữu tình. Khi tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bồ-tát cũng đều vì như vậy. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc của tất cả hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức làm lợi lạc hữu tình, không bị giới hạn, không nghĩ rằng: "Ta phải cứu vớt chừng đấy hữu tình vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn; còn một số hữu tình chẳng độ cho họ vào cảnh giới ấy. Hoặc ta phải cứu vớt chừng đấy hữu tình, khiến họ trụ vào quả vị Giác ngộ cao tột, còn một số hữu tình không độ cho họ được trụ vào quả vị ấy." Các Đại Bồ-tát luôn luôn cứu vớt tất cả hữu tình nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn và trụ vào quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, đây là Đại Bồ-tát vì lợi lạc của tất cả hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nghĩ như vầy: "Ta phải tự viên mãn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và cũng làm cho tất cả hữu tình viên mãn như thế." Lại nghĩ rằng: "Ta nương vào sáu pháp Ba-la-mật-đa tự trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; tự tu bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, rồi làm cho hữu tình cũng nương vào sáu pháp Ba-la-mật-đa, an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng tự tu bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng." Lại nghĩ rằng: "Ta nương vào sáu pháp Ba-la-mật-đa mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn, làm cho hữu tình cũng nương vào sáu pháp Ba-la-mật-đa này, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn." Xá-lợi Tử, đây là Đại Bồ-tát vì lợi lạc của tất cả hữu tình, mà mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí mà tu Bố thí ba-la-mật-đa; không xen

lẫn với tác ý của Thanh văn, Độc giác, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; trong lúc bố thí không có sự lẫn tiếc, đó là áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát không khởi tác ý Thanh văn, Độc giác, đó là áo giáp đại công đức của Tịnh giới ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát tín, nhẫn, dục, lạc, tu pháp bố thí, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát tinh tấn, dũng mãnh, không bỏ việc gia hạnh, đó là áo giáp đại công đức của sự Tinh tấn ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát nhất tâm hướng đến trí Nhất thiết trí, rốt ráo đem lại lợi lạc cho tất cả hữu tình, không xen lẫn tác ý của Thanh văn, Độc giác, đó là áo giáp đại công đức của Tĩnh lự ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát trụ vào phép quán tưởng như huyễn, không thấy người bố thí, kẻ nhận bố thí, vật bố thí và quả do bố thí, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hạnh Bố thí ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa. Khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa mà không có sự chấp giữ và chứng đắc, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí mà tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng và cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu Tịnh giới, đối với các vật sở hữu đều không lẫn tiếc, đó là áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, đối với các bậc Thanh văn và Độc giác còn chẳng mong cầu, huống gì hàng phàm phu, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, đối với pháp tịnh giới, tín, nhẫn, dục, lạc, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, tinh tấn, dũng mãnh không bỏ sự gia hạnh, đó là áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, hoàn toàn dùng tâm đại Bi là trên hết, không hề xen lẫn tác ý của Nhị thừa, huống gì tâm phàm phu, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, đối với tất cả pháp, trụ vào phép quán tưởng như huyễn, đối với tịnh giới không ỷ lại, không sở đắc, thông đạt bản tánh là không, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa như vậy, thì

mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa; khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, mà không có sự chấp giữ và chứng đắc, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, mà tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác, gìn giữ căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu An nhẫn, vì thành tựu hạnh an nhẫn, đối với thân mạng... không có sự luyến tiếc, đó là áo giáp đại công đức của sự Bố thí ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, không xen lẫn tác ý hạ liệt của Thanh văn và Độc giác, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, đối với pháp an nhẫn tín, nhẫn, dục, lạc, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, Bồ-tát tinh tấn, dũng mãnh, không bỏ việc gia hạnh, đó là áo giáp đại công đức của sự Tinh tấn ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, Bồ-tát phải nhiếp tâm vào một cảnh, dù gặp phải gian khổ nhưng tâm không hề dao động, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, Bồ-tát trụ vào phép quán như huyễn; vì đúc kết giáo pháp của Phật để thành thục chúng hữu tình; quán các pháp là không, không chấp kẻ oán hại, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa; khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí mà không có sự chấp giữ và chứng đắc đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 487

Phẩm 3: Thiện Hiện (6)

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí để tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác, dùng vô sở đắc làm phương tiện, gìn giữ căn lành này, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học hạnh khó, hành thí, đó là áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng, gìn giữ tịnh giới, quyết không hủy phạm, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học hạnh khó, hành nhẫn, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học khổ hạnh hữu ích, đó là áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học tĩnh lự đẳng chí, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng tu học trí tuệ, không chấp giữ, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa như vậy, là đã mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa; khi tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, mà đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa không có sự chấp giữ và sự chứng đắc, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí để tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác; giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu tĩnh lự, tĩnh tâm hành thí, loạn tâm và sự xan lận không còn hiện tiền, đó là áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lự, định tâm hộ giới làm cho các điều ác không còn hiện tiền, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lự, trụ

định Từ bi mà tu an nhẫn không gây phiền não cho loài hữu tình, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lự, Bồ-tát an trụ định tĩnh, siêng tu công đức, xa lìa các sự giải đãi, đó là áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lự, Bồ-tát nương vào sự tĩnh lự... dẫn phát thắng định, xa lìa tâm nhiễu loạn, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lự, Bồ-tát nương vào các sự tĩnh lự, dẫn phát thắng tuệ, xa lìa những tâm ác tuệ, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát nào, khi tu hạnh Tĩnh lự ba-la-mật-đa, dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, mà đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa không có sự chấp giữ và chứng đắc, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí để tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu Bát-nhã, dù đã bố thí tất cả nhưng Bồ-tát chẳng hề thấy có người thí, vật thí và người nhận, đó là áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã dù giữ gìn tịnh giới nhưng chẳng thấy có sự sai khác giữa giữ giới và phạm giới, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã, Bồ-tát nương vào tuệ thắng không mà tu an nhẫn, không thấy có người nhẫn và đối tượng để nhẫn, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã, dù quán các pháp rốt ráo đều là không, nhưng vì lòng đại Bi siêng tu thiện pháp, đó là áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã, dù đã tu thắng định nhưng quán các cảnh định rốt ráo đều là không, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã Bồ-tát quán tất cả pháp, tất cả hữu tình, tất cả hành đều như giấc mộng, như quáng nắng, như ảnh trong gương, như tiếng vang, như bóng nước, như sự biến hóa, như thành Tầm hương, mà tu các loại trí tuệ nhưng không chấp giữ, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát nào tác ý tướng ứng trí Nhất thiết trí khi tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà Bồ-tát ấy không chấp giữ và không có sự chứng đắc nơi tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, thì nên biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là các Đại Bồ-tát vì lợi lạc của tất cả hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát an trụ mỗi Ba-la-mật-đa đều tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, làm cho chúng được viên mãn; vì thế nên gọi là mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tuy nhập vào Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc nhưng các Đại Bồ-tát chẳng đắm vị, cũng chẳng bị thế lực của chúng dắt dẫn, cũng chẳng theo thế lực ấy mà thọ sinh.

Xá-lợi Tử, đấy là Đại Bồ-tát đã mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa và có phương tiện thiện xảo khi tu hạnh Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, đối với Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, dù đã trụ vào kiến xa lìa, kiến tịch tĩnh, kiến không, vô tướng, vô nguyện; nhưng các Đại Bồ-tát chẳng chứng thật tế, chẳng đọa vào hàng Thanh văn và bậc Độc giác mà còn vượt hơn tất cả Thanh văn và Độc giác.

Xá-lợi Tử, đấy là Đại Bồ-tát đã mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa và có phương tiện thiện xảo khi tu hạnh Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát vì làm lợi lạc cho tất cả hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức như thế, nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát vì lợi lạc hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức như thế, nên được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, ở giữa đại chúng, vui mừng khen ngợi rằng: Ở phương đó, trong thế giới đó, có Đại Bồ-tát tên... vì lợi lạc tất cả hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, dạo chơi trong các thần thông, làm việc đáng làm. Tiếng khen như vậy, lần lượt truyền khắp mười phương, trời, người nghe được đều rất vui mừng, đồng nói rằng: "Chẳng bao lâu nữa, Đại Bồ-tát này sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột như đã mong cầu và sẽ làm cho tất cả hữu tình có được lợi lạc."

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử rằng:

–Thế nào là Đại Bồ-tát vì lợi lạc các hữu tình nên hướng đến quả Đại thừa?

Mãn Từ Tử nói:

–Các Đại Bồ-tát vì lợi lạc tất cả hữu tình, đã mặc sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa. Lại vì lợi lạc tất cả hữu tình, Bồ-tát còn ly dục, ly ác, ly pháp bất thiện, nhập vào thiền thứ nhất, an trú đầy đủ hỷ lạc do ly

dục sinh, có tầm, có tứ.

Rộng nói cho đến lìa lạc, lìa khổ; diệt hết hỷ ưu đã cảm thọ trước; nhập vào thiền thứ tư, an trú hoàn toàn; không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Lại nương vào sự tĩnh lự, câu khởi tâm Từ, hành tướng rộng lớn không lường, không hai, không oán, không hại, không hận, không não tràn khắp, khéo tu thắng giải, bao trùm khắp mười phương tận hư không cùng pháp giới, mà an trú hoàn toàn với từ tâm thắng giải. Lại khởi lên tâm Bi, Hỷ, Xả với hành tướng thắng giải mỗi mỗi cũng như vậy. Lại nương vào gia hạnh này, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng; không suy nghĩ các loại tưởng; nhập vô biên không, Không vô biên xứ, an trú đầy đủ; nói rộng cho đến vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ an trú đầy đủ. Đại Bồ-tát ấy, giữ gìn Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, vì lợi ích tất cả hữu tình, các Đại Bồ-tát trước là tự an trú Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc như vậy, còn đối với các hành tướng, trạng thái: Nhập, trụ, xuất thì khéo phân biệt, biết được tự tại rồi, lại nghĩ rằng: "Nay ta nên tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu; vì đoạn trừ các phiền não của hữu tình nên giảng nói các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc; phân biệt khai thị, khiến chúng hiểu rõ các định, ái vị, lỗi lầm, xuất ly và các hành tướng, trạng thái của nhập, trụ, xuất; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này, cùng các hữu tình chung hưởng bình đẳng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột."

Xá-lợi Tử, đấy là Đại Bồ-tát y chỉ vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu hạnh Bố thí ba-la-mật-đa vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, khi nói về các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, lấy đại Bi làm đầu, không bị tâm Thanh văn và Độc giác... tạp xen vào; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này; cùng các hữu tình chung hưởng, bình đẳng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát đã y chỉ Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu hạnh Tịnh giới ba-la-mật-đa, vì lợi lạc các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào, dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, khi nói về các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, lấy đại Bi làm đầu, đối với pháp như thế: Tín, nhẫn, ưa thích, dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành, cùng các

hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu hạnh An nhẫn ba-la-mật-đa, vì lợi ích khắp các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, khi tu các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, lấy đại Bi làm đầu, đối với các căn lành siêng tu không nghỉ; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ Tĩnh lự ba-la-mật-đa, để tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dựa vào các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, hướng đến các định thù thắng như: Đẳng chí, đẳng trì, giải thoát thắng xứ, biến xứ... đối với nhập, trụ, xuất, đều được tự tại, không đọa Thanh văn và bậc Độc giác... dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ Tĩnh lự ba-la-mật-đa, để tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến quả Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, khi tu các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, lấy đại Bi làm đầu, đối với các Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc và chi của tĩnh lự, dùng hành tướng vô thường, khổ, vô ngã và hành tướng không, vô tướng, vô nguyện, như thật quán sát nhưng không xả bỏ đại Bi, không đọa Thanh văn và bậc Độc giác; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ Tĩnh lự ba-la-mật-đa, để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, khi tu Từ định lấy đại Bi làm đầu và nghĩ rằng: "Ta phải cứu giúp tất cả hữu tình, khiến họ được an vui." Khi tu Bi định, nghĩ như vầy: "Ta phải cứu vớt tất cả hữu tình, làm cho họ xa lìa khổ." Khi tu Hỷ định, Bồ-tát nghĩ như vầy: "Ta phải khuyến khích tất cả hữu tình, đều được giải thoát." Khi tu Xả định, Bồ-tát nghĩ như vầy: "Ta phải bình đẳng làm lợi ích cho tất cả hữu tình, khiến họ diệt hết các lậu; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn thiện căn này, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột." Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại

thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, lấy đại Bi làm đầu, quyết không cầu quả Thanh văn... chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột, muốn làm lợi lạc tất cả hữu tình cho đến đời vị lai. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, lấy đại Bi làm đầu, không xen lẫn tác ý Thanh văn và Độc giác, chỉ tín, nhẫn, ưa thích quả vị Giác ngộ cao tột; giữ gìn căn lành này dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, vì lợi lạc khắp các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, đều lấy đại Bi làm đầu, siêng đoạn trừ các ác, siêng tu các thiện, cầu quả Bồ-đề không hề tạm nghỉ, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, lấy đại Bi làm đầu, hướng đến các loại đẳng trì, đẳng chí, trong các định này được đại tự tại, không bị định ấy dắt dẫn, cũng không lệ thuộc thế lực đó mà thọ sinh, giữ gìn căn lành dùng vô sở đắc làm phương tiện; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc cho các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, lấy đại Bi làm đầu, dùng hành tướng vô thường, khổ, vô ngã và hành tướng không, vô tướng, vô nguyện, như thật quán sát nhưng không lìa bỏ đại Bi, không đọa Thanh văn và bậc Độc giác... giữ gìn căn lành, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì lợi lạc các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nương vào các phương tiện thiện xảo như vậy, tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa, vì lợi lạc khắp các hữu tình, nên hướng

đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tu tất cả pháp môn như: bốn Niệm trụ, ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát cho đến mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, giữ gìn căn lành, dùng vô sở đắc làm phương tiện; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu pháp không bên trong đẳng trí và chân như đẳng trí, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với tất cả pháp bình đẳng phát khởi trí chẳng phải loạn, chẳng phải định; trí chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; trí chẳng phải vui, chẳng phải khổ; trí chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; trí chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; trí chẳng phải không, chẳng phải bất không; trí chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; trí chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; trí chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; trí chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; trí chẳng phải chân thật, chẳng phải hư giả, giữ gìn căn lành, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì lợi lạc khắp các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, khởi lên diệu tri, không hành quá khứ, hiện tại vị lai, chẳng phải vì không biết pháp ba đời; không hành Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, chẳng phải vì không biết pháp trong ba cõi; không hành thiện, bất thiện và vô ký, chẳng phải vì không biết pháp của ba tánh; không hành hữu lậu, vô lậu, chẳng phải vì không biết pháp hữu lậu, vô lậu; không hành thế gian và xuất thế gian, chẳng phải vì không biết pháp thế gian và xuất thế gian; không hành hữu vi, vô vi, chẳng phải vì không biết pháp hữu vi và vô vi; giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm

phương tiện; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Xá-lợi Tử, bởi các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo như vậy, làm lợi lạc khắp các hữu tình nên hướng đến Đại thừa, cho nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, vì lợi lạc khắp các hữu tình mà hướng đến Đại thừa như vậy; các Đại Bồ-tát được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật; ở giữa đại chúng, vui mừng khen ngợi rằng: "Ở phương đó, trong thế giới nọ, có Đại Bồ-tát tên đó, vì lợi lạc khắp tất cả hữu tình hướng đến Đại thừa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, du hý thần thông, làm những việc đáng làm." Tiếng khen như vậy, lần lượt truyền khắp mười phương trời, người nghe được đều rất vui mừng, đồng nói rằng: "Chẳng bao lâu nữa, Đại Bồ-tát này sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột như đã mong cầu, làm cho tất cả hữu tình đều được lợi lạc."

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Mãn Từ Tử rằng:

–Thế nào là Đại Bồ-tát vì lợi lạc các hữu tình mà tu tập bằng pháp Đại thừa?

Mãn Từ Tử nói:

–Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tuy tu hành Bố thí ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng được thấy Bồ-tát, người nhận, vật bố thí và pháp bị ngăn. Tuy tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Tịnh giới ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát và người phạm giới cùng pháp bị ngăn. Tuy tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc An nhẫn ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát, cảnh bị nhẫn và pháp đã ngăn. Tuy tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Tinh tấn ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát, kẻ giải đãi và pháp bị ngăn. Tuy tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát, kẻ tán loạn và pháp ngăn che cảnh định. Tuy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát, người ngu si và pháp ngăn cảnh trí tuệ. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc các hữu tình nên tu tập bằng pháp Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí,

lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Vì tu hành lâu dài nên tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát cho đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc các hữu tình nên tu tập bằng pháp Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện; như thật quán sát các Đại Bồ-tát chỉ là giả danh, Bồ-đề Tát-đỏa tự tánh là không vì chẳng thể nắm bắt được. Sắc cho đến thức chỉ có giả danh; tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến thật tế chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Bồ-đề, Phật-đà chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc khắp các hữu tình nên tu tập bằng pháp Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm đến khi chứng được trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường tu viên mãn thần thông của Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, ở chỗ chư Phật lãnh thọ chánh pháp, chánh pháp ấy gọi là diệu pháp tương ưng Đại thừa; cũng chính là giáo pháp quan trọng mà Bồ-tát đã học.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này tuy tu hành Đại thừa, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, lãnh thọ chánh pháp của các Đức Phật, nhưng tâm hoàn toàn không tưởng cõi Phật khác.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này trụ địa vị Bất nhị, quán các hữu tình, đáng

dùng thân nào mà độ được họ, liền hiện thân ấy.

Xá-lợi Tử cho đến khi chứng được trí Nhất thiết trí, Đại Bồ-tát này dù sinh chỗ nào thường không xa lìa chánh pháp Đại thừa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này chẳng bao lâu sẽ chứng được trí Nhất thiết trí, vì trời, người chuyển bánh xe chánh pháp. Bánh xe pháp này Thanh văn, Độc giác, chư Trời, Ma, Phạm, A-tố-lạc... không thể chuyển được.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát vì lợi lạc khắp các hữu tình nên tu tập theo pháp Đại thừa cho nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, vì lợi lạc khắp các hữu tình mà hướng đến Đại thừa như thế, nên Đại Bồ-tát được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật; ở giữa đại chúng vui mừng, khen ngợi rằng: "Ở phương đó, trong thế giới đó, có Đại Bồ-tát tên đó vì lợi lạc khắp tất cả hữu tình mà tu tập theo pháp Đại thừa. Chẳng bao lâu, vị ấy sẽ chứng trí Nhất thiết trí, vì trời, người... chuyển bánh xe chánh pháp. Bánh xe pháp ấy ở thế gian, hàng Thanh văn không thể chuyển được." Tiếng khen như vậy lần lượt truyền khắp mười phương. Trời, người nghe được đều rất vui mừng, đồng nói rằng: Chẳng bao lâu, Đại Bồ-tát này sẽ chứng được trí Nhất thiết trí chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn dạy, các Đại Bồ-tát mặc giáp Đại thừa. Như vậy, trong trường hợp nào thì nói các Đại Bồ-tát mặc giáp Đại thừa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp Bố thí ba-la-mật-đa cho đến áo giáp Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp bốn Niệm trụ cho đến áo giáp tám chi Thánh đạo, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào mặc áo giáp pháp không bên trong cho đến áo giáp pháp không không tánh tự tánh, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp chân như cho đến áo giáp thật tế: Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp mười lực của Như Lai cho đến áo giáp mười tám pháp Phật bất cộng thì Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng: Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể tự biến thân, như hình dạng Phật, phóng đại

quang minh, chiếu khắp thế giới ba lần ngàn cho đến mười phương hằng hà sa thế giới của chư Phật, cùng các hữu tình làm nhiều lợi ích thì Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào mặc áo giáp các công đức như vậy, phóng đại quang minh chiếu khắp thế giới ba lần ngàn cho đến mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, cũng làm cho các thế giới biến động theo sáu cách, làm nhiều lợi ích cùng các hữu tình; nghĩa là diệt lửa dữ trong tất cả địa ngục, khiến cho hữu tình chấm dứt các khổ. Bồ-tát biết họ hết khổ rồi, hóa ra âm thanh quy y Phật to lớn, khiến họ kính lễ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, làm cho cảnh giới địa ngục kia nghe được tiếng ấy của Phật, thân tâm họ đều được an ổn, vui vẻ. Ra khỏi địa ngục, sinh vào cõi trời, người; phụng sự chư Phật Bồ-tát trong thế giới ấy, cũng khiến cho tất cả các loài bàng sinh, ngạ quỷ nghe tiếng Phật rồi, thâm tâm an vui. Từ cõi thú, chết được sinh vào trời, người, phụng sự chư Phật, Bồ-tát trong thế giới ấy. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc học trò người ấy; ở một ngã tư đường, trước mặt công chúng; hóa ra cảnh giới địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ; rồi lại khen ngợi Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, làm cho ba ác thú nghe rồi thâm tâm an lạc. Từ cõi thú kia, chết được sinh vào trời, người. Ý ông thế nào? Việc huyễn hóa ấy là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải thật.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như thế. Tuy làm cho các hữu tình trong vô biên, vô số thế giới thoát ba ác thú, nhưng không thấy có hữu tình được giải thoát. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa; biến hóa thế giới ba lần ngàn giống như phệ-lưu-ly; tự thân hóa làm Chuyển luân thánh vương; quyến thuộc hoàn toàn được đầy đủ bảy báu. Đối với các loài hữu tình, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần y phục cho y phục, cần xe cho xe, cần các vật dụng khác đều thí cho. Bố thí như vậy rồi, tùy theo sự thích nghi của họ mà thuyết giảng pháp tương ưng như Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; khiến cho họ nghe rồi, thường không lìa bỏ pháp Ba-la-mật-đa tương ưng cho đến khi đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Thiện

Hiện, đó là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy, ở ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa làm các loài hữu tình nghèo cùng; tùy ý họ, cần gì đều hóa ra để bố thí. Ý ông thế nào? Việc huyễn này là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Có thể mặc áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc hóa ra thế giới như phệ-lưu-ly; hoặc hóa tự thân ngự ngôi vị Luân vương, tùy theo hữu tình cần gì thì ban cho thứ ấy; rồi vì họ mà thuyết giảng pháp Ba-la-mật-đa tương ưng. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng không có gì là thật cả. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn cả.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa. Vì hữu tình nên sinh vào nhà Luân vương, nối ngôi Luân vương giàu sang tự tại; an lập vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng nơi mười nẻo nghiệp thiện, hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, rồi cũng vì họ mà thuyết giảng pháp công đức tương ưng như vậy, khiến cho họ an trú, thường không lìa bỏ cho đến khi đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy; ở giữa ngã tư đường, trước mắt mọi người, hóa ra vô lượng trăm ngàn hữu tình, làm cho họ an trú mười nẻo nghiệp thiện, rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Ý ông thế nào? Việc huyễn này là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Vì hữu tình nên sinh vào nhà Luân vương, nối ngôi Luân vương giàu sang tự tại; an lập vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng nơi mười nẻo nghiệp thiện; nói rộng cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn cả.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tự mặc áo giáp đại công đức An

nhẫn ba-la-mật-đa, rồi khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa và khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm đến khi chứng trí Nhất thiết trí, mặc áo giáp an nhẫn, thường nghĩ rằng: "Giả sử tất cả loài hữu tình đều cầm dụng cụ độc ác như dao, gậy... đến gây hại mình. Ta quyết không khởi lên một niệm giận hờn nào, mà còn khuyến các hữu tình cùng tu an nhẫn này." Thiện Hiện, những điều mà Đại Bồ-tát này nghĩ đều được thành tựu cho đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thường chẳng lìa bỏ an nhẫn này và cũng khiến cho các hữu tình cùng tu an nhẫn như vậy. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy; ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người; hóa ra các loài hữu tình, hoặc cầm dụng cụ ác tàn hại lẫn nhau; hoặc có khuyên nhau cùng tu pháp an nhẫn. Ý ông thế nào? Việc huyễn như vậy có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải thật!

Phật dạy:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Tự mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; rồi khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh và tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tự mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, hướng đến tinh tấn thân tâm bằng nhiều cách, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, cũng hướng đến tinh tấn thân tâm bằng nhiều cách.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa. Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy, ở ngay ngã tư đường trước mặt mọi người, hóa ra các loài hữu tình, tự tu, tinh tấn và khuyên người khác cũng tu tinh tấn. Ý ông thế nào? Việc huyễn này có thật không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự tu tinh tấn, rồi khuyên hữu tình cùng tu tinh tấn; như vậy Bồ-tát tuy có hành động, nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn cả.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tự mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào trụ trong tánh bình đẳng của tất cả pháp; không thấy các pháp có định, có loạn; thường tu tập Tĩnh lự ba-la-mật-đa như vậy; cùng khuyên hữu tình tu tập tĩnh lự và bình đẳng này; cho đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột cũng không lìa bỏ tu bình đẳng và tĩnh lự này. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy; ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người; hóa ra các loài hữu tình, tự tu các pháp tĩnh lự, bình đẳng; cũng khuyên chúng tu tĩnh lự ấy. Ý ông thế nào? Việc huyễn này là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng thật.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Trụ trong tánh bình đẳng của tất cả pháp; cũng khuyên hữu tình tu định này; như vậy, Bồ-tát tuy có hành động, nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh và tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tự mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng

mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào trụ nơi không hý luận của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chẳng chứng bờ này, bờ kia và sự nhiễm tịnh, sai khác của các pháp; cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình an trụ trí tuệ vô hý luận như vậy. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy, ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa ra các loài hữu tình, rồi khiến cho họ trụ vào trí tuệ không hý luận; rồi cùng khiến họ khuyên người khác trụ trí tuệ như vậy. Ý ông thế nào? Việc huyễn hóa này là có thật không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Tự bản thân có thể an trụ trí tuệ không hý luận, cùng khuyên hữu tình trụ vào tuệ này; như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh và tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp các công đức như trên đã nói; quán sát tất cả hữu tình trong mười phương hằng hà sa thế giới của chư Phật; nếu các hữu tình lãnh thọ tà pháp, hành các ác hạnh, thì Đại Bồ-tát này dùng sức thần thông tự biến thân mình hiện khắp các thế giới chư Phật ấy; tùy theo hữu tình muốn gì, liền thị hiện, để hành Bố thí ba-la-mật-đa, cũng khuyên người khác hành Bố thí ba-la-mật-đa. Cứ như vậy cho đến tự hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, rồi cùng khuyên người khác hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Làm việc này rồi, tùy theo âm thanh của chúng mà nói pháp tương ưng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, khiến chúng nghe rồi, đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột cũng không lìa bỏ diệu pháp này. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy, ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa ra các loài hữu tình, khiến họ tự an trú Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; rồi cũng khiến người khác trú vào Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ý ông thế nào? Việc huyễn hóa này là có thật không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải thật.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Ở khắp mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, các Bồ-tát tự thị hiện thân, tùy theo sự thích nghi mà an trụ bố thí... Sáu pháp Ba-la-mật-đa thường chẳng lìa bỏ. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp các công đức như trên đã nói, dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, làm lợi ích an vui tất cả hữu tình, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và bậc Độc giác. Đại Bồ-tát chẳng được nghĩ rằng: "Ta nên an lập một số hữu tình, khiến họ trụ vào Bố thí ba-la-mật-đa; còn một số hữu tình, không nên an lập, để trụ vào Bố thí ba-la-mật-đa." Chỉ được nghĩ rằng: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến họ trụ vào Bố thí ba-la-mật-đa." Cứ như vậy cho đến không nghĩ rằng: "Ta nên an lập một số hữu tình, khiến họ trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa; còn một số hữu tình, không nên an lập để họ trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa." Chỉ nghĩ rằng: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa." Không nên nghĩ rằng: "Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ vào pháp không bên trong, còn một số hữu tình chẳng nên an lập để họ trụ vào pháp không bên trong." Chỉ nghĩ rằng: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ pháp không bên trong." Cứ như vậy cho đến không nên nghĩ rằng: "Ta nên an lập một số hữu tình khiến họ trụ vào pháp không không tánh tự tánh; còn một số hữu tình không nên an lập để họ trụ vào pháp không không tánh tự tánh." Chỉ được nghĩ rằng: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ vào pháp không không tánh tự tánh." Không nên nghĩ: "Ta chỉ an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ vào ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề; còn một số hữu tình không nên an lập để họ trụ vào ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề." Chỉ nghĩ rằng: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề. Chẳng được nghĩ rằng: "Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ ba pháp môn giải thoát, còn một số hữu tình không nên an lập để họ trụ vào ba pháp môn giải thoát." Chỉ nghĩ rằng: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ ba pháp môn giải thoát, nói rộng cho đến không nghĩ rằng: "Ta

nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; còn một số hữu tình, không nên an lập khiến chúng trụ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng." Chỉ nghĩ rằng: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ vào mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Không được nghĩ rằng: "Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, còn một số hữu tình, thì không an lập chúng không khiến chúng trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề." Chỉ được nghĩ: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề." Không nghĩ rằng: "Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ quả vị Giác ngộ cao tột, còn một số hữu tình, không nên an lập khiến chúng trụ quả vị Giác ngộ cao tột." Chỉ được nghĩ rằng: "Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ vào quả vị Giác ngộ cao tột."

Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát mặc giáp Đại thừa. Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy, ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa ra vô số, vô lượng hữu tình khiến chúng trụ sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến quả vị Giác ngộ cao tột. Ý ông thế nào? Việc huyễn hóa ấy là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng thật.

Phật dạy:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Dùng trí Nhất thiết trí để tác ý tương ưng, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện; an lập vô số, vô lượng hữu tình, khiến chúng trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến quả vị Giác ngộ cao tột. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động, nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh và tướng các pháp đều như huyễn.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 488

Phẩm 3: Thiện Hiện (7)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, theo con hiểu, nghĩa của Ngài đã dạy, các Đại Bồ-tát không mặc áo giáp công đức, thì phải biết đó là mặc áo giáp Đại thừa. Vì tất cả pháp, tự tướng nó là không. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì sắc, tướng của sắc là không; cho đến thức và tướng của thức là không; nhãn xứ và tướng của nhãn xứ là không; cho đến ý xứ, tướng ý xứ là không. Sắc xứ và tướng sắc xứ là không; cho đến pháp xứ, tướng pháp xứ là không. Nhãn giới, tướng của nhãn giới là không; cho đến ý giới, tướng của ý giới là không. Sắc giới và tướng của sắc giới là không; cho đến pháp giới và tướng của pháp giới là không. Nhãn thức giới và tướng của nhãn thức giới là không; cho đến ý thức giới và tướng của ý thức giới là không. Nhãn xúc và tướng của nhãn xúc là không; cho đến ý xúc và tướng của ý xúc là không. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tướng của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều là không. Bố thí ba-la-mật-đa và tướng Bố thí ba-la-mật-đa là không; cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa là không. Pháp không bên trong, tướng pháp không bên trong là không; cho đến pháp không không tánh tự tánh và tướng của pháp không không tánh tự tánh là không. Bốn Niệm trụ và tướng bốn Niệm trụ là không; cho đến tám chi Thánh đạo và tướng của tám chi Thánh đạo là không là không. Như vậy cho đến mười lực của Như Lai và tướng mười lực của Như Lai là không; cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tướng của mười tám pháp Phật bất cộng cũng là không. Đại Bồ-tát và tướng của Đại Bồ-tát là không. Mặc áo giáp của đại công đức đều là không. Bạch Thế Tôn, do yếu tố này, nên các Đại Bồ-tát không mặc áo giáp đại công đức tức là mặc áo giáp đại công thừa vậy.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như những điều ông đã nói! Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí không tạo, không tác. Tất cả hữu tình cũng không tạo, không tác. Các phiền não kia không tạo, không tác. Các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, vì duyên gì mà trí Nhất thiết trí không tạo, không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo không tác, các phiền não kia cũng không tạo không tác, các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa.

Phật dạy Thiện Hiện:

–Vì các tạo tác ấy là chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết trí không tạo, không tác, các phiền não kia cũng không tạo không tác. Vì sao? Thiện Hiện, sắc cho đến thức chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc cho đến thức rốt ráo vẫn là chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn xứ cho đến ý xứ rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc xứ cho đến pháp xứ rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn giới cho đến ý giới rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc giới cho đến pháp giới rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn thức giới cho đến ý thức giới rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn xúc cho đến ý xúc rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Ngã cho đến cái thấy, chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Mộng, huyễn hóa, tiếng vang, quáng nắng, ảnh trong gương, như sự biến hóa, thành Tầm hương… chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác,

chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì mộng cho đến thành Tầm hương rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Nói rộng cho đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng rốt ráo vẫn là chẳng thể nắm bắt được. Chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì chân như cho đến thật tế rốt ráo cũng đều chẳng thể nắm bắt được. Các Đại Bồ-tát chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện, do yếu tố này nên trí Nhất thiết trí không tạo không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo, không tác, các phiền não kia cũng không tạo, không tác. Các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa. Thiện Hiện, do nghĩa này nên các Đại Bồ-tát không mặc áo giáp công đức cũng phải biết đó là mặc áo giáp Đại thừa.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, như con hiểu nghĩa lời Phật nói, thì sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Khi ấy Mãn Từ Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Tôn giả nói sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở ư?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Mãn Từ Tử hỏi:

–Những sắc cho đến thức nào không trói buộc, không cởi mở?

Thiện Hiện đáp:

–Như mộng cho đến thành Tầm hương, sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức như vậy là không sở hữu, là xa lìa, là vắng lặng, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh nên không trói buộc và không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, trong quá khứ sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Trong vị lai, sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Trong hiện tại, sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức như thế là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc và không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là thiện, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là bất thiện, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là vô ký, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc và không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là có tội, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là không tội, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là hữu lậu, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là vô lậu, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là thế gian, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là xuất thế gian, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa,

là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là tạp nhiễm, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là thanh tịnh, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, tất cả pháp cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả pháp là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa… là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả pháp không bên trong… là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả bốn Niệm trụ… là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không… là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, như vậy cho đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả mười lực của Phật… là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các trí này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, tất cả hạnh của Đại Bồ-tát không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các hạnh của Đại Bồ-tát là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân như… là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử, đối với pháp môn vi diệu, không trói buộc, không cởi mở này, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên như thật biết.

Mãn Từ Tử, đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết tướng không trói buộc, không cởi mở như vậy, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện và siêng năng tu học.

Mãn Từ Tử, đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết tướng, không trói buộc, không cởi mở này, các Đại Bồ-tát phải chánh an

trụ.

Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện nên đem lại sự thành tựu cho hữu tình nhưng không trói buộc, không cởi mở; nên làm nghiêm tịnh cõi Phật nhưng không trói buộc, không cởi mở; nên thân cận cúng dường chư Phật nhưng không trói buộc, không cởi mở; nên ghi nhận pháp môn nhưng không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát này thường không xa lìa chư Phật nhưng không trói buộc, không cởi mở; thường không xa lìa thần thông nhưng không trói buộc, không cởi mở; thường không xa lìa năm loại mắt nhưng không trói buộc, không cởi mở; thường không xa lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni nhưng không trói buộc, không cởi mở; thường không xa lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa nhưng không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát này nhất định sẽ khởi lên trí Đạo tướng nhưng không trói buộc, không cởi mở; nhất định sẽ chứng trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng nhưng không trói buộc, không cởi mở; nhất định sẽ chuyển pháp luân nhưng không trói buộc, không cởi mở; nhất định sẽ dùng pháp yếu Tam thừa nhưng không trói buộc, không cởi mở; an lập các loài hữu tình nhưng không trói buộc, không cởi mở; khiến chúng chứng Niết-bàn cứu cánh nhưng cũng không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát nào tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa mà không trói buộc, không cởi mở thì có thể chứng tất cả pháp tánh cũng không trói buộc, không cởi mở, vì tất cả đều là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở. Mãn Từ Tử, nên biết Đại Bồ-tát ấy được gọi là người mặc áo giáp Đại thừa không trói buộc, không cởi mở. Đại Bồ-tát ấy mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, có thể làm lợi ích an vui cho các hữu tình cho đến đời vị lai.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, những gì gọi là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát? Như thế nào để các Đại Bồ-tát hướng đến Đại thừa? Đại thừa này, từ chỗ nào ra, đến trụ nơi nào? Đại thừa này an trụ chỗ nào? Ai đi bằng Đại thừa này để xa lìa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Câu hỏi trước tiên của ông: "Những gì gọi là tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát", Thiện Hiện nên biết, sáu pháp Ba-la-mật-đa là tướng Đại thừa

của Đại Bồ-tát. Sáu pháp đó là gì? Một là Bố thí ba-la-mật-đa. Hai là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Ba là An nhẫn ba-la-mật-đa. Bốn là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Năm là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Sáu là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thế nào gọi là Bố thí ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự xả tất cả sở hữu trong và ngoài, cũng khuyên người khác xả các vật trong và ngoài, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Đó là Bố thí ba-la-mật-đa.

Thế nào là Tịnh giới ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự thọ trì mười nẻo nghiệp thiện, cũng khuyên người thọ trì mười nẻo nghiệp thiện, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Đó là Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Thế nào là An nhẫn ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự đầy đủ an nhẫn tăng thượng, cũng khuyên người khác đủ an nhẫn tăng thượng; giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Đó là An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thế nào là Tinh tấn ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, đối với năm pháp Ba-la-mật-đa siêng tu không xả bỏ, cũng khuyên người khác siêng tu chẳng bỏ năm pháp Ba-la-mật-đa, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Đó là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thế nào là Tĩnh lự ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự dùng phương tiện thiện xảo nhập vào các Tĩnh lự, không tùy theo thế lực của các định kia mà thọ sinh, cũng khuyên người khác dùng phương tiện thiện xảo nhập vào các Tĩnh lự, không theo thế lực của định kia mà thọ sinh, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Đó là Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

–Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự như thật quán sát tất cả

pháp tánh. Không chấp giữ các pháp tánh, cũng khuyên người khác như thật quán sát tất cả pháp tánh, không chấp giữ các pháp tánh, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát ấy là những gì gọi là pháp không bên trong, không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không bản tánh, không tự tướng, không nơi tất cả pháp, không không tánh, không không tánh tự tánh.

Thế nào là không bên trong? Bên trong là pháp bên trong; tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; nên biết trong đấy, mắt do mắt không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Cứ như thế cho đến, ý do ý không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Đó là không bên trong.

Thế nào là không bên ngoài? Bên ngoài là pháp bên ngoài; tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; Nên biết trong đấy, sắc do sắc không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Cứ như thế cho đến, pháp do pháp không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Đó là không bên ngoài.

Thế nào là không cả trong ngoài? Bên trong, bên ngoài là pháp bên trong lẫn bên ngoài; tức là sáu xứ bên trong và sáu xứ bên ngoài; nên biết trong đấy, pháp bên trong do pháp bên ngoài không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Nghĩa là đối với sáu xứ bên trong do sáu xứ bên ngoài không. Pháp bên ngoài do pháp bên trong không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy, nghĩa là đối với sáu xứ bên ngoài do sáu xứ bên trong không. Đó là không cả trong ngoài.

Thế nào là đại không? Đại là mười phương. Trong đây, nên biết phương Đông do phương Đông không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Cứ như thế cho đến hạ phương do hạ phương không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là đại không.

Thế nào là không không? Không trong đấy là tất cả pháp không. Không đây lại do không không nên không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không không.

Thế nào là không thắng nghĩa? Trong đấy, thắng nghĩa tức là Niết-bàn; nên biết Niết-bàn do Niết-bàn không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không thắng nghĩa.

Thế nào là không hữu vi? Trong đấy, hữu vi tức là ba cõi; nên biết cõi Dục do cõi Dục không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Cõi Sắc và cõi Vô sắc do cõi Sắc và Vô sắc không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không hữu vi.

Thế nào là không vô vi? Vô vi là pháp không sinh, không biến đổi, không diệt. Nên biết vô vi do vô vi không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không vô vi.

Thế nào là không rốt ráo? Rốt ráo nghĩa là pháp rốt ráo chẳng thể nắm bắt được. Nên biết rốt ráo do rốt ráo không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không rốt ráo.

Thế nào là không không biên giới? Không biên giới là không có khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng sau có thể nắm bắt được. Pháp nào không có khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng sau có thể nắm bắt được thì pháp ấy không có chỗ đến, cũng không có chỗ đi. Nên biết không biên giới do không biên giới là không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không không biên giới.

Thế nào là không không tản mạn? Tản mạn nghĩa là các pháp có phóng, có bỏ, có xả, có thể nắm bắt được. Pháp nào không phóng, bỏ, xả, có thể nắm bắt được thì gọi là không tản mạn. Trong đấy không tản mạn do không tản mạn là không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không không tản mạn.

Thế nào là bản tánh không? Bản tánh là tất cả pháp, hoặc tánh hữu vi hoặc tánh vô vi. Bản tánh này chẳng phải do Thanh văn làm, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Bồ-tát tạo ra, chẳng phải chư Phật tạo ra, cũng chẳng phải do ai khác tạo ra, mà tánh của nó là như vậy, nên gọi là bản tánh. Nên biết bản tánh do bản tánh là không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là bản tánh không.

Thế nào là tướng không? Tướng là tướng chung và tướng riêng của các pháp. Trong đấy, nên biết tướng do tướng không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là tướng không.

Thế nào là không nơi tất cả pháp? Tất cả pháp là sắc cho đến thức; nhãn đến ý; sắc đến pháp; nhãn thức cho đến ý thức; nhãn xúc cho đến ý

xúc; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi gọi là tất cả pháp. Trong đấy, tất cả pháp do tất cả pháp là không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không nơi tất cả pháp.

–Thế nào là không không tánh? Trong đấy, không tánh là không có chút tánh nào có thể nắm bắt được. Nên biết, không tánh do không tánh là không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không không tánh.

–Thế nào là không không tánh tự tánh? Không tánh tự tánh là trong tất cả pháp không pháp nào có thể hòa hợp, nếu tánh có chỗ hòa hợp, là vì tự tánh các duyên mà sinh. Nên biết, không tánh tự tánh do không tánh tự tánh là không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu tánh do hữu tánh không. Vô tánh do vô tánh không. Tự tánh do tự tánh không. Tha tánh do tha tánh không.

Thế nào là hữu tánh do hữu tánh không? Hữu tánh là pháp hữu vi, tức là năm uẩn. Như vậy, hữu tánh do hữu tánh không, vì sắc… năm uẩn là chẳng thể nắm bắt được, vì tánh không sinh.

Thế nào là vô tánh do vô tánh không? Vô tánh là pháp vô vi. Trong đấy, pháp vô vi do pháp vô vi không, tức là không tánh do không tánh không.

Thế nào là tự tánh do tự tánh không? Nghĩa là tự tánh của tất cả các pháp đều là không không. Ở đây, chẳng phải do trí tạo ra, chẳng phải do kiến tạo ra, cũng chẳng phải do pháp nào khác làm ra; nên nói tự tánh do tự tánh không.

–Thế nào là tha tánh do tha tánh không? Nghĩa là tất cả pháp, dù Như Lai ra đời hoặc không ra đời, thì pháp trụ, pháp định, pháp giới, chân như, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, thật tế, pháp vẫn là như vậy; bởi tha tánh không nên nói tha tánh do tha tánh không.

Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của ác Đại Bồ-tát là Kiện hành Tam-ma-địa, Bảo ấn Tam-ma-địa, Sư tử du hý Tam-ma-địa, Diệu nguyệt Tam-ma-địa, Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa, Nhất thiết pháp dũng Tam-ma-địa, Quán đỉnh Tam-ma-địa, pháp giới quyết định Tam-ma-địa, Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa, Kim cang dụ Tam-ma-địa, Nhập

pháp ấn Tam-ma-địa, Đẳng trì vương Tam-ma-địa, Thiện an lập Tam-ma-địa, Phóng quang Tam-ma-địa, Lực chúng Tam-ma-địa, Đẳng dũng Tam-ma-địa, Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa, Đẳng nhập tăng ngữ Tam-ma-địa, Quán phương Tam-ma-địa, Trì ấn Tam-ma-địa, Vô vong thất Tam-ma-địa, Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa, Biến phú hư không Tam-ma-địa, Kim cang luân Tam-ma-địa, Vô lượng quang Tam-ma-địa, Vô trước vô chướng Tam-ma-địa, Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa, Xả bảo Tam-ma-địa, Biến chiếu Tam-ma-địa, Bất tuân Tam-ma-địa, Vô tướng trụ Tam-ma-địa, Bất tư duy Tam-ma-địa, Vô cấu đăng Tam-ma-địa, Vô biên quang Tam-ma-địa, Phát quang Tam-ma-địa, Phổ chiếu Tam-ma-địa, Tịnh kiên Tam-ma-địa, Vô cấu quang Tam-ma-địa, Phát diệu lạc Tam-ma-địa, Điển đăng Tam-ma-địa, Vô tận Tam-ma-địa, Cụ oai quang Tam-ma-địa, Ly tận Tam-ma-địa, Tịnh nguyệt Tam-ma-địa, Tịnh quang Tam-ma-địa, Vô động Tam-ma-địa, Phát minh Tam-ma-địa, Ưng tác bất ưng tác Tam-ma-địa, Trí tràng tướng Tam-ma-địa, Kim cang man Tam-ma-địa, Trụ tâm Tam-ma-địa, Phổ minh Tam-ma-địa, Thiên trụ Tam-ma-địa, Bửu tích Tam-ma-địa, Diệu pháp ấn Tam-ma-địa, Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa, Xả ái lạc Tam-ma-địa, Pháp dũng mãn Tam-ma-địa, Phiêu tán Tam-ma-địa, Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa, Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa, Ly văn tự tướng Tam-ma-địa, Đoạn sở duyên Tam-ma-địa, Vô biến dị Tam-ma-địa, Tam-ma-địa, Vô phẩm loại Tam-ma-địa, Nhập danh tướng Tam-ma-địa, Vô tướng hành Tam-ma-địa, Ly ế ám Tam-ma-địa, Cụ hành Tam-ma-địa, Bất biến động Tam-ma-địa, Độ cảnh giới Tam-ma-địa, Ly tập chúng đức Tam-ma-địa, Quyết định trụ Tam-ma-địa, Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa, Cụ giác chi Tam-ma-địa, Vô biên biện Tam-ma-địa, Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa, Phổ siêu nhất thiết Tam-ma-địa, Quyết phán nhất thiết Tam-ma-địa, Tán do dự Tam-ma-địa, Vô sở trụ Tam-ma-địa, Nhất tướng trang nghiêm Tam-ma-địa, Dần phát hành tướng Tam-ma-địa, Nhất hành tướng Tam-ma-địa, Ly hành tướng Tam-ma-địa, Diệu hành tướng Tam-ma-địa, Đạt chư hữu để tán hoại Tam-ma-địa, Bảo kiên cố Tam-ma-địa, Giải thoát âm thanh văn tự Tam-ma-địa, Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam-ma-địa, Cự xí nhiên Tam-ma-địa, Nghiêm tịnh tướng Tam-ma-địa, Vô tiêu xí Tam-ma-địa, Cụ diệu tướng Tam-ma-địa, Bất ỷ nhất thiết khổ lạc Tam-ma-địa, Vô tận hành tướng Tam-ma-địa,

Cụ tổng trì Tam-ma-địa, Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam-ma-địa, Tức vi thuận Tam-ma-địa, Ly ái tắng Tam-ma-địa, Vô cấu minh Tam-ma-địa, Cụ kiên cố Tam-ma-địa, mãn nguyệt tịnh quang Tam-ma-địa, Đại trang nghiêm Tam-ma-địa, Phổ chiếu thế gian Tam-ma-địa, Định bình đẳng tánh Tam-ma-địa, Vi ly trần cấu Tam-ma-địa, hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam-ma-địa, Vô sào huyệt, Vô tiêu xí, Vô ái lạc Tam-ma-địa, Quyết định an trụ chân như Tam-ma-địa, Ly thân, ngữ, ý uế ác Tam-ma-địa, Như hư không Tam-ma-địa, Vô nhiễm vô trước Tam-ma-địa, có vô lượng trăm ngàn Tam-ma-địa như thế. Đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, trong đấy, vì sao gọi là Kiện hành Tam-ma-địa? Nghĩa là khi trụ Tam-ma-địa này, thì tất cả đều có thể lãnh thọ hành xứ các định, nên gọi là Kiện hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bảo ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể ấn hành tướng sai khác của các định, nên gọi là Bảo ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Sư tử du hý Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ du hý tự tại đối với các đẳng trì, nên gọi là Sư tử du hý Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Diệu nguyệt Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, như trăng tròn chiếu khắp các định, nên gọi là Diệu nguyệt Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể giữ gìn tướng cờ các định, nên gọi là Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhất thiết pháp dũng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể vọt ra khỏi tất cả thắng định, nên gọi là Nhất thiết pháp dũng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quán đỉnh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quán sát đến đỉnh các thắng định, nên gọi là Quán đỉnh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Pháp giới quyết định Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quyết định chiếu rõ pháp giới, nên gọi là Pháp giới quyết định Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì quyết định sẽ nắm được tướng cờ các định, nên gọi là Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cang dụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quật ngã các định mà chẳng bị định kia quật lại, nên gọi là Kim cang dụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập pháp ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể ngộ nhập khắp tất cả pháp ấn, nên gọi là Nhập pháp ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đẳng trì vương Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì được tự tại ở trong các định, nên gọi là Đẳng trì vương Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Thiện an lập Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể khéo an lập đối với Đẳng trì vương, nên gọi là Thiện an lập Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phóng quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể khai phát ánh sáng ở các định, nên gọi là Phóng quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Lực chúng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phát ra nhiều thế lực các định, nên gọi là Lực chúng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đẳng dũng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì khiến cho các thắng định bình đẳng dũng xuất, nên gọi là Đẳng dũng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì chắc chắn có thể nhập định ngôn từ, nên gọi là Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đẳng nhập tăng ngữ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì bình đẳng ngộ nhập các định danh, giải thích lý thú, nên gọi là Đẳng nhập tăng ngữ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quán phương Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quán chiếu các định phương, nên gọi là Quán phương Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trì ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể giữ trọn diệu ấn các định, nên gọi là Trì ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô vong thất Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không quên mất tướng các định, nên gọi là Vô vong thất Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể khiến cho các thắng định bình đẳng hướng vào, như biển cả thâu nhận các dòng sông, nên gọi là Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Biến phú hư không Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-

địa này, thì có thể biến khắp để che chở các đẳng trì, như hư không, không lựa riêng chỗ nào, nên gọi là Biến phú hư không Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cang luân Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể trụ trì tất cả thắng định, khiến không tán hoại như Kim cang luân, nên gọi là Kim cang luân Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô lượng quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ phóng vô lượng tia sáng chiếu khắp các loài hữu tình, khiến chúng nhớ nghĩ đến pháp đã từng lãnh thọ và làm các việc nhiêu ích lớn, nên gọi là Vô lượng quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô trước vô chướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ xa lìa các sự nhiễm đắm và tất cả chướng ngại, nên gọi là Vô trước vô chướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ chứng được lý không sinh đối với tất cả pháp, khiến chấm dứt khổ sinh tử, chẳng còn tiếp nối nữa, nên gọi là Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Xả bảo Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với tướng các định còn xả bỏ, huống gì các phiền não và tướng các pháp mà lại chẳng bỏ ư, thế nên gọi là Xả bảo Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Biến chiếu Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ chiếu khắp các định, khiến chúng được rực rỡ, nên gọi là Biến chiếu Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất tuân Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không có sự mong cầu đối với tất cả pháp, nên gọi là Bất tuân Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tướng trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy trong các định có một pháp nhỏ nào đáng trụ, nên gọi là Vô tướng trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất tư duy Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tất cả pháp tâm và tâm sở thấp kém đều không lay chuyển, nên gọi là Bất tư duy Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô cấu đăng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này như cầm đèn sáng soi rõ các định, nên gọi là Vô cấu đăng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biên quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phát ra đại quang minh, chiếu khắp không trừ bờ mé nào, nên gọi là Vô biên quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phát ra quang minh thắng định khắp cả, không sót chỗ nào, nên gọi là Phát quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phổ chiếu Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì lúc nào cũng có thể chiếu khắp các cửa thắng định, nên gọi là Phổ chiếu Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh kiên Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ đạt được tánh thanh tịnh và bình đẳng của các đẳng trì, nên gọi là Tịnh kiên Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô cấu quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể trừ sạch cấu bẩn các định, cũng có thể chiếu rõ tất cả đẳng trì, nên gọi là Vô cấu quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát diệu lạc Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể lãnh thọ sự an vui mầu nhiệm của các định, nên gọi là Phát diệu lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Điển đăng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì các đẳng trì được chiếu như đèn điện sáng, nên gọi là Điển đăng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tận Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với các đẳng trì chẳng thấy có chỗ tận, nên gọi là Vô tận Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ oai quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì oai quang được thịnh vượng riêng đối với các đẳng trì, nên gọi là Cụ oai quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly tận Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thấy các đẳng trì lìa hết tất cả, chẳng thấy có chút phần pháp tướng nào, nên gọi là Ly tận Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất khả hủy Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, làm cho các đẳng trì không có tỳ vết, nên gọi là Bất khả hủy Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Khai phát Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thấy các đẳng trì hoàn toàn khai phát, nên gọi là Khai phát Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhật đăng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, làm cho các cửa định phát sáng chiếu khắp, nên gọi là Nhật đăng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh nguyệt Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, làm cho các đẳng trì như mặt trăng phá đi sự tăm tối, nên gọi là Tịnh nguyệt

Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ đắc quả vô ngại giải đối với các đẳng trì, nên gọi là Tịnh quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô động Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, khiến cho các đẳng trì không lay động, không lung lay, không kiêu mạn, nên gọi là Vô động Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát minh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, khiến cho các cửa định phát ra ánh sáng chiếu khắp, nên gọi là Phát minh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ưng tác bất ưng tác Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì khắp các đẳng trì, tất cả việc nên làm, việc không nên làm, đều được hiện rõ, nên gọi là Ưng tác bất ưng tác Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trí tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thấy được tướng diệu trí của các đẳng trì, nên gọi là Trí tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cang man Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì dù có thể thông đạt tất cả pháp, mà chẳng thấy có tướng của tất cả, nên gọi là Kim cang man Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trụ tâm Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này; tâm chẳng dao động, chẳng biến chiếu, cũng chẳng tổn giảm, chẳng nghĩ rằng có tâm ấy, nên gọi là Trụ tâm Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phổ minh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quán chiếu khắp cùng ánh sáng của các định, nên gọi là Phổ minh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Thiện trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể an trụ các đẳng trì một cách khéo léo, nên gọi là Thiện trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bảo tích Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ quán các đẳng trì như kho báu, nên gọi là Bảo tích Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Diệu pháp ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể ấn chứng các đẳng trì bằng Ấn vô ấn, nên gọi là Diệu pháp ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, chẳng thấy có một phần nhỏ pháp nào xa lìa pháp bình đẳng, nên

gọi là Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Xả ái lạc Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì xả bỏ ái lạc đối với tất cả định và tất cả pháp, nên gọi là xả ái lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Pháp dũng mãn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tướng tất cả pháp đều biến mất viên mãn hoàn toàn đối với giáo pháp của Phật, nên gọi là Pháp dũng mãn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phiêu tán Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm cho các định tan tác các pháp, nên gọi là Phiêu tán Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phân biệt pháp cú các định một cách khéo léo, nên gọi là Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ được các đẳng trì rất ưa thích tự tướng bình đẳng, nên gọi là Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly văn tự tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không được các đẳng trì ưa thích tướng văn tự, nên gọi là Ly văn tự tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đoạn sở duyên Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ chấm dứt tướng cảnh sở duyên của các đẳng trì, nên gọi là Đoạn sở duyên Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biến dị Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không chứng được tướng biến dị của các pháp, nên gọi là Vô biến dị Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô phẩm loại Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không đạt được tướng phẩm loại riêng biệt của các pháp, nên gọi là Vô phẩm loại Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập danh tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ ngộ nhập danh tướng sai biệt của các pháp, nên gọi là Nhập danh tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tướng hành Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với tướng các định đều không thấy chứng đắc, nên gọi là Vô tướng hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly uế ám Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể loại trừ sự tối tăm của các định, nên gọi là Ly uế ám Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ hành Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ thấy đủ các hành tướng sai biệt của các đẳng trì, nên gọi là Cụ hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất biến động Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy sự biến động của các đẳng trì, nên gọi là Bất biến động Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Độ cảnh giới Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ vượt qua tướng cảnh sở duyên của các đẳng trì, nên gọi là Độ cảnh giới Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly tập chúng đức Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với tất cả pháp và tất cả định chẳng đạt được tướng nhóm vì tất cả pháp không thể nhóm, nên gọi là Ly tập chúng đức Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết định trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tuy quyết định trụ các định, nhưng biết tướng và cảnh định ấy chẳng thể nắm bắt được, nên gọi là Quyết định trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì các đẳng trì đều được làm cho thanh tịnh, trang nghiêm, lộng lẫy như diệu hoa, nên gọi là Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ giác chi Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tu bảy chi Đẳng giác mau được viên mãn, nên gọi là Cụ giác chi Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biên biện Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ đạt được biện tài vô biên đối với các pháp, nên gọi là Vô biên biện Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ đạt tánh không gì sánh bằng của các đẳng trì, nên gọi là Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 489

Phẩm 3: Thiện Hiện (8)

Vì sao gọi là Phổ siêu nhất thiết Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ vượt qua hết các pháp của hữu tình trong ba cõi, nên gọi là Phổ siêu nhất thiết Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết phán nhất thiết Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phán quyết các pháp hữu tình, nên gọi là Quyết phán nhất thiết Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tán do dự Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm tan biến hết cả do dự đối với hết các đẳng trì và tất cả pháp, nên gọi là Tán do dự Tam-ma-địa.

Vì sao gọi Vô sở trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy các pháp có chỗ trụ, nên gọi là Vô sở trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhất tướng trang nghiêm Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy các pháp có một tướng nhỏ nào nên gọi là Nhất tướng trang nghiêm Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Dẫn phát hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tuy có thể dẫn dắt, phát huy các loại hành tướng đối với các đẳng trì và tất cả pháp, nhưng hoàn toàn không thấy có chủ thể và đối tượng dẫn dắt, phát huy, nên gọi là Dẫn phát hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhất hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thì thấy các đẳng trì không có hai hành tướng, nên gọi là Nhất hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này này, thấy các đẳng trì hoàn toàn không có hành tướng, nên gọi là Ly hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Diệu hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ làm cho các hành tướng của các đẳng trì vi diệu và lìa bỏ các hý

luận, nên gọi là Diệu hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đạt chư hữu để tán hoại Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đạt được trí thông đạt, như thật ngộ nhập các đẳng trì và tất cả pháp, được ngộ nhập này, sẽ thông đạt sự tán hoại của các hữu pháp, khiến chúng không còn chỗ nào sót cả, nên gọi là đạt chư hữu để tán hoại Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bảo kiên cố Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thấy Phật, Pháp, Tăng không thể phá hoại được vì đồng không tướng, nên gọi là Bảo kiên cố Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Giải thoát âm thanh văn tự Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thấy các đẳng trì vắng lặng, giải thoát tất cả tướng âm thanh văn tự, nên gọi là Giải thoát âm thanh văn tự Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì ngộ nhập các pháp thiết lập ngôn ngữ, không chấp trước, không ngăn ngại của tất cả đẳng trì, nên gọi là Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cự xí nhiên Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì các đẳng trì được chiếu sáng với ánh sáng oai nghiêm, nên gọi là Cự xí nhiên Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nghiêm tịnh tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm thanh tịnh trang nghiêm tất cả tướng định, nên gọi là nghiêm tịnh tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tiêu xí Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy dấu hiệu đối với các đẳng trì, nên gọi là Vô tiêu xí Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ diệu tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này này, thấy diệu tướng các định hoàn toàn đầy đủ, nên gọi là Cụ diệu tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất hỷ nhất thiết khổ lạc Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thích quán sát tướng khổ vui của các đẳng trì, nên gọi là Bất hỷ nhất thiết khổ lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tận hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy hành tướng các định có chỗ tận, nên gọi là Vô tận hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ tổng trì Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì

có thể giữ gìn thắng sự các định một cách bao quát, nên gọi là Cụ tổng trì Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với các đẳng trì, chánh tánh, tà tánh, nhiếp phục các kiến, khiến chúng chẳng khởi, nên gọi là Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tức vi thuận Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì hoàn toàn không thấy có tướng nghịch và thuận đối với các đẳng trì và tất cả pháp, nên gọi là Tức vi thuận Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly ái tắng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì hoàn toàn không thấy có tướng thương ghét trong các đẳng trì và tất cả pháp, nên gọi là Ly ái tắng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô cấu minh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì hoàn toàn không thấy tướng cấu uế và tướng sáng suốt, nên gọi là Vô cấu minh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ kiên cố Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm cho các đẳng trì đều được kiên cố, nên gọi là Cụ kiên cố Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Mãn nguyệt tịnh quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm cho các đẳng trì tăng thêm công đức, như ánh trăng sáng tròn đầy, làm nước biển tăng thêm, nên gọi là Mãn nguyệt tịnh quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đại trang nghiêm Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm cho các đẳng trì thành tựu các loại vi diệu, hy hữu, đại trang nghiêm, nên gọi là Đại trang nghiêm Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phổ chiếu thế gian Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể soi sáng các đẳng trì và tất cả pháp, làm cho các loài hữu tình đều được khai mở trí hiểu biết, nên gọi là Phổ chiếu thế gian Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Định bình đẳng tánh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì chẳng thấy sai khác giữa định và tán loạn của đẳng trì, nên gọi là Định bình đẳng tánh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Xa lìa trần cấu Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể diệt trừ được bụi trần của tất cả phiền não, nên gọi là Xa lìa trần cấu Tam-ma-địa.

Vì sao gọi Hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam-ma-địa? Vì khi

trụ Tam-ma-địa này thì không thấy tánh và tướng sai khác giữa hữu tránh và vô tránh trong các pháp và tất cả định, nên gọi là Hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô sào huyệt, Vô tiêu xí, Vô ái lạc Tam-ma-địa?

–Vì khi trụ vào các Tam-ma-địa này, thì phá được các sào huyệt, xả bỏ dấu hiệu, đoạn trừ các sự ái lạc mà không bị chấp trước, nên gọi là Vô sào huyệt, Vô tiêu xí, Vô ái lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết định an trú chân như Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thường không xả bỏ chân như thật tướng của các đẳng trì và tất cả pháp, nên gọi là Quyết định an trụ chân như Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly thân ngữ ý uế ác Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với các thân, ngữ, ý hoàn toàn vô sở đắc, phá hoại tất cả thân, ngữ, ý xấu, tự tại, không chướng ngại trong các đẳng trì, nên gọi là Ly thân ngữ ý uế ác Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Như hư không Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì quán tất cả pháp hoàn toàn không sở hữu, không chướng ngại như hư không mênh mông, nên gọi là Như hư không Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô nhiễm vô trước Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì quán tất cả pháp đều đồng một tướng, tướng ấy là không có tướng, không nhiễm ô, không đắm trước, nên gọi là Vô nhiễm vô trước Tam-ma-địa.

Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát ấy là bốn Niệm trụ. Bốn Niệm trụ là gì? Một là Thân niệm trụ, hai là Thọ niệm trụ, ba là Tâm niệm trụ, bốn là Pháp niệm trụ.

Thế nào là Thân niệm trụ? Nghĩa là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các bên trong thân, hoặc bên ngoài thân, hoặc cả trong lẫn ngoài thân, luôn trụ pháp quán thân trên thân, nhưng không câu hữu với tầm và tứ, nhiệt tâm tinh tấn, đầy đủ chánh tri, diệt trừ tham ưu thế gian.

Thế nào là Thọ niệm trụ? Nghĩa là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các cảm thọ bên trong, cảm thọ bên ngoài, hoặc cảm thọ cả trong lẫn ngoài, tuy trụ pháp quán trên thọ nhưng không câu hữu với tầm và tứ, nhiệt tâm tinh tấn, chánh

niệm tỉnh giác, diệt trừ tham ưu thế gian.

Thế nào là Tâm niệm trụ? Nghĩa là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong tâm, bên ngoài tâm, hoặc cả trong lẫn ngoài tâm, tuy trụ pháp quán tâm đều trên tâm nhưng không câu hữu với tầm, tứ; nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt trừ tham ưu thế gian.

Thế nào gọi là Pháp niệm trụ? Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với pháp bên trong, pháp bên ngoài, hoặc pháp ở cả trong lẫn ngoài, tuy trụ phép quán pháp trên pháp nhưng không câu hữu với tầm, tứ; nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân luôn quán thân trên thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để quán kỹ tự thân khi đi như thật biết đang đi; khi đứng như thật biết đang đứng; khi ngồi như thật biết đang ngồi; khi nằm như thật biết đang nằm, mỗi oai nghi khác nơi tự thân đều như thật biết như vậy; nhiệt tâm tinh tấn; chánh niệm tỉnh giác; diệt được tham ưu thế gian. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân luôn luôn quán trên thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân trên thân đối với bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian; nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để quán kỹ tự thân, biết rõ sự qua lại, biết rõ sự nhìn tới nhìn lui, biết rõ sự cúi xuống ngước lên, biết rõ sự co duỗi, mặc Tăng-già-lê, đắp y ôm bát, khi ăn, khi uống, khi nằm nghỉ, lúc kinh hành khi ngồi dậy, lúc nghinh rước, thức ngủ nói năng im lặng, nhập xuất các định đều chánh niệm biết rõ. Đó là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân trên thân đối với bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại

Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân trên thân. Đối với bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện để xét kỹ tự thân, khi thở vào như thật biết thở vào, khi thở ra như thật biết thở ra, khi hơi thở dài như thật biết thở vào, khi hơi thở ngắn như thật biết hơi thở ngắn. Như thợ quay bánh xe hoặc đệ tử vị ấy, khi thế lực bánh xe quay lâu như thật biết thế lực bánh xe lâu. Khi thế lực bánh xe quay mau như thật biết thế lực bánh xe quay mau. Đại Bồ-tát này cũng như vậy, như thật biết rõ sự sai khác của hơi thở ngắn và hơi thở dài. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân trên thân đối với bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên diệt được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa; Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, như thật biết rõ các giới sai khác của tự thân, đối với địa giới, như thật biết rõ đây là địa giới; đối với thủy giới, như thật biết rõ đây là thủy giới; đối với hỏa giới, như thật biết rõ đây là hỏa giới; đối với phong giới, như thật biết rõ đây là phong giới. Như đồ tể giỏi hoặc đệ tử vị ấy, sau khi giết trâu rồi dùng dao thật bén mổ xẻ thân, phân làm bốn phần, hoặc ngồi hoặc đứng như thật biết rõ. Đại Bồ-tát này cũng vậy, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát sự sai khác của bốn giới: địa, thủy, hỏa, phong nơi tự thân. Đó là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên diệt được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt trừ tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để quán kỹ tự thân từ chân đến đỉnh đầu, trong đó đầy dẫy những thứ bất tịnh. Bên ngoài, nó được lớp da mỏng bao bọc. Tuy được gọi thân này nhưng chỉ gồm các thứ: Tóc, lông, móng, răng, da dày, da

mỏng, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, tim, gan, phổi, thận, lá lách, mật, bao tử, ruột già, ruột non, phân, nước tiểu, nước mũi, nước bọt, nước giải, nước mắt, mồ hôi, đàm, mủ, mỡ chài, mỡ nước, não, ghèn, ráy tai… Trong thân tràn đầy những thứ bất tịnh này. Như trong kho của các trưởng giả hoặc nông phu chứa đầy các loại ngũ cốc gồm: Nếp, mè, lúa, đậu, bắp… Đại Bồ-tát này cũng vậy, quán kỹ tự thân từ chân đến đỉnh đầu, đầy dẫy bất tịnh chẳng đáng tham đắm. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đi đến gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, hoặc thay chết một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Tử thi trướng sình lên, sắc ngã xanh bầm, do thối rữa, máu mủ lan tràn. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng như vậy, đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc cũng như vậy, nên phải sinh nhàm chán, xa lìa đi. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu ở thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đi đến chỗ gò mả nhìn tử thi bị vứt bỏ, đã một ngày hoặc hai ngày cho đến bảy ngày. Tử thi bị các loài cầm thú như chim, diều hâu, quạ, kênh kênh, cọp, beo, chó sói, chồn... hoặc mổ hoặc quắp lấy, cắn xé ăn nuốt, xương thịt vung vãi. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy và đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy nên phải nhàm chán và xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-

tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, bị chim thú ăn rồi, bất tịnh thối rữa, máu mủ chảy lan tràn, sản sinh vô lượng thứ trùng giòi tạp loại, dơ bẩn hôi thối như chó chết. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy và đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc rồi cũng như vậy, nên phải nhàm chán, xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, trùng giòi ăn rồi, rã thịt lòi xương, lóng đốt dính nhau, gân buộc máu tràn, chỉ còn thịt bầy nhầy. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy, đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy, nên sinh nhàm chán và xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, đã thành xương vụn, máu thịt cạn khô, chỉ còn những sợi gân dính lại. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy, đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc cũng như vậy, nên phát sinh nhàm chán, xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả, quan sát tử thi bị vứt bỏ, chỉ còn lại xương trắng màu vỏ ốc trắng, các gân mục nát, lóng đốt rời rạc. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy, cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc cũng như vậy, nên phát sinh nhàm chán xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, đã thành màu trắng, đốt xương phân tán, vung vãi khắp nơi. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, bản chất cũng giống như vậy và cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc cũng như vậy, nên khởi lên sự nhàm chán xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, các xương phân tán khắp nơi, xương bàn chân chỗ này, xương ống chân chỗ kia, xương đầu gối chỗ nọ, xương đùi chỗ khác, xương sống chỗ khác, xương hông chỗ khác, xương cánh tay chỗ khác, xương bàn tay chỗ khác, xương cổ chỗ khác, xương hàm chỗ khác, xương má chỗ khác, xương đầu chỗ khác. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, bản chất cũng giống vậy, cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy, nên sinh nhàm chán, xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế

gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, hài cốt ngổn ngang, gió thổi nắng đốt, mưa chan sương thấm, trải qua năm tháng màu sắc như ngọc tuyết kha. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, bản tánh cũng giống vậy, cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy, nên sinh nhàm chán xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, trải qua hơn trăm năm hoặc ngàn năm chỉ còn xương bột và đất, biến dạng thành màu xanh, sắc trạng như lông bồ câu, hoặc có thứ mục nát ra như bột, như bụi trộn lẫn vào đất khó phân biệt được. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy, cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy, nên sinh nhàm chán xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, như trụ pháp quán thân bên trong thân sai khác này, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, trừ được tham ưu thế gian. Tùy theo pháp thích ứng, Bồ-tát đều như vậy cả.

Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thọ, tâm, pháp ở cả bên trong lẫn bên ngoài tương ưng với thọ, tâm, pháp, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, trừ được tham ưu thế gian. Tùy theo pháp thích ứng, nói rộng ra đều như trên.

Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khi trụ vào pháp quán thân, thọ, tâm, pháp thì tùy quán như vậy, nhưng vô sở đắc. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Thiện Hiện nên biết, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp ác, bất thiện nếu chưa sinh, thì làm cho chúng chẳng sinh. Nên cố gắng phát sinh và giữ tâm chuyên cần, siêng năng, đúng đắn. Đó là thứ nhất.

Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp ác, bất thiện nếu chưa sinh, thì làm cho chúng chấm dứt hẳn. Nên cố gắng phát sinh và giữ tâm chuyên cần, siêng năng, đúng đắn. Đó là thứ hai.

Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp thiện nếu chưa sinh, thì làm cho chúng phát sinh. Nên cố gắng phát sinh và giữ tâm chuyên cần, siêng năng, đúng đắn. Đó là thứ ba.

Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp thiện đã sinh thì làm cho chúng an trú, chẳng quên bồi bổ cho chúng rộng thêm đến viên mãn; nên cố gắng phát sinh và giữ tâm chuyên cần, siêng năng, đúng đắn. Đó là thứ tư. Thiện Hiện, đây là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Thần túc. Những gì là bốn? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Dục đẳng trì đoạn hành, thành tựu thần túc và phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xả. Đó là thứ nhất.

Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Cần đẳng trì đoạn hành, thành tựu thần túc và phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xả. Đó là thứ hai.

–Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Tâm đẳng trì đoạn hành, thành tựu thần túc và phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xả. Đó là thứ ba.

–Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Quán đẳng trì đoạn hành, thành tựu thần túc và phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xả. Đó là thứ tư.

Thiện Hiện, đây là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là năm Căn. Những gì là năm? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu theo Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là năm Lực. Những gì là năm? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là bảy chi Đẳng giác. Những gì là bảy? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu Niệm đẳng giác chi, Trạch pháp đẳng giác chi, Tinh tấn đẳng giác chi, Hỷ đẳng giác chi, Khinh an đẳng giác chi, Định đẳng giác chi, Xả đẳng giác chi nhưng phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xả. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là tám chi Thánh đạo. Những gì là tám? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng vô sở đắc làm phương tiện, để tu Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định, rồi phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xả. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là ba pháp môn giải thoát. Những gì là ba? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng đều là Không, an trụ tâm như vậy gọi là pháp môn giải thoát Không, còn gọi là Không Tam-ma-địa. Đó là môn thứ nhất. Các Đại Bồ-tát muốn học Đại thừa nên học trong đó. Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng đều là không có tướng, an trụ tâm như vậy gọi là pháp

môn giải thoát Vô tướng, cũng gọi là Vô tướng Tam-ma-địa. Đó là môn thứ hai. Các Đại Bồ-tát muốn học Đại thừa nên học trong đó. Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng đều là không có sở nguyện, an trú tâm như vậy gọi là pháp môn giải thoát Vô nguyện, cũng gọi là Vô nguyện Tam-ma-địa. Đó là môn thứ ba. Các Đại Bồ-tát muốn học Đại thừa nên học trong đó. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là mười một trí. Những gì là mười một? Đó là Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sinh trí, Pháp trí, Loại trí, Thế tục trí, Tha tâm trí, Như thuyết trí.

Thế nào là Khổ trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết khổ nên chẳng sinh, đó là Khổ trí.

Thế nào là Tập trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được sự tập khởi nên vĩnh viễn đoạn trừ, đó là Tập trí.

Thế nào là Diệt trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được sự đoạn diệt nên tác chứng, đó là Diệt trí.

Thế nào là Đạo trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được đạo nên tu tập, đó là Đạo trí.

Thế nào là Tận trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tham, sân, si đã hết, đó là Tận trí.

Thế nào là Vô sinh trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được các hữu (nghiệp) không còn sinh nữa, đó là Vô sinh trí.

Thế nào là Pháp trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được năm uẩn, mỗi mỗi đều có tự tánh riêng, đó là Pháp trí.

Thế nào là Loại trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tướng sai khác của năm uẩn… nghĩa là khổ, vô thường, không, vô ngã..., đó là Loại trí.

Thế nào là Thế tục trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tâm và tâm sở pháp của các loài hữu tình tu hành có sai khác và biết được danh tướng giống và khác của các pháp, đó là Thế tục trí.

Thế nào là Tha tâm trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tâm và tâm sở pháp của các loài hữu tình khác, nhưng không phân vân trở ngại, đó là Tha tâm trí.

Thế nào là Như thuyết trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tướng tất cả pháp đúng như lời nói, tức là trí Nhất thiết tướng của Như Lai, đó là Như thuyết trí.

Thiện Hiện nên biết, mười một trí này là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là ba căn vô lậu. Những gì là ba? Một là Vị tri đương tri căn, hai là Dĩ tri căn, ba là Cụ tri căn.

Thế nào là Vị tri đương tri căn? Nghĩa là các bậc hữu học trong các loài hữu tình đối với các Thánh đế chưa hiện quán hoàn toàn, chưa đắc Thánh quả nhưng đã có Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Vị tri đương tri căn.

Thế nào là Dĩ tri căn? Nghĩa là các bậc hữu học trong các loài hữu tình đối với các Thánh đế chưa hiện quán hoàn toàn, chưa đắc Thánh quả, có đầy đủ Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Dĩ tri căn.

Thế nào là Cụ tri căn? Nghĩa là các bậc hữu học trong các loài hữu tình hoặc A-la-hán, hoặc các Độc giác hoặc Đại Bồ-tát đã trụ Thập địa, hoặc chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đã có Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn; đó là Cụ tri căn. Nếu ba căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì phải biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là Tam-ma-địa. Những gì là ba? Một là Tam-ma-địa có tầm có tứ. Hai là Tam-ma-địa không có tầm chỉ có tứ. Ba là Tam-ma-địa không tầm không tứ.

Thế nào là Tam-ma-địa có tầm có tứ? Nghĩa là Đại Bồ-tát đã xa lìa pháp dục, ác, bất thiện, có tầm có tứ. Ly sinh hỷ lạc, nhập vào Sơ tĩnh lự, an trú đầy đủ. Đó là Tam-ma-địa có tầm có tứ.

Thế nào là Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ? Nghĩa là Đại Bồ-tát đạt đến định trung gian giữa Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự, đó là không tầm chỉ có tứ.

Thế nào là Tam-ma-địa không tầm không tứ? Nghĩa là Đại Bồ-tát từ Tĩnh lự thứ hai cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là không tầm không tứ Tam-ma-địa. Với ba loại này, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-

mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười tùy niệm. Những gì là mười? Một là tùy niệm Phật. Hai là tùy niệm Pháp. Ba là tùy niệm Tăng. Bốn là tùy niệm giới. Năm là tùy niệm xả. Sáu là tùy niệm thiên. Bảy là tùy niệm nhàm chán. Tám là tùy niệm tử. Chín là tùy niệm thân. Mười là tùy niệm hơi thở. Với mười pháp này, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ... cho đến thiện pháp thanh tịnh, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười lực của Phật. Những gì là mười? Thiện Hiện nên biết, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ các pháp nhân quả của tướng xứ phi xứ, đó là lực thứ nhất. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ tướng các loài hữu tình trong quá khứ, hiện tại, vị lai là do tạo nghiệp khác nhau mà chịu quả khác nhau, đó là lực thứ hai. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ tướng mọi loại cảnh giới khác nhau của thế gian, đó là lực thứ ba. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ tất cả hữu tình có nhiều loại thắng giải chứ chẳng phải một loại giải, đó là lực thứ tư. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ các căn hơn kém của các loài hữu tình, đó là lực thứ năm. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện thì như thật biết rõ hành tướng biến hành, đó là lực thứ sáu. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ các pháp như căn, lực, giác chi, giải thoát, tĩnh lự, đẳng trì, đẳng chí, nhiễm, tịnh, sai khác của các loài hữu tình, đó là lực thứ bảy. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện; thì như thật biết rõ các loài hữu tình có vô lượng đời trước sai khác, đó là lực thứ tám. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, do Thiên nhãn thanh tịnh thì như thật biết rõ các hữu tình có vô lượng loại sinh tử sai khác, đó là lực thứ chín. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện thì như thật biết rõ đã chấm dứt vĩnh viễn các lậu, đạt được tâm vô lậu giải thoát, chúng được tuệ giải thoát vô lậu ngay trong hiện tại, tự tác chứng đầy đủ, có thể chân chánh mà biết rõ rằng: Ta sinh đã tận,

phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong không còn trở lại đời sống này nữa, đó là lực thứ mười. Phải biết, đây là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn điều không sợ. Những gì là bốn? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, tự xưng là bậc Chánh Đẳng Giác, nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc những hạng khác trong thế gian, dựa vào pháp để vấn nạn, làm cho Bồ-tát phải suy nghĩ bởi lời nói rằng: Pháp này chẳng phải là Chánh đẳng giác. Đối với sự vấn nạn đó, vì thấy nó phi lý nên được an ổn, trụ không sợ hãi, tự xưng ta ở ngôi vị Đại tiên tôn kính, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng sư tử chúa, chuyển bánh xe Diệu phạm. Xe ấy thanh tịnh, chánh chân vô thượng, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn… Không ai có thể chuyển đúng như pháp được. Đó là điều không sợ thứ nhất.

Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện tự xưng ta đã chấm dứt các lậu hoặc. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ khác trong thế gian, dựa vào các pháp mà lập vấn nạn và làm cho Bồ-tát suy nghĩ bởi lời nói rằng: lậu hoặc này chưa thể chấm dứt vĩnh viễn. Nhờ chánh kiến, ta thấy được sự vấn nạn ấy vô lý. Vì thấy sự vấn nạn ấy vô lý, nên được an ổn, trụ không sợ hãi, tự xưng ta ở ngôi vị Đại tiên tôn kính, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng sư tử chúa, chuyển bánh xe Diệu phạm. Xe ấy thanh tịnh, chánh chân vô thượng, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn… Không ai có thể chuyển đúng như pháp được. Đó là điều không sợ thứ hai.

Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, rồi vì các đệ tử thuyết pháp chướng đạo. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ khác trong thế gian, y pháp vấn nạn, làm cho Bồ-tát suy nghĩ bởi lời nói thế này: "Tu tập pháp này không thể ngăn đạo. Nhờ chánh kiến, ta thấy được sự vấn nạn ấy vô lý. Vì thấy sự vấn nạn ấy vô lý, nên được an ổn, trụ không sợ hãi, tự xưng ta ở ngôi vị Đại tiên tôn kính, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng sư tử chúa, chuyển bánh xe Diệu phạm." Xe ấy thanh tịnh, chánh chân vô thượng, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn… không ai có thể chuyển đúng như pháp được. Đó là điều không sợ thứ ba.

Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, rồi vì các đệ tử nói đạo chấm dứt khổ. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ khác trong thế gian, y pháp lập ra sự vấn nạn, làm cho Bồ-tát suy nghĩ bởi lời nói thế này: "Tu đạo này không thể chấm dứt khổ. Nhờ chánh kiến, ta thấy được sự vấn nạn ấy vô lý. Vì thấy sự vấn nạn ấy vô lý, nên

được an ổn, trụ không sợ hãi, tự xưng ta ở ngôi vị Đại tiên tôn kính, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng sư tử chúa, chuyển bánh xe Diệu phạm.” Xe ấy thanh tịnh, chánh chân vô thượng, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn… không ai có thể chuyển đúng như pháp được. Đó là điều không sợ thứ tư.

Nên biết, đây là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 490

Phẩm 3: Thiện Hiện (9)

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là bốn sự hiểu biết thông suốt. Những gì là bốn? Một là Nghĩa vô ngại giải. Hai là Pháp vô ngại giải. Ba là Từ vô ngại giải. Bốn là Biện vô ngại giải. Thiện Hiện, với bốn sự hiểu biết thông suốt này, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười tám pháp Phật bất cộng. Những gì là mười tám? Nghĩa là các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bắt đầu từ đêm chứng được quả vị Giác ngộ cao tột cho đến đêm nhập Vô dư y Niết-bàn; ở trong khoảng thời gian này; thường không lầm lỗi, không có âm thanh vội vàng, hung bạo, không mất chánh niệm, không có các thứ tưởng, tâm luôn trong định, luôn chọn pháp để xả bỏ, chí muốn không thoái lui, tinh tấn không thoái lui, niệm không lui, định không lui, tuệ không lui, giải thoát tri kiến không lui. Trong tất cả nghiệp của thân, trí là dẫn đầu và tùy theo trí mà chuyển. Tất cả nghiệp của miệng, trí là dẫn đầu và tùy theo trí mà chuyển y. Trong quá khứ đã khởi lên tri kiến không chấp trước, không ngăn ngại. Ở hiện tại, đang khởi lên tri kiến không chấp trước, không ngăn ngại. Đời vị lai, sẽ khởi lên tri kiến không chấp trước, không ngăn ngại. Mười tám pháp Phật bất cộng như thế, đều hoàn toàn dùng vô sở đắc làm phương tiện. Nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát ấy gồm các môn văn tự Đà-la-ni. Những môn văn tự Đà-la-ni nào? Nghĩa là: Bằng tánh bình đẳng của văn tự, tánh bình đẳng của ngôn ngữ mà nhập vào các tự môn. Thế nào là môn tánh bình đẳng văn tự và tánh bình đẳng ngôn ngữ? Thiện Hiện nên biết, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện; nhập môn chữ **Suy**, ngộ tất cả pháp vốn

không sinh. Nhập môn chữ **Lạc**, ngộ tất cả pháp xa lìa trần cấu. Nhập môn chữ **Phả**, ngộ được giáo lý thắng nghĩa của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Giả**, ngộ tất cả pháp xa lìa sinh tử, dù tử hoặc sinh đều dùng vô sở đắc làm phương tiện. Nhập môn chữ **Na**, ngộ tất cả pháp xa lìa danh tướng, hoặc danh hoặc tướng đều dùng vô sở đắc làm phương tiện. Nhập môn chữ **Kha**, ngộ tất cả pháp xuất thế gian vì nhân duyên ái nhiễm, nên chẳng hiện tiền. Nhập môn chữ **Đà**, ngộ tất cả pháp điều phục, vắng lặng, chân như, bình đẳng, không phân biệt. Nhập môn chữ **Bà**, ngộ tất cả pháp lìa sự trói buộc và cởi mở. Nhập môn chữ **Trà**, ngộ tất cả pháp xa lìa nhiệt não, kiêu căng, uế trược, đạt được sự thanh tịnh. Nhập môn chữ **Sa**, ngộ tất cả pháp không quái ngại. Nhập môn chữ **Phược**, ngộ tất cả pháp chấm dứt đường ngôn ngữ. Nhập môn chữ **Đả**, ngộ tất cả pháp chân như bất động. Nhập môn chữ **Dã**, ngộ tất cả pháp như thật chẳng sinh. Nhập môn chữ **Sắc-tra**, ngộ tướng chế phục và tướng nhậm trì của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Ca**, ngộ tác giả tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Ta**, ngộ thời và tánh bình đẳng của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Ma**, ngộ tất cả pháp, tánh ngã và ngã sở chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Già**, ngộ tánh hành động chấp giữ của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Tha**, ngộ tất cả pháp, tánh chất chỗ y cứ chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Xà**, ngộ tất cả pháp năng, sở sinh khởi chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Thấp-phược**, ngộ tất cả pháp tánh yên ổn chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Đạt**, ngộ tánh có thể giữ gìn cõi giới của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Xả**, ngộ tánh Sa-ma-tha của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Khư**, ngộ tất cả pháp tánh bình đẳng như hư không chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Sằn**, ngộ tánh cùng tận chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Tát-đả**, ngộ tất cả pháp tánh nhậm trì chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Nhã**, ngộ tất cả pháp tánh năng sở tri chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Kích-tha**, ngộ tánh chấp trước nghĩa chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Ha**, ngộ tánh vi nhân chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Bạc**, ngộ tánh phá hoại chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Xước**, ngộ tất cả pháp tánh che đậy dục lạc chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Táp-ma**, ngộ tánh đáng ức niệm chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Hạp-phạ**, ngộ tánh kêu gọi chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Sa**, ngộ tất cả pháp lìa sự dũng mãnh. Nhập môn chữ **Kiên**, ngộ tánh bình đẳng sâu dày chẳng thể nắm bắt được của tất

cả pháp. Nhập môn chữ **Di**, ngộ tánh tích tụ chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Noa**, ngộ tất cả pháp lìa sự ồn náo. Nhập môn chữ **Phả**, ngộ tất cả pháp không có quả báo. Nhập môn chữ **Tắc-ca**, ngộ tất cả pháp lìa tánh chất chứa. Nhập môn chữ **Dật-ta**, ngộ tánh, tướng suy lão chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Chước**, ngộ tất cả pháp không dấu chân. Nhập môn chữ **Tra**, ngộ tánh đuổi bức nhau chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Trạch**, ngộ chỗ cứu cánh chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Thiện Hiện nên biết, môn chữ **Trạch** này có thể ngộ nhập vào tận cùng của pháp không, ngoại trừ những chữ này, nếu biểu thị các pháp không, thì chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nghĩa các chữ này, không thể tuyên thuyết, không thể nêu rõ, không thể viết, không thể chấp giữ, không thể quan sát, vì lìa các tướng. Thiện Hiện nên biết, thí như hư không là chỗ quay về của tất cả vật. Những môn chữ này cũng lại như thế. Nghĩa không của các pháp đều nhập vào môn này mà được hiển rõ.

Thiện Hiện nên biết, nhập vào chữ **Suy** này… gọi là nhập vào môn chữ. Đại Bồ-tát nào, đối với những môn chữ này, đạt được trí thiện xảo. Thì Đại Bồ-tát ấy đối với các âm thanh ngôn ngữ, được trình bày, được biểu thị đều không ngăn ngại; đối với tánh không bình đẳng của tất cả các pháp đều có thể nắm giữ được hết; đối với các tiếng nói đều được thiện xảo. Đại Bồ-tát nào có thể nghe và nhập vào môn các chữ này, xác định tướng trạng của nó, xác định câu cú, nghe rồi thọ trì, đọc tụng thông lẹ, vì người giải nói, không có sự chấp trước, chẳng mong danh dự, lợi dưỡng cung kính. Do nguyên nhân này mà được ba mươi món công đức thắng lợi. Những gì là ba mươi? Nghĩa là được nghĩ nhớ dũng mãnh; được tàm quý hơn; được sức kiên cố; được pháp chỉ thú; được Tăng thượng giác; được thu thắng tuệ; được sự biện tài vô ngại; được môn tổng trì; được không nghi hoặc; được gặp lại lời thuận không ưa lời trái, không ghét; được an trú bình đẳng; không phân biệt cao, thấp; được đối với hữu tình dùng lời khéo léo; được uẩn thiện xảo; được xứ thiện xảo; đạt được chân lý thiện xảo; được duyên khởi thiện xảo; được nhân thiện xảo; được duyên thiện xảo; được pháp thiện xảo; được trí căn thắng liệt thiện xảo; được Tha tâm trí thiện xảo; được thần cảnh trí thiện xảo; được Thiên nhĩ trí thiện xảo; được Túc trụ tùy niệm trí thiện xảo; được tử sinh trí thiện xảo; được Lậu tận trí thiện xảo; được xứ phi xứ trí thiện xảo; được vãng lai trí thiện xảo; được oai nghi lộ trí thiện xảo. Đó là ba mươi công đức thù thắng lợi ích. Thiện Hiện nên

biết, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đạt được môn văn tự Đà-la-ni này, thì phải biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, câu hỏi tiếp theo của ông làm thế nào thì biết Đại Bồ-tát hướng đến Đại thừa? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào siêng năng tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, từ địa này đến địa khác, với mức độ như vậy nên biết các Đại Bồ-tát ấy hướng đến Đại thừa,

Cụ thọ Thiện Hiện bèn bạch Phật rằng:

–Thế nào là Đại Bồ-tát siêng năng tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa từ địa này đến địa khác?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát nào biết được tất cả pháp không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Vì sao? Vì tất cả pháp không đi, không đến, không xuất phát cũng không tới đích. Do đó, nên các pháp không biến hoại. Đại Bồ-tát này không nhớ nghĩ, chẳng suy tư về địa bắt đầu, tuy tu sửa nghiệp các địa nhưng chẳng thấy có địa ấy. Đó là Đại Bồ-tát siêng năng tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa từ địa này đến địa khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa nghiệp các địa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Khi trụ ở Sơ địa, các Đại Bồ-tát phải khéo tu trị mười loại thắng nghiệp. Những gì là mười? Một là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp tịnh thắng ý lạc, vì tướng lợi ích của nó chẳng thể nắm bắt được. Hai là, phải dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp bình đẳng tâm đối với tất cả hữu tình, vì tất cả hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được. Ba là, phải dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu trị tất cả nghiệp xả, thí, vì người bố thí, kẻ nhận, vật thí đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, phải khéo tu sửa nghiệp thân cận thiện hữu; vì đối với thiện hữu không chấp trước. Năm là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp siêng năng cầu chánh pháp, vì giáo pháp ấy chẳng thể nắm bắt được. Sáu là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thường muốn xuất gia, vì sự xả bỏ gia cư ấy chẳng thể nắm bắt được. Bảy là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp mến kính thân Phật, vì nhân của các tướng hảo chẳng thể nắm bắt được. Tám là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa

nghiệp xiển dương giáo pháp; vì giáo pháp được phân biệt chẳng thể nắm bắt được. Chín là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp phá hoại sự kiêu căng, ngạo mạn, vì các pháp hưng thịnh chẳng thể nắm bắt được. Mười là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên khéo tu sửa nghiệp, thường ưa nghe lời chân thật, vì tất cả ngôn ngữ đều chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Sơ địa, các Đại Bồ-tát nên khéo tu trị mười thắng nghiệp này, nhờ vậy mà Sơ địa mau được viên mãn.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ nhị địa, các Đại Bồ-tát nên tu tập và tư duy tám pháp khiến cho chúng mau viên mãn. Những gì là tám? Một là thanh tịnh giới. Hai là biết ân trả ân. Ba là trụ vào năng lực an nhẫn. Bốn là thọ hoan hỷ tối thắng. Năm là chẳng bỏ hữu tình. Sáu là thường khởi đại Bi. Bảy là đem tâm kính tin để học hỏi, vâng lời, cúng dường Sư trưởng như phụng thờ chư Phật. Tám là siêng năng tu tập, cầu Ba-la-mật-đa. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ nhị địa, các Đại Bồ-tát nên chánh tư duy, nên siêng tu học, làm cho tám pháp này mau viên mãn.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ tam địa, các Đại Bồ-tát nên tinh tấn, chuyên cần an trú năm pháp. Những gì là năm? Một là siêng cầu đa văn, thường không nhàm chán pháp đã được nghe, cũng chẳng chấp trước văn tự. Hai là đem tâm vô nhiễm thường hành pháp thí, tuy giáo hóa rộng rãi nhưng chẳng tự cao. Ba là vì trang nghiêm tịnh độ nên trồng các căn lành, tuy dùng hồi hướng nhưng chẳng tự cao. Bốn là vì giáo hóa hữu tình, tuy không nhàm chán mỏi mệt với sinh tử vô biên nhưng cũng chẳng buông lung. Năm là tuy trụ vào tàm quý nhưng không chấp trước. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ tam địa, các Đại Bồ-tát phải thường an trú năm pháp này không được tạm rời.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ tứ địa, các Đại Bồ-tát nên thọ trì không bỏ mười pháp. Những gì là mười? Một là chẳng lìa bỏ chỗ vắng vẻ. Hai là thường thích ít ham muốn. Ba là thường ưa tri túc. Bốn là thường không lìa bỏ công đức Đầu-đà. Năm là thường không xả bỏ các học xứ. Sáu là phải sinh tâm nhàm lìa các dục lạc. Bảy là thường ưa phát khởi tâm tương ưng với Niết-bàn. Tám là thường ưa xả bỏ tất cả vật. Chín là bất cứ lúc nào tâm cũng chẳng mê muội. Mười là thường không luyến trước tất cả sự việc. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ tứ địa, các Đại Bồ-tát nên thọ trì không bỏ mười pháp này.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ ngũ địa, các Đại Bồ-tát nên xa lìa mười pháp. Những gì là mười? Một là nên xa lìa gia cư. Hai là nên xa lìa Bí-sô-ni. Ba là nên xa lìa nhà keo kiệt. Bốn là nên xa lìa hội chúng tranh cãi, tức giận. Năm là nên xa lìa sự khen mình, chê người. Sáu là nên xa lìa mười nghiệp đạo ác. Bảy là nên xa lìa sự Tăng thượng mạn. Tám là nên xa lìa sự điên đảo. Chín là nên xa lìa sự do dự. Mười là nên xa lìa tham, sân, si. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ ngũ địa, các Đại Bồ-tát nên xa lìa mười pháp này.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ lục địa, các Đại Bồ-tát nên viên mãn sáu pháp, nên xa lìa sáu pháp. Thế nào là viên mãn sáu pháp? Nghĩa là nên viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa như Bố thí… Thế nào gọi là xa lìa sáu pháp? Nghĩa là nên xa lìa sáu tâm hạ liệt. Một là nên xa lìa tâm Thanh văn. Hai là nên xa lìa tâm Độc giác. Ba là nên xa lìa tâm nhiệt não. Bốn là nên xa lìa tâm thấy kẻ hành khất đến mà không vui, bực bội. Năm là nên xa lìa tâm đã bố thí vật sở hữu rồi, còn luyến tiếc, ăn năn. Sáu là nên xa lìa tâm tìm cách lẫn tránh người đến cầu xin. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ lục địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn sáu pháp đã nói trước và nên xa lìa sáu pháp nói sau.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ thất địa, các Đại Bồ-tát thường nên xa lìa hai mươi pháp, thường nên viên mãn hai mươi pháp. Thế nào là thường nên xa lìa hai mươi pháp? Một là thường nên xa lìa chấp ngã cho đến chấp kiến giả. Hai là thường nên xa lìa chấp đoạn. Ba là thường nên xa lìa chấp thường. Bốn là thường nên xa lìa chấp tưởng tướng. Năm là thường nên xa lìa chấp kiến. Sáu là thường nên xa lìa chấp danh sắc. Bảy là thường nên xa lìa chấp uẩn. Tám là thường nên xa lìa chấp xứ. Chín là thường nên xa lìa chấp giới. Mười là thường nên xa lìa chấp sự thật. Mười một là thường nên xa lìa chấp duyên khởi. Mười hai là thường nên xa lìa chấp trụ trước ba cõi. Mười ba là thường nên xa lìa chấp tất cả pháp. Mười bốn là thường nên xa lìa chấp đối với tất cả pháp đúng lý và không đúng lý. Mười lăm là thường nên xa lìa kiến chấp quy y Phật. Mười sáu là thường nên xa lìa chấp kiến quy y Pháp. Mười bảy là thường nên xa lìa kiến chấp quy y Tăng. Mười tám là thường nên xa lìa kiến chấp y giới. Mười chín là thường nên xa lìa kiến chấp y không. Hai mươi là thường nên xa lìa tánh nhàm, sợ không. Vì sao gọi là thường nên viên mãn hai mươi pháp? Một là thường nên viên mãn thông đạt Không. Hai là thường nên viên mãn chứng được Vô tướng. Ba là thường nên viên mãn biết Vô nguyện. Bốn là thường nên

viên mãn thanh tịnh ba luân. Năm là thường nên viên mãn sự thương xót hữu tình nhưng không chấp trước hữu tình. Sáu là thường nên viên mãn sự thấy tất cả pháp tánh bình đẳng và ở trong đó không có sự chấp trước. Bảy là thường nên viên mãn sự thấy tánh bình đẳng của tất cả hữu tình và ở trong đó không có sự chấp trước. Tám là thường nên viên mãn sự thông suốt chân lý đưa đến cứu cánh và ở trong đó không có sự chấp trước. Chín là thường nên viên mãn trí Vô sinh nhẫn. Mười là thường nên viên mãn thuyết chân lý tất cả pháp đồng một tướng. Mười một là thường nên viên mãn sự diệt trừ phân biệt. Mười hai là thường nên viên mãn sự xa lìa các vọng tưởng. Mười ba là thường nên viên mãn sự xa lìa các kiến. Mười bốn là thường nên viên mãn sự xa lìa phiền não. Mười lăm là thường nên viên mãn sự thiện xảo khi tu chỉ quán. Mười sáu là thường nên viên mãn sự điều phục tâm tánh. Mười bảy là thường nên viên mãn sự vắng lặng tâm tánh. Mười tám là thường nên viên mãn tánh của trí vô ngại. Mười chín là thường nên viên mãn không có sự ái nhiễm. Hai mươi là thường nên viên mãn tùy theo tâm mong cầu cõi Phật, ở trong chúng hội đó mà hiện thân ra. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ thất địa, các Đại Bồ-tát thường nên xa lìa hai mươi pháp trước và thường nên viên mãn hai mươi pháp sau.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ bát địa các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn bốn pháp. Những gì là bốn? Một là thường nên viên mãn sự ngộ nhập tâm hành của tất cả hữu tình. Hai là thường nên viên mãn du hý thần thông. Ba là thường nên viên mãn sự tự trang nghiêm cõi Phật cho chính mình giống như các cõi Phật mà mình đã được thấy. Bốn là thường nên viên mãn phụng sự cúng dường chư Phật Thế Tôn, đối với thân Như Lai phải như thật quán sát. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ bát địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn bốn pháp này.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ cửu địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn bốn pháp. Những gì là bốn? Một là thường nên viên mãn trí căn thắng liệt. Hai là thường nên viên mãn nghiêm tịnh cõi Phật. Ba là thường nên viên mãn thường nhập các định như huyễn đẳng trì. Bốn là thường nên viên mãn làm cho căn lành của các hữu tình được thành thục mà nhập vào các cõi bằng cách giáo hóa chúng sinh. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ cửu địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn bốn pháp này.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ thập địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn mười hai pháp. Những gì là mười hai? Một là thường nên viên mãn lãnh thọ vô biên đại nguyện, không luận nơi nào, tùy theo sở nguyện

đều được thành tựu. Hai là thường nên viên mãn trí nghe được các loại âm thanh khác nhau: Chư Thiên, Long, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân… Ba là thường nên viên mãn biện thuyết vô ngại. Bốn là thường nên viên mãn nhập thai đầy đủ. Năm là thường nên viên mãn sự chào đời đầy đủ. Sáu là thường nên viên mãn gia tộc đầy đủ. Bảy là thường nên viên mãn dòng họ đầy đủ. Tám là thường nên viên mãn quyến thuộc đầy đủ. Chín là thường nên viên mãn sinh thân đầy đủ. Mười là thường nên viên mãn xuất gia đầy đủ. Mười một là thường nên viên mãn trang nghiêm cội Bồ-đề đầy đủ. Mười hai là thường nên viên mãn tất cả các công đức thành tựu đầy đủ. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ thập địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn mười hai pháp này. Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào trụ Đệ thập địa rồi thì đối với thắng pháp đã tu ở các địa trước, đều được viên mãn, cùng nói lời thích ứng giống với các Như Lai.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên khéo tu sửa nghiệp tịnh thắng ý lạc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, tu tập tất cả căn lành thù thắng, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp tịnh thắng ý lạc.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp bình đẳng tâm với tất cả hữu tình?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, phát bốn tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp bình đẳng tâm với tất cả hữu tình.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp xả thí tất cả?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào khi hành bố thí, không có sự phân biệt đối với tất cả hữu tình, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp xả thí tất cả.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thân cận bạn lành?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thấy các thiện hữu khuyến hóa hữu tình, khiến chúng tu tập trí Nhất thiết trí; liền gần gũi cung kính, cúng dường,

tôn trọng, ngợi khen, học giỏi chánh pháp, ngày đêm thừa phụng, tâm không biếng nhác, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp thân cận thiện hữu.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp siêng năng cầu chánh pháp?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, siêng năng cầu chánh pháp vô thượng của Như Lai, chẳng rơi vào Thanh văn và bậc Độc giác, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện khéo tu sửa nghiệp siêng cầu chánh pháp.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp thường muốn xuất gia?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dù sinh ở bất cứ nơi đâu, cũng nhàm chán cư gia ồn ào, phức tạp, chèn ép ngột ngạt như lao ngục; ngược lại thường vui thích Phật pháp và xuất gia thanh tịnh, tịch tĩnh vô vi, như hư không không ngăn ngại, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thường muốn xuất gia.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp kính mến thân Phật?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào trông thấy hình tướng Đức Phật dầu chỉ một lần cho đến khi chứng được trí Nhất thiết trí mà luôn luôn nhớ nghĩ đến Phật, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp kính mến thân Phật.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp xiển dương giáo pháp?

Thiện Hiện, khi Phật còn tái thế và sau khi Phật nhập Niết-bàn, Đại Bồ-tát nào vì các hữu tình mà xiển dương giáo pháp; đầu, giữa, sau đều thiện, văn nghĩa tinh xảo, thuần nhất viên mãn, phạm hạnh thanh tịnh, cụ thể là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, tự thuyết, bản sinh, bản sự, duyên khởi, thí dụ, phương quảng, hy pháp và luận nghị, thì đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp xiển dương giáo pháp.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp phá hoại kiêu mạn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường đem tâm cung kính, khiêm nhường, chế ngự tâm kiêu mạn, do đó không sinh vào dòng họ thấp hèn,

đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp phá hoại sự kiêu mạn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp thường ưa thích lời chân thật?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào biết đúng mới nói, lời nói và việc làm hợp nhau, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp thường ưa thích lời chân thật. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Sơ địa, các Đại Bồ-tát thường khéo tu trị mười thắng nghiệp này khiến chúng mau viên mãn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thanh tịnh tịnh giới?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào không khởi tâm Thanh văn, Độc giác… và các pháp khác phá giới, ngăn Bồ-đề, đó là Đại Bồ-tát thanh tịnh tịnh giới.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát biết ân và báo đáp ân?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào khi hành các hạnh thù thắng của Bồ-tát, được chút ân huệ của người, thì phải đền đáp xứng đáng, huống gì được ân lớn lại chẳng đền đáp cho tương xứng sao, đó mới là Đại Bồ-tát biết ân báo đáp ân.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát trụ năng lực an nhẫn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào mà tất cả hữu tình đều muốn phá hại nhưng Đại Bồ-tát ấy không hề có tâm bực tức, làm hại họ, đó là Đại Bồ-tát trụ năng lực an nhẫn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát cảm nhận sự hoan hỷ thù thắng?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thấy các hữu tình thành thục được hạnh Tam thừa, nên thâm tâm vui mừng, đó là Đại Bồ-tát nhận được sự hoan hỷ thù thắng.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát không bỏ hữu tình?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường cứu vớt khắp tất cả hữu tình, làm cho họ lìa xa khổ nạn, đó là Đại Bồ-tát không bỏ hữu tình.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường khởi đại Bi?

Thiện Hiện, khi hành các hạnh thù thắng của Bồ-tát, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: "Ta vì lợi ích tất cả hữu tình, dù nhiều kiếp như vô lượng, vô số cát sông Hằng, ở đại địa ngục chịu nhiều khổ sở nặng nề, hoặc đốt, hoặc nấu, hoặc chặt, hoặc cắt, hoặc treo, hoặc mài… hoặc giã, chịu vô lượng sự thống khổ như thế cho đến khi nào khiến các loài hữu tình kia cõi được xe

Như Lai mà nhập Niết-bàn. Cứ như vậy cho đến hết cảnh giới của tất cả hữu tình, nhưng tâm đại Bi của ta vẫn không lười mỏi. Đó là Đại Bồ-tát thường khởi đại Bi.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đem tâm kính tín các Sư trưởng, thừa phụng cúng dường như phụng sự chư Phật?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào vì mong cầu quả vị Giác ngộ cao tột ở vị lai mà cung kính, tùy thuận Sư trưởng nhưng không bị luyến ái, đó là Đại Bồ-tát đem tâm kính tín Sư trưởng, thừa phụng cúng dường như phụng thờ chư Phật.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát siêng cầu tu tập pháp Ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chuyên tâm tu học tất cả pháp Ba-la-mật-đa, chẳng đoái hoài đến các việc khác, chỉ mong muốn thành thục tất cả hữu tình, đó là Đại Bồ-tát siêng cầu tu tập Ba-la-mật-đa. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ nhị địa, các Đại Bồ-tát nên tư duy và học, khiến cho mau viên mãn tám pháp này.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát siêng cầu đa văn, thường không nhàm chán đối với pháp đã nghe, cũng không chấp trước văn tự?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào phát khởi sự siêng năng, tinh tấn và nghĩ rằng: Nếu tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong cõi Phật này hoặc mười phương thế giới, đã thuyết giảng chánh pháp, thì ta sẽ lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tu học rốt ráo, không để thiếu sót mà ở đó ta không chấp trước văn tự. Đó là Đại Bồ-tát siêng cầu đa văn, thường không nhàm chán đối với giáo pháp đã nghe rồi, cũng chẳng chấp trước văn tự.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đem tâm vô nhiễm thường hành pháp thí dù mở rộng sự giáo hóa nhưng chẳng tự cao?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào vì các hữu tình mà thuyết giảng chánh pháp chứ chẳng phải vì mình, đem căn lành này hồi hướng quả Bồ-đề, không phải để cầu những việc khác, tuy giáo hóa nhiều nhưng chẳng buông lung, kiêu căng, đó là Đại Bồ-tát thường đem tâm vô nhiễm thực hành pháp thí, dù mở rộng sự giáo hóa nhưng chẳng tự cao.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát vì nghiêm tịnh cõi Phật nên trồng các căn lành, tuy để hồi hướng nhưng chẳng tự cao?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tinh tấn, dũng mãnh tu các căn lành; vì muốn trang nghiêm cõi thanh tịnh của chư Phật, vì muốn thanh tịnh cõi

lòng của chính mình và của mọi người, tuy làm như vậy mà chẳng tự cao. Đó là Đại Bồ-tát vì nghiêm tịnh cõi Phật nên trồng các căn lành, tuy để hồi hướng mà chẳng tự cao.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát vì giáo hóa hữu tình mà chẳng nhàm chán với vô biên sinh tử, cũng không buông lung kiêu căng?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào vì muốn thành thục tất cả hữu tình nên trồng các căn lành, trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh, cho dù chưa viên mãn trí Nhất thiết trí, chưa thành tựu trọn vẹn tất cả Phật pháp, thì dù phải chịu vô biên sinh tử, khổ nhọc cũng không hề nhàm mỏi, cũng chẳng tự cao. Đó là Đại Bồ-tát vì giáo hóa hữu tình mà chẳng nhàm chán vô biên sinh tử cũng không buông lung kiêu căng.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tuy có hổ thẹn nhưng không chấp trước?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chuyên cầu quả vị Giác ngộ cao tột, vì đầy đủ hổ thẹn nên quyết không tạm khởi tác ý về Thanh văn, Độc giác, nhưng ở trong đó không chấp trước, không sinh nhàm chán và hủy báng. Đó là Đại Bồ-tát tuy có hổ thẹn nhưng không chấp trước. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ tam địa, các Đại Bồ-tát thường nên an trụ năm pháp như vậy, siêng năng, tinh tấn, tu tập, khiến mau viên mãn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát trú chỗ vắng vẻ thường chẳng từ bỏ?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào vì cầu quả vị Giác ngộ cao tột mà vượt những bậc của Thanh văn, Độc giác, thường chẳng từ bỏ chỗ vắng vẻ, đó là Đại Bồ-tát trú chỗ vắng vẻ, thường chẳng từ bỏ.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường ưa sự thiểu dục?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào không vì bản thân mà mong cầu quả vị Giác ngộ cao tột, huống chi mong cầu những việc của thế gian và hàng Nhị thừa, đó là Đại Bồ-tát thường ưa thiểu dục.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường ưa hỷ túc?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chuyên cầu quả vị Giác ngộ cao tột mà không chấp trước các việc khác, đó là Đại Bồ-tát thường ưa hỷ túc.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường chẳng lìa bỏ công đức Đầu-đà?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào xét kỹ pháp nhẫn trong giáo pháp thâm sâu của Phật, đó là Đại Bồ-tát thường chẳng lìa bỏ công đức Đầu-đà.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường chẳng xả bỏ các học xứ?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào giữ vững giới đã học, chẳng dời đổi nhưng ở trong đó cũng chẳng chấp giữ tướng của chúng, đó là Đại Bồ-tát thường chẳng xả bỏ các học xứ.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát phải sinh tâm nhàm chán và muốn xa lìa các dục lạc?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chẳng khởi lòng dục đối với dục lạc hấp dẫn, đó là Đại Bồ-tát sinh tâm nhàm chán, muốn xa lìa các dục lạc.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường muốn phát khởi tâm tương ưng Niết-bàn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thấu hiểu hết tất cả pháp, thường không tạo tác, đó là Đại Bồ-tát thường muốn phát khởi Niết-bàn tương ưng với tâm.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường muốn xả bỏ tất cả vật?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường không chấp giữ pháp bên trong, bên ngoài, đó là Đại Bồ-tát chẳng mê muội bất cứ lúc nào.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường không luyến tiếc tất cả sự việc?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chẳng bị tư duy về tất cả sự việc, đó là Đại Bồ-tát không luyến tiếc tất cả sự việc. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ tứ địa, các Đại Bồ-tát phải thường thọ trì, không được tạm ngưng đối với mười pháp này.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa gia cư?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chí tánh ưa dạo chơi cõi nước của chư Phật, sinh ở chỗ nào cũng muốn xuất gia, cạo bỏ râu tóc, ôm bình bát, mặc ba pháp y, hiện làm Sa-môn. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa gia cư.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa Bí-sô-ni?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường phải xa lìa các Bí-sô-ni, không cùng họ ở chung trong khoảng thời gian rất ngắn, chẳng được khởi tâm xấu về họ, đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa Bí-sô-ni.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa nhà keo kiệt?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào suy nghĩ như vậy: Ta nên vì lợi ích an vui lâu dài cho tất cả hữu tình, khiến hữu tình này nương nhờ phước lực của họ mà cảm được việc làm của thí chủ là tốt như vậy; vì thế ở trong đây, ta chớ

nên keo kiệt, ganh ghét. Suy nghĩ như vậy rồi, vị ấy xa lìa nhà keo kiệt. Đó là Đại Bồ-tát xa lìa nhà keo kiệt.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa hội chúng tranh cãi tức giận?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào suy nghĩ thế này: Hội chúng nào mà trong đó hoặc có hành Thanh văn và Độc giác, hoặc chủ yếu nói pháp tương ưng với hàng Nhị thừa, làm cho ta thoái lui tâm đại Bồ-đề. Vì thế, ta quyết định nên xa lìa chúng hội ấy. Lại nghĩ rằng: Những kẻ hay tức giận, tranh cãi ấy có thể làm cho các hữu tình phát khởi sự sân hại, tạo ra nhiều loại nghiệp ác bất thiện. Đối với đường lành còn chống trái, huống gì đại Bồ-đề; vì thế quyết định nên xa lìa sự tức giận tranh cãi. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa hội chúng tranh cãi tức giận.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự khen mình chê người?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào không thấy có pháp trong, pháp ngoài, thường xa lìa sự khen mình, chê người; đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự khen mình chê người.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa mười nghiệp đạo ác?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào suy nghĩ thế này: Đối với cảnh giới thiện của trời, người mà mười điều ác này còn ngăn ngại như vậy, huống gì đối với Thánh đạo và đại Bồ-đề, thế nên nhất định ta phải xa lìa chúng. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa mười nghiệp đạo ác.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự tăng thượng mạn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào hoàn toàn không thấy có các pháp trong và ngoài, đáng để mà phát khởi sự tăng thượng mạn. Vì thế nên quyết định xa lìa sự tăng thượng mạn như vậy, đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tăng thượng mạn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự điên đảo?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào quán các sự điên đảo hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, vì thế quyết định phải xa lìa sự điên đảo; đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự điên đảo.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự do dự?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào xét thấy sự do dự hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, vì thế nên quyết định xa lìa sự do dự; đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự do dự.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tham, sân, si?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào hoàn toàn không thấy có tham, sân, si, coi tham, sân, si như là ba độc nên phải xa lìa; đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tham, sân, si.

Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ ngũ địa, Đại Bồ-tát phải thường xa lìa, không nên gần gũi, tu tập theo mười pháp này.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, vượt qua các bậc Thanh văn, Độc giác… Nếu trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa này thì Thánh chúng, Tam thừa, năm loại sở tri có thể vượt qua, để đến bờ giác. Những gì là năm? Một là quá khứ. Hai là vị lai. Ba là hiện tại. Bốn là vô vi. Năm là chẳng thể nêu bày. Thế nên Đại Bồ-tát nhất định phải viên mãn bố thí… sáu pháp Ba-la-mật-đa. Đó là Đại Bồ-tát nên viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm Thanh văn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: "Tâm Thanh văn thừa chẳng phải đạo, để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa. Vì sao? Vì nhàm chán sinh tử. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm Thanh văn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm Độc giác?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: "Tâm Độc giác thừa chẳng phải đạo, để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa. Vì sao? Vì ưa thích Niết-bàn. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm Độc giác.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm nhiệt não?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: "Tâm nhiệt não lo sợ sinh tử, chẳng phải đạo, để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa tâm nhiệt não. Vì sao? Vì sợ sinh tử? Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm nhiệt não.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm mỗi khi thấy kẻ đến xin, sầu não chẳng vui?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: "Tâm ưa sầu, không vui này chẳng phải đạo để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa. Vì sao? Vì trái với từ bi. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm hễ thấy kẻ đến xin thì sầu não chẳng vui.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm nuối tiếc, buồn rầu, hối hận đối với vật sở hữu đã cho?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: "Tâm hối tiếc này chẳng phải đạo để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa. Vì sao? Vì trái nghịch với bản nguyện ban đầu. Nghĩa là trước đây, khi phát tâm Bồ-đề. Ta có nguyện rằng: Phàm ai đến xin những vật sở hữu của ta, ta đều theo nhu cầu của họ, chẳng để họ thiếu thốn. Tại sao hôm nay lại đối tránh họ? Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm đối tránh với kẻ đến xin.

Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ lục địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn sáu pháp nói ở sau, nhưng trong đó không có sự chấp giữ.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 491

Phẩm 3: Thiện Hiện (10)

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp ngã cho đến chấp cái thấy?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán ngã cho đến cái thấy hoàn toàn chẳng phải có. Vì sao? Vì tự tánh của ngã cho đến cái thấy, là chẳng thể nắm bắt được; đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp ngã cho đến chấp cái thấy.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp đoạn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tất cả pháp tánh là không thể đoạn. Vì sao? Vì nghĩa của tất cả pháp, hoàn toàn không sinh, không đoạn; đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp đoạn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp thường?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh tất cả pháp là thường, chẳng có. Vì sao? Vì tất cả pháp không sinh, không diệt, chẳng đoạn, chẳng thường. Đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp thường.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa tưởng tướng?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán pháp tạp nhiễm là hoàn toàn chẳng có. Vì sao? Vì pháp tạp nhiễm, tánh nó vốn xa lìa, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa tưởng tướng.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp kiến?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát không thấy có tự tánh của các kiến. Vì sao? Vì chỗ thấy của các pháp là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp kiến.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp danh sắc?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của danh sắc hoàn toàn không sở hữu. Vì sao? Vì danh sắc chân thật là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy

là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp danh sắc.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp uẩn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh các uẩn là hoàn toàn không sở hữu. Vì sao? Vì tánh của pháp tích tụ là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp uẩn?

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp xứ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh các xứ là hoàn toàn không sở hữu. Vì sao? Vì tánh pháp sinh môn là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp xứ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp giới?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh các giới là hoàn toàn không sở hữu. Vì sao? Vì tánh pháp trú trì là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp giới.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp đế?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh các đế đều không sở hữu. Vì sao? Vì pháp chẳng phải hư dối là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp đế.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp duyên khởi?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh duyên khởi đều là không sở hữu. Vì sao? Vì pháp vô minh, hành, thức... là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp duyên khởi.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp trú trước ba cõi?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh ba cõi đều không sở hữu. Vì sao? Vì pháp ràng buộc ba cõi là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp trú trước ba cõi.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp tất cả pháp?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của các pháp đều không sở hữu. Vì sao? Vì tự tánh của các pháp chỉ là giả dụ, thiết lập, giống như hư không, đều chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp tất cả pháp.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa sự chấp đối

với tất cả pháp như lý hoặc bất như lý?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh tất cả pháp không có là đúng lý, không đúng lý. Vì sao? Vì các pháp như vậy là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường xa lìa sự chấp đối với tất cả pháp đúng lý hoặc chẳng đúng lý.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Phật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ biết dựa vào việc thấy Phật thì không được thấy Phật. Vì sao? Vì tự tánh chân như Phật thì không thể thấy, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Phật.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Pháp?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ biết dựa vào việc thấy pháp thì không được thấy Pháp. Vì sao? Vì tự tánh chân như của Pháp thì không thể thấy, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Pháp.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Tăng?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ biết dựa vào tri kiến về Tăng thì không được thấy Tăng. Vì sao? Vì tự tánh chân như của Tăng là vô tướng, vô vi, là không thể thấy. Đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Tăng.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về giới?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ biết tánh tội phước đầy đủ, chẳng thật có. Vì sao? Vì tội hoặc phước chỉ giả dụ, thiết lập, nó chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về giới.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về không?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán các pháp của không, đều không sở hữu, đều không thể xem thấy. Vì sao? Vì tự tánh của không chẳng hữu, chẳng vô, không thể thấy. Đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về không.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa nhàm chán, sợ hãi, tánh không?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tất cả pháp tự tánh đều không, chẳng

phải không cùng với không mà có sự chống trái, cho nên việc nhàm chán, sợ hãi đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì các pháp hữu tánh, thì nên nhàm chán, sợ hãi; các pháp không phi hữu tánh, thì không nên nhàm chán, sợ hãi; đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa nhàm chán, sợ hãi tánh không.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn, thông đạt pháp Không?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát biết tất cả pháp tự tướng đều không thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn, thông đạt pháp Không.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn chứng đắc Vô tướng?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát không suy nghĩ tất cả tướng thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn chứng đắc Vô tướng.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn biết rõ Vô nguyện?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào đối với pháp trong ba cõi tâm không chỗ trụ, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn biết rõ Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thanh tịnh ba luân?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào viên mãn thanh tịnh mười nẻo nghiệp thiện, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thanh tịnh ba luân.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thương xót hữu tình và đối với loài hữu tình không có chỗ chấp trước?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào đã được đại Bi và làm trang nghiêm tịnh độ, hoàn toàn không có chỗ chấp trước, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thương xót hữu tình và đối với loài hữu tình không có chỗ chấp trước.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy tánh bình đẳng đối với tất cả pháp và không chấp trước những điều trong đó?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không tăng, không giảm và không chấp giữ, không trú trước những điều trong đó, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy tánh bình đẳng đối với tất cả pháp và không chấp trước những điều trong đó.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy tánh bình đẳng đối với các loài hữu tình và không chấp trước những điều trong đó?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các loài hữu tình không tăng, không giảm và không chấp giữ, không trú trước những điều trong đó, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy tánh bình đẳng đối với các loài hữu tình và không chấp trước những điều trong đó.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thông suốt rốt ráo đối với pháp chân thật lý thú và không chấp trước những điều trong đó?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp chân thật lý thú, tuy thật thông đạt mà không có chỗ thông đạt và không chấp giữ không trú trước những điều trong đó, thì đấy là Đại Bồ-tát thường viên mãn thông suốt rốt ráo đối với pháp chân thật lý thú và không chấp trước những điều trong đó.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn trí Vô sinh nhẫn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nhẫn nhục với tất cả pháp, biến nó không sinh, không diệt, không tạo, không tác và biết rõ danh sắc hoàn toàn không sinh, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn trí Vô sinh nhẫn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thuyết tất cả pháp nhất tướng lý thú?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không hành hai tướng, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thuyết tất cả pháp nhất tướng lý thú.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn diệt trừ phân biệt?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, không có sự phân biệt, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn diệt trừ phân biệt.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa các tưởng?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường nên xa lìa tất cả tưởng nhỏ tưởng lớn và tưởng vô lượng, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa các tưởng.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa các kiến?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát xa lìa các kiến của Thanh văn, Độc giác..., thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa các kiến.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn xa lìa phiền não?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát xả bỏ tất cả sự liên tục của tập khí phiền não hữu lậu, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa phiền não.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn khéo léo thực hành phép chỉ quán?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu hành trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn khéo léo thực hành phép chỉ quán.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn điều phục tâm tánh?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát ở trong các pháp của ba cõi mà không đắm trước, không lạc thú, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn điều phục tâm tánh.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tịch tĩnh tâm tánh?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát hộ trì hoàn toàn sáu căn, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tịch tĩnh tâm tánh.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn tánh vô ngại trí?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu hành chứng đắc Phật nhãn, đối với tất cả pháp quyết định rõ ràng, không chướng ngại, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn tánh vô ngại trí.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn không bị ái nhiễm?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát ở trong sáu xứ, vui vẻ xả bỏ hoàn toàn, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn không ái nhiễm bất cứ điều gì.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy tâm ý, muốn qua chỗ nào ở các cõi Phật và tự thân được tham dự trong hội chúng của chư Phật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nào tu hành đạt được thần thông thù thắng, đến các cõi Phật, để phụng sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn và thỉnh chuyển pháp luân, làm lợi ích cho tất cả, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy tâm ý, muốn qua chỗ nào ở các cõi Phật và tự thân được tham dự trong hội chúng của chư Phật.

Thiện Hiện nên biết, khi các Đại Bồ-tát an trụ ở Đệ thất địa thì thường nên xa lìa hai mươi pháp trên và viên mãn hai mươi pháp sau.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn ngộ nhập tâm hành tất cả hữu tình?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nhất tâm cùng với trí như thật biết, hành tướng sai biệt của tâm và tâm sở đối với tất cả hữu tình, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn ngộ nhập tâm hành tất cả hữu tình.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn du hý thần thông?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường dùng các loại thần thông tự tại du hý là để thân cận cúng dường chư Phật từ một cõi Phật đến một cõi Phật chứ không sinh vọng tưởng ở cõi Phật, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn du hý thần thông.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy các cõi Phật và theo chỗ đã thấy mà tự trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trụ trong một cõi Phật, có thể thấy mười phương vô biên cõi Phật và cũng có thể thị hiện, nhưng thường không sinh vọng tưởng ở cõi Phật. Lại vì thành thục các hữu tình, cho nên thị hiện Chuyển luân vương ở khắp thế giới ba lần ngàn, để tự trang nghiêm và có thể xả bỏ mà không chấp trước, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy các cõi Phật và theo chỗ đã thấy mà tự trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là địa Bồ-tát thường nên viên mãn phụng sự cúng dường chư Phật Thế Tôn và đối với thân Như Lai, quán sát như thật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì muốn đem lợi ích cho các hữu tình, nên đối với nghĩa thú các pháp, như thật phân biệt. Như vậy gọi là vì pháp mà phụng sự cúng dường chư Phật, lại quán sát rõ pháp thân chư Phật, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên phụng sự cúng dường viên mãn chư Phật Thế Tôn và đối với thân Như Lai, quán sát như thật.

Thiện Hiện, thầy nên biết khi Đại Bồ-tát an trụ ở Đệ bát địa thì đối với bốn pháp này thường được viên mãn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn trí căn hơn kém?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trụ trong mười phương Phật, như thật biết rõ các căn hơn kém của tất cả hữu tình, thì đấy là Đại Bồ-tát thường

nên viên mãn trí căn hơn kém.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để trang nghiêm thanh tịnh tâm hành của tất cả hữu tình và không bị chấp trước, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật viên mãn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn các định sổ nhập đẳng trì như huyễn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trụ định đẳng trì này, tuy có thể thành tựu tất cả sự nghiệp nhưng tâm không chao động đối với các pháp, lại tu rất thành thục môn đẳng trì, cho nên không cần tạo gia hành mà luôn hiện tiền, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn các định sổ nhập đẳng trì như huyễn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn tùy theo căn lành thuần thục của các hữu tình mà tự nguyện thị hiện vào trong các cõi để hóa sinh?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì muốn thành thục căn lành thù thắng cho các hữu tình, theo chỗ thích nghi để thị hiện thọ sinh vào trong các cõi, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn tùy theo căn lành thuần thục của các hữu tình mà tự nguyện thị hiện vào trong các cõi để hóa sinh.

Thiện Hiện nên biết, khi các Đại Bồ-tát an trụ nơi đệ cửu địa, thì đối với bốn pháp này thường được viên mãn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy theo đại nguyện mà nhiếp thọ vô biên xứ và theo sở nguyện của chúng sinh mà làm họ chứng đắc?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đã tu sáu pháp Ba-la-mật-đa rất viên mãn, hoặc vì trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, hoặc vì thành thục các loài hữu tình và tùy theo tâm sở nguyện, đều làm viên mãn không thiếu sót, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy theo đại nguyện mà nhiếp thọ vô biên xứ và theo sở nguyện của chúng sinh làm cho họ chứng đắc.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy theo các loại âm thanh, trí tuệ khác nhau của các loài Trời, Rồng, nói rộng đến Nhân phi nhân mà thuyết pháp?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu tập thù thắng từ vô ngại giải, khéo biết âm thanh, ngôn ngữ khác nhau của hữu tình, thì đấy là Đại Bồ-tát thường

nên tùy theo các loại âm thanh, trí tuệ khác nhau của các loài Trời, Rồng, nói rộng đến, Thần, Nhân phi nhân mà thuyết pháp.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn khi thuyết pháp biện tài vô ngại?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu tập thù thắng biện tài vô ngại giải, rồi vì các hữu tình mà diễn thuyết vô tận, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn khi thuyết pháp biện tài vô ngại.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn nhập thai đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thực sự hóa sinh khắp tất cả chỗ, chỉ vì lợi ích cho hữu tình mà thị hiện nhập thai. Trong quá trình nhập thai, đều hiện đầy đủ các điều thù thắng, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn nhập thai đầy đủ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn xuất sinh đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát trong khi xuất sinh, thị hiện các điều hy hữu thù thắng, làm cho các hữu tình thấy đều hoan hỷ, được lợi ích lớn, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn xuất thai đầy đủ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn sinh trong gia tộc cao quý?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường sinh trong dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, hoặc dòng dõi lớn Bà-la-môn, chỗ bẩm thọ cha mẹ không thể chê trách, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn sinh trong gia tộc cao quý.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn ở trong chủng tánh đầy đủ.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường sinh trong dòng họ các Đại Bồ-tát thời quá khứ, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn ở trong chủng tánh đầy đủ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn vì quyến thuộc được đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ dùng thuần nhất vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát làm quyến thuộc, ngoài ra không xen tạp các hàng khác, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn quyến thuộc thường đầy đủ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn vì thân sinh thường hoàn hảo?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi mới sinh ra, ở nơi thân đầy đủ các tướng tốt, phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp, vô biên các thế giới chư Phật đồng thời các loài hữu tình trong các thế giới ấy cũng biến động sáu cách, ai gặp cũng đều được lợi ích an vui, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn vì thân sinh thường hoàn hảo.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xuất gia?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi xuất gia, thì vô lượng, vô số trăm ngàn muôn ức chúng vây quanh trước sau, tôn trọng ngợi khen. Khi đến đạo tràng, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, tay cầm bình bát, làm thầy dẫn đường cho vô lượng, vô biên hữu tình bằng giáo lý Tam thừa cho đến lúc viên tịch; đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xuất gia.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn trang nghiêm cây Bồ-đề?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát căn lành thù thắng, nguyện lực rộng lớn, cảm ứng cây đại Bồ-đề như vầy: Ngọc lưu ly lấy làm thân cây, vàng ròng làm gốc, nhánh lá hoa quả đều dùng bảy báu thượng diệu làm thành. Cây ấy cao rộng phủ khắp thế giới ba lần ngàn cõi Phật. Ánh sáng tỏa khắp hằng hà sa cõi Phật ở mười phương thế giới. Các loài hữu tình trông thấy đều được lợi ích, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn trang nghiêm cây Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tất cả công đức được thành biện đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đầy đủ tư lương phước tuệ thù thắng, lại thành thục các hữu tình và làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tất cả công đức được thành biện đầy đủ.

Thiện Hiện nên biết, khi các Đại Bồ-tát an trụ nơi Đệ thập địa, thường nên viên mãn mười hai pháp này.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi đã an trụ nơi Đệ thập địa rồi, đối với việc tu hành thắng pháp của các địa trước đều được viên mãn, đồng với chư Như Lai tuyên thuyết không khác?

Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này đã viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; đã viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đã viên mãn ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đã viên mãn nội pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đã viên mãn chân như

cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đã viên mãn bốn Thánh đế; đã viên mãn, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; đã viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đã viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; đã viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đầy đủ trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng. Lại luôn luôn đoạn trừ sự tương tục tất cả phiền não tập khí, liền được an trú Phật địa. Do đó cho nên nói, Đại Bồ-tát đã an trụ ở Thập địa, đối với việc tu hành thắng pháp ở các địa trước đều được viên mãn cùng với chư Như Lai tuyên thuyết không khác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát an trụ ở Thập địa hướng đến Như Lai địa như thế nào?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này dùng phương tiện thiện xảo, thực hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Đầy đủ trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng; vượt qua bậc Tịnh quán, bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát. Lại đoạn trừ hẳn sự tương tục tất cả phiền não tập khí, liền thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và an trụ địa vị Như Lai.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy là an trụ ở Thập địa hướng đến Như Lai địa. Như thế Thiện Hiện nên biết, đó là các Đại Bồ-tát phát tâm, hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, thầy có thể hỏi tiếp như vầy: "Đại thừa từ đâu ra và đến an trụ ở đâu?"

Thiện Hiện nên biết, Đại thừa từ trong ba cõi ra và đến an trụ trong trí Nhất thiết trí. Lại dùng pháp môn không hai làm phương tiện, cho nên không xuất cũng không trụ. Vì sao? Vì nếu Đại thừa hoặc trí Nhất thiết trí, hai pháp như vậy không hợp cũng không tan; chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến; chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối; đều đồng một tướng gọi là không tướng. Pháp của không tướng thì không xuất, không trụ. Vì sao? Vì pháp không tướng chẳng phải đã xuất, đã trụ, chẳng phải sẽ xuất, sẽ trụ, chẳng phải đang xuất, đang trụ…

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn cho chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không

hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh xa lìa sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều không có thể ra ngoài ba cõi, cũng không có thể đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì chân như, tự tánh của chân như đều là không, cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh của cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới tịch tĩnh, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh giới không tánh, cảnh giới không tướng, cảnh giới không tạo tác, cảnh giới vô vi cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi đều không thể ra ngoài ba cõi, cũng không thể đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì cảnh giới đoạn, tự tánh của cảnh giới đoạn là không cho đến cảnh giới vô vi, tự tánh của cảnh giới vô vi cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn sắc không cho đến thức không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì sắc không cho đến thức không đều không có thể ra ngoài ba cõi, cũng không có thể đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì sắc không, tự tánh của sắc không là không, cho đến thức không, tự tánh của thức không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn nhãn xứ không cho đến ý xứ không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhãn xứ không cho đến ý xứ không, đều không có thể ra ngoài ba cõi, cũng không thể an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhãn xứ không, tự tánh của nhãn xứ không là không; cho đến ý xứ không, tự tánh của ý xứ không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn sắc xứ không cho đến pháp xứ không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì sắc xứ không cho đến pháp xứ không, đều không có thể ra ngoài ba cõi, cũng không thể an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì sắc xứ không, tự tánh của sắc xứ không là không; cho đến pháp xứ không, tự tánh của pháp xứ không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ, chỉ vì muốn nhãn giới không cho đến ý giới không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhãn giới không cho đến ý giới không, đều không

thể ra ngoài ba cõi, cũng không thể đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhãn giới không, tự tánh của nhãn giới không là không, cho đến ý giới không, tự tánh của ý giới không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn sắc giới không cho đến pháp giới không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì sắc giới không cho đến pháp giới không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì sắc giới không, tự tánh của sắc giới không là không, cho đến pháp giới không, tự tánh của pháp giới không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn nhãn thức giới không cho đến ý thức giới không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhãn thức giới không cho đến ý thức giới không, đều không thể ra ngoài ba cõi cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhãn thức giới không, tự tánh của nhãn thức giới không là không, cho đến ý thức giới không, tự tánh của ý thức giới không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn nhãn xúc không cho đến ý xúc không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhãn xúc không cho đến ý xúc không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhãn xúc không, tự tánh của nhãn xúc không là không, cho đến ý xúc không, tự tánh của ý xúc không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng là không, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không, tự tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn địa giới không, cho đến thức giới không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì địa giới không, cho đến thức giới không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì địa giới không, tự tánh của địa giới không là không, cho đến thức giới không,

tự tánh của thức giới không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn nhân duyên không, cho đến tăng thượng duyên không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhân duyên không, cho đến tăng thượng duyên không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhân duyên không, tự tánh của nhân duyên không, cho đến tăng thượng duyên không, tự tánh của tăng thượng duyên không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn vô minh không, cho đến lão tử không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì vô minh không, cho đến lão tử không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì vô minh không, tự tánh của vô minh không đều là không, cho đến lão tử không, tự tánh của lão tử không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn cảnh mộng, việc huyễn, tiếng vang, ảnh trong gương, quáng nắng, hoa đốm trong hư không, thành Tầm hương, các việc biến hóa, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì cảnh mộng, cho đến việc biến hóa, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì cảnh mộng, tự tánh của cảnh mộng là không, cho đến việc biến hóa, tự tánh của việc biến hóa cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn Bố thí ba-la-mật-đa không cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa không cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa không, tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa không đều là không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không, tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp không bên trong, tự tánh của pháp không bên trong là không cho đến pháp không không tánh tự tánh, tự tánh của pháp không không tánh tự tánh cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không, tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bốn Niệm trụ không cho đến tám chi Thánh đạo không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ không cho đến tám chi Thánh đạo không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ không, tự tánh của bốn Niệm trụ không đều là không, cho đến tám chi Thánh đạo không, tự tánh của tám chi Thánh đạo không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ, chỉ vì muốn bốn Tĩnh lự không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự không, tự tánh của bốn Tĩnh lự không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bốn Vô lượng không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bốn Vô lượng không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bốn Vô lượng không, tự tánh của bốn Vô lượng không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bốn Định vô sắc không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bốn Định vô sắc không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bốn Định vô sắc không, tự tánh của bốn Định vô sắc không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không, tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không, cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có

xuất, có trụ; chỉ vì muốn tám Giải thoát không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì tám Giải thoát không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tám Giải thoát không, tự tánh của tám Giải thoát không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn chín Định thứ đệ không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì chín Định thứ đệ không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì chín Định thứ đệ không, tự tánh của chín Định thứ đệ không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bậc Tịnh quán không cho đến bậc Như Lai không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán không cho đến bậc Như Lai không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán không, tự tánh của bậc Tịnh quán không là không, cho đến bậc Như Lai không, tự tánh của bậc Như Lai không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bậc Cực hỷ không cho đến bậc Pháp vân không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ không cho đến bậc Pháp vân không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ không, tự tánh của bậc Cực hỷ không là không, cho đến bậc Pháp vân không, tự tánh của Pháp vân không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không là không, tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn năm loại mắt, sáu phép thần thông không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông không, tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có

xuất, có trụ; chỉ vì muốn mười lực của Như Lai không cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai không cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không, đều không ra ngoài ba cõi cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai không, tự tánh của mười lực của Như Lai không đều là không, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không, tự tánh của mười tám pháp Phật bất cộng không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không, tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không, tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bậc Dự lưu lại sinh ác thú, bậc Nhất lai lại thường sinh trở lại, bậc Bất hoàn lại sinh cõi Dục, chư Bồ-tát lại sinh tâm tự lợi, A-la-hán, Độc giác, Như Lai lại sinh thân đời sau, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bậc Dự lưu lại sinh ác thú cho đến Như Lai lại sinh thân đời sau, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Dự lưu lại sinh ác thú, tự tánh của Dự lưu lại sinh ác thú đều là không, cho đến Như Lai lại sinh thân đời sau, tự tánh của Như Lai lại sinh thân đời sau cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất có trụ chỉ vì muốn bậc Dự lưu không cho đến Như Lai không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bậc Dự lưu không, cho đến Như Lai không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bậc Dự lưu không, tự tánh của Dự lưu không đều là không, cho đến Như Lai không, tự tánh của Như Lai không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có

xuất, có trụ; chỉ vì muốn danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ, tự tánh của danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ chỉ vì muốn pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi, tự tánh của pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi đều là không.

Thiện Hiện nên biết, do các sự kiện này cho nên Ta thuyết rằng: Đại thừa ra ngoài ba cõi, đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Rồi dùng pháp môn không hai làm phương tiện, cho nên không xuất, không trụ. Vì sao? Vì pháp của không tướng là không động chuyển, cho nên không thể nói có xuất, có trụ.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 492

Phẩm 3: Thiện Hiện (11)

Lại nữa Thiện Hiện, tiếp đó ông lại hỏi: "Đại thừa như vậy là trụ ở đâu?"

Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như vậy đều không chỗ trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không chỗ trụ. Vì sao? Vì chỗ trụ của các pháp là chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, như vậy Đại thừa dùng vô sở đắc làm phương tiện, để an trụ nơi không chỗ trụ. Thiện Hiện, ví như chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh chân như cho đến tự tánh cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì chân như, tự tánh của chân như là không, cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh của cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng là không.

Thiện Hiện, ví như cảnh giới đoạn, cảnh giới xa lìa, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới vắng lặng, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh không nhiễm, cảnh giới không tịnh, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, đều chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh cảnh giới đoạn cho đến tự tánh cảnh giới vô vi, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do cảnh giới đoạn, tự tánh của cảnh giới đoạn đều là không, cho đến cảnh giới vô vi, tự tánh của cảnh giới vô vi cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như sắc uẩn cho đến thức uẩn, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh sắc uẩn cho đến tự tánh thức uẩn, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do sắc uẩn, tự tánh của sắc uẩn là không, cho đến

thức uẩn, tự tánh của thức uẩn cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như nhãn xứ cho đến ý xứ, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhãn xứ cho đến tự tánh ý xứ, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do nhãn xứ, tự tánh của nhãn xứ là không, cho đến ý xứ, tự tánh của ý xứ cũng là không.

Thiện Hiện, ví như sắc xứ cho đến pháp xứ, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh sắc xứ cho đến tự tánh pháp xứ, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do sắc xứ, tự tánh của sắc xứ là không, cho đến pháp xứ, tự tánh của pháp xứ cũng là không.

Thiện Hiện, ví như nhãn giới cho đến ý giới, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhãn giới cho đến tự tánh ý giới, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do nhãn giới, tự tánh của nhãn giới là không, cho đến ý giới, tự tánh của ý giới cũng là không.

Thiện Hiện, ví như sắc giới cho đến pháp giới, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh sắc giới cho đến tự tánh pháp giới, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì sắc giới, tự tánh sắc giới là không, cho đến pháp giới, tự tánh của pháp giới cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như nhãn thức giới cho đến ý thức giới, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhãn thức giới cho đến tự tánh ý thức giới, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì nhãn thức giới, tự tánh của nhãn thức giới là không, cho đến ý thức giới, tự tánh của ý thức giới cũng là không.

Thiện Hiện, ví như nhãn xúc cho đến ý xúc, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhãn xúc cho đến tự tánh ý xúc đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì nhãn xúc, tự tánh của nhãn xúc là không, cho đến ý xúc, tự tánh của ý xúc cũng là không.

Thiện Hiện, ví như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tự tánh các thọ do ý xúc làm

duyên sinh ra, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, tự tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như địa giới cho đến thức giới, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh địa giới cho đến tự tánh thức giới đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì địa giới, tự tánh của địa giới là không; cho đến thức giới, tự tánh của thức giới cũng là không.

Thiện Hiện, ví như nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhân duyên cho đến tự tánh tăng thượng duyên, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì nhân duyên, tự tánh của nhân duyên là không, cho đến tăng thượng duyên, tự tánh của tăng thượng duyên cũng là không.

Thiện Hiện, ví như vô minh cho đến lão tử chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh vô minh cho đến tự tánh lão tử đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì vô minh, tự tánh của vô minh là không, cho đến lão tử, tự tánh của lão tử cũng là không.

Thiện Hiện, ví như cảnh mộng, việc huyễn, tiếng vang, ảnh trong gương, quáng nắng, hoa đốm hư không, thành Tầm hương, các việc biến hóa cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của cảnh mộng cho đến tự tánh các việc biến hóa đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì cảnh mộng, tự tánh của cảnh mộng là không, cho đến các việc biến hóa, tự tánh của các việc biến hóa cũng là không.

Thiện Hiện, ví như Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa, tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là không.

Thiện Hiện, ví như pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng

phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp không bên trong cho đến tự tánh của pháp không không tánh tự tánh, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì pháp không bên trong, tự tánh của pháp không bên trong là không, cho đến pháp không không tánh tự tánh, tự tánh của pháp không không tánh tự tánh cũng là không.

Thiện Hiện, ví như Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều là không.

Thiện Hiện, ví như bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bốn Niệm trụ cho đến tự tánh tám chi Thánh đạo đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ, tự tánh của bốn Niệm trụ là không, cho đến tám chi Thánh đạo, tự tánh của tám chi Thánh đạo cũng là không.

Thiện Hiện, ví như bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều là không.

Thiện Hiện, ví như pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của tám Giải thoát, tự tánh của chín Định thứ đệ đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì tám Giải thoát và chín Định thứ đệ, tự tánh của tám Giải thoát và chín Định thứ đệ đều là không.

Thiện Hiện, ví như bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Tịnh quán cho đến tự tánh bậc Như Lai

đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán, tự tánh của bậc Tịnh quán là không, cho đến bậc Như Lai, tự tánh của bậc Như Lai cũng là không.

Thiện Hiện, ví như bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Cực hỷ cho đến tự tánh bậc Pháp vân đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ, tự tánh của bậc Cực hỷ là không, cho đến bậc Pháp vân, tự tánh của bậc Pháp vân cũng là không.

Thiện Hiện, ví như tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tự tánh tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, của tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều là không.

Thiện Hiện, ví như năm loại mắt, sáu phép thần thông, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh năm loại mắt, tự tánh sáu phép thần thông đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông đều là không.

Thiện Hiện, ví như mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh mười lực của Phật cho đến tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì mười lực của Phật, tự tánh của mười lực của Phật là không, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tự tánh của mười tám pháp Phật bất cộng cũng là không.

Thiện Hiện, ví như pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều là không.

Thiện Hiện, ví như trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì tự tánh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí

Nhất thiết tướng đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều là không.

Thiện Hiện, ví như bậc Dự lưu mà lại sinh ác thú. Bậc Nhất lai thường sinh lại. Bậc Bất hoàn lại sinh cõi Dục, các vị Bồ-tát lại sinh tự lợi. A-la-hán, Độc giác, Như Lai lại có sinh thân đời sau... chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Dự lưu mà lại sinh ác thú cho đến tự tánh Như Lai mà lại có sinh thân đời sau, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bậc Dự lưu mà lại sinh ác thú, tự tánh của bậc Dự lưu lại sinh ác thú là không, cho đến Như Lai mà lại có sinh thân đời sau, tự tánh của Như Lai mà lại có sinh thân đời sau cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như bậc Dự lưu hướng, Dự lưu quả; Nhất lai hướng, Nhất lai quả; Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả; A-la-hán hướng, A-la-hán quả; Độc giác hướng, Độc giác quả, tất cả hạnh Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Dự lưu hướng cho đến tự tánh quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do bậc Dự lưu hướng, tự tánh của bậc Dự lưu hướng là không, cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng là không.

Thiện Hiện, ví như danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ; tự tánh của danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ đều là không.

Thiện Hiện, ví như không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi; tự tánh của các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi đều là không.

Thiện Hiện, do các điều trên cho nên Ta nói: "Như vậy Đại thừa tuy không chỗ trụ, nhưng dùng pháp môn không hai làm phương tiện, nên trụ mà không chỗ trụ."

Lại nữa Thiện Hiện, câu hỏi sau của ông là "Ai giải thoát bằng cách tu tập Đại thừa?"

Thiện Hiện nên biết, hoàn toàn không có thừa nào là Đại thừa để giải thoát cả. Vì sao? Vì việc tu tập Đại thừa hay người tu tập theo Đại thừa; do đấy, vì vậy, hoặc nơi, hoặc lúc; tất cả như vậy đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tất cả pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cho nên không thể nói có chỗ tu hành, hoặc có người tu hành Đại thừa, do đây, vì vậy, hoặc nơi, hoặc lúc; do nhân duyên này cho nên nói, không có thừa nào là Đại thừa để giải thoát cả. Vì sao? Vì tất cả pháp hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, ngã là không sở hữu, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh. Như vậy hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết, cái thấy cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, cảnh giới đoạn, cảnh giới xa lìa, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới vắng lặng, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh giới không nhiễm, cảnh giới không tịnh, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được;. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, sắc uẩn cho đến thức uẩn đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, nhãn xứ cho đến ý xứ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, sắc xứ cho đến pháp xứ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, nhãn giới cho đến ý giới đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, sắc giới cho đến Pháp giới đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện hiện nên biết, nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều không sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được; cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao vậy? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, nhãn xúc cho đến ý xúc đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, địa giới cho đến thức giới đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, vô minh cho đến lão tử đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, cảnh mộng, việc huyễn, tiếng vang, ảnh trong gương, quáng nắng, hoa đốm hư không, thành Tầm hương, các việc biến hóa... đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và

thanh tịnh.

Thiện Hiện, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, năm loại mắt, sáu phép thần thông đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bậc Dự lưu mà lại sinh ác thú; bậc Nhất lai thường sinh lại; bậc Bất hoàn lại sinh Dục giới; các vị Bồ-tát sinh tâm tự lợi; A-la-hán, Độc giác, Như Lai lại thường sinh thân đời sau đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bậc Dự lưu hướng, Dự lưu quả; Nhất lai hướng, Nhất lai quả; Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả; A-la-hán hướng, A-la-hán quả; Độc giác hướng, Độc giác quả; tất cả các hạnh của Bồ-tát Ma-ha-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn ngữ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, trước, sau, giữa đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, hoặc qua, hoặc lại, hoặc đi, hoặc đứng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, hoặc chết, hoặc sống, hoặc tăng, hoặc giảm đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thành thục các hữu tình

đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Lại nữa Thiện Hiện, pháp nào trong đây là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh ngã ấy cho đến tánh cái thấy là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh ngã cho đến tánh cái thấy, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh chân như ấy cho đến tánh cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh chân như cho đến tánh chẳng thể nghĩ bàn giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh cảnh giới đoạn ấy cho đến tánh cảnh giới vô vi là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh cảnh giới đoạn cho đến tánh cảnh giới vô vi, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh sắc uẩn ấy cho đến tánh thức uẩn là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh sắc uẩn cho đến tánh thức uẩn, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh nhãn xứ cho đến tánh ý xứ là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn xứ cho đến tánh ý xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong sắc xứ tánh ấy cho đến tánh pháp xứ là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh sắc xứ cho đến tánh pháp xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh nhãn giới ấy cho đến tánh ý giới là chẳng thể

nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn giới cho đến tánh ý giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh sắc giới ấy cho đến tánh pháp giới là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh sắc giới cho đến tánh pháp giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh nhãn thức giới ấy cho đến tánh ý thức giới là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn thức giới cho đến tánh ý thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh nhãn xúc ấy cho đến tánh ý xúc là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn xúc cho đến tánh ý xúc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ấy cho đến tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh địa giới ấy cho đến tánh thức giới là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh địa giới cho đến tánh thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh nhân duyên ấy cho đến tánh tăng thượng duyên là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhân duyên cho đến tánh tăng thượng duyên, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh vô minh ấy cho đến tánh lão tử là

chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh vô minh cho đến tánh lão tử chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh cảnh mộng cho đến tánh của các việc biến hóa là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh cảnh mộng cho đến tánh các việc biến hóa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh pháp không bên trong ấy cho đến tánh pháp không không tánh tự tánh, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh pháp không bên trong cho đến tánh pháp không không tánh tự tánh, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh bốn Niệm trụ ấy cho đến tánh tám chi Thánh đạo chỉ là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bốn Niệm trụ cho đến tánh tám chi Thánh đạo, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô

tướng, Vô nguyện là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh tám Giải thoát, chín Định thứ đệ là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh tám Giải thoát, chín Định thứ đệ chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh bậc Tịnh quán ấy cho đến tánh bậc Như Lai là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bậc Tịnh quán cho đến tánh bậc Như Lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh bậc Cực hỷ ấy cho đến tánh bậc Pháp vân là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bậc Cực hỷ cho đến tánh bậc Pháp vân, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh mười lực của Phật ấy cho đến tánh mười tám pháp Phật bất cộng là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh mười lực của Phật cho đến tánh mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh pháp không quên mất, tánh luôn luôn

xả là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của Dự lưu mà lại sinh ác thú cho đến tánh Như Lai lại có sinh thân đời sau là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Dự lưu mà lại sinh ác thú cho đến tánh Như Lai lại có sinh thân đời sau, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của các bậc Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, tất cả hạnh Bồ-tát Ma-ha-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của các bậc Dự lưu hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của bậc Dự lưu cho đến tánh của Như Lai là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của bậc Dự lưu cho đến tánh của Như Lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn thuyết, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của danh tự, giả tưởng, thiết lập, ngôn thuyết, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của các pháp không

sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh giai đoạn đầu, giữa, sau là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của giai đoạn đầu, giữa, sau, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của hoặc qua, hoặc lại, hoặc đi, hoặc đứng, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của hoặc qua, hoặc lại, hoặc đi, hoặc đứng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của hoặc chết, hoặc sống, hoặc tăng, hoặc giảm, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của hoặc chết, hoặc sống, hoặc tăng, hoặc giảm, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, đem lại sự thành tựu cho hữu tình là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc cho đến thức, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đây, sắc cho đến thức, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn xứ cho đến ý xứ, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, nhãn xứ cho đến ý xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sắc xứ cho đến pháp xứ, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được,

cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, sắc xứ cho đến pháp xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn giới cho đến ý giới, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, nhãn giới cho đến ý giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sắc giới cho đến pháp giới, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, sắc giới cho đến pháp giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn xúc cho đến ý xúc, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, nhãn xúc cho đến ý xúc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được;. Vì sao? Vì trong đó các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, địa giới cho đến thức giới, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong ấy địa giới

cho đến thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, vô minh cho đến lão tử, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, vô minh cho đến lão tử, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng

phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó tám Giải thoát, chín thú đệ định, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, năm loại mắt, sáu phép thần thông; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó năm loại mắt, sáu phép thần thông, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật

bất cộng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, Dự lưu hướng cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, Dự lưu hướng cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy quán các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, hoàn toàn thanh tịnh; cho nên không có Đại thừa để xuất trụ, nhưng dùng vô sở đắc làm phương tiện, người tu hành Đại thừa sẽ từ trong ba đường sinh tử mà ra đi đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí; suốt đời vị lai làm lợi ích, an lạc cho loài hữu tình không đoạn, không tận.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 493

Phẩm 3: Thiện Hiện (12)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nói Đại thừa, Đại thừa ấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc,... tối tôn, tối thắng. Đại thừa như vậy cùng với hư không là bình đẳng. Ví như hư không có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình; Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Như hư không, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy; Đại thừa cũng vậy, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy. Như hư không khoảng trước, sau, giữa đều là chẳng thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, giai đoạn trước, sau, giữa đều là chẳng thể nắm bắt được. Đại thừa như vậy cũng tối tôn, tối thắng cùng với hư không bình đẳng, dung nạp rất nhiều không động, không trụ, bình đẳng của ba đời, vượt khỏi ba đời, cho nên gọi là Đại thừa.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, như ông lời nói! Bồ-tát Đại thừa đủ công đức vô biên như vậy. Thiện Hiện nên biết, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là sáu pháp Ba-la-mật-đa đó là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại nữa Thiện Hiện, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không bản tánh, pháp không tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không không tánh, pháp không không tánh tự tánh. Lại nữa Thiện Hiện, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là tất cả pháp môn Đà-la-ni, đó là Văn tự Đà-la-ni..., vô lượng, vô số pháp môn Đà-la-ni. Lại nữa Thiện Hiện, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là tất cả pháp môn Tam-ma-địa, đó là

Kiện hành Tam-ma-địa... vô lượng, vô số pháp môn Tam-ma-địa. Lại nữa Thiện Hiện, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát, nói rộng cho đến mười tám pháp Phật bất cộng... công đức vô lượng, vô biên thù thắng thì nên biết đó đều là Đại thừa Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, thầy nói Đại thừa vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Thiện Hiện nên biết, nếu Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới là chân như, không hư vọng, không đổi khác, chẳng điên đảo, chẳng giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không đổi, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, là có dời động cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến đổi, có sai trái, đều không thật tánh, thì đấy là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu sắc uẩn cho đến thức uẩn là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu sắc uẩn cho đến thức uẩn là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, là có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến có dị, đều không thật tánh, thì đều là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhãn xứ cho đến ý xứ là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu nhãn xứ cho đến ý xứ là biến kế sở chấp; là hư vọng; giả hợp; là có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đấy là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu sắc xứ cho đến pháp xứ là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu sắc xứ cho đến pháp xứ là biến kế

sở chấp, là hư vọng giả hợp, là có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đây là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhãn giới cho đến ý giới là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu nhãn giới cho đến ý giới là biến kế sở chấp, là hư vọng giả hợp, là có dời động, cho đến tất cả đều vô thường vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đấy là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu sắc giới cho đến pháp giới là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu sắc giới cho đến pháp giới là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đấy là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhãn thức giới cho đến ý thức giới là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu nhãn thức giới cho đến ý thức giới là biến kế sở chấp, là hư vọng, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đấy là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhãn xúc cho đến ý xúc là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu nhãn xúc cho đến ý xúc là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đấy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đấy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu địa giới cho đến thức giới là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu địa giới cho đến thức giới là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đấy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đấy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu vô minh cho đến lão tử là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu vô minh cho đến lão tử là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đấy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu cảnh giới đoạn, cảnh giới xa lìa, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới vắng lặng, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh giới không nhiễm, cảnh giới không tịnh, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, chẳng phải thật hữu tánh, mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải thật hữu tánh, mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chẳng phải thật hữu tánh, mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải thật hữu tánh mà

là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tố-lạc...tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tám Giải thoát, chín Định thứ đệ là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu năm loại mắt, sáu phép thần thông là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu năm loại mắt, sáu phép thần thông, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời,

Người, A-tố-lạc...; còn nếu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu pháp bậc Cực hỷ cho đến pháp bậc Pháp vân là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu pháp bậc Cực hỷ cho đến pháp bậc Pháp vân; chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thời gian, Trời, Người, A-tố-lạc... Còn nếu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu pháp bậc Tịnh quán cho đến pháp bậc Như Lai là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu pháp bậc Tịnh quán cho đến pháp bậc Như Lai, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi ngồi an lạc trên tòa diệu Bồ-đề. Trong khoảng thời gian đó, mà

khởi vô lượng loại tâm là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, từ lúc mới phát tâm cho đến khi ngồi an lạc trên tòa diệu Bồ-đề trong khoảng thời gian đó, khởi vô lượng loại tâm, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu trí Kim cang dụ của Bồ-tát Ma-ha-tát là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu trí Kim cang dụ của Bồ-tát Ma-ha-tát, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát dùng trí Kim cang dụ, để liên tục đoạn trừ phiền não tập khí là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì trí Năng đoạn kim cang dụ đấy, không thể đạt được điều kia là đoạn, không có tự tánh, là chứng đắc trí Nhất thiết trí vô thượng vi diệu, nên chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu dùng trí Kim cang dụ, để liên tục đoạn trừ phiền não, tập khí, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì trí Năng đoạn kim cang dụ đấy, có thể liễu đạt được điều kia, là đoạn, không có tự tánh, là chứng đắc trí Nhất thiết trí Vô thượng vi diệu, vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì oai quang diệu đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu ba mươi hai tướng Đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì oai quang diệu đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu việc phóng quanh minh của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì việc phóng quanh minh của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng được tôn, chẳng được thắng, không thể chiếu khắp mười phương hằng hà sa thế giới, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu việc

phóng quang minh của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì việc phóng quanh minh của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều có thể chiếu khắp mười phương hằng hà sa thế giới, vượt hơn tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ sáu mươi âm thanh vi diệu, trong suốt là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ sáu mươi âm thanh vi diệu, trong suốt ấy chẳng được tôn, chẳng được thắng không thể giáo hóa hữu tình khắp mười phương, vô lượng, vô biên trăm ngàn câu-chi hằng hà sa thế giới, không vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... Còn nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ sáu mươi âm thanh vi diệu, trong suốt, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đầy đủ sáu mươi âm thanh vi diệu, trong suốt ấy đều có thể giáo hóa hữu tình khắp mười phương vô lượng, vô biên trăm ngàn câu-chi hằng hà sa thế giới, vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu sự chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh; thì sự chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không thanh tịnh, cũng không thể chuyển hóa được tất cả thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu sự chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì sự chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy rất cực thanh tịnh, tất cả thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn đều không có, cho nên có thể giáo hóa, vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu việc giáo hóa hữu tình của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh; thì sự vận chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng được tôn, chẳng được thắng, không thể đưa các loài hữu tình kia vào cõi Vô dư y Niết-bàn, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu việc giáo hóa hữu tình của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh; thì sự vận chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đều có thể đưa các loài hữu tình kia vào cõi Vô dư y Niết-bàn, vượt tất cả thế gian,

Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Do mỗi mỗi nhân duyên như vậy, cho nên nói Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, theo lời ông nói, Đại thừa như vậy cùng với hư không là bình đẳng. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Vì sao? Ví như hư không, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, tất cả phương phần, đều chẳng thể nắm bắt được. Đại thừa cũng vậy, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, tất cả phương phần, đều chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại nữa hư không dài, ngắn, cao, thấp, vuông, tròn, nghiêng, thẳng, tất cả hình sắc đều chẳng thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, dài, ngắn, cao, thấp, vuông, tròn, nghiêng, thẳng, tất cả hình sắc đều chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, hiển hiện các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng tía bích, xanh biếc, xanh lợt, đều là chẳng thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, hiển hiện sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía bích, xanh biếc, xanh lợt, đều chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Đại thừa cũng vậy, chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng tiến, chẳng lui. Đại thừa cũng vậy, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng tiến, chẳng lui. Cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng tạp nhiễm, chẳng thanh tịnh. Đại thừa cũng vậy, chẳng tạp nhiễm, chẳng thanh tịnh, cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không sinh, không diệt, không trụ, không biến đổi. Đại thừa cũng vậy, không sinh, không diệt, không trụ, không biến đổi; cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng vô ký. Đại thừa cũng vậy, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng vô ký; cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không thấy, không nghe, không cảm giác, không hiểu biết. Đại thừa cũng vậy, không thấy, không nghe, không cảm giác,

không hiểu biết; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng sở tri, chẳng sở thức; Đại thừa cũng vậy, chẳng sở tri, chẳng sở thức; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng biết khắp, chẳng dứt hẳn, chẳng tác chứng, chẳng tu tập; Đại thừa cũng vậy, chẳng biến tri, chẳng dứt hẳn, chẳng tác chứng, chẳng tu tập; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng quả, chẳng pháp quả, chẳng dị thục, chẳng pháp dị thục. Đại thừa cũng vậy, chẳng quả, chẳng pháp quả; chẳng dị thục, chẳng pháp dị thục; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng pháp hữu tham, chẳng pháp ly tham, chẳng pháp hữu sân, chẳng pháp ly sân, chẳng pháp hữu si, chẳng pháp ly si; Đại thừa cũng vậy, chẳng pháp hữu tham, chẳng pháp ly tham, chẳng pháp hữu sân, chẳng pháp ly sân, chẳng pháp hữu si, chẳng pháp ly si; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng đọa Dục giới, chẳng đọa Sắc giới, chẳng đọa Vô sắc giới; Đại thừa cũng vậy, chẳng đọa Dục giới, chẳng đọa Sắc giới, chẳng đọa Vô sắc giới; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không có mới phát tâm, không phát tâm lần thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười; Đại thừa cũng vậy, không có mới phát tâm cho đến không có phát tâm lần thứ mười; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không bậc Tịnh quán, bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai có thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, không bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai có thể nắm bắt được; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không có Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ-tát, Như Lai có thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, không Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến Bồ-tát, Như Lai có thể nắm bắt được; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không có các quả vị Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát,

Như Lai có thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, không có các quả vị Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai có thể nắm bắt được; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng hữu sắc, chẳng vô sắc, chẳng hữu kiến, chẳng vô kiến, chẳng hữu đối, chẳng vô đối, chẳng hợp, chẳng tan; Đại thừa cũng vậy, chẳng hữu sắc, chẳng vô sắc, chẳng hữu kiến, chẳng vô kiến, chẳng hữu đối, chẳng vô đối, chẳng hợp, chẳng tan; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng lạc, chẳng khổ, chẳng ngã, chẳng vô ngã, chẳng tịnh, chẳng bất tịnh; Đại thừa cũng vậy, chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng lạc, chẳng khổ, chẳng ngã, chẳng vô ngã, chẳng tịnh, chẳng bất tịnh; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng không, chẳng bất không, chẳng hữu tướng, chẳng vô tướng, chẳng hữu nguyện, chẳng vô nguyện; Đại thừa cũng vậy, chẳng không, chẳng bất không, chẳng hữu tướng, chẳng vô tướng, chẳng hữu nguyện, chẳng vô nguyện; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng tịch tĩnh, chẳng chẳng tịch tĩnh, chẳng xa lìa, chẳng chẳng xa lìa; Đại thừa cũng vậy, chẳng tịch tĩnh, chẳng chẳng tịch tĩnh, chẳng xa lìa, chẳng chẳng xa lìa; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng sáng, chẳng tối; Đại thừa cũng vậy, chẳng sáng, chẳng tối; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng phải có thể nắm bắt được, chẳng phải chẳng thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, chẳng phải có thể nắm bắt được, chẳng phải chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng uẩn, xứ, giới; chẳng lìa uẩn, xứ, giới. Đại thừa cũng vậy, chẳng uẩn, xứ giới; chẳng lìa uẩn, xứ, giới. Cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng phải có thể nêu bày, chẳng phải chẳng thể nêu bày. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải có thể nêu bày, chẳng phải chẳng thể nêu bày. Cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng phải có hý luận, chẳng phải không hý luận.

Đại thừa cũng vậy, chẳng phải có hý luận, chẳng phải không hý luận. Cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại nữa Thiện Hiện, theo lời ông nói: "Ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình." Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Vì sao? Vì hữu tình là không sở hữu, cho nên biết hư không cũng là không sở hữu. Hư không là không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì hoặc hữu tình, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu tình là vô lượng, cho nên biết hư không cũng là vô lượng. Hư không là vô lượng, cho nên biết Đại thừa cũng là vô lượng. Hữu tình là vô số, cho nên biết hư không cũng là vô số. Hư không là vô số, cho nên biết Đại thừa cũng là vô số. Hữu tình là vô biên, cho nên biết hư không cũng là vô biên; hư không là vô biên, cho nên biết Đại thừa cũng là vô biên. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì nếu hữu tình vô lượng, vô số, vô biên, hoặc hư không vô lượng, vô số, vô biên, hoặc Đại thừa vô lượng, vô số, vô biên, thì tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu tình không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu cho nên biết vô lượng cũng không sở hữu. Vô lượng không sở hữu, cho nên biết vô số cũng không sở hữu. Vô số không sở hữu, cho nên biết vô biên cũng không sở hữu. Vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì hoặc hữu tình, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp... thì tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã không sở hữu, cho nên biết hữu tình cũng không sở hữu. Hữu tình không sở hữu, cho nên biết dòng sinh mạng cũng không sở hữu. Dòng sinh mạng không sở hữu, cho nên biết sự sinh khởi cũng không sở hữu. Sự sinh khởi không sở hữu, cho nên biết sự dưỡng

dục cũng không sở hữu. Sự dưỡng dục không sở hữu, cho nên biết sự trưởng thành cũng không sở hữu. Sự trưởng thành không sở hữu, cho nên biết chủ thể luân hồi cũng không sở hữu. Chủ thể luân hồi không sở hữu, cho nên biết ý sinh cũng không sở hữu. Ý sinh không sở hữu, cho nên biết nho đồng cũng không sở hữu. Nho đồng không sở hữu, cho nên phải biết sự tạo tác cũng không sở hữu. Sự tạo tác không sở hữu, cho nên biết sự thọ nhận cũng không sở hữu. Sự thọ nhận không sở hữu, cho nên biết cái biết cũng không sở hữu. Cái biết không sở hữu, cho nên biết cái thấy cũng không sở hữu. Cái thấy không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng cũng không sở hữu. Vô lượng không sở hữu, cho nên biết vô số cũng không sở hữu. Vô số không sở hữu, cho nên biết vô biên cũng không sở hữu. Vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì hoặc ngã cho đến cái thấy, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, lần lượt cũng không sở hữu. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi lần lượt cũng không sở hữu. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu;

cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy hoặc cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết sắc uẩn cho đến thức uẩn, lần lượt cũng không sở hữu. Sắc uẩn cho đến thức uẩn không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc sắc uẩn cho đến thức uẩn, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp. Tất cả như thế đều là không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết nhãn xứ cho đến ý xứ lần lượt cũng không sở hữu. Nhãn xứ cho đến ý xứ không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc nhãn xứ cho đến ý xứ, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết sắc xứ cho đến pháp xứ lần lượt cũng không sở hữu. Sắc xứ cho đến pháp xứ không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã

cho đến cái thấy; hoặc sắc xứ cho đến pháp xứ, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết nhãn giới cho đến ý giới lần lượt cũng không sở hữu. Nhãn giới cho đến ý giới không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc nhãn giới cho đến ý giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết sắc giới cho đến pháp giới lần lượt của không sở hữu. Sắc giới cho đến pháp giới không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc sắc giới cho đến pháp giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 494

Phẩm 3: Thiện Hiện (13)

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biến nhãn thức giới cho đến ý thức giới lần lượt cũng không sở hữu. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc nhãn thức giới cho đến ý thức giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết nhãn xúc cho đến ý xúc lần lượt cũng không sở hữu. Nhãn xúc cho đến ý xúc không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc nhãn xúc cho đến ý xúc, hoặc hư không; hoặc Đại thừa; hoặc vô lượng, vô số, vô biên; hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, lần lượt cũng không sở hữu. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu; cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết

Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết địa giới cho đến thức giới lần lượt cũng không sở hữu. Địa giới cho đến thức giới không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc địa giới cho đến thức giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết nhân duyên cho đến tăng thượng duyên lần lượt cũng không sở hữu. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết vô minh cho đến lão tử lần lượt cũng không sở hữu. Vô minh cho đến lão tử không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu.

Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc vô minh cho đến lão tử, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, lần lượt cũng không sở hữu. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu; cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc hư không; hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên; hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, lần lượt cũng không sở hữu. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo lần lượt cũng không sở hữu. Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả

pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, lần lượt cũng không sở hữu. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, lần lượt cũng không sở hữu. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc hư không, hoặc Đại thừa; hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, lần lượt cũng không sở hữu. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như

vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, lần lượt cũng không sở hữu. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc tám Giải thoát cho đến chín Định thứ đệ, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, lần lượt cũng không sở hữu. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, lần lượt cũng không sở hữu. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, hoặc hư

không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, lần lượt cũng không sở hữu. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni; hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết năm loại mắt, sáu phép thần thông lần lượt cũng không sở hữu. Năm loại mắt, sáu phép thần thông không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, lần lượt cũng không sở hữu. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc mười lực của Như Lai, mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất

cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, lần lượt cũng không sở hữu. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, lần lượt cũng không sở hữu. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sở hữu; cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai lần lượt cũng không sở hữu. Dự lưu cho đến Như Lai không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc Dự lưu cho đến Như Lai, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên

biết Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Như Lai thừa, lần lượt cũng không sở hữu. Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Như Lai thừa không sở hữu; cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Như Lai thừa, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, như cõi Niết-bàn có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Do nhân duyên đấy, nên nói: Ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, như lời ông nói, hư không không đến, không đi, không trụ, có thể thấy. Đại thừa cũng vậy, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Vì sao? Vì tất cả pháp không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đều hoặc động, hoặc trụ, là chẳng thể nắm bắt được. Do nhân duyên đấy, nên Đại thừa cũng không chỗ đến, không chỗ đi, không chỗ trụ, có thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc cho đến thức không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh sắc cho đến thức cũng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như sắc cho đến thức không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh sắc cho đến thức không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng sắc cho đến thức không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của sắc cho đến thức đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xứ cho đến ý xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ, không đến không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của nhãn xứ cho đến ý xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự

tướng của nhãn xứ cho đến ý xứ, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của sắc xứ cho đến pháp xứ đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của nhãn giới cho đến ý giới đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc giới cho đến pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của sắc giới cho đến pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của sắc giới cho đến pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của sắc giới cho pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của sắc giới cho đến pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của sắc giới cho đến pháp giới đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn thức giới cho đến ý thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của nhãn thức giới cho đến ý thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xúc cho đến ý xúc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của nhãn xúc cho đến ý xúc không đến,

không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của nhãn xúc cho đến ý xúc; đều hoặc động hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của địa giới cho đến thức giới đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của vô minh cho đến lão tử không đến, không

đi, cũng lại không trụ. Chân như của vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của vô minh cho đến lão tử; đều hoặc động hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, cảnh giới đoạn, cảnh giới xa lìa, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới vắng lặng, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh giới không nhiễm, cảnh giới không tịnh, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của pháp

không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì

sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể

nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của năm loại mắt, sáu phép thần thông đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của pháp không quên mất, tánh luôn luôn

xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của Bồ-tát, pháp Bồ-tát đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của Bồ-đề Phật-đà đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của hữu vi, vô vi đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, do nghĩa như vậy cho nên nói: cũng như hư không, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy. Đại thừa cũng vậy,

không đến, không đi, không trụ, có thể thấy.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 495

Phẩm 3: Thiện Hiện (14)

Lại nữa Thiện Hiện, theo lời ông nói, như hư không khoảng trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được. Đại thừa cũng vậy, khoảng trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến bình đẳng ba đời, vượt qua ba đời, cho nên gọi là Đại thừa. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Vì sao? Vì đời quá khứ, đời quá khứ không; đời vị lai, đời vị lai không; đời hiện tại, đời hiện tại không; ba đời bình đẳng, ba đời bình đẳng không; vượt qua ba đời, vượt qua ba đời bình đẳng không; Đại thừa, Đại thừa không; Bồ-tát, Bồ-tát không. Vì sao? Này Thiện Hiện, không, không có các tướng; cho dù từ một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười cho đến trăm ngàn; đó là Đại thừa bình đẳng của ba đời, vượt qua ba đời.

Thiện Hiện nên biết, trong Đại thừa đấy tướng đẳng, bất đẳng, đều chẳng thể nắm bắt được; tướng tham, bất tham; tướng sân, bất sân; tướng si, bất si; tướng mạn, bất mạn cũng đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến tướng thiện, chẳng phải thiện; tướng hữu ký, vô ký; tướng hữu lậu, vô lậu; tướng hữu tội, vô tội; tướng tạp nhiễm, thanh tịnh; tướng thế gian, xuất thế gian; tướng hữu nhiễm, ly nhiễm; tướng sinh tử, Niết-bàn cũng chẳng thể nắm bắt được. Tướng thường, vô thường; tướng khổ, phi khổ; tướng ngã, vô ngã; tướng tịnh, phi tịnh; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; tướng xa lìa, chẳng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được. Tướng ở cõi Dục, vượt ngoài cõi Dục; tướng ở cõi Sắc, vượt ngoài cõi Sắc; tướng ở cõi Vô sắc, vượt ngoài cõi Vô sắc. Các tướng như thế, cũng đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong Đại thừa này, tự tánh các pháp là chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều

không. Trong không đó, sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể đắc ư?

Thiện Hiện nên biết, nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, hiện tại, vị lai, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, hiện tại, vị lai, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lại, hiện tại. Tự tánh của nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lại, hiện tại đều không. Trong không đó, nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lại, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lại, hiện tại, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại

lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong

không, có tự tánh của địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được; huống chi trong không đó, có tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện

tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì tám Giải thoát, chín Định thứ đệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của phàm phu cho đến Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, phàm phu cho đến Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì phàm phu cho đến Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của phàm phu cho đến Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Vì ngã, hữu tình, nói rộng cho đến cái biết, cái thấy đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc uẩn cho đến thức uẩn ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh sắc uẩn cho đến tự tánh thức uẩn ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh sắc uẩn cho đến tự tánh thức uẩn ở giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xứ cho đến ý xứ ở giai đoạn trước, sau,

giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhãn xứ cho đến tự tánh ý xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhãn xứ cho đến tự tánh ý xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, sắc xứ cho đến pháp xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh sắc xứ cho đến tự tánh pháp xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh sắc xứ cho đến tự tánh pháp xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa; lại có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn giới cho đến ý giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhãn giới cho đến tự tánh ý giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhãn giới cho đến tự tánh ý giới trong giai đoạn trước, sau, giữa; lại có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, sắc giới cho đến pháp giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh sắc giới cho đến tự tánh pháp giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh sắc giới cho đến tự tánh pháp giới trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn thức giới cho đến ý thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhãn thức giới cho đến tự tánh ý thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhãn thức giới cho đến tự tánh ý thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xúc cho đến ý xúc trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhãn xúc cho đến tự tánh ý xúc trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhãn xúc cho đến tự tánh ý xúc trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tự tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tự tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, địa giới cho đến thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh địa giới cho đến tự tánh thức giới, trong ba giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh địa giới cho đến tự tánh thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhân duyên cho đến tự tánh tăng thượng duyên trong ba giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng; tánh bình dẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhân duyên cho đến tự tánh tăng thượng duyên trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, vô minh cho đến lão tử trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử, trong ba

giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh vô minh cho đến tự tánh lão tử trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh vô minh cho đến tự tánh lão tử. Trong giai đoạn trước, sau, giữa; lại có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh bốn Niệm trụ cho đến tự tánh tám chi Thánh đạo, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh bốn Niệm trụ cho đến tự tánh tám chi Thánh đạo, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; trong giai đoạn

trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh của Không, Vô tướng, Vô nguyện trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ trong giai đoạn trước, sau, giữa; đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh bậc Tịnh quán cho đến tự tánh bậc Như Lai, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh bậc Tịnh quán cho đến tự tánh bậc Như Lai, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh bậc Cực hỷ cho đến tự tánh bậc Pháp vân, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh bậc Cực hỷ cho đến tự tánh bậc Pháp vân, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa trong giai đoạn

trước, sau, giữa mà có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, năm loại mắt, sáu phép thần thông; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh mười lực của Như Lai cho đến tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như

Lai, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Phàm phu cho đến Như Lai, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của phàm phu cho đến tự tánh Như Lai; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh phàm phu cho đến tự tánh Như Lai trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Vì ngã, hữu tình, nói rộng cho đến cái biết, cái thấy, đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, tinh cần tu học ba giai đoạn bình đẳng, mau chóng viên mãn trí Nhất thiết trí, như thế gọi là tướng Đại thừa ba giai đoạn bình đẳng của các Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát nào an trụ trong tướng Đại thừa như vậy thì vượt qua tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... mau chóng chứng đắc trí Nhất thiết trí, làm lợi lạc hữu tình tận đời vị lai.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lành thay, lành thay! Nay Như Lai khéo vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết nghĩa Đại thừa như vậy. Đại thừa như vậy thật tối tôn, tối thắng. Chúng Đại Bồ-tát ở đời quá khứ, đã học trong đấy, mà chứng đắc trí Nhất thiết trí. Chúng Đại Bồ-tát ở đời vị lai, sẽ học trong đấy, mà chứng đắc trí Nhất thiết trí. Tất cả chúng Đại Bồ-tát, đời hiện tại, ở mười phương vô lượng, vô số, vô biên thế giới, đang học trong đấy, cũng sẽ được chứng đắc trí Nhất thiết trí. Cho nên Đại thừa tối tôn tối thắng, có thể làm nơi nương tựa chân thật, thù thắng cho tất cả chúng Đại Bồ-tát và hàng trí Nhất thiết trí.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Chúng Đại Bồ-tát ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại có thể dựa vào Đại thừa mà tinh cần tu học để mau chóng chứng đắc trí Nhất thiết trí, làm lợi lạc hữu tình tới tận đời vị lai. Cho nên Đại thừa tối tôn, tối thắng; vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... Vì vậy chúng Đại Bồ-tát phải siêng năng tu học.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc trước Như Lai dạy Tôn giả Thiện Hiện vì chúng Đại Bồ-tát tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà sao nay lại thuyết nhiều nghĩa về Đại thừa?

Lúc đó Thiện Hiện liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, từ trước đến nay, con nói nhiều nghĩa về Đại thừa, nhưng không lúc nào trái ý Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Từ trước đến nay, ông thuyết nhiều nghĩa Đại thừa đều tùy thuận theo Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chỗ nào sai trái. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện, pháp phần Bồ-đề, có thể pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ-tát hoặc pháp Như Lai. Tất cả pháp như thế, đều thâu nhiếp thâm nhập vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Khi đó, Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì gọi là tất cả pháp thiện, pháp phần Bồ-đề, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Như Lai. Tất cả pháp như thế đều thâu nhiếp thâm nhập vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Thiện Hiện nên biết, các pháp như vậy, đều là tất cả thiện pháp, pháp phần Bồ-đề, pháp Thanh văn, pháp Độc giác, pháp Bồ-tát, pháp Như Lai. Tất cả pháp như thế, đều thâu nhiếp thâm nhập vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện nên biết, Đại thừa từ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; sắc uẩn cho đến thức uẩn; nhãn xứ cho đến ý xứ; sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới cho đến ý giới; sắc giới cho đến pháp giới; nhãn thức giới cho đến ý thức giới; nhãn xúc giới cho đến ý xúc giới; nhãn xúc cho đến ý xúc; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; địa giới cho đến thức giới; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; vô minh cho đến lão tử; Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; pháp thiện, pháp bất thiện; pháp vô ký, pháp hữu học, pháp vô học, pháp chẳng phải học, chẳng phải không học; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; bậc Tịnh quán

cho đến bậc Như Lai; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; năm loại mắt, sáu phép thần thông; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; pháp thiện, pháp bất thiện; pháp hữu ký, pháp vô ký; pháp hữu lậu, pháp vô lậu; pháp hữu vi, pháp vô vi; pháp thế gian, pháp xuất thế gian; thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi; chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; pháp luật Phật thuyết về sự giác ngộ, Bồ-đề, Niết-bàn, tất cả pháp như thế đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Vô sắc, vô kiến, vô đối nhất tướng gọi là không tướng. Do nhân duyên này, cho nên từ trước đến nay, ông thuyết nhiều nghĩa Đại thừa đều tùy thuận theo Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chỗ nào sai trái. Sở dĩ như vậy, vì Đại thừa không khác Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa. Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù Đại thừa, dù Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bố thí ba-la-mật-đa, thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác tám Giải thoát, chín Định thứ đệ. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là tám Giải thoát, chín Định thứ đệ thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại

thừa, dù là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác năm loại mắt, sáu phép thần thông. Năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là năm loại mắt, sáu phép thần thông thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp thiện, pháp bất thiện. Pháp thiện, pháp bất thiện, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp thiện, pháp bất thiện thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp hữu ký, pháp vô ký. Pháp hữu ký, pháp vô ký, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp hữu ký, pháp vô ký thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp hữu lậu, pháp vô lậu thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Pháp thế gian, pháp xuất thế gian, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp thế gian, pháp xuất thế gian thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp hữu vi, pháp vô vi cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp hữu vi, pháp vô vi thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác uẩn, xứ, giới. Uẩn, xứ, giới cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là uẩn, xứ, giới thì tánh nó không hai, không hai phần.

Thiện Hiện nên biết, do nghĩa này cho nên từ trước đến nay, ông nói nhiều nghĩa Đại thừa, đều tùy thuận theo Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chỗ nào sai trái. Vậy thuyết Đại thừa tức là thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là thuyết Đại thừa. Danh và nghĩa cả hai đều không khác.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 496

Phẩm 3: Thiện Hiện (15)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát giai đoạn trước chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn sau chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn giữa chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhãn xứ cho đến ý xứ vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Sắc xứ cho đến pháp xứ vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhãn giới cho đến ý giới vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Sắc giới cho đến pháp giới vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhãn xúc cho đến ý xúc vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Địa giới cho đến thức giới vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Vô minh cho đến lão tử vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Năm loại mắt, sáu phép thần thông vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô

biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Thanh văn, Độc giác, Đại thừa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát cùng với sắc uẩn cho đến thức uẩn, đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa sắc uẩn cho đến thức uẩn, đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Đại Bồ-tát cùng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa, đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Như vậy, bạch Thế Tôn, đối với tất cả pháp này, con dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời để cầu cho Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở kiến, chẳng thể nắm bắt được. Điều gì đã khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ dạy, răn dè cho các Đại Bồ-tát?

Lại nữa bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh. Cũng như nói ngã... hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh nên hoàn toàn không tự tánh. Các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Bạch Thế Tôn, những sắc cho đến thức nào hoàn toàn không sinh. Nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến những Thanh văn, Độc giác, Đại thừa nào hoàn toàn không sinh. Nếu hoàn toàn không sinh thì không gọi là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa?

Bạch Thế Tôn, con đâu dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không sinh mà dạy dỗ, răn dè Đại Bồ-tát hoàn toàn không sinh.

Bạch Thế Tôn, nếu xa lìa pháp hoàn toàn không sinh thì không có Đại Bồ-tát có thể thực hành Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết như vậy, tâm không chìm đắm, cũng không ưu sầu, hối hận; tâm kia cũng không kinh hãi, không hoảng hốt, không sợ sệt. Nên biết Đại Bồ-tát này có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ Cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Do duyên gì mà nói: "Các Đại Bồ-tát giai đoạn trước chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn sau chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn giữa chẳng thể nắm bắt được?"

Do duyên gì mà nói: "Sắc uẩn cho đến thức uẩn vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên? Như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Đại thừa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên?"

Do duyên gì mà nói: "Đại Bồ-tát cùng với sắc uẩn cho đến thức uẩn đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được? Đại Bồ-tát xa lìa sắc uẩn cho đến thức uẩn đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được? Như vậy cho đến Đại Bồ-tát cùng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được? Đại Bồ-tát xa lìa Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được?"

Do duyên gì mà nói: "Đối với tất cả pháp này, con dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời để cầu cho Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở kiến, chẳng thể nắm bắt được. Điều gì đã khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa để dạy dỗ, răn dè các Đại Bồ-tát?"

Do duyên gì mà nói: "Các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh?"

Do duyên gì mà nói: "Cũng như nói ngã... hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh nên hoàn toàn không tự tánh?"

Do duyên gì mà nói: "Các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, nên hoàn toàn không tự tánh?"

Do duyên gì mà nói: "Những sắc cho đến thức nào hoàn toàn không sinh, như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Đại thừa nào hoàn toàn không sinh?"

Do duyên gì mà nói: "Nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa?"

Do duyên gì mà nói: "Con đâu có thể dùng pháp Bát-nhã Ba-la-mật-đa hoàn toàn không sinh mà dạy dỗ răn dè Đại Bồ-tát hoàn toàn không sinh?"

Do duyên gì mà nói: "Nếu xa pháp hoàn toàn không sinh, thì không có Đại Bồ-tát hành quả vị Giác ngộ cao tột?"

Do duyên gì mà nói: "Nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết như vậy, mà

tâm không chìm đắm, không ưu sầu, tâm kia không kinh hãi, không hoảng hốt, không sợ sệt, thì nên biết Đại Bồ-tát đấy có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?"

–Này Cụ thọ, nay thầy nên vì tôi mà diễn thuyết!

Lúc đó Cụ thọ Thiện Hiện trả lời ngài Xá-lợi-phất rằng:

–Thưa Tôn giả, theo lời Tôn giả hỏi, do duyên gì mà nói các Đại Bồ-tát giai đoạn trước chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn sau chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn giữa chẳng thể nắm bắt được? Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử, vì hữu tình không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì hữu tình không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì hữu tình xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì hữu tình tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc uẩn cho đến thức uẩn không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ cho đến ý xứ không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ không cho nên nói các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc xứ cho đến pháp xứ không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn giới cho đến ý giới không sở hữu cho nên các Đại

Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc giới cho đến pháp giới không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn thức giới cho đến ý thức giới không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xúc cho đến ý xúc không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho

đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, địa giới cho đến thức giới không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vô minh cho đến lão tử không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn

Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt, sáu phép thần thông không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt sáu phép thần thông tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không sở hữu cho nên

các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi-phất, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt

được. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Thanh văn, Độc giác, Đại thừa không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thanh văn, Độc giác, Đại thừa không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thanh văn, Độc giác, Đại thừa xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thanh văn, Độc giác, Đại thừa tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Vì sao? Xá-lợi Tử, vì hữu tình cho đến Đại thừa, đều là không sở hữu, không, xa lìa tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải hữu tình cho đến Đại thừa không sở hữu, có sai khác. Chẳng phải hữu tình cho đến Đại thừa không, có sai khác. Chẳng phải hữu tình cho đến Đại thừa xa lìa, có sai khác. Chẳng phải hữu tình cho đến Đại thừa tự tánh không, có sai khác. Chẳng phải Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, có sai khác. Chẳng phải Đại Bồ-tát trong giai đoạn sau, có sai khác. Chẳng phải Đại Bồ-tát trong giai đoạn giữa, có sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc hữu tình cho đến Đại thừa không sở hữu. Hoặc hữu tình cho đến Đại thừa không. Hoặc hữu tình cho đến Đại thừa, xa lìa. Hoặc hữu tình cho đến Đại thừa, tự tánh không. Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, Đại Bồ-tát trong giai đoạn sau, Đại Bồ-tát trong giai đoạn giữa. Tất cả như thế đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói: "Các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được."

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do duyên gì mà nói sắc uẩn cho đến thức uẩn, vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên? Như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Đại thừa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên?"

Thưa ngài Xá-lợi Tử, sắc uẩn cho đến Đại thừa đều như hư không. Vì sao? Vì như hư không rộng lớn, khoảng trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Do trong vô biên đó, chẳng thể nắm bắt được, nên gọi là hư không. Sắc uẩn cho đến Đại thừa cũng như vậy, giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc uẩn cho đến Đại thừa đều tánh không. Trong không, khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Cũng do trong vô biên đều chẳng thể nắm bắt được, cho nên gọi là không. Xá-lợi Tử, do nhân duyên này nên tôi nói: "Sắc uẩn cho đến thức uẩn vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Đại thừa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên."

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi "Do duyên gì mà nói Đại Bồ-tát cùng với sắc uẩn cho đến thức uẩn, đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát là xa lìa sắc uẩn cho đến thức uẩn cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Đại Bồ-tát cùng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được?"

Thưa Ngài Xá-lợi Tử, sắc uẩn cho đến Đại thừa, tánh của sắc uẩn cho đến Đại thừa đều không. Vì sao? Vì trong tánh không của sắc uẩn cho đến Đại thừa cũng như Sắc uẩn cho đến Đại thừa đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được, cho nên các Đại Bồ-tát cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Xá-lợi Tử, chẳng phải sắc uẩn cho đến chẳng phải Đại thừa; tánh của chẳng phải sắc uẩn cho đến chẳng phải Đại thừa đều không. Vì sao? Vì trong tánh không của chẳng phải sắc uẩn cho đến chẳng phải Đại thừa cũng như chẳng phải sắc uẩn cho đến chẳng phải Đại thừa đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được, cho nên các Đại Bồ-tát cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này nên tôi nói: "Đại Bồ-tát cùng với sắc

uẩn cho đến thức uẩn đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa sắc uẩn cho đến thức uẩn cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được." Như vậy cho đến Đại Bồ-tát cùng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do duyên gì lại nói, đối với tất cả pháp này, con dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời để cầu cho Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở kiến, chẳng thể nắm bắt được?" Điều gì đã khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy dỗ, răn dè các Đại Bồ-tát?

Thưa ngài Xá-lợi Tử, sắc đối với sắc, chẳng thể nắm bắt được. Sắc đối với thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thọ đối với thọ, chẳng thể nắm bắt được. Thọ đối với sắc, tưởng, hành, thức, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tưởng đối với tưởng, chẳng thể nắm bắt được. Tưởng đối với sắc, thọ, hành, thức, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hành đối với hành, chẳng thể nắm bắt được. Hành đối với sắc, thọ, tưởng, thức, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thức đối với thức, chẳng thể nắm bắt được. Thức đối với sắc, thọ, tưởng, hành, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ đối với nhãn xứ, chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ xứ đối với nhĩ xứ, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ xứ đối với nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ xứ đối với tỷ xứ, chẳng thể nắm bắt được. Tỷ xứ đối với nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt xứ đối với thiệt xứ, chẳng thể nắm bắt được. Thiệt xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân xứ đối với thân xứ, chẳng thể nắm bắt được. Thân xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý xứ đối với ý xứ, chẳng thể nắm bắt được. Ý xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc xứ đối với sắc xứ, chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thanh xứ đối với thanh xứ, chẳng thể nắm bắt được. Thanh xứ đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hương xứ đối với hương xứ, chẳng thể nắm bắt được. Hương xứ đối với sắc, thanh, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Vị xứ đối với vị xứ, chẳng thể nắm bắt được. Vị xứ đối với sắc, thanh, hương, xúc pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Xúc xứ đối với xúc xứ, chẳng thể nắm bắt được. Xúc xứ đối với sắc, thanh, hương, vị, pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp xứ đối với pháp

xứ, chẳng thể nắm bắt được. Pháp xứ đối với sắc, thanh. hương, vị, xúc xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn giới đối với nhãn giới, chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ giới đối với nhĩ giới, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ giới đối với nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ giới đối với tỷ giới, chẳng thể nắm bắt được. Tỷ giới đối với nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt giới đối với thiệt giới, chẳng thể nắm bắt được. Thiệt giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân giới đối với thân giới, chẳng thể nắm bắt được. Thân giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý giới đối với ý giới, chẳng thể nắm bắt được. Ý giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân giới chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc giới đối với sắc giới, chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thanh giới đối với thanh giới, chẳng thể nắm bắt được. Thanh giới đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hương giới đối với hương giới, chẳng thể nắm bắt được. Hương giới đối với sắc, thanh, vị, xúc, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Vị giới đối với vị giới, chẳng thể nắm bắt được. Vị giới đối với sắc, thanh, hương, xúc, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Xúc giới đối với xúc giới, chẳng thể nắm bắt được. Xúc giới đối với sắc, thanh, hương, vị, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp giới đối với pháp giới, chẳng thể nắm bắt được. Pháp giới đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc giới, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn thức giới đối với nhãn thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ thức giới đối với nhĩ thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ thức giới đối với nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ thức giới đối với tỷ thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Tỷ thức giới đối với nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt thức giới đối với thiệt thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Thiệt thức giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân thức giới đối với thân thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Thân thức giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý thức giới đối với ý thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Ý thức giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thân thức giới, cũng chẳng thể nắm

bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xúc đối với nhãn xúc, chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ xúc đối với nhĩ xúc, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ xúc đối với nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ xúc đối với tỷ xúc, chẳng thể nắm bắt được. Tỷ xúc đối với nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt xúc đối với thiệt xúc, chẳng thể nắm bắt được. Thiệt xúc đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân xúc đối với thân xúc, chẳng thể nắm bắt được. Thân xúc đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý xúc đối với ý xúc, chẳng thể nắm bắt được. Ý xúc đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, địa giới đối với địa giới chẳng thể nắm bắt được. Địa giới đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thủy giới đối với thủy giới, chẳng thể nắm bắt được. Thủy giới đối

với địa, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hỏa giới đối với hỏa giới, chẳng thể nắm bắt được. Hỏa giới đối với địa, thủy, phong, không, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Phong giới đối với phong giới, chẳng thể nắm bắt được. Phong giới đối với địa, thủy, hỏa, không, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Không giới đối với không giới, chẳng thể nắm bắt được. Không giới đối với địa, thủy, hỏa, phong, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thức giới đối với thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Thức giới đối với địa, thủy, hỏa, phong, không giới, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhân duyên đối với nhân duyên, chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên đối với đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. Đẳng vô gián duyên đối với đẳng vô gián duyên, chẳng thể nắm bắt được. Đẳng vô gián duyên đối với nhân duyên sở duyên duyên, tăng thượng duyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở duyên duyên đối với sở duyên duyên chẳng thể nắm bắt được, sở duyên duyên đối với nhân duyên đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. tăng thượng duyên đối với tăng thượng duyên, chẳng thể nắm bắt được. tăng thượng duyên đối với nhân duyên đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vô minh đối với vô minh, chẳng thể nắm bắt được. Vô minh đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hành đối hành, chẳng thể nắm bắt được. Hành đối với vô minh, thức, danh, sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thức đối với thức, chẳng thể nắm bắt được. Thức đối với vô minh, hành, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Danh sắc đối với danh sắc, chẳng thể nắm bắt được. Danh sắc đối với vô minh, hành, thức, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Lục xứ đối với lục xứ, chẳng thể nắm bắt được. Lục xứ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Xúc đối với xúc, chẳng thể nắm bắt được. Xúc đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thọ đối với thọ, chẳng thể nắm bắt được. Thọ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ái đối với ái, chẳng thể nắm bắt được. Ái đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm

bắt được. Thủ đối với thủ, chẳng thể nắm bắt được. Thủ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hữu đối với hữu, chẳng thể nắm bắt được. Hữu đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sinh đối với sinh, chẳng thể nắm bắt được. Sinh đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Lão tử đối với lão tử, chẳng thể nắm bắt được. Lão tử đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa đối với Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng thể nắm bắt được. Bố thí ba-la-mật-đa đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa… cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự đối với bốn Tĩnh lự, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bốn Vô lượng đối với bốn Vô lượng, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Vô lượng đối với bốn Tĩnh lự, bốn Định vô sắc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bốn Định vô sắc đối với bốn Định vô sắc, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Định vô sắc đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ đối với bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ đối với bốn Chánh đoạn... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến tám chi Thánh đạo đối với tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được. Tám chi Thánh đạo đối với bốn Niệm trụ... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát đối với tám Giải thoát, chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tám Thắng xứ đối với tám Thắng xứ, chẳng thể nắm bắt được. Tám Thắng xứ đối với tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Chín Định thứ đệ đối với chín Định thứ đệ, chẳng thể nắm bắt được. Chín Định thứ đệ đối với tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Mười Biến xứ đối với mười Biến xứ, chẳng thể nắm bắt được. Mười Biến xứ đối với tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không đối với pháp môn giải thoát Không, chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô tướng đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô tướng đối với pháp môn giải thoát Không, Vô nguyện, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô nguyện đối với pháp môn giải thoát Vô nguyện, chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô nguyện đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt đối với năm loại mắt, chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt đối với sáu phép thần thông, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sáu phép thần thông đối với sáu phép thần thông, chẳng thể nắm bắt được. Sáu phép thần thông đối với năm loại mắt, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, mười lực của Như Lai đối với mười lực của Như Lai, chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Như Lai đối với bốn điều không sợ... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đối với mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng thể nắm bắt được. Mười tám pháp Phật bất cộng đối với mười lực của Như Lai... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất đối với pháp không quên mất, chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất đối với tánh luôn luôn xả, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tánh luôn luôn xả đối với tánh luôn luôn xả, chẳng thể nắm bắt được. Tánh luôn luôn xả đối với pháp không quên mất, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết đối với trí Nhất thiết, chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Trí Đạo tướng đối với trí Đạo tướng, chẳng thể nắm bắt được. Trí Đạo tướng đối với trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết tướng đối với trí Nhất thiết tướng, chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết tướng đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong đối với pháp không bên trong, chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong đối với pháp không bên ngoài... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến pháp không không tánh tự tánh đối với pháp không không tánh tự tánh, chẳng thể nắm bắt

được. Pháp không không tánh tự tánh đối với pháp không bên trong... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chân như đối với chân như, chẳng thể nắm bắt được. Chân như đối với pháp giới... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đối với cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đối với chân như... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, cảnh giới đoạn đối với cảnh giới đoạn, chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới đoạn đối với cảnh giới xa lìa..., cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến cảnh giới vô vi đối với cảnh giới vô vi, chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới vô vi đối với cảnh giới đoạn... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ đối với Thánh đế khổ, chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ đối với Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế tập đối với Thánh đế tập chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế tập đối với Thánh đế khổ, diệt, đạo cũng chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế diệt đối với Thánh đế diệt chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế diệt đối với Thánh đế khổ, tập, đạo cũng chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế đạo đối với Thánh đế đạo chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế đạo đối với Thánh đế khổ, tập, diệt cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni đối với môn Tam-ma-địa, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn tất cả pháp môn Tam-ma-địa đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, hàng phàm phu đối với hàng phàm phu, chẳng thể nắm bắt được. Hàng phàm phu đối với bậc Chủng tánh... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến bậc Như Lai đối với bậc Như Lai, chẳng thể nắm bắt được. Bậc Như Lai đối với hàng phàm phu... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ đối với bậc Cực hỷ, chẳng thể nắm bắt được. Bậc Cực hỷ đối với bậc Ly cấu... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến bậc Pháp vân đối với bậc Pháp vân, chẳng thể nắm bắt được. Bậc Pháp vân đối với bậc Cực hỷ... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Dự lưu đối với Dự lưu, chẳng thể nắm bắt được. Dự lưu

đối với Nhất lai... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Chánh Đẳng Giác đối với Chánh Đẳng Giác, chẳng thể nắm bắt được. Chánh Đẳng Giác đối với Dự lưu... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát đối với Đại Bồ-tát, chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy dỗ, răn dè, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thể nắm bắt được. Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Đại Bồ-tát dạy dỗ, răn dè, cũng chẳng thể nắm bắt được. Dạy dỗ, răn dè đối với dạy dỗ, răn dè, chẳng thể nắm bắt được. Dạy dỗ, răn dè đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các pháp như vậy là ngã, là tự tánh không của ngã.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên tôi nói: "Đối với tất cả pháp này, con dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời để cầu Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở kiến, chẳng thể nắm bắt được; và điều gì đã khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy dỗ, răn dè các Đại Bồ-tát."

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 497

Phẩm 3: Thiện Hiện (16)

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do duyên gì mà nói các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh?"

–Thưa ngài Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát chỉ là tên gọi nhất thời.

Khi đó ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao lại nói các Đại Bồ-tát chỉ là tên gọi nhất thời.

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Tôn giả, cũng như tất cả pháp, tên gọi chỉ là nhất thời. Mười phương thế giới ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Trong tất cả pháp không có tên gọi. Trong tên gọi, không có tất cả pháp, chẳng hợp, chẳng tan, chỉ giả thiết trình bày mà thôi. Vì sao? Vì tất cả pháp cùng với tên gọi, tự tánh đều không. Trong tự tánh không, tất cả pháp hoặc tên gọi đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Các Đại Bồ-tát cũng vậy, chỉ là tên gọi nhất thời, cũng không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ, chỉ là giả thiết. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như sắc uẩn cho đến thức uẩn, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì sắc uẩn... chẳng phải tên gọi; tên gọi cũng phải sắc uẩn... Trong sắc uẩn... không có tên gọi, trong tên gọi không có sắc uẩn... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì sắc uẩn... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không, sắc uẩn... hoặc tên gọi hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhãn xứ cho đến ý xứ, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhãn xứ... chẳng phải tên gọi, tên gọi chẳng phải nhãn xứ... Trong nhãn xứ... không có tên gọi; trong tên gọi không có nhãn xứ... chẳng hợp,

chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhãn xứ... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, nhãn xứ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi, của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như sắc xứ cho đến pháp xứ, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì sắc xứ... chẳng phải tên gọi, tên gọi chẳng phải sắc xứ... Trong sắc xứ... không có tên gọi; trong tên gọi không có sắc xứ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì sắc xứ... cùng với tên gọi đều cùng tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc sắc xứ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhãn giới cho đến ý giới, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhãn giới... chẳng phải tên gọi, tên gọi chẳng phải nhãn giới... Trong nhãn giới... không có tên gọi; trong tên gọi không có nhãn giới... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhãn giới... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc nhãn giới... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như sắc giới cho đến pháp giới, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì sắc giới... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải sắc giới... Trong sắc giới... không có tên gọi; trong tên gọi không có sắc giới... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì sắc giới... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc sắc giới... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhãn thức giới cho đến ý thức giới, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhãn thức giới... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải nhãn thức giới... Trong nhãn thức giới... không có tên gọi; trong tên gọi, không có nhãn thức giới... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhãn thức giới... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc nhãn thức giới... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu,

chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhãn xúc cho đến ý xúc, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhãn xúc... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải nhãn xúc... Trong nhãn xúc... không có tên gọi; trong tên gọi, không có nhãn xúc... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhãn xúc... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc nhãn xúc... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... Trong các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... không có tên gọi; trong tên gọi, không có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như địa giới cho đến thức giới, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì địa giới... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải địa giới... Trong địa giới... không có tên gọi; trong tên gọi, không có địa giới... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì địa giới... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc địa giới... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhân duyên... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải nhân duyên... Trong nhân duyên... không có tên gọi; trong tên gọi, không có nhân duyên... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhân duyên... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó,

hoặc nhân duyên... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như vô minh cho đến lão tử, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì vô minh... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải vô minh... Trong vô minh... không có tên gọi; trong tên gọi, không có vô minh... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì vô minh... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc vô minh... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa... Trong Bố thí ba-la-mật-đa... không có tên gọi; trong tên gọi, không có Bố thí ba-la-mật-đa... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì pháp không bên trong... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải pháp không bên trong... Trong pháp không bên trong... không có tên gọi; trong tên gọi, không có pháp không bên trong... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì pháp không bên trong... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc pháp không bên trong... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì chân như... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải chân như... Trong chân như... không có tên gọi; trong tên gọi, không có chân như... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì chân như... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó,

hoặc chân như... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì cảnh giới đoạn... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải cảnh giới đoạn... Trong cảnh giới đoạn... không có tên gọi; trong tên gọi, không có cảnh giới đoạn... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì cảnh giới đoạn... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc cảnh giới đoạn... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải Thánh đế khổ... Trong Thánh đế khổ... không có tên gọi; trong tên gọi, không có Thánh đế khổ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc Thánh đế khổ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải bốn Niệm trụ... Trong bốn Niệm trụ... không có tên gọi; trong tên gọi, không có bốn Niệm trụ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc bốn Niệm trụ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải bốn Tĩnh lự... Trong bốn Tĩnh lự không có tên gọi; trong tên gọi, không có bốn Tĩnh lự... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc bốn Tĩnh lự... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do

đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì tám Giải thoát... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải tám Giải thoát... Trong tám Giải thoát... không có tên gọi; trong tên gọi, không có tám Giải thoát... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì tám Giải thoát... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc tám Giải thoát... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải pháp môn giải thoát Không... Trong pháp môn giải thoát Không, không có tên gọi; trong tên gọi, không có pháp môn giải thoát Không... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc pháp môn giải thoát Không... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải bậc Tịnh quán... Trong bậc Tịnh quán... không có tên gọi; trong tên gọi, không có bậc Tịnh quán... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc bậc Tịnh quán... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như Cực địa hỷ cho đến bậc Pháp vân, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải bậc Cực hỷ... Trong bậc Cực hỷ... không có tên gọi; trong tên gọi, không có bậc Cực hỷ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc bậc Cực hỷ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như năm loại mắt, sáu phép thần thông, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì năm loại mắt... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải năm loại mắt... Trong năm loại mắt... không có tên gọi; trong tên gọi, không có năm loại mắt... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì năm loại mắt... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc năm loại mắt... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải mười lực của Như Lai... Trong mười lực của Như Lai... không có tên gọi; trong tên gọi, không có mười lực của Như Lai... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc mười lực của Như Lai... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì pháp không quên mất... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải pháp không quên mất... Trong pháp không quên mất... không có tên gọi; trong tên gọi, không có pháp không quên mất... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì pháp không quên mất... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc pháp không quên mất... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải trí Nhất thiết... Trong trí Nhất thiết... không có tên gọi; trong tên gọi, không có trí Nhất thiết... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc trí Nhất thiết... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni... Trong tất cả pháp môn Đà-la-ni... không có tên gọi; trong tên gọi, không có tất cả pháp môn Đà-la-ni... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như Thanh văn, Độc giác, Đại thừa, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì Thanh văn... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải Thanh văn... Trong Thanh văn... không có tên gọi; trong tên gọi, không có Thanh văn... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì Thanh văn... cùng với tên gọi, đều tự tánh không. Trong tự tánh không; hoặc Thanh văn... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do duyên gì mà nói: Nếu như nói ngã... hoàn toàn không sinh, thì chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh."

Xá-lợi Tử, ngã hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh? Cho đến cái thấy cũng hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh?

Xá-lợi Tử, sắc hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh? Thọ, tưởng, hành, thức cũng hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh?

Như vậy cho đến Thanh văn thừa, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh? Độc giác thừa, Đại thừa cũng hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh?

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này nên tôi nói: "Nếu như nói ngã... hoàn toàn không sinh, thì chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh."

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do nhân duyên gì mà nói các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh?"

Thưa ngài Xá-lợi Tử, các pháp tự tánh hoàn toàn không hòa hợp. Vì sao? Vì các pháp có hòa hợp, thì tự tánh cũng là không vậy.

Khi ấy Ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào tự tánh đều không hòa hợp?

Ngài Thiện Hiện đáp:

–Thưa ngài Xá-lợi Tử, sắc uẩn, tự tánh đều không hòa hợp. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn, tự tánh cũng đều không hòa hợp. Như vậy cho đến Thanh văn thừa, tự tánh đều không hòa hợp. Độc giác, Đại thừa, tự tánh cũng đều không hòa hợp.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói: "Các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, đều không tự tánh." Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải thường, cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp chẳng phải thường, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào chẳng phải thường, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Thưa ngài Xá-lợi Tử, sắc uẩn chẳng phải thường, cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn chẳng phải thường, cũng không tan rã. Như vậy cho đến Thanh văn thừa, chẳng phải thường, cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải thường còn, cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải thường còn, cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp chẳng phải thường thì không tự tánh. Nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp chẳng phải lạc, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào chẳng phải lạc, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc uẩn chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Như vậy cho đến Thanh văn thừa, chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp chẳng phải lạc thì không tự tánh, nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Vì

sao? Vì nếu pháp chẳng phải ngã, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào chẳng phải ngã, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc uẩn chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Như vậy cho đến Thanh văn thừa, chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa, chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp chẳng phải ngã thì không tự tánh, nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, sự tịch tĩnh của tất cả pháp, cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp tịch tĩnh thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Sự tịch tĩnh của pháp nào không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sự tịch tĩnh của sắc uẩn, cũng không tan rã. Sự tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức uẩn, cũng không tan rã. Như vậy cho đến sự tịch tĩnh của Thanh văn thừa, cũng không tan rã. Sự tịch tĩnh của Độc giác thừa, Đại thừa cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sự tịch tĩnh của pháp là không tự tánh, nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, sự xa lìa của tất cả pháp, cũng không tan rã. Vì sao? Vì sự xa lìa của pháp, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Sự xa lìa của pháp nào, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sự xa lìa sắc uẩn cũng không tan rã. Sự xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng không tan rã. Như vậy cho đến sự xa lìa Thanh văn thừa, cũng không tan rã. Sự xa lìa của Độc giác thừa, Đại thừa cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sự xa lìa của pháp thì không tự tánh, nếu không tự tánh, thì không chấm dứt.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc uẩn là Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn là Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Như vậy cho đến Thanh văn thừa là Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa là Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện thì không tự tánh. Nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh, vô vi cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh vô vi, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh vô vi, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc uẩn là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh, vô vi cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh, vô vi cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh, vô vi thì không tự tánh; nếu không tự tánh là không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc uẩn chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn; cũng chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy. Như thế cho đến Thanh văn thừa, chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy. Độc giác thừa, Đại thừa; cũng chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nói tóm lại hoặc pháp thiện, pháp bất thiện; hoặc pháp hữu ký, pháp vô ký; hoặc pháp hữu tội, pháp vô tội; hoặc pháp hữu lậu, pháp vô lậu; hoặc pháp hữu nhiễm, pháp vô nhiễm; hoặc pháp thế gian,

pháp xuất thế gian; hoặc pháp tạp nhiễm, pháp thanh tịnh; hoặc pháp sinh tử, pháp Niết-bàn; hoặc pháp hữu vi, pháp vô vi… Tất cả pháp như vậy, đều chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, đều không tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi:

–Do duyên gì mà nói những sắc cho đến thức nào hoàn toàn không sinh. Như vậy cho đến những Thanh văn, Độc giác, Đại thừa nào, hoàn toàn không sinh?

Xá-lợi Tử, bản tánh của tất cả sắc cho đến thức, đều không sinh. Vì sao? Vì bản tánh của sắc cho đến thức đều không, không tạo tác, không sinh khởi. Vì sao? Vì pháp không tác giả, chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến bản tánh của tất cả Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không sinh. Vì sao? Vì bản tánh của tất cả Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không; không tạo tác, không sinh khởi. Vì sao? Vì pháp không tác giả, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, nên tôi nói: "Những sắc cho đến thức nào hoàn toàn không sinh. Như vậy cho đến những Thanh văn, Độc giác, Đại thừa nào hoàn toàn không sinh."

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do duyên gì mà nói: Nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến… nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi Thanh văn, Độc giác, Đại thừa?"

Xá-lợi Tử, bản tánh của sắc cho đến thức là không. Nếu bản tánh của pháp là không thì không thể thành lập là sinh, diệt, trụ hay dị.

Do nhân duyên này, cho nên nói nếu hoàn toàn không sinh thì không gọi là sắc cho đến thức. Vì sao? Vì không chẳng phải là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến bản tánh của Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng là không. Nếu bản tánh của pháp là không; thì không thể thành lập sinh, trụ, dị, diệt.

Do nhân duyên này, cho nên nói: Nếu hoàn toàn không sinh thì không gọi là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa. Vì sao? Vì không chẳng phải là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên tôi nói: Nếu hoàn toàn không sinh thì không gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến: Nếu hoàn toàn

không sinh; thì không gọi là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do nhân duyên gì mà nói làm sao con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không sinh để dạy dỗ, răn dè Đại Bồ-tát hoàn toàn không sinh?"

Xá-lợi Tử, hoàn toàn không sinh, tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là hoàn toàn không sinh. Vì sao? Vì hoàn toàn không sinh cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa không hai, không hai phần. Xá-lợi Tử, hoàn toàn không sinh tức là Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát tức là hoàn toàn không sinh. Vì sao? Vì hoàn toàn không sinh cùng với Đại Bồ-tát không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói: "Con đâu dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không sinh để dạy dỗ, răn dè Đại Bồ-tát hoàn toàn không sinh."

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do duyên gì mà nói nếu xa các pháp hoàn toàn không sinh thì không có Đại Bồ-tát hành được Vô thượng Bồ-đề?"

Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy xa lìa pháp hoàn toàn không sinh là có Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, cũng không thấy xa lìa pháp hoàn toàn không sinh là có Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì hoặc pháp hoàn toàn không sinh, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, hoặc Đại Bồ-tát đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy xa lìa pháp hoàn toàn không sinh là có sắc cho đến thức. Vì sao? Vì hoặc pháp hoàn toàn không sinh, hoặc sắc cho đến thức đều không hai, không hai phần. Như vậy cho đến khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy xa lìa pháp hoàn toàn không sinh là có Thanh văn, Độc giác, Đại thừa. Vì sao? Vì hoặc pháp hoàn toàn không sinh; hoặc Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói: "Nếu xa các pháp hoàn toàn không sinh thì không có Đại Bồ-tát hành được Vô thượng Bồ-đề."

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Do duyên gì mà nói, nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết như vậy mà tâm không chìm đắm, không ưu sầu, tâm kia cũng không kinh hãi, không hoảng hốt, không sợ sệt, nên biết Đại Bồ-tát này có thể hành được Bát-nhã ba-la-mật-đa."

Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không thấy các pháp có giác, có dụng; còn quán tất cả pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh trong gương, như bóng dáng, như quáng nắng, như hoa đốm hư không, như việc huyễn hóa, như thành Tầm hương chỉ hiện ra như là có mà không thật. Đại Bồ-tát nghe thuyết bản tánh của các pháp đều không, liền bộc lộ sự vui mừng, trong tâm tin tưởng, hỷ lạc sâu xa.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên tôi nói: Nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết như vầy, tâm không chìm đắm, cũng không ưu sầu sợ hãi, tâm kia không kinh hãi, không hoảng hốt, không sợ sệt, nên biết Đại Bồ-tát này có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và quán sát các pháp, khi đó Đại Bồ-tát đối với sắc cho đến thức đều vô sở đắc, không lãnh thọ, không chấp giữ, không an trụ, không trú trước, cũng không thành lập sắc uẩn cho đến thức uẩn. Đối với nhãn xứ cho đến ý xứ; đối với sắc xứ cho đến pháp xứ; đối với nhãn giới cho đến ý giới; đối với sắc giới cho đến pháp giới; đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới; đối với nhãn xúc cho đến ý xúc; đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; đối với địa giới cho đến thức giới; đối với nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đối với vô minh cho đến lão tử cũng đều như vậy.

Khi ấy, Đại Bồ-tát đối với Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều vô sở đắc, không lãnh thọ, không chấp giữ, không an trụ, không trú trước, cũng không thành lập Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đối với Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo; đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đối với tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đối với bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; đối với bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông; đối với mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đối với các Đại Bồ-tát hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; đối với chân như cho đến

cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đối với cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi; đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng lại như vậy. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì khi Đại Bồ-tát này hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy sắc uẩn cho đến thức uẩn, như vậy cho đến không thấy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tánh không của sắc là không sinh, không diệt. Tánh không của thọ, tưởng, hành, thức cũng không sinh, không diệt. Như vậy cho đến tánh không của trí Nhất thiết, không sinh, không diệt. Tánh không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt.

Bạch Thế Tôn, sắc không sinh, không diệt, tức chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không sinh, không diệt, tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Nhất thiết. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì sắc cho đến thức cùng không sinh, không diệt không hai, không hai phần. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng không sinh, không diệt, cũng không hai, không hai phần. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì pháp không sinh, không diệt, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Cho nên sắc cho đến thức không sinh, không diệt, tức là chẳng phải sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng: không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, sắc không hai, tức chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không hai, tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết không hai, tức chẳng phải trí Nhất thiết. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hai, tức chẳng phải trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, sắc thuộc về pháp không hai. Thọ, tưởng, hành, thức thuộc về pháp không hai, cho nên gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết thuộc về pháp không hai. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thuộc về pháp không hai, cho nên gọi là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Lúc bấy giờ, Ngài Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Theo lời Nhân giả nói, nếu khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và quán sát các pháp. Vậy, thế nào là Đại Bồ-tát? Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Thế nào là quán sát các pháp?

Thiện Hiện đáp:

–Theo lời Tôn giả hỏi: "Sao gọi là Đại Bồ-tát?" Xá-lợi Tử, vì muốn lợi lạc các loài hữu tình và cần cầu quả vị Giác ngộ cao tột, cho nên gọi là Bồ-tát. Đầy đủ sự hiểu biết như thật, tuy biết rõ khắp tướng của tất cả pháp mà không bị chấp trước, cho nên gọi là Ma-ha-tát.

Khi ấy, ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao Đại Bồ-tát có đầy đủ sự hiểu biết như thật, tuy biết rõ khắp tướng của tất cả pháp mà không bị chấp trước?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tuy như thật biết tướng của tất cả sắc mà không bị chấp trước. Tuy như thật biết tướng của tất cả thọ, tưởng, hành, thức mà không bị chấp trước. Như vậy cho đến như thật biết tướng của tất cả trí Nhất thiết mà không bị chấp trước. Tuy như thật biết tướng của tất cả trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà không bị chấp trước.

Khi ấy, ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Những gì gọi là tướng của tất cả pháp?

Thiện Hiện đáp:

–Do các tướng trạng của hành được biểu thị như vậy, nên biết các pháp là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp, là trong, là ngoài, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi. Những pháp này gọi là tướng của tất cả pháp.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa?"

Xá-lợi Tử, có trí tuệ, thù thắng, vi diệu đối với tất cả pháp, có thể như thật hiểu được sự xa lìa những gì đã xa lìa, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Ở đây, đối với pháp nào mà có thể xa lìa?

Thiện Hiện đáp:

–Ở đây, đối với các uẩn, các xứ, các giới, các pháp duyên khởi; đều có thể xa lìa, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có trí tuệ, thù thắng, vi diệu đối với tất cả pháp, có thể như thật hiểu được sự xa lìa những gì đã đạt được, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Ở đây, đối với pháp nào mà có thể xa lìa những gì đã đạt được?

Thiện Hiện đáp:

–Ở đây, đối với Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều có thể xa lìa những gì đã đạt được. Như vậy, cho đến đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều có thể xa lìa những gì đã đạt được, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên tôi nói là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: "Tại sao phải quán sát các pháp?"

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát sắc cho đến thức chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; chẳng phải vui, chẳng phải khổ; chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; chẳng phải không, chẳng phải bất không; chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; chẳng phải xa lìa, chẳng phải không xa lìa. Như vậy cho đến quán sát trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; chẳng phải vui, chẳng phải khổ; chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; chẳng phải không, chẳng phải bất không; chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; chẳng phải xa lìa, chẳng phải không xa lìa.

Xá-lợi Tử, đấy gọi là quán sát các pháp. Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, phải nên quán sát các pháp như vậy.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Do duyên gì mà Nhân giả lại nói: Sắc cho đến thức không sinh, không diệt, tức là chẳng phải sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc cho đến thức; tánh của sắc cho đến thức là không. Trong tánh không này không sinh, không diệt, cũng không sắc cho đến thức. Do đó, cho nên nói; sắc cho đến thức không sinh, không diệt, tức chẳng phải sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng,

trí Nhất thiết tướng; tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không. Trong tánh không này không sinh, không diệt, cũng không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Do đó cho nên nói, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bấy giờ, Ngài Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Do nhân duyên gì mà Nhân giả lại nói như vầy: "Sắc cho đến thức không hai, tức chẳng phải sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hai, tức chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, hoặc sắc hoặc không hai, cho đến hoặc thức hoặc không hai; như vậy cho đến hoặc trí Nhất thiết hoặc không hai, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc không hai. Tất cả như thế chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng, gọi là không tướng. Do nghĩa đó, cho nên tôi nói: Sắc cho đến thức không hai, tức là chẳng phải sắc cho đến thức, như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hai, tức là chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Do duyên gì mà nhân giả nói như vầy: "Sắc cho đến thức thuộc về pháp không hai, nên gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thuộc về pháp không hai, nên gọi là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng?"

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc cho đến thức chẳng khác không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt chẳng khác sắc cho đến thức. Vậy sắc cho đến thức tức là không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt tức là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng khác không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt chẳng khác trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vậy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tức là không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt tức là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Do đó cho nên tôi nói: Sắc cho đến thức thuộc pháp không hai, nên gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thuộc pháp không hai, nên gọi là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết

tướng.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 498

Phẩm 3: Thiện Hiện (17)

Lúc bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát như thật tướng của tất cả pháp, thì khi đó Đại Bồ-tát thấy ta cho đến thấy người là không sinh là hoàn toàn thanh tịnh, cho nên thấy sắc cho đến thức là không sinh là hoàn toàn thanh tịnh. Thấy nhãn xứ cho đến ý xứ là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy sắc xứ cho đến pháp xứ là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy nhãn giới cho đến ý giới là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy sắc giới cho đến pháp giới là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy nhãn thức giới cho đến ý thức giới là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy địa giới cho đến thức giới là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy vô minh cho đến lão tử, là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy tám giải giải thoát, chín Định thứ đệ là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy

năm loại mắt, sáu phép thần thông là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy phàm phu và pháp phàm phu là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Dự lưu và pháp Dự lưu là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Nhất lai và pháp Nhất lai là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Bất hoàn cho đến pháp Bất hoàn là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy A-la-hán và pháp A-la-hán là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Độc giác và pháp Độc giác là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Đại Bồ-tát và pháp Đại Bồ-tát là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và pháp của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh.

Khi ấy, ngài Xá-lợi Tử bảo Thiện Hiện:

–Theo như tôi hiểu nghĩa lời Nhân giả nói, thì ngã, hữu tình... hoàn toàn không sinh. Sắc cho đến thức, hoàn toàn không sinh; cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và pháp của Như Lai cũng hoàn toàn không sinh. Nếu như thế thì hàng phàm phu chịu thọ sinh trong sáu đường không khác nhau. Vậy thì không cần phải Dự lưu đắc quả Dự lưu. Không cần phải Nhất lai đắc quả Nhất lai. Không cần phải Bất hoàn đắc quả Bất hoàn. Không cần phải A-la-hán đắc quả A-la-hán. Không cần phải Độc giác đắc quả Độc giác Bồ-đề. Không cần phải Đại Bồ-tát vì đắc trí Nhất thiết tướng mà tinh cần tu học, để lần lượt chứng đắc năm loại Bồ-đề.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tất cả pháp hoàn toàn không sinh, thì tại sao Dự lưu lại vì quả Dự lưu mà siêng năng tu tập chân đạo, để vĩnh viễn chấm dứt ba kết sử? Tại sao Nhất lai lại vì quả Nhất lai mà siêng năng tu tập, để vĩnh viễn chấm dứt tham, sân, si? Tai sao Bất hoàn lại vì quả Bất hoàn mà siêng năng tu tập, để vĩnh viễn chấm dứt hạ phần kết sử, kiến lập năm loại phân vị khác biệt? Tại sao A-la-hán lại vì quả A-la-hán mà siêng năng tu tập, để vĩnh viễn chấm dứt hạ phần kết sử? Tại sao Độc giác lại vì Độc giác Bồ-đề mà siêng năng tu tập pháp Duyên khởi để tự giác ngộ? Tại sao Đại Bồ-tát lại vì cứu độ vô lượng, vô số hữu tình mà siêng năng tu tập hơn trăm ngàn hạnh khổ khó hành; đảm nhận vô lượng khổ lớn khó nhẫn? Tại sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột lại

chuyển pháp luân vi diệu để cứu độ hữu tình.

Thiện Hiện đáp:

–Thưa ngài Xá-lợi Tử, không phải đối với pháp không sinh, mà tôi chấp nhận có hàng phàm phu vì nghiệp phiền não mà phải qua lại trong sáu đường, chịu sự thọ sinh sai khác. Không phải đối với pháp không sinh, mà tôi chấp nhận có người nhập vào Thánh đế hiện quán. Không phải đối với pháp không sinh, mà tôi cho rằng có Dự lưu đắc quả Dự lưu; cho đến có Độc giác đắc quả Độc giác Bồ-đề. Không phải đối với pháp không sinh, mà tôi chấp nhận có Đại Bồ-tát vì đắc trí Nhất thiết tướng mà siêng năng tu học, để lần lượt chứng đắc năm loại Bồ-đề. Không phải đối với pháp không sinh kia, mà tôi chấp nhận có Dự lưu vì quả Dự lưu, mà siêng năng tu tập chân đạo, để vĩnh viễn chấm dứt ba phần kết sử; cho đến có Độc giác vì Độc giác Bồ-đề, mà siêng năng tu tập pháp duyên khởi để tự giác ngộ. Không phải đối với pháp không sinh kia, mà tôi chấp nhận có Đại Bồ-tát, vì cứu độ vô lượng, vô số hữu tình mà tu tập hơn trăm ngàn hạnh khổ khó hành, đảm nhận vô lượng khổ lớn khó nhẫn. Các Đại Bồ-tát tuy vì loại hữu tình, tu vô lượng hạnh khổ khó hành; nhưng trong lúc đó, không bao giờ vọng tưởng về khổ hạnh. Vì sao? Vì nếu ở trong khổ hạnh mà vọng tưởng về khổ hạnh, thì hoàn toàn không thể vì vô lượng, vô số, vô biên hữu tình mà làm lợi ích lớn được.

Tất cả chúng Đại Bồ-tát, chỉ dùng vô sở đắc làm phương tiện. Đối với các hữu tình, tưởng như cha, mẹ, anh, em, vợ, con và chính thân mình, vì muốn cứu độ cho họ, nên phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, có thể làm lợi ích lớn cho vô lượng, vô số, vô biên hữu tình.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nào khởi ý niệm như vầy: "Như tự tánh, ta đối với tất cả pháp, dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời chỉ để cầu điều chẳng thể nắm bắt được. Các pháp trong ngoài, cũng lại như vậy, hoàn toàn là không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được." Nên trụ ý tưởng này, liền không thấy có hạnh khổ khó hành. Do đó, có thể vì vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, mà tu hơn trăm ngàn hạnh khổ khó hành và làm lợi ích lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đối với tất cả pháp, tất cả hữu tình, dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời, chỉ để cầu điều chẳng thể nắm bắt được, cho nên không bị chấp trước với sự việc ấy.

Xá-lợi Tử, không phải đối với pháp không sinh kia, mà tôi chấp nhận có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột,

chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ hữu tình. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp, tất cả hữu tình, là hoàn toàn không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được, cho nên không có chứng, không có cứu độ và không có người chứng, không có người được cứu độ.

Lúc bấy giờ ngài Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Chẳng lẽ vì chấp nhận pháp sinh nên chứng chứng pháp sinh vì chấp thuận pháp không sinh nên chứng pháp không sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi không chấp nhận pháp sinh để chứng pháp sinh, cũng không chấp thuận pháp không sinh chứng pháp không sinh.

Khi đó, Xá-lợi Tử lại hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Chẳng lẽ vì chấp nhận pháp sinh nên chứng pháp không sinh hay vì chấp thuận pháp không sinh nên chứng pháp sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi cũng không chấp thuận pháp sinh để chứng pháp không sinh, cũng lại không chấp thuận pháp không sinh để chứng pháp sinh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu như vậy, thì lẽ nào không có chứng đắc, không có hiện quán ư?

Thiện Hiện đáp:

–Tuy có chứng đắc, có hiện quán, nhưng không do hai pháp này mà chứng. Chỉ tùy theo thế gian mà nói hay trình bày có chứng đắc, có hiện quán, chứ chẳng phải trong thắng nghĩa mà có chứng đắc, có hiện quán. Chỉ tùy theo thế gian mà nói hay trình bày có Dự lưu, quả Dự lưu cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, có quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, chứ chẳng phải trong thắng nghĩa mà có những điều như vậy. Vậy thì sáu đường sai khác cũng tùy theo thế gian mà nói hay trình bày, chứ chẳng phải thắng nghĩa ư?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, vì sao? Vì không phải trong thắng nghĩa mà có phiền não, nghiệp chướng, dị thục, hoặc pháp sinh, pháp diệt, pháp nhiễm, pháp tịnh.

Bấy giờ Xá-lợi Tử lại hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Chẳng lẽ vì chấp nhận pháp chưa sinh cho là sinh hay vì chấp thuận pháp đã sinh cho là sinh ư?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi không chấp thuận pháp chưa sinh cho là sinh, cũng không chấp thuận pháp đã sinh cho là sinh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những pháp nào đã sinh mà không chấp thuận pháp đó là sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc cho đến thức là pháp đã sinh. Tôi không chấp thuận pháp đó sinh. Vì sao? Vì tự tánh nó không. Như vậy cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là pháp đã sinh. Tôi không chấp thuận pháp đó là sinh. Vì sao? Vì tự tánh không.

Bấy giờ Xá-lợi Tử lại hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Vì chấp thuận pháp sinh là sinh hay vì chấp thuận pháp chẳng sinh là sinh ư?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi không chấp thuận pháp sinh là sinh, cũng không chấp thuận pháp chẳng sinh là sinh. Vì sao? Vì sinh cùng với chẳng sinh. Hai pháp như vậy không hòa hợp, không tan rã, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng gọi là không tướng. Do ý nghĩa như thế, cho nên tôi không chấp nhận pháp sinh là sinh, cũng không chấp nhận pháp chẳng sinh là sinh.

Khi đó, Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Nhân giả, theo lời ông nói. Vậy pháp không sinh là trình bày cụ thể về tướng không sinh phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Theo tôi thì pháp không sinh cũng không thể trình bày cụ thể về tướng không sinh. Vì sao? Vì pháp không sinh, tướng không sinh, hoặc sự trình bày cụ thể, tất cả như thế đều chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng gọi là không tướng, không thể nói rốt ráo.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Đối với pháp không sinh, mà có ngôn ngữ không sinh, vậy ngôn ngữ không sinh này cũng không sinh hay sao?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đối với pháp không sinh mà có ngôn ngữ không sinh, thì ngôn ngữ pháp này và ngôn ngữ nghĩa đều không sinh. Vì sao? Vì sắc cho đến thức, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không.

Nhãn xứ cho đến ý xứ tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Sắc xứ cho đến pháp xứ, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Nhãn giới cho đến ý giới, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Nhãn xúc cho đến ý xúc tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Địa giới cho đến thức giới, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Vô minh cho đến lão tử, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Thân, ngữ, ý, hành, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không.

Xá-lợi Tử, do nghĩa như vậy, cho nên đối với pháp không sinh mà có ngôn ngữ không sinh. Ngôn ngữ pháp này và ngôn ngữ nghĩa đều không sinh. Xá-lợi Tử, pháp được thuyết, lời thuyết pháp, người thuyết, người nghe, nghĩa đều không sinh. Vì sao? Vì bản tánh tất cả pháp đều không. Trong không đó, không có nghĩa phát sinh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử khen ngợi Thiện Hiện:

–Nhân giả là bậc Đệ nhất trong những người thuyết pháp, trừ Đức Thế Tôn, không ai sánh bằng. Vì sao? Vì nhân giả tùy theo từng câu hỏi của mỗi pháp môn, mà đối đáp một cách thông suốt, không chỗ nào bị trở ngại.

Thiện Hiện đáp:

–Là đệ tử Phật thì đối với tất cả pháp không để vướng mắc và chấp trước. Pháp nhĩ là tùy theo sự gạn hỏi mà đối đáp một cách tự tại vô ngại. Vì sao? Vì tất cả pháp hoàn toàn không chỗ y cứ.

Lúc đó, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao các pháp hoàn toàn không chỗ y cứ?

Thiện Hiện đáp:

–Vì sắc cho đến thức, bản tánh không, cho nên không dựa vào bên trong, không dựa bên ngoài, không dựa ở giữa, hai bên. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, bản tánh không; cũng không dựa bên trong, không dựa bên ngoài, không dựa ở giữa, hai bên.

Xá-lợi Tử, do nghĩa này nên tôi nói các pháp hoàn toàn không chỗ y

cứ.

Như vậy Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, thì sắc phải nên thanh tịnh; thọ tưởng, hành, thức phải nên thanh tịnh. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, phải nên thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng phải nên thanh tịnh. Như vậy cho đến đạo quả Bồ-đề cũng phải nên thanh tịnh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao Đại Bồ-tát khi tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đạo quả Bồ-đề phải nên thanh tịnh?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, mỗi thứ đều có hai loại là thế gian và xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là thế gian Bố thí ba-la-mật-đa? Sao gọi là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát làm vị thí chủ lớn, có thể bố thí cho tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo khổ, bệnh hoạn, cô đơn, lỡ đường, người đi xin, áo quần, thức ăn, nước uống và những vật cần dùng khác. Nếu lại có người đến xin con trai, cho con trai; xin con gái, cho con gái; xin vợ, cho vợ; xin chức quan, cho chức quan; xin đất đai, cho đất đai; xin ngôi vua, cho ngôi vua; xin đầu cho đầu; xin mắt cho mắt; xin tay chân, cho tay chân, xin lóng đốt cho lóng đốt; xin máu thịt cho máu thịt; xin da xương cho da xương; xin tôi tớ cho tôi tớ; xin loài vật cho loài vật. Như vậy, tất cả mọi thứ đều tùy theo sự mong cầu, đều bố thí vật trong ngoài. Tuy làm việc bố thí như vậy mà còn có y cứ vào đó, nghĩa là khởi lên ý nghĩ: "Ta là người cho, kia là kẻ nhận. Ta làm thí chủ, ta không xan tham, ta theo lời Phật dạy nên xả bỏ tất cả. Ta thực hành Bố thí ba-la-mật-đa."

Người đó thực hành bố thí, đã dùng sở hữu đắc làm phương tiện, đem cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Lại nghĩ như vầy: "Ta đem phước này bố thí cho các hữu tình, khiến cho họ đời này, đời sau được an lạc cho đến chứng đắc Vô dư Niết-bàn. Người ấy còn chấp trước ba luân mà hành bố thí: Một là tưởng mình; hai là tưởng người; ba là tưởng vật thí."

Do chấp trước ba luân này mà hành bố thí, cho nên gọi là Bố thí ba-

la-mật-đa thế gian.

Tại sao gọi sự bố thí này là thế gian? Vì tu hành đồng với thế gian, cho nên không có động lực để vượt khỏi pháp thế gian; như vậy gọi là thế gian Bố thí ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào thi hành bố thí, với ba luân phải thanh tịnh. Một là không chấp ta là người cho. Hai là không chấp kia là người nhận. Ba là không chấp sự bố thí vì quả báo của nó. Đấy là Đại Bồ-tát hành bố thí ba luân thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào dùng tâm đại Bi làm đầu, tu phước bố thí, bố thí khắp hữu tình, mà đối với các hữu đều không có sở đắc. Tuy đem cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột, mà trong đó không thấy một chút tướng nào là do hoàn toàn không chấp trước mà hành bố thí, cho nên gọi là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Vì sao sự bố thí này gọi là xuất thế gian? Vì không tu hành đồng với thế gian, cho nên có động lực vượt khỏi pháp thế gian, như vậy gọi là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian? Sao gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Tịnh giới cho đến Bát-nhã, mà có chấp trước vào ba luân, thì gọi là Ba-la-mật-đa thế gian. Vì tu hành đồng với thế gian, cho nên không có động lực vượt ra khỏi pháp thế gian. Nếu Đại Bồ-tát nào, khi tu hành Tịnh giới cho đến Bát-nhã, mà không chấp trước nên ba luân thanh tịnh, thì gọi là Ba-la-mật-đa xuất thế gian. Vì không tu hành đồng với thế gian, cho nên có động lực vượt ra khỏi pháp thế gian.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có hai hạng là thế gian và xuất thế gian. Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian? Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành bố thí, mà dựa vào hữu sở đắc để thực hành bố thí, đều nghĩ như vầy: “Ta có thể điều phục tâm xan tham để thực hành bố thí”, thì Đại Bồ-tát đó đã dựa vào tưởng ngã, tưởng

hữu tình mà bố thí, tuy có xả bỏ tất cả vật sở hữu bên trong, bên ngoài, nhưng không gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Tịnh giới, mà dựa vào sở hữu đắc để tu hành tịnh giới; rồi khởi ý niệm như vầy: "Ta có thể an trụ công đức nơi hạnh Đầu-đà. Ta có thể điều phục được thân, khẩu và ý. Ta có thể tu hành mười nghiệp thiện"; thì Đại Bồ-tát này đã dựa vào các kiến chấp về ngã, hữu tình và các thiện pháp. Tuy có thể tu hành các loại tịnh giới và đem cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, nhưng đối với quả Bồ-đề cho là thật có, rồi dựa vào các công đức ấy khen mình chê người, thì cũng không gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào, khi tu hành An nhẫn mà dựa vào hữu sở đắc để tu an nhẫn; rồi khởi ý niệm như vầy: "Ta có thể nhẫn nhục, lãnh chịu các việc xấu của tất cả hữu tình đối với ta." Thì Đại Bồ-tát này đã dựa vào ngã, hữu tình và an nhẫn kiến lạc. Mặc dù có thể nhẫn nhục, lãnh chịu các việc xấu cho người, rồi đem căn lành của việc an nhẫn này, cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Nhưng vì dùng hữu sở đắc làm phương tiện, nên không gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành tinh tấn lại dựa vào hữu sở đắc mà tu hành tinh tấn, khởi ý niệm như vậy: "Ta có thể phát khởi thâm tâm tinh tấn, nhiệt tâm tu hành hai thứ tư lương là phước và tuệ" thì Đại Bồ-tát này mặc dầu thường phát khởi tâm tinh tấn, nhiệt tâm tu hành hai thứ tư lương là phước và tuệ, mà được tướng phước tuệ ở thân tâm, được tướng ngã và tướng các hữu tình, rồi cũng được tướng của sự cầu Bồ-đề. Nhưng do dùng hữu sở đắc làm phương tiện, nên không gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành tĩnh lự mà lại dựa vào các hữu sở đắc mà tu tĩnh lự. Lại khởi ý niệm như vầy: "Ta có thể tu hành Từ, Bi, Hỷ, Xả, đẳng trì, đẳng chí, tĩnh lự, thần thông, ra vào tự tại" thì Đại Bồ-tát này đối với các tĩnh lự đã đắm trong thiền định. Mặc dù đem căn lành do chứng đắc thiền định cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Nhưng do dùng hữu sở đắc làm phương tiện, cho nên chưa được gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Bát-nhã, mà lại dựa vào hữu sở đắc để hành Bát-nhã, lại khởi lên ý niệm như vầy: "Ta có thể quán sát tất cả pháp là không, đó là sắc không cho đến thức không, như vậy cho đến quả

vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng đều là không", thì Đại Bồ-tát này do dùng hữu sở đắc làm phương tiện, tuy quán sát tất cả hoàn toàn không, cũng đem căn lành cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, cũng phát tâm tùy hỷ, tu hành thiện pháp một cách bình đẳng đối với mình và người, cũng siêng năng hối hận diệt trừ điều ác mà tự mình đã làm, siêng năng khuyến thỉnh vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương thế giới, chuyển pháp luân vi diệu, độ thoát các hữu tình, cũng thường phát khởi thần thông thù thắng, làm lợi ích lớn cho các hữu tình, nhưng còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện, cho nên chưa được gọi là Bát-nhã xuất thế gian, như vậy chỉ gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Bố thí dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình và bố thí… hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, để tu Bố thí ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đấy gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình và tịnh giới… hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, để tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đấy gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình và an nhẫn… hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, để tu An nhẫn ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đấy gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình, thân tâm tinh tấn, dùng phước tuệ làm tư lương, đều hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh, nên hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, để tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đấy gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình và các tĩnh lự, đẳng trì, đẳng chí, đều hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, để tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đấy gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân

thanh tịnh nên hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, để tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đấy gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào, đem tất cả căn lành như vậy mà cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thì nên biết sự hồi hướng như vậy chính là sự hồi hướng không gì trên, hồi hướng không sai biệt, hồi hướng không gì sánh bằng, hồi hướng chẳng thể nghĩ bàn, hồi hướng vô đối, hồi hướng vô lượng, hồi hướng vi diệu. Như thế gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử, sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy, do nhân duyên gì gọi là thế gian? Lại do nhân duyên gì gọi là xuất thế gian?

Xá-lợi Tử, thế gian nghĩa là sáu pháp Ba-la-mật-đa kia là thế gian, nên gọi là thế gian. Vì do cấu tạo bởi thế gian nên gọi là thế gian; phù hợp với thế gian nên gọi là thế gian; vì thế gian nên gọi là thế gian; nhân theo thế gian nên gọi là thế gian; thuộc về thế gian nên gọi là thế gian; dựa vào thế gian nên gọi là thế gian.

Xá-lợi Tử, xuất thế gian nghĩa là sáu pháp Ba-la-mật-đa này là xuất thế gian, nên gọi là xuất thế gian. Vượt ra khỏi thế gian, nên gọi là xuất thế. Do ra khỏi thế gian, nên gọi là xuất thế. Vì ra khỏi thế gian, nên gọi là xuất thế. Từ thế gian mà vượt ra, nên gọi là xuất thế. Ra khỏi thế gian nên gọi là xuất thế. Dựa vào thế gian mà ra, nên gọi là xuất thế.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi hành sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy, sẽ làm thanh tịnh đạo Bồ-đề.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Những gì gọi là đạo Bồ-đề của các Đại Bồ-tát?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là đạo Bồ-

đề của Đại Bồ-tát. Năm loại mắt, sáu phép thần thông là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, như vậy tất cả vô lượng, vô biên đại công đức, tất cả đều là đạo Bồ-đề của các Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Công đức mà Tôn giả đã nói, đó là oai lực của những Ba-la-mật-đa nào mà thành tựu?

Thiện Hiện đáp:

–Công đức mà tôi đã nói, đó đều do oai lực của Bát-nhã ba-la-mật-đa mà thành tựu. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, có thể là mẹ của tất cả thiện pháp. Tất cả thiện pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đều sinh ra từ đấy. Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế có thể giữ gìn khắp tất cả thiện pháp. Tất cả thiện pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đều an trụ nơi đây.

Xá-lợi Tử, chúng Đại Bồ-tát ở thời quá khứ, tu học rất viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Chúng Đại Bồ-tát ở đời vị lai, tu học rất viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, đang chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Chúng Đại Bồ-tát ở đời hiện tại, trong mười phương vô lượng cõi Phật tu học rất viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, đang chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tâm không nghi hoặc, cũng không hoang mang, thì nên biết Đại Bồ-tát này luôn luôn an trụ như vậy, không bao giờ xả bỏ. Nghĩa là dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường xuyên tinh cần, cứu độ tất cả hữu tình. Nên biết Đại Bồ-tát này thành tựu tác ý tối thắng như vậy, gọi là tác ý tương ưng với đại Bi.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bảo Thiện Hiện rằng:

–Nếu Đại Bồ-tát nào, luôn luôn an trụ như vậy, không bao giờ xả bỏ, thành tựu tác ý tương ưng với đại Bi, thì tất cả hữu tình cũng được thành tựu Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả hữu tình cũng an trụ như vậy cũng tác ý thường xuyên, không bao giờ xả bỏ. Cho nên Các Đại Bồ-tát cùng với tất cả hữu tình không khác nhau.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện đáp lời ngài Xá-lợi Tử rằng:

–Lành thay, lành thay, lời của ngài nói thật giống ý tôi muốn nói! Tuy chỉ là gạn hỏi tôi mà tác thành ý nghĩa của tôi. Vì sao? Xá-lợi Tử, hữu tình cho đến cái thấy chẳng có, cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy, cũng chẳng có; hữu tình cho đến cái thấy không thật; cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật. Hữu tình cho đến cái thấy không tánh; cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy cũng không tánh. Hữu tình cho đến cái thấy không, cho nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không. Hữu tình cho đến cái thấy xa lìa, cho nên biết trụ và tác ý như vậy cũng xa lìa. Hữu tình cho đến cái thấy tịch tĩnh, cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tĩnh. Hữu tình cho đến cái thấy không có giác tri, cho nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không có giác tri.

Xá-lợi Tử, sắc cho đến thức chẳng có, không thật, không tánh, không, xa lìa, tịch tĩnh, không có giác tri, cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có, không thật, không tánh, không, xa lìa, tịch tĩnh, không có giác tri. Như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Vô thượng Bồ-đề, chẳng có, không thật, không tánh, không, xa lìa, tịch tĩnh, không có giác tri, cho nên phải biết và tác ý như vậy cũng chẳng có, không thật, không tánh, không, xa lìa, tịch tĩnh, không có giác tri.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên các Đại Bồ-tát đối với trụ và tác ý như vậy, thường không xa lìa, cùng với các hữu tình không khác nhau. Vì tất cả pháp và các hữu tình đều hoàn toàn không, nên không khác nhau.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn khen ngợi Thiện Hiện:

–Lành thay, lành thay! Ông khéo vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đấy đều nương sức oai thần của Như Lai. Nếu có vị nào muốn vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều nên tuyên thuyết như ông đã thuyết. Nếu Đại Bồ-tát nào muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì nên theo lời nói của ông mà học. Nếu Đại Bồ-tát nào theo lời dạy của ông mà học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì Đại Bồ-tát này mau đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, làm lợi ích, an lạc cho tất cả hữu tình đến tận đời vị lai.

Khi Cụ thọ Thiện Hiện vì đại chúng mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì ở thế giới ba lần ngàn này biến động sáu cách: Đông vọt lên, Tây lặn xuống; Tây vọt lên, Đông lặn xuống; Nam vọt lên, Bắc lặn xuống; Bắc vọt lên, Nam lặn xuống; giữa vọt lên, một bên lặn xuống; một

bên vọt lên, giữa lặn xuống. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền mỉm cười.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì mà Ngài biểu hiện mỉm cười?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Như ở thế giới ba lần ngàn, Ta đang vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bấy giờ ở mười phương thế giới, vô lượng, vô sắc, vô biên đều có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cũng vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như Ta đang ở trong thế giới ba lần ngàn tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng có mười hai chúng trời, người đông đảo đối với tất cả pháp, đều chứng đắc Vô sinh nhẫn. Ngày nay, ở mười phương thế giới vô lượng, vô số, vô biên đều có vô lượng, vô số, vô biên các loài hữu tình, cũng nghe chư Phật kia, vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, ở trong pháp không, đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, sinh lòng tìm hiểu sâu xa, nhiệt tâm tu hành hạnh Đại Bồ-tát.

-oOo-

Phẩm 4: Thiên Đế (1)

Lúc bấy giờ, ở trong thế giới ba lần ngàn này, tất cả nơi nào có bốn Đại thiên vương và các Thiên đế, lần lượt cho đến cõi trời Sắc cứu cánh; đều cùng vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng, đồng đến ngồi trong hội chúng. Chư Thiên này do các nghiệp thanh tịnh mà chiêu cảm quả Dị thục, hào quang nơi thân tuy phát ra rực rỡ, nhưng so với hào quang của Như Lai thường hiện, thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn cho đến không bằng một phần cực nhỏ. Vì sao? Vì hào quang của thân Phật thường chiếu oai đức rực rỡ, so với hào quang của chư Thiên, vì Ngài là tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, không thể so sánh, không có tương đồng, là vô thượng đệ nhất, che lấp cả hào quang của chư Thiên, khiến nó không hiện ra. Giống như ánh sáng trăng rằm mùa thu che lấp tất cả ngôi sao.

Khi ấy Thiên đế Thích bạch Thiện Hiện:

–Bây giờ trong thế giới ba lần ngàn này, đều có tất cả bốn Đại thiên vương và các Thiên đế, lần lượt cho đến trời Sắc cứu cánh đều cùng với quyến thuộc, đồng vân tập đến chúng hội, muốn nghe Đại đức tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, cúi xin Đại đức thương xót chúng tôi mà tuyên thuyết.

Bạch Đại đức, sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát? Vì sao Đại Bồ-tát an trụ nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa? Vì sao Đại Bồ-tát phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Lúc đó, Cụ thọ Thiện Hiện bảo Thiên đế Thích:

–Kiều-thi-ca, Thiên chúng các vị đều nên lắng nghe, khéo suy nghĩ, tôi sẽ nương sức oai thần của Phật, thuận theo ý của Như Lai, vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy Đại Bồ-tát nào, có thể ở trong pháp đó, nên an trụ như vầy, nên tu học như vầy.

Kiều-thi-ca, Thiên chúng các vị, vị nào chưa phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột thì nay đều nên phát. Kiều-thi-ca, những vị nào đã vào Chánh tánh ly sinh của Thanh văn, Độc giác, không thể phát tâm đại Bồ-đề lại nữa. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì vị ấy ngăn cách dòng sinh tử. Trong những vị ấy, nếu có vị nào có thể phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì tôi cũng tùy hỷ. Vì sao? Vì các bậc thắng nhân đều nên cầu thắng pháp. Tôi hoàn toàn không ngăn cản thiện phẩm thù thắng của họ.

Kiều-thi-ca, ngài hỏi sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát? Lắng nghe, lắng nghe, tôi sẽ nói cho ngài rõ. Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào khởi tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tư duy sắc uẩn cho đến thức uẩn, hoặc vô thường, hoặc khổ, hoặc vô ngã, hoặc bất tịnh, hoặc không, hoặc vô tướng, hoặc vô nguyện, hoặc tịch tĩnh, hoặc xa lìa, hoặc như bệnh, hoặc như ung nhọt hoặc như mũi tên, hoặc như ghẻ lở, hoặc nhiệt não, hoặc bức bách, hoặc bại hoại, hoặc mục nát, hoặc biến động, hoặc mau diệt, hoặc đáng sợ, hoặc đáng chán, hoặc có tai họa, hoặc có hoạn nạn, hoặc có bệnh dịch, hoặc có bệnh truyền nhiễm, hoặc không an ổn, không đáng tin, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi.

Tư duy nhãn xứ cho đến ý xứ; tư duy sắc xứ cho đến pháp xứ; tư duy nhãn giới cho đến ý giới; tư duy sắc giới cho đến pháp giới; tư duy nhãn thức giới cho đến ý thức giới; tư duy nhãn xúc cho đến ý xúc; tư duy các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tư duy địa giới cho đến thức giới; tư duy vô minh cho đến lão tử cũng lại như vậy. Kiều-thi-ca, đấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào khởi tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tư duy vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên

xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử cho đến hoàn toàn là một tập hợp khối khổ lớn.

Sau đó, lại dùng vô sở đắc làm phương tiện, tư duy vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục xứ diệt, lục xứ diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên lão tử cho đến hoàn toàn là tập khối khổ lớn cũng diệt.

Các diệt như thế là vô ngã, không, vô tướng, vô nguyện, tịch tĩnh, xa lìa, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi. Kiều-thi-ca, đấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào khởi tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tư duy pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là vô ngã, ngã sở, vô tướng, vô nguyện, tịch tĩnh, xa lìa, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi. Kiều-thi-ca, đấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào phát khởi tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tư duy chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là vô ngã, ngã sở, vô tướng, vô nguyện, tịch tĩnh, xa lìa, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi. Kiều-thi-ca, đấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào phát khởi tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tư duy Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; tư duy bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tư duy bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tư duy tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; tư duy pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tư duy bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; tư duy bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tư duy năm loại mắt, sáu phép thần thông; tư duy mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tư duy pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tư duy tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tư duy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Tất cả đều là vô thường, vô ngã, không, vô tướng, vô nguyện, tịch tĩnh, xa lìa, biến động, mau diệt, không đáng tin, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi. Kiều-thi-ca, đấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào phát khởi tâm tương ưng với

trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trụ cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi. An trụ Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo. Kiều-thi-ca, đấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào phát khởi tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành tất cả Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tu hành tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; tu hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Kiều-thi-ca, đấy là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 499

Phẩm 4: Thiên Đế (2)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, mà quan sát như vậy: "Chỉ có các pháp trợ duyên với nhau, thấm nhuần tăng trưởng, lần lượt trùm khắp tất cả. Trong đó hoàn toàn không có ngã và ngã sở. Như thật quán sát chẳng thể nắm bắt được." Lại khởi tâm quán sát: "Các Đại Bồ-tát dùng sự tu tập căn lành thù thắng, đem cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Tu tập tâm căn lành không cùng với tâm hồi hướng hòa hợp; tâm hồi hướng không cùng với tu tập tâm căn lành hòa hợp. Tâm hồi hướng không cùng với tâm Bồ-đề hòa hợp; tâm Bồ-đề cũng không cùng với tâm hồi hướng hòa hợp. Trong việc tu tập tâm căn lành đối với tâm hồi hướng, là không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Trong tâm hồi hướng đối với tu tập tâm căn lành, cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Trong tâm hồi hướng đối với tâm Bồ-đề là không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Trong tâm Bồ-đề đối với tâm hồi hướng cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được." Các Đại Bồ-tát tuy như thật quán sát các pháp, nhưng đối với các pháp hoàn toàn vô sở kiến.

Kiều-thi-ca, đấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

Khi ấy Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, vì sao đối với các Đại Bồ-tát, tu tập tâm căn lành không cùng với tâm hồi hướng hòa hợp. Tâm hồi hướng cũng không cùng với tu tập tâm căn lành hòa hợp. Tâm hồi hướng không cùng với tâm Bồ-đề hòa hợp. Tâm Bồ-đề cũng không cùng với tâm hồi hướng hòa hợp. Trong việc tu tập tâm căn lành đối với tâm hồi hướng là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Trong tâm hồi hướng đối với tu tập tâm căn lành cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Trong tâm hồi hướng đối với tâm Bồ-đề cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Trong tâm Bồ-đề đối với tâm hồi hướng, cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, đối với các Đại Bồ-tát, tu tập tâm căn lành thì chẳng phải tâm. Tâm hồi hướng, tâm Bồ-đề cũng chẳng phải tâm. Không thể dùng cái chẳng phải tâm mà có sự tu tập, hoặc có hồi hướng, hoặc có sự hồi hướng. Không thể dùng cái chẳng phải tâm mà hồi hướng cái chẳng phải tâm, tâm cũng không nên hồi hướng chẳng phải tâm. Chẳng phải tâm không nên hồi hướng đối với tâm, tâm cũng không nên hồi hướng đối với tâm. Vì sao? Kiều-thi-ca, chẳng phải tâm tức là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn tức là chẳng phải tâm. Cả hai loại như vậy đều không sở hữu. Trong không sở hữu không có nghĩa hồi hướng. Kiều-thi-ca, tâm không có tự tánh, tâm sở cũng vậy; tâm và tâm sở đã không có tự tánh, cho nên tâm cũng không có nghĩa với tâm hồi hướng. Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát nếu quán sát như vậy, thì gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của Đại Bồ-tát.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Thiện Hiện:

–Lành thay, lành thay! Nay ông khéo vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì cũng nên khéo khuyến khích các Đại Bồ-tát siêng năng, hoan hỷ, tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con đã biết ân, sao lại không đền đáp. Vì sao? Vì thời quá khứ, chư Phật và chúng đệ tử đã vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết sáu pháp Ba-la-mật-đa bằng cách thị hiện dạy dỗ, hướng dẫn, khen ngợi, khích lệ, hoan hỷ, an ủi, kiến lập để cho họ được cứu cánh. Khi ấy, Thế Tôn cũng học ở trong đó, nay đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, làm lợi ích cho chúng con. Vì vậy ngày nay, con phải theo lời Phật dạy, vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết sáu pháp Ba-la-mật-đa, cũng thị hiện, dạy dỗ, hướng dẫn, khen ngợi, khích lệ, hoan hỷ, kiến lập làm cho họ được cứu cánh, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu đến tận đời vị lai, làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, thì gọi là đền đáp ân đức kia vậy.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bảo Thiên đế Thích:

–Kiều-thi-ca, ngài hỏi vì sao Đại Bồ-tát, nên an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa? Ngài hãy lắng nghe, lắng nghe, tôi sẽ vì ngài mà nói các Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên an trụ đúng chỗ như vậy mà không nên có tướng trụ. Kiều-thi-ca, sắc uẩn cho đến thức uẩn, tánh của sắc uẩn cho đến thức uẩn đều không. Các Đại Bồ-tát, tánh của các Đại Bồ-tát là không. Hoặc tánh không của sắc uẩn cho đến thức uẩn, hoặc tánh không

của các Đại Bồ-tát; tất cả như vậy đều không hai, không hai phần. Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa nên an trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, nhãn xứ cho đến ý xứ, tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ là không. Sắc xứ cho đến pháp xứ, tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ là không. Nhãn giới cho đến ý giới, tánh của nhãn giới cho đến ý giới là không. Sắc giới cho đến pháp giới, tánh của sắc giới cho đến pháp giới là không. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới, tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới là không. Nhãn xúc cho đến ý xúc, tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc là không. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều là không. Địa giới cho đến thức giới, tánh của địa giới cho đến thức giới là không. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là không. Vô minh cho đến lão tử, tánh của vô minh cho đến lão tử là không. Vô minh diệt cho đến lão tử diệt, tánh của vô minh diệt cho đến lão tử diệt là không. Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tánh của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều là không. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là không. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, tánh của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, tánh của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi là không. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là không. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là không. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ là không. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều là không. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là không. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, tánh của Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là không. Năm loại mắt, sáu phép thần thông, tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông là không. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều là không. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn

Tam-ma-địa; tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều là không. Thanh văn, Độc giác, Vô thượng thừa; tánh của Thanh văn, Độc giác, Vô thượng thừa đều là không. Dự lưu cho đến Như Lai; tánh của Dự lưu cho đến Như Lai là không. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không. Các Đại Bồ-tát, tánh của các Đại Bồ-tát là không. Hoặc tánh không của nhãn xứ cho đến trí Nhất thiết tướng; hoặc tánh không của các Đại Bồ-tát; tất cả như vậy đều không hai, không hai phần. Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa nên an trụ như vậy.

Lúc đó, Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ vào chỗ nào?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ sắc uẩn, không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức uẩn. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện. Như vậy cho đến không nên trụ trí Nhất thiết, không nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ đây là sắc uẩn, không nên trụ đây là thọ, tưởng, hành, thức uẩn. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện. Như vậy cho đến không nên trụ đây là trí Nhất thiết, không nên trụ đây là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì như thế là còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ sắc uẩn cho đến thức uẩn là thường hay vô thường; là vui, khổ; là ngã, vô ngã; là tịnh, bất tịnh; là không, chẳng không; là có tướng, không tướng; là có nguyện, không nguyện; là tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; là xa lìa, chẳng xa lìa. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện. Như vậy cho đến không nên trụ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là thường, vô thường, vui, khổ, ngã, tịnh, bất tịnh, không, chẳng không, có tướng, không tướng, có nguyện, không nguyện, tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh, xa lìa, chẳng xa lìa. Vì sao? Vì như thế là còn dùng hữu sở đắc là phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa

sâu xa, không nên trụ Dự lưu quả là sự hiển hiện vô vi. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện. Không nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán quả, Độc giác Bồ-đề, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là sự hiển hiện vô vi. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ Dự lưu là phước điền đáng nhận sự cúng dường. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện. Không nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai là phước điền, đáng nhận sự cúng dường Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nên trụ Sơ địa. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện. Không nên trụ Đệ nhị địa cho đến Đệ thập địa. Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không nên trụ lúc phát tâm ban đầu, rồi nghĩ như vầy: "Ta nên viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ta nên viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Ta nên viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Ta nên viên mãn tám Giải thoát, chín Định thứ đệ. Ta nên viên mãn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Ta tu gia hạnh đã viên mãn rồi nên vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Ta đã đắc Chánh tánh ly sinh rồi, nên an trụ ở địa vị không thoái chuyển của Bồ-tát. Ta nên viên mãn năm thần thông của Bồ-tát. Ta trụ năm thần thông của Bồ-tát viên mãn rồi, nên du hóa đến vô lượng, vô số cõi Phật để đảnh lễ, chiêm ngưỡng, phụng sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, lắng nghe chánh pháp của Phật, rồi như lý suy nghĩ để giảng rộng cho người khác. Ta nên tranh nghiêm, thanh tịnh quốc độ như chỗ của mười phương Phật, mà an lập hữu tình. Ta phải thành thục các loài hữu tình, để họ chứng quả vị Giác ngộ cao tột, hoặc đắc Niết-bàn, hoặc ở cõi lành. Ta phải đến vô lượng, vô số cõi Phật để thân cận, phụng sự chư Phật Thế Tôn; lại dùng vô biên hoa hương, chuỗi anh lạc quý báu, cờ đèn, phan lọng, âm nhạc, ăn uống và các vật dụng khác để cúng dường, cúng kính, tôn trọng, ngợi khen. Ta phải an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, để làm cho họ đối với Vô thượng Bồ-đề, không còn thoái chuyển." Vì sao? Vì như vậy là còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ ý nghĩ như vầy: "Ta phải thành tựu năm loại mắt

thanh tịnh; đó là mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải thành tựu sáu phép thần thông thù thắng. Sáu phép thần thông thù thắng là Cảnh trí thông, Thiên nhãn trí thông, Thiên nhĩ trí thông, Tha tâm trí thông, Túc trụ tùy niệm trí thông, Lậu tận trí thông.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta nên thành tựu tất cả pháp môn Tam-ma-địa thù thắng; đối với các đẳng trì, tùy tâm muốn tự tại an trụ.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta nên thành tựu tất cả pháp môn Đà-la-ni thù thắng, đối với các tổng trì, sự nghiệp đã làm ra đều được tự tại.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải thành tựu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để thân được trang nghiêm, khiến cho các hữu tình ai thấy cũng đều hoan hỷ, chiêm ngưỡng không biết nhàm chán, tự thân được lợi lạc.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải thành tựu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải thành tựu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, thông đạt các pháp nhưng không chấp trước, không chướng ngại.” Vì sao? Vì tất cả là còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ: “Đây là Tùy tín hành. Đây là Tùy pháp hành. Đây là bậc Đệ bát. Đây là bậc Dự lưu, còn bảy lần sinh trở lại. Đây là Gia gia. Đây là Nhất gian. Đây là bậc Tề thủ cho đến đoạn tận phiền não, thọ mạng mới dứt. Đây là Dự lưu định, không phải là pháp đọa. Đây là pháp trung gian vào Niết-bàn. Đây là Nhất lai, chỉ đến thế gian này một lần, sẽ dứt trừ hết khổ. Đây là Bất hoàn hướng. Đây là Bất hoàn quả, qua bờ kia mới được vào Niết-bàn. Đây là A-la-hán hướng. Đây là A-la-hán quả, quyết vào Vô dư Niết-bàn ở hiện tại. Đây là Độc giác. Đây là Bồ-tát, vượt hơn địa vị Thanh văn, Độc giác, an trụ địa vị Đại Bồ-tát; tu trí Nhất thiết và trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hiểu rõ tất cả pháp, tất cả tướng, rồi đoạn trừ hẳn sự tương tục của tất cả tập khí, kết sử, phiền não, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, được thành đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đầy đủ oai lực lớn, rồi chuyển pháp luân vi diệu, làm các Phật sự, độ thoát vô lượng, vô số hữu tình, khiến họ chứng đắc Niết-bàn, hoàn toàn an lạc.” Vì sao? Vì như vậy là còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải khéo tu bốn Thần túc, rồi an trụ đẳng trì thù thắng như thế. Do đẳng trì này, mà ta tăng trưởng thế lực, để

tuổi thọ của ta được sống lâu, suốt hằng hà sa đại kiếp.” Không nên trụ ý nghĩ như vầy: “Ta phải được hưởng tuổi thọ vô lượng, vô biên.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải thành tựu ba mươi hai tướng, mỗi một tướng này có trăm phước trang nghiêm, hữu tình nào được thấy thì sinh lợi lạc lớn.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải thành tựu tám mươi vẻ đẹp, mỗi một vẻ đẹp này đều có vô số lượng việc thù thắng hiếm có; hữu tình nào được thấy thì sinh lợi ích lớn.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải an trụ một cõi thanh tịnh trang nghiêm; cõi ấy diện tích rộng như hằng hà sa thế giới khắp mười phương.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải an tọa trên một tòa bằng kim cang; tòa này rộng lớn bằng thế giới ba lần ngàn.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Ta phải ngồi dưới cội Bồ-đề. Cây này phải cao rộng, to lớn với nhiều bảo vật quý báu, nơi ấy thường tỏa ra mùi thơm vi diệu tràn khắp, khiến cho người nghe mau chóng diệt trừ tâm tham, sân, si; vô lượng, vô biên thân bệnh cũng được lành; ai được nghe hương của cây Bồ-đề này thì xa lìa suy nghĩ về Thanh văn, Độc giác, chắc chắn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.” Không nên trụ ý nghĩ này: “Nguyện cho tôi sẽ được cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh. Cõi ấy thật trong sạch, không có các thứ cấu uế.” Vì sao? Vì như vậy là còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không nên trụ ý nghĩ này: “Nguyện cho tôi sẽ được cõi Phật thanh tịnh; trong đó hoàn toàn không chấp trước tên gọi âm thanh của sắc uẩn cho đến thức uẩn; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh nhãn xứ cho đến ý xứ; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh sắc xứ cho đến pháp xứ; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh nhãn giới cho đến ý giới; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh sắc giới cho đến pháp giới; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh nhãn thức giới cho đến ý thức giới; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh nhãn xúc cho đến ý xúc; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh địa giới cho đến thức giới; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh vô minh cho đến lão tử; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh chân như cho đến cảnh giới chẳng thể

nghĩ bàn; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh Thanh văn, Độc giác, Đại thừa; cũng không chấp trước tên gọi âm thanh Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến Bồ-tát, Như Lai.” Vì sao? Vì còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện. Vì sao? Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, hiểu rõ tất cả pháp hoàn toàn không sở hữu, tên gọi, chữ viết, âm thanh đều chẳng thể nắm bắt được.

Khi các Đại Bồ-tát an trụ ở bậc không thoái chuyển, cũng thấy các pháp hoàn toàn không sở hữu, tên gọi, chữ viết, âm thanh đều chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, đấy là các Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chỗ trụ đúng như vậy mà không có tướng trụ. Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tùy theo thật tướng nên trụ hay không nên trụ, vì dùng vô sở đắc làm phương tiện, phải nên học như vậy.

Khi ấy, Xá-lợi Tử nghĩ như vầy: “Nếu Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đối với tất cả pháp đều không nên trụ, thì tại sao nên trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Cụ thọ Thiện Hiện biết ý nghĩ nơi tâm của Xá-lợi Tử liền nói:

–Ý Tôn giả thế nào? Tâm của chư Như Lai thì trụ ở đâu?

Xá-lợi Tử đáp:

–Tâm của chư Như Lai hoàn toàn không chỗ trụ. Vì sao? Vì tâm của

chư Phật; không trụ sắc uẩn cho đến thức uẩn; không trụ nhãn xứ cho đến ý xứ; không trụ sắc xứ cho đến pháp xứ; không trụ nhãn giới cho đến ý giới; không trụ sắc giới cho đến pháp giới; không trụ nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không trụ nhãn xúc cho đến ý xúc; không trụ các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không trụ địa giới cho đến thức giới; không trụ nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không trụ vô minh cho đến lão tử; không trụ hữu vi giới cho đến vô vi giới; không trụ Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không trụ cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi; không trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không trụ bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không trụ bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không trụ tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; không trụ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không trụ bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không trụ bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không trụ năm loại mắt, sáu phép thần thông; không trụ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không trụ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không trụ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không trụ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tất cả pháp là chẳng thể nắm bắt được. Như vậy Thiện Hiện, tâm Như Lai đối với tất cả pháp hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Lúc đó Cụ thọ Thiện Hiện nói với Xá-lợi Tử:

–Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, cũng lại như vậy, tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà đồng với Như Lai; đối với tất cả pháp, tâm không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với sắc uẩn chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Như vậy cho đến, đối với trí Nhất thiết chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sắc, pháp... không hai tướng. Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tùy theo tướng chẳng phải trụ, chẳng phải bất trụ này, mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, phải nên học như vậy.

Bấy giờ trong hội chúng, có các Thiên tử nghĩ thầm như vầy: Lời lẽ, câu, chú của các Dược-xoa nhiều loại khác nhau, tuy ẩn mật nhưng chúng ta còn có thể hiểu rõ được. Tôn giả Thiện Hiện thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, mặc dầu dùng nhiều lời lẽ chỉ bày rõ ràng, nhưng sao chúng ta lại không hiểu nổi!

Cụ thọ Thiện Hiện biết được sự suy nghĩ của các Thiên tử, bèn bảo rằng:

–Các vị Thiên tử, những gì tôi đã thuyết các vị không hiểu nổi sao?

Chư Thiên đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Câu cú và ý nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mà Tôn giả đã thuyết đối với chúng tôi thật là khó hiểu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bảo:

–Tôi thường đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, trong nghĩa tương ưng cũng không thuyết một chữ. Các vị cũng không nghe thì lấy gì mà hiểu. Vì sao? Các Thiên tử, vì trong nghĩa tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì văn tự, ngôn ngữ hoàn toàn xa lìa. Bởi vì trong ấy, người nói, người nghe và người hiểu đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng quả vị Giác ngộ cao tột sâu xa vi diệu, cũng lại như vậy.

Các vị Thiên tử nên biết, như Phật hóa làm một thân Phật. Từ hóa thân Phật này, hóa làm bốn chúng, đều đến hội chúng mà thuyết pháp. Ý các vị thế nào? Trong đây thật có người thuyết người nghe, người hiểu không?

Các Thiên tử đáp:

–Bạch Đại đức, không có.

Thiện Hiện bảo:

–Đúng vậy, Thiên tử! Tất cả pháp đều như huyễn hóa. Nay trong nghĩa tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này; người thuyết, người nghe và người hiểu đều chẳng thể nắm bắt được. Thiên tử nên biết, cũng như mộng thấy Phật thuyết pháp cho đại chúng. Ý các vị thế nào? Trong đấy, thật có người thuyết, người nghe, người hiểu không?

Các Thiên tử đáp:

–Bạch Đại đức, không có!

Thiện Hiện bảo:

–Đúng vậy, Thiên tử, tất cả pháp đều như mộng. Nay trong nghĩa tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, người thuyết, người nghe và người hiểu đều chẳng thể nắm bắt được. Thiên tử nên biết, giống như có hai người ở trong một hang núi, mỗi người xoay về một hướng, cùng một lúc cất tiếng ca ngợi Phật, Pháp, Tăng. Ý các vị thế nào? Hai tiếng vang này có thể nghe lẫn nhau? Có thể hiểu lẫn nhau không?

Các Thiên tử đáp:

–Bạch Đại đức, không!

Thiện Hiện bảo:

–Đúng vậy, Thiên tử, tất cả pháp đều như tiếng vang. Nay trong nghĩa tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, người thuyết, người nghe và người hiểu đều chẳng thể nắm bắt được. Thiên tử nên biết, ví như nhà ảo thuật hoặc đệ tử của vị ấy, ở ngã tư đường, hóa làm bốn chúng và một Như Lai thuyết pháp. Ý các vị thế nào? Trong đây thật có người thuyết, người nghe, người hiểu không?

Các Thiên tử đáp:

–Bạch Đại đức, không!

Thiện Hiện bảo:

–Đúng vậy, Thiên tử! Tất cả pháp đều như ảo huyễn. Nay trong nghĩa tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, người thuyết, người nghe và người hiểu đều chẳng thể nắm bắt được. Thiên tử nên biết, bởi do nhân duyên này, nên tôi nói: đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, trong nghĩa tương ưng tôi không thuyết một chữ. Các vị cũng không nghe, thì lấy gì mà hiểu được.

Khi ấy các Thiên tử lại nghĩ thế này: "Đại đức Thiện Hiện, đối với nghĩa thậm thâm của Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy dùng nhiều phương tiện thuyết rõ, muốn chúng ta dễ hiểu nhưng nghĩa thú kia sâu xa lại càng sâu xa hơn, vi tế lại càng vi tế hơn, khó có thể lường được."

Cụ thọ Hiện Thiện biết tâm niệm của các vị ấy, nên liền bảo rằng:

–Thiên tử nên biết, sắc uẩn chẳng phải sâu xa, chẳng phải vi tế. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn chẳng phải sâu xa, chẳng phải vi tế. Vì sao? Này các Thiên tử, vì tự tánh sắc uẩn cho đến tự tánh thức uẩn đều chẳng phải sâu xa, chẳng phải vi tế. Như vậy cho đến trí Nhất thiết chẳng phải sâu xa, chẳng phải vi tế. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải sâu xa, chẳng phải vi tế. Vì sao? Các Thiên tử, vì tự tánh trí Nhất thiết; tự tánh

trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng phải sâu xa, chẳng phải vi tế.

Lúc ấy các Thiên tử lại nghĩ như vầy: "Đại đức Thiện Hiện, trong pháp được thuyết không nêu bày sắc uẩn, cũng không nêu bày thọ, tưởng, hành, thức uẩn. Vì sao? Vì tánh sắc uẩn... đều chẳng thể nêu bày. Như vậy cho đến không nêu bày trí Nhất thiết, cũng không nêu bày trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tánh trí Nhất thiết... đều chẳng thể nêu bày. Trong lúc thuyết pháp, Đại đức Thiện Hiện không nêu bày Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, tất cả Đại Bồ-tát hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Vì sao? Vì tánh Dự lưu hướng... đều chẳng thể nêu bày. Trong lúc thuyết pháp, Đại đức Thiện Hiện cũng không nêu bày ngôn ngữ, văn tự. Vì sao? Vì tánh của ngôn ngữ, văn tự đều chẳng thể nêu bày.

Cụ thọ Thiện Hiện biết các Thiên tử đang nghĩ về pháp, liền bảo họ rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như ý nghĩ của các vị! Sắc uẩn cho đến Vô thượng Bồ-đề thì văn tự, ngôn ngữ đều chẳng thể nêu bày. Cho nên trong nghĩa tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, không có người thuyết, không người nghe cũng không người hiểu. Do đó các vị đối với các pháp, phải tùy theo lời thuyết mà tu hành nhẫn nhục vững chắc. Thiên tử nên biết, các vị muốn chứng, muốn trụ Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán quả, Độc giác Bồ-đề, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, cần phải nương vào pháp nhẫn này mới có thể chứng đắc và an trụ. Như vậy Thiên tử, các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi rốt ráo; nên trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thuyết, không nghe, không hiểu này, luôn luôn siêng năng tu học, không nên tạm lìa bỏ.

Bấy giờ các Thiên tử lại nghĩ như vầy:

–Đại đức Thiện Hiện, nay muốn vì hữu tình nào mà thuyết những pháp nào?

Cụ thọ Thiện Hiện biết tâm niệm của chư Thiên, Ngài liền bảo họ rằng:

–Thiên tử nên biết, nay tôi muốn vì hữu tình như huyễn, như hóa, như mộng nên cũng lại tuyên thuyết pháp như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì như vậy thì người nghe đối với việc thuyết pháp cũng không nghe, không hiểu, không chứng.

Khi ấy, các Thiên tử liền hỏi lại:

–Người thuyết, người nghe và pháp được thuyết đều thấy như huyễn, như hóa, như mộng sao?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời các vị nói! Hữu tình như huyễn vì người như huyễn mà pháp thuyết cũng như huyễn. Hữu tình như hóa, vì người như hóa mà pháp thuyết cũng như hóa. Hữu tình như mộng vì người như mộng mà pháp thuyết cũng như mộng. Thiên tử nên biết, ngã cho đến cái thấy; đều thấy như huyễn, như hóa, như mộng. Sắc uẩn cho đến thức uẩn, cũng thấy như huyễn, như hóa, như mộng. Cho đến quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, cũng thấy như huyễn, như hóa, như mộng.

Khi ấy chư Thiên hỏi Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, nay ngài chỉ nói ngã cho đến Bồ-đề, thấy như huyễn, như hóa, như mộng. Vậy ngài cũng nói thấy Niết-bàn như huyễn, như hóa, như mộng sao?

Thiện Hiện đáp:

–Nay tôi không chỉ nói ngã cho đến Bồ-đề thấy như huyễn, như hóa, như mộng, mà còn nói Niết-bàn cũng thấy như huyễn, như hóa, như mộng. Thiên tử nên biết, giả sử có pháp cao hơn Niết-bàn. Tôi cũng thuyết mà thấy như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Này các Thiên tử, vì việc huyễn, hóa, mộng cùng với tất cả pháp cho đến Niết-bàn, tất cả đều không hai, không hai phần.

Bấy giờ các vị đại Thanh văn, Cụ thọ Xá-lợi Tử, Đại Mục-liên, Chấp Đại Tạng, Mãn Từ Tử, Đại Ca-đa-diễn-na, Đại Ca-diếp-ba... và vô lượng trăm ngàn Đại Bồ-tát cùng cất tiếng hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Tôn giả đã thuyết, thậm thâm như vậy, khó thấy, khó hiểu, tịch tĩnh vi diệu, chẳng phải chỗ suy nghĩ, vượt lên cảnh giới suy nghĩ, tối thắng nhất thì ai có thể tin hiểu, lãnh thọ được?

Lúc đó Khánh Hỷ bạch với các vị đại Thanh văn và các Đại Bồ-tát:

–Có các Đại Bồ-tát không thoái chuyển, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, có thể lãnh thọ và tin hiểu sâu xa. Lại có vô lượng A-la-hán đã thấy Thánh đế đối với các pháp sâu xa có thể đạt tận nguồn gốc, sở nguyện đã viên mãn, các lậu vĩnh viễn chấm dứt, nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này có thể tin hiểu, lãnh thọ. Lại có vô lượng thiện nam, thiện nữ... đã

ở trong thời quá khứ vô lượng, vô số, trăm ngàn muôn ức Phật, thân cận, cúng dường, phát thệ nguyện rộng lớn, trồng các căn lành, trí tuệ, thông minh, được sự giúp đỡ của bạn lành, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng có thể tin hiểu lãnh thọ. Vì sao? Những vị như vậy, đối với pháp, chẳng phải pháp đều không phân biệt. Nghĩa là không dùng không, chẳng không để phân biệt với sắc cho đến thức, cũng không dùng sắc cho đến thức để phân biệt không, chẳng không. Không dùng có tướng, không tướng để phân biệt sắc cho đến thức; cũng không dùng sắc cho đến thức để phân biệt có tướng, không tướng. Không dùng có nguyện, không nguyện để phân biệt sắc cho đến thức; cũng không dùng sắc cho đến thức để phân biệt có nguyện, không nguyện. Không dùng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt sắc cho đến thức; cũng không dùng sắc cho đến thức để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh. Không dùng xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt sắc cho đến thức; cũng không dùng sắc cho đến thức để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa. Không dùng sinh, chẳng sinh để phân biệt sắc cho đến thức; cũng không dùng sắc cho đến thức để phân biệt sinh, chẳng sinh. Không dùng diệt, chẳng diệt để phân biệt sắc cho đến thức; cũng không dùng sắc cho đến thức để phân biệt diệt, chẳng diệt. Như vậy cho đến không dùng không, chẳng không để phân biệt cảnh giới hữu vi, vô vi; cũng không dùng cảnh giới hữu vi, vô vi để phân biệt không, chẳng không. Không dùng có tướng, không tướng để phân biệt cảnh giới hữu vi, vô vi; cũng không dùng cảnh giới hữu vi, vô vi để phân biệt có tướng, không tướng. Không dùng có nguyện, không nguyện để phân biệt cảnh giới hữu vi, vô vi; cũng không dùng cảnh giới hữu vi, vô vi để phân biệt có nguyện, không nguyện. Không dùng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt cảnh giới hữu vi, vô vi; cũng không dùng cảnh giới hữu vi, vô vi để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh. Không dùng xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt cảnh giới hữu vi, vô vi; cũng không dùng cảnh giới hữu vi, vô vi để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa. Không dùng sinh, chẳng sinh để phân biệt cảnh giới hữu vi, vô vi; cũng không dùng cảnh giới hữu vi, vô vi để phân biệt sinh, chẳng sinh. Không dùng diệt, chẳng diệt để phân biệt cảnh giới hữu vi, vô vi; cũng không dùng cảnh giới hữu vi, vô vi để phân biệt diệt, chẳng diệt. Do nhân duyên này, nên những vị như vậy, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này đều có thể tin hiểu và thọ trì.

Khi ấy Cụ thọ Thiện Hiện bảo các Thiên tử:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy thật là thậm thâm, khó thấy, khó hiểu, tịch tĩnh vi diệu, chẳng phải chỗ suy nghĩ, vượt lên cảnh giới suy nghĩ, tối thắng đệ nhất. Trong đó, thật không có người có thể tin, hiểu, thọ trì. Vì sao? Vì trong đó không có pháp có thể hiển thị, cho nên người tin hiểu thọ trì cũng chẳng thể nắm bắt được.

Bấy giờ Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Đâu phải trong giáo pháp sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói rộng ra cho đến pháp tương ưng với Tam thừa là pháp Thanh văn thừa, pháp Độc giác thừa, pháp Vô thượng thừa, nói rộng ra cho đến đạo Bồ-tát nhiếp thọ các Đại Bồ-tát, từ lúc phát tâm ban đầu, lần lượt đến phát tâm lần thứ mười. Gọi là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. An trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. An trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. An trụ cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi. An trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, hoặc bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Hoặc tám Giải thoát, chín Định thứ đệ. Hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông. Hoặc mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cho đến việc nhiếp thọ thần thông thù thắng của các Đại Bồ-tát. Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đó là những gì mà Đại Bồ-tát phải siêng năng tu hành, nên tùy theo chỗ sinh mà thường thọ hóa sinh; đối với thần thông không thoái chuyển, có thể tự tại an trụ, khéo thông đạt vô lượng pháp môn. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thường cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Tùy theo sở nguyện mà gieo trồng các cội công đức, được thọ trì chánh pháp của chư Phật cho đến thường không quên mất pháp Vô thượng Chánh đẳng giác. Hằng ở thắng định, xa lìa tâm rối loạn. Do nhân duyên này mà đắc Vô ngại biện, Vô đoạn tận biện, Vô số mậu biện, Ưng biện tấn biện, Chư sở diễn thuyết phong nghĩa vị biện, Nhất thiết thế gian tối thắng diệu biện.

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, thật đúng như lời ngài nói! Trong giáo pháp sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa này, đều dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, nói rộng ra cho đến pháp tương ưng Tam thừa cho đến việc nhiếp thọ thần thông thù thắng của Bồ-tát cho đến chứng đắc tất cả diệu biện thù thắng của thế gian.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Trong giáo pháp sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, thì những gì đã thuyết đều dùng vô sở đắc làm phương tiện. Vậy thì pháp nào ở đây dùng vô sở đắc làm phương tiện?

Thiện Hiện đáp:

–Ở đấy, ngã cho đến cái thấy, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, sắc cho đến thức, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, nhãn xứ cho đến ý xứ, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, sắc xứ cho đến pháp xứ, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, nhãn giới cho đến ý giới, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, sắc giới cho đến pháp giới, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, nhãn xúc cho đến ý xúc, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, đều dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, địa giới cho đến thức giới, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, vô minh cho đến lão tử, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, dùng vô sở đắc làm phương tiện.

Ở đây, năm loại mắt, sáu phép thần thông, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Ở đây, Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến Đại Bồ-tát hành pháp quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, dùng vô sở đắc làm phương tiện.

Lúc đó, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Do duyên gì mà trong giáo pháp thậm thâm của Bát-nhã ba-la-mật-đa này cho đến pháp tương ưng với ba thừa, dùng vô sở đắc làm phương tiện?

Do duyên gì mà trong giáo pháp thậm thâm của Bát-nhã ba-la-mật-đa này cho đến đạo Bồ-tát nơi nhiếp thọ các Đại Bồ-tát từ lúc phát tâm ban đầu cho đến phát tâm lần thứ mười, dùng vô sở đắc làm phương tiện?

Do duyên gì mà trong giáo pháp thậm thâm của Bát-nhã ba-la-mật-đa này cho đến việc nhiếp thọ thần thông thù thắng của các Đại Bồ-tát cho đến chứng đắc tất cả diệu biện tối thắng của thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cho nên trong giáo pháp sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa này cho đến pháp tương ưng với Tam thừa đều dùng vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cho nên trong giáo pháp sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến đạo Bồ-tát nhiếp thọ các Đại Bồ-tát từ lúc phát tâm ban đầu cho đến phát tâm lần thứ mười, đều dùng vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cho nên trong giáo pháp sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa, các việc nhiếp thọ thần thông thù thắng của các Đại Bồ-tát cho đến tất cả diệu biện tối thắng của thế gian đều dùng vô sở đắc làm phương tiện. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không. Xét đến tận cùng rộng ra cứu cánh cũng chẳng thể nắm bắt được.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 500

Phẩm 4: Thiên Đế (3)

Lúc bấy giờ, Thiên đế Thích và bốn Đại thiên vương, trong thế giới ba lần ngàn cho đến trời Sắc cứu cánh, đồng nghĩ như vầy:

–Tôn giả Thiện Hiện đã nương nơi thần lực Phật vì chúng Đại Bồ-tát rưới trận mưa pháp lớn. Nay chúng ta nên vì thế mà cúng dường. Mỗi vị hãy hóa ra các loại hoa vi diệu của cõi trời, để rải cúng dường Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, các Đại Bồ-tát, hợp cùng Bí-sô Tăng, Tôn giả Thiện Hiện mà cúng dường Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Nghĩ như vậy rồi, Thiên đế Thích và các vị trời, liền hóa thành hương hoa vi diệu ở cõi trời và rải cúng dường.

Khi ấy, nhờ thần lực của Phật, hoa nở khắp hư không, trong thế giới ba lần ngàn; biến thành đài hoa trang nghiêm, thù thắng, vi diệu, lớn bằng thế giới ba lần ngàn.

Cụ thọ Thiện Hiện thấy việc như vậy rồi, liền nghĩ: "Nay, hoa rải ở chỗ chư Thiên là điều chưa từng thấy. Hoa này thù thắng vi diệu, chắn chắn không phải do đất nước, cỏ cây sinh ra mà do sự biến hóa hiện từ tâm chư Thiên."

Lúc đó, Thiên đế Thích biết suy nghĩ của Thiện Hiện, liền nói với Thiện Hiện:

–Hoa đã rải đây, thật chẳng phải do đất, nước, cỏ cây sinh ra, mà chỉ là do tâm của chư Thiên hóa hiện vậy.

Bấy giờ, Thiện Hiện nói với Đế Thích:

–Hoa này không sinh tức chẳng phải hoa.

Khi đó Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Chỉ hoa này là không sinh, còn các pháp khác cũng vậy chứ?

Thiện Hiện đáp:

–Không phải chỉ hoa này là không sinh. Các pháp khác cũng không sinh. Nghĩa là sao? Kiều-thi-ca, sắc cũng không sinh. Thọ, tưởng, hành,

thức cũng không sinh. Đây đã không sinh, tức chẳng phải là sắc cho đến thức. Vì sao? Vì pháp không sinh, thì xa lìa các hý luận và không thể trình bày là sắc...; nhãn xứ cho đến ý xứ; sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới cho đến ý giới; sắc giới cho đến pháp giới; nhãn thức giới cho đến ý thức giới; nhãn xúc cho đến ý xúc; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; địa giới cho đến thức giới; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; vô minh cho đến lão tử; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; năm loại mắt, sáu phép thần thông; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến hạnh của các Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, phải nên biết như vậy.

Khi ấy, Thiên đế Thích nghĩ thầm như vầy: "Trí tuệ của Tôn giả thật là thâm sâu, chỉ thuyết pháp tánh mà không bỏ giả danh."

Đức Phật biết ý nghĩ đó, liền nói với Đế Thích:

–Đúng như ý nghĩ của Kiều-thi-ca! Trí tuệ của Cụ thọ Thiện Hiện thật là thâm sâu, chỉ thuyết pháp tánh mà không bỏ giả danh.

Lúc đó, Thiên đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Tôn giả Thiện Hiện đối với những pháp gì, thuyết pháp tánh mà không bỏ giả danh?

Bấy giờ, Phật bảo Thiên đế Thích:

–Kiều-thi-ca, sắc cho đến thức chỉ là giả danh, giả danh như vậy nhưng không rời pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chỉ thuyết pháp tánh của sắc... mà giả danh của sắc... như thế không bị hoại. Vì sao? Vì pháp của tánh của sắc... không hoại, không không hoại; cho đến việc thuyết của Thiện Hiện cũng không hoại, không không hoại. Như vậy cho đến tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cũng nên biết như vậy. Kiều-thi-ca, Cụ

thọ Thiện Hiện đối với pháp như vậy, chỉ thuyết pháp tánh mà không bỏ giả danh.

Bấy giờ Thiện Hiện nói với Đế Thích:

–Kiều-thi-ca, đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời Phật thuyết, các pháp các mặt đều là giả danh. Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát biết tất cả pháp chỉ là giả danh rồi, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Kiều-thi-ca, khi các Đại Bồ-tát học như vậy, thì không phải đối với sắc mà học, cũng không phải đối với thọ, tưởng, hành, thức mà học. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này không thấy sắc, có thể có ở trong đó mà học, cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức có thể có ở trong đó mà học. Như vậy cho đến đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nên biết như vậy.

Lúc đó Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Do nhân duyên gì mà Đại Bồ-tát trong lúc học không thấy sắc, cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức, cho đến cũng không thấy tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, sắc, tánh của sắc là không. Thọ, tưởng, hành, thức; tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không. Cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; tánh của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng là không. Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát do nhân duyên này mà trong lúc học không thấy sắc cho đến thức; cho đến không thấy tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì không thể dùng sắc không mà thấy sắc không; không thể dùng sắc không mà học sắc không. Như vậy cho đến không thể dùng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không, mà thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không. Không thể dùng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không, mà học Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không. Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát không học không, thì Đại Bồ-tát này là học không. Vì sao? Vì không hai phần. Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát không học nơi sắc không cho đến không học nơi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không thì Đại Bồ-tát này là học nơi sắc không cho đến học nơi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không. Vì sao? Vì không hai phần. Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát dùng không thể phân hai làm phương tiện đối với việc học chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không; thì Đại Bồ-tát này có thể dùng không hai làm phương tiện.

Để học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Học pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Học chân như

cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Học cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi. Học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Học tám Giải thoát, chín Định thứ đệ. Học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Học bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai. Học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Học năm loại mắt, sáu phép thần thông. Học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Học ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp. Học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Học Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến Đại Bồ-tát hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Học Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào có thể dùng pháp không hai làm phương tiện, học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì Đại Bồ-tát đó có thể dùng pháp không hai làm phương tiện để học vô số, vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn hết thanh tịnh Phật pháp. Đại Bồ-tát này không vì sắc tăng mà học, không vì sắc giảm mà học, cho đến không vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tăng mà học; không vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác giảm mà học. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì sắc cho đến tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không hai phần. Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát nào không vì sắc tăng mà học, cũng không vì sắc giảm mà học cho đến không vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tăng mà học, cũng không vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác giảm mà học, thì Đại Bồ-tát này không vì giữ gìn sắc mà học, cũng không vì hoại diệt sắc mà học. Như vậy cho đến, không vì giữ gìn tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà học, cũng không vì hoại diệt tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà học. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì nhiếp thọ, hoại diệt đều không hai phần.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Khi các Đại Bồ-tát học như vậy, không vì giữ gìn sắc mà học, cũng không vì hoại diệt sắc mà học. Cho đến không vì giữ gìn tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà học, cũng không vì hoại diệt tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà học ư?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát học như vậy,

không vì giữ gìn sắc mà học, cũng không vì hoại diệt sắc mà học. Cho đến không vì giữ gìn tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà học, cũng không vì hoại diệt tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà học.

Khi đó, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Do nhân duyên gì mà các Đại Bồ-tát khi học như vậy, không vì giữ gìn sắc mà học, cũng không vì hoại diệt sắc mà học. Cho đến không vì giữ gìn tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà học, cũng không vì hoại diệt tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà học?

Thiện Hiện đáp:

–Khi các Đại Bồ-tát học như vậy, không thấy có sắc để có thể giữ gìn và có thể hoại diệt, cũng không thấy người để có thể giữ gìn sắc và hoại diệt sắc. Cho đến không thấy có tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác để có thể giữ gìn và có thể hoại diệt, cũng không thấy có người để có thể giữ gìn tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và có thể hoại diệt. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì pháp, sắc... hoặc chủ thể, hoặc đối tượng, hoặc trong, hoặc ngoài đều không, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào không thấy các pháp là có thể giữ gìn và có thể hoại diệt, cũng lại không thấy có người để có thể giữ gìn và hoại diệt mà học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì Đại Bồ-tát này mau chóng thành tựu trí Nhất thiết trí.

Khi ấy Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát khi học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, mau chóng thành tựu trí Nhất thiết trí ư?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, thì mau chóng thành tựu trí Nhất thiết trí. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát khi học như vậy, thì đối với tất cả pháp, không vì giữ gìn, không vì hoại diệt mà chỉ vì phương tiện.

Lúc đó, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát, khi học như vậy, thì đối với tất cả pháp, không vì giữ gìn, không vì hoại diệt, chỉ vì phương tiện; thì làm sao có thể thành tựu trí Nhất thiết trí?

Thiện Hiện đáp:

–Đại Bồ-tát này hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy sắc cho đến thức là sinh, là diệt, là giữ, là bỏ, là nhiễm, là tịnh, là hợp, là tan, là tăng, là giảm. Cho đến không thất tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác

là sinh, là diệt, là giữ, là bỏ, là nhiễm, là tịnh, là hợp, là tan, là tăng, là giảm. Vì sao? Vì sắc cho đến tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tự tánh đều không, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đối với tất cả pháp đều không thấy sinh, diệt cho đến tăng, giảm. Vì lấy điều không học, không thành tựu mà làm phương tiện, để tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì có thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Lúc bấy giờ Thiên đế Thích hỏi Xá-lợi Tử:

–Bạch Đại đức, các Đại Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa nên cầu ở đâu?

Xá-lợi Tử đáp:

–Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa nên cầu học ở phẩm Thiện Hiện đã nói ở trước.

Lúc ấy Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Có phải nhờ thần lực của Tôn giả làm chỗ nương tựa hộ trì, khiến cho Xá-lợi Tử nói như vậy không?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, không phải nhờ thần lực của tôi làm chỗ nương tựa, hộ trì, khiến cho Xá-lợi Tử nói như vậy đâu.

Thiên đế Thích lại hỏi:

–Vậy nhờ thần lực của ai làm chỗ nương tựa, hộ trì khiến cho Xá-lợi Tử nói như vậy?

Thiện Hiện đáp:

–Chính nhờ thần lực của Phật làm chỗ nương tựa, hộ trì khiến cho Xá-lợi Tử nói như vậy.

Thiên đế Thích nói:

–Tất cả pháp đều không chỗ nương tựa, hộ trì. Như vậy làm sao nói là nhờ thần lực của Phật làm chỗ nương tựa, hộ trì, khiến cho Xá-lợi Tử nói như vậy?

Thiện Hiện bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói! Tất cả pháp không chỗ nương tựa, hộ trì cho nên Như Lai chẳng có thể nương tựa, hộ trì, chẳng làm chỗ nương tựa, hộ trì, chỉ vì thuận theo pháp thế gian cho nên nói làm chỗ nương tựa, hộ trì.

Kiều-thi-ca, Như Lai cùng với sự không nương tựa, hộ trì, là chẳng thể nắm bắt được. Như Lai xa lìa sự không nương tựa, hộ trì, là chẳng thể

nắm bắt được. Như Lai trong chân như, không nương tựa, hộ trì là chẳng thể nắm bắt được. Trong Như Lai, chân như không nương tựa, hộ trì, là chẳng thể nắm bắt được. Như Lai trong pháp tánh, không nương tựa, hộ trì là chẳng thể nắm bắt được. Trong Như Lai, pháp tánh không nương tựa, hộ trì là chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, Như Lai cùng với sắc, chẳng thể nắm bắt được. Như Lai xa lìa sắc, chẳng thể nắm bắt được. Như Lai trong chân như sắc, chẳng thể nắm bắt được. Chân như sắc trong Như Lai, chẳng thể nắm bắt được. Như Lai trong pháp tánh sắc, chẳng thể nắm bắt được. Pháp tánh sắc trong Như Lai, chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Như Lai cùng với trí Nhất thiết tướng đều là chẳng thể nắm bắt được. Như Lai xa lìa trí Nhất thiết tướng, chẳng thể nắm bắt được. Như Lai trong chân như của trí Nhất thiết tướng, chẳng thể nắm bắt được. Chân như của trí Nhất thiết tướng trong Như Lai, chẳng thể nắm bắt được. Như Lai trong pháp tánh trí Nhất thiết tướng, chẳng thể nắm bắt được. Pháp tánh trí Nhất thiết tướng trong Như Lai, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Như Lai cùng với sắc chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với xa lìa sắc, cũng chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với chân như của sắc chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với xa lìa chân như sắc chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với pháp tánh sắc chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với xa lìa pháp tánh sắc chẳng hợp, chẳng tan. Như vậy cho đến Như Lai cùng với trí Nhất thiết tướng chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với xa lìa trí Nhất thiết tướng chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với chân như trí Nhất thiết tướng chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với xa lìa chân như trí Nhất thiết tướng chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với pháp tánh trí Nhất thiết tướng chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai cùng với xa lìa pháp tánh trí Nhất thiết tướng chẳng hợp, chẳng tan.

Kiều-thi-ca, Tôn giả Xá-lợi Tử đã nói những lời kia là đối với tất cả pháp chẳng gần, chẳng xa, chẳng hợp, chẳng tan. Nhờ thần lực của Như Lai mà làm chỗ nương tựa, hộ trì. Dùng không nương tựa, hộ trì; làm chỗ cho nương tựa, hộ trì.

Lại nữa Kiều-thi-ca, lúc trước ngài hỏi các Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật-đa nên cầu ở đâu? Kiều-thi-ca, việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát là không nên cầu trong sắc, không nên cầu rời sắc. Như vậy cho đến không nên cầu trong trí Nhất thiết tướng, không nên cầu xa lìa trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, hoặc sắc, hoặc lìa sắc cho đến trí Nhất thiết tướng, hoặc lìa trí Nhất thiết tướng, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa,

hoặc Đại Bồ-tát, hoặc cầu tất cả pháp không hợp, không tan như thế, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng gọi là không tướng. Vì sao? Vì việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát là chẳng phải sắc, chẳng phải xa lìa sắc, cho đến chẳng phải trí Nhất thiết tướng, chẳng phải xa lìa trí Nhất thiết tướng. Chẳng phải chân như sắc, chẳng phải xa lìa chân như sắc; cho đến chẳng phải chân như trí Nhất thiết tướng, chẳng phải xa lìa chân như trí Nhất thiết tướng. Chẳng phải pháp tánh sắc, chẳng phải xa lìa pháp tánh sắc, cho đến chẳng phải pháp tánh trí Nhất thiết tướng, chẳng phải xa lìa pháp tánh trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả pháp như thế đều không sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được. Do không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát là chẳng phải sắc, chẳng phải xa lìa sắc, cho đến chẳng phải trí Nhất thiết tướng, chẳng phải xa lìa trí Nhất thiết tướng. Chẳng phải chân như của sắc, chẳng phải xa lìa chân như của sắc cho đến chẳng phải chân như của trí Nhất thiết tướng, chẳng phải xa lìa chân như của trí Nhất thiết tướng. Chẳng phải pháp tánh của sắc, chẳng phải xa lìa pháp tánh của sắc; cho đến chẳng phải pháp tánh của trí Nhất thiết tướng, chẳng phải xa lìa pháp tánh của trí Nhất thiết tướng.

Khi ấy, Thiên đế Thích thưa ngài Thiện Hiện:

–Việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa, là vô lượng Ba-la-mật-đa, là vô biên Ba-la-mật-đa. Các vị Dự lưu sẽ đắc quả Dự lưu, nơi việc học này. Các vị Nhất lai sẽ đắc quả Nhất lai, nơi việc học này. Các vị Bất hoàn sẽ đắc quả Bất hoàn, nơi việc học này. Các vị A-la-hán sẽ đắc quả A-la-hán, nơi việc học này. Các vị Độc giác sẽ đắc quả Độc giác, nơi việc học này. Các Đại Bồ-tát có thể giáo hóa hữu tình và trang nghiêm cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột nơi việc học này.

Thiện Hiện liền nói:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói! Vì sao? Kiều-thi-ca, vì sắc rộng lớn, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng rộng lớn; cho đến trí Nhất thiết tướng rộng lớn, nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng rộng lớn. Vì sao? Vì giai đoạn trước, sau, giữa của sắc cho đến trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cho nên gọi là rộng lớn. Do sự rộng lớn kia, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng là rộng lớn. Kiều-thi-ca, sắc vô lượng, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô lượng; cho đến trí Nhất thiết tướng vô lượng, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của sắc cho đến Nhất thiết tướng

là chẳng thể nắm bắt được; giống như lượng của hư không cũng chẳng thể nắm bắt được. Sắc... cũng vậy cũng vô lượng sắc. Sắc... vô lượng, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô lượng. Kiều-thi-ca, sắc vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên. Cho đến trí Nhất thiết tướng vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên. Vì sao? Vì sắc cho đến trí Nhất thiết tướng, ở trong hay ngoài đều chẳng thể nắm bắt được. Giống như hư không, ở trong hay ngoài, đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc... cũng vậy, cho nên nói vô biên. Kiều-thi-ca, hư không vô biên, cho nên sắc... cũng vô biên. Sắc... vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Lại nữa Kiều-thi-ca, sở duyên vô biên cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Thiên đế Thích hỏi:

–Vì sao sở duyên vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên?

Thiện Hiện đáp:

–Sở duyên của trí Nhất thiết trí vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên. Lại nữa Kiều-thi-ca, sở duyên của pháp giới vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Thiên đế Thích hỏi:

–Vì sao sở duyên của pháp giới vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên?

Thiện Hiện đáp:

–Pháp giới vô biên cho nên sở duyên cũng vô biên. Sở duyên vô biên cho nên pháp giới cũng vô biên. Sở duyên của pháp giới vô biên cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên. Lại nữa Kiều-thi-ca, sở duyên của chân như vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Thiên đế Thích hỏi:

–Vì sao sở duyên của chân như vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên?

Thiện Hiện đáp:

–Chân như vô biên, cho nên sở duyên cũng vô biên. Sở duyên vô biên, cho nên chân như cũng vô biên. Sở duyên của chân như vô biên, cho

nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên. Lại nữa Kiều-thi-ca, hữu tình vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Thiên đế Thích hỏi:

–Vì sao hữu tình vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên?

Thiện Hiện đáp:

–Ý ngài thế nào? Nói hữu tình, vậy hữu tình ấy là chỉ cho ý niệm của pháp nào?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Đại đức, hữu tình, hữu tình ấy, chẳng phải là khái niệm của pháp, cũng chẳng phải là khái niệm của chẳng phải pháp, chỉ là giả lập, khách quan thuộc về tên gọi tạm thời, thuộc về tên gọi không thật, thuộc về tên gọi không có nhân duyên.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Vậy, theo ý ngài, trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, là hiển thị thật có hữu tình chứ?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Đại đức, không có!

Thiện Hiện dạy rằng:

–Trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này đã không hiển thị thật có hữu tình, cho nên nói vô biên, vì ở trong hay ngoài nó đều chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, ý ngài thế nào? Chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, trải qua hằng hà sa kiếp, đã thuyết các hữu tình chỉ là danh tự. Trong đấy, có hữu tình, có sinh, có diệt không?

Thiên đế Thích thưa:

–Bạch Đại đức, không! Vì sao? Vì bản tánh các hữu tình vốn thanh tịnh, từ xưa đến nay đều không sở hữu.

Thiện Hiện dạy:

–Do điều này, tôi nói hữu tình vô biên, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát cũng vô biên. Kiều-thi-ca, bởi do nhân duyên đó, cho nên việc học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát, phải nói là rất to lớn, vô lượng, vô biên.

-oOo-

Phẩm 5: Hiện Bảo tháp (1)

Bấy giờ trong hội chúng, Thiên đế Thích... và chư Thiên ở cõi Dục. Phạm thiên vương... và chư Thiên ở cõi Sắc, cùng với Thiên nữ Y-xá-na Thần tiên, đồng thời ba lần cất cao tiếng, xướng rằng:

–Lành thay, lành thay! Đại đức Thiện Hiện phụng sự thần lực của Phật, làm chỗ nương tựa và hộ trì; khéo léo vì chúng tôi, thế gian, trời, người mà phân biệt, khai thị pháp tánh vi diệu gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát nào đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế mà tu hành, không bao giờ xa lìa như lời dạy trên, thì chúng tôi sẽ cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, người đó giống như đối với Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Trong lời dạy sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, quả thật là không có pháp để có thể đắc. Nghĩa là trong ấy không có sắc để có thể đắc; không có thọ, tưởng, hành, thức để có thể đắc; như vậy cho đến không có trí Nhất thiết để có thể đắc; không có trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng để có thể đắc. Tuy không có các pháp để có thể đắc như vậy, nhưng có thể trình bày Thánh giáo ba thừa, đó là Thánh giáo của Thanh văn, Độc giác và Vô thượng thừa.

Bấy giờ, Phật bảo chư Thiên rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời các vị nói! Trong giáo pháp sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa này, tuy các pháp không sắc... có thể đắc, nhưng có thể trình bày Thánh giáo ba thừa. Vậy, nếu Đại Bồ-tát nào đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì có thể tu hành không bao giờ xa lìa đúng như lời trên. Các vị chư Thiên đều phải đến đó thành tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, giống như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Vì trong giáo pháp sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy nói rộng có Thánh giáo ba thừa, nhưng Như Lai hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Chẳng lẽ Như Lai cùng với Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi có thể đắc ư?

Chẳng lẽ Như Lai cùng với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Vô định sắc có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với tám Giải thoát, chín Định thứ đệ có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa tám Giải thoát, chín Định thứ đệ có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với năm loại mắt, sáu phép thần thông có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa năm loại mắt, sáu phép thần thông có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc ư? Chẳng lẽ Như Lai xa lìa trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, có thể đắc ư?

Chư Thiên nên biết, nếu Đại Bồ-tát nào đối với tất cả pháp, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nhiệt tâm tinh cần tu học Bố thí ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết tướng, thì Đại Bồ-tát này đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể luôn luôn tu hành, không bao giờ xả bỏ. Vì vậy, các vị phải nên đến đó thành tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen Đại Bồ-tát đó, giống như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Chư Thiên nên biết, vào thời xa xưa, khi Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Lúc đó, Ta ở ngã tư đường tại kinh đô Liên hoa vương, bỗng thấy Phật Nhiên Đăng, liền cầm năm cành hoa sen cúng dường Ngài và trải tóc lấp bùn, để cầu nghe chánh pháp cốt yếu. Ta dùng vô sở đắc làm phương tiện, liền không xa lìa Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa rộng nói cho đến trí Nhất thiết tướng và vô lượng, vô biên Phật pháp khác. Khi ấy, Phật Nhiên Đăng liền thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột cho Ta. Ngài dạy rằng: “Thiện nam tử,

ở đời vị lai, trải qua vô số kiếp, trong hiền kiếp của thế giới này, con sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng, Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm và tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa độ thoát vô lượng chúng sinh."

Lúc ấy, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế thật là hy hữu, làm cho chúng Đại Bồ-tát, mau chóng giữ gìn trí Nhất thiết trí. Vì dùng vô sở đắc làm phương tiện, cho nên đối với sắc cho đến thức không giữ, không bỏ; như vậy cho đến đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng không giữ, không bỏ.

Lúc bấy giờ Đức Phật quán sát thấy bốn chúng hòa hợp và chúng Đại Bồ-tát, cùng bốn Đại thiên vương lần lượt cho đến trời Sắc cứu cánh, đều đến tập hợp trong hội chúng, đồng thời làm minh chứng. Thế Tôn liền giao phó cho Thiên đế Thích rằng:

–Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, các Thiên tử, các Thiên nữ, thiện nam, thiện nữ... không xa lìa tâm trí Nhất thiết trí; dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thọ trì, đọc tụng, nhiệt tâm tinh cần, tu tập suy nghĩ đúng lý, còn vì người khác mà tuyên thuyết rộng thì nên biết, đối với những vị này, tất cả ác ma và quyến thuộc của chúng không thể hại được. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì các thiện nam, thiện nữ... này khéo an trụ nơi Không, Vô tướng, Vô nguyện của sắc; cho đến khéo an trụ, Không, Vô tướng, Vô nguyện của trí Nhất thiết tướng. Không thể dùng không mà hại được không vậy; không thể dùng vô tướng mà hại được vô tướng, không thể dùng vô nguyện mà hại được vô nguyện. Vì sao? Vì các pháp như vậy hoàn toàn không có tự tánh; hoặc nếu ai làm hại hoặc ai bị hại, hoặc thời gian, hoặc nơi chốn, hoặc việc não hại, đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ... này, không bị người hay phi nhân làm hại. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ... này biết dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường nên siêng năng, tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả đối với các hữu tình, cho nên tất cả người và phi nhân không thể làm não hại được.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ... này, hoàn toàn không bị các việc hiểm ác, ngang trái làm tổn thương, cũng không bị chết oan. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ... này, thường tu tập Bố thí ba-la-mật-đa, đối với các hữu tình nuôi dưỡng đúng lý vậy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, trong thế giới ba lần ngàn, nơi có bốn Đại thiên vương cho đến trời Quảng quả. Vị nào đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa chưa từng được lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, nhiệt tâm, tinh cần tu học, suy nghĩ đúng lý thì đều phải không xa lìa tâm trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện; còn đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì phải chí tâm lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, suy nghĩ đúng lý.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ nào không xa lìa tâm trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chí tâm lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu tập, suy nghĩ đúng lý thì các thiện nam, thiện nữ đó nếu ở nhà trống, ở nơi hoang dã, ở đường nguy hiểm và ở chỗ nguy nạn, sẽ không sợ hãi đến nỗi rợn tóc gáy. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này, không xa lìa tâm trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu tập pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Khi ấy, nơi có bốn Đại thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh... ở thế giới ba lần ngàn đều chắp tay, đồng bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu các thiện nam, thiện nữ nào, không xa lìa tâm trí Nhất thiết trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, luôn luôn chí tâm, lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, suy nghĩ đúng lý, viết chép giảng giải, tuyên thuyết, lưu truyền cùng khắp thì chúng con thường theo cung kính hộ trì, không để cho tất cả tai họa ngang trái não hại. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này... tức là Đại Bồ-tát. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên các hữu tình dứt hẳn các đường địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, A-tố-lạc... các đường hiểm nạn, ác thú. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên Trời, Người, Dược-xoa, Rồng... dứt hẳn tất cả tai nạn ngang trái, bệnh tật, nghèo cùng, đói khát, lạnh nóng... Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên chúng Trời, Người, A-tố-lạc... dứt hẳn những việc không như ý, ở chỗ nào cũng không có giặc giã, tất cả hữu tình đều đem lòng Từ đối với nhau. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên thế gian liền có mười nghiệp lành; hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi; hoặc Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc

Pháp vân; hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên thế gian mới có dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ, vua các nước nhỏ, Chuyển luân thánh vương và các quan thần giúp việc. Nhờ Đại Bồ-tát này cho nên thế gian mới có bốn Đại thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Sắc cứu cánh, trời Không vô biên xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên thế gian mới có Dự lưu hướng, Dự lưu quả; Nhất lai hướng, Nhất lai quả; Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả; A-la-hán hướng, A-la-hán quả; Độc giác hướng, Độc giác quả. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên thế gian mới có các Đại Bồ-tát đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật và tu tập các hạnh Bồ-tát thù thắng. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên thế gian mới có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ chúng sinh vô lượng. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên thế gian mới có ba ngôi báu là Phật, Pháp, Tăng, làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình.

Bạch Thế Tôn, do nhân duyên này, cho nên chúng con, Trời, A-tố-lạc, Rồng, Dược-xoa cùng đại thế lực của Nhân phi nhân... luôn luôn theo hộ trì, cung kính các Đại Bồ-tát này, không để cho tất cả tai họa ngang trái tổn hại. Vì các vị ấy đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ đúng lý, viết chép, các việc đó không bao giờ gián đoạn.

Bấy giờ, Phật bảo các vị trời:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời các vị nói! Nếu các thiện nam, thiện nữ nào không xa lìa tâm trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường siêng ở trong Bát-nhã ba-la-mật-đa này mà chí tâm, lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, suy nghĩ đúng lý, viết chép, giảng giải, tuyên thuyết lưu truyền cùng khắp; các vị nên biết các thiện nam, thiện nữ này tức là Đại Bồ-tát. Nhờ Đại Bồ-tát này, cho nên các hữu tình dứt hẳn đường ác cho đến đem Tam bảo xuất hiện ở thế gian cùng với các hữu tình, làm lợi ích lớn, vì vậy các vị Trời, Rồng, Thần cùng với đại thế lực của Nhân phi nhân... thường phải nên cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, siêng năng hộ trì Đại Bồ-tát này, đừng để tất cả tai họa ngang trái não hại. Nếu các vị cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, hộ trì Đại Bồ-tát như vậy; thì nên biết đó là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen,

hộ trì Ta và tất cả mười phương Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; vì thế các vị, tất cả Trời, Rồng, Dược-xoa, Thần, Tiên, A-tố-lạc... thường nên theo Đại Bồ-tát này để cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, hộ trì, đừng để tất cả tai họa ngang trái não hại vị ấy.

Các vị nên biết, giả sử Thanh văn, Độc giác, cùng khắp thế giới ba lần ngàn, ví như lúa, mè, tre, lau, lùm rừng... không có một khoảng trống nào nếu có thiện nam, thiện nữ nào đối với bậc phước điền kia mà dùng vô lượng báu đẹp thượng diệu để cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen hết một đời mình. Hoặc lại có người, chỉ trong khoảng khắc, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen cho một vị Đại Bồ-tát mới phát tâm, không xa lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa, đem công đức trên so sánh với phước đức này thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn cho đến không bằng một phần muôn ức. Vì sao? Vì không nhờ Thanh văn, Độc giác thừa mà có Đại Bồ-tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian; chỉ nhờ Đại Bồ-tát cho nên thế gian mới có Thanh văn, Độc giác và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Vì vậy tất cả các vị Trời, Rồng cùng đại thế lực của các hàng Nhân phi nhân... thường phải ủng hộ, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen Đại Bồ-tát này, đừng để tất cả tai họa ngang trái làm não hại vị ấy. Các vị, do việc làm này mà phước đức luôn luôn được an lạc ở trong trời, người, cho đến chứng đắc Niết-bàn cứu cánh, làm lợi ích lớn mãi đến tận đời vị lai.

Bấy giờ, Thiên đế Thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật là điều kỳ lạ, hiếm có. Các Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, chí tâm lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, suy nghĩ đúng lý, viết chép, giảng giải, tuyên thuyết, lưu truyền cùng khắp, giữ gìn, thể hiện sự lợi ích thù thắng của các pháp này, giáo hóa hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác đều thân cận, phụng sự chư Phật Thế Tôn. Đối với các căn lành thù thắng, thì tùy theo đó mà hân hoan, an lạc. Nhờ cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật, liền được sinh trưởng ở chỗ chư Phật, mau chóng lãnh thọ chánh pháp được thành tựu viên mãn cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, không bao giờ quên mất chánh pháp đã được nghe và giữ gìn. Vì vậy tộc tánh được viên mãn, mẫu sinh được viên mãn, quyến thuộc viên mãn, tướng hảo viên mãn, quang minh viên mãn, nhãn nhĩ viên mãn, âm thanh viên mãn, Đà-la-ni viên mãn, Tam-ma-địa viên mãn.

Lại dùng năng lực phương tiện thiện xảo nên hóa ra thân như Phật, từ thế giới không Phật này, đến thế giới không có Phật khác, khen ngợi,

thuyết giảng về Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khen ngợi thuyết giảng về pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Thuyết giảng, khen ngợi về chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Thuyết giảng, khen ngợi về cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi. Thuyết giảng, khen ngợi về Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Thuyết giảng, khen ngợi về bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Thuyết giảng, khen ngợi về bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Thuyết giảng, khen ngợi về tám Giải thoát, chín Định thứ đệ. Thuyết giảng, khen ngợi về pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Thuyết giảng, khen ngợi về bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai. Thuyết giảng, khen ngợi về bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Thuyết giảng, khen ngợi về năm loại mắt, sáu phép thần thông. Thuyết giảng, khen ngợi về mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp cộng của Phật. Thuyết giảng, khen ngợi về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Thuyết giảng, khen ngợi về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Thuyết giảng, khen ngợi về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Thuyết giảng, khen ngợi về Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.

Lại dùng năng lực phương tiện thiện xảo vì các hữu tình mà tuyên thuyết chánh pháp, tùy theo căn cơ mà giáo hóa họ, trong pháp Tam thừa, khiến họ giải thoát hẳn sinh, già, bệnh, chết; chứng nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn; hoặc lại cứu vớt các khổ ở đường ác, để họ hưởng thọ an lạc vi diệu ở trong trời, người.

Khi ấy, Thiên đế Thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thật là hy hữu. Nếu ai có thể giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy tức là giữ gìn đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết tướng; cũng là giữ gìn đầy đủ các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên đế Thích:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông đã nói! Nếu có ai có thể giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế tức là giữ gìn đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến tất cả Đại Bồ-tát hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

❑